Hình minh họa	Tìm kiếm theo hình minh họa	
Sử dụng xe an toàn	Hãy đọc hết các thông tin này (Chuyên mục chính: Ghế cho trẻ em, Hệ thống chống trộm)	1
Thông tin về trạng thái xe và các đèn chỉ báo	Đọc thông tin liên quan đến lái xe (Chuyên mục chính: Đồng hồ, màn hình đa thông tin)	2
Trước khi lái xe	Mở và đóng các cửa và cửa sổ, điều chỉnh trước khi lái xe (Chuyên mục chính: Chìa khóa, cửa, ghế, cửa sổ điện)	3
Lái xe	Hướng dẫn lái xe và những lời khuyên hữu ích khi lái xe (Chuyên mục chính: Khởi động động cơ, nạp nhiên liệu)	4
Trang bị nội thất	Sử dụng các trang bị nội thất (Chuyên mục chính: Điều hòa không khí, các ngăn đựng đồ)	5
Bảo dưỡng và chăm sóc xe	Quy trình chăm sóc và bảo dưỡng xe (Chuyên mục chính: Nội thất, ngoại thất và các bóng đèn)	6
Khi phát sinh sự cố	Phải làm gì trong trường hợp khẩn cấp hoặc xe có sự cố (Chuyên mục chính: Ắc quy hết điện, Lốp bị xịt hơi)	7
Thông số kỹ thuật	Thông số kỹ thuật, tính năng tùy chọn cá nhân (Chuyên mục chính: Nhiên liệu, dầu, áp suất lốp)	8
Mục lục	Tìm kiếm theo triệu chứng hư hỏng	
	Tìm kiếm theo thứ tự bảng chữ cái	

Thông tin dành cho người đọc.....5
Đọc cuốn Hướng dẫn sử dụng này9
Cách tìm kiếm 10
Hình minh họa 11

1 Sử dụng xe an toàn

1-1. Để lái xe an toàn
Trước khi lái xe.....22
Để lái xe an toàn 23
Đai an toàn.....25
Túi khí 29
Các lưu ý với khí xả.....37
1-2. An toàn cho trẻ nhỏ
Hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay 38
Lái xe khi có trẻ em ở trên xe 39
Hệ thống ghế cho trẻ em 40
1-3. Hệ thống chống trộm
Hệ thống mã hoá khóa động cơ 56
Hệ thống báo động 57

2 Thông tin về trạng thái xe và các đèn chỉ báo

2-1. Đồng hồ táp lô
Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo 64
Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình hỗ trợ lái xe).....69
Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình 7-inch) 71
Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình 12.3-inch) 76
Màn hình hỗ trợ lái xe 81
Màn hình đa thông tin (màn hình 7-inch) 84
Màn hình đa thông tin (màn hình 12.3-inch) 90
Màn hình trên kính chắn gió96
Thông tin tiêu hao nhiên liệu 100

3 Trước khi lái xe

3-1. Thông tin về chìa khóa
Chìa khóa 104
3-2. Mở, đóng và khóa cửa xe
Cửa xe 109
Khoang hành lý..... 115
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh..... 118
3-3. Điều chỉnh ghế
Ghế trước..... 124
Ghế sau (kiểu gập xuống được) 125
Tựa đầu 127
3-4. Điều chỉnh vô lăng và gương
Vô lăng 129
Gương chiếu hậu bên trong xe 130
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 131
3-5. Mở và đóng các cửa sổ
Cửa sổ điện 134

4 Lái xe

4-1. Trước khi lái xe
Lái xe 138
Hành lý và hàng hóa 144
Kéo mooc 145

4-2. **Hướng dẫn lái xe**

Công tắc động cơ (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) 146

Công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) 147

Hộp số vô cấp 152

Công tắc xi nhan 156

Phanh đỗ 157

Phanh đỗ điều khiển điện . 158

Chức năng giữ phanh 160

4-3. **Sử dụng đèn và cần gạt nước**

Công tắc đèn pha 163

Hệ thống chiếu xa tự động 166

Công tắc đèn sương mù 169

Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió 170

4-4. **Nạp nhiên liệu**

Mở nắp bình nhiên liệu 174

4-5. **Sử dụng các hệ thống hỗ trợ lái xe**

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota 176

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) 181

LTA (Hỗ trợ bám làn đường) 188

LDA (Cảnh báo lệch làn có liên kết với điều khiển lái) 197

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa 205

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa 215

Hệ thống điều khiển chạy tự động 225

Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù) 228

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 233

Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA) 240

Công tắc chọn chế độ lái xe 246

Các hệ thống hỗ trợ lái xe 247

4-6. **Lời khuyên khi lái xe**

Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông 252

5 Trang bị nội thất

5-1. **Sử dụng hệ thống điều hòa không khí và bộ sấy**

Hệ thống điều hoà không khí thường 256

Hệ thống điều hòa không khí tự động 261

5-2. **Sử dụng các đèn chiếu sáng bên trong xe**

Danh sách các đèn trong xe 268

5-3. **Sử dụng các ngăn đựng đồ**

Danh sách các ngăn đựng đồ 270

Đặc điểm của khoang hành lý (xe có lốp dự phòng loại gọn) 273

5-4. **Các trang bị nội thất khác**

Các trang bị nội thất khác. 274

6 Bảo dưỡng và chăm sóc xe

6-1. **Bảo dưỡng và chăm sóc xe**
Vệ sinh và bảo vệ bên ngoài xe 286
Vệ sinh và bảo vệ bên trong xe 289
6-2. **Bảo dưỡng**
Các yêu cầu bảo dưỡng.... 292
Lịch bảo dưỡng 294
6-3. **Tự bảo dưỡng**
Các lưu ý khi tự bảo dưỡng 299
Nắp capô..... 301
Vị trí kích 302
Khoang động cơ..... 303
Lốp xe 310
Áp suất lốp..... 315
Vành xe..... 317
Bộ lọc điều hòa..... 318
Pin điều khiển từ xa/chìa khóa điện tử 320
Kiểm tra và thay cầu chì ... 323
Bóng đèn..... 326

7 Khi phát sinh sự cố

7-1. **Những thông tin thiết yếu**
Đèn nháy khẩn cấp..... 332
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 332
Nếu xe bị ngập nước hoặc nước trên đường đang dâng lên 334
7-2. **Các bước xử lý khi gặp trường hợp khẩn cấp**
Nếu xe cần được kéo..... 335
Nếu có điều gì đó bất thường..... 339
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu 340
Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc chuông báo kêu..... 341
Nếu một thông điệp cảnh báo được hiển thị 353
Nếu xe bị xịt lốp..... 355
Nếu động cơ không khởi động được..... 363
Nếu bạn đánh mất chìa khóa..... 364
Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác 365
Nếu ắc quy bị hết điện 367
Nếu xe quá nhiệt 370
Nếu xe bị sa lầy..... 372

8 Thông số kỹ thuật

8-1. **Thông số kỹ thuật**
Dữ liệu bảo dưỡng (mức nhiên liệu, mức dầu…)..... 376
Thông tin về nhiên liệu 386
8-2. **Tùy chọn**
Tính năng tùy chọn cá nhân..... 387
8-3. **Khởi tạo**
Các hạng mục cần khởi tạo..... 397

Mục lục

Phải làm gì nếu… (Cách xử lý) 400
Bảng danh mục theo thứ tự bảng chữ cái..... 403

Thông tin dành cho người đọc

Sách Hướng dẫn sử dụng

Xin hãy lưu ý rằng cuốn sách Hướng Dẫn Sử Dụng này được viết cho tất cả các kiểu xe và giải thích tất cả các thiết bị, bao gồm cả những thiết bị lắp đặt theo yêu cầu. Chính vì vậy, bạn có thể nhận thấy một vài giải thích cho các thiết bị không được lắp trên xe của bạn.

Tất cả những thông số kỹ thuật được cung cấp trong cuốn hướng dẫn sử dụng này là mới nhất tại thời điểm ấn hành. Tuy nhiên, do chính sách cải tiến sản phẩm liên tục của Toyota, chúng tôi giữ quyền thay đổi vào bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước.

Tùy thuộc vào thông số kỹ thuật, xe được sử dụng trong hình minh họa có thể sẽ không giống với xe của bạn.

Phụ kiện, phụ tùng và sự sửa đổi trên xe Toyota của bạn

Hiện nay có rất nhiều phụ kiện và phụ tùng không chính hiệu dùng cho các loại xe Toyota đang được bán trên thị trường. Việc sử dụng các phụ kiện và phụ tùng thay thế không phải là sản phẩm chính hiệu Toyota có thể gây ảnh hưởng xấu đến an toàn của xe, ngay cả khi các phụ tùng này đã được các cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn. Vì vậy, Toyota không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào và không bảo đảm cho các trang bị phụ, phụ tùng không phải là sản phẩm chính hiệu của Toyota, cũng như không nhận thay thế hoặc lắp đặt các phụ tùng này.

Không nên sửa đổi xe bằng những sản phẩm không chính hiệu của Toyota. Việc sửa đổi bằng các sản phẩm đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến tính năng, độ an toàn, độ bền của xe và thậm chí có thể vi phạm các quy định của nhà nước. Thêm vào đó, những hư hỏng hay trục trặc trong quá trình hoạt động của xe do việc sửa đổi này gây ra có thể không nằm trong phạm vi bảo hành của công ty Toyota.

Đồng thời, việc sửa đổi như vậy sẽ ảnh hưởng đến các thiết bị an toàn tiên tiến như hệ thống cảm nhận an toàn Toyota và có nguy cơ những thiết bị này sẽ hoạt động không chính xác hoặc không hoạt động.

Rủi ro tấn công mạng

Việc lắp thêm các thiết bị điện tử và rađiô làm tăng rủi ro tấn công mạng qua các chi tiết được lắp đặt, điều này có thể dẫn đến bị tai nạn bất ngờ và rò rỉ thông tin cá nhân. Toyota sẽ không có bất

kỳ đảm bảo nào cho các vấn đề gây ra do việc lắp các sản phẩm không chính hiệu của Toyota.

Lắp đặt hệ thống truyền phát tín hiệu RF

Nếu lắp đặt hệ thống truyền phát tín hiệu RF trên xe, nó có thể ảnh hưởng tới các hệ thống điện tử như:

- Hệ thống phun nhiên liệu đa điểm/hệ thống phun nhiên liệu đa điểm tuần tự
- Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota (nếu có)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động (nếu có)
- Hệ thống chống bó cứng phanh
- Hệ thống túi khí
- Hệ thống căng đai khẩn cấp

Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết các lưu ý hoặc các chỉ dẫn đặc biệt liên quan tới việc lắp đặt hệ thống truyền phát tín hiệu RF.

Hãy hỏi đại lý Toyota để biết thêm chi tiết về tần số phát sóng, công suất phát sóng, vị trí của ăng ten và các thông tin khác liên quan tới hệ thống truyền phát tín hiệu RF.

Chức năng ghi dữ liệu xe

Xe được trang bị một số máy vi tính để ghi lại những thông tin về hoạt động của xe như:

- Tốc độ động cơ /Tốc độ của môtơ điện (tốc độ mô tơ kéo)
- Tình trạng ga
- Tình trạng phanh
- Tốc độ xe
- Trạng thái hoạt động của các hệ thống hỗ trợ lái xe
- Hình ảnh từ camera
  Xe được trang bị camera. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin về vị trí camera ghi.

Tùy thuộc vào kiểu xe, tùy chọn và thị trường và các trang bị trên xe mà dữ liệu được ghi lại sẽ khác nhau.

Những máy vi tính này không ghi những cuộc hội thoại hoặc âm thanh trong xe, và chỉ ghi những hình ảnh bên ngoài xe trong một số tình huống nhất định.

- Sử dụng dữ liệu

Toyota có thể sử dụng các dữ liệu được ghi trong bộ xử lý để phát hiện lỗi, tiến hành nghiên cứu và phát triển và nâng cao chất lượng.

Toyota sẽ không tiết lộ những dữ liệu được ghi với bên thứ ba ngoại trừ các trường hợp sau:

- Khi có sự đồng ý của chủ sở hữu xe hoặc người thuê xe nếu là xe thuê
- Khi có yêu cầu chính thức của công an, tòa án hay chính phủ
- Khi Toyota cần sử dụng các dữ liệu này trong trường hợp giải quyết kiện tụng
- Khi sử dụng cho các mục đích nghiên cứu với các dữ liệu không liên quan đến xe hoặc người sở

hữu xe cụ thể

- Có thể xóa thông tin hình ảnh đã ghi tại đại lý Toyota.

Chức năng ghi hình ảnh có thể vô hiệu hóa được. Tuy nhiên, nếu chức năng bị vô hiệu hóa, dữ liệu được ghi khi hệ thống đang hoạt động sẽ không khả dụng.

Chức năng ghi dữ liệu sự kiện

Xe của bạn được trang bị chức năng ghi dữ liệu sự kiện (EDR). Nhiệm vụ chính của chức năng này là ghi lại các dữ liệu trong các trường hợp xe bị va chạm hoặc gần xảy ra va chạm nhất định, chẳng hạn như khi túi khí nổ hoặc xe va phải vật thể trên đường, những dữ liệu này sẽ giúp bạn xác định tình trạng hoạt động của các hệ thống trên xe. Chức năng ghi dữ liệu sự kiện được thiết kế để ghi các dữ liệu liên quan đến động lực học của xe và hệ thống an toàn trong một khoảng thời gian ngắn, tầm 30 giây trở lại. Tuy nhiên, tùy theo mức độ và kiểu va chạm mà dữ liệu có thể sẽ không được lưu lại.

EDR trên xe này được thiết kế để ghi những dữ liệu như:

- Các hệ thống trên xe đã hoạt động như thế nào;
- Mức độ đạp ga và/hoặc đạp phanh của người lái; và,
- Tốc độ của xe trong hành trình.

Những dữ liệu này sẽ giúp xác định được tình huống khi xảy ra va chạm và chấn thương dễ dàng hơn.

CHÚ Ý: Dữ liệu EDR do xe ghi lại chỉ những tình huống xảy ra va chạm mạnh; EDR không ghi dữ liệu dưới các tình trạng lái xe bình thường và không ghi những dữ liệu riêng tư (ví dụ. Tên, Giới tính, Tuổi và vị trí va chạm). Tuy nhiên, những cơ quan khác, như cơ quan điều tra, có thể kết hợp những dữ liệu EDR với những dữ liệu nhận dạng cá nhân thu thập được trong suốt quá trình điều tra tai nạn.

Để đọc các dữ liệu đã được ghi lại nhờ chức năng EDR, bạn cần phải sử dụng các thiết bị truy cập thông tin trên xe hoặc thiết bị đọc EDR. Ngoài nhà sản xuất, các đơn vị khác như cơ quan điều tra có thể đọc được các thông tin nếu họ có thể truy cập vào hệ thống thông tin trên xe hoặc chức năng EDR bằng các thiết bị đặc biệt.

- Về việc tiết lộ các dữ liệu EDR

Chúng tôi sẽ không tiết lộ những dữ liệu đã được ghi lại bởi EDR với bên thứ ba, ngoại trừ các trường hợp sau:

- Khi có sự đồng ý của chủ sở hữu xe (hoặc người thuê xe)
- Khi có yêu cầu chính thức của công an, tòa án hay chính phủ
- Khi Toyota cần sử dụng các dữ liệu này trong trường hợp giải quyết kiện tụng

Tuy nhiên, nếu cần thiết, chúng tôi

có thể sẽ:

- Sử dụng các dữ liệu để nghiên cứu về tính năng an toàn của xe
- Tiết lộ các dữ liệu cho bên thứ ba để nhằm mục đích nghiên cứu mà không làm rò rỉ thông tin cụ thể về xe hoặc người sở hữu xe

Thải xe Toyota

Hệ thống túi khí và hệ thống căng đai khẩn cấp trên xe có chứa các hóa chất gây nổ. Nếu xe bị thải vẫn còn nguyên các túi khí và đai an toàn có bộ căng đai khẩn cấp thì có thể gây ra các sự cố như hỏa hoạn. Hãy yêu cầu một trạm dịch vụ có đủ năng lực hoặc đại lý Toyota tháo bỏ và tiêu hủy hệ thống túi khí và hệ thống đai an toàn có bộ căng đai khẩn cấp trước khi thải xe.

"Mã QR"

Cụm từ "QR Code" là thương hiệu đã đăng ký của Công ty DENSO WAVE tại Nhật Bản và các quốc gia khác.

⚠ CẢNH BÁO

n Những chú ý chung khi lái xe

Lái xe trong tình trạng không tỉnh táo: Không bao giờ lái xe trong tình trạng thiếu tỉnh táo do ảnh hưởng của rượu hoặc thuốc ngủ, do khi đó khả năng điều khiển xe của bạn sẽ bị suy giảm. Rượu và một số loại thuốc ngủ sẽ làm giảm khả năng phán đoán và giảm tốc độ phản xạ của bạn, có thể gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Lái xe một cách thận trọng: Luôn lái xe thật cẩn thận. Hãy luôn cảnh giác với những sai sót mà các lái xe khác hoặc người đi bộ có thể gây ra và hãy luôn sẵn sàng để phòng tránh các tai nạn có thể xảy ra.

Sự sao nhãng trong khi lái xe: Hãy luôn luôn tập trung tối đa vào việc lái xe. Bất kỳ việc gì có thể làm cho người lái bị sao nhãng như điều chỉnh các thiết bị, nói chuyện điện thoại hoặc đọc tin nhắn đều có thể dẫn tới tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho bản thân bạn, hành khách trên xe hoặc những người khác.

n Lưu ý chung liên quan đến an toàn cho trẻ em

Không để trẻ ở trong xe mà không có người trông coi, và không cho trẻ cầm hoặc nghịch chìa khóa xe.

Trẻ nhỏ có thể sẽ khởi động xe hoặc chuyển cần số về vị trí trung gian. Đồng thời trẻ cũng có thể sẽ bị chấn thương nếu trẻ nghịch các cửa sổ hoặc những thiết bị khác trên xe. Ngoài ra, nhiệt độ trong xe có thể lên rất cao hoặc xuống cực lạnh và trẻ sẽ gặp nguy hiểm.

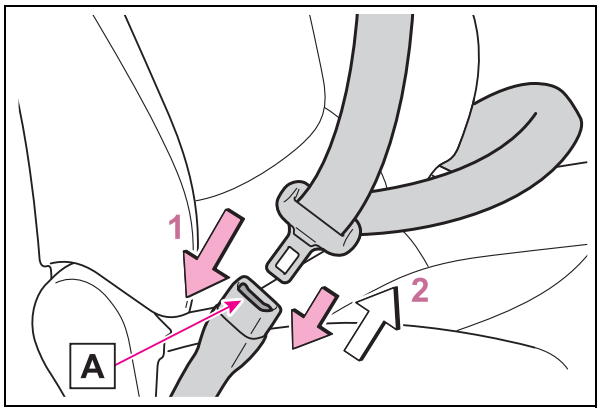
Đọc cuốn Hướng dẫn sử dụng này

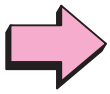
Giải thích các biểu tượng trong cuốn Hướng dẫn sử dụng.

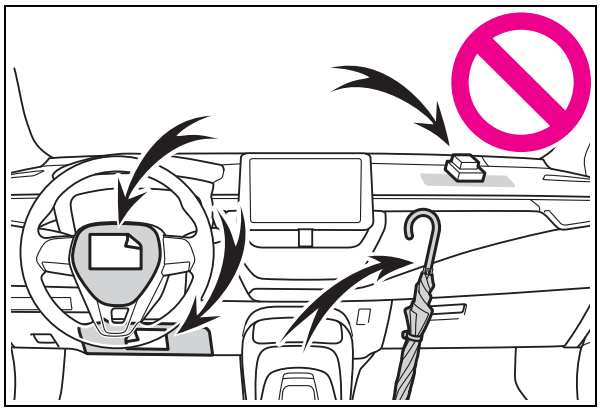
Các biểu tượng trong cuốn này

Biểu tượng	Ý nghĩa
	CẢNH BÁO: Đây là loại cảnh báo nếu không tuân thủ có thể sẽ gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.
	CHÚ Ý: Đây là loại cảnh báo nếu không tuân thủ có thể gây hư hại cho xe hoặc các thiết bị trên xe.
1 2 3...	Chỉ thao tác hoặc quy trình thực hiện. Hãy thực hiện các bước theo số thứ tự.

Các biểu tượng được sử dụng trong hình minh hoạ



Biểu tượng	Ý nghĩa
	Chỉ hành động (ấn, xoay...) để điều khiển các công tắc hoặc thiết bị khác.
	Chỉ hướng đi ra của một thao tác (Ví dụ: hướng mở ra của nắp ngăn đựng đồ).

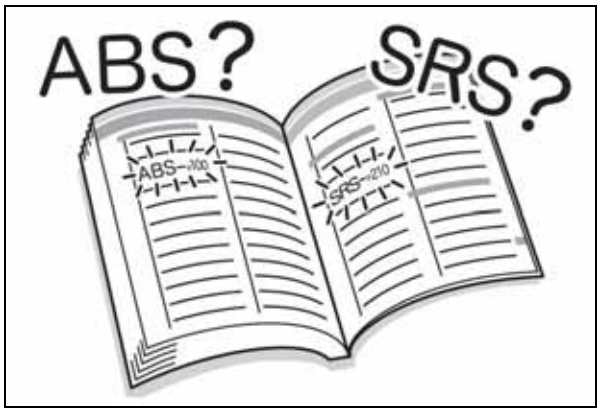


Biểu tượng	Ý nghĩa
	Chỉ thiết bị hoặc vị trí sẽ được giải thích.
	Có nghĩa là **"Không nên"**, **"Không làm điều này"**, hoặc **"Không để điều này xảy ra"**.

Cách tìm kiếm

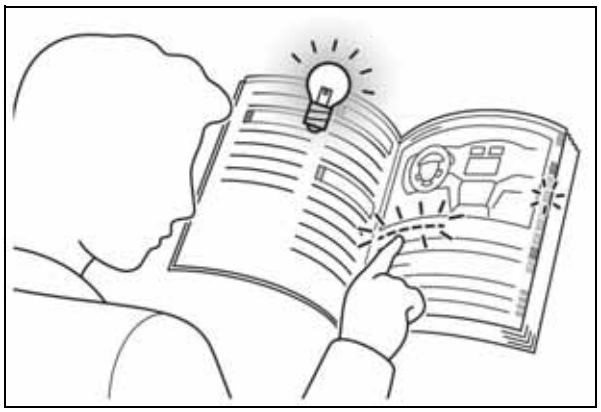
n Tìm kiếm theo tên

- Mục lục sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái: →P.403



n Tìm kiếm theo vị trí lắp

- Hình minh họa: →P.11



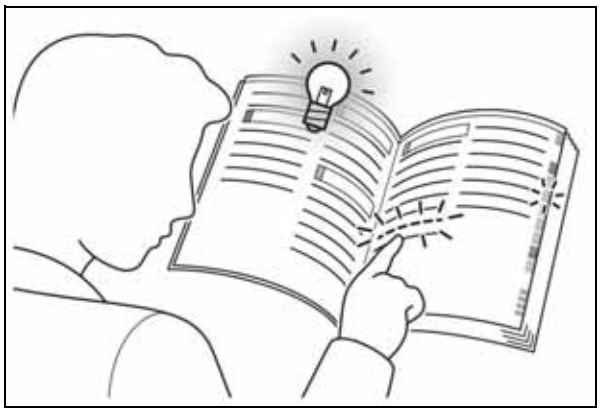
n Tìm kiếm theo triệu chứng hư hỏng hoặc âm thanh

- Phải làm gì nếu… (Cách xử lý): →P.400



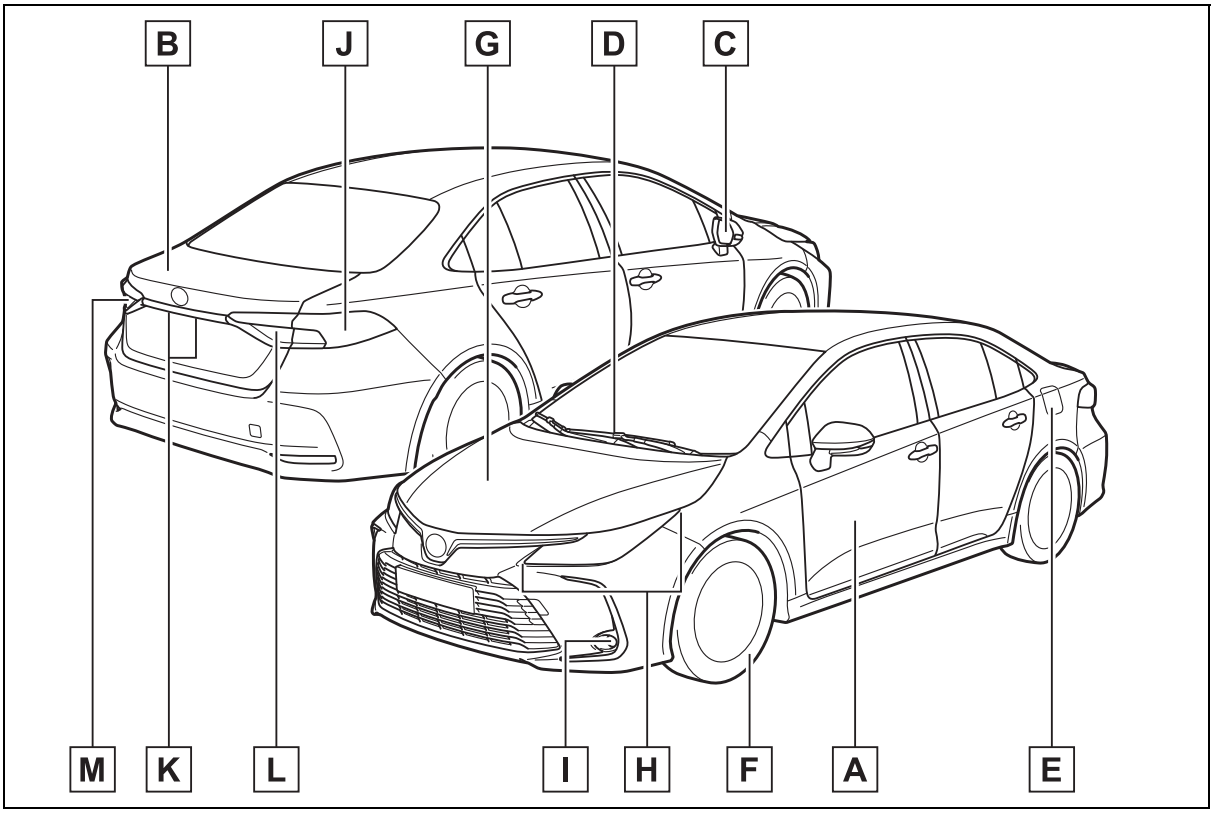
n Tìm kiếm theo tiêu đề

- Mục lục →P.2



Hình minh họa

n Bên ngoài xe



A Cửa xe P.109

Khóa/mở khóa P.109

Mở/đóng kính cửa bên P.134

Khóa/mở khóa bằng chìa khóa cơ*1 ..... P.365

Đèn cảnh báo*2/Thông điệp cảnh báo*3 ..... P.65, 113

B Khoang hành lý P.115

Mở từ bên trong xe P.116

Mở từ bên ngoài xe..... P.116

Đèn cảnh báo*2/Thông điệp cảnh báo*3 ..... P.65, 113

C Gương chiếu hậu bên ngoài xe P.131

Điều chỉnh góc nghiêng của gương..... P.132

Gập gương..... P.132

D Cần gạt nước rửa kính chắn gió P.170

Lưu ý khi lái xe trong mùa đông P.252

Lưu ý khi rửa xe P.287

E Cửa nạp nhiên liệu.....P.174

Phương pháp nạp nhiên liệu P.175
Loại nhiên liệu/dung tích bình nhiên liệu P.378

F Lốp xe P.310
Cỡ lốp/áp suất lốp P.384
Lốp cho mùa đông/xích quấn lốp P.252
Kiểm tra/đảo lốp/hệ thống cảnh báo áp suất lốp[*4] P.310
Cách xử lý khi lốp bị xịt hơi P.355

G Nắp capô P.301
Mở P.301
Dầu động cơ P.378
Xử lý cho trường hợp quá nhiệt P.370

Các bóng đèn bên ngoài để lái xe
(Phương pháp thay thế: P.326, Công suất: P.385)

H Đèn pha/đèn vị trí phía trước/đèn chiếu sáng ban ngày/ đèn xi nhan.....P.156, 163

I Đèn sương mù phía trước[*4] P.169

J Đèn phanh/đèn hậu và đèn xi nhan P.156, 163

K Đèn soi biển số P.163

L Đèn hậu P.163
Đèn lùi[*4]
Chuyển cần số đến vị trí R P.152

M Đèn hậu P.163
Đèn lùi
Chuyển cần số đến vị trí R P.152

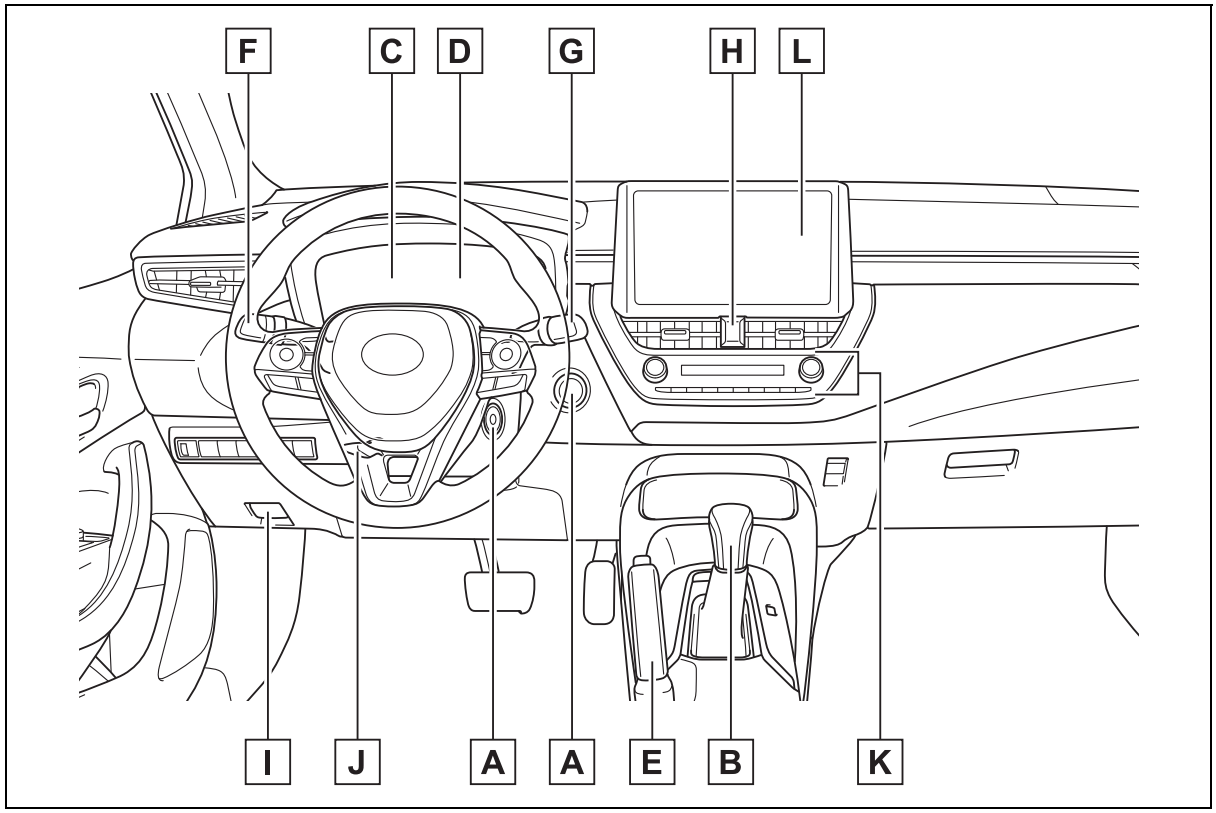
[*1]: Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

[*2]: Xe có màn hình hỗ trợ lái xe

[*3]: Xe có màn hình đa thông tin

[*4]: Nếu có

n Bảng táp lô



A Công tắc động cơ P.146, 147

Khởi động động cơ/thay đổi các vị trí*1 ..... P.146

Khởi động động cơ/thay đổi các chế độ*2 ..... P.147

Tắt động cơ trong trường hợp khẩn cấp P.332

Khi động cơ không khởi động được P.363

Các thông điệp cảnh báo*3 ..... P.353

B Cần chuyển số P.152

Thay đổi vị trí chuyển số..... P.152

Các lưu ý khi kéo xe P.335

Khi cần số không dịch chuyển được P.154

C Đồng hồ táp lô P.69, 71, 76

Đọc các giá trị trên đồng hồ táp lô/điều chỉnh độ sáng bảng táp lô..... P.69, 71, 76

Đèn cảnh báo/đèn chỉ báo P.64

Khi đèn cảnh báo sáng lên..... P.341

D Màn hình hỗ trợ lái xe*4 ..... P.81

Màn hình đa thông tin[*4] P.84, 90
Màn hình P.84, 90
Khi một thông điệp cảnh báo được hiển thị[*3] P.353
E **Phanh đỗ[*4] P.157**
Gài/nhả phanh đỗ P.157
Lưu ý khi lái xe trong mùa đông P.253
Đèn cảnh báo/thông điệp cảnh báo[*3] P.157, 341
F **Công tắc xi nhan P.156**
Công tắc đèn pha P.163
Đèn pha/đèn vị trí phía trước/đèn hậu/đèn soi biển số/đèn chiếu sáng ban ngày P.163
Đèn sương mù phía trước[*4] P.169
G **Công tắc gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió P.170**
Sử dụng P.170
Bổ sung nước rửa kính P.309
H **Công tắc đèn nháy khẩn cấp P.332**
I **Lẫy nhả khóa nắp capô P.301**
J **Lẫy nhả khóa vô lăng P.129**
K **Hệ thống điều hòa không khí P.256, 261**
Sử dụng P.256, 261
Bộ sấy kính cửa hậu P.258, 264
L **Hệ thống âm thanh[*4, 5]**

[*1]: Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

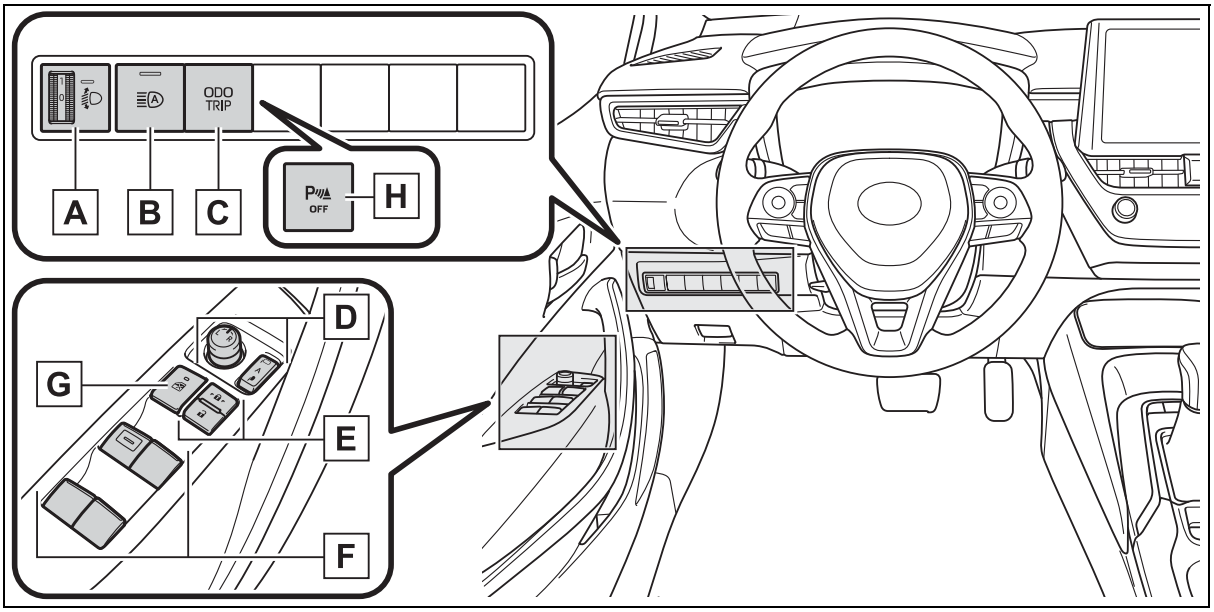
[*2]: Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

[*3]: Xe có màn hình đa thông tin

[*4]: Nếu có

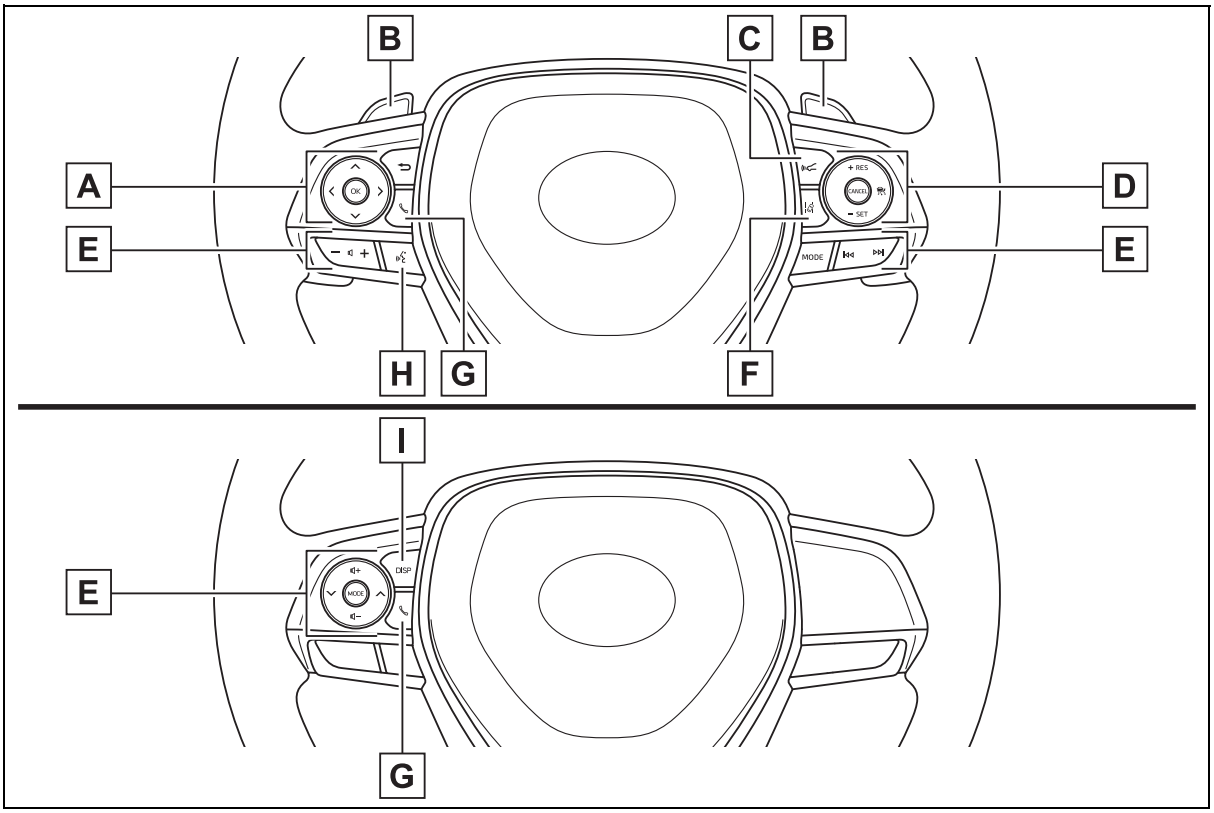
[*5]: Xe có hệ thống đa phương tiện, hãy tham khảo “Hướng dẫn sử dụng hệ thống nghe-nhìn”.

n Các công tắc



A Núm điều chỉnh cân bằng đèn pha* P.165
B Công tắc hệ thống chiếu xa tự động*.....P.166
C Công tắc ODO TRIP* P.79
D Công tắc điều khiển gương chiếu hậu bên ngoài P.131
E Các công tắc khóa cửa.....P.112
F Công tắc cửa sổ điều khiển điện.....P.134
G Công tắc khóa cửa sổ.....P.136
H Công tắc cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota*.....P.233

*: Nếu có



A Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô[*1] P.85, 90

B Công tắc chuyển số trên vô lăng[*1].....P.154

C Công tắc đặt khoảng cách với xe phía trước[*1] P.210, 220

D Công tắc điều khiển chạy tự động[*1]

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa với dải tốc độ tối đa[*1] P.205

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa[*1] P.215

Hệ thống điều khiển chạy tự động[*1]..... P.225

E Các nút điều khiển hệ thống âm thanh từ xa trên vô lăng[*1, 2] P.275

F Công tắc LTA (Hệ thống hỗ trợ bám làn đường)[*1] P.188

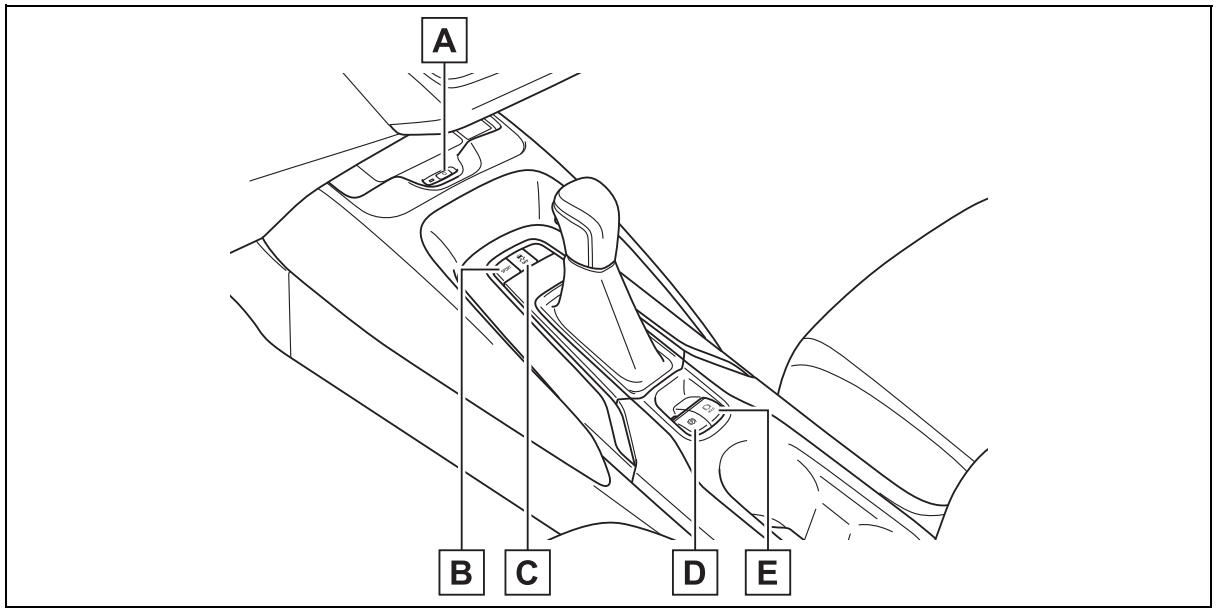
G Công tắc điện thoại[*1, 2] P.275

H Nút thoại[*1, 2] P.275

I Nút "DISP"[*1] P.82

[*1]: Nếu có

[*2]: Xe có hệ thống đa phương tiện, hãy tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống nghe-nhìn".



A **Công tắc của bộ sạc không dây*** **.....P.276**

B **Công tắc chọn chế độ thể thao*** **.....P.246**

C **Công tắc VSC OFF** **.....P.248**

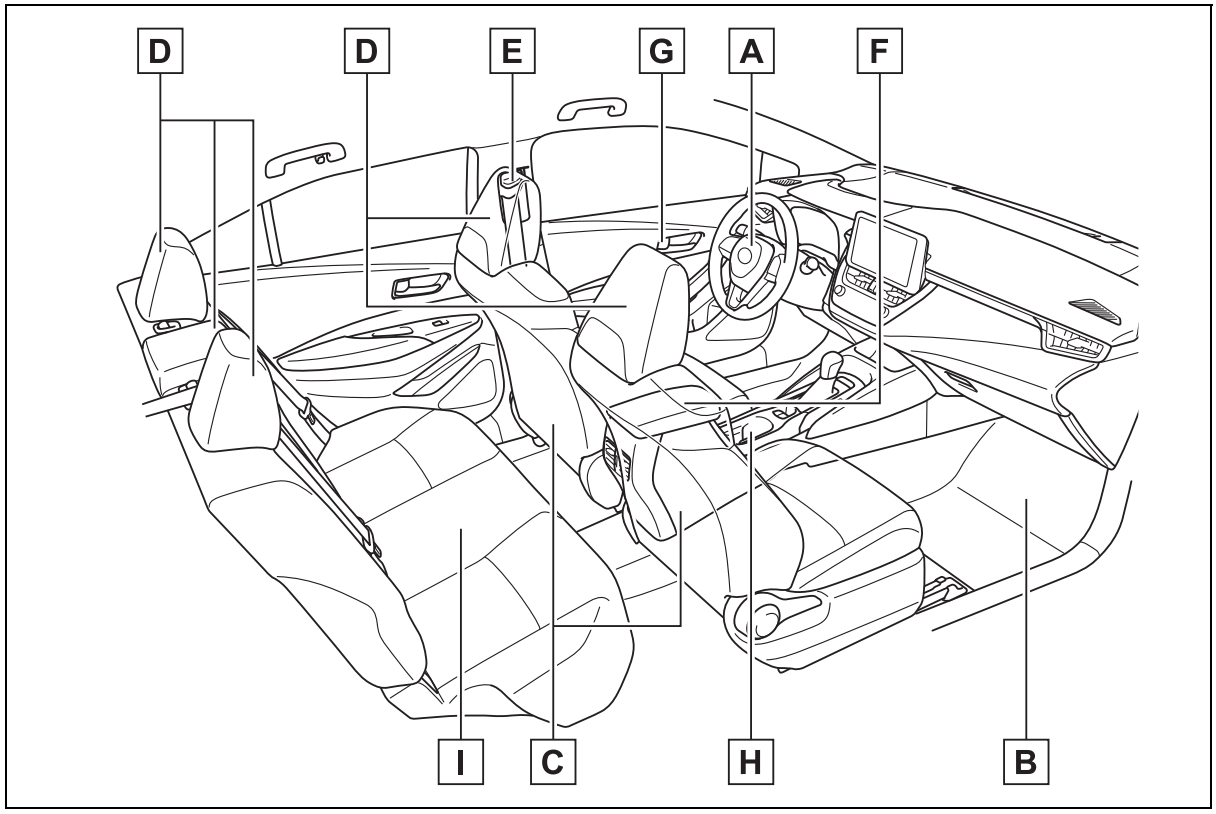
D **Công tắc phanh đỗ*** **.....P.158**

Lưu ý khi lái xe trong mùa đông P.253

E **Công tắc giữ phanh*** **.....P.160**

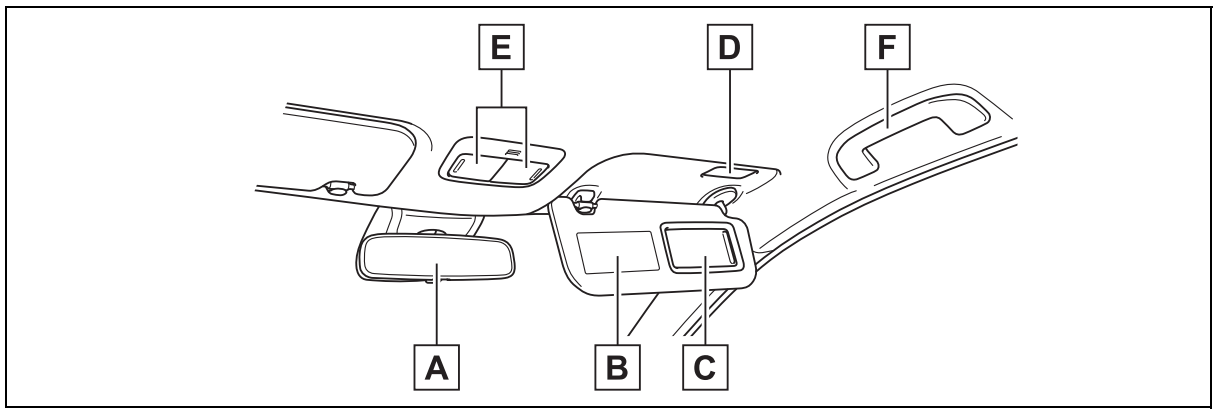
*: Nếu có

n Bên trong xe



A Túi khí P.29
B Thảm trải sàn xe P.22
C Ghế trước P.124
D Tựa đầu P.127
E Đai an toàn P.25
F Hộp dầm P.272
G Nút khóa cửa bên trong xe P.112
H Ngăn để cốc P.271
I Ghế sau P.125

n Trần xe



A Gương chiếu hậu bên trong xe P.130
B Các tấm chắn nắng*1 .....P.281
C Gương trang điểm P.281
D Đèn trang điểm*2 .....P.281
E Các đèn cá nhân phía trước P.269
F Tay nắm P.282

*1: KHÔNG BAO GIỜ đặt hệ thống ghế cho trẻ em loại quay về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ CHỦ ĐỘNG ở phía trước, nếu không có thể sẽ gây CHẤN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG hoặc TỬ VONG cho TRẺ. (→P.43)



*2: Nếu có

Sử dụng xe an toàn

1

1-1. Để lái xe an toàn

Trước khi lái xe.....22

Để lái xe an toàn.....23

Đai an toàn.....25

Túi khí 29

Các lưu ý với khí xả.....36

1-2. An toàn cho trẻ nhỏ

Hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay 38

Lái xe khi có trẻ em ở trên xe 39

Hệ thống ghế cho trẻ em ..40

1-3. Hệ thống chống trộm

Hệ thống mã hoá khóa động cơ 56

Hệ thống báo động 57

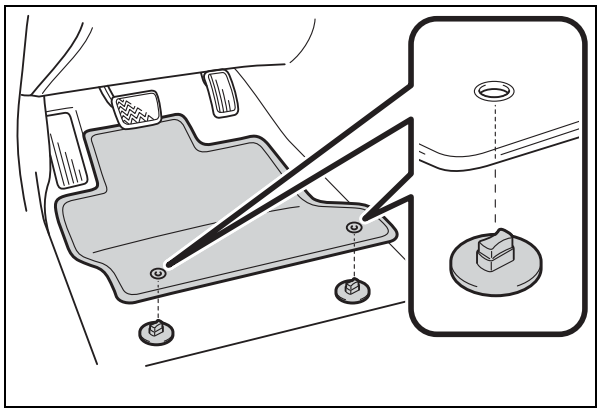
Trước khi lái xe

Tuân theo các lưu ý sau trước khi khởi hành xe để đảm bảo lái xe an toàn.

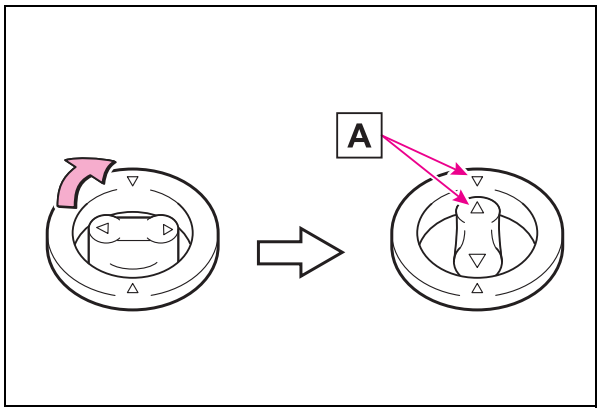
Thảm trải sàn xe

Chỉ sử dụng các thảm trải sàn xe được thiết kế riêng cho cùng kiểu xe và năm sản xuất như xe của bạn. Hãy lắp thảm trải sàn xe chắc chắn vào đúng vị trí trên tấm lót sàn xe.

1 Cắm móc hãm (kẹp hãm) vào lỗ lắp thảm trải sàn xe.



2 Hãy xoay núm phía trên của từng móc hãm (kẹp hãm) để cố định thảm trải sàn xe.



Luôn gióng thẳng các dấu △ ở A.

Hình dạng của các móc hãm (kẹp hãm) trên thực tế có thể sẽ khác với hình minh họa.

⚠ CẢNH BÁO

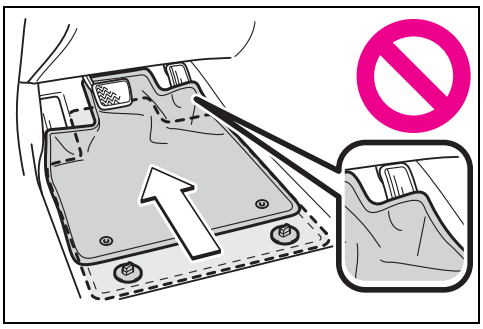
Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không có thể sẽ làm cho thảm trải sàn xe của người lái bị trượt, và vướng vào các bàn đạp trong khi lái xe. Xe có thể bị tăng tốc đột ngột hoặc khó để phanh xe lại. Tình trạng này có thể sẽ gây ra tai nạn và dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi lắp thảm trải sàn xe phía người lái**

- Không sử dụng thảm trải sàn xe được thiết kế cho các kiểu xe khác hoặc đời xe khác, kể cả khi đó là thảm trải sàn xe chính hiệu của Toyota.
- Chỉ sử dụng các thảm trải sàn xe được thiết kế cho ghế của người lái.
- Luôn cố định thảm trải sàn xe một cách chắc chắn bằng cách dùng các móc hãm (kẹp hãm).
- Không chồng hai hoặc nhiều thảm trải sàn xe lên nhau.
- Không đặt thảm trải sàn xe ngược mặt.

n **Trước khi lái xe**

l Hãy kiểm tra rằng thảm trải sàn xe đã được lắp chắc chắn vào đúng vị trí bằng các móc hãm (kẹp hãm) đi kèm. Hãy đặc biệt chú ý kiểm tra sau khi vệ sinh sàn xe.

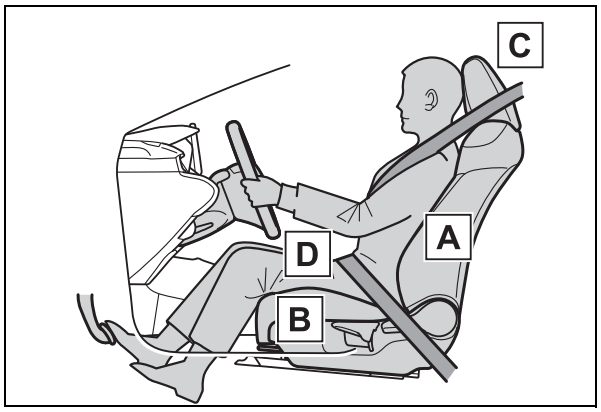


l Với động cơ đã tắt máy và cần số ở vị trí P, hãy đạp hết cỡ từng bàn đạp đến sát sàn xe để đảm bảo chúng không bị vướng vào thảm trải sàn xe.

Để lái xe an toàn

Để đảm bảo lái xe an toàn, hãy điều chỉnh gương và ghế đến vị trí phù hợp trước khi lái xe.

Tư thế lái xe đúng



A Điều chỉnh góc nghiêng lưng ghế để người lái ngồi thẳng và không ngả người về phía trước vô lăng. (→P.124)

B Hãy điều chỉnh ghế sao cho bạn có thể đạp hết cỡ các bàn đạp và khuỷu tay hơi gập xuống khi điều khiển vô lăng. (→P.124)

C Khóa tựa đầu tại vị trí mà tâm của tựa đầu gần với đỉnh tai của bạn nhất. (→P.127)

D Thắt đai an toàn đúng cách. (→P.25)

⚠ CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CẢNH BÁO

- Không điều chỉnh vị trí ghế của người lái trong khi đang lái xe.
  Nếu không sẽ có thể làm cho người lái không điều khiển được xe.
- Không đặt tấm nệm lót giữa người lái hoặc hành khách với lưng ghế.
  Tấm nệm lót sẽ có thể sẽ làm ảnh hưởng tới tư thế ngồi đúng và làm giảm hiệu quả bảo vệ của đai an toàn và tựa đầu.
- Không để bất kỳ đồ vật nào phía dưới các ghế trước.
  Những vật được đặt phía dưới các ghế trước có thể bị kẹt trên các ray trượt ghế và làm cho ghế bị kẹt. Điều này có thể dẫn tới tai nạn và cơ cấu điều chỉnh ghế cũng có thể bị hỏng.
- Luôn tuân theo giới hạn tốc độ cho phép khi lái xe trên đường.
- Khi lái xe đường dài, hãy nghỉ ngơi thường xuyên trước khi bạn cảm thấy mệt mỏi.
  Nếu bạn cảm thấy mệt và buồn ngủ trong khi lái xe, thì đừng cố lái, hãy ngay lập tức dừng xe và nghỉ ngơi một lúc.
- Hãy cẩn thận khi điều chỉnh vị trí ghế để đảm bảo không gây chấn thương cho các hành khách khác trong khi dịch chuyển ghế.
- Khi điều chỉnh ghế, không được để tay phía dưới ghế hoặc gần các bộ phận chuyển động. Do ngón tay hoặc bàn tay có thể sẽ bị kẹp bởi hệ thống cơ khí của ghế.

Sử dụng đai an toàn đúng cách

Đảm bảo rằng tất cả hành khách đã thắt đai an toàn trước khi lái xe. (→P.25)

Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp với trẻ, cho tới khi trẻ đủ lớn để sử dụng được đai an toàn một cách chính xác. (→P.40)

Điều chỉnh các gương

Hãy đảm bảo rằng bạn có thể quan sát rõ phía sau xe bằng cách điều chỉnh gương chiếu hậu bên trong và bên ngoài xe một cách chính xác. (→P.130, 131)

Đai an toàn

Đảm bảo rằng tất cả hành khách đã thắt đai an toàn đúng cách trước khi lái xe.

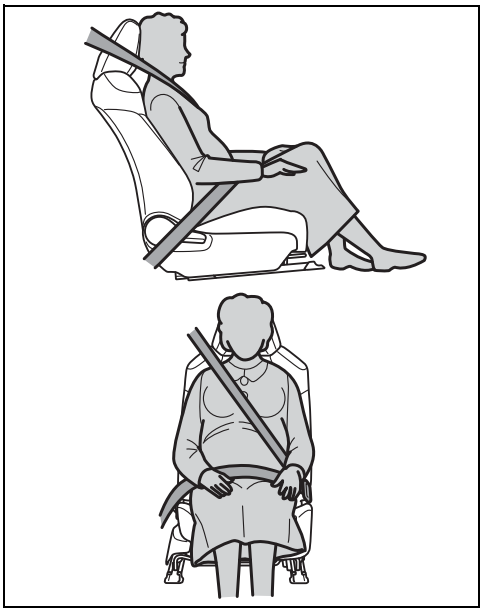
⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các lưu ý sau để giảm thiểu nguy cơ bị chấn thương trong trường hợp phanh gấp, đánh lái gấp hoặc xe bị tai nạn.
Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Thắt đai an toàn**

- Hãy đảm bảo rằng mọi hành khách đã thắt đai an toàn đúng cách.
- Luôn thắt đai an toàn đúng cách.
- Mỗi đai an toàn chỉ được dùng cho một người. Không sử dụng một đai an toàn cho nhiều người cùng lúc, kể cả với trẻ em.
- Chúng tôi khuyên bạn nên để trẻ em ngồi ở ghế sau và luôn sử dụng đai an toàn và/hoặc hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp.
- Để đảm bảo tư thế ngồi đúng, không được ngả lưng ghế quá nhiều. Đai an toàn có tác dụng bảo vệ tốt nhất khi người dùng ngồi thẳng và tựa sát lưng vào ghế.
- Không để đai vai nằm dưới cánh tay của bạn.
- Luôn luôn giữ đai căng qua hông của bạn.

n **Phụ nữ có thai**



Hãy tuân theo các chỉ định của bác sỹ và đeo đai an toàn đúng cách. (→P.26)

Cũng như những người dùng khác, phụ nữ có thai cũng nên đặt đai hông ở dưới hông càng thấp càng tốt. Hãy kéo đai vai ra hết cỡ vòng qua vai và tránh để đai tiếp xúc tỳ lên phần nhô lên của bụng.

Nếu thắt đai an toàn không đúng cách, không những phụ nữ có thai mà còn cả thai nhi đều có thể bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong trong trường hợp phanh gấp hoặc xe bị va chạm.

n **Người ốm**

Hãy tuân theo các chỉ định của bác sỹ và đeo đai an toàn đúng cách. (→P.26)

n **Khi có trẻ em ở trong xe**

→P.39

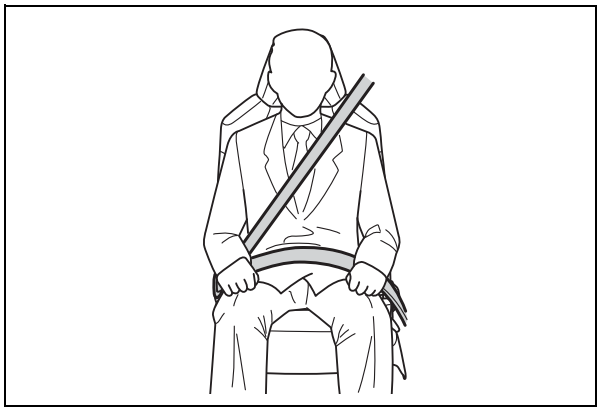
n **Đai an toàn bị hỏng và sờn**

- Không được để đai, móc khóa hay kẹp khóa bị kẹt vào cửa gây ra hỏng hóc.

⚠ CẢNH BÁO

- Hãy kiểm tra định kỳ hệ thống đai an toàn. Hãy kiểm tra xem đai có bị đứt, bị sờn, hoặc có chi tiết nào bị lỏng không. Không sử dụng đai an toàn đã bị hỏng cho tới khi nó được thay thế. Đai an toàn đã bị hỏng sẽ không thể bảo vệ người dùng khỏi chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong được.
- Hãy đảm bảo rằng đai và móc khóa đã được khóa chặt và đai không bị xoắn.
  Nếu đai an toàn hoạt động không chính xác, hãy liên hệ ngay với đại lý Toyota.
- Hãy thay cả cụm ghế, gồm cả đai an toàn nếu xe của bạn đã bị tai nạn nghiêm trọng, kể cả khi không thấy chúng bị hư hỏng gì.
- Không được cố gắng lắp đặt, thay thế, sửa đổi, tháo rời hoặc hủy các đai an toàn. Hãy yêu cầu đại lý Toyota sửa chữa nếu cần thiết. Những tác động không phù hợp có thể làm cho bộ căng đai hoạt động thiếu chính xác, dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Sử dụng đai an toàn đúng cách



- Hãy kéo đai vai ra sao cho nó vòng qua vai, nhưng không được để đai thít vào cổ hoặc tuột ra khỏi vai.
- Hãy đặt đai hông qua hông càng thấp càng tốt.
- Điều chỉnh vị trí của lưng ghế. Hãy ngồi thẳng và tựa sát vào lưng ghế.
- Không để đai an toàn bị xoắn.

n Sử dụng đai an toàn cho trẻ em

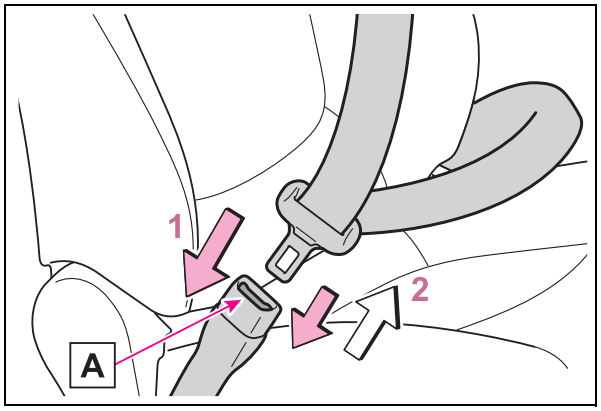
Đai an toàn trên xe của bạn chủ yếu được thiết kế để cho người lớn sử dụng.

- Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em cho phù hợp với trẻ, cho đến khi trẻ đủ lớn để sử dụng được hệ thống đai an toàn trên xe một cách chính xác. (→P.40)
- Khi trẻ đã đủ lớn để có thể sử dụng đai an toàn trên xe đúng cách, hãy tuân theo hướng dẫn sử dụng đai an toàn. (→P.25)

n Quy định về đai an toàn

Nếu như tại quốc gia mà bạn sinh sống có các quy định về đai an toàn, hãy liên hệ với đại lý Toyota để thay thế hoặc lắp đặt đai an toàn.

Thắt và tháo đai an toàn



1 Để thắt đai an toàn, hãy cắm và ấn móc khóa vào trong kẹp khóa cho tới khi nghe thấy một

tiếng tách.

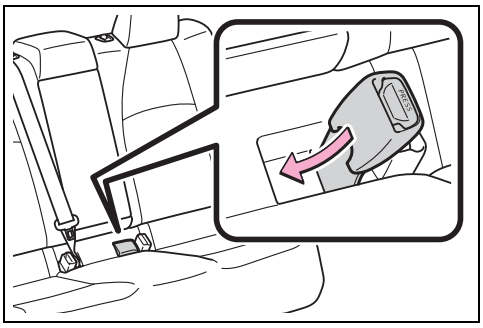
2 Để nhả đai an toàn, hãy ấn vào nút nhả khoá A.

n **Bộ cuốn khóa đai khẩn cấp (ELR)**

Bộ cuốn sẽ khóa chặt đai an toàn lại trong khi phanh gấp hoặc khi xe bị va chạm. Đai an toàn cũng có thể sẽ bị khóa khi bạn ngả người ra phía trước quá nhanh. Hãy di chuyển chậm rãi, khi đó đai có thể kéo dài ra và bạn có thể dịch chuyển ra xung quanh một cách bình thường được.

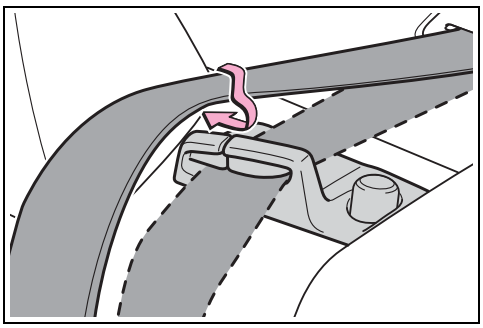
n **Sau khi sử dụng đai an toàn ở ghế giữa hàng ghế sau**

Thu gọn kẹp khóa đai an toàn vào trong túi đựng.

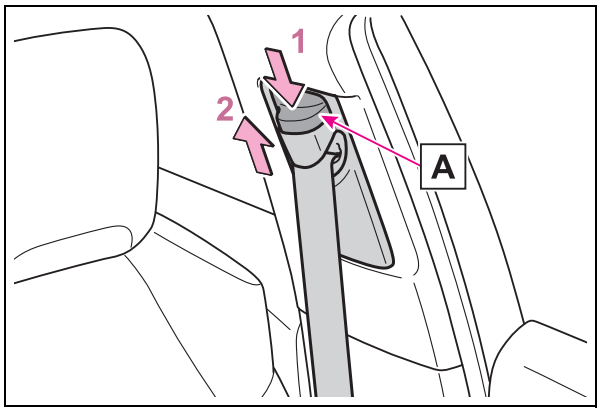


n **Đai an toàn phía sau**

Hãy sử dụng đai an toàn sau khi luồn nó qua khe dẫn hướng nếu đai bị tuột ra khỏi khe dẫn hướng.



Điều chỉnh chiều cao của móc treo đai vai (ghế trước)



1 Hãy đẩy móc treo đai vai xuống trong khi ấn vào nút nhả khóa A.

2 Đẩy móc treo đai vai lên.

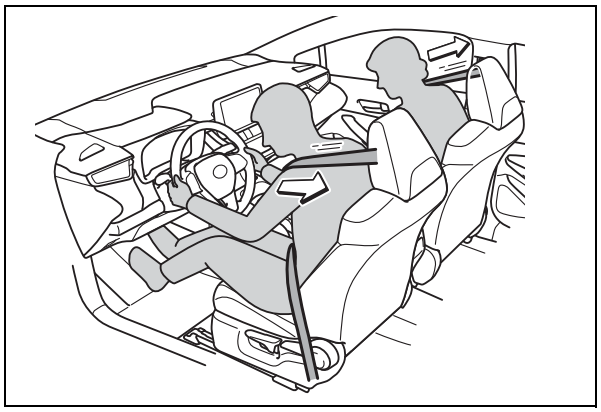
Hãy dịch bộ điều chỉnh chiều cao đai lên và xuống cho tới khi nghe thấy một tiếng tách.

⚠ CẢNH BÁO

n **Móc treo đai vai có thể điều chỉnh được**

Hãy luôn đảm bảo rằng đai vai phải được đặt chéo qua phần giữa vai bạn. Đai nên được đặt càng xa cổ càng tốt, nhưng không được nằm dưới vai bạn. Nếu không, có thể sẽ làm giảm khả năng bảo vệ khi xe bị tai nạn và gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong trong trường hợp phanh gấp, đánh lái đột ngột hoặc bị tai nạn.

Bộ căng đai khẩn cấp (trên ghế trước)



Bộ căng đai khẩn cấp sẽ giúp đai an toàn nhanh chóng giữ chặt người dùng bằng cách thu đai lại trong trường hợp xe bị một số kiểu va chạm mạnh ở phía trước hoặc phía bên.

Bộ căng đai khẩn cấp sẽ không kích hoạt trong trường hợp va chạm nhẹ từ phía trước, va chạm nhẹ từ phía bên, va chạm từ phía sau hoặc bị lật xe.

n Thay đai an toàn sau khi bộ căng đai khẩn cấp đã kích hoạt

Nếu xe bị va chạm nhiều lần, thì bộ căng đai khẩn cấp sẽ chỉ kích hoạt cho lần va chạm đầu tiên, nhưng không kích hoạt cho lần va chạm thứ hai hoặc sau đó nữa.

⚠ CẢNH BÁO

n Bộ căng đai khẩn cấp

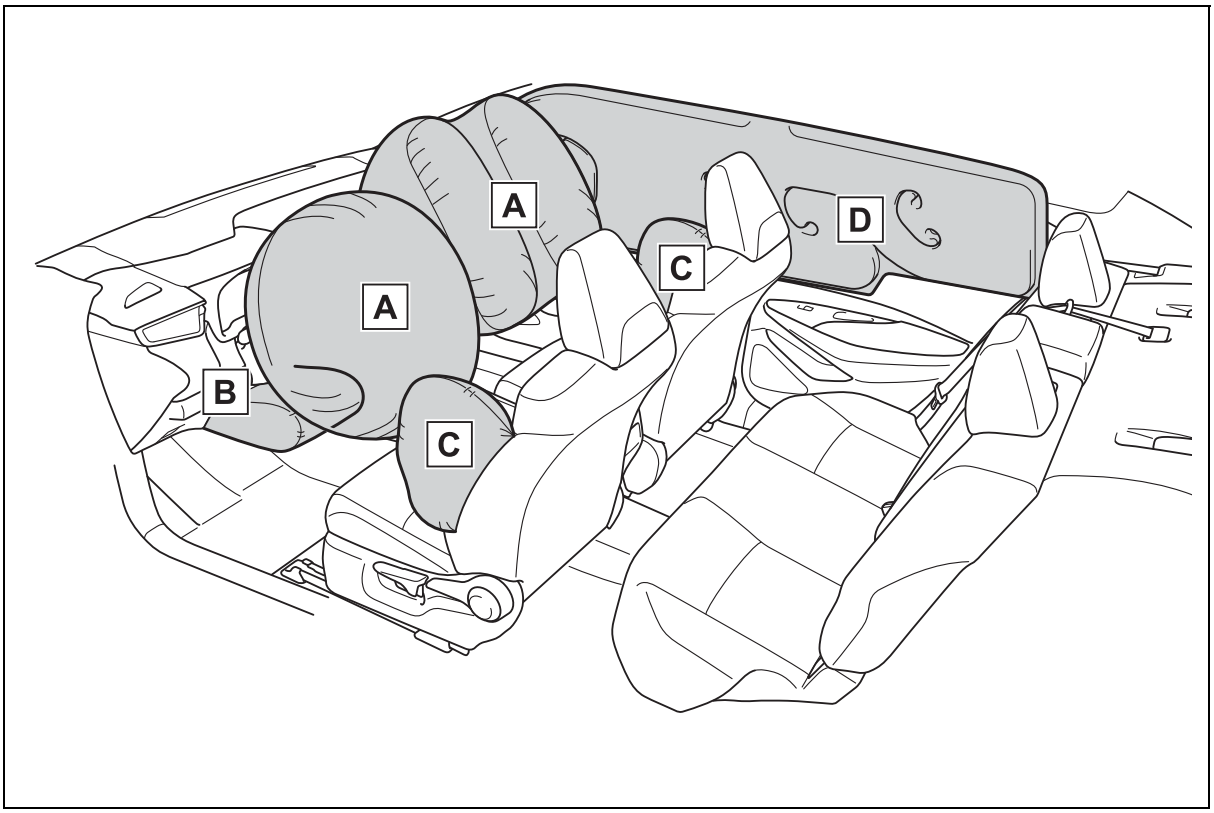
Nếu bộ căng đai khẩn cấp đã được kích hoạt, thì đèn cảnh báo túi khí sẽ sáng lên. Trong trường hợp này, đai an toàn sẽ không thể dùng lại được nữa và bạn cần phải cho thay đai tại đại lý Toyota.

Túi khí

Các túi khí sẽ nổ khi xe chịu những va chạm mạnh nhất định mà có thể sẽ gây ra chấn thương nghiêm trọng cho hành khách trong xe. Các túi khí sẽ hoạt động kết hợp cùng với hệ thống đai an toàn để giảm thiểu nguy cơ bị tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng cho người dùng.

Hệ thống túi khí

n **Vị trí của các túi khí**



▶ Túi khí phía trước

A Túi khí hành khách phía trước/túi khí người lái

Giúp bảo vệ phần đầu và phần ngực của người lái và hành khách phía trước không va chạm với các trang thiết bị nội thất của xe

B Túi khí bảo vệ đầu gối

Giúp bảo vệ cho người lái

▶ Túi khí bên và túi khí rèm

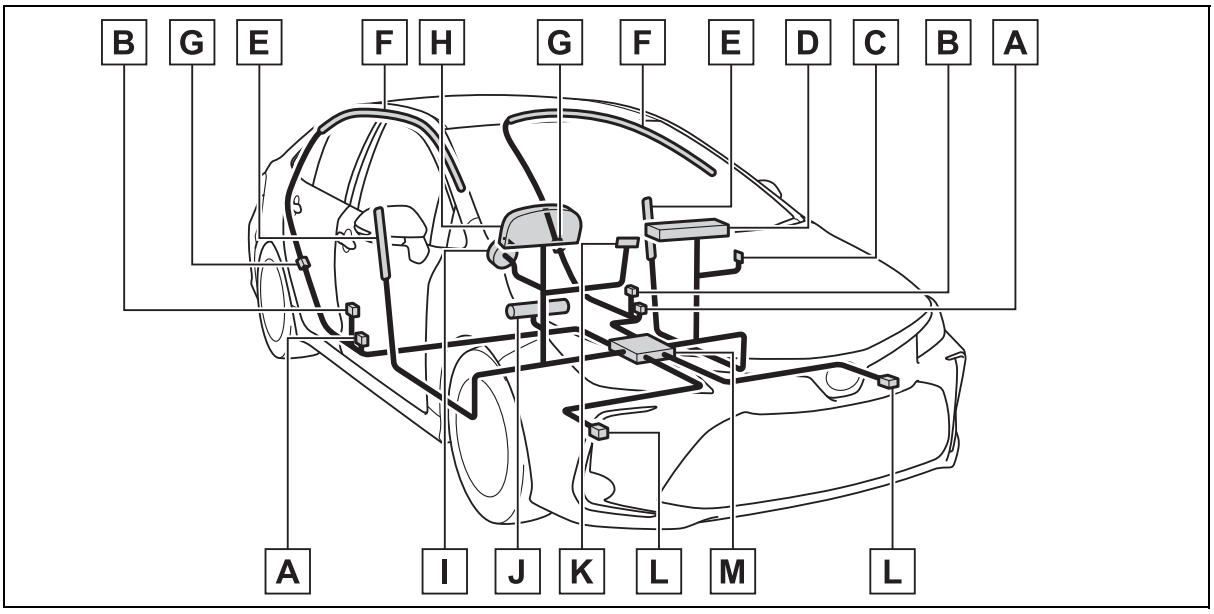
C Túi khí bên phía trước

Giúp bảo vệ phần thân của hành khách phía trước

D Túi khí rèm

Giúp bảo vệ chính cho phần đầu của các hành khách ngồi ở các ghế phía ngoài

n Các chi tiết của hệ thống túi khí



A Bộ căng đai khẩn cấp và bộ giới hạn căng đai

B Cảm biến va chạm bên (phía trước)

C Công tắc bật-tắt túi khí bằng tay (nếu có)

D Túi khí hành khách phía trước

E Túi khí bên

F Túi khí rèm

G Cảm biến va chạm bên (phía sau)

H Đèn cảnh báo túi khí

I Túi khí cho người lái

J Túi khí bảo vệ đầu gối người lái

K Đèn chỉ báo "AIR BAG ON" và "AIR BAG OFF" (nếu có)

L Cảm biến va chạm phía trước

M Cụm cảm biến túi khí

Các chi tiết chính của hệ thống túi khí đã được giới thiệu ở trên. Hệ thống túi khí được điều khiển bởi cụm cảm biến túi khí. Khi túi khí nổ, một phản ứng hóa học sẽ nhanh chóng bơm căng túi khí bằng khí không độc để hạn chế chuyển động lao về phía trước của hành khách.

n Nếu túi khí nổ

l Người ngồi trên xe có thể sẽ bị thâm tím, trầy xước, bị bỏng... do va chạm với các túi khí khi túi khí nổ ở tốc độ cao bởi khí nóng.

l Khi túi khí nổ sẽ phát ra một tiếng động lớn và có khói trắng thoát ra.

l Một số chi tiết của cụm túi khí (mặt vô lăng, nắp túi khí và bộ làm phồng túi khí) cũng như các ghế trước, phần trụ trước và trụ sau của xe, tấm ốp dọc hai bên trần xe có thể sẽ bị nóng trong vài phút. Lúc này bản thân các túi khí cũng sẽ rất nóng.

l Kính chắn gió có thể sẽ bị nứt.

l Trên một số kiểu xe: Tất cả các cửa sẽ được mở khóa. (→P.110)

l Trên một số kiểu xe: Các phanh và đèn phanh sẽ được điều khiển một cách tự động. (→P.247)

l Các đèn trần sẽ bật tự động. (→P.269)

l Các đèn nháy khẩn cấp sẽ được bật tự động. (→P.332)

l Việc cấp nhiên liệu cho động cơ sẽ bị dừng lại. (→P.340)

n Các điều kiện kích hoạt hệ thống túi khí (túi khí phía trước)

l Hệ thống túi khí phía trước sẽ nổ khi xe bị va chạm mạnh vượt quá ngưỡng thiết kế (tương đương với lực va chạm khi xe đâm thẳng vào một bức tường cố định không di chuyển hoặc biến dạng khi đang lái xe với tốc độ từ 20 đến 30 km/h).

Tuy nhiên, ngưỡng giới hạn này sẽ phải lớn hơn nhiều trong các trường hợp sau:

- Khi xe đâm phải một vật có thể xê dịch hoặc bị biến dạng khi va chạm, như một xe đang đỗ hoặc biển báo...
- Khi xe bị va chạm ở gầm, như đầu xe chui vào gầm xe tải

l Tùy vào kiểu va chạm, mà có thể chỉ có bộ căng đai khẩn cấp được kích hoạt.

n Các điều kiện kích hoạt túi khí (túi khí bên và túi khí rèm)

l Các túi khí bên và túi khí rèm sẽ được kích hoạt trong trường hợp xe bị va đập mạnh quá ngưỡng thiết kế (cường độ lực tương ứng với lực va đập được tạo ra bởi một xe khác nặng 1,500 kg đang chạy đâm vào cabin xe bạn theo hướng vuông góc với xe ở tốc độ khoảng 20 - 30 km/h).

l Cả hai túi khí rèm cũng có thể bị kích nổ trong những trường hợp va chạm mạnh từ phía trước.

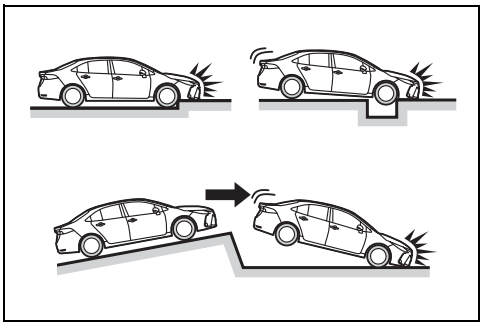
n Các trường hợp có thể làm kích hoạt túi khí ngoài trường hợp xe bị va chạm

Túi khí phía trước, các túi khí bên và túi khí rèm có thể sẽ được kích hoạt nếu có va chạm mạnh xảy ra dưới gầm xe của bạn. Một số ví dụ như trên hình minh hoạ.

l Đâm phải gờ, lề đường hay bề mặt cứng

l Rơi xuống hoặc lao qua một hố sâu

l Va mạnh hoặc rơi xuống đất

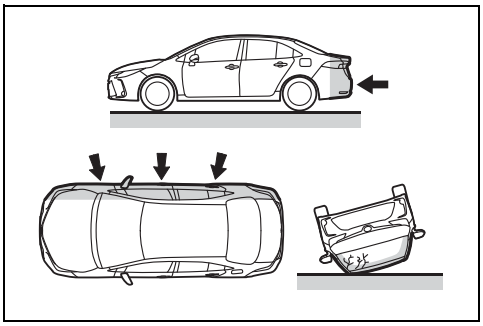


n Những kiểu va chạm không làm kích hoạt hệ thống túi khí (các túi khí phía trước)

Thông thường, các túi khí phía trước sẽ không được kích hoạt nếu như xe bị va chạm từ phía bên hoặc từ phía sau xe, nếu xe bị lật hoặc nếu xe bị đâm từ phía trước với tốc độ thấp. Tuy nhiên, bất kỳ va chạm nào mà gây ra sự giảm tốc về phía trước của xe đạt ngưỡng thiết kế, thì các túi khí trước

sẽ có thể sẽ được kích hoạt.

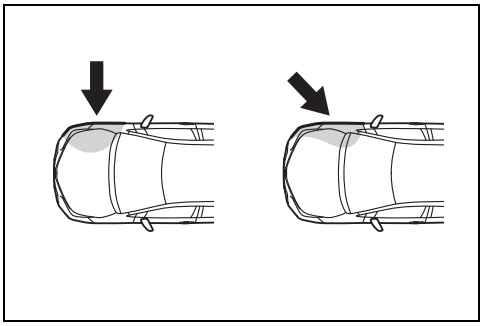
- Va chạm từ phía bên
- Va chạm từ phía sau
- Lật xe



n Những kiểu va chạm không làm kích hoạt hệ thống túi khí (túi khí bên và túi khí rèm)

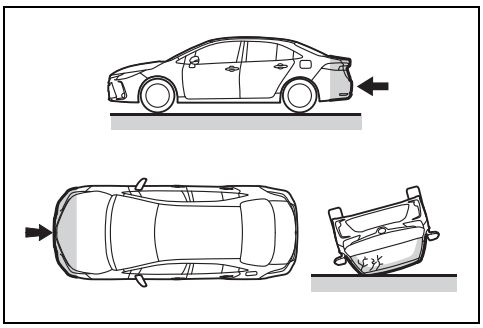
Hệ thống túi khí bên và túi khí rèm có thể sẽ không được kích hoạt nếu như xe bị va chạm từ phía bên ở một góc nghiêng hoặc bị va chạm từ phía bên với vị trí va chạm nằm ngoài khoang hành khách.

- Xe bị va chạm từ phía bên vào thân xe tại vị trí nằm ngoài khoang hành khách
- Xe bị va chạm từ phía bên với một góc nghiêng



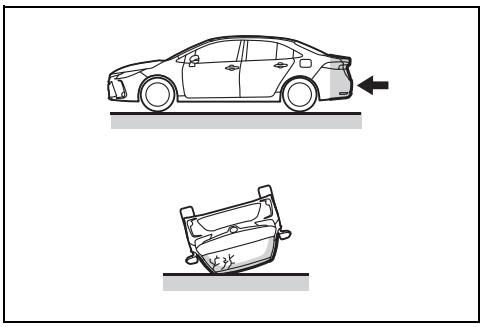
Thông thường các túi khí bên sẽ không được kích hoạt trong trường hợp xe bị va chạm từ phía trước hoặc phía sau, hoặc lật xe hay bị va chạm từ phía bên ở tốc độ thấp.

- Va chạm từ phía trước
- Va chạm từ phía sau
- Lật xe



Thông thường các túi khí rèm sẽ không nổ nếu xe bị va chạm từ phía sau, hoặc nếu lật xe, hoặc nếu va chạm từ phía bên hoặc phía trước với tốc độ thấp.

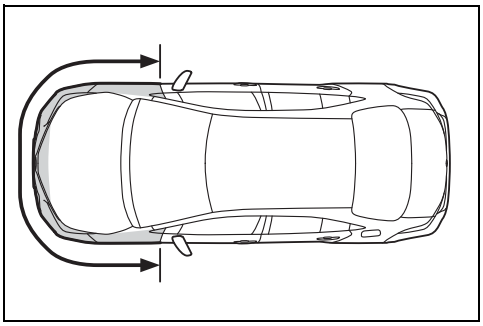
- Va chạm từ phía sau
- Lật xe



n Những trường hợp cần liên hệ với đại lý Toyota

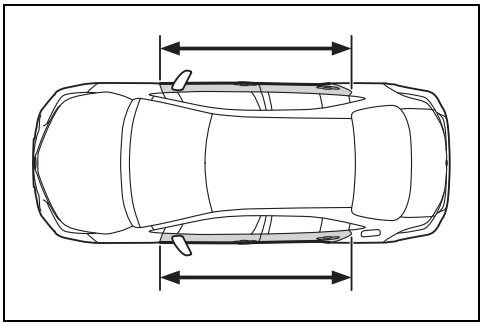
Trong các trường hợp sau, xe bạn sẽ cần phải được kiểm tra và/hoặc sửa chữa. Hãy liên hệ với đại lý Toyota càng sớm càng tốt.

- Khi một túi khí bất kỳ đã bị nổ.
- Khi phần phía trước của xe đã bị hỏng hay bị biến dạng hoặc xe đã gặp tai nạn nhưng không đủ mạnh để kích hoạt hệ thống túi khí phía trước.

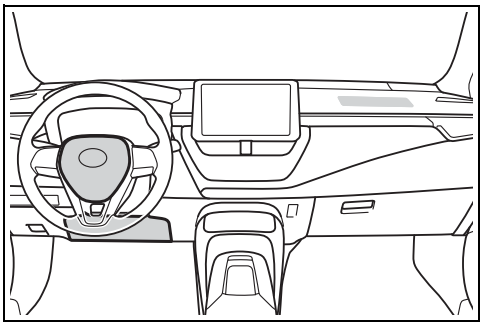


- Một phần cửa xe hoặc khu vực xung quanh cửa bị hỏng hoặc biến dạng, hoặc cửa xe bị thủng lỗ hoặc xe đã

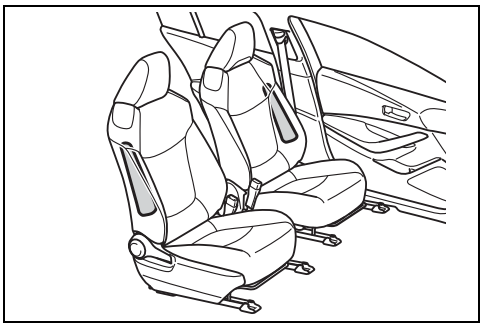
bị tai nạn nhưng không đủ mạnh để kích hoạt túi khí bên và túi khí rèm.



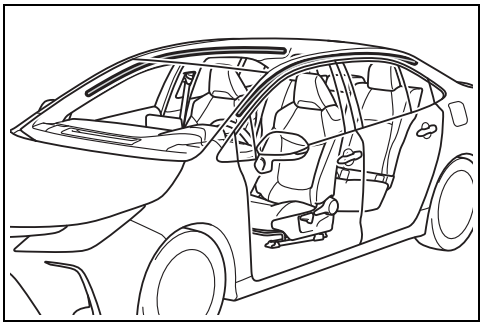
- Khi phần mặt của vô lăng, mặt táp lô gần túi khí hành khách phía trước hoặc phần phía dưới của bảng táp lô đã bị nứt, xước hoặc bị những hư hỏng khác.



- Bề mặt các ghế ở chỗ có túi khí bên bị nứt, xước hoặc bị các hư hỏng khác.



- Phần trụ xe phía trước, trụ xe phía sau hoặc tấm ốp trong dọc trần xe có chứa túi khí rèm (phần in đậm) bị xước, nứt hoặc các hư hỏng khác.



⚠ CẢNH BÁO

n Các lưu ý với túi khí

Hãy tuân theo các lưu ý sau liên quan đến các túi khí.
Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Người lái và tất cả hành khách trong xe phải thắt đai an toàn chính xác.
  Các túi khí là các thiết bị bổ sung được sử dụng cùng với hệ thống đai an toàn.

- Túi khí cho người lái sẽ bung ra với một lực rất mạnh, và có thể gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng, đặc biệt là khi người lái ngồi quá gần túi khí.

Vì vùng nguy hiểm của túi khí người lái là trong phạm vi từ 50 đến 75 mm đầu tiên, hãy ngồi cách xa túi khí người lái một khoảng 250 mm để đảm bảo khoảng cách an toàn. Khoảng cách này được đo từ tâm của vô lăng tới xương ngực của bạn. Nếu như bạn ngồi cách túi khí chưa tới 250 mm thì bạn có thể thay đổi vị trí lái bằng nhiều cách như:

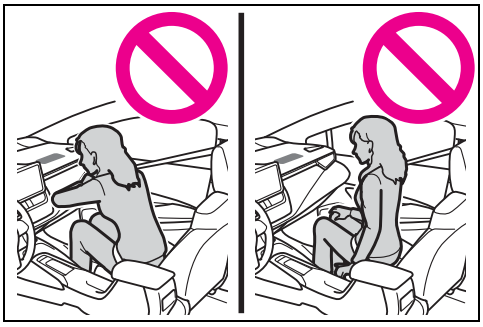
- Dịch lùi ghế về phía sau càng xa càng tốt nhưng vẫn phải đảm bảo khả năng điều khiển các bàn đạp một cách thoải mái.

  Hơi ngả lưng ghế về phía sau.
  Mặc dù có nhiều cách để điều chỉnh nhưng nhiều người lái có thể giữ được khoảng cách 250 mm trên, kể cả khi ghế của người lái được để ở vị trí gần nhất, đơn giản chỉ bằng cách ngả lưng ghế về phía sau. Nếu như việc nghiêng lưng ghế làm cho bạn khó quan sát đường, hãy nâng người bạn lên bằng cách dùng một cái đệm chắc không trượt để kê, hoặc nâng ghế lái lên nếu như xe bạn có tính năng này.

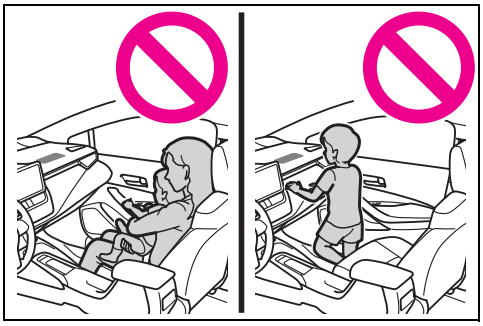
• Nếu có thể điều chỉnh được vô lăng, hãy hạ thấp nó xuống. Việc này sẽ hướng túi khí vào ngực thay vì hướng vào đầu và cổ của bạn.

Bạn nên điều chỉnh ghế lái theo hướng dẫn ở trên, đồng thời vẫn phải đảm bảo kiểm soát tốt các bàn đạp, vô lăng và khả năng quan sát bảng táp lô.

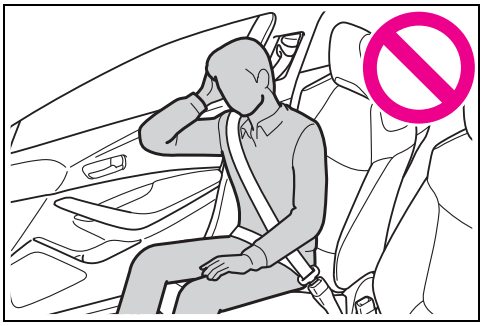
- Túi khí hành khách phía trước cũng sẽ bung ra với lực rất mạnh và có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng nếu như hành khách phía trước ngồi quá gần túi khí. Hành khách ngồi trên ghế trước nên dịch ghế cách túi khí càng nhiều càng tốt và dựng thẳng lưng ghế.
- Người ngồi không đúng cách và/hoặc trẻ sơ sinh và trẻ em được hạn chế va đập không đúng cách có thể bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong nếu túi khí nổ. Với trẻ sơ sinh hoặc trẻ quá nhỏ không thể sử dụng được đai an toàn, bạn nên sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp để giữ trẻ. Chúng tôi thành thực khuyên bạn nên để trẻ em và trẻ sơ sinh ở hàng ghế sau và sử dụng các biện pháp hạn chế va đập phù hợp cho trẻ. Hàng ghế sau an toàn hơn dành cho trẻ em và trẻ sơ sinh so với ghế hành khách phía trước. (→P.40)
- Không ngồi lên mép ghế hoặc ngả người vào mặt táp lô.



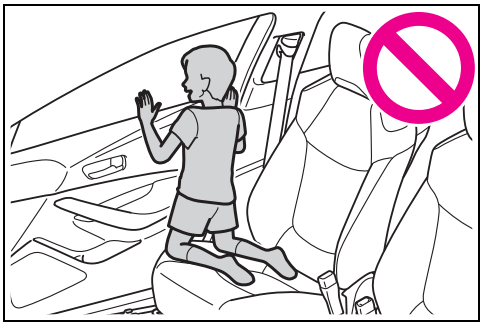
- Không để trẻ đứng ở phía trước túi khí hành khách phía trước hoặc ngồi trong lòng của hành khách phía trước.



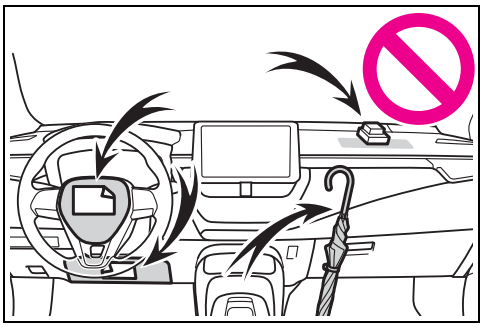
- Không để hành khách ngồi trên ghế trước ôm đồ vật trong lòng.
- Không nghiêng người về phía cửa xe, phía tấm ốp dọc mép bên trần xe hoặc trụ trước, trụ bên và trụ sau.



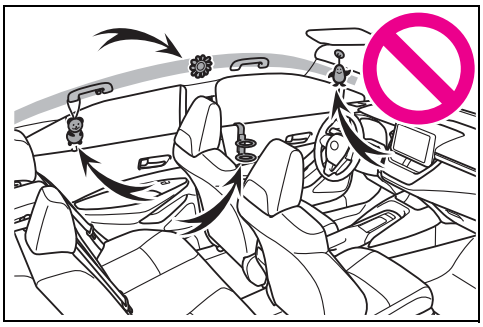
- Không được để người nào quỳ gối lên ghế hành khách và hướng người về phía cửa hoặc thò đầu hoặc tay ra khỏi xe.



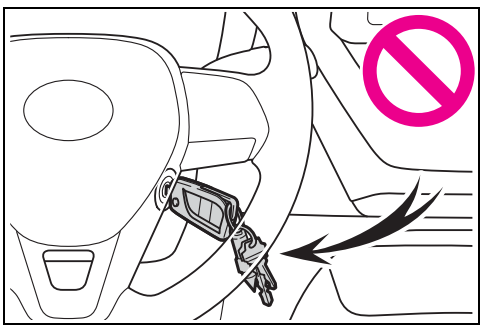
- Không được gắn hoặc đặt bất kỳ vật gì lên các khu vực như mặt táp lô, mặt vô lăng và phần phía dưới của bảng táp lô. Những đồ vật đó có thể sẽ bị bắn văng ra khi túi khí người lái, túi khí hành khách phía trước và túi khí bảo vệ đầu gối kích hoạt.



- Không được gắn bất kỳ vật gì lên các khu vực như cửa xe, kính chắn gió, kính cửa bên, trụ trước hoặc sau, tấm ốp bên trần xe và tay nắm.



- Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Không gắn các vật nặng, sắc nhọn hoặc vật cứng như chìa khóa hoặc phụ kiện vào chìa khóa xe. Những vật này có thể sẽ làm cản trở tới quá trình bung ra của túi khí bảo vệ đầu gối hoặc chúng sẽ bị bắn văng vào vị trí ghế lái do lực nổ của túi khí và gây ra nguy hiểm.



- Không treo móc treo áo hoặc những vật cứng khác lên móc áo. Những vật thể có thể sẽ bị bắn văng ra, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong, khi túi khí rèm kích hoạt.
- Nếu như tấm che bằng nhựa dẻo được đặt tại vị trí mà túi khí bảo vệ đầu gối có thể chạm tới khi nó kích hoạt, thì hãy bỏ tấm che đó ra.
- Không được sử dụng các phụ kiện dùng cho ghế mà những phụ kiện đó có thể sẽ vướng vào túi khí bên khi nó bung ra. Những phụ kiện đó có thể sẽ làm cho hệ thống túi khí bên kích hoạt không chính xác, làm vô hiệu hoá hệ thống hoặc làm cho các túi khí bên kích hoạt bất ngờ, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.
- Không gõ, đập hoặc tác động lực quá mạnh vào các vị trí có lắp túi khí hoặc các cửa trước.
  Nếu không có thể sẽ làm cho các túi khí bị lỗi.
- Không chạm vào các chi tiết của túi khí ngay sau khi túi khí được kích hoạt bởi vì chúng có thể sẽ rất nóng.
- Nếu như bạn cảm thấy khó thở ngay sau khi túi khí nổ, hãy mở cửa hoặc cửa sổ để cho không khí từ bên ngoài có thể vào xe hoặc rời khỏi xe nếu như điều đó là an toàn. Hãy rửa sạch những chất bám trên da để đề phòng bị dị ứng da.
- Nếu bất kỳ khu vực nào có chứa các túi khí, như mặt vô lăng hoặc tấm ốp trụ trước và trụ sau xe có các vết nứt hoặc bị hư hỏng, hãy yêu cầu đại lý Toyota thay thế chúng.

n **Thay đổi và hủy các chi tiết của hệ thống túi khí**

Hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota trước khi tiêu hủy xe hoặc tiến hành các hoạt động sửa đổi xe như sau. Nếu không hệ thống túi khí có thể sẽ bị trục trặc hoặc làm nổ túi khí, dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Khi lắp đặt, tháo, tháo rời và sửa chữa hệ thống túi khí
- Sửa chữa, thay đổi, tháo rời hoặc thay thế vô lăng, mặt táp lô, bảng táp lô, các ghế ngồi hoặc bọc ghế, trụ trước, trụ sau và trụ bên hoặc mép bên trần xe, các tấm cửa trước, ốp cửa trước hoặc loa trên cửa trước
- Sửa đổi tấm cửa trước (ví dụ như khoan lỗ lên nó)
- Khi sửa chữa hoặc sửa đổi tai xe trước, cản trước hoặc phía bên của khoang hành khách
- Khi lắp thêm các thiết bị bảo vệ xe (thanh chắn và thanh bảo vệ...), bộ gạt tuyết hoặc tời kéo
- Khi sửa đổi hệ thống treo của xe
- Khi lắp các thiết bị điện tử như các đài phát hai chiều di động (bộ truyền phát tín hiệu RF) hoặc đầu đĩa CD

Các lưu ý với khí xả

Trong khí xả có các chất độc hại có thể ảnh hưởng đến sức khỏe khi hít phải.

⚠ CẢNH BÁO

Khí xả của xe có thành phần khí cácbon môônxít (CO) độc hại không màu và không mùi. Hãy chú ý tuân thủ theo các quy định sau.
Nếu không có thể làm cho khí xả xâm nhập vào xe, dẫn đến tai nạn do bị mất tỉnh táo, dẫn tới tử vong hoặc gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe.

n **Các điểm cần lưu ý khi lái xe**

- Luôn luôn đóng nắp khoang hành lý.
- Nếu có mùi khí xả trong xe kể cả khi nắp khoang hành lý đã đóng, hãy mở các cửa sổ và kiểm tra xe tại Đại lý Toyota càng sớm càng tốt.

n **Khi đỗ xe**

- Nếu đỗ xe ở khu vực thông khí kém hoặc khu vực kín như trong gara, hãy tắt máy.
- Không rời khỏi xe quá lâu trong khi động cơ đang làm việc.
  Nếu trong tình huống bất khả kháng, hãy đỗ xe ở vị trí thông thoáng và đảm bảo rằng khí xả không xâm nhập vào bên trong xe.
- Không để động cơ hoạt động ở vị trí có tuyết rơi hoặc bị đọng tuyết. Nếu băng tuyết bám xung quanh xe trong khi động cơ vẫn làm việc thì khí xả có thể sẽ tích tụ lại và xâm nhập vào trong xe.

⚠ CẢNH BÁO

n **Ống xả**

Bạn nên kiểm tra hệ thống khí xả theo định kỳ. Nếu như xuất hiện lỗ thủng hay vết nứt trên ống xả do bị ăn mòn, các đoạn nối bị hư hỏng hoặc có tiếng khí xả khác thường thì hãy mang xe tới kiểm tra và sửa chữa tại đại lý Toyota.

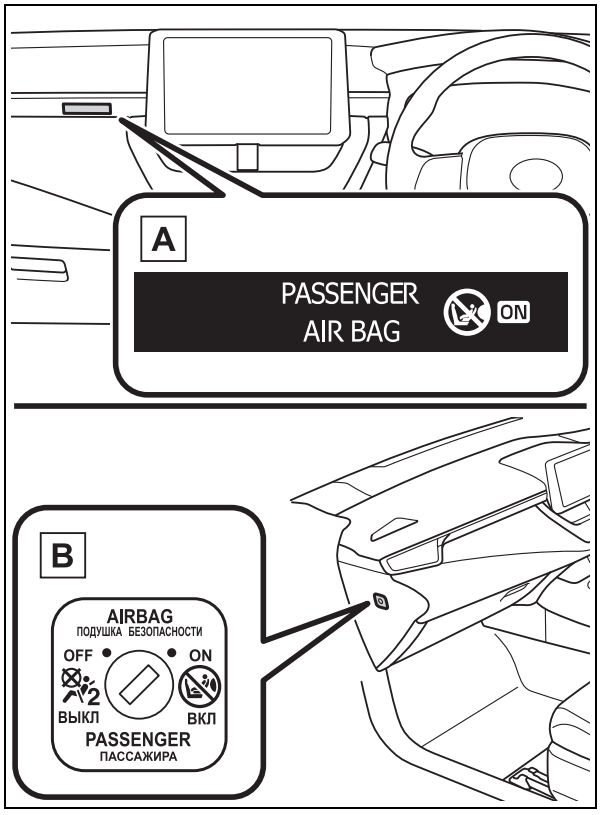
Hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay*

*: Nếu có

Hệ thống này sẽ vô hiệu hóa túi khí hành khách phía trước.

Chỉ vô hiệu hóa chức năng của các túi khí khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế hành khách phía trước.

Các chi tiết của hệ thống



A Đèn chỉ báo "PASSENGER AIR BAG"

Đèn chỉ báo “PASSENGER AIRBAG” và “ON “ sẽ bật sáng khi hệ thống túi khí được bật, và nó sáng trong vòng 60 giây sau đó tắt. (chỉ khi công tắc động cơ ở ON).

B Công tắc bật-tắt túi khí bằng tay

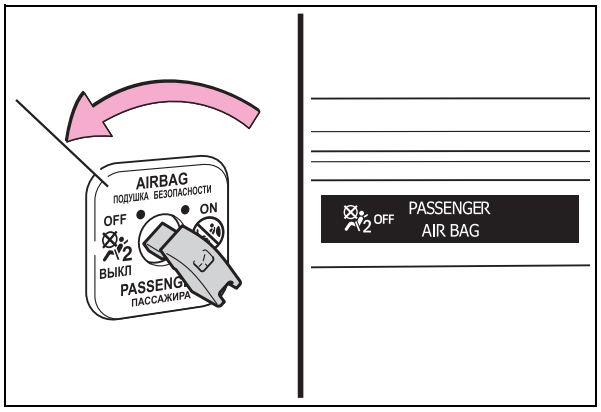
Vô hiệu hóa chức năng của cụm túi khí hành khách phía trước

Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Cắm chìa khóa vào ổ khóa và xoay chìa sang vị trí “OFF”.

Đèn chỉ báo “OFF” sẽ bật sáng (chỉ khi công tắc động cơ ở ON).

Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Cắm chìa khóa cơ vào ổ khóa và xoay tới vị trí “OFF”.

Đèn chỉ báo “OFF” sẽ bật sáng (chỉ khi công tắc động cơ ở ON).



n Thông tin đèn chỉ báo "PASSENGER AIR BAG"

Nếu xuất hiện một trong những lỗi sau, có thể đã có trục trặc trong hệ thống này. Hãy mang xe đến kiểm tra tại đại lý Toyota.

- Đèn chỉ báo "OFF" không sáng lên khi công tắc bật-tắt túi khí bằng tay được đặt ở "OFF".
- Đèn chỉ báo không thay đổi khi công tắc bật-tắt túi khí bằng tay được chuyển đến "ON" hoặc "OFF".

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em**

Để đảm bảo an toàn, luôn lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế sau. Trong trường hợp không thể sử dụng hàng ghế sau được, bạn có thể sử dụng ghế trước để lắp hệ thống ghế cho trẻ em miễn là hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay được đặt ở "OFF".
Nếu hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay được đặt ở chế độ "ON", thì lực bung mạnh của túi khí khi nổ có thể sẽ gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc thậm chí gây tử vong.

n **Khi không lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế hành khách phía trước**

Hãy đảm bảo đặt công tắc bật-tắt túi bằng tay khí ở vị trí "ON".
Nếu vẫn để ở "OFF", thì túi khí có thể sẽ không kích hoạt khi xảy ra tai nạn, và có thể dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Lái xe khi có trẻ em ở trên xe

Hãy tuân theo các lưu ý sau khi có trẻ em ở trong xe.
Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em cho phù hợp với trẻ, cho đến khi trẻ đủ lớn để sử dụng được hệ thống đai an toàn trên xe một cách chính xác.

- Bạn nên để trẻ em ngồi trên các ghế sau để tránh vô tình chạm vào cần số, công tắc cần gạt nước …
- Sử dụng nút khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau hoặc công tắc khóa cửa sổ để tránh trẻ em mở cửa sau trong khi lái xe hoặc vô tình điều khiển cửa sổ điện. (→P.113, 136)
- Không được để trẻ nhỏ điều khiển các thiết bị như cửa sổ điện, nắp capô, khoang hành lý, các ghế, vì trẻ có thể bị kẹp.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi có trẻ em ở trong xe**

Không để trẻ ở trong xe mà không có người trông coi, và không cho trẻ cầm hoặc nghịch chìa khóa xe.

Trẻ nhỏ có thể sẽ khởi động xe hoặc chuyển cần số về vị trí trung gian. Đồng thời trẻ cũng có thể sẽ bị chấn thương nếu trẻ nghịch các cửa sổ hoặc những thiết bị khác trên xe. Ngoài ra, nhiệt độ trong xe có thể lên rất cao hoặc xuống cực lạnh và trẻ sẽ gặp nguy hiểm.

Hệ thống ghế cho trẻ em

Trước khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên xe, có một số lưu ý mà bạn cần đọc trong cuốn sách này như các kiểu hệ thống ghế cho trẻ em, cách lắp chúng...

Hãy sử dụng ghế cho trẻ em khi lái xe có trẻ nhỏ trên xe vì khi đó không thể sử dụng chính xác đai an toàn. Để đảm bảo an toàn cho trẻ em, luôn luôn lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế sau. Chắc chắn phải tuân theo phương pháp lắp trong hướng dẫn sử dụng đi kèm với ghế cho trẻ em.

Mục lục

Các điểm cần ghi nhớ: P.40

Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em: P.41

Các vị trí ghế tương thích với hệ thống ghế cho trẻ em: P.44

Phương pháp lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em: P.48

- Cố định bằng đai an toàn: P.50
- Lắp bằng móc bắt phía dưới ISOFIX: P.52
- Dùng móc bắt phía trên: P.53

Các điểm cần ghi nhớ

- Nếu nhà nước có các quy định về hệ thống ghế cho trẻ em trên xe, hãy liên hệ với đại lý Toyota để lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em.
- Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em cho đến khi trẻ đủ lớn để thắt đai an toàn một cách chính xác.
- Lựa chọn hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp với tuổi và kích thước của trẻ.
- Xin hãy lưu ý rằng không phải tất cả các hệ thống ghế cho trẻ em đều lắp vừa với mọi loại xe. Trước khi sử dụng hoặc mua hệ thống ghế cho trẻ em, hãy kiểm tra khả năng tương thích của hệ thống ghế cho trẻ với các vị trí ghế trên xe. (→P.44)

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi lái xe có trẻ em trên xe**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Để đảm bảo hiệu quả bảo vệ khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp, trẻ phải được bảo vệ đúng cách bằng cách dùng đai an toàn hoặc hệ thống ghế cho trẻ em đã được lắp đặt chính xác. Để biết thông tin chi tiết về cách lắp đặt, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống ghế cho trẻ em. Các hướng dẫn lắp đặt chung cũng được mô tả trong cuốn sách hướng dẫn sử dụng này.

l Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp với trọng lượng và kích cỡ cơ thể của trẻ, và nên lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên hàng ghế sau. Theo thống kê, trẻ ngồi ở ghế sau sẽ an toàn hơn ở ghế trước.

l Giữ trẻ trong lòng bạn không phải là một biện pháp bảo vệ trẻ thích hợp. Khi xảy ra tai nạn, trẻ có thể bị va vào kính chắn gió hoặc bị kẹp giữa bạn và các thiết bị nội thất xe.

n **Thao tác với hệ thống ghế cho trẻ em**

Nếu hệ thống ghế cho trẻ em không được cố định đúng vị trí, trẻ hoặc các hành khách khác có thể bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong trong trường hợp phanh gấp, đánh lái gấp hoặc tai nạn.

l Nếu xe bị va chạm mạnh do tai nạn… hệ thống ghế cho trẻ em có thể hư hỏng mà không nhận biết bằng mắt thường được. Trong trường hợp này, không sử dụng lại hệ thống ghế cho trẻ em.

l Tùy vào hệ thống ghế cho trẻ em, việc lắp đặt có thể sẽ khó khăn hoặc không thể thực hiện được. Trong trường hợp này, hãy kiểm tra xem hệ thống ghế cho trẻ em có phù hợp để lắp trên xe không (→P.44). Hãy đảm bảo tuân thủ theo các hướng dẫn lắp đặt và sử dụng sau khi đọc kỹ hướng dẫn lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em trong cuốn sách hướng dẫn sử dụng này, cũng như sách hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống ghế cho trẻ em.

l Hãy cố định chắc chắn hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế kể cả khi không sử dụng tới. Không để hệ thống ghế cho trẻ em không được cố định trong khoang hành khách.

l Nếu cần phải tháo hệ thống ghế cho trẻ em, hãy tháo nó ra khỏi xe hoặc cố định nó trong khoang hành lý.

Khi sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em

n **Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên ghế hành khách phía trước**

Để đảm bảo an toàn, luôn luôn lắp ghế cho trẻ em trên các ghế sau. Khi lắp ghế cho trẻ em lên ghế trước trong trường hợp bất khả kháng, hãy điều chỉnh ghế như sau và lắp hệ thống ghế cho trẻ em:

- Đẩy ghế trước hết cỡ về phía sau.
- Nếu có thể điều chỉnh được chiều cao ghế hành khách, hãy điều chỉnh ghế đến vị trí cao nhất.
- Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng.

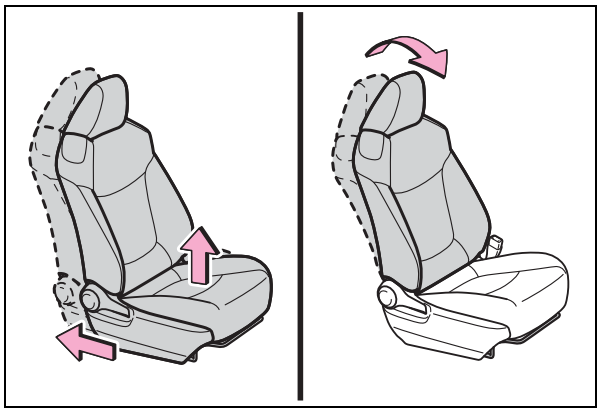
Xe có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay: Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu còn khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh lưng ghế cho đến khi nó tiếp xúc với ghế cho trẻ em.

Xe không có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay: Nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh góc của lưng ghế cho đến khi nó tiếp xúc với ghế cho trẻ em.

- Nếu tựa đầu bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, và tựa

đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa đầu ra.

Nếu không, hãy chỉnh tựa đầu đến vị trí cao nhất.

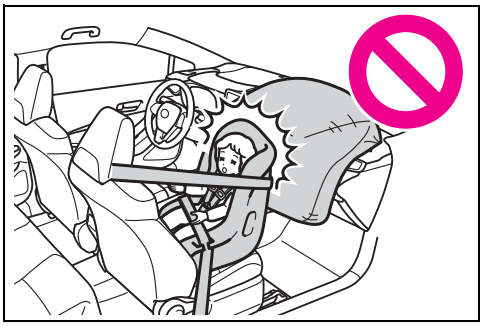


CẢNH BÁO

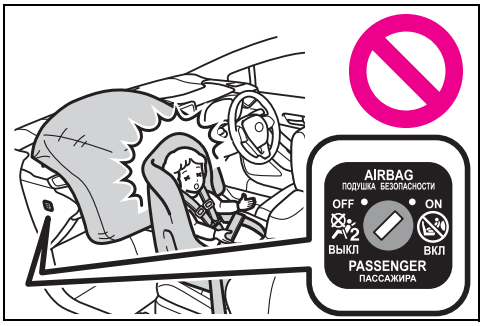
n **Khi sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

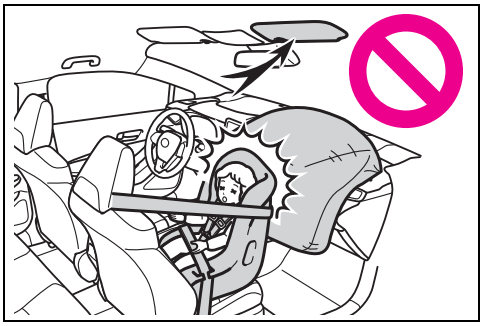
l Xe không có công tắc bật-tắt túi khí bằng bằng tay: Không bao giờ được lắp hệ thống ghế cho trẻ em ở vị trí quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước. Lực bung mạnh của túi khí hành khách phía trước có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho trẻ trong trường hợp xe bị tai nạn.



l Xe có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay: Không được lắp ghế cho trẻ em quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước khi công tắc bật-tắt chức năng của túi khí bật. (→P.38) Lực bung mạnh của túi khí hành khách phía trước có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho trẻ trong trường hợp xe bị tai nạn.



l (Các) nhãn cảnh báo được gắn trên tấm chắn nắng phía hành khách để nhắc nhở bạn không được lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em ở vị trí quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước.
Thông tin chi tiết về nhãn được thể hiện trong hình minh họa dưới đây.

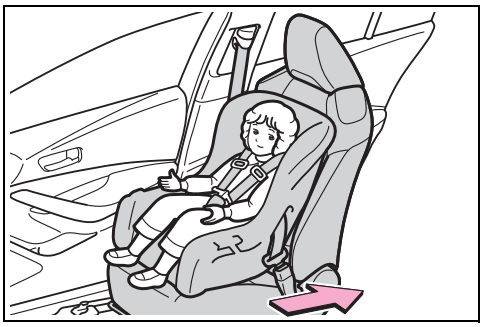


CẢNH BÁO



CẢNH BÁO

- Chỉ lắp hệ thống ghế cho trẻ em kiểu quay về phía trước trên ghế trước trong trường hợp bất khả kháng. Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em kiểu quay về phía trước trên ghế hành khách phía trước, hãy lùi ghế về phía sau càng nhiều càng tốt. Nếu không khi túi khí nổ có thể sẽ gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho trẻ.



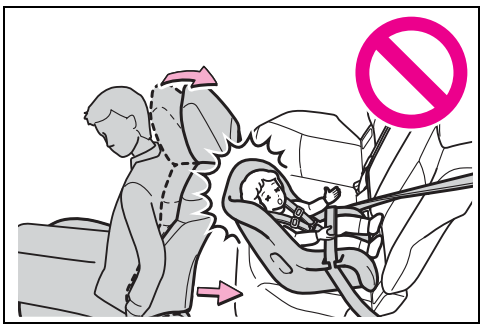
- Không được để trẻ ngả đầu hoặc bất kỳ bộ phận cơ thể nào của trẻ tỳ vào cửa hoặc các khu vực xung quanh ghế, trụ xe phía trước hoặc trụ xe sau hoặc tấm ốp dọc trần xe, do chúng có chứa các túi khí bên hoặc túi khí rèm, ngay cả khi trẻ đã ngồi trong hệ thống ghế cho trẻ em. Sẽ rất nguy hiểm nếu túi khí bên và túi khí rèm nổ, và lực căng phồng của túi khí có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho trẻ.



- Khi lắp đặt ghế cho trẻ lớn, hãy đảm bảo rằng đai vai được đặt chéo qua giữa vai của trẻ. Hãy giữ đai cách xa cổ của trẻ, nhưng không được để đai tuột khỏi vai của trẻ.

CẢNH BÁO

- Sử dụng ghế cho trẻ em cho phù hợp với tuổi và cỡ người của trẻ và lắp chúng trên ghế sau.
- Nếu ghế người lái chạm vào hệ thống ghế cho trẻ em và ảnh hưởng đến khả năng lắp chính xác hệ thống ghế cho trẻ em, hãy lắp ghế cho trẻ em lên ghế sau bên phải.



- Điều chỉnh vị trí ghế hành khách phía trước sao cho nó không bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em.

Bảng dữ liệu tương thích hệ thống ghế cho trẻ em với các vị trí ghế

n Các vị trí ghế tương thích với hệ thống ghế cho trẻ em

Tính tương thích của từng vị trí ghế đối với hệ thống ghế cho trẻ em (→P.45) sẽ hiển thị loại ghế cho trẻ em có thể sử dụng và các vị trí ghế có thể lắp bằng các biểu tượng.

Kiểm tra ghế cho trẻ em đã chọn như sau [trước khi xác định tính tương thích của từng vị trí ghế đối với các ghế cho trẻ em].

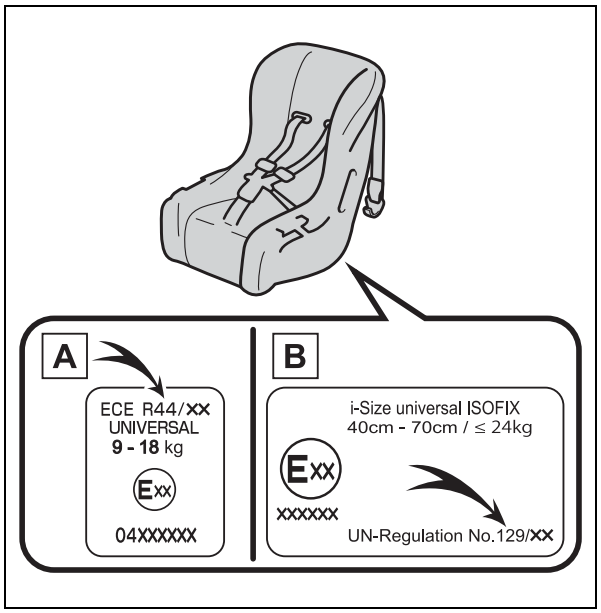
n Trước khi xác định tính tương thích của từng vị trí ghế với các ghế cho trẻ em

1 Kiểm tra các tiêu chuẩn của hệ thống ghế cho trẻ em.

Sử dụng ghế cho trẻ em phù hợp với tiêu chuẩn UN(ECE) R44[*1] hoặc UN(ECE) R129[*1, 2].

Dấu chứng nhận sau được gắn trên hệ thống ghế cho trẻ phù hợp tiêu chuẩn.

Hãy kiểm tra dấu chứng nhận được gắn trên hệ thống ghế cho trẻ em.



Ví dụ minh họa về số chứng nhận

A Dấu chứng nhận UN (ECE) R44[*3]

Dải trọng lượng của trẻ em được áp dụng trong dấu chứng nhận của UN(ECE) R44

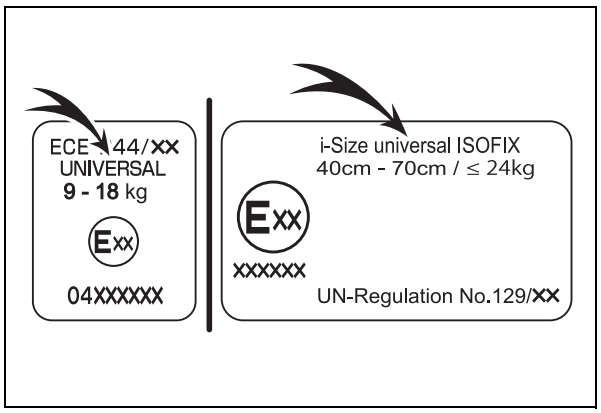
B Dấu chứng nhận UN(ECE) R129[*3]

Dải chiều cao và trọng lượng

của trẻ em được áp dụng trong dấu chứng nhận của UN(ECE) R129

2 Kiểm tra chủng loại của hệ thống ghế cho trẻ em.
Kiểm tra dấu chứng nhận của ghế dành cho trẻ em xem loại nào trong số những loại ghế sau đây là phù hợp.
Ngoài ra, nếu chưa chắc chắn, hãy kiểm tra tài liệu hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em về việc sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em hoặc liên hệ với nhà cung cấp.

- "phổ thông"
- "bán phổ thông"
- "bị hạn chế"
- "đặc biệt"

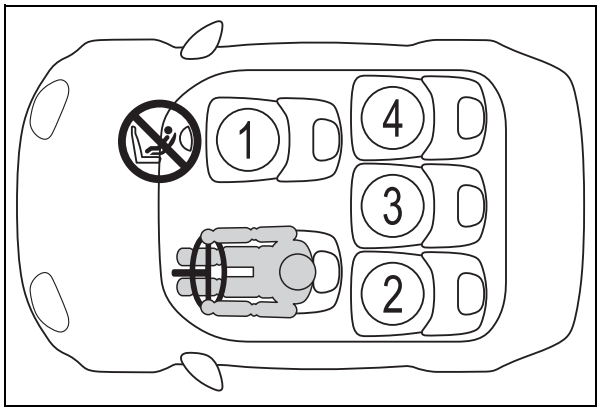


*1: (UN)ECE R44 và (UN)ECE R129 là quy định của Liên hợp quốc về hệ thống ghế cho trẻ em.

*2: Hệ thống ghế cho trẻ em trong bảng trên có thể không được sử dụng ở bên ngoài khu vực Châu Âu.

*3: Các dấu hiệu này có thể khác nhau tùy theo từng sản phẩm.

n Tính tương thích của từng vị trí ghế đối với các hệ thống ghế cho trẻ em



1 *1, 2, 3	U *4
2 *3	U L
3	U
4 *3	U L

U Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em theo loại "phổ thông" được lắp bằng đai an toàn.

L Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em được khuyến nghị trong bảng tương thích và lựa chọn hệ thống ghế cho trẻ em. (→P.48)

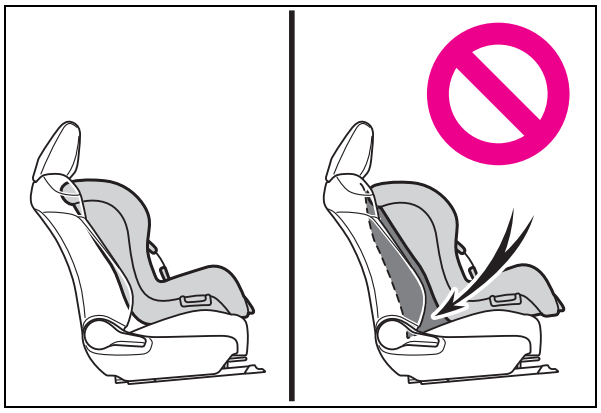

Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em i-size và ISOFIX


Bao gồm móc bắt phía trên.


Không bao giờ được lắp hệ thống ghế cho trẻ em ở vị trí quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước.

*1: Đẩy ghế trước hết cỡ về phía sau. Nếu có thể điều chỉnh được chiều cao ghế hành khách, hãy điều chỉnh ghế đến vị trí cao nhất.

*2: Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng. Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh sao cho lưng ghế và ghế cho trẻ em tiếp xúc với nhau.



*3: Nếu tựa đầu bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa đầu ra.
Nếu không, hãy đặt tựa đầu ở vị trí cao nhất.

*4: Chỉ sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em quay về phía trước.

n Thông tin chi tiết để lắp hệ thống ghế cho trẻ em

Vị trí ghế				
Số vị trí ghế	①	②	③	④
Vị trí phù hợp để sử dụng với đai an toàn loại phổ thông (Có/không)	Có Chỉ cho trường hợp quay về phía trước	Có	Có	Có
Vị trí i-Size (Có/Không)	Không	Có	Không	Có
Vị trí phù hợp để cố định bên (L1/L2/Không)	Không	Không	Không	Không
Vị trí phù hợp để lắp hướng về phía sau (R1/R2X/R2/R3/Không)	Không	R1, R2X, R2	Không	R1, R2X, R2

Vị trí ghế				
Số vị trí ghế	①	②	③	④
Vị trí phù hợp để lắp hướng về phía trước (F2X/F2/F3/không)	Không	F2X, F2, F3	Không	F2X, F2, F3
Vị trí phù hợp để lắp ghế cho trẻ lớn (B2/B3/Không)	Không	B2, B3	Không	B2, B3

Hệ thống ghế cho trẻ em bằng móc kiểu ISOFIX được chia thành các loại “kiểu có móc” khác nhau. Hệ thống ghế cho trẻ em có thể sử dụng trong các vị trí ghế tương ứng “kiểu có móc” với bảng trên đây. Đối với “kiểu có móc”, hãy tham khảo bảng sau đây.

Nếu hệ thống ghế cho trẻ em không thuộc loại “kiểu có móc” (hoặc nếu bạn không tìm thấy thông tin trong bảng dưới đây), hãy tham khảo “danh sách xe” để biết thông tin về khả năng tương thích của hệ thống với xe hoặc hỏi thông tin từ nhà sản xuất ghế cho trẻ em.

Kiểu móc	Mô tả
F3	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế chuẩn
F2	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế nhỏ hơn
F2X	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế nhỏ hơn
R3	Ghế cho trẻ em kích cỡ chuẩn và quay về phía sau
R2	Ghế cho trẻ em kích cỡ nhỏ và quay về phía sau
R2X	Ghế cho trẻ em kích cỡ nhỏ và quay về phía sau
R1	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía sau
L1	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía bên trái
L2	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía bên phải
B2	Ghế cho trẻ lớn
B3	Ghế cho trẻ lớn

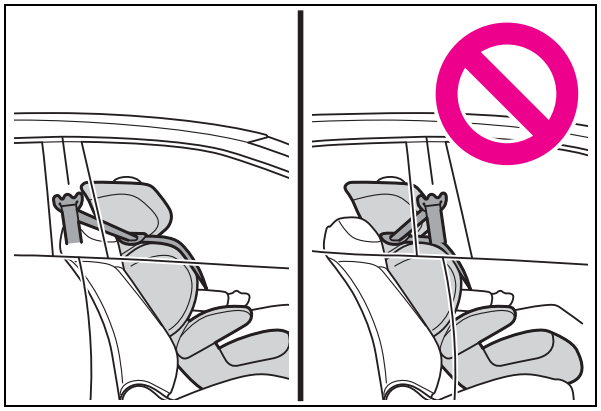
n Bảng tương thích và bảng lựa chọn hệ thống ghế cho trẻ em

	Hệ thống ghế cho trẻ em khuyến nghị	Vị trí ghế			
		①	②	③	④
Ghế cho trẻ em cỡ i-Size	i-Size MIDI (Có/Không)	Không	Có	Không	Có

Hệ thống ghế cho trẻ em được đề cập trong bảng trên có thể không được trang bị bên ngoài khu vực Đông Nam Á.

Khi cố định một số kiểu hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế sau, bạn có thể sẽ không thể sử dụng đai an toàn ở những vị trí ghế cạnh hệ thống ghế cho trẻ em một cách chính xác mà không bị vướng hoặc ảnh hưởng đến hoạt động của đai được. Hãy đảm bảo lắp khít đai qua vai và dưới hông của bạn. Nếu đai lắp không chặt hoặc nếu đai bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, hãy chuyển sang ngồi ở vị trí khác. Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Khi lắp ghế cho trẻ em lên ghế sau, hãy điều chỉnh ghế trước để ghế không vướng vào trẻ hoặc hệ thống ghế cho trẻ em.
- Khi lắp ghế cho trẻ em có giá đỡ, nếu hệ thống ghế cho trẻ em vướng vào lưng ghế khi gài ghế cho trẻ em vào giá đỡ, hãy điều chỉnh lưng ghế ngả về phía sau cho đến khi không chạm vào hệ thống ghế cho trẻ em nữa.
- Nếu móc treo đai vai nằm ở phía trước móc dẫn hướng đai an toàn, hãy dịch nệm ghế về phía trước.

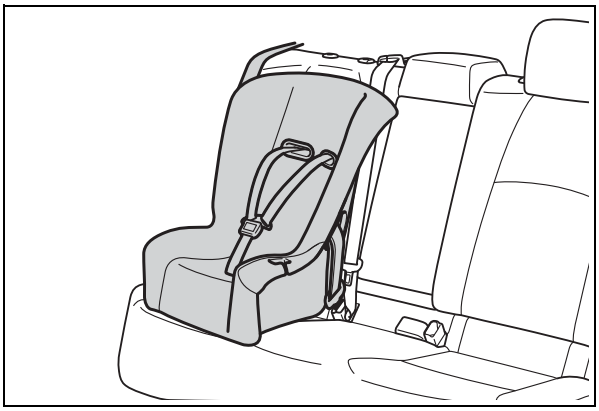


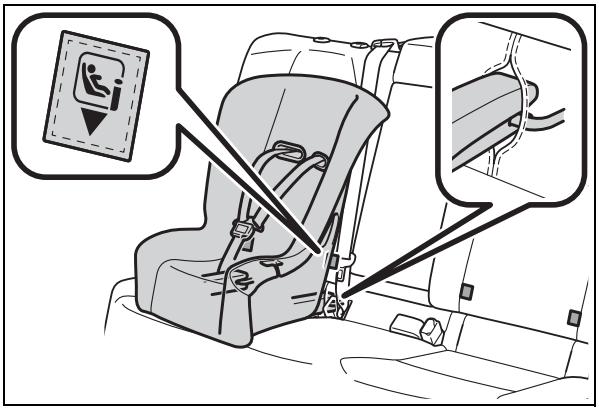
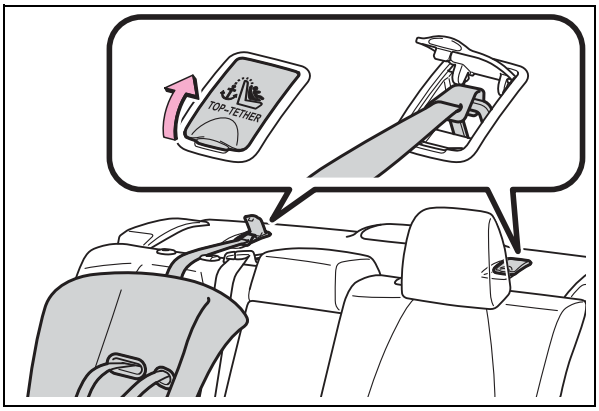
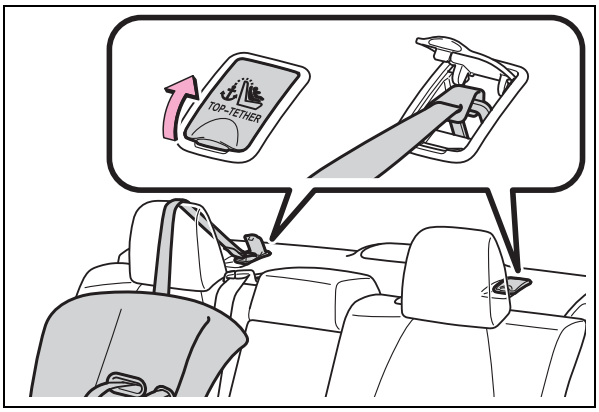
- Khi lắp ghế cho trẻ đã lớn, nếu trẻ đang ngồi trong ghế ở tư thế quá thẳng đứng, hãy điều chỉnh góc nghiêng lưng ghế đến vị trí thoải mái nhất. Và nếu móc treo đai vai nằm ở phía trước móc dẫn hướng đai an toàn, hãy dịch nệm ghế về phía trước.

Phương pháp lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em

Hãy xác nhận phương pháp lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em theo sách

hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống ghế cho trẻ em.

Phương pháp lắp		Trang
Lắp bằng đai an toàn		P.50

Phương pháp lắp		Trang
Lắp bằng móc bắt phía dưới ISOFIX		P.52
Lắp bằng móc bắt phía trên	Ghế có tựa đầu kiểu điều chỉnh được:  Ghế có tựa đầu kiểu liền:  	P.53

Cố định hệ thống ghế cho trẻ em bằng đai an toàn

n Lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em bằng đai an toàn

Lắp hệ thống ghế cho trẻ em theo như hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.

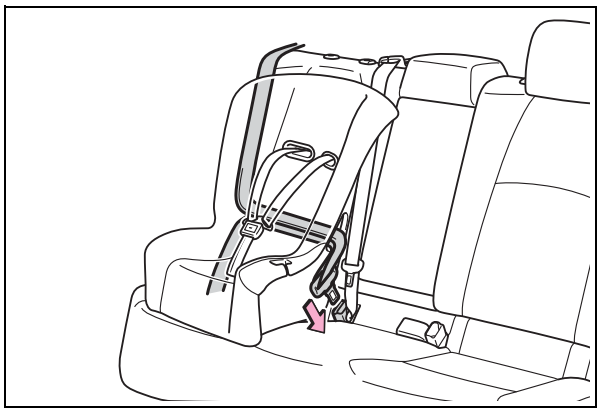
Nếu hệ thống ghế cho trẻ em đang có không thuộc loại "phổ thông" (hoặc những thông tin cần thiết không có trong bảng), hãy tham khảo "Danh sách xe" do nhà sản xuất ghế cung cấp để biết các vị trí lắp, hoặc kiểm tra độ tương thích của hệ thống ghế bằng cách hỏi nhà sản xuất ghế.

(→P.44)

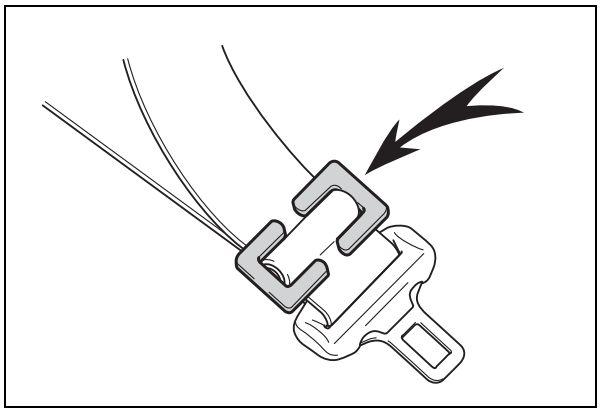
1 Khi lắp đặt ghế cho trẻ em trên ghế hành khách phía trước trong trường hợp bất khả kháng, hãy tham khảo P.41 cho việc điều chỉnh ghế hành khách phía trước.

2 Nếu tựa đầu bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa đầu ra.
Nếu không, hãy đặt tựa đầu ở vị trí cao nhất. (→P.127)

3 Luồn đai an toàn qua hệ thống ghế cho trẻ em và cắm móc khóa vào trong kẹp khóa. Hãy đảm bảo rằng đai an toàn không bị xoắn. Lắp đai an toàn vào ghế cho trẻ em theo hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.



4 Nếu hệ thống ghế cho trẻ em không được trang bị kẹp khóa (tính năng khóa đai an toàn), hãy cố định hệ thống ghế cho trẻ em bằng kẹp hãm.



5 Sau khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em, hãy lắc ghế về phía trước và phía sau để đảm bảo rằng hệ thống đã được lắp một cách chắc chắn. (→P.52)

n Tháo hệ thống ghế cho trẻ em được lắp bằng đai an toàn

Hãy ấn nút nhả khóa và thu hết đai an toàn lại.

Khi nhả kẹp khóa đai an toàn, hệ thống ghế trẻ em có thể bị bật lên do tác động của nệm ghế. Hãy nhả kẹp khóa đai trong khi ấn giữ hệ thống ghế trẻ em xuống.

Do đai an toàn sẽ tự động thu lại, hãy thu đai lại từ từ về vị trí cất gọn.

n Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em

Bạn có thể sẽ cần dùng tới một kẹp hãm để lắp hệ thống ghế cho trẻ em. Hãy tuân thủ theo các hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất hệ thống ghế cho trẻ em. Nếu hệ thống ghế cho trẻ em của bạn không có kẹp hãm, thì bạn có thể mua nó tại Đại lý Toyota:
Kẹp giữ của hệ thống ghế cho trẻ em (Mã phụ tùng: 73119-22010)

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em**

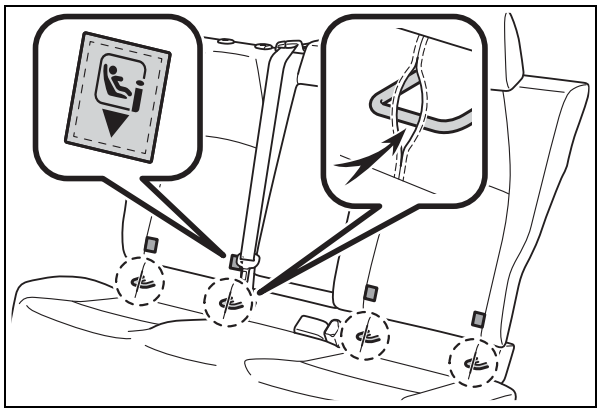
Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không để trẻ nghịch đai an toàn. Nếu đai quấn quanh cổ của trẻ, bạn sẽ không thể kéo đai ra và trẻ sẽ bị ngạt thở hoặc các tổn thương nghiêm trọng khác, có thể dẫn đến tử vong cho trẻ. Nếu tình trạng này xảy ra và bạn không thể nhả đai an toàn ra được, hãy sử dụng kéo để cắt đứt đai an toàn.
- Hãy đảm bảo rằng đai an toàn và móc khóa đã được khóa chặt và đai không bị xoắn.
- Hãy lắc hệ thống ghế cho trẻ em sang trái và phải, lên và xuống để đảm bảo rằng nó đã được lắp đặt một cách chắc chắn.
- Sau khi cố định hệ thống ghế cho trẻ em, không bao giờ được điều chỉnh ghế.
- Khi lắp đặt ghế cho trẻ lớn, hãy đảm bảo rằng đai vai được đặt chéo qua giữa vai của trẻ. Hãy giữ đai cách xa cổ của trẻ, nhưng không được để đai tuột khỏi vai của trẻ.
- Hãy tuân theo tất cả các hướng dẫn lắp đặt do nhà sản xuất hệ thống ghế cho trẻ em cung cấp.

Lắp ghế cho trẻ em bằng móc phía dưới kiểu ISOFIX

n **Móc phía dưới ISOFIX (hệ thống ghế cho trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX)**

Các móc phía dưới được trang bị cho các ghế sau phía ngoài. (Các dấu chỉ vị trí của móc được đính vào các ghế.)



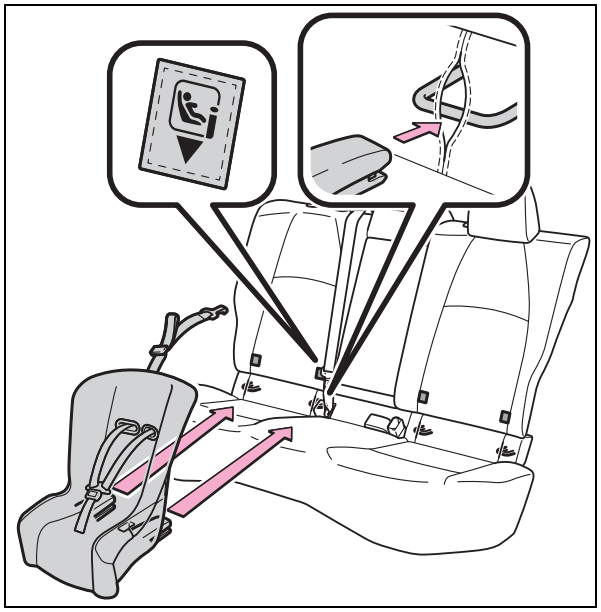
n **Lắp ghế cho trẻ em bằng móc phía dưới ISOFIX (hệ thống ghế cho trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX)**

Lắp hệ thống ghế cho trẻ em theo như hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.
Nếu hệ thống ghế cho trẻ em đang có không thuộc loại "phổ thông" (hoặc những thông tin cần thiết không có trong bảng), hãy tham khảo "Danh sách xe" do nhà sản xuất ghế cung cấp để biết các vị trí lắp, hoặc kiểm tra độ tương thích của hệ thống ghế bằng cách hỏi nhà sản xuất ghế. (→P.44)

1. Nếu tựa đầu bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa đầu ra.
   Nếu không, hãy đặt tựa đầu ở vị trí cao nhất. (→P.127)
2. Cài kẹp khóa vào các thanh cố định chuyên dùng.

Hãy kiểm tra vị trí của các thanh cố định ghế và lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên ghế.

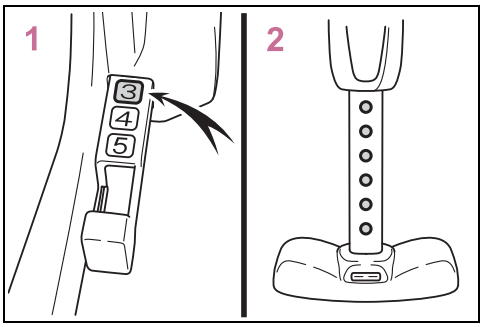
Các thanh lắp này được bố trí ở khe hở giữa nệm ghế và lưng ghế.



3 Sau khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em, hãy lắc ghế về phía trước và phía sau để đảm bảo rằng hệ thống đã được lắp một cách chắc chắn. (→P.52)

n Khi sử dụng "i-Size MIDI"

Điều chỉnh chân đỡ và các giắc nối ISOFIX như sau:



1 Khóa cố định giắc nối ISOFIX tại vị trí có thể nhìn thấy số 3.

2 Khóa chân đỡ ở vị trí có thể nhìn thấy 6 lỗ.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Sau khi cố định hệ thống ghế cho trẻ em, không bao giờ được điều chỉnh ghế.
- Khi sử dụng các móc phía dưới, hãy đảm bảo rằng không có vật gì ở xung quanh móc và đai an toàn không bị kẹt sau hệ thống ghế cho trẻ em.
- Hãy tuân theo tất cả các hướng dẫn lắp đặt do nhà sản xuất hệ thống ghế cho trẻ em cung cấp.

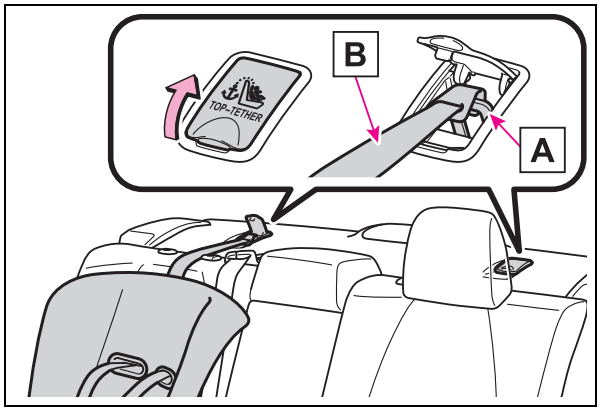
Dùng móc bắt phía trên

n Các móc bắt phía trên

Các móc bắt phía trên được trang bị cho các ghế sau bên ngoài.

Sử dụng móc bắt phía trên khi cố định đai buộc phía trên.

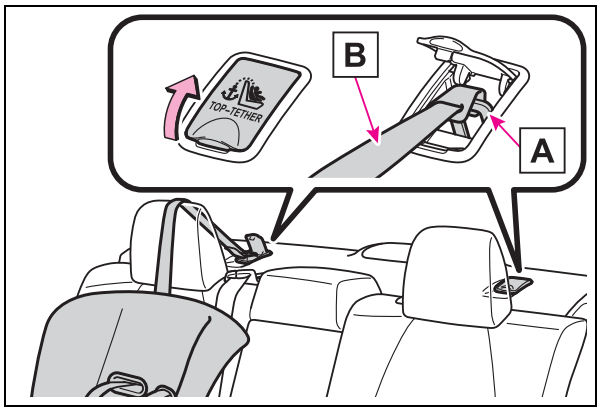
▶ Ghế có tựa đầu kiểu điều chỉnh được



A Các móc bắt phía trên

B Đai buộc phía trên

▶ Ghế có tựa đầu kiểu liền



A Các móc bắt phía trên

B Đai buộc phía trên

n **Lắp đai buộc phía trên vào các móc bắt phía trên**

Lắp hệ thống ghế cho trẻ em theo như hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.

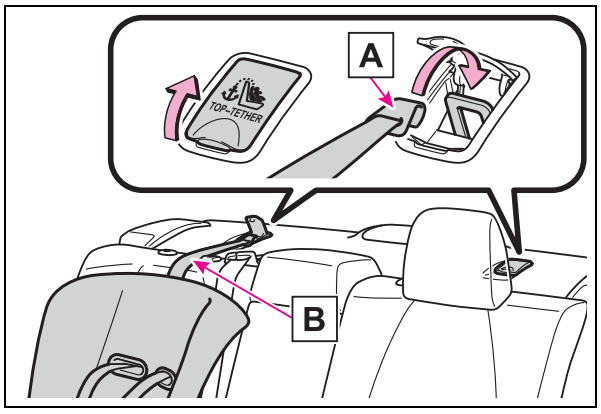
1 Hãy điều chỉnh tựa đầu lên tới vị trí cao nhất.

Nếu tựa đầu chạm vào hệ thống ghế cho trẻ em hoặc việc lắp dây buộc phía trên và tựa đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa đầu. (→P.127)

2 Cài móc vào giá bắt móc phía trên và thít chặt đai buộc phía trên.

Hãy đảm bảo rằng đai buộc phía trên đã được thít chắc chắn. (→P.52)
Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em với tựa đầu đang được nâng lên, chắc chắn rằng đai buộc phải luồn vào phía dưới của tựa đầu.

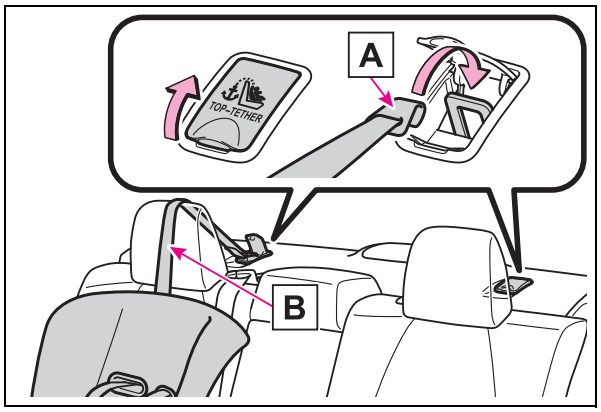
▶ Ghế có tựa đầu kiểu điều chỉnh được



A Móc

B Đai buộc phía trên

▶ Ghế có tựa đầu kiểu liền



A Móc

B Đai buộc phía trên

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Gài chắc đai buộc phía trên và đảm bảo đai không bị xoắn.
- Không được gắn bất kỳ dây khác ngoài đai buộc phía trên vào móc bắt phía trên.

CẢNH BÁO

- Sau khi cố định hệ thống ghế cho trẻ em, không bao giờ được điều chỉnh ghế.
- Hãy tuân theo tất cả các hướng dẫn lắp đặt do nhà sản xuất hệ thống ghế cho trẻ em cung cấp.
- Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em với tựa đầu đang được nâng lên, sau khi nâng tựa đầu lên và sau đó cố định móc bắt phía trên, không được hạ thấp tựa đầu xuống.

CHÚ Ý

n **Các móc bắt phía trên**

Khi không sử dụng, chắc chắn phải đóng nắp. Nếu vẫn mở, nắp có thể bị hỏng.

Hệ thống mã hoá khóa động cơ*

*: Nếu có

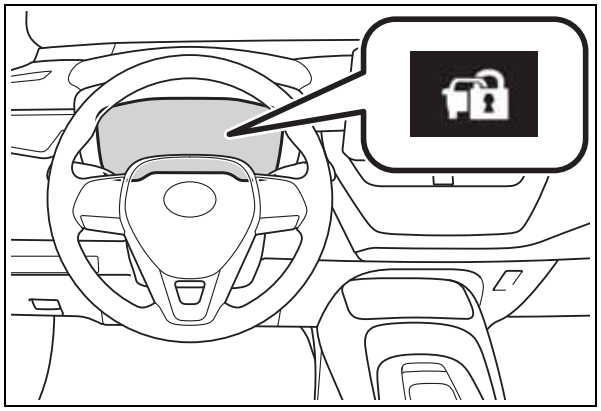
Các chìa khóa của xe có tích hợp các con chíp thu phát tín hiệu để ngăn không cho động cơ khởi động nếu như trước đó chìa khóa này chưa được đăng ký với máy tính trên xe.

Không để các chìa khóa ở trong xe khi bạn rời khỏi xe.

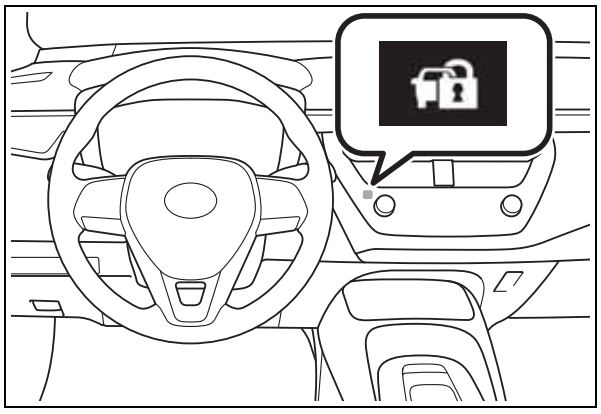
Hệ thống này được thiết kế để tránh trộm xe, nhưng nó không thể đảm bảo tuyệt đối việc tránh mất trộm xe.

Vận hành hệ thống

▶ Xe không có hệ thống điều hòa không khí tự động



▶ Xe có hệ thống điều hòa không khí tự động



▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Đèn chỉ báo sẽ nháy sau khi rút chìa ra khỏi công tắc động cơ để báo rằng hệ thống mã hoá khóa động cơ đang hoạt động.

Đèn chỉ báo sẽ dừng nháy sau khi cắm chìa khóa đã được đăng ký vào công tắc động cơ, để chỉ ra rằng hệ thống đã được hủy.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Đèn chỉ báo sẽ nháy sau khi tắt công tắc động cơ để chỉ ra rằng hệ thống đang hoạt động.

Đèn chỉ báo sẽ ngừng nháy sau khi bật công tắc động cơ tới vị trí ACC hoặc ON để chỉ ra rằng hệ thống đã được hủy.

---

n **Bảo dưỡng hệ thống**

Hệ thống mã hóa khóa động cơ được trang bị trên xe là hệ thống không cần bảo dưỡng.

n **Các tình trạng có thể sẽ làm cho hệ thống bị trục trặc**

l Nếu phần cán chìa tiếp xúc với các đồ vật bằng kim loại

l Khi để chìa khóa quá gần hoặc chạm vào hệ thống an ninh (chìa khóa có tích hợp chíp thu phát tín hiệu) của xe khác

⚠ CHÚ Ý

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

Không được sửa đổi hay tháo rời hệ thống. Nếu không, hệ thống có thể không đảm bảo hoạt động chính xác được.

Hệ thống báo động*

*: Nếu có

Báo động sử dụng đèn và còi để cảnh báo khi phát hiện hành động đột nhập vào xe.
Hệ thống báo động sẽ kích hoạt trong một số trường hợp sau khi đã đặt hệ thống:

- Nếu cửa xe hoặc nắp khoang hành lý bị mở khóa hoặc mở ra theo cách nào đó mà không phải là sử dụng chức năng vào xe (nếu có), điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ (nếu có) hoặc chìa khóa (nếu có). (Các cửa sẽ tự động khóa lại.)
- Khi nắp capô bị mở ra.
- Khi cảm biến phát hiện xâm nhập phát hiện có ai đó đang di chuyển trong xe. (nếu có)

Cài đặt/hủy/dừng hệ thống báo động

n **Các hạng mục cần kiểm tra trước khi khóa xe**

Để tránh vô tình làm kích hoạt hệ thống báo động và tránh bị trộm xe, hãy chú ý đến những điểm sau:

- Không có người nào ở trong xe.
- Cửa sổ đã được đóng lại trước khi cài đặt hệ thống báo động.
- Không để đồ đạc có giá trị

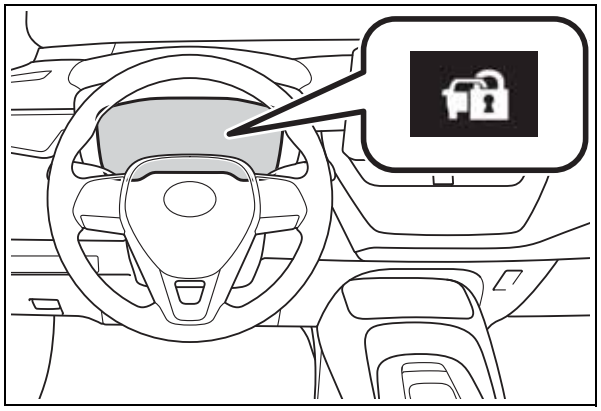
hoặc đồ cá nhân khác ở trong xe.

n Cài đặt

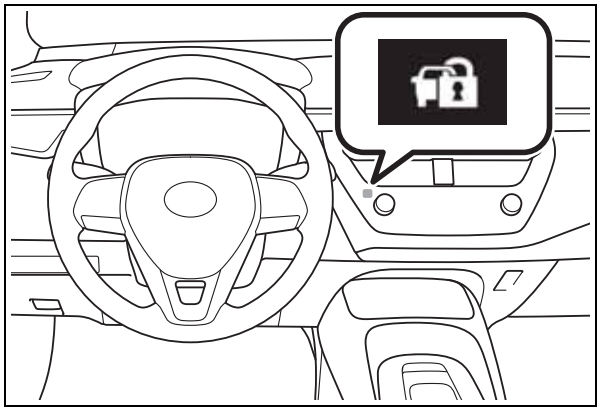
Đóng các cửa, nắp khoang hành lý và nắp capô, rồi khóa tất cả các cửa. Hệ thống sẽ tự động được cài đặt sau 30 giây.

Đèn chỉ báo sẽ chuyển từ trạng thái sáng sang nhấp nháy khi hệ thống được cài đặt.

▶ Xe không có hệ thống điều hòa không khí tự động



▶ Xe có hệ thống điều hòa không khí tự động



n Hủy kích hoạt hoặc dừng

Hãy làm theo một trong những cách sau để vô hiệu hóa hoặc ngừng hệ thống báo động:

- Mở khóa cửa xe.
- Bật công tắc động cơ tới vị trí ACC hoặc ON, hoặc khởi động động cơ. (Hệ thống báo động sẽ bị hủy kích hoạt hoặc ngừng báo động sau vài giây.)

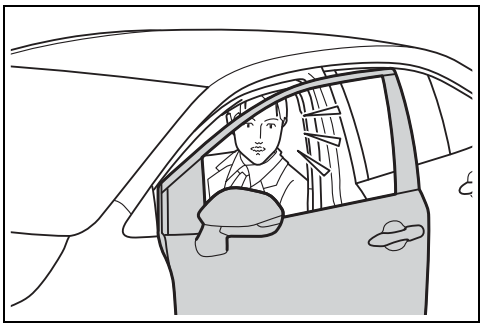
n Bảo dưỡng hệ thống

Hệ thống báo động trên xe là hệ thống không cần bảo dưỡng.

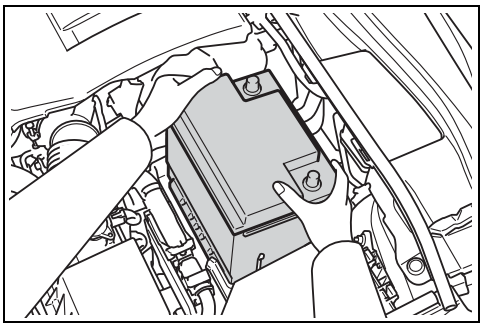
n Kích hoạt hệ thống báo động

Hệ thống báo động có thể sẽ bị kích hoạt trong một số trường hợp sau:
(Hệ thống báo động sẽ bị vô hiệu hóa khi tắt báo động.)

- Có người ở trong xe mở cửa, nắp khoang hành lý hoặc nắp capô hoặc mở khóa xe bằng công tắc khóa cửa hoặc nút ấn bên trong xe.



- Ắc quy được nạp điện hoặc thay thế khi xe đang bị khóa. (→P.369)



n Chức năng khóa cửa khi có báo động

Trong các trường hợp sau, tùy vào từng tình huống, cửa xe có thể sẽ tự động khóa lại để ngăn đột nhập vào xe:

- Khi có người đang ở trong xe mở khóa các cửa và chuông báo được kích hoạt.
- Trong khi chuông báo được kích

hoạt, có người ở trong xe mở khóa cửa.

- Khi nạp lại hoặc thay thế ắc quy

> ⚠ CHÚ Ý
>
> n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**
>
> Không được sửa đổi hay tháo rời hệ thống. Nếu không, hệ thống có thể không đảm bảo hoạt động chính xác được.

Phát hiện của cảm biến phát hiện xâm nhập (nếu có)

n Hoạt động của cảm biến phát hiện xâm nhập

Cảm biến xâm nhập phát hiện thấy có người đột nhập hoặc di chuyển trong xe.

Hệ thống này được thiết kế nhằm phát hiện và chống trộm nhưng nó cũng không thể đảm bảo ngăn ngừa mọi sự xâm nhập một cách tuyệt đối được.

n Cài đặt cảm biến phát hiện xâm nhập

Cảm biến phát hiện xâm nhập sẽ tự động được đặt khi cài đặt hệ thống báo động. (→P.58)

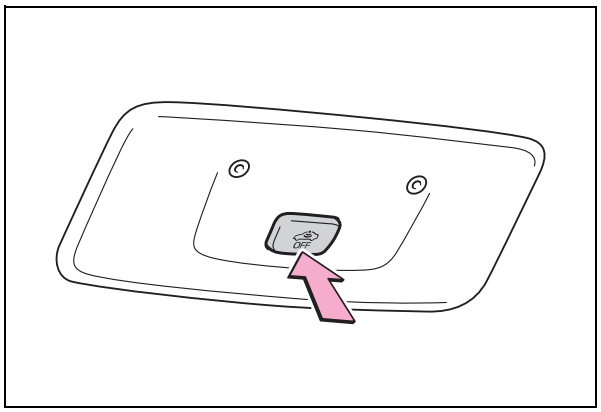
n Hủy cảm biến phát hiện xâm nhập

Khi bạn để vật nuôi hoặc những vật thể di chuyển trong xe, hãy đảm bảo rằng bạn đã tắt cảm biến xâm nhập trước khi đặt hệ thống báo động, vì các cảm biến sẽ phản ứng với những chuyển động trong xe.

1. Tắt công tắc động cơ.
2. Ấn vào công tắc hủy cảm biến phát hiện xâm nhập.

Ấn nút này lần nữa để kích hoạt lại cảm biến phát hiện xâm nhập.

Mỗi lần hủy/cài đặt cảm biến phát hiện xâm nhập, thông báo sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.



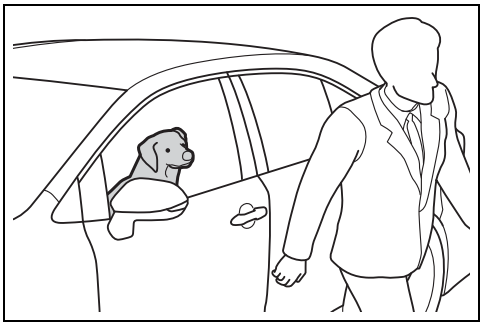
n Hủy và tự động kích hoạt lại chức năng của cảm biến xâm nhập

- Hệ thống báo động vẫn sẽ được đặt ngay cả khi bạn đã hủy cảm biến xâm nhập.
- Sau khi hủy chức năng của cảm biến xâm nhập, việc ấn công tắc động cơ hoặc mở khóa các cửa bằng cách sử dụng chức năng vào xe hoặc điều khiển từ xa sẽ kích hoạt lại cảm biến xâm nhập.
- Cảm biến xâm nhập sẽ tự động được phục hồi khi vô hiệu hóa hệ thống báo động.

n Các trường hợp cần cân nhắc khi sử dụng cảm biến xâm nhập

Cảm biến có thể sẽ kích hoạt báo động trong các trường hợp sau:

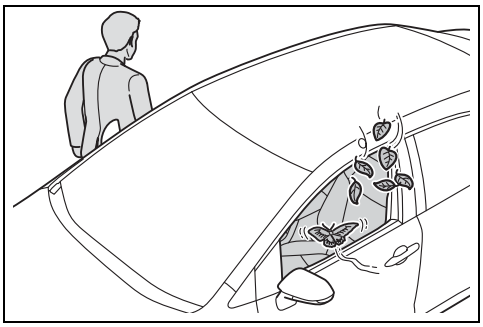
- Khi có người hoặc vật nuôi ở trong xe.



l Khi cửa sổ để mở.

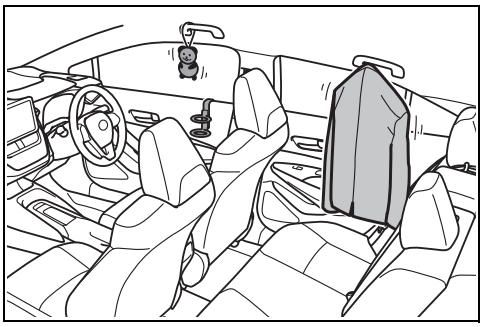
Trong trường hợp này, cảm biến có thể sẽ nhầm lẫn với:

- Khi có gió hoặc chuyển động các vật như của lá cây hay côn trùng trong xe
- Khi có sóng siêu âm phát ra từ các thiết bị như cảm biến phát hiện xâm nhập của xe khác
- Khi có chuyển động của người ở bên ngoài xe

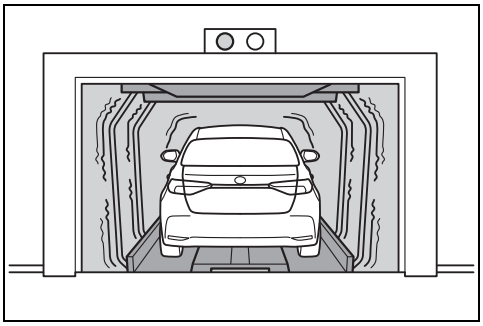


l Những côn trùng nhỏ như bướm hoặc ruồi đang ở trong xe.

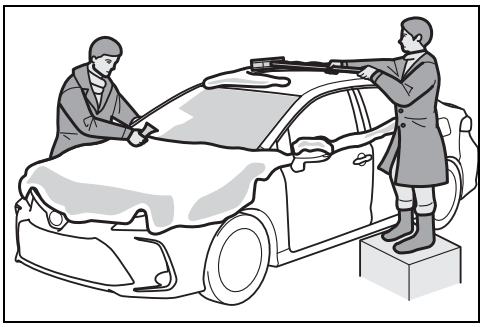
l Các đồ vật không cố định ở trong xe như các phụ kiện hoặc áo khoác đang được treo trên móc áo bên trong xe.



l Đỗ xe ở vị trí bị rung động mạnh hoặc tiếng ồn lớn, như trong nhà để xe.



l Khi dọn tuyết hoặc băng giá ra khỏi xe, làm cho xe bị các va chạm hoặc rung động lặp đi lặp lại.



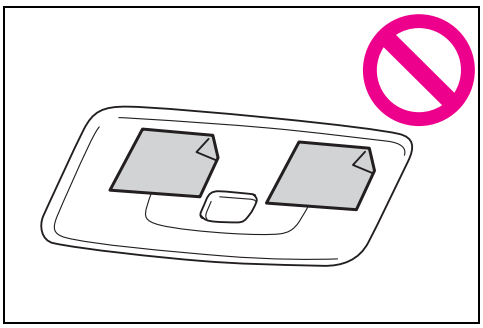
l Khi đưa xe vào trong trạm rửa xe tự động hoặc trạm rửa xe có áp suất cao.

l Khi xe bị va chạm, như khi gặp mưa đá, sét đánh, hay các va chạm lặp đi lặp lại khác hoặc rung động.

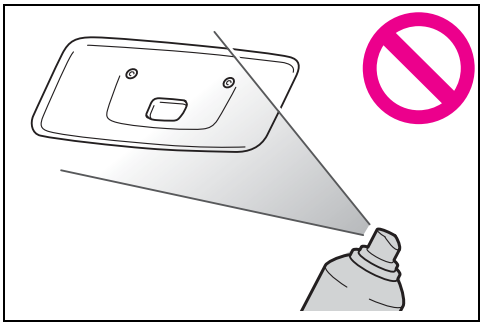
⚠ CHÚ Ý

n **Để đảm bảo cho cảm biến phát hiện xâm nhập hoạt động chính xác**

l Để đảm bảo cho các cảm biến hoạt động chính xác, không chạm vào hoặc che phủ các cảm biến.



- Không thổi khí nén hoặc các chất khác trực tiếp vào các lỗ của cảm biến.



- Không lắp các phụ kiện không phải là sản phẩm chính hiệu của Toyota hoặc để các đồ vật vào giữa ghế của người lái và ghế hành khách phía trước, do chúng có thể sẽ làm giảm tính năng phát hiện của cảm biến.

Thông tin về trạng thái xe và các đèn chỉ báo

2

2-1. Đồng hồ táp lô

Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo 64

Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình hỗ trợ lái xe) ...69

Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình 7-inch) 71

Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình 12.3-inch) 76

Màn hình hỗ trợ lái xe 81

Màn hình đa thông tin (màn hình 7-inch) 84

Màn hình đa thông tin (màn hình 12.3-inch) 90

Màn hình trên kính chắn gió 96

Thông tin tiêu hao nhiên liệu 100

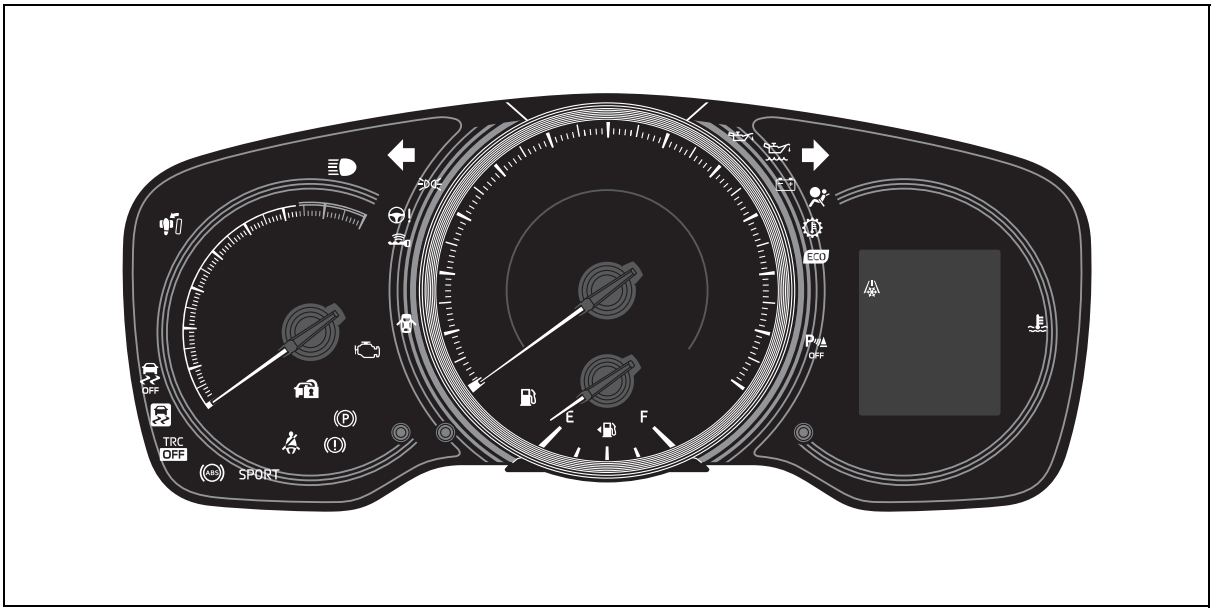
Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo

Các đèn cảnh báo và chỉ báo trên bảng táp lô trung tâm và đồng hồ táp lô và gương chiếu hậu bên ngoài sẽ thông báo cho người lái về tình trạng của các hệ thống trên xe.

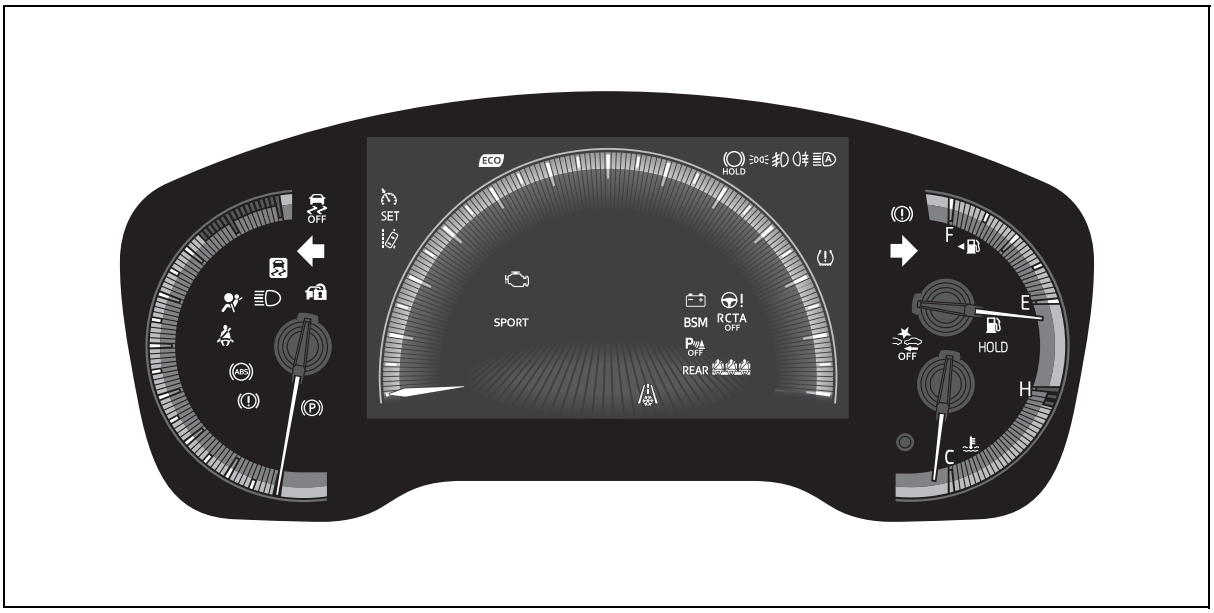
Các đèn cảnh báo và đèn chỉ báo được hiển thị trên đồng hồ táp lô

Với mục đích giải thích, các hình vẽ dưới đây sẽ thể hiện tất cả các đèn cảnh báo và đèn chỉ báo sáng trên xe.

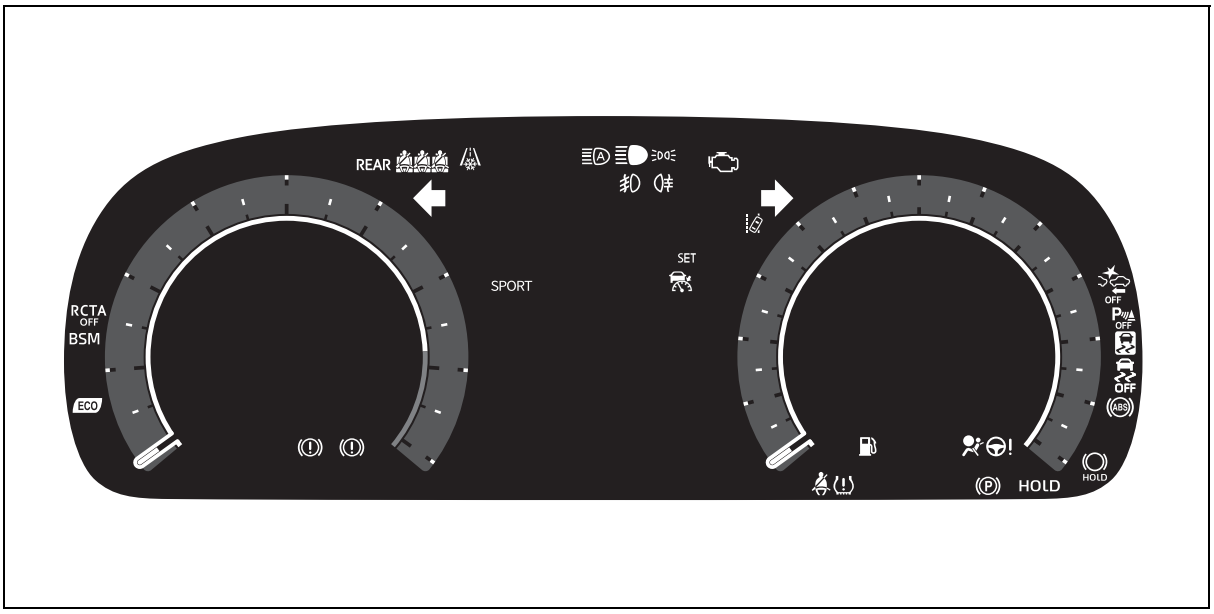
▶ Màn hình hỗ trợ lái xe



▶ Màn hình đa thông tin (màn hình 7-inch)



▶ Màn hình đa thông tin (màn hình 12.3-inch)



Các đèn cảnh báo

Các đèn cảnh báo sẽ cảnh báo cho người lái các lỗi liên quan đến các hệ thống trên xe.

(Màu đỏ) Đèn cảnh báo hệ thống phanh*1 (→P.341)

(Màu vàng) Đèn cảnh báo hệ thống phanh*1 (nếu có) (→P.341)

Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát cao*1, 2 (→P.341)

Đèn cảnh báo hệ thống nạp*1, 3 (→P.342)

Đèn cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp*1, 2 (→P.342)

Đèn cảnh báo mức dầu động cơ thấp*1 (nếu có) (→P.342)

Đèn cảnh báo nhiệt độ dầu hộp số vô cấp (nếu có) (→P.342)

Đèn chỉ báo lỗi*1 (→P.343)

Đèn cảnh báo túi khí*1 (→P.343)

Đèn cảnh báo ABS*1 (→P.343)

Đèn cảnh báo hoạt động bàn đạp không phù hợp*1, 2(→P.344)

(Màu đỏ) Đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện*1 (→P.344)

(Màu vàng) Đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện*1 (→P.344)

(Màu vàng) (Nháy) Đèn chỉ báo của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (nếu có) (→P.147)

Đèn cảnh báo mở cửa (nếu có) (→P.345)

Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp (→P.345)

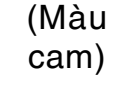

Đèn nhắc nhở người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn (→P.345)



Đèn nhắc thắt đai an toàn trên ghế hành khách sau (nếu có) (→P.346)


Đèn cảnh báo áp suất lốp[*1] (nếu có) (→P.346)


Đèn chỉ báo LTA (nếu có) (→P.346)


(Màu cam) Đèn chỉ báo LDA (nếu có) (→P.346)



(Nháy) Đèn chỉ báo OFF cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota[*1] (nếu có) (→P.347)



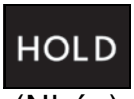
(Nháy) Đèn chỉ báo OFF hệ thống RCTA[*1] (nếu có) (→P.347)



(Nhấp nháy hoặc sáng) Đèn cảnh báo PCS[*1] (nếu có) (→P.347)


Đèn chỉ báo trượt[*1] (→P.348)


(Nháy) Đèn chỉ báo phanh đỗ (→P.348)



(Nháy) Đèn chỉ báo hoạt động của chức năng giữ phanh[*1] (nếu có) (→P.348)

[*1]: Những đèn này sẽ sáng khi công tắc động cơ được bật ON để chỉ ra rằng hệ thống đang thực hiện kiểm tra. Các đèn này sẽ tắt đi sau khi khởi động động cơ, hoặc sau một vài giây. Nếu đèn chỉ báo không sáng lên hoặc tắt thì có thể hệ thống đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe tại đại lý Toyota.

[*2]: Xe có màn hình đa thông tin: Những đèn này được hiển thị trên màn hình đa thông tin, chúng sẽ không bật khi đang thực hiện kiểm tra hệ thống, như đã được mô tả ở trên [*1].

[*3]: Xe có màn hình 12.3-inch: Đèn này sẽ sáng trên màn hình đa thông tin.

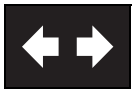
⚠ CẢNH BÁO

n Nếu đèn cảnh báo của hệ thống an toàn không sáng lên

Khi đèn cảnh báo của một hệ thống an toàn không sáng như là đèn cảnh báo của hệ thống ABS và hệ thống túi khí SRS, khi khởi động động cơ, điều đó có nghĩa là những hệ thống này không thể giúp bảo vệ bạn khi xảy ra tai nạn, và có thể dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng. Hãy đưa xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota ngay nếu thấy xảy ra hiện tượng trên.

Đèn chỉ báo

Các chỉ báo sẽ cảnh báo cho người lái biết về tình trạng hoạt động của các hệ thống trên xe.


Đèn chỉ báo xi nhan (→P.156)


Đèn chỉ báo đèn hậu (→P.163)


Đèn chỉ báo đèn pha chiếu xa (→P.165)


Đèn chỉ báo hệ thống chiếu xa tự động (nếu có) (→P.166)


Đèn sương mù phía trước (nếu có) (→P.169)


Đèn chỉ báo đèn sương mù phía sau (nếu có) (→P.169)



Đèn cảnh báo PCS[*1, 2] (nếu có) (→P.183)

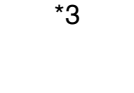

Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động (nếu có) (→P.205, 215, 225)


Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa (nếu có) (→P.205, 215)



Đèn chỉ báo "SET" của hệ thống điều khiển chạy tự động (nếu có) (→P.205, 215, 225)


Đèn chỉ báo LTA (nếu có) (→P.193)


[*3]
Đèn chỉ báo LDA (nếu có) (→P.201)


Đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe của hệ thống BSM[*4, 5, 6] (nếu có) (→P.228)



Chỉ báo BSM (nếu có) (→P.228)



Đèn chỉ báo OFF cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota[*1, 2] (nếu có) (→P.233)



Đèn chỉ báo OFF hệ thống RCTA[*1, 2] (nếu có) (→P.241)


(Nháy)
Đèn chỉ báo trượt[*1] (→P.248)



Đèn chỉ báo "TRC OFF"[*1, 2] (nếu có) (→P.248)



Đèn chỉ báo VSC OFF[*1, 2] (→P.248)


(Màu xanh lá)
Đèn chỉ báo của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh[*7] (nếu có) (→P.147)



Đèn chỉ báo phanh đỗ (→P.157, 158)



Đèn chỉ báo chế độ chờ của chức năng giữ phanh[*1] (nếu có) (→P.160)



Đèn chỉ báo hoạt động của chức năng giữ phanh[*1] (nếu có) (→P.160)



Đèn chỉ báo lái xe tiết kiệm nhiên liệu [*1] (nếu có) (→P.86)


Đèn chỉ báo nhiệt độ bên ngoài thấp[*8] (→P.72, 78)


Đèn chỉ báo an ninh[*10] (→P.56, 58)



Đèn chỉ báo "PASSENGER AIR BAG"[*1, 9] (nếu có) (→P.38)



Đèn chỉ báo chế độ Sport (nếu có) (→P.246)

[*1]: Những đèn này sẽ sáng khi công tắc động cơ được bật ON để chỉ ra rằng hệ thống đang thực hiện kiểm tra. Các đèn này sẽ tắt đi sau khi khởi động động cơ, hoặc sau một vài giây. Nếu đèn chỉ báo không sáng lên hoặc tắt thì có thể hệ thống đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe tại đại lý Toyota.

[*2]: Đèn này sáng lên khi hệ thống tắt.

[*3]: Tùy thuộc vào điều kiện hoạt động của hệ thống mà màu sắc và trạng thái (sáng/nhấp nháy) của đèn chỉ báo sẽ thay đổi tương ứng.

[*4]: Xe không có chức năng RCTA:

Để xác nhận hoạt động, đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài BSM sẽ sáng lên trong các trường hợp sau.

- Khi công tắc động cơ ở ON, chức năng BSM sẽ được bật trên (màn hình 7-inch) hoặc (màn hình 12.3-inch) của màn hình đa thông tin.
- Chức năng BSM sẽ được bật trên (màn hình 7-inch) hoặc (màn hình 12.3-inch) của màn hình đa thông tin, khi công tắc động cơ ở ON.

Nếu hệ thống đang hoạt động chính xác, các đèn chỉ báo bên ngoài xe của hệ thống BSM sẽ tắt sau vài giây.

Nếu các đèn chỉ báo cho gương chiếu hậu bên ngoài xe của hệ thống BSM không sáng hoặc không tắt, có thể đã có lỗi trong hệ thống.

Nếu điều này xảy ra, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

*5: Xe có chức năng RCTA:

Những đèn này sẽ sáng khi công tắc động cơ được bật ON để chỉ ra rằng hệ thống đang thực hiện kiểm tra. Các đèn này sẽ tắt đi sau khi khởi động động cơ, hoặc sau một vài giây. Nếu đèn chỉ báo không sáng lên hoặc tắt thì có thể hệ thống đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe tại đại lý Toyota.

*6: Đèn sẽ sáng trên gương chiếu hậu phía ngoài.

*7: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin.

*8: Khi nhiệt độ bên ngoài là từ khoảng 3°C trở xuống, đèn chỉ báo này sẽ nháy khoảng 10 giây sau đó sáng.

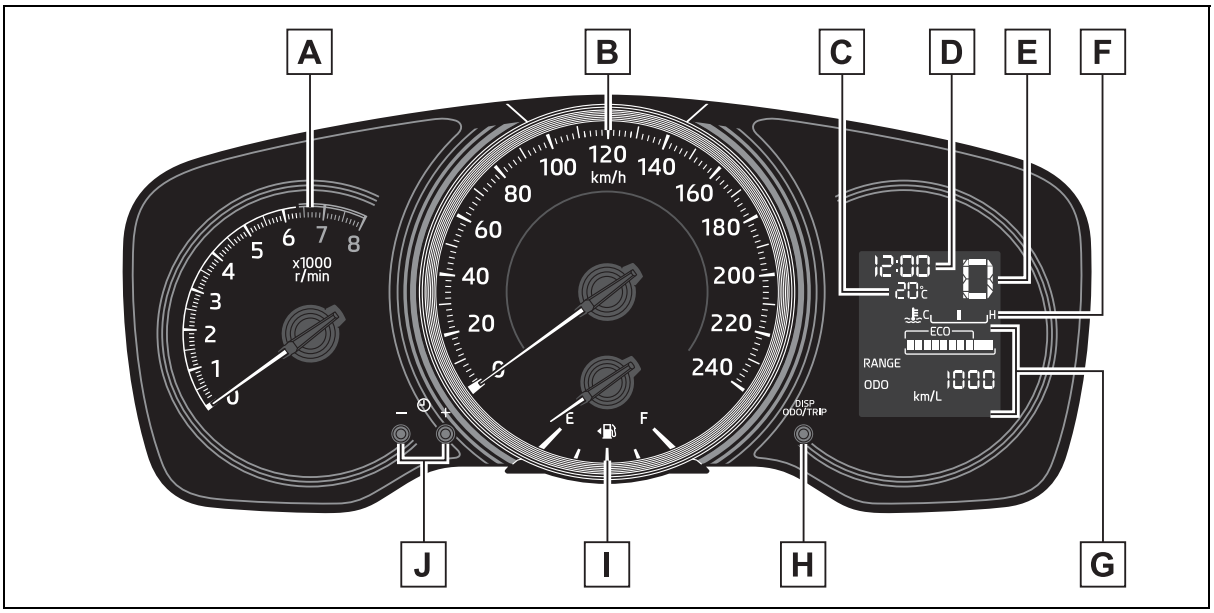
*9: Đèn này sẽ sáng trên bảng táp lô trung tâm.

*10: Xe có hệ thống điều hòa không khí tự động: Đèn này sáng trên bảng điều khiển điều hòa.

Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình hỗ trợ lái xe)

Hiển thị bảng táp lô

n Vị trí của đồng hồ báo và đồng hồ đo



A Đồng hồ tốc độ động cơ

Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút

B Đồng hồ tốc độ xe

C Nhiệt độ bên ngoài xe

Hiển thị nhiệt độ bên ngoài nằm trong khoảng từ -40°C đến 50°C

D Đồng hồ (→P.70)

E Đèn chỉ báo vị trí số và vị trí số (→P.152)

F Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ

G Màn hình hỗ trợ lái xe (→P.81)

H Nút thay đổi nội dung hiển thị của màn hình (→P.82)

Thay đổi hạng mục hiển thị trên màn hình hỗ trợ lái xe.

Nút “DISP” trên vô lăng cũng có thể sử dụng để thay đổi hạng mục hiển thị trên màn hình hỗ trợ lái xe.

I Đồng hồ đo nhiên liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình

J Nút điều chỉnh đồng hồ báo giờ (→P.70)

n **Màn hình nhiệt độ bên ngoài xe**

l Trong một số trường hợp sau, nhiệt độ chính xác bên ngoài xe có thể sẽ không được hiển thị hoặc thời gian hiển thị sẽ lâu hơn bình thường:

- Khi dừng xe, hoặc khi lái xe với tốc độ thấp (thấp hơn 25 km/h)
- Khi nhiệt độ bên ngoài xe thay đổi đột ngột (khi đi vào/ra khỏi nhà để xe hoặc đường hầm…)

l Khi "- -" hoặc "E" xuất hiện, hệ thống có thể đang bị hư hỏng. Hãy mang xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

⚠ CẢNH BÁO

n **Sử dụng màn hình thông tin ở nhiệt độ thấp**

Hãy sưởi ấm bên trong xe trước khi sử dụng màn hình tinh thể lỏng. Ở nhiệt độ cực thấp, những thông tin xuất hiện trên màn hình có thể sẽ phản hồi chậm, và hình ảnh thay đổi sẽ bị trễ.

Ví dụ, số của dải số xuất hiện trên màn hình bị trễ so với thao tác chuyển số của người lái. Sự chậm trễ đó dẫn đến việc người lái thực hiện lại thao tác xuống số, làm cho tốc độ động cơ tăng cao và lực phanh động cơ quá lớn và có thể dẫn tới tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng động cơ và các chi tiết của động cơ**

l Không để kim của đồng hồ tốc độ động cơ chỉ đến vùng đỏ, tức là tốc độ động cơ đạt mức tối đa.

l Động cơ có thể đã bị quá nhiệt nếu như đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát động cơ cao sáng lên. Trong trường hợp này, hãy dừng xe ngay lập tức tại vị trí an toàn và kiểm tra động cơ sau khi động cơ đã nguội hẳn. (→P.370)

Điều chỉnh giờ của đồng hồ

Sử dụng các nút chỉnh giờ để điều chỉnh đồng hồ báo giờ.

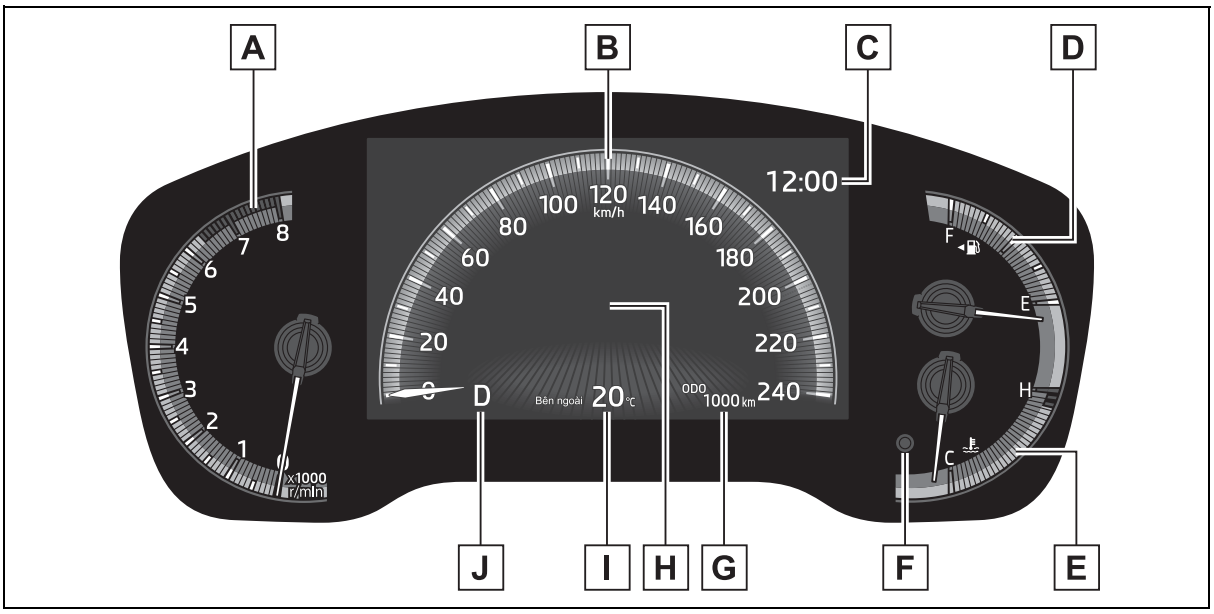
- Ấn nút "+" để chỉnh giờ hiển thị tăng.
- Ấn nút "-" để chỉnh giờ hiển thị giảm.

Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình 7-inch)

Hiển thị bảng táp lô

n Vị trí của đồng hồ báo và đồng hồ đo

▶ Đồng hồ tốc độ xe dạng Analog



A Đồng hồ tốc độ động cơ

Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút

B Đồng hồ tốc độ xe

C Đồng hồ (→P.74)

D Đồng hồ đo nhiên liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình

E Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ

F Nút thay đổi nội dung hiển thị của màn hình (→P.73)

G Hiển thị của đồng hồ công tơ mét và đồng hồ đo hành trình (→P.73)

H Màn hình đa thông tin

Thông báo cho người lái biết các dữ liệu của xe liên quan tới việc lái xe (→P.84)

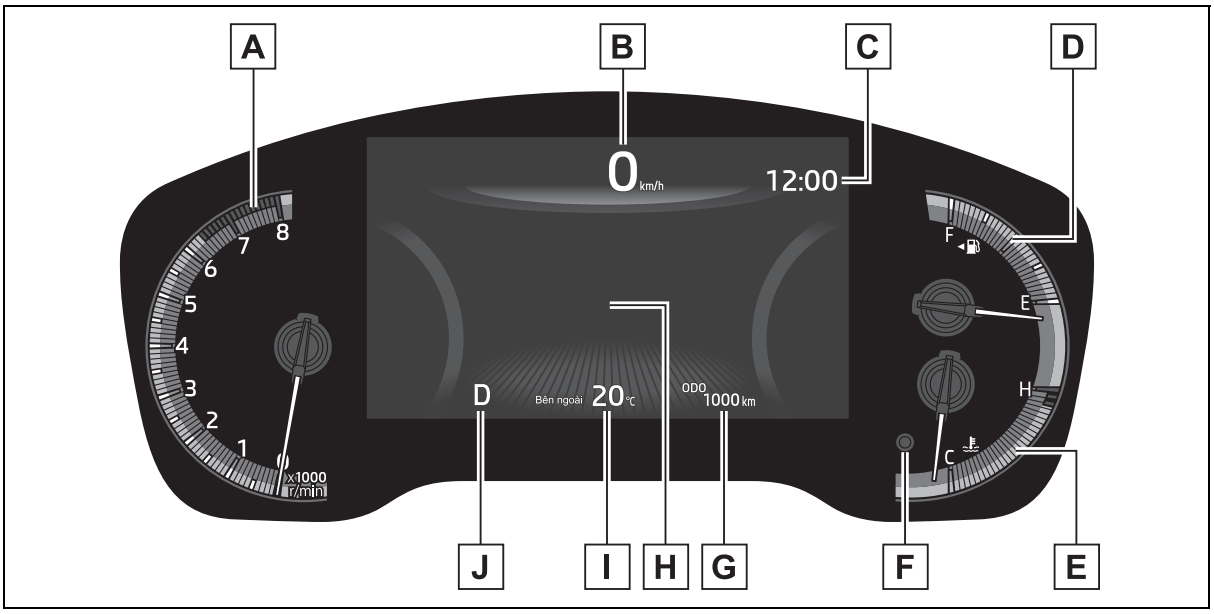
Hiển thị thông điệp cảnh báo nếu có trục trặc xuất hiện (→P.353)

I Nhiệt độ bên ngoài xe

Hiển thị nhiệt độ bên ngoài nằm trong khoảng từ -40°C đến 50°C

J Đèn chỉ báo vị trí cần số và vị trí số (→P.152)

▶ Đồng hồ tốc độ xe kiểu kỹ thuật số



A Đồng hồ tốc độ động cơ

Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút

B Đồng hồ tốc độ xe

C Đồng hồ (→P.74)

D Đồng hồ đo nhiên liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình

E Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ

F Nút thay đổi nội dung hiển thị của màn hình (→P.73)

G Hiển thị của đồng hồ công tơ mét và đồng hồ đo hành trình (→P.73)

H Màn hình đa thông tin

Thông báo cho người lái biết các dữ liệu của xe liên quan tới việc lái xe (→P.84)

Hiển thị thông điệp cảnh báo nếu có trục trặc xuất hiện (→P.353)

I Nhiệt độ bên ngoài xe

Hiển thị nhiệt độ bên ngoài nằm trong khoảng từ -40°C đến 50°C

J Đèn chỉ báo vị trí cần số và vị trí số (→P.152)

---

n **Màn hình nhiệt độ bên ngoài xe**

l Trong một số trường hợp sau, nhiệt độ chính xác bên ngoài xe có thể sẽ không được hiển thị hoặc thời gian hiển thị sẽ lâu hơn bình thường:

- Khi dừng xe, hoặc khi lái xe với tốc độ thấp (thấp hơn 25 km/h)
- Khi nhiệt độ bên ngoài xe thay đổi đột ngột (khi đi vào/ra khỏi nhà để xe hoặc đường hầm…)

l Khi “- -” hoặc “E” xuất hiện, hệ

thống có thể đang bị hư hỏng. Hãy mang xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

n Màn hình tinh thể lỏng

→P.85

n Tùy chọn

Có thể cài đặt tùy chọn cho đồng hồ đo và đồng hồ báo trên của màn hình đa thông tin. (→P.388)

⚠ CẢNH BÁO

n Sử dụng màn hình thông tin ở nhiệt độ thấp

Hãy sưởi ấm bên trong xe trước khi sử dụng màn hình tinh thể lỏng. Ở nhiệt độ cực thấp, những thông tin xuất hiện trên màn hình có thể sẽ phản hồi chậm, và hình ảnh thay đổi sẽ bị trễ.

Ví dụ, số của dải số xuất hiện trên màn hình bị trễ so với thao tác chuyển số của người lái. Sự chậm trễ đó dẫn đến việc người lái thực hiện lại thao tác xuống số, làm cho tốc độ động cơ tăng cao và lực phanh động cơ quá lớn và có thể dẫn tới tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

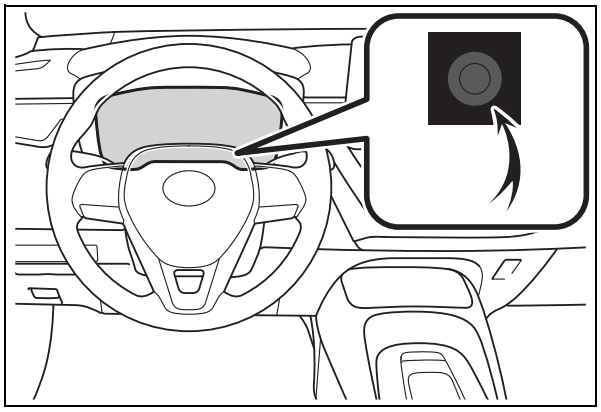
n Để tránh làm hư hỏng động cơ và các chi tiết của động cơ

- Không để kim của đồng hồ tốc độ động cơ chỉ đến vùng đỏ, tức là tốc độ động cơ đạt mức tối đa.
- Động cơ có thể bị quá nhiệt nếu như đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ chỉ tới vạch đỏ (vạch H). Trong trường hợp này, hãy đỗ ngay xe vào nơi an toàn, và kiểm tra động cơ sau khi nó đã nguội hẳn. (→P.370)

Hiển thị của đồng hồ công tơ mét và đồng hồ đo hành trình

n Thay đổi nội dung hiển thị

Hãy ấn nút thay đổi hiển thị cho tới khi hạng mục mong muốn xuất hiện.



n Các nội dung hiển thị

- Đồng hồ công tơ mét

Hiển thị tổng quãng đường mà xe đã đi được

- Đồng hồ hành trình A/Hành trình B

Thể hiện quãng đường mà xe đã đi được kể từ khi đồng hồ được đặt lại ở lần gần nhất. Đồng hồ đo hành trình A và B có thể được sử dụng để ghi lại và thông báo hai hành trình độc lập.

Để đặt lại, hãy chọn đồng hồ hành trình mà bạn cần đặt, sau đó ấn và giữ nút thay đổi hiển thị.

- Điều khiển đèn chiếu sáng đồng hồ công tơ mét

Hiển thị màn hình điều khiển đèn đồng hồ táp lô.

- Có thể điều chỉnh được độ sáng của đồng hồ táp lô một cách độc lập cho trường hợp bật và tắt đèn hậu.

• Để điều chỉnh độ sáng, hãy hiển thị màn hình điều khiển đèn đồng hồ táp lô và ấn giữ nút thay đổi hiển thị.

Điều chỉnh đồng hồ (xe không có hệ thống đa phương tiện)

n Điều chỉnh phút về giá trị "00"

1 Ấn 〈 hoặc 〉 để chọn  trên màn hình đa thông tin.

2 Ấn ∧ hoặc ∨ để chọn "Cài đặt đồng hồ : 00".

Ấn OK để trở về đồng hồ bắt đầu số giờ gần nhất.

Ví dụ

1:00 đến 1:29 → 1:00

Từ 1:30 đến 1:59 → 2:00

n Thay đổi đồng hồ

1 Ấn 〈 hoặc 〉 để chọn  trên màn hình đa thông tin.

2 Ấn ∧ hoặc ∨ để chọn "Cài đặt đồng hồ : 00".

3 Ấn và giữ nút OK .

4 Ấn 〈 hoặc 〉 để chọn một hạng mục cần thay đổi.

5 Ấn ∧ hoặc ∨ để thay đổi cài đặt.

Có thể thay đổi như sau:

- Định dạng 12 giờ/24 giờ
- Giờ
- Phút

Điều chỉnh đồng hồ (xe có hệ thống đa phương tiện)

n Điều chỉnh đồng hồ

Có thể điều chỉnh đồng hồ báo giờ trên màn hình hệ thống âm thanh như sau.

- Màn hình đa thông tin
- Màn hình hệ thống âm thanh

n Cài đặt của đồng hồ báo giờ được điều chỉnh tự động bằng GPS

1 Ấn nút "MENU".

2 Chọn "Cài đặt" trên màn hình "Menu".

3 Chọn mục "Chung" trên màn hình "Cài đặt".

4 Chọn "Cài đặt đồng hồ".

5 Hãy chọn "Điều chỉnh tự động bằng GPS" để đặt ở bật.

n Điều chỉnh giờ của đồng hồ bằng cách thủ công.

1 Ấn nút "MENU".

2 Chọn "Cài đặt" trên màn hình "Menu".

3 Chọn mục "Chung" trên màn hình "Cài đặt".

4 Chọn "Cài đặt đồng hồ".

5 Hãy chọn "Điều chỉnh tự động bằng GPS" để đặt ở tắt.

6 Điều chỉnh thời gian đã hiển thị.

- Giờ: Chọn "-" hoặc "+" để điều

chỉnh số giờ

- Phút: Chọn “-” hoặc “+” để điều chỉnh số phút
- “:00": Chọn để cài đặt đồng hồ về bắt đầu số giờ gần nhất.

Ví dụ

1:00 đến 1:29 → 1:00

Từ 1:30 đến 1:59 → 2:00

n Cài đặt múi giờ

1 Ấn nút "MENU".

2 Chọn "Cài đặt" trên màn hình "Menu".

3 Chọn mục “Chung” trên màn hình “Cài đặt”.

4 Chọn "Cài đặt đồng hồ".

5 Chọn mục "Múi giờ".

Chọn múi giờ mong muốn.

n Cài đặt thời gian hạn chế đèn sáng ban ngày

1 Ấn nút "MENU".

2 Chọn "Cài đặt" trên màn hình "Menu".

3 Chọn mục “Chung” trên màn hình “Cài đặt”.

4 Chọn "Cài đặt đồng hồ".

5 Chọn “Thời gian tiết kiệm chiếu sáng ban ngày” để bật/tắt.

n Chuyển giữa chế độ hiển thị định dạng 12 giờ và 24 giờ.

1 Ấn nút "MENU".

2 Chọn "Cài đặt" trên màn hình "Menu".

3 Chọn mục “Chung” trên màn hình “Cài đặt”.

4 Chọn "Cài đặt đồng hồ".

5 Chọn “Dạng thời gian 24 giờ” để bật/tắt.

Khi tắt, đồng hồ được hiển thị ở định dạng thời gian 12 giờ.

n Màn hình cài đặt đồng hồ (có hệ thống đa phương tiện)

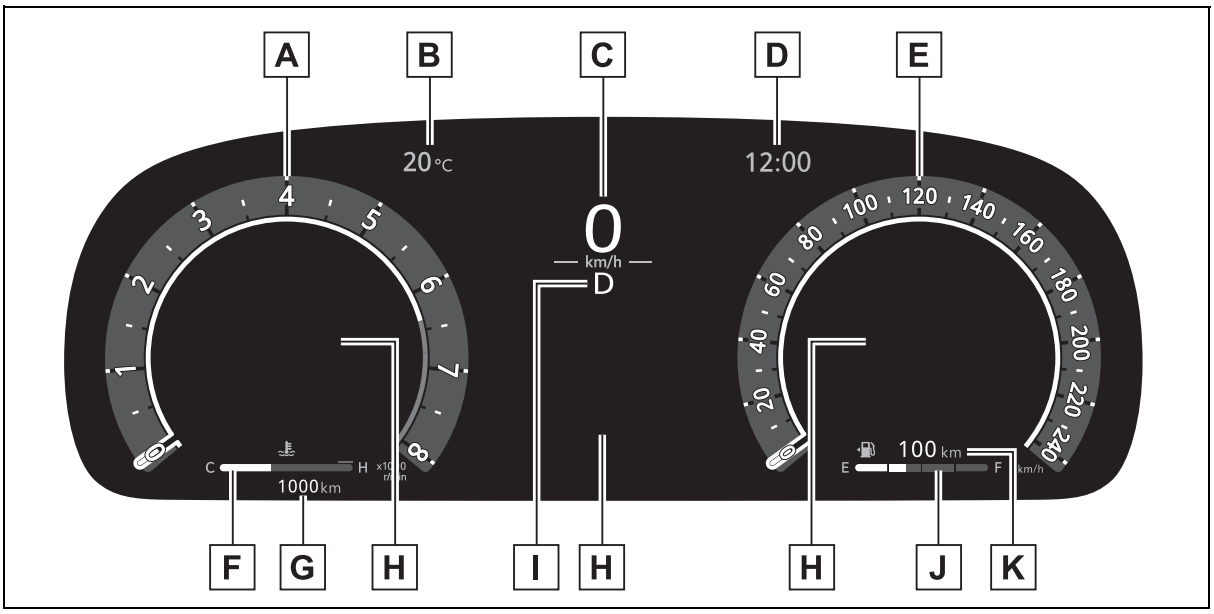
Nếu “Cài đặt đồng hồ : 00” được hiển thị khi chọn  trên màn hình đa thông tin, hệ thống có thể đang bị hư hỏng. Yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Đồng hồ báo và đồng hồ đo (màn hình 12.3-inch)

Hiển thị bảng táp lô

n Vị trí của đồng hồ báo và đồng hồ đo

▶ Kiểu 2 mặt đồng hồ



A Đồng hồ tốc độ động cơ

Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút

B Nhiệt độ bên ngoài xe

Hiển thị nhiệt độ bên ngoài nằm trong khoảng từ -40°C đến 50°C

C Đồng hồ tốc độ xe

D Đồng hồ (→P.80)

E Đồng hồ tốc độ xe

F Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ

G Hiển thị của đồng hồ công tơ mét và đồng hồ đo hành trình (→P.79)

H Màn hình đa thông tin

Thông báo cho người lái biết các dữ liệu của xe liên quan tới việc lái xe (→P.90)

Hiển thị thông điệp cảnh báo nếu có trục trặc xuất hiện (→P.353)

I Đèn chỉ báo vị trí số và vị trí số (→P.152)

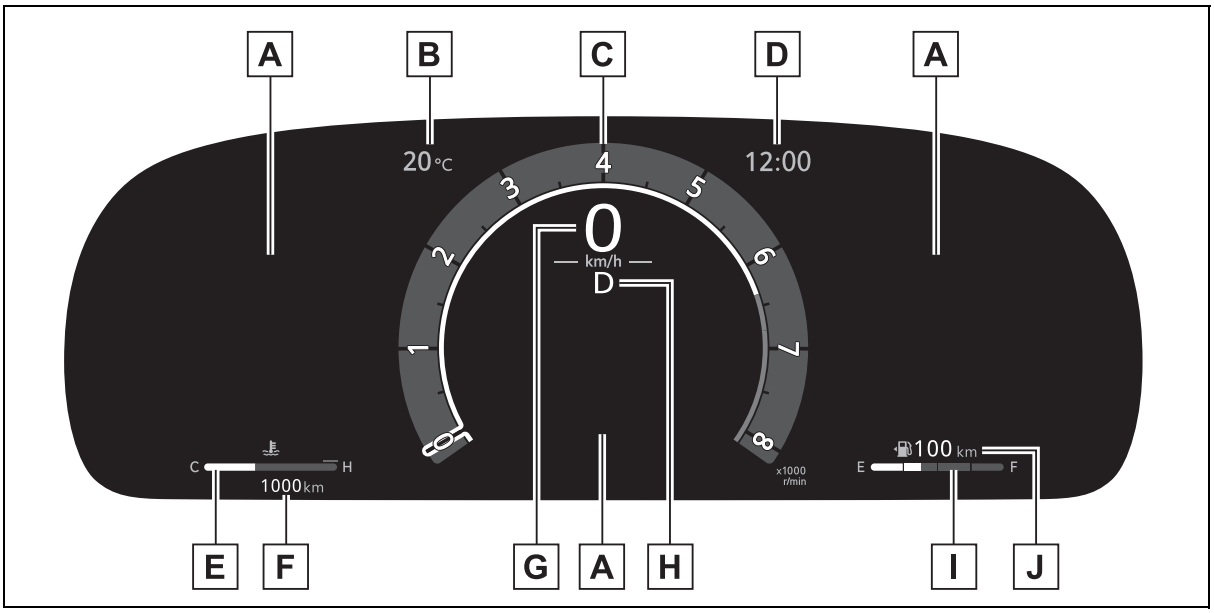
J Đồng hồ đo nhiên liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình

K Quãng đường xe có thể chạy được

Hiển thị quãng đường xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình. (→P.79)

▶ Màn hình 1 mặt đồng hồ



A Màn hình đa thông tin

Thông báo cho người lái biết các dữ liệu của xe liên quan tới việc lái xe (→P.90)

Hiển thị thông điệp cảnh báo nếu có trục trặc xuất hiện (→P.353)

B Nhiệt độ bên ngoài xe

Hiển thị nhiệt độ bên ngoài nằm trong khoảng từ -40°C đến 50°C

C Đồng hồ tốc độ xe/Đồng hồ tốc độ động cơ

Đồng hồ tốc độ động cơ: Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút

Có thay đổi được cài đặt này trên màn hình cài đặt. (→P.92)

D Đồng hồ (→P.80)

E Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ

F Hiển thị của đồng hồ công tơ mét và đồng hồ đo hành trình (→P.79)

G Đồng hồ tốc độ xe

H Đèn chỉ báo vị trí cần số và vị trí số (→P.152)

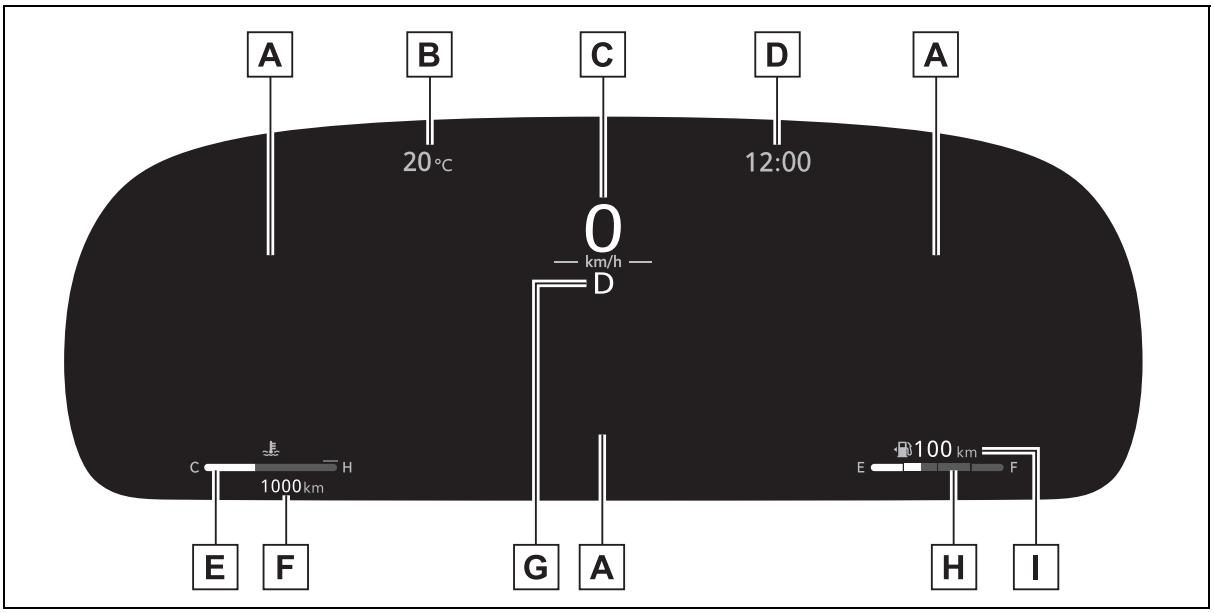
I Đồng hồ đo nhiên liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình

J Quãng đường xe có thể chạy được

Hiển thị quãng đường xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình. (→P.79)

▶ Màn hình không hiển thị đồng hồ



A Màn hình đa thông tin

Thông báo cho người lái biết các dữ liệu của xe liên quan tới việc lái xe (→P.90)

Hiển thị thông điệp cảnh báo nếu có trục trặc xuất hiện (→P.353)

B Nhiệt độ bên ngoài xe

Hiển thị nhiệt độ bên ngoài nằm trong khoảng từ -40°C đến 50°C

C Đồng hồ tốc độ xe

D Đồng hồ (→P.80)

E Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ

F Hiển thị của đồng hồ công tơ mét và đồng hồ đo hành trình (→P.79)

G Đèn chỉ báo vị trí cần số và vị trí số (→P.152)

H Đồng hồ đo nhiên liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình

I Quãng đường xe có thể chạy được

Hiển thị quãng đường xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình. (→P.79)

n **Màn hình nhiệt độ bên ngoài xe**

l Trong một số trường hợp sau, nhiệt độ chính xác bên ngoài xe có thể sẽ không được hiển thị hoặc thời gian hiển thị sẽ lâu hơn bình thường:

- Khi dừng xe, hoặc lái xe ở tốc độ thấp (nhỏ hơn 20 km/h)

- Khi nhiệt độ bên ngoài xe thay đổi đột ngột (khi đi vào/ra khỏi nhà để xe hoặc đường hầm…)

l Khi "- -" hoặc "E" xuất hiện, hệ thống có thể đang bị hư hỏng. Hãy mang xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

n **Quãng đường xe có thể chạy được**

l Sử dụng các giá trị hiển thị chỉ cho mục đích tham khảo.

l Khoảng cách này được tính toán dựa trên mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe. Do vậy quãng đường thực tế xe có thể chạy được có thể sẽ không giống với giá trị được hiển thị.

l Khi chỉ nạp một lượng nhiên liệu nhỏ vào bình, thì màn hình có thể sẽ không cập nhật thông tin này. Khi nạp nhiên liệu, hãy tắt công tắc động cơ. Nếu nạp nhiên liệu mà không tắt công tắc động cơ, thông số này có thể sẽ không được cập nhật.

n **Màn hình tinh thể lỏng**

→P.90

n **Thông tin phần mềm nguồn mở/phần mềm tự do**

Sản phẩm này bao gồm cả phần mềm mã nguồn mở/phần mềm miễn phí (FOSS). Thông tin bản quyền và/hoặc mã nguồn của FOSS có thể tìm thấy trong đường dẫn sau.

https://www.denso.com/global/en/opensource/meter/toyota/

n **Tùy chọn**

Có thể cài đặt tùy chọn cho đồng hồ đo và đồng hồ báo trên ⚙ của màn hình đa thông tin. (→P.388)

⚠ CẢNH BÁO

n **Sử dụng màn hình thông tin ở nhiệt độ thấp**

Hãy sưởi ấm bên trong xe trước khi sử dụng màn hình tinh thể lỏng. Ở nhiệt độ cực thấp, những thông tin xuất hiện trên màn hình có thể sẽ phản hồi chậm, và hình ảnh thay đổi sẽ bị trễ.

Ví dụ, số của dải số xuất hiện trên màn hình bị trễ so với thao tác chuyển số của người lái. Sự chậm trễ đó dẫn đến việc người lái thực hiện lại thao tác xuống số, làm cho tốc độ động cơ tăng cao và lực phanh động cơ quá lớn và có thể dẫn tới tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng động cơ và các chi tiết của động cơ**

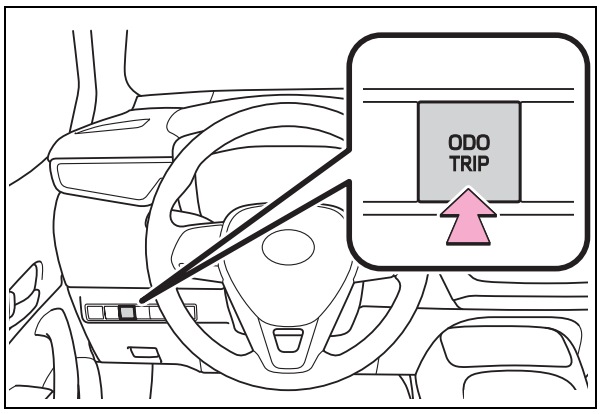
l Không để kim của đồng hồ tốc độ động cơ chỉ đến vùng đỏ, tức là tốc độ động cơ đạt mức tối đa.

l Động cơ có thể bị quá nhiệt nếu như đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ chỉ tới vạch đỏ (vạch H). Trong trường hợp này, hãy đỗ ngay xe vào nơi an toàn, và kiểm tra động cơ sau khi nó đã nguội hẳn. (→P.370)

Hiển thị của đồng hồ công tơ mét và đồng hồ đo hành trình

n **Thay đổi nội dung hiển thị**

Hiển thị sẽ thay đổi, qua mỗi lần ấn nút "ODO TRIP". Khi đồng hồ đo hành trình được hiển thị, việc ấn và giữ nút này sẽ đặt lại đồng hồ đo hành trình.



n Các nội dung hiển thị

- Đồng hồ công tơ mét

Hiển thị tổng quãng đường mà xe đã đi được

- Đồng hồ hành trình A/Hành trình B

Thể hiện quãng đường mà xe đã đi được kể từ khi đồng hồ được đặt lại ở lần gần nhất. Đồng hồ đo hành trình A và B có thể được sử dụng để ghi lại và thông báo hai hành trình độc lập.

Để cài đặt lại, hiển thị những hạng mục mong muốn, hãy ấn và giữ nút "ODO TRIP".

Thay đổi độ sáng đèn đồng hồ táp lô

Có thể thay đổi độ sáng của đèn đồng hồ táp lô trên ⚙ của màn hình đa thông tin.

1 Chọn ⚙ trên màn hình đa thông tin.

2 Hãy ấn vào nút điều khiển đồng hồ ∧ hoặc ∨ để chọn "Điều chỉnh độ sáng đồng hồ táp lô".

3 Ấn và giữ công nút điều khiển đồng hồ táp lô OK .

4 Ấn 〈 hoặc 〉 để điều chỉnh độ sáng.

Điều chỉnh đồng hồ (xe không có hệ thống đa phương tiện)

n Điều chỉnh phút về giá trị "00"

1 Chọn ⚙ trên màn hình đa thông tin và sau đó ấn OK .

2 Ấn ∧ hoặc ∨ để chọn "Cài đặt đồng hồ", sau đó ấn và giữ OK .

3 Ấn ∧ hoặc ∨ để điều "Cài đặt đồng hồ".

Ấn OK để trở về đồng hồ bắt đầu số giờ gần nhất.

Ví dụ

1:00 đến 1:29 → 1:00

Từ 1:30 đến 1:59 → 2:00

n Thay đổi đồng hồ

1 Chọn ⚙ trên màn hình đa thông tin và sau đó ấn OK .

2 Ấn ∧ hoặc ∨ để chọn "Cài đặt đồng hồ", sau đó ấn và giữ OK .

3 Ấn và giữ nút OK .

4 Hãy ấn vào nút điều khiển đồng hồ ^ hoặc nút v để thay đổi cài đặt.

Có thể thay đổi như sau:

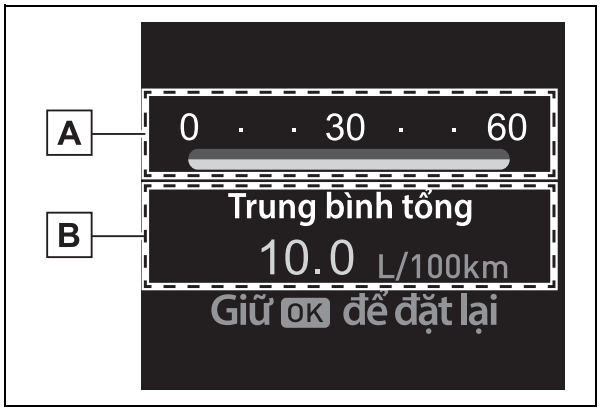
- Định dạng 12 giờ/24 giờ
- Giờ
- Phút

Màn hình hỗ trợ lái xe*

*: Nếu có

Nội dung hiển thị

Có thể hiển thị được nhiều thông tin liên quan đến lái xe. Có thể thay đổi các cài đặt xe.



n **Màn hình tinh thể lỏng**

Những đốm nhỏ hoặc đốm sáng có thể sẽ xuất hiện trên màn hình. Hiện tượng này là đặc tính thông thường của màn hình tinh thể lỏng, vì vậy bạn có thể yên tâm tiếp tục sử dụng màn hình.

CẢNH BÁO

n **Lưu ý sử dụng trong khi lái xe**

l Khi sử dụng màn hình hỗ trợ lái xe khi đang lái xe, hãy để ý kỹ đến an toàn xung quanh xe.

l Không được nhìn liên tục vào màn hình hỗ trợ lái xe khi đang lái xe vì có thể không quan sát kịp người đi bộ, vật thể trên đường hoặc ở phía trước xe.

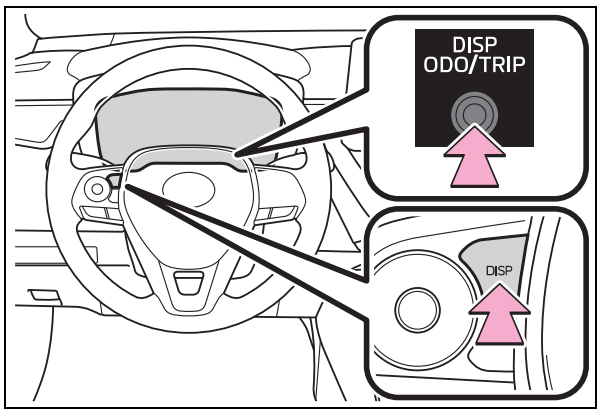
n **Sử dụng màn hình thông tin ở nhiệt độ thấp**

→P.70

Thay đổi nội dung hiển thị

Để thay đổi mục hiển thị, hãy ấn nút thay đổi hiển thị hoặc nút “DISP”.

Hạng mục hiển thị sẽ được thay đổi mỗi khi ấn nút này.



Thông tin hành trình/Thông tin lái xe/Điều khiển đèn chiếu sáng đồng hồ táp lô

n Các nội dung hiển thị

- Đồng hồ công tơ mét

“ODO” sẽ được hiển thị.

Hiển thị tổng quãng đường mà xe đã đi được

- Đồng hồ hành trình A/Hành trình B

“TRIP A”/”TRIP B” sẽ được hiển thị.

Thể hiện quãng đường mà xe đã đi được kể từ khi đồng hồ được đặt lại ở lần gần nhất. Đồng hồ đo hành trình A và B có thể được sử dụng để ghi lại và thông báo hai hành trình độc lập.

Để đặt lại, hãy chọn đồng hồ hành trình mà bạn cần đặt, sau đó ấn và giữ nút thay đổi hiển thị hoặc nút “DISP”.

- Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời.

- Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình (sau khi đặt lại)

“AVG.” sẽ được hiển thị.

Thông báo mức tiêu hao nhiên liệu trung bình tính từ khi chức năng này được đặt lại.

Để đặt lại, hiển thị tiêu hao nhiên liệu trung bình, và ấn và giữ nút thay đổi hiển thị hoặc nút “DISP”.

- Quãng đường xe có thể chạy được

“RANGE” sẽ được hiển thị.

Hiển thị quãng đường xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình.

Khoảng cách này được tính toán dựa trên mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe. Do vậy quãng đường thực tế xe có thể chạy được có thể sẽ không giống với giá trị được hiển thị.

Khi chỉ nạp một lượng nhiên liệu nhỏ vào bình, hệ thống có thể sẽ không cập nhật thông tin về sự thay đổi này. Khi nạp lại nhiên liệu, hãy tắt công tắc động cơ. Nếu bạn nạp nhiên liệu nhưng không tắt công tắc động cơ, giá trị này sẽ không được cập nhật trên màn hình.

- Tốc độ trung bình của xe (sau khi khởi động)

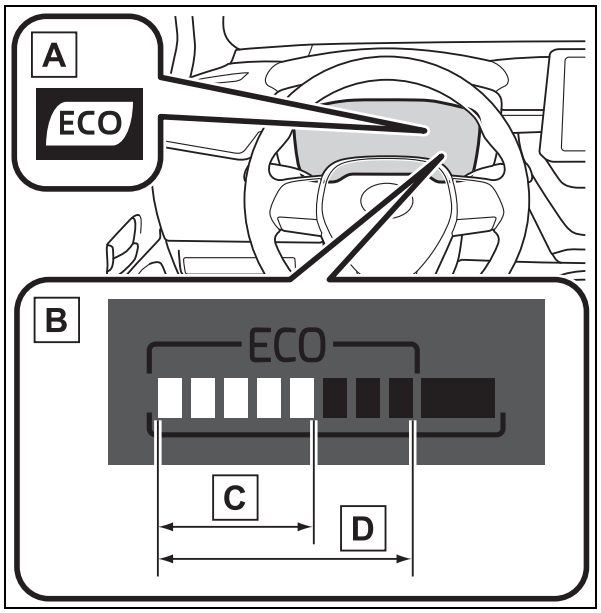
Hiển thị tốc độ trung bình của xe từ khi khởi động động cơ.

- Điều khiển đèn chiếu sáng đồng hồ công tơ mét

Hiển thị màn hình điều khiển đèn đồng hồ táp lô.

- Có thể điều chỉnh được độ sáng của đồng hồ táp lô một cách độc lập cho trường hợp bật và tắt đèn hậu.
- Để điều chỉnh độ sáng, hãy hiển thị màn hình điều khiển đèn đồng hồ táp lô và ấn giữ nút thay đổi hiển thị hoặc nút "DISP".

Đèn chỉ báo lái xe Eco (nếu có)



A Đèn chỉ báo lái xe Eco

Khi tăng tốc độ xe đúng theo chế độ tiết kiệm nhiên liệu (lái xe Eco), đèn chỉ báo lái xe Eco sẽ sáng. Khi tăng ga vượt quá vùng lái xe Eco hoặc khi xe được đỗ lại, thì đèn sẽ tắt.

B Hiển thị vùng chỉ báo lái xe Eco

Gợi ý vùng lái xe Eco với tỷ lệ lái xe Eco hiện tại dựa trên quá trình tăng tốc.

C Tỷ lệ lái xe Eco dựa trên quá trình tăng tốc

Khi tăng tốc vượt quá vùng lái xe Eco, phía bên phải của vùng chỉ báo màn hình chế độ lái xe tiết kiệm nhiên liệu sẽ nháy.

Tại thời điểm này, đèn chỉ báo lái xe Eco sẽ tắt.

D Vùng lái xe Eco

n Đèn chỉ báo lái xe Eco

Đèn chỉ báo lái xe Eco sẽ không hoạt động khi ở các điều kiện sau:

- Khi cần chuyển số không ở vị trí D.
- Khi chế độ lái xe được đặt ở chế độ sport (thể thao) Sport. (nếu có)
- Khi tốc độ xe đạt xấp xỉ từ 130 km/h trở lên.

Màn hình cài đặt

n Có thể thay đổi các cài đặt màn hình đồng hồ táp lô

- Cài đặt đồng hồ báo giờ

→P.70

- Đèn chỉ báo lái xe tiết kiệm nhiên liệu (nếu có)

Chọn để bật/tắt đèn chỉ báo lái xe Eco.

n Tùy chọn hiển thị

1. Để thay đổi màn hình chế độ tùy chỉnh, hiển thị đồng hồ công tơ mét, hãy ấn và ấn giữ nút thay đổi hiển thị hoặc nút "DISP".
2. Hãy ấn nút thay đổi hiển thị hoặc nút "DISP" để thay đổi hạng mục hiển thị.

Thông số được hiển thị sẽ bị thay đổi mỗi khi ấn nút này.

3. Ấn và giữ nút thay đổi hiển thị hoặc nút "DISP" để thay đổi cài đặt của hạng mục.

Mỗi lần ấn và giữ nút, cài đặt sẽ

được thay đổi.

Để thoát khỏi màn hình cài đặt, hãy ấn nút thay đổi hiển thị cho đến khi End xuất hiện, sau đó ấn và giữ nút hoặc công tắc.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi cài đặt màn hình**

Nếu động cơ đang nổ máy trong khi thay đổi cài đặt hiển thị, do đó hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ tại vị trí thông gió tốt. Trong khu vực kín, như ở gara, khí xả có chứa khí CO (cácbon mômôxít) độc hại có thể ngưng tụ và xâm nhập vào trong xe. Điều này có thể dẫn tới tử vong hoặc gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe.

⚠ CHÚ Ý

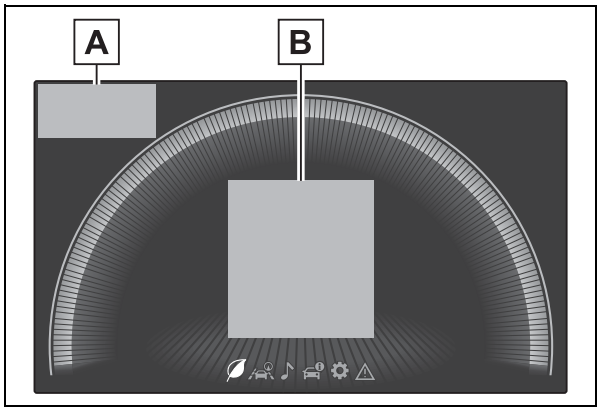
n **Trong khi cài đặt màn hình**

Để tránh làm hết điện của ắc quy, hãy đảm bảo rằng động cơ đang chạy trong khi tiến hành cài đặt các tính năng hiển thị.

Màn hình đa thông tin (màn hình 7-inch)

Màn hình và các biểu tượng của menu

n **Màn hình**



A Vùng hiển thị tình trạng của hệ thống hỗ trợ lái xe

Hiển thị hình ảnh khi các hệ thống sau đang hoạt động và một biểu tượng của menu khác với được chọn:

- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)
- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn có liên kết điều khiển lái) (nếu có)
- Điều khiển chạy tự động (nếu có)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa với dải tốc độ tối đa (nếu có)

B Vùng hiển thị nội dung

Bằng cách lựa chọn các biểu tượng của menu trên màn hình đa thông tin, có thể hiển thị được các loại thông tin liên quan đến lái xe. Cũng có thể sử dụng màn hình đa thông tin để thay đổi các cài đặt màn hình và cài đặt khác.

Có thể hiển thị được màn hình cảnh báo hoặc khuyến nghị trong một số tình huống nhất định.

n Các biểu tượng của Menu

Các biểu tượng menu sẽ được hiển thị bằng cách ấn 〈 hoặc 〉 của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.


Hiển thị thông tin lái (→P.86)


Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe (→P.87)


Hiển thị liên kết với hệ thống âm thanh (nếu có) (→P.87)


Hiển thị thông tin xe (→P.88)


Màn hình cài đặt (→P.88)


Màn hình thông điệp cảnh báo (→P.353)

n Màn hình tinh thể lỏng

Những đốm nhỏ hoặc đốm sáng có thể sẽ xuất hiện trên màn hình. Hiện tượng này là đặc tính thông thường của màn hình tinh thể lỏng, vì vậy bạn có thể yên tâm tiếp tục sử dụng màn hình.

⚠ CẢNH BÁO

n Lưu ý sử dụng trong khi lái xe

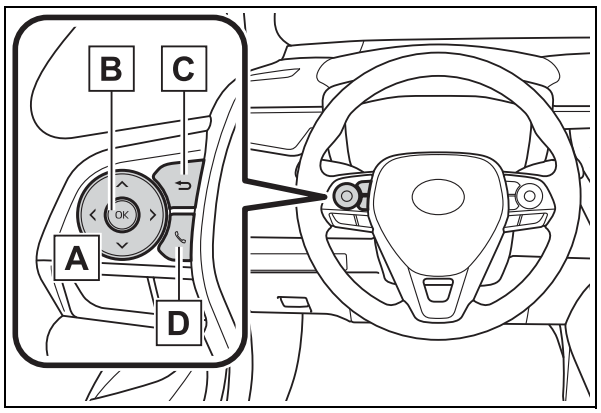
- Khi sử dụng màn hình đa thông tin khi đang lái xe, hãy để ý kỹ đến an toàn xung quanh xe.
- Không được nhìn liên tục màn hình đa thông tin trong khi lái xe bởi bạn có thể khó quan sát người đi bộ, vật thể trên đường … ở phía trước xe bạn.

n Sử dụng màn hình thông tin ở nhiệt độ thấp

→P.73

Thay đổi hiển thị đồng hồ

Người lái có thể điều khiển màn hình đa thông tin bằng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.



A 〈 / 〉: Chọn một biểu tượng của menu

∧/∨: Thay đổi nội dung hiển thị, cuộn màn hình lên/xuống và di chuyển con trỏ lên/xuống

B Ấn nút: Nhập/Đặt

Ấn và giữ nút: Đặt lại/Hiển thị các hạng mục tùy chọn.

C Trở về màn hình trước đó

D Màn hình cuộc gọi đi/cuộc gọi đến và màn hình lịch sử

Xe có hệ thống đa phương tiện: Liên kết với hệ thống điện đàm rảnh tay, cuộc gọi đi hoặc đến sẽ được hiển thị. Để biết thông tin chi tiết về hệ thống điều khiển rảnh tay, hãy tham khảo tài liệu "Hướng dẫn sử dụng hệ thống nghe-nhìn trên xe".

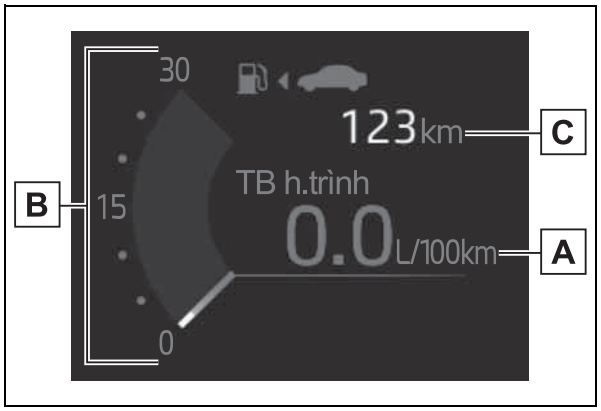
Nội dung thông tin lái xe

n Các nội dung hiển thị

- Tiết kiệm nhiên liệu
- Đèn chỉ báo lái xe Eco/Quãng đường xe có thể đi được

n Tiết kiệm nhiên liệu

Sử dụng các giá trị hiển thị chỉ cho mục đích tham khảo.



A Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình (sau khi đặt lại)

Để đặt lại hiển thị nhiên liệu trung bình, hãy ấn và giữ OK của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

B Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời.

C Quãng đường xe có thể chạy được

Hiển thị quãng đường xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình.

Khoảng cách này được tính toán dựa trên mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe. Do vậy quãng đường thực tế xe có thể chạy được có thể sẽ không giống với giá trị được hiển thị.

Khi chỉ nạp một lượng nhiên liệu nhỏ vào bình, hệ thống có thể sẽ không cập nhật thông tin về sự thay đổi này. Khi nạp lại nhiên liệu, hãy tắt công tắc động cơ. Nếu bạn nạp nhiên liệu nhưng không tắt công tắc động cơ, giá trị này sẽ không được cập nhật trên màn hình.

Có thể thay đổi hiển thị tiêu hao nhiên liệu trung bình tại . (→P.88)

- Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình (sau khi khởi động)

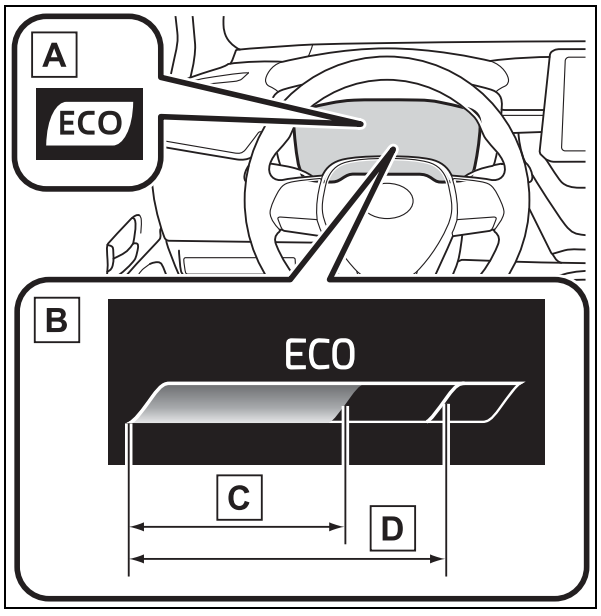
Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ khi động cơ khởi động.

- Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình (sau khi nạp lại)

Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ khi xe được nạp nhiên liệu.

n Đèn chỉ báo lái xe Eco/Quãng đường xe có thể đi được

- Đèn chỉ báo lái xe Eco



A Đèn chỉ báo lái xe Eco

Khi tăng tốc độ xe đúng theo chế độ tiết kiệm nhiên liệu (lái xe Eco), đèn chỉ báo lái xe Eco sẽ sáng. Khi tăng ga vượt quá vùng lái xe Eco hoặc khi

xe được đỗ lại, thì đèn sẽ tắt.

B Hiển thị vùng chỉ báo lái xe Eco

Gợi ý vùng lái xe Eco với tỷ lệ lái xe Eco hiện tại dựa trên quá trình tăng tốc.

C Tỷ lệ lái xe Eco dựa trên quá trình tăng tốc

Nếu bạn tăng tốc vượt quá vùng lái xe Eco, phía bên phải của hiển thị vùng chỉ báo lái xe Eco sẽ sáng.

Tại thời điểm này, đèn chỉ báo lái xe Eco sẽ tắt.

D Vùng lái xe Eco

- Quãng đường xe có thể chạy được

Hiển thị quãng đường xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình. Sử dụng các giá trị hiển thị chỉ cho mục đích tham khảo.

Khoảng cách này được tính toán dựa trên mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe. Do vậy quãng đường thực tế xe có thể chạy được có thể sẽ không giống với giá trị được hiển thị.

Khi chỉ nạp một lượng nhiên liệu nhỏ vào bình, hệ thống có thể sẽ không cập nhật thông tin về sự thay đổi này. Khi nạp lại nhiên liệu, hãy tắt công tắc động cơ. Nếu bạn nạp nhiên liệu nhưng không tắt công tắc động cơ, giá trị này sẽ không được cập nhật trên màn hình.

---

n **Đèn chỉ báo lái xe Eco**

Đèn chỉ báo lái xe Eco sẽ không hoạt động khi ở các điều kiện sau:

- Khi cần chuyển số không ở vị trí D.
- Khi chế độ lái xe được đặt ở chế độ sport (thể thao) Sport. (nếu có)
- Khi tốc độ xe đạt xấp xỉ từ 130 km/h trở lên.

Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe

n **Thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe**

Có thể hiển thị trạng thái hoạt động của những hệ thống sau:

- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có) (→P.188)
- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn có liên kết điều khiển lái) (nếu có) (→P.197)
- Điều khiển chạy tự động (nếu có) (→P.225)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa (nếu có) (→P.205)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có) (→P.215)

Hiển thị liên kết với hệ thống âm thanh (nếu có)

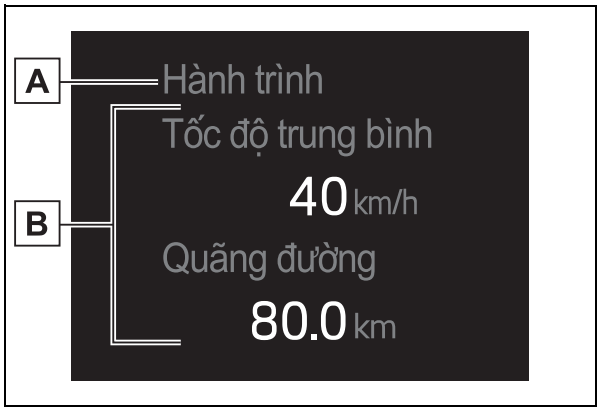
Hãy chọn mục này để cho phép chọn nguồn âm thanh hoặc bản nhạc trên đồng hồ bằng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

Biểu tượng menu này có thể được đặt để hiển thị/không hiển thị trong .

Hiển thị thông tin xe

n Thông tin lái

Hiển thị thông tin lái như sau:



A Kiểu thông tin lái xe

B Các hạng mục thông tin lái xe

Hiển thị các thông tin sau tùy thuộc vào kiểu thông tin và những hạng mục thông tin đã được chọn trong . (→P.88)

● Sau khi khởi động

- Quãng đường: Hiển thị quãng đường xe đã đi được kể từ khi động cơ nổ máy
- Thời gian đã qua: Hiển thị thời gian kể từ khi khởi động động cơ
- Tốc độ trung bình của xe: Hiển thị tốc độ trung bình của xe từ khi khởi động động cơ

● Sau khi đặt lại

- Quãng đường: Hiển thị khoảng cách lái xe kể từ khi thông số này được đặt lại*
- Thời gian đã qua: Hiển thị tổng thời gian kể từ khi thông số này được đặt lại*
- Tốc độ trung bình của xe: Hiển thị tốc độ xe trung bình của xe kể từ khi màn hình được đặt lại*

*: Để đặt lại, hiển thị những hạng mục mong muốn, hãy ấn và giữ OK của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

Màn hình cài đặt

n Có thể thay đổi các cài đặt màn hình đồng hồ táp lô

● Cài đặt đồng hồ (xe có hệ thống đa phương tiện)

→P.74

● Ngôn ngữ

Chọn để thay đổi ngôn ngữ hiển thị.

● Đơn vị đo

Chọn để thay đổi hiển thị đơn vị đo.

● Đồng hồ tốc độ

Chọn để cài đặt màn hình tốc độ xe ở kiểu kỹ thuật số hoặc kiểu analog.

● Đèn chỉ báo lái xe Eco

Chọn để bật/tắt đèn chỉ báo lái xe Eco.

●

- Hiển thị kinh tế nhiên liệu

Chọn để thay đổi hiển thị tiêu hao nhiên liệu trung bình giữa sau khi khởi động và sau khi đặt lại. (→P.86)

● (nếu có)

Hãy chọn để hiển thị/tắt hiển thị thông tin liên kết với hệ thống âm thanh.

●

Chọn để thay đổi nội dung hiển thị như sau:

- Kiểu thông tin lái xe

Chọn để thay đổi hiển thị kiểu thông tin lái xe giữa sau khi khởi động/sau

khi đặt lại.

• Các hạng mục thông tin lái xe

Chọn để đặt các hạng mục thứ nhất và thứ 2 của màn hình thông tin lái xe đến bất kỳ vị trí nào sau đây: tốc độ trung bình/khoảng cách lái xe/thời gian.

● Màn hình pop-up

Chọn để kích hoạt/bỏ kích hoạt màn hình (pop-up) cho từng hệ thống liên quan.

● Tắt màn hình đa thông tin

Chọn để tắt màn hình đa thông tin.

Để bật lại màn hình đa thông tin, hãy một trong các nút bất kỳ ∧/∨/〈/〉/OK/⮌.

● Cài đặt mặc định

Chọn để đặt lại các cài đặt của màn hình đồng hồ táp lô về giá trị mặc định.

n **Có thể thay đổi được các chức năng của xe và các cài đặt**

→P.387

n **Tình trạng treo của màn hình cài đặt**

l Có một vài hạng mục không thể thay đổi cài đặt trong khi lái xe. Hãy dừng xe tại một địa điểm an toàn khi thay đổi các cài đặt.

l Nếu xuất hiện một thông điệp báo lỗi, hoạt động của màn hình cài đặt sẽ bị treo.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi cài đặt màn hình**

Nếu động cơ đang nổ máy trong khi thay đổi cài đặt hiển thị, do đó hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ tại vị trí thông gió tốt. Trong khu vực kín, như ở gara, khí xả có chứa khí CO (cácbon mômôxít) độc hại có thể ngưng tụ và xâm nhập vào trong xe. Điều này có thể dẫn tới tử vong hoặc gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe.

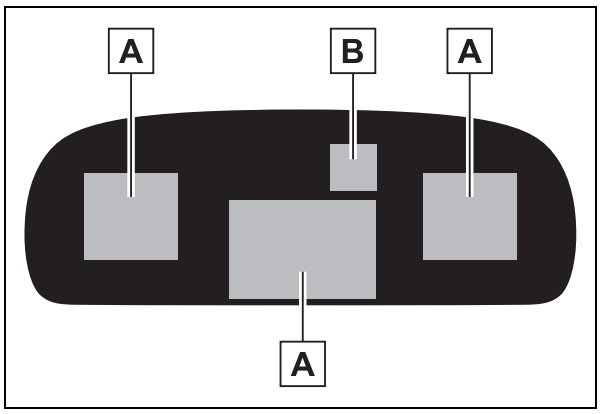
⚠ CHÚ Ý

n **Trong khi cài đặt màn hình**

Để tránh làm hết điện của ắc quy, hãy đảm bảo rằng động cơ đang chạy trong khi tiến hành cài đặt các tính năng hiển thị.

Màn hình đa thông tin (màn hình 12.3-inch)

Màn hình



A Vùng hiển thị nội dung

Có thể hiển thị được các loại thông tin liên quan đến lái xe. Cũng có thể sử dụng màn hình đa thông tin để thay đổi các cài đặt màn hình và cài đặt khác.

Có thể hiển thị được màn hình cảnh báo hoặc khuyến nghị trong một số tình huống nhất định.

B Vùng hiển thị tình trạng của hệ thống hỗ trợ lái xe

Hiển thị màn hình thu gọn của trạng thái hệ thống hỗ trợ lái xe khi không chọn vùng hiển thị nội dung, khi có hệ thống bất kỳ trong các hệ thống sau đây đang hoạt động:

- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có) (→P.188)
- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn có liên kết điều khiển lái) (nếu có) (→P.197)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa (nếu có) (→P.205)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có) (→P.215)
- Điều khiển chạy tự động (nếu có) (→P.225)

n **Màn hình tinh thể lỏng**

Những đốm nhỏ hoặc đốm sáng có thể sẽ xuất hiện trên màn hình. Hiện tượng này là đặc tính thông thường của màn hình tinh thể lỏng, vì vậy bạn có thể yên tâm tiếp tục sử dụng màn hình.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý sử dụng trong khi lái xe**

l Khi sử dụng màn hình đa thông tin khi đang lái xe, hãy để ý kỹ đến an toàn xung quanh xe.

l Không được nhìn liên tục màn hình đa thông tin trong khi lái xe bởi bạn có thể khó quan sát người đi bộ, vật thể trên đường … ở phía trước xe bạn.

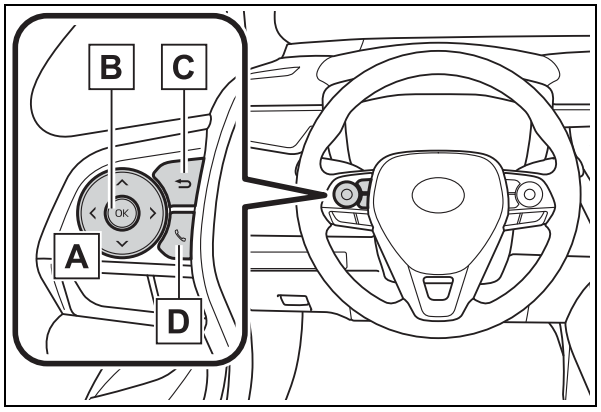
n **Sử dụng màn hình thông tin ở nhiệt độ thấp**

→P.79

Thay đổi hiển thị đồng hồ

n **Các nút điều khiển đồng hồ táp lô**

Người lái có thể điều khiển màn hình đa thông tin bằng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.



A 〈 / 〉 : Chọn màn hình đa thông tin

∧/∨ : Thay đổi nội dung hiển thị, hãy cuộn lên/xuống màn hình và di chuyển con trỏ lên/xuống

B Ấn nút: Nhập/Đặt
Ấn và giữ nút: Đặt lại/Hiển thị các hạng mục tùy chọn.

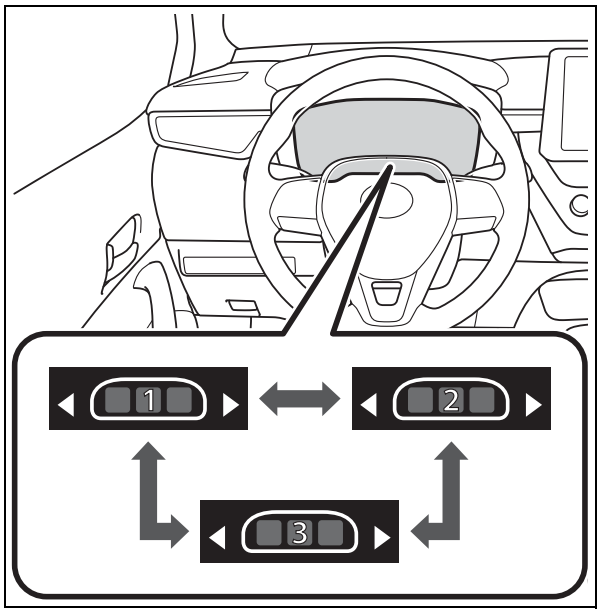
C Trở về màn hình trước đó

D Màn hình cuộc gọi đi/cuộc gọi đến và màn hình lịch sử

Xe có hệ thống đa phương tiện: Liên kết với hệ thống rảnh tay, sẽ hiển thị được cuộc gọi đi hoặc cuộc gọi đến. Để biết thêm chi tiết về hệ thống rảnh tay, hãy tham khảo sách "Hướng dẫn sử dụng hệ thống nghe-nhìn".

n Thay đổi các trang của đồng hồ

Ấn 〈 hoặc 〉 của công tắc điều khiển đồng hồ để thay đổi trang đồng hồ.



Nội dung của màn hình đa thông tin (trung tâm)

n Nội dung hiển thị

- Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe
- Cài đặt
- Thông điệp cảnh báo (→P.353)

n Thay đổi nội dung trong một trang

Chọn nội dung mong muốn trên màn hình chế độ cài đặt của trang.

1. Ấn 〈 hoặc 〉 của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô để chọn một trang.
2. Để kích hoạt chỉnh sửa trang, ấn và giữ OK của công tắc điều khiển đồng hồ.
3. Ấn công tắc điều khiển đồng hồ táp lô 〈 hoặc 〉 để chọn hiển thị cần thay đổi.
4. Ấn công tắc điều khiển đồng hồ táp lô ∧ hoặc ∨ để chọn một nội dung.
5. Khi cài đặt được hoàn thành, hãy ấn ⮌ của công tắc điều khiển đồng hồ.

n Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe

Có thể hiển thị trạng thái hoạt động của những hệ thống sau:

- LTA (Hỗ trợ bám làn đường)

(nếu có) (→P.188)

- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn có liên kết điều khiển lái) (nếu có) (→P.197)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa (nếu có) (→P.205)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có) (→P.215)
- Điều khiển chạy tự động (nếu có) (→P.225)

n Cài đặt

- Có thể thay đổi các cài đặt màn hình đồng hồ táp lô ⚙

• Ngôn ngữ

Chọn để thay đổi ngôn ngữ hiển thị.

• Đơn vị đo

Chọn để thay đổi hiển thị đơn vị đo.

• Kiểu hiển thị đồng hồ

Chọn để thay đổi kiểu đồng hồ.

• Kiểu đồng hồ

Chọn để thay đổi kiểu đồng hồ.

• Kiểu mặt đồng hồ

1 mặt đồng hồ: Chọn để thay đổi hiển thị của đồng hồ tốc độ xe hoặc đồng hồ tốc độ động cơ.

• Đèn chỉ báo lái xe Eco

Chọn để bật/tắt đèn chỉ báo lái xe Eco.

• Tiết kiệm nhiên liệu

Chọn để cài đặt hiển thị của mức tiết kiệm nhiên liệu.

• Hạng mục thông tin lái xe

Chọn để thay đổi hiển thị của thông tin lái.

• Hạng mục TRIP A/B

Chọn để thay đổi hiển thị của thông tin lái của HÀNH TRÌNH A/B.

• Màn hình pop-up

Chọn để kích hoạt/bỏ kích hoạt màn hình (pop-up) cho từng hệ thống liên quan.

• Cài đặt mặc định

Chọn để đặt lại các cài đặt của màn hình đồng hồ táp lô về giá trị mặc định.

- Có thể thay đổi được các chức năng của xe và các cài đặt tại ⚙

→P.388

n Tình trạng treo của màn hình cài đặt

- Có một vài hạng mục không thể thay đổi cài đặt trong khi lái xe. Hãy dừng xe tại một địa điểm an toàn khi thay đổi các cài đặt.
- Nếu xuất hiện một thông điệp báo lỗi, hoạt động của màn hình cài đặt sẽ bị treo.

⚠ CẢNH BÁO

n Lưu ý khi cài đặt màn hình

Nếu động cơ đang nổ máy trong khi thay đổi cài đặt hiển thị, do đó hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ tại vị trí thông gió tốt. Trong khu vực kín, như ở gara, khí xả có chứa khí CO (cácbon môônxít) độc hại có thể ngưng tụ và xâm nhập vào trong xe. Điều này có thể dẫn tới tử vong hoặc gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe.

CHÚ Ý

n **Trong khi cài đặt màn hình**

Để tránh làm hết điện của ắc quy, hãy đảm bảo rằng động cơ đang chạy trong khi tiến hành cài đặt các tính năng hiển thị.

Nội dung của màn hình đa thông tin (bên)

n **Nội dung hiển thị (bên)**

- Tiết kiệm nhiên liệu
- Đèn chỉ báo lái xe Eco
- Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe (→P.91)
- Hiển thị liên kết với hệ thống âm thanh (nếu có)
- Thông tin lái
- Thông tin về hành trình của hành trình A/B

n **Thay đổi nội dung trong một trang**

→P.91

n **Chọn nội dung được hiển thị các bên của màn hình đa thông tin**

1 Ấn ❮ hoặc ❯ của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô để chọn một trang.

2 Để kích hoạt chỉnh sửa trang, ấn và giữ OK của công tắc điều khiển đồng hồ.

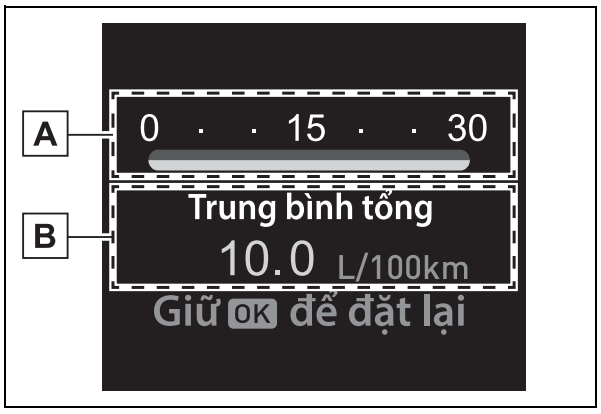
3 Ấn ❮ hoặc ❯ của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô và chọn màn hình đa thông tin mong muốn để thay đổi.

4 Ấn ❮ hoặc ❯ của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô cho phía ☰ được hiển thị để dịch chuyển hiển thị danh sách nội dung để chọn hiển thị/không hiển thị từng hạng mục.

5 Ấn công tắc điều khiển đồng hồ táp lô ∧ hoặc ∨ để chọn một nội dung và ấn OK để cài đặt nhằm hiển thị/tắt hiển thị hạng mục.

n **Tiết kiệm nhiên liệu**

Sử dụng các giá trị hiển thị chỉ cho mục đích tham khảo.



A Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời.

B Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình

Có thể thay đổi hiển thị tiêu hao nhiên liệu trung bình tại ⚙. (→P.92)

- Mức tiết kiệm nhiên liệu trung

bình (sau khi đặt lại)

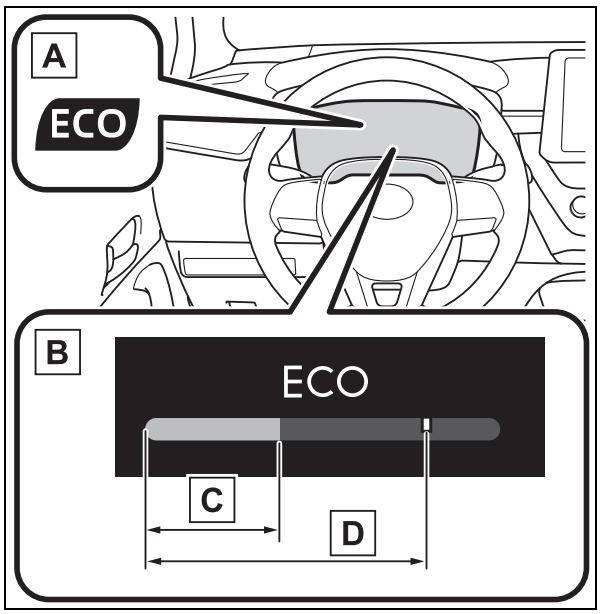
Hiển thị tiêu hao nhiên liệu trung bình tính từ khi màn hình được đặt lại.

Để đặt lại hiển thị nhiên liệu trung bình, hãy ấn và giữ OK của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

- Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình (sau khi khởi động)

Hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ khi động cơ khởi động.

n Đèn chỉ báo lái xe Eco



A Đèn chỉ báo lái xe Eco

Khi tăng tốc độ xe đúng theo chế độ tiết kiệm nhiên liệu (lái xe Eco), đèn chỉ báo lái xe Eco sẽ sáng. Khi tăng ga vượt quá vùng lái xe Eco hoặc khi xe được đỗ lại, thì đèn sẽ tắt.

B Hiển thị vùng chỉ báo lái xe Eco

Gợi ý vùng lái xe Eco với tỷ lệ lái xe Eco hiện tại dựa trên quá trình tăng tốc.

C Tỷ lệ lái xe Eco dựa trên quá trình tăng tốc

Nếu bạn tăng tốc vượt quá vùng lái xe Eco, phía bên phải của hiển thị vùng chỉ báo lái xe Eco sẽ sáng.

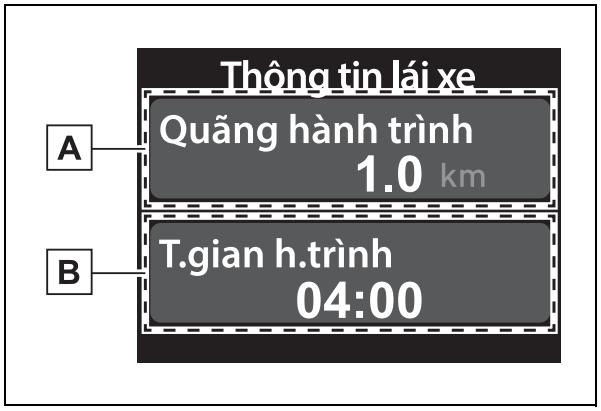
Tại thời điểm này, đèn chỉ báo lái xe Eco sẽ tắt.

D Vùng lái xe Eco

n Hiển thị liên kết với hệ thống âm thanh (nếu có)

Hiển thị nguồn âm thanh hoặc bản nhạc.

n Thông tin lái



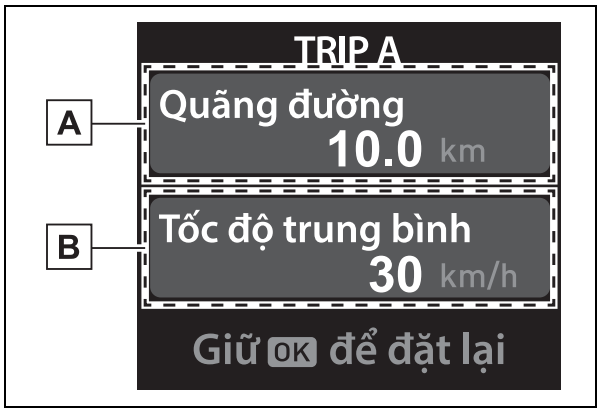
A Thông tin lái 1

B Thông tin lái 2

Hiển thị các thông tin sau tùy thuộc vào kiểu thông tin và những hạng mục thông tin đã được chọn trong ⚙. (→P.92)

- Tốc độ trung bình: Hiển thị tốc độ trung bình của xe từ khi khởi động động cơ
- Quãng đường: Hiển thị quãng đường xe đã đi được kể từ khi khởi động động cơ
- Thời gian hành trình: Hiển thị thời gian từ khi khởi động động cơ.

n Thông tin về hành trình của TRIP A/B



A Thông tin về hành trình của hành trình A/B 1

B Thông tin về hành trình của hành trình A/B 2

Hiển thị các thông tin sau tùy thuộc vào kiểu thông tin và những hạng mục thông tin đã được chọn trong ⚙. (→P.92)

- Tốc độ trung bình: Hiển thị tốc độ trung bình của hành trình A/B
- Quãng đường của hành trình: Hiển thị quãng đường đi được của hành trình A/B
- Thời gian của hành trình: Hiển thị thời gian trôi qua của hành trình A/B

---

n Đèn chỉ báo lái xe Eco

Đèn chỉ báo lái xe Eco sẽ không hoạt động khi ở các điều kiện sau:

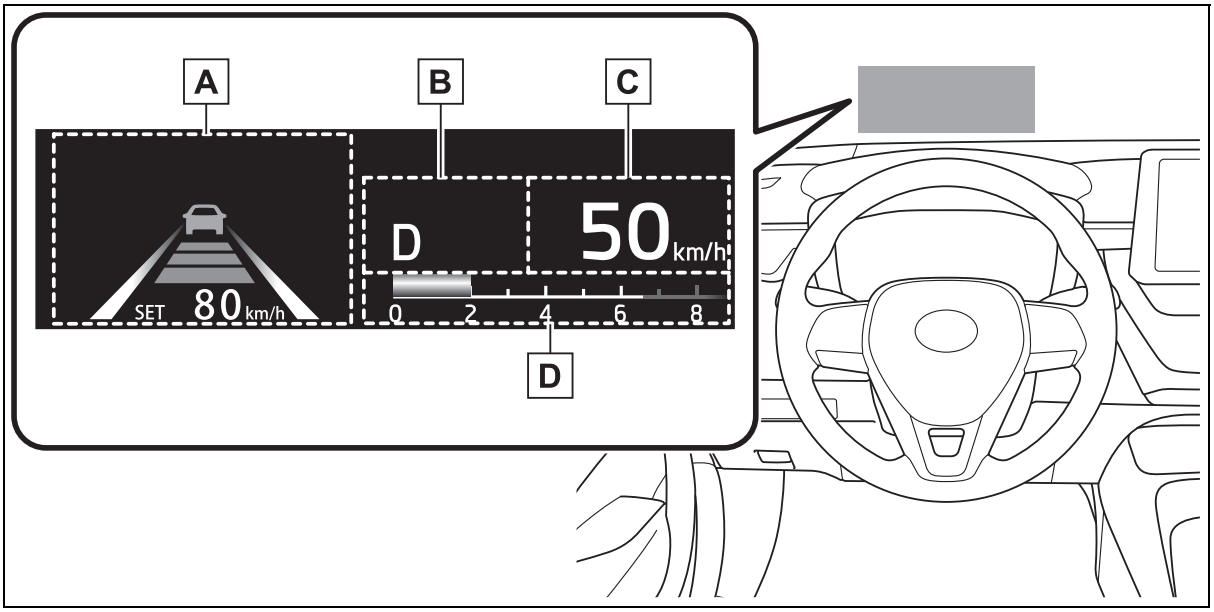
- Khi cần chuyển số không ở vị trí D.
- Khi chế độ lái xe được đặt ở chế độ Sport (thể thao). (nếu có)
- Khi tốc độ xe đạt xấp xỉ từ 130 km/h trở lên.

Màn hình trên kính chắn gió*

*: Nếu có

Màn hình trên kính chắn gió sẽ chiếu những thông tin khác nhau liên quan đến lái xe và tình trạng hoạt động của các hệ thống hỗ trợ lái trên kính chắn gió.

Các chi tiết của hệ thống



Hình minh họa trong tài liệu này được sử dụng với mục đích tham khảo và hình ảnh này có thể khác so với hình ảnh thực tế trên màn hình trên kính chắn gió.

A Tình trạng của hệ thống hỗ trợ lái xe (→P.98)

B Vùng hiển thị vị trí số (→P.152)

C Hiển thị tốc độ xe

D Vùng hiển thị Đồng hồ tốc độ động cơ/Đèn chỉ báo lái Eco/Nhiệt độ bên ngoài (→P.99)

n **Màn hình trên kính chắn gió sẽ hoạt động khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Khi sử dụng màn hình trên kính chắn gió**

Màn hình trên kính chắn gió có thể bị tối và khó nhìn khi nhìn qua kính râm, đặc biệt là kính râm dùng đi nắng. Hãy điều chỉnh độ sáng của màn hình trên kính chắn gió hoặc tháo kính râm.

CẢNH BÁO

n **Khi sử dụng màn hình trên kính chắn gió**

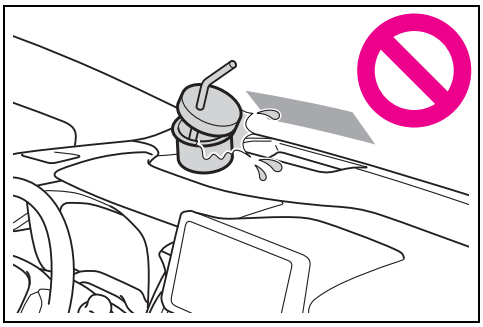
l Kiểm tra rằng vị trí và độ sáng của hình ảnh trên màn hình trên kính chắn gió không ảnh hưởng đến việc lái xe an toàn. Điều chỉnh sai vị trí của ảnh hoặc độ sáng có thể làm ảnh hưởng tới khả năng quan sát của người lái và dẫn tới tai nạn, gây tử vong hay chấn thương nghiêm trọng

l Không được liên tục nhìn vào màn hình trên kính chắn gió trong khi lái xe, do bạn có thể sẽ không nhận ra người đi bộ, các vật thể trên đường… ngay phía trước xe của bạn.

CHÚ Ý

n **Máy chiếu của màn hình trên kính chắn gió**

l Không được để bất kỳ đồ uống gần máy chiếu của màn hình trên kính chắn gió. Máy chiếu sẽ bị ẩm, sẽ xảy ra hư hỏng với các thiết bị điện.



l Không được đặt bất kỳ thứ gì trên hoặc dán trên máy chiếu của màn hình trên kính chắn gió. Nếu không có thể làm gián đoạn các chỉ báo trên màn hình đa thông tin.

l Không được chạm vào bên trong của máy chiếu của màn hình trên kính chắn gió hoặc để mép sắc hay vật tương tự vào máy chiếu. Nếu không có thể làm hỏng máy chiếu.

Sử dụng màn hình trên kính chắn gió

Chọn (màn hình 7-inch) hoặc (màn hình 12.3-inch) của màn hình đa thông tin (→P.84, 90) và sau đó "HUD Main".

n **Bật/tắt màn hình trên kính chắn gió**

Ấn nút OK trên các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô để bật/tắt màn hình trên kính chắn gió.

n **Thay đổi cài đặt của màn hình trên kính chắn gió**

Ấn và giữ OK để thay đổi cài đặt các hạng mục sau đây:

● Độ sáng và vị trí thẳng đứng của màn hình trên kính chắn gió.

Chọn để điều chỉnh độ sáng hoặc vị trí thẳng đứng của màn hình trên kính chắn gió.

● Nội dung hiển thị

Chọn để thay đổi hiển thị giữa các hạng mục sau:

- Không có nội dung
- Đèn chỉ báo lái xe Eco
- Đồng hồ tốc độ động cơ

Chọn bật/tắt các hạng mục sau:

- Màn hình của hệ thống hỗ trợ lái (nếu có)
- Trạng thái hoạt động của hệ thống âm thanh (nếu có)

● Góc hiển thị

Chọn để điều chỉnh góc của màn hình trên kính chắn gió.

n Bật/tắt màn hình trên kính chắn gió

Nếu trước đó đã tắt màn hình trên kính chắn gió, thì nó sẽ tiếp tục ở trạng thái tắt khi tắt công tắc động cơ, sau đó bật ON.

n Độ sáng của màn hình

Có thể điều chỉnh được độ sáng của màn hình trên kính chắn gió trên  (màn hình 7 inch) hoặc ⚙ (màn hình 12.3 inch) của màn hình đa thông tin. Ngoài ra, nó còn tự động điều chỉnh được theo độ sáng của môi trường xung quanh.

⚠ CẢNH BÁO

n Các lưu ý khi thay đổi cài đặt của màn hình trên kính chắn gió

Nếu động cơ đang nổ máy trong khi thay đổi cài đặt hiển thị, hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ tại vị trí thông gió tốt. Trong khu vực kín, như ở gara, khí xả có chứa khí CO (cácbon môônxít) độc hại có thể ngưng tụ và xâm nhập vào trong xe. Điều này có thể dẫn tới tử vong hoặc gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe.

⚠ CHÚ Ý

n Khi thay đổi cài đặt của màn hình trên kính chắn gió

Để tránh làm hết điện của ắc quy, hãy để động cơ hoạt động trong khi thay đổi các cài đặt của màn hình trên kính chắn gió.

Tình trạng của hệ thống hỗ trợ lái xe

n Hiển thị tình trạng của hệ thống hỗ trợ lái xe

Hiển thị trạng thái hoạt động của những hệ thống sau đây:

- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa (nếu có) (→P.205)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có) (→P.215)
- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có) (→P.188)
- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn có liên kết điều khiển lái) (nếu có) (→P.197)

Nội dung hiển thị chi tiết được hiển thị trên màn hình kính chắn gió có thể khác với các nội dung hiển thị trên màn hình đa thông tin. Để biết chi tiết, hãy tham khảo các giải thích của từng hệ thống.

Màn hình pop-up

Các màn hình pop-up cho các hệ thống sau đây sẽ được hiển thị khi cần thiết:

n Các hệ thống hỗ trợ lái xe

Hiển thị thông điệp cảnh báo/khuyến nghị/gợi ý hoặc tình trạng hoạt động của một hệ thống liên quan.

- PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) (nếu có) (→P.181)
- Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn (→P.139)
- Điều khiển dẫn động - khởi động (→P.143)

Nội dung hiển thị chi tiết được hiển thị trên màn hình kính chắn gió có thể khác với các nội dung hiển thị trên màn hình đa thông tin. Để biết chi tiết, hãy tham khảo các giải thích của từng hệ thống.

n Biểu tượng ⚠

Được hiển thị khi thông điệp cảnh báo hiển thị trên màn hình đa thông tin. (→P.353)

n Thông điệp cảnh báo

Một vài thông điệp cảnh báo được hiển thị khi cần tùy theo các điều kiện nhất định.

Nội dung hiển thị chi tiết được hiển thị trên màn hình trên kính chắn gió có thể khác với các nội dung hiển thị trên màn hình đa thông tin.

n Trạng thái hoạt động của hệ thống âm thanh (nếu có)

Hiển thị khi các nút điều khiển hệ thống âm thanh từ xa trên vô lăng được vận hành.

n Trạng thái của hệ thống rảnh tay (nếu có)

Hiển thị khi hệ thống điện đàm rảnh tay đang hoạt động.

n Khi màn hình pop-up được hiển thị

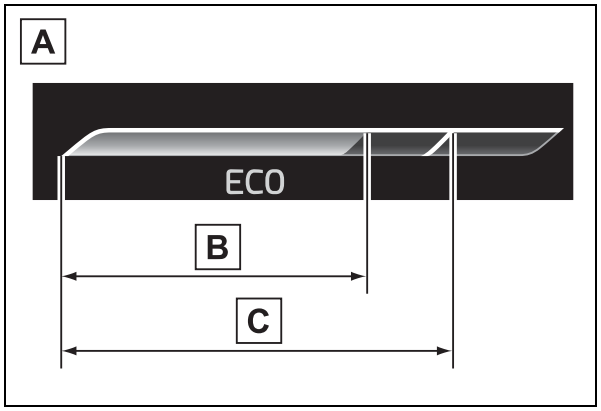
Khi màn hình pop-up được hiển thị, màn hình hiện tại có thể không được hiển thị. Trong trường hợp này, màn hình sẽ trở về sau khi màn hình pop-up không hiển thị nữa.

Hiển thị Đồng hồ tốc độ động cơ/Đèn chỉ báo lái Eco/Nhiệt độ bên ngoài

n Đồng hồ tốc độ động cơ

Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút.

n Đèn chỉ báo lái xe Eco



A Hiển thị vùng chỉ báo lái xe Eco

B Tỷ lệ lái xe Eco dựa trên quá trình tăng tốc

C Vùng lái xe Eco

Nội dung được hiển thị giống như trên màn hình đa thông tin (Chỉ báo lái xe Eco). Để biết thông tin chi tiết, hãy tham khảo P.86.

n Màn hình nhiệt độ bên ngoài xe

Điều này được hiển thị khi công tắc động cơ được bật ON hoặc đèn chỉ báo nhiệt độ bên ngoài thấp nháy.

---

n Màn hình nhiệt độ bên ngoài xe

l Khi nhiệt độ bên ngoài là từ khoảng 3°C trở xuống, đèn chỉ báo nhiệt độ bên ngoài sẽ nháy khoảng 10 giây và hiển thị nhiệt độ bên ngoài sẽ tắt. Trong trường hợp này, màn hình sẽ xuất hiện lại khi nhiệt độ bên ngoài khoảng 5°C trở lên.

l Trong một số trường hợp sau, nhiệt độ chính xác bên ngoài xe có thể sẽ không được hiển thị hoặc thời gian hiển thị sẽ lâu hơn bình thường:

- Khi dừng xe, hoặc khi lái xe với tốc độ thấp (thấp hơn 25 km/h)
- Khi nhiệt độ bên ngoài xe thay đổi đột ngột (khi đi vào/ra khỏi nhà để xe hoặc đường hầm…)

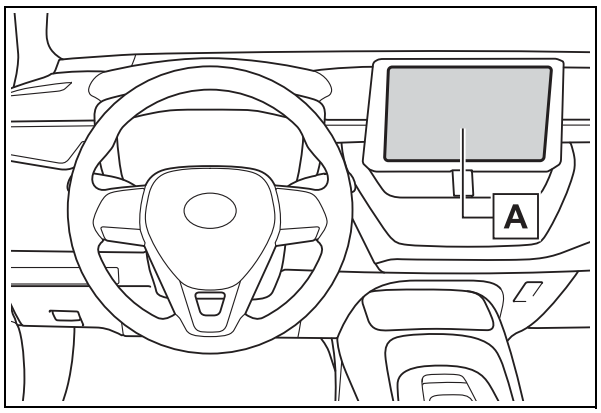
l Khi “- -” hoặc “E” xuất hiện, hệ thống có thể đang bị hư hỏng. Hãy mang xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

Thông tin tiêu hao nhiên liệu*

*: Nếu có

Có thể hiển thị thông tin về mức tiêu hao nhiên liệu trên màn hình của hệ thống âm thanh.

Các chi tiết của hệ thống



A Màn hình hệ thống âm thanh

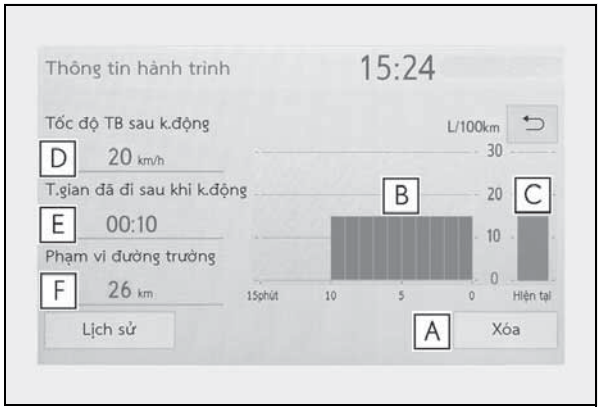
Tiêu hao

n Thông tin về hành trình

1 Ấn nút "MENU".

2 Chọn mục “T.tin” trên màn hình “Menu”.

Nếu màn hình khác "Thông tin hành trình" hiển thị, hãy chọn "Thông tin hành trình".



A Đặt lại các dữ liệu mức tiêu hao nhiên liệu

B Mức tiết kiệm nhiên liệu trong 15 phút trước đó

C Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại

D Tốc độ trung bình của xe kể từ khi khởi động động cơ.

E Thời gian trôi qua kể từ khi khởi động động cơ.

F Quãng đường xe có thể chạy được

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe trong 15 phút trước đó được chia thành cột màu, bao gồm mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của lần đi gần nhất, và mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ lần cuối cùng chuyển công tắc động cơ đến ON. Sử dụng mức tiêu hao nhiên liệu trung bình đã hiển thị như là giá trị tham khảo.

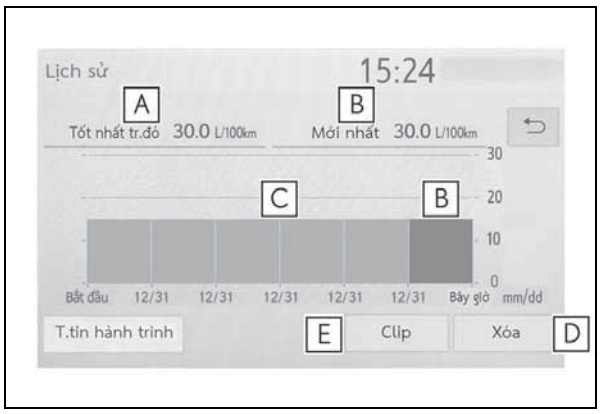
Hình ảnh chỉ là ví dụ, và có thể khác so với điều kiện thực tế.

n Lịch sử tiêu hao nhiên liệu

1 Ấn nút "MENU".

2 Chọn mục “T.tin” trên màn hình “Menu”.

Nếu màn hình khác "Lịch sử" xuất hiện, hãy chọn "Lịch sử".



A Mức tiêu hao nhiên liệu tối ưu được ghi lại

B Mức tiêu hao nhiên liệu gần nhất

C Dữ liệu mức tiêu hao nhiên liệu trước đó

D Đặt lại các dữ liệu mức tiêu hao nhiên liệu

E Cập nhật dữ liệu tiêu hao nhiên liệu gần nhất

Lịch sử mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe được chia thành cột màu, bao gồm mức tiêu hao nhiên liệu trong quá khứ và mức tiêu hao nhiên liệu trung bình kể từ lần đi gần nhất được cập nhật. Sử dụng mức tiêu hao nhiên liệu trung bình để tham khảo.

Hình ảnh chỉ là ví dụ, và có thể khác so với điều kiện thực tế.

n Cập nhật dữ liệu ghi trong quá khứ

Cập nhật tiêu hao nhiên liệu trung bình bằng cách chọn "Clip" để đo lượng tiêu thụ nhiên liệu hiện tại.

n Đặt lại các dữ liệu

Có thể xóa được dữ liệu tiêu hao nhiên liệu bằng cách lựa chọn "Xóa".

n Quãng đường xe có thể chạy được

Hiển thị khoảng cách tối đa ước tính mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình.

Khoảng cách này được tính toán dựa trên mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe.
Do vậy quãng đường thực tế xe có thể đi được có thể sẽ không giống với hiển thị.

Trước khi lái xe

3

3-1. Thông tin về chìa khóa

Chìa khóa 104

3-2. Mở, đóng và khóa cửa xe

Cửa xe 109

Khoang hành lý 115

Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 118

3-3. Điều chỉnh ghế

Ghế trước 124

Ghế sau (kiểu gập xuống được) 125

Tựa đầu 127

3-4. Điều chỉnh vô lăng và gương

Vô lăng 129

Gương chiếu hậu bên trong xe 130

Gương chiếu hậu bên ngoài 131

3-5. Mở và đóng các cửa sổ

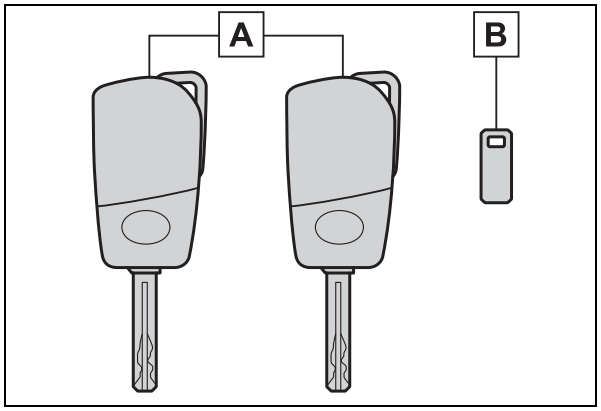
Cửa sổ điện 134

Chìa khóa

Chìa khóa

Những loại chìa khóa sau được cung cấp cùng với xe.

▶ Kiểu A

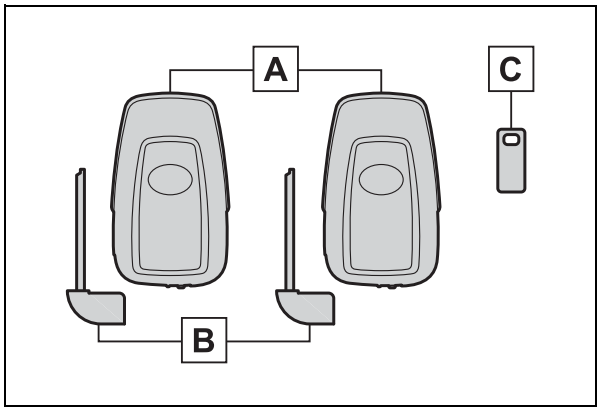


A Chìa khóa

Sử dụng chức năng điều khiển từ xa (→P.106)

B Tấm ghi số hiệu chìa

▶ Kiểu B



A Chìa khóa điện tử

- Sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (→P.118)
- Sử dụng chức năng điều khiển từ xa (→P.106)

B Chìa khóa cơ

C Tấm ghi số hiệu chìa

n Khi lên máy bay

Khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa lên máy bay, hãy chắc chắn rằng bạn sẽ không ấn lên bất kỳ nút nào trên chìa khóa khi đang ở trong máy bay. Nếu bạn để chìa điều khiển từ xa trong túi… phải đảm bảo rằng các nút của nó không bị ấn phải một cách tình cờ. Nếu ấn nút, điều khiển từ xa sẽ phát ra sóng radiô và nó có thể sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy bay.

n Chìa khóa điện tử bị hết pin

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

l Tuổi thọ tiêu chuẩn của pin là từ 1 đến 2 năm.

l Pin chìa khóa sẽ dần bị hết điện kể cả khi không sử dụng tới chìa khóa. Những dấu hiệu sau chứng tỏ pin chìa khóa đã bị hết điện. Hãy thay pin nếu cần thiết. (→P.320)

- Chức năng điều khiển từ xa không hoạt động.
- Phạm vi phát hiện chìa bị thu hẹp hơn.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

l Tuổi thọ tiêu chuẩn của pin là từ 1 đến 2 năm.

l Khi pin yếu, chuông báo động sẽ kêu trong xe và thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin khi động cơ tắt.

l Để giảm sự tiêu hao pin chìa khóa khi chìa không được sử dụng trong thời gian dài, hãy chuyển chìa về chế độ tiết kiệm pin. (→P.120)

l Do chìa khóa điện tử luôn thu sóng radiô, pin sẽ bị hết điện ngay cả khi không sử dụng chìa khóa điện tử. Những dấu hiệu sau chứng tỏ chìa khóa điện tử đã hết pin. Hãy thay pin nếu cần thiết. (→P.320)

- Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc điều khiển từ xa không hoạt động.
- Phạm vi phát hiện chìa bị thu hẹp

hơn.
- Đèn chỉ báo LED trên mặt chìa khóa không sáng.

l Để tránh cho pin hết điện nhanh, không được để chìa khóa điện tử ở trong khoảng cách 1 m so với các thiết bị có thể tạo ra từ trường như sau:
- Ti vi
- Máy tính cá nhân
- Điện thoại di động, điện thoại không dây và bộ sạc pin
- Khi đang sạc điện thoại di động hoặc điện thoại không dây
- Đèn bàn
- Bếp từ

l Nếu để chìa điện tử ở xa xe hơn mức cần thiết, kể cả khi đó hệ thống vào xe và khởi động thông minh không hoạt động, thì pin của ắc quy vẫn có thể hết điện nhanh hơn bình thường.

n **Thay pin**

→P.320

n **Nếu thông điệp "Chìa khóa mới đã được đăng ký Hãy liên hệ với đại lý" xuất hiện trên màn hình đa thông tin (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)**

Thông báo này sẽ xuất hiện mỗi khi mở cửa người lái và các cửa được mở khóa từ bên ngoài xe trong khoảng 10 ngày sau khi chìa khóa mới đã được đăng ký.
Nếu thông báo này xuất hiện nhưng thực tế bạn không có chìa khóa điện tử mới nào được đăng ký, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xem có chìa điện tử nào khác (ngoài chìa thuộc sở hữu của bạn) đã được đăng ký hay không.

n **Nếu sử dụng nhầm chìa khóa**

Ổ khóa sẽ quay tự do làm tách biệt cơ cấu bên trong.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng chìa khóa**

l Không đánh rơi chìa khóa, tránh tác dụng lực mạnh lên chìa khóa hoặc bẻ cong chìa khóa.

l Không để chìa ở nơi có nhiệt độ cao trong một thời gian dài.

l Không để chìa ở nơi ẩm ướt hoặc rửa chìa trong máy rửa siêu âm,…

l Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Không gắn kim loại hoặc các vật liệu từ tính vào chìa khóa hoặc đặt chìa gần những vật liệu như vậy.

l Không tháo rời chìa khóa.

l Không gắn miếng dán hoặc bất cứ thứ gì lên bề mặt chìa khóa điện tử.

l Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Không để chìa khóa gần các đồ vật có từ trường chẳng hạn như ti vi, hệ thống âm thanh, bếp từ, các thiết bị điện tử trong ngành y tế, chẳng hạn như các thiết bị trị liệu có tần số thấp.

n **Hãy mang theo chìa khóa điện tử theo người (đối với xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)**

Hãy để khoảng cách từ chìa khóa điện tử với các thiết bị điện tử đang hoạt động là 10 cm trở lên. Sóng radiô từ các thiết bị điện có thể làm chìa khóa hoạt động không chính xác khi các thiết bị này cách chìa trong khoảng 10 cm.

n **Trong trường hợp có lỗi trong hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc các vấn đề liên quan tới chìa khóa (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)**

→P.365

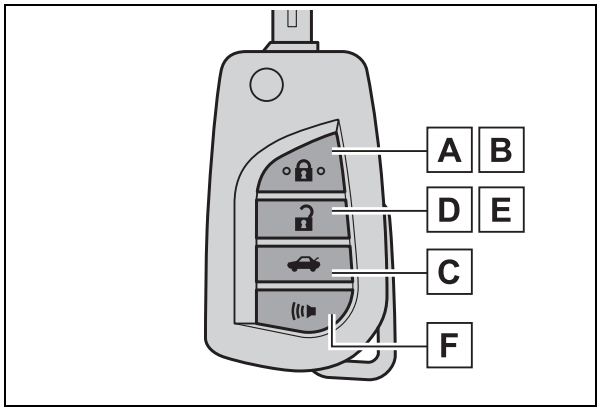
n **Khi bị mất chìa khóa điện tử (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)**

→P.364

Điều khiển từ xa

Chìa khóa điện tử được trang bị các chức năng điều khiển từ xa như sau:

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



A Khóa các cửa (→P.109)

B Đóng các cửa sổ*1 (→P.109)

C Mở khoang hành lý (→P.116)

D Mở khóa các cửa (→P.109)

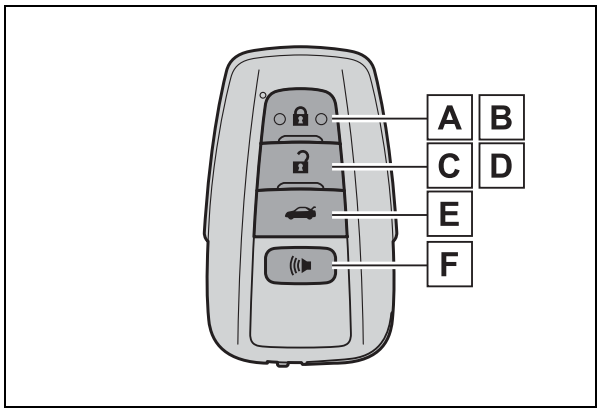
E Mở các cửa sổ*1 (→P.109)

F Kích hoạt báo động*2 (→P.106)

*1: Chỉ có thể tùy chọn cá nhân được những cài đặt này tại đại lý Toyota.

*2: Nếu có

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



A Khóa các cửa (→P.109)

B Đóng các cửa sổ*1 (→P.109)

C Mở khóa các cửa (→P.109)

D Mở các cửa sổ*1 (→P.109)

E Mở khoang hành lý (→P.116)

F Kích hoạt báo động*2 (→P.106)

*1: Chỉ có thể tùy chọn cá nhân được những cài đặt này tại đại lý Toyota.

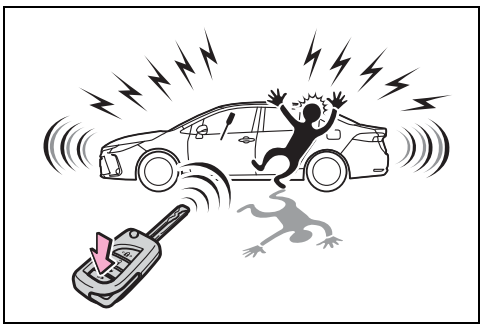
*2: Nếu có

n **Chế độ báo động (nếu có)**

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Khi ấn và giữ nút lâu hơn một giây, còi báo động sẽ kêu gián đoạn và đèn xe sẽ nháy để ngăn chặn bất cứ ai đang cố gắng đột nhập hoặc phá hoại xe của bạn.

Để ngừng báo động, hãy ấn vào một nút bất kỳ trên điều khiển từ xa.



▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Khi ấn và giữ nút lâu hơn một giây, còi báo động sẽ kêu gián đoạn và đèn xe sẽ nháy để ngăn chặn bất cứ ai đang cố gắng đột nhập hoặc phá hoại xe của bạn.

Để ngừng báo động, hãy ấn một nút bất kỳ trên chìa khóa điện tử.



n **Điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc điều khiển từ xa**

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

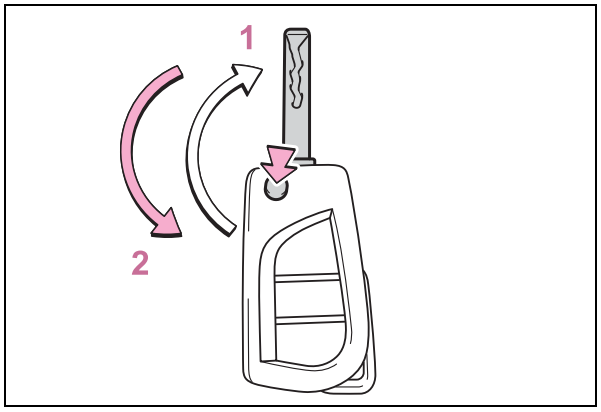
Chức năng điều khiển từ xa có thể sẽ hoạt động bất thường trong các trường hợp sau:

- Khi pin chìa khóa điều khiển từ xa bị hết điện
- Khi gần đài phát sóng vô tuyến, trạm điện, trạm xăng, trạm phát sóng radiô, màn hình lớn, sân bay hay những thiết bị có thể phát ra sóng radiô mạnh hoặc nhiễu điện
- Khi mang theo đài di động, điện thoại di động, bộ đàm hoặc một thiết bị liên lạc không dây khác
- Khi điều khiển từ xa tiếp xúc hoặc bị che bởi vật thể bằng kim loại
- Khi có chìa khóa điều khiển từ xa (có khả năng phát sóng radiô) đang được sử dụng gần đó
- Khi cửa sổ của xe được dán phim kim loại hoặc có các vật bằng kim loại được gắn lên kính cửa hậu của xe

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

→P.120

Sử dụng chìa khóa (Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông mình)



1 Nhả chìa

Để nhả chìa, hãy ấn nút

2 Gập gương

Để cất chìa khóa, ấn nút sau đó gập chìa.

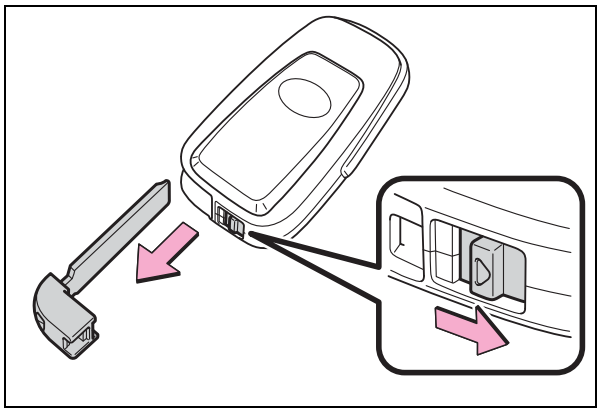
Sử dụng chìa khóa cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Để lấy chìa khóa cơ ra, trượt nút nhả khóa và lấy chìa khóa ra.

Chìa khóa cơ chỉ có thể cắm vào ổ khóa theo một chiều, bởi các rãnh trên chìa được bố trí về một phía. Nếu bạn không thể cắm được chìa vào ổ khóa, hãy xoay

chìa lại và thử lại.

Sau khi sử dụng chìa khóa cơ, hãy cất nó vào trong chìa khóa điện tử. Luôn mang chìa khóa cơ cùng với chìa khóa điện tử. Nếu chìa khóa điện tử bị hết pin hoặc chức năng vào xe không hoạt động chính xác, thì bạn sẽ cần dùng đến chìa khóa cơ. (→P.365)



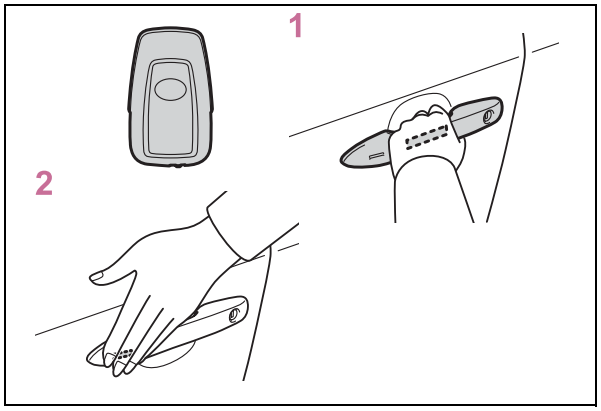
n **Nếu bạn đánh mất chìa khoá cơ**
→P.364

Cửa xe

Mở khóa và khóa các cửa từ bên ngoài xe

n Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (nếu có)

Hãy mang theo chìa khóa điện tử để kích hoạt chức năng này.



1 Nắm vào tay nắm cửa trước để mở khóa tất cả các cửa.*

Hãy đảm bảo rằng bạn đã chạm vào cảm biến nằm ở phía sau của tay nắm cửa.

Các cửa sẽ không thể mở khóa trong khoảng 3 giây sau khi các cửa được khóa lại.

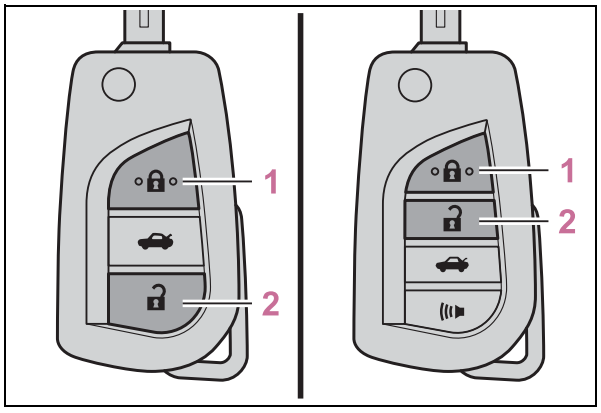
*: Có thể thay đổi các cài đặt để mở khóa cửa. (→P.110, 387)

2 Chạm vào cảm biến khóa (phần lõm vào trên bề mặt của tay nắm cửa trước) để khóa tất cả các cửa.

Hãy xác nhận rằng cửa xe đã được khóa chắc.

n Điều khiển từ xa

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



1 Khóa tất cả các cửa

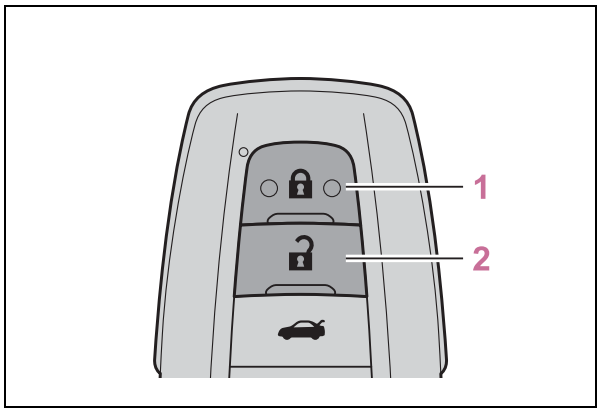
Hãy xác nhận rằng cửa xe đã được khóa chắc.

Ấn và giữ nút để đóng các cửa sổ*

2 Mở khóa tất cả các cửa

Ấn và giữ để mở các cửa sổ*

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



1 Khóa tất cả các cửa

Hãy xác nhận rằng cửa xe đã được khóa chắc.

Ấn và giữ nút để đóng các cửa sổ*

2 Mở khóa tất cả các cửa

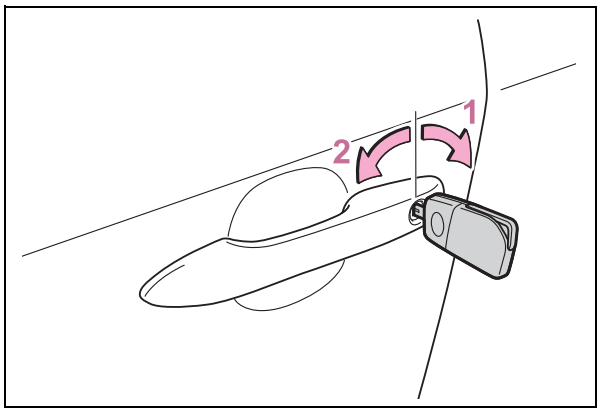
Ấn và giữ để mở các cửa sổ*

*: Chỉ có thể tùy chọn cá nhân được những cài đặt này tại đại lý Toyota.

n Chìa khoá

Sử dụng chìa khóa để điều khiển các cửa như sau:

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



1 Mở khóa tất cả các cửa

Xoay và giữ để mở các cửa sổ*

2 Khóa tất cả các cửa

Xoay và giữ để đóng các cửa sổ*

*: Chỉ có thể tùy chọn cá nhân được những cài đặt này tại đại lý Toyota.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Có thể khóa và mở khóa các cửa xe bằng chìa khóa cơ. (→P.365)

n Cài đặt chức năng mở khóa cửa (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Có thể cài đặt các cửa có tính năng vào xe để mở khóa bằng điều khiển từ xa.

1 Tắt công tắc động cơ.

2 Khi đèn chỉ báo trên mặt chìa tắt, hãy ấn và giữ nó, ấn và giữ nút hoặc khoảng 5 giây trong khi ấn và giữ nút .

Trạng thái cài đặt sẽ thay đổi mỗi khi bạn thực hiện quy trình trên, như trong bảng dưới đây. (Khi thay đổi cài đặt liên tục, hãy nhả nút, chờ ít nhất 5 giây và làm lại bước số **2**.)

Màn hình đa thông tin (nếu có)/Tiếng bíp	Chức năng mở khóa
 Bên ngoài xe: Kêu bíp ba lần Bên trong xe: Kêu ping một lần	Giữ tay nắm cửa phía người lái để mở khóa chỉ riêng cửa người lái.
	Cầm vào tay nắm cửa hành khách phía trước để mở khóa tất cả các cửa
 Bên ngoài xe: Kêu bíp hai lần Bên trong xe: Kêu ping một lần	Giữ tay nắm một trong hai cửa trước để mở khóa tất cả các cửa.

Để tránh vô tình kích hoạt báo động, hãy mở khóa các cửa xe bằng điều khiển từ xa và mở rồi đóng cửa một lần sau khi thay đổi cài đặt. Nếu một cửa xe bất kỳ không được mở ra trong khoảng 30 giây sau khi ấn nút , thì các cửa sẽ được khóa lại và hệ thống báo động sẽ tự động được cài đặt.)

Trong trường hợp hệ thống báo động bị kích hoạt, hãy tắt báo động ngay lập tức. (→P.58)

n Hệ thống nhả khóa cửa khi phát hiện có va chạm (nếu có)

Trong trường hợp xe bị va chạm mạnh, tất cả các cửa xe sẽ được mở khóa. Tuy nhiên, tùy theo lực va chạm hay kiểu va chạm mà hệ thống có thể

sẽ không hoạt động.

n Các tín hiệu hoạt động

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Đèn nháy khẩn cấp sẽ nháy đểchỉ ra rằngcác cửa đã khóa/mở khóa bằng điều khiển từ xa. (Khóa: Một lần; Mở khóa: Hai lần)

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Chuông báo * sẽ kêu và đèn nháy khẩn cấp sẽ nháy để chỉ ra rằng các cửa đã khóa/mở khóa bằng chức năng vào xe hoặc điều khiển từ xa. (Khóa: Một lần; Mở khóa: Hai lần)

Chuông sẽ kêu để chỉ ra rằng các cửa sổ đang hoạt động.

*: Trên một số kiểu xe

n Tính năng an ninh

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Nếu không cửa nào được mở ra trong khoảng 30 giây sau khi mở khóa cửa bằng điều khiển từ xa, tính năng an ninh của xe sẽ tự động khóa cửa xe lại.

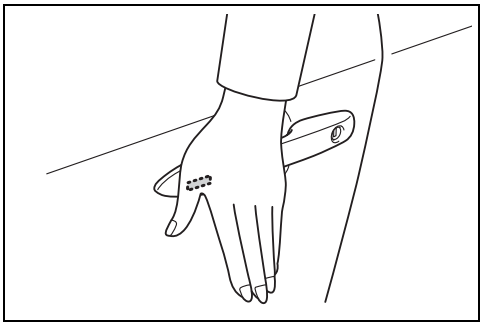
▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Nếu không cửa xe nào được mở ra trong khoảng 30 giây sau khi mở khóa bằng cách sử dụng hệ thống mở khóa thông minh hoặc bằng điều khiển từ xa, tính năng an ninh của xe sẽ tự động khóa cửa xe lại.

n Khi không thể khóa cửa xe bằng cảm biến khóa cửa trên bề mặt của tay nắm cửa trước (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Khi không thể khóa cửa bằng các ngón tay chạm vào cảm biến khóa, hãy chạm cảm biến khóa bằng cả lòng bàn tay của bạn.

Nếu bạn đang đeo găng tay, hãy bỏ găng tay ra.



n Chuông báo khóa cửa (Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Nếu cố gắng khóa cửa xe bằng chức năng vào xe hoặc điều khiển từ xa khi vẫn có cửa chưa được đóng chặt, chuông báo sẽ kêu liên tục trong 5 giây. Hãy đóng cửa hoàn toàn để tắt chuông báo và khóa lại các cửa.

n Chuông báo động (nếu có)

Hệ thống báo động sẽ được cài đặt khi khóa các cửa. (→P.58)

n Điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (nếu có) hoặc điều khiển từ xa

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

→P.107

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

→P.120

n Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (nếu có) hoặc điều khiển từ xa không hoạt động chính xác

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Hãy thay pin mới nếu pin chìa khóa hết điện. (→P.320)

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Sử dụng chìa khóa cơ để khóa và mở khóa các cửa. (→P.365)

Hãy thay pin mới nếu pin chìa khóa hết điện. (→P.320)

n Nếu ắc quy bị hết điện (xe có hệ thống mở khoá và khởi động thông minh)

Không thể khóa và mở khóa các cửa bằng bằng chức năng vào xe hoặc điều khiển từ xa. Hãy khóa hoặc mở khóa các cửa bằng chìa khóa cơ. (→P.365)

n Tùy chọn

Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.387)

⚠ CẢNH BÁO

n Để tránh xảy ra tai nạn

Hãy tuân theo các lưu ý sau trong khi lái xe.
Nếu không, có thể dẫn đến cửa mở và hành khách có thể văng ra khỏi xe, sẽ gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hãy đảm bảo rằng tất cả các cửa xe đã được đóng và khóa lại đúng cách.
- Không được kéo tay nắm cửa bên trong khi đang lái xe.
  Hãy đặc biệt chú ý đến cửa của người lái, vì cửa này vẫn có thể mở ra được ngay cả khi nút khóa cửa bên trong xe đang ở vị trí khóa.
- Hãy đặt các lẫy khóa bảo vệ trẻ nhỏ ở cửa sau khi có trẻ nhỏ ngồi ở hàng ghế sau.

n Khi mở hoặc đóng một cửa

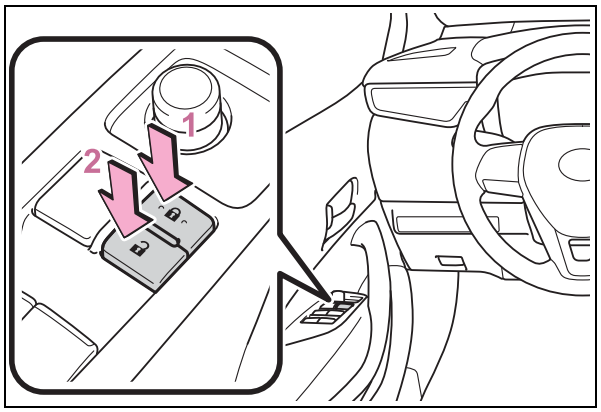
Kiểm tra xung quanh xe chẳng hạn như khi xe đang trên dốc nghiêng, hay xe có đủ không gian để mở cửa hay không hoặc gió thổi có mạnh không. Khi mở hoặc đóng cửa, hãy cầm chắc vào tay nắm cửa để chuẩn bị cho bất cứ tình huống dịch chuyển bất ngờ nào.

n Khi sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa và đóng mở các cửa sổ điện

Điều khiển các cửa sổ điện sau khi kiểm tra và xác nhận rằng tất cả các hành khách đã an toàn khi cửa sổ hoạt động. Ngoài ra, không được cho phép trẻ em sử dụng với điều khiển từ xa. Nếu không, trẻ em và người lớn có thể bị kẹp bởi cửa số điện.

Mở khóa và khóa các cửa từ bên trong xe

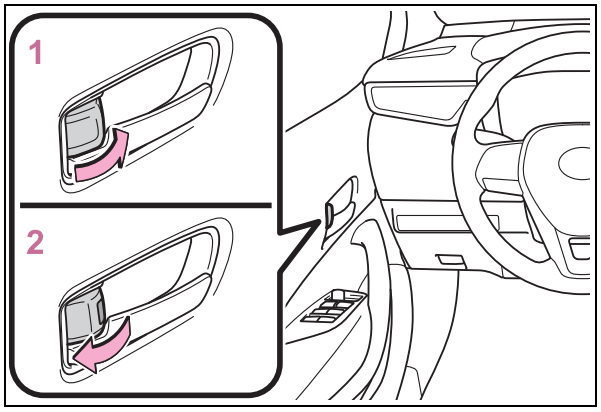
n Các công tắc khóa cửa (để khóa/mở khóa cửa)



1 Khóa tất cả các cửa

2 Mở khóa tất cả các cửa

n Nút khóa cửa bên trong xe



1 Khóa cửa

2 Mở khóa cửa

Có thể mở cửa người lái bằng cách

kéo vào tay nắm bên trong cửa kể cả khi nút khóa cửa đã ở vị trí khóa.

n **Khóa các cửa trước từ bên ngoài mà không dùng chìa**

1 Chuyển nút khóa cửa bên trong xe sang vị trí khóa.

2 Đóng cửa trong khi kéo tay nắm cửa.

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Bạn sẽ không thể khoá được cửa nếu chìa khoá vẫn đang nằm trong công tắc động cơ.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Các cửa xe sẽ không thể khóa lại nếu công tắc động cơ đang ở vị trí ACC hoặc ON, hoặc chìa khóa điện đang ở trong xe.

Hệ thống có thể sẽ không phát hiện được chìa khóa và cửa vẫn có thể bị khóa lại.

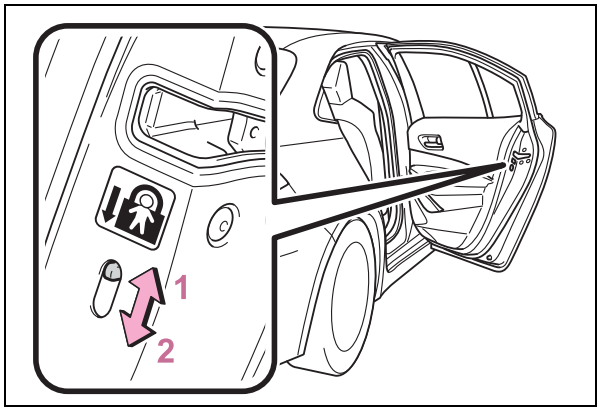
n **Chuông cảnh báo cửa mở**

Nếu cửa hoặc nắp khoang hành lý chưa được đóng lại hoàn toàn, thì chuông báo sẽ kêu khi tốc độ xe lên tới 5 km/h.

Xe có màn hình đa thông tin: Cửa hoặc nắp khoang hành lý đang mở sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Cơ cấu khóa cửa bảo vệ trẻ nhỏ trên cửa sau

Cửa không thể mở được từ bên trong xe khi đã được khóa lại.



1 Mở khóa

2 Khóa

Bạn có thể gài cơ cấu khóa này để tránh trẻ em mở các cửa sau. Hãy đẩy công tắc cửa sau xuống để khóa cả hai cửa sau.

Hệ thống khóa và mở khóa cửa tự động (nếu có)

Bạn có thể đặt hoặc hủy các chức năng sau:

Để biết thông tin về cài đặt tùy chọn, hãy tham khảo P.387.

Chức năng	Hoạt động
Chức năng khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số	Tất cả các cửa sẽ tự động khóa khi chuyển cần số ra khỏi vị trí P.
Chức năng mở khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số	Tất cả các cửa sẽ được tự động mở khóa khi chuyển cần số đến vị trí P.

Chức năng	Hoạt động
Chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ	Tất cả các cửa sẽ tự động khóa lại khi tốc độ xe đạt từ xấp xỉ 20 km/h trở lên
Chức năng mở khóa cửa liên kết với cửa người lái	Tất cả các cửa sẽ được tự động mở khóa khi mở cửa của người lái.

n Cài đặt và hủy các chức năng (nếu có)

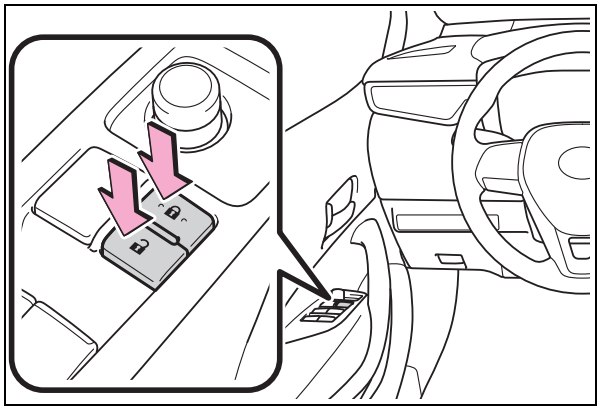
Để chuyển giữa trạng thái đặt và hủy, hãy làm theo các bước sau.

1 Đóng tất cả các cửa và bật công tắc động cơ ON. (Hãy thực hiện bước 2 trong vòng 20 giây.)

2 Chuyển cần số đến P hoặc N, ấn và giữ công tắc khóa cửa (hoặc) trong khoảng 5 giây và sau đó nhả ra.

Vị trí cần chuyển số và vị trí của công tắc tương ứng với các chức năng sẽ được đặt như trong bảng sau.

Hãy sử dụng quy trình tương tự để hủy chức năng này.



Chức năng	Vị trí cần số	Vị trí công tắc khóa cửa
Chức năng khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số	P	
Chức năng mở khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số		
Chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ	N	
Chức năng mở khóa cửa liên kết với cửa người lái		

Khi thao tác cài đặt hoặc hủy bỏ được hoàn tất, tất cả các cửa sẽ bị khóa lại sau đó mở khóa.

Khoang hành lý

Có thể mở khoang hành lý bằng cách sử dụng bộ mở khoang hành lý, chức năng vào xe hoặc hệ thống điều khiển từ xa.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Trước khi lái xe**

l Hãy đảm bảo rằng nắp khoang hành lý đã được đóng chặt. Nếu nắp khoang hành lý chưa được đóng chặt, thì nó có thể bất ngờ bật ra và va vào những vật xung quanh trong khi lái xe hoặc hành lý trong khoang để hành lý có thể bất ngờ văng ra khỏi xe, gây ra tai nạn.

l Không để trẻ nghịch trong khoang hành lý.
Nếu chẳng may trẻ bị khóa lại trong khoang hành lý, trẻ có thể sẽ bị tử vong hoặc bị tổn thương nghiêm trọng tới sức khỏe do hơi nóng và ngạt thở.

l Không được cho trẻ em mở hoặc đóng nắp khoang hành lý.
Nếu không, nắp khoang hành lý có thể sẽ bất ngờ bật lên, hoặc làm cho tay, đầu hoặc cổ của trẻ có thể bị kẹp phải khi đóng nắp khoang hành lý.

n **Các điểm cần lưu ý khi lái xe**

Không được để người nào ngồi trong khoang hành lý. Trong trường hợp phanh gấp hoặc xe bị tai nạn, có thể sẽ dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Sử dụng khoang hành lý**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không bạn có thể sẽ bị mắc kẹt, dẫn đến chấn thương nghiêm trọng.

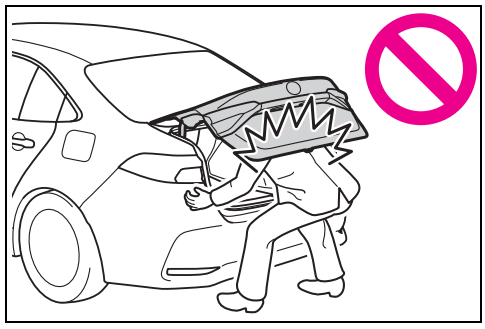
l Hãy gỡ bỏ mọi vật nặng, như tuyết và băng đá ra khỏi nắp khoang hành lý trước khi mở ra. Nếu không có thể làm cho nắp khoang hành lý sập xuống sau khi mở ra.

l Khi mở hoặc đóng nắp khoang hành lý, hãy kiểm tra kỹ xem khu vực xung quanh đã an toàn chưa.

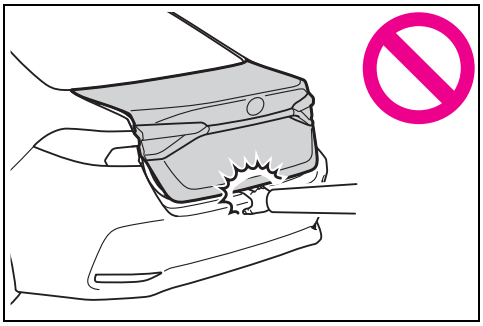
l Nếu có người ở xung quanh, hãy đảm bảo rằng người đó đã an toàn và thông báo họ biết rằng bạn sẽ đóng hay mở khoang hành lý.

l Hãy lưu ý khi mở hay đóng nắp khoang hành lý khi trời có gió vì nó có thể sẽ dịch chuyển bất ngờ khi gặp gió mạnh.

l Nắp khoang hành lý có thể bất ngờ sập xuống nếu nó chưa được mở ra hết cỡ. Khi đỗ xe trên bề mặt không bằng phẳng, bạn sẽ khó mở hoặc đóng nắp khoang hành lý hơn bình thường, do đó hãy cẩn thận để tránh làm cho nắp khoang hành lý bị bật ra hoặc sập xuống. Hãy đảm bảo rằng khoang hành lý đã được mở ra hết cỡ và được cố định chắc chắn trước khi sử dụng.



l Khi đóng nắp khoang hành lý, hãy đặc biệt chú ý để tránh cho các ngón tay của bạn khỏi bị kẹp.



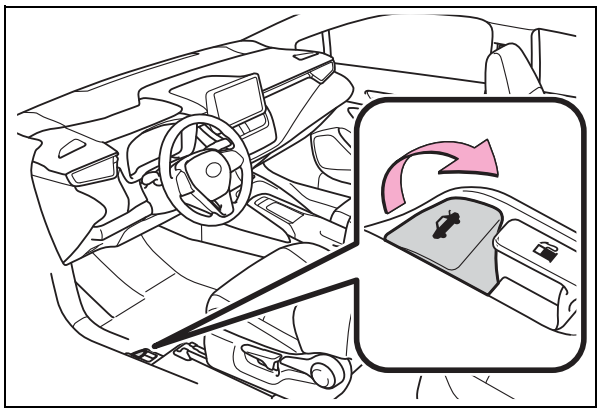
l Khi đóng nắp khoang hành lý, hãy cẩn thận ấn nhẹ nhàng lên mép ngoài của nó.

l Không được gắn bất cứ phụ kiện khác ngoài các phụ tùng chính hiệu của Toyota lên nắp khoang hành lý. Do trọng lượng của các phụ kiện đó có thể làm cho nắp khoang hành lý bị sập xuống sau khi mở ra.

Mở hoặc đóng khoang hành lý

n Bộ mở khoang hành lý

Kéo lẫy để mở nắp khoang hành lý

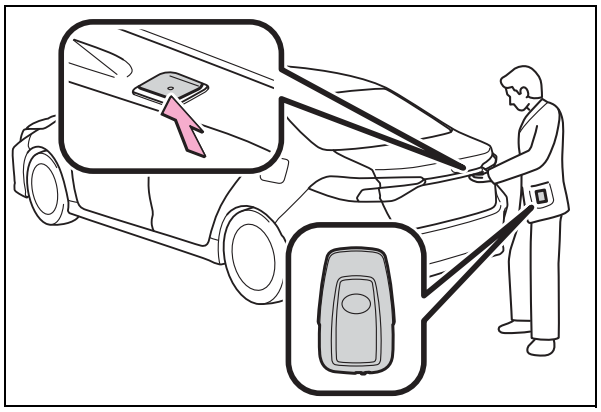


n Nút nhả khóa khoang hành lý (xe được hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Mang theo chìa khóa điện tử, ấn nút trên nắp khoang hành lý.

Khi mở khóa tất cả các cửa bằng một trong những phương pháp sau, có thể mở được khoang hành lý khi không mang theo chìa điện tử:

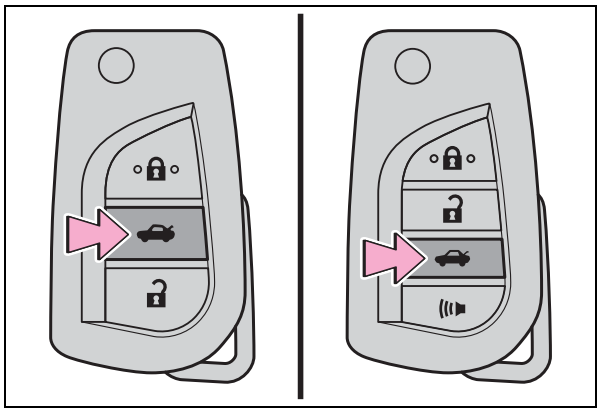
- Chức năng vào xe
- Điều khiển từ xa
- Các công tắc khóa cửa
- Hệ thống mở khóa cửa tự động (nếu có)
- Chìa khóa cơ



n Điều khiển từ xa

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

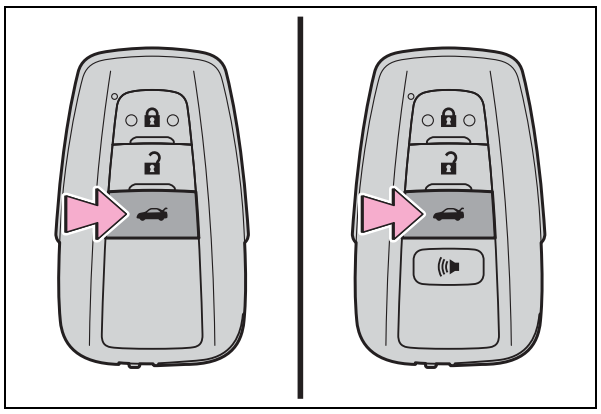
Hãy ấn và giữ công tắc này.



▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Hãy ấn và giữ công tắc này.

Một vài kiểu xe: Chuông báo kêu.



n Đèn khoang hành lý

- Đèn chiếu sáng khoang hành lý sẽ sáng khi mở khoang hành lý.
- Nếu các đèn nắp khoang hành lý vẫn chưa tắt khi tắt công tắc động cơ, thì các đèn sẽ tự động tắt sau 20 phút.

n Chức năng tránh khóa khoang hành lý khi chìa khóa điện tử ở bên trong (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

- Khi tất cả các cửa đã được khoá lại, nếu bạn đóng nắp khoang hành lý với chìa khóa điện tử để quên trong khoang hành lý thì báo động sẽ kêu.
  Trong trường hợp này, nắp khoang hành lý có thể mở ra bằng cách ấn nút nhả ở trên nắp khoang hành lý.
- Khi chìa khóa điện tử dự phòng được để trong khoang hành lý với tất cả các cửa đã được khóa lại, tính năng chống để quên chìa có thể sẽ kích hoạt, do vậy khoang hành lý vẫn có thể mở ra được. Để tránh bị trộm xe, hãy mang theo tất cả chìa khóa điện tử theo người khi rời khỏi xe.
- Khi chìa khóa điện tử được để trong khoang hành lý với tất cả các cửa đã được khóa lại, chìa khóa điện tử có thể cũng sẽ không phát hiện được do vị trí của chìa và tình trạng sóng radiô xung quanh. Trong trường hợp này, tính năng chống để quên chìa trong xe sẽ không được kích hoạt, và làm cho các cửa xe bị khóa lại khi khoang hành lý được đóng vào. Hãy kiểm tra vị trí của chìa khóa trước khi đóng khoang hành lý.
- Chức năng chống để quên chìa trong khoang hành lý có thể sẽ không hoạt động khi một cửa bất kỳ chưa được mở khóa. Trong trường hợp này, hãy mở khoang hành lý bằng bộ mở khoang hành lý.

n Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (nếu có) hoặc điều khiển từ xa không hoạt động chính xác

Hãy thay pin mới nếu pin chìa khóa hết điện. (→P.320)

n Chuông cảnh báo cửa mở

→P.113

n Tùy chọn

Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.387)

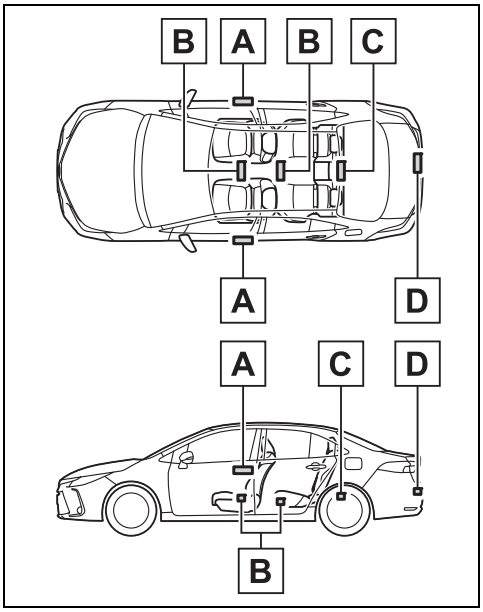
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh*

*: Nếu có

Các thao tác sau có thể thực hiện được chỉ đơn giản bằng cách mang theo chìa khóa điện tử, như để trong túi của bạn. Người lái nên luôn mang theo chìa khóa điện tử.

- Khóa và mở khóa các cửa (→P.109)
- Mở khoang hành lý (→P.116)
- Khởi động động cơ (→P.147)

n Vị trí đặt ăng ten



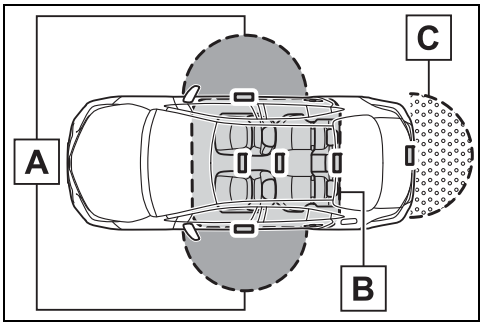
A Ăng ten bên ngoài xe

B Ăng ten bên trong xe

C Ăng ten ở bên trong khoang hành lý

D Ăng ten ở bên ngoài khoang hành lý

n Phạm vi hiệu quả (các khu vực có thể phát hiện chìa khóa điện tử)



A Khi khóa hoặc mở khóa các cửa

Hệ thống có thể hoạt động được khi chìa khóa điện tử nằm trong phạm vi cách tay nắm cửa bên ngoài phía người lái khoảng 0.7 m.

B Khi khởi động động cơ hoặc thay đổi các chế độ hoạt động của công tắc động cơ

Hệ thống có thể hoạt động được khi chìa khóa điện tử ở trong xe.

C Khi mở khoang hành lý

Hệ thống có thể được kích hoạt khi chìa khóa điện tử nằm trong phạm vi khoảng 0.7m so với nút nhả khóa khoang hành lý.

n Chuông cảnh báo và thông điệp cảnh báo

▶ Xe có màn hình hỗ trợ lái xe:

Sự kết hợp giữa còi báo động bên trong và bên ngoài xe cũng như đèn cảnh báo được sử dụng để giảm nguy cơ bị trộm xe và tai nạn do vận hành hệ thống không đúng cách. Hãy thực hiện các thao tác thích hợp khi đèn cảnh báo sáng lên. (→P.341)

▶ Xe có màn hình đa thông tin:

Sự kết hợp giữa các chuông báo bên trong và bên ngoài xe cũng như thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin được sử dụng để giảm nguy cơ xe bị trộm và tai nạn do vận hành hệ thống không đúng cách. Hãy đưa ra biện pháp phù hợp dựa

vào thông điệp được hiển thị. (→P.353)

Chỉ khi chuông cảnh báo kêu, dưới đây là bảng mô tả các tình huống và quy trình hiệu chỉnh.

- Chuông báo bên ngoài xe kêu một lần trong 5 giây

Tình huống	Biện pháp xử lý
Cố khóa cửa xe trong khi cửa xe vẫn mở.	Đóng tất cả các cửa xe và khóa cửa lại.
Khoang hành lý được đóng lại trong khi chìa khóa điện tử vẫn ở bên trong khoang hành lý và tất cả các cửa được khóa lại.	Lấy chìa khóa điện tử ra khỏi khoang hành lý và đóng nắp khoang hành lý.
Cố khóa các cửa xe bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh trong khi chìa khóa điện tử vẫn ở trong xe.*	Hãy lấy chìa khóa điện tử ra khỏi xe và khóa cửa xe lại.

*: Xe có màn hình hỗ trợ lái xe

- Chuông cảnh báo bên trong kêu liên tục

Tình huống	Biện pháp xử lý
Bật công tắc động cơ tới vị trí ACC trong khi cửa lái đang ở trạng thái mở (hoặc mở cửa lái trong khi công tắc động cơ đang ở vị trí ACC).	Tắt công tắc động cơ và đóng cửa người lái.
Tắt công tắc động cơ khi cửa người lái đã được mở.	Đóng cửa người lái.
Cửa người lái được mở ra với cần số không ở vị trí P trong khi vẫn chưa tắt công tắc động cơ.*	Chuyển cần số tới vị trí P.

*: Xe có màn hình hỗ trợ lái xe

- Chuông cảnh báo bên trong kêu liên tục*

Tình huống	Biện pháp xử lý
Chìa khóa điện từ được để gần công tắc động cơ khi chìa điện tử bị hết pin, hệ thống mở khóa và khởi động thông minh bị vô hiệu hóa, hoặc do bị ảnh hưởng bởi sóng radiô.	Hãy ấn công tắc động cơ trong khi đạp bàn đạp phanh.

*: Xe có màn hình hỗ trợ lái xe

- Chuông bên trong xe kêu một lần và chuông bên ngoài xe kêu một lần trong 5 giây*

Tình huống	Biện pháp xử lý
Cố khóa cửa xe trước bằng cách mở cửa xe và đặt núm khóa cửa bên trong xe ở vị trí khóa, sau đó đóng cửa bằng cách kéo tay nắm bên ngoài khi chìa khóa điện tử vẫn ở trong xe.	Hãy lấy chìa khóa điện tử ra khỏi xe và khóa cửa xe lại.

*: Xe có màn hình hỗ trợ lái xe

n Chức năng tiết kiệm điện

Tính năng tiết kiệm điện sẽ được kích hoạt để tránh làm hết pin của chìa khóa điện và ắc quy trong khi không sử dụng xe trong một thời gian dài.

l Trong các trường hợp dưới đây, hệ thống mở khóa và khởi động thông minh sẽ mất một lúc để mở khóa các cửa.
- Khi chìa khóa điện đang nằm ở bên ngoài xe, cách xe khoảng 3.5 m với thời gian từ 2 phút trở lên.
- Khi không sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh trong 5 ngày trở lên.

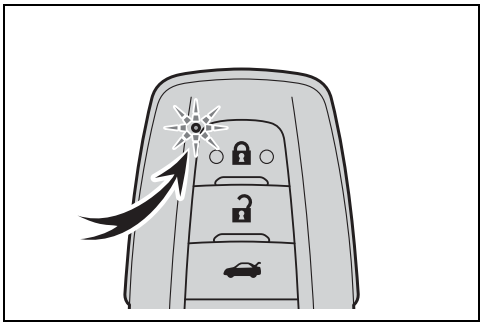
l Nếu không sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh trong 14 ngày trở lên, không thể mở khóa được bất kỳ cửa nào khác trừ cửa người lái. Trong trường hợp này, hãy cầm vào tay nắm cửa người lái, hoặc sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ để mở khóa các cửa.

n Tính năng tiết kiệm pin của chìa khóa điện tử

Khi đặt chế độ tiết kiệm pin, mức tiêu hao pin sẽ được giảm thiểu bằng cách ngừng tiếp nhận sóng radiô của chìa khóa điện tử.

Ấn nút 🔓 2 lần trong khi ấn và giữ 🔒. Xác nhận rằng chỉ báo của chìa điện tử nháy sáng 4 lần.

Trong khi cài đặt chế độ tiết kiệm pin, hệ thống mở khoá và khởi động thông minh sẽ không thể sử dụng được. Để tắt chức năng này, hãy ấn một nút bất kỳ trên chìa điện tử.



n Các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống

Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh sử dụng sóng radiô yếu để điều khiển. Trong những trường hợp sau, liên lạc giữa chìa khóa điện tử và xe có thể bị ảnh hưởng, làm cho hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, điều khiển khóa cửa từ xa và hệ thống mã hóa khóa động cơ hoạt động không chính xác.

l Khi chìa khóa điện tử bị hết điện

l Khi gần đài phát sóng vô tuyến, trạm điện, trạm xăng, trạm phát sóng radiô, màn hình lớn, sân bay hay những thiết bị có thể phát ra sóng radiô mạnh hoặc nhiễu điện

l Khi mang theo radiô di động, điện thoại di động, điện thoại không dây hoặc một thiết bị liên lạc không dây khác

l Khi chìa khóa điện tử chạm vào hoặc bị che bởi những đồ vật bằng kim loại sau
- Các loại thẻ nhôm
- Gói thuốc lá có nhôm bên trong
- Ví hoặc túi bằng kim loại
- Tiền xu
- Bộ sưởi tay làm bằng kim loại
- Các thiết bị giải trí như đĩa CD và DVD

l Khi các chìa điều khiển từ xa khác (có khả năng phát ra sóng radiô) được sử dụng ở gần đó

l Khi bạn mang chìa khóa điện tử

cùng với các thiết bị có khả năng phát ra sóng radiô như sau
- Chìa khóa điện tử hoặc chìa điều khiển từ xa của xe khác có khả năng phát sóng radiô
- Máy tính cá nhân hoặc các thiết bị kỹ thuật số hỗ trợ cá nhân (PDA)
- Máy nghe nhạc kỹ thuật số
- Hệ thống trò chơi di động

l Khi cửa sổ của xe được dán phim kim loại hoặc có các vật bằng kim loại được gắn lên kính cửa hậu của xe

l Khi đặt chìa khóa điện tử gần bộ sạc pin hoặc các thiết bị điện tử

l Khi đỗ xe ở trạm đỗ xe thu phí có phát sóng radiô

Nếu không thể khóa/mở khóa được các cửa bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, hãy khóa/mở khóa các cửa bằng cách thực hiện bất kỳ động tác nào sau đây.

l Mang chìa khóa điện tử đến gần một trong hai tay nắm cửa và vận hành chức năng vào xe.

l Vận hành điều khiển từ xa.

Nếu không thể khóa/mở khóa được theo các cách nói trên, hãy sử dụng chìa khóa cơ. (→P.365)

Nếu không thể khởi động được động cơ bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, hãy tham khảo P.366.

n Lưu ý với chức năng vào xe

l Ngay cả khi chìa khóa điện tử nằm trong phạm vi hiệu quả (khu vực có thể dò được chìa khóa), hệ thống vẫn có thể không làm việc chính xác trong các trường hợp sau:
- Khi để chìa khóa điện tử quá gần cửa sổ hoặc tay nắm bên ngoài cửa, gần mặt đất hoặc ở trên cao khi khóa hoặc mở khóa các cửa xe.
- Chìa khóa điện tử đặt sát mặt đất hoặc ở tận trên cao, hoặc ở quá gần tâm của cản phía sau khi khoang hành lý được mở.
- Chìa điện tử nằm trên bảng táp lô, khay để hành lý phía sau hoặc trên sàn xe, hoặc hốc để đồ trên cửa xe, ngăn đựng găng tay khi khởi động động cơ hoặc thay đổi chế độ của công tắc động cơ.

l Không để chìa khóa điện tử trên bảng táp lô hoặc gần các hốc để đồ trên cửa xe khi ra khỏi xe. Tùy vào điều kiện thu sóng radiô mà ăng ten bên ngoài xe có thể sẽ thu được sóng của chìa khóa điện tử, và bạn có thể khóa được xe từ bên ngoài trong khi chìa khóa điện tử vẫn ở trong xe.

l Khi chìa khóa điện tử nằm trong phạm vi phát hiện của hệ thống, bất kỳ người nào cũng có thể khóa hoặc mở khóa cửa. Tuy nhiên, chỉ các cửa phát hiện được chìa khóa điện tử mới có thể sử dụng để mở khóa xe được.

l Ngay cả khi chìa khóa điện tử không ở trong xe, động cơ vẫn có thể khởi động được nếu chìa khóa điện tử nằm ở gần cửa sổ.

l Các cửa xe có thể sẽ mở khóa hoặc khóa nếu có một lượng lớn nước bắn qua tay nắm cửa, như khi trời mưa hoặc khi rửa xe. (Cửa sẽ tự động bị khóa lại sau khoảng 30 giây nếu như không cánh cửa nào được mở ra và đóng lại)

l Nếu sử dụng điều khiển từ xa để khóa các cửa xe trong khi chìa khóa điện tử để ở gần xe, thì có thể sẽ không mở khóa cửa bằng chức năng vào xe được. (Hãy sử dụng điều khiển từ xa để mở khóa các cửa.)

l Chạm vào cảm biến khóa hoặc mở khóa trong khi đeo găng tay có thể làm cho cửa không khóa hoặc mở khóa được.

l Khi chạm vào cảm biến để khóa cửa, tín hiệu ghi nhận sẽ xuất hiện hai lần liên tiếp. Sau đó, sẽ không có bất kỳ tín hiệu ghi nhận nào xuất hiện nữa.

l Nếu tay nắm cửa bị ướt khi rửa xe và chìa khóa điện tử đang trong

phạm vi hiệu quả, cửa xe có thể khóa hoặc mở khóa nhiều lần. Trong trường hợp đó, hãy xử lý như sau để có thể rửa xe được:

- Hãy đặt chìa khóa điện tử ở bên ngoài xe và cách xe từ 2 m trở lên. (Hãy chú ý để tránh bị mất trộm chìa.)
- Đặt chìa khóa điện tử vào chế độ tiết kiệm pin để vô hiệu hóa hệ thống mở khóa và khởi động thông minh. (→P.120)

l Nếu chìa khóa điện tử nằm ở bên trong xe và tay nắm cửa bị ướt trong khi rửa xe, một thông báo có thể sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin (nếu có) và chuông báo sẽ kêu ở bên ngoài xe. Để tắt báo động, hãy khóa tất cả các cửa.

l Cảm biến khóa cửa có thể làm việc không chính xác nếu nó tiếp xúc với băng, tuyết, bùn… Hãy vệ sinh cảm biến khóa cửa và thử lại lần nữa.

l Cửa xe có thể sẽ không mở khóa nếu bạn đi vào phạm vi hiệu quả quá nhanh hoặc kéo tay nắm cửa đột ngột. Hãy chạm vào cảm biến mở khóa cửa và kiểm tra xem các cửa có được mở khóa trước khi kéo tay nắm cửa không.

l Nếu có một chìa khóa điện tử khác nằm trong phạm vi phát hiện, cửa xe có thể sẽ được mở khóa chậm hơn một chút sau khi chạm vào tay nắm cửa.

l Móng tay có thể sẽ làm xước cửa xe khi thao tác với tay nắm cửa. Hãy cẩn thận để tránh làm hỏng móng tay hay bề mặt sơn của cửa xe.

n **Khi không lái xe trong một khoảng thời gian dài**

l Để đề phòng bị mất trộm xe, không được để chìa khóa điện tử ở gần xe trong khoảng cách 2m.

l Có thể vô hiệu hóa hệ thống mở khóa và khởi động thông minh trước đó. (→P.387)

l Hãy cài đặt chìa điện tử ở chế độ tiết kiệm pin để tránh làm hết pin của chìa khóa. (→P.120)

n **Để vận hành hệ thống đúng cách**

l Hãy mang theo chìa khóa điện tử khi bạn vận hành hệ thống. Không để chìa khóa điện tử quá gần xe khi vận hành hệ thống từ bên ngoài xe.

Tùy thuộc vào vị trí và cách cầm chìa khóa mà chìa khóa điện tử có thể sẽ không được dò ra chính xác và hệ thống có thể không làm việc chính xác. (Hệ thống báo động có thể bất ngờ kích hoạt hoặc chức năng chống khóa cửa có thể sẽ không làm việc.)

l Không để chìa khóa điện tử ở bên trong khoang hành lý.
Chức năng chống quên chìa khóa có thể không hoạt động, tùy vào vị trí của chìa (ở mép trong của khoang hành lý), tình trạng (ở bên trong túi bằng kim loại, ở gần vật thể bằng kim loại) và có sóng radiô ở khu vực xung quanh. (→P.117)

n **Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh không hoạt động chính xác**

l Khóa và mở khóa các cửa: →P.365

l Khởi động động cơ: →P.366

n **Tùy chọn**

Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.387)

n **Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đã bị vô hiệu hóa bởi cài đặt tùy chọn**

l Khóa và mở khóa các cửa: Hãy sử dụng chìa khóa cơ hoặc điều khiển từ xa. (→P.109, 365)

l Khởi động động cơ và thay đổi các chế độ của công tắc động cơ: →P.366

l Tắt động cơ: →P.148

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý liên quan đến hoạt động của các thiết bị điện tử**

l Những hành khách phải sử dụng máy điều hòa nhịp tim hoặc máy khử rung tim phải giữ khoảng cách thích hợp với các ăng ten của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh. (→P.118)
Sóng rađiô có thể sẽ làm ảnh hưởng tới hoạt động của các thiết bị trên. Nếu cần, bạn có thể vô hiệu hóa chức năng vào xe. Hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota để có thêm thông tin chi tiết, như tần số của sóng rađiô và thời điểm phát ra sóng rađiô. Sau đó, hỏi ý kiến của bác sỹ xem liệu bạn có nên vô hiệu hóa chức năng vào xe không.

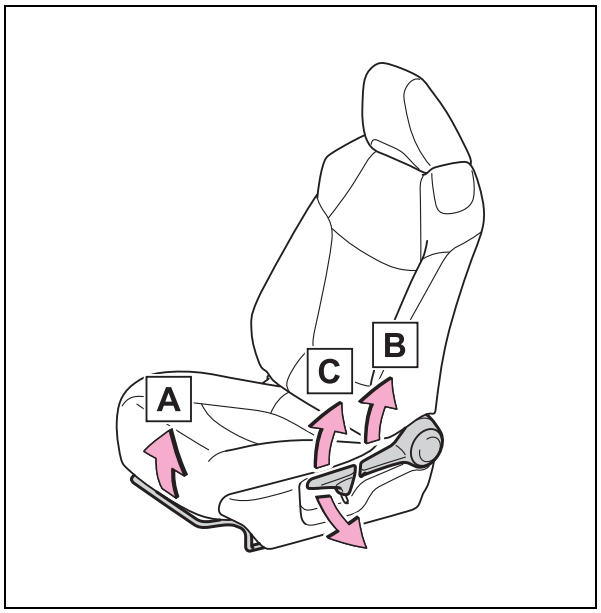
l Khi sử dụng các thiết bị điện tử y khoa khác (ngoài máy điều hòa nhịp tim và máy khử rung tim), bạn nên tham khảo ý kiến của nhà sản xuất về những thông tin liên quan đến khả năng hoạt động của thiết bị dưới ảnh hưởng của sóng rađiô.
Sóng rađiô có thể gây ra những tác động không mong muốn tới hoạt động của các thiết bị y khoa.

Hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota để biết thêm chi tiết khi vô hiệu hóa chức năng vào xe.

Ghế trước

Quy trình điều chỉnh

▶ Ghế thường

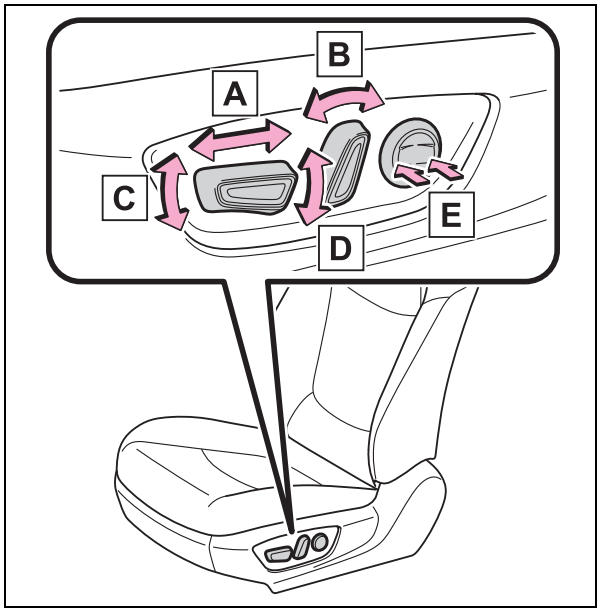


A Cần điều chỉnh vị trí ghế

B Cần điều chỉnh ngả lưng ghế

C Cần điều chỉnh chiều cao ghế (chỉ với ghế người lái)

▶ Ghế điều khiển điện (chỉ cho ghế người lái)



A Công tắc điều chỉnh vị trí của ghế

B Công tắc điều chỉnh ngả lưng ghế

C Công tắc điều chỉnh góc nghiêng của nệm ghế (trước)

D Công tắc điều chỉnh chiều cao ghế

E Công tắc điều chỉnh đỡ ngang lưng ghế

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi điều chỉnh vị trí ghế**

l Hãy cẩn thận khi điều chỉnh vị trí ghế để đảm bảo không gây chấn thương cho các hành khách khác trong khi dịch chuyển ghế.

l Không để tay dưới ghế hoặc gần các chi tiết chuyển động để tránh bị chấn thương.
Do ngón tay hoặc bàn tay có thể sẽ bị kẹp bởi hệ thống cơ khí của ghế.

l Hãy đảm bảo để đủ khoảng trống xung quanh chân sao cho chân không bị kẹt.

n **Điều chỉnh ghế**

l Cẩn thận không để ghế va vào hành khách hoặc hành lý.

l Để tránh cho cơ thể khỏi bị trượt dưới đai hông trong khi va chạm, không ngả lưng ghế quá nhiều.
Nếu ngả ghế quá nhiều, trong khi bị va chạm, đai an toàn có thể sẽ trượt qua hông và tác dụng lực trực tiếp lên bụng của bạn hoặc đai vai có thể sẽ thít vào cổ của bạn làm tăng khả năng bị chấn thương nghiêm trọng hoặc bị tử vong.
Không nên điều chỉnh ghế trong khi lái xe, nếu không ghế có thể sẽ bị dịch chuyển bất ngờ và gây mất lái.

⚠ CẢNH BÁO

l Chỉ áp dụng với ghế thường: Sau khi điều chỉnh ghế, hãy đảm bảo rằng ghế đã được khóa chắc chắn tại vị trí đó.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi điều chỉnh ghế trước**

Khi điều chỉnh ghế trước, hãy đảm bảo rằng tựa đầu không chạm vào trần xe. Nếu không, có thể sẽ làm hỏng tựa đầu và trần xe.

Ghế sau (kiểu gập xuống được)*

*: Nếu có

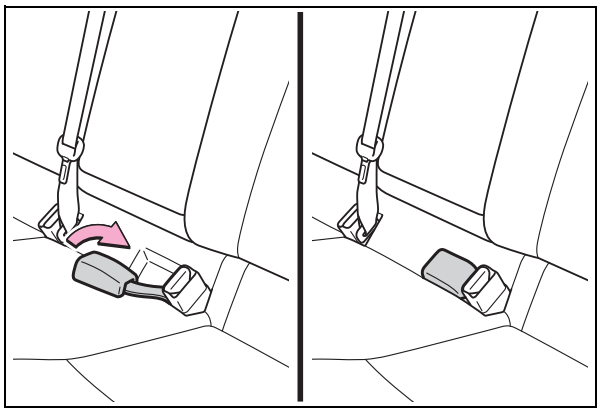
Lưng ghế của các ghế sau có thể gập xuống được.

Gập lưng ghế phía sau xuống

1 Dịch ghế các ghế trước về phía trước. (→P.124)

2 Gập gọn tựa tay phía sau xuống. (→P.282)

3 Xếp gọn khóa của đai an toàn ở ghế giữa hàng ghế sau.

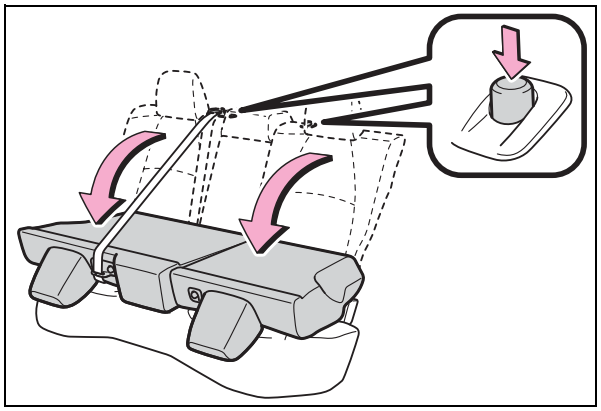


4 Hạ tựa đầu tới vị trí thấp nhất. (→P.127)

5 Gập lưng ghế xuống đồng thời ấn vào nút nhả khóa lưng ghế.

Các lưng ghế có thể gập được một

cách độc lập.



CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi gập lưng ghế sau xuống**

l Không gập lưng ghế xuống trong khi đang lái xe.

l Dừng xe trên bề mặt phẳng, gài phanh đỗ và chuyển cần số tới vị trí P.

l Không để người nào ngồi trên lưng ghế đã gập lại hoặc trong khoang hành lý khi lái xe.

l Không được để trẻ nhỏ chui vào khoang hành lý.

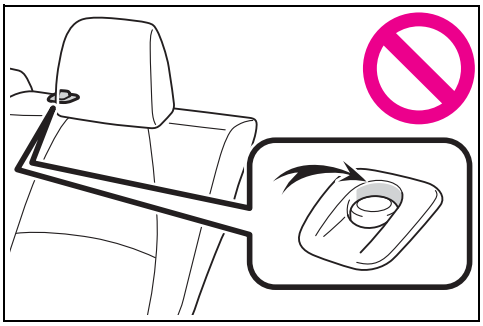
l Hãy cẩn thận không được để tay bị kẹt bởi ghế khi gập các lưng ghế phía sau.

l Điều chỉnh vị trí của các ghế trước, trước khi gập các lưng ghế của ghế sau sao cho các ghế trước không bị vướng vào lưng ghế sau khi gập lưng ghế.

n **Sau khi dựng lưng ghế về vị trí thẳng đứng**

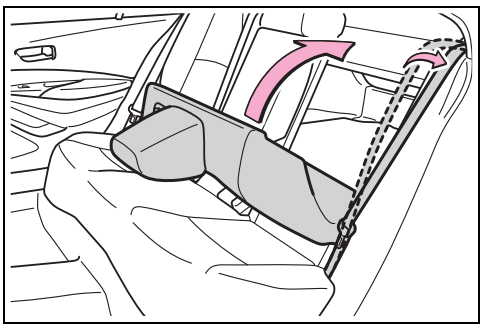
l Hãy chắc chắn rằng lưng ghế đã được khóa cố định bằng cách đẩy nhẹ lưng ghế về phía trước và phía sau.

Nếu lưng ghế chưa được hãm chắc chắn, thì bạn sẽ nhìn thấy dấu đỏ trên núm nhả khoá lưng ghế. Hãy đảm bảo rằng dấu màu đỏ bị che khuất.



l Kiểm tra rằng các đai an toàn không bị xoắn hay bị mắc kẹt ở lưng ghế.

Nếu dây đai bị kẹt ở giữa móc bắt lưng ghế và chốt, nó sẽ gây hỏng dây đai.



CHÚ Ý

n **Khi lưng ghế sau bên phải đã bị gập xuống**

Chắc chắn rằng hành lý được chất trong khoang hành lý sẽ không làm hỏng khoá đai an toàn ghế giữa hàng ghế sau.

Tựa đầu

Tựa đầu được trang bị cho tất cả các ghế.

⚠ CẢNH BÁO

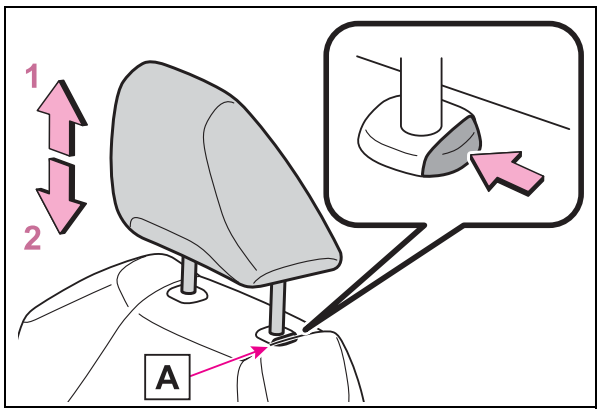
n **Các lưu ý với tựa đầu**

Hãy tuân theo những lưu ý sau liên quan đến tựa đầu. Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Sử dụng tựa đầu được thiết kế phù hợp với loại ghế tương ứng.
- Luôn luôn điều chỉnh tựa đầu tới vị trí phù hợp.
- Sau khi điều chỉnh các tựa đầu, hãy ấn tựa đầu xuống để đảm bảo rằng tựa đầu đã được khóa tại vị trí đó.
- Không được lái xe với tựa đầu đã bị tháo ra.

Điều chỉnh tựa đầu

n **Ghế trước**



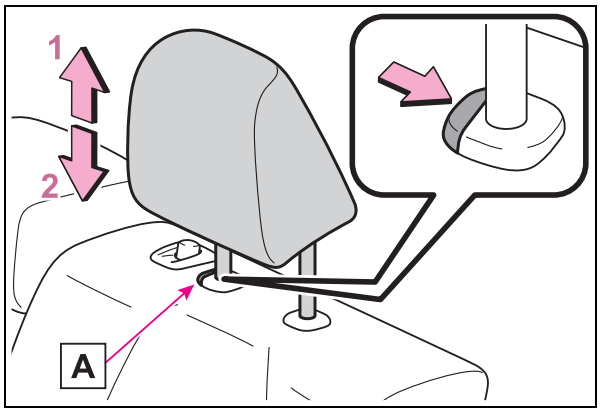
1 Nâng lên

Kéo tựa đầu lên.

2 Hạ xuống

Hãy ấn tựa đầu xuống trong khi ấn vào nút nhả khóa tựa đầu A.

n **Các ghế sau bên ngoài (kiểu có thể điều chỉnh)**



1 Nâng lên

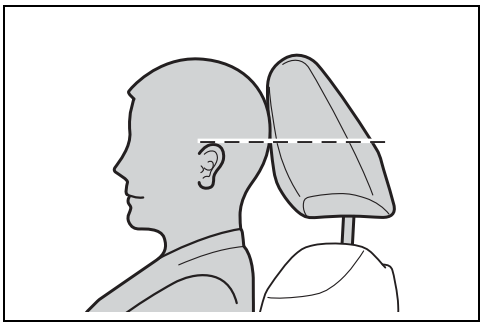
Kéo tựa đầu lên.

2 Hạ xuống

Hãy ấn tựa đầu xuống trong khi ấn vào nút nhả khóa tựa đầu A.

n **Điều chỉnh chiều cao của tựa đầu (các ghế trước)**

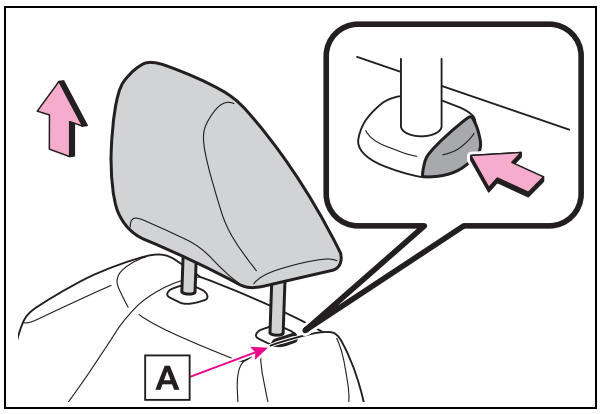
Hãy đảm bảo rằng tựa đầu được điều chỉnh sao cho tâm của tựa đầu nằm gần đỉnh tai của bạn nhất.



Tháo các tựa đầu

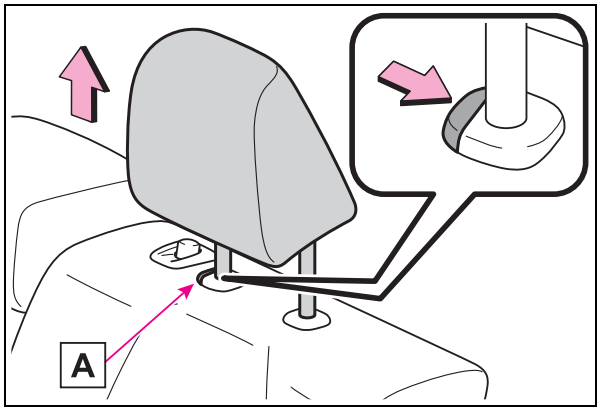
n **Ghế trước**

Hãy kéo tựa đầu lên trong khi ấn vào nút nhả khóa tựa đầu A.



n Các ghế sau bên ngoài (kiểu có thể điều chỉnh)

Hãy kéo tựa đầu lên trong khi ấn vào nút nhả khóa tựa đầu A.

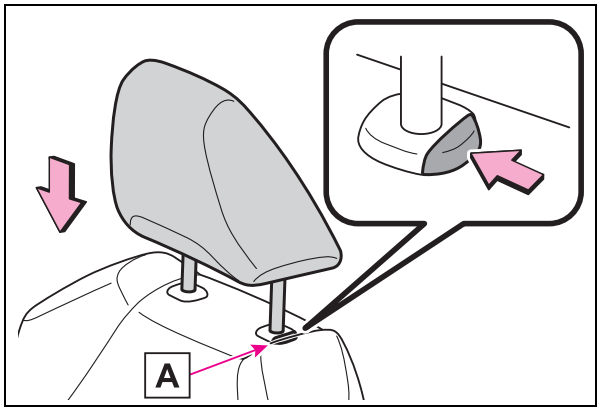


Lắp tựa đầu

n Ghế trước

Gióng thẳng tựa đầu với lỗ lắp tựa đầu và ấn nó xuống tới vị trí khóa.

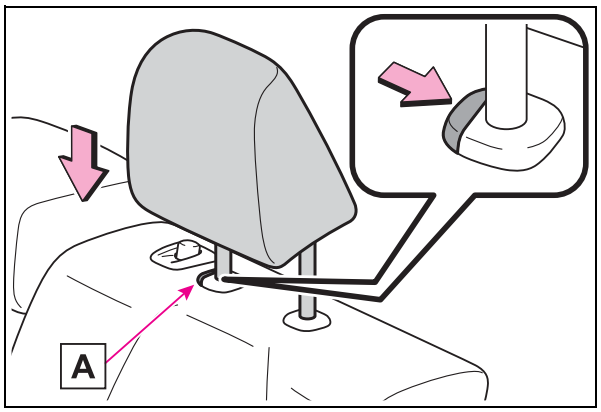
Hãy ấn và giữ nút nhả khóa A khi hạ thấp tựa đầu xuống.



n Các ghế sau bên ngoài (kiểu có thể điều chỉnh)

Gióng thẳng tựa đầu với lỗ lắp tựa đầu và ấn nó xuống tới vị trí khóa.

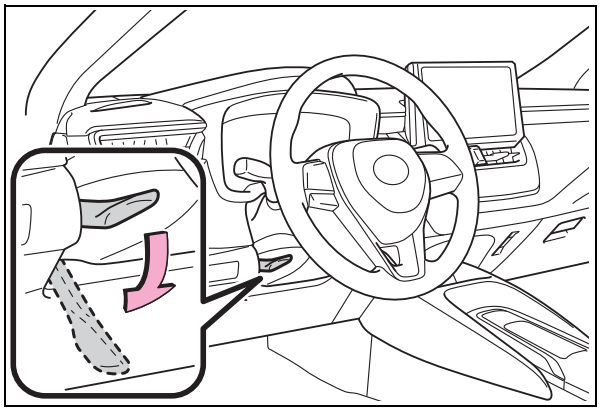
Hãy ấn và giữ nút nhả khóa A khi hạ thấp tựa đầu xuống.



Vô lăng

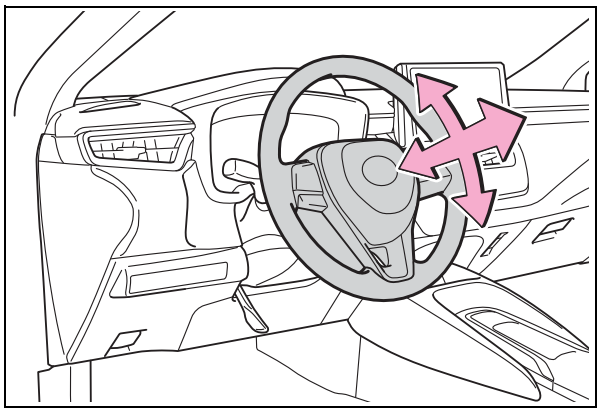
Quy trình điều chỉnh

1 Hãy giữ vô lăng và đẩy lẫy điều chỉnh vô lăng xuống.



2 Hãy điều chỉnh vô lăng đến vị trí mong muốn bằng cách dịch chuyển vô lăng theo phương nằm ngang và thẳng đứng.

Sau khi điều chỉnh, hãy kéo lẫy điều chỉnh lên để cố định vô lăng.



⚠ CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

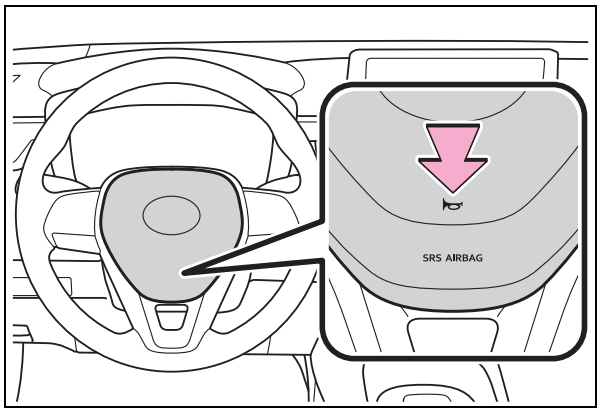
Không điều chỉnh vô lăng trong khi lái xe.
Nếu không có thể sẽ làm mất lái và gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Sau khi điều chỉnh vô lăng**

Hãy đảm bảo rằng vô lăng đã được cố định chắc chắn
Nếu không, vô lăng có thể bất ngờ dịch chuyển và gây ra tai nạn, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong. Đồng thời, còi xe có thể sẽ không hoạt động nếu vô lăng chưa được khóa chắc.

Còi

Để bấm còi, hãy ấn vào hoặc gần biểu tượng .



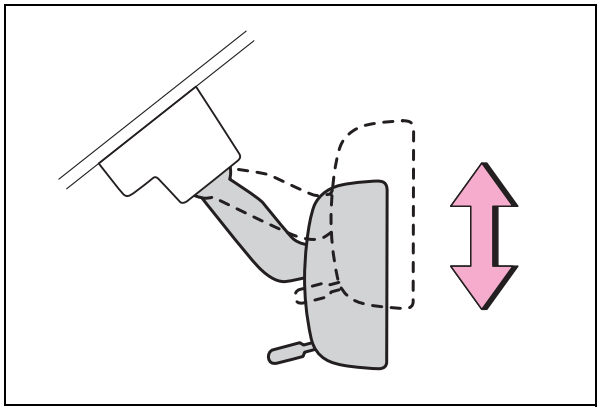
Gương chiếu hậu bên trong xe

Có thể điều chỉnh vị trí của gương chiếu hậu bên ngoài để đảm bảo khả năng quan sát phía sau xe.

Điều chỉnh chiều cao của gương chiếu hậu

Có thể điều chỉnh chiều cao của gương chiếu hậu để phù hợp với tư thế lái xe.

Điều chỉnh chiều cao của gương chiếu hậu bằng cách dịch chuyển gương lên và xuống.



⚠ CẢNH BÁO

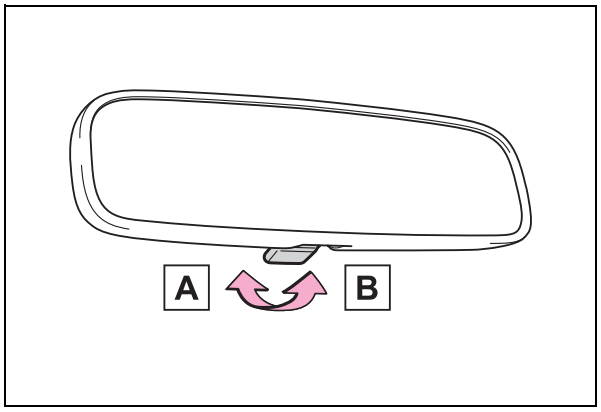
n **Chú ý khi lái xe**

Không điều chỉnh vị trí của gương trong khi lái xe.
Nếu không có thể dẫn đến mất lái và gây ra tai nạn dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Chức năng chống chói

▶ Gương chiếu hậu bên trong chống chói kiểu thường

Bạn có thể giảm độ chói do ánh sáng phản chiếu từ đèn pha của xe phía sau bằng cách điều chỉnh lẫy như sau.



A Vị trí bình thường

B Vị trí chống chói

▶ Gương chiếu hậu bên trong chống chói kiểu tự động

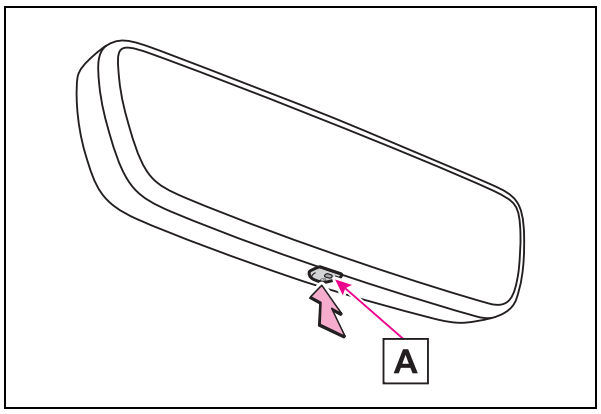
Tùy vào độ sáng đèn pha của xe chạy sau, ánh sáng phản xạ qua gương sẽ tự động được giảm đi.

Thay đổi chế độ của chức năng chống chói kiểu tự động

Bật/tắt đèn

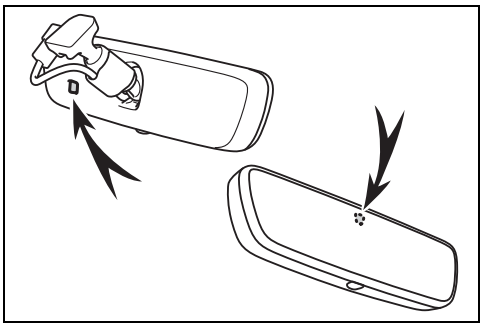
Khi chức năng chống chói kiểu tự động đang ở chế độ ON, đèn chỉ báo A sẽ sáng. Chức năng này sẽ được đặt đến chế độ ON mỗi lần công tắc động cơ được bật ON.

Việc ấn nút này sẽ chuyển chức năng này đến chế độ tắt. (Đèn chỉ báo A cũng sẽ tắt.)



n **Để tránh làm cho cảm biến bị lỗi (xe có gương chiếu hậu bên trong xe chống chói kiểu tự động)**

Để đảm bảo cho các cảm biến hoạt động chính xác, không chạm vào hoặc che phủ các cảm biến.



Gương chiếu hậu bên ngoài xe

Có thể điều chỉnh vị trí của gương chiếu hậu bên ngoài để đảm bảo khả năng quan sát phía sau xe.

n **Khi sử dụng gương chiếu hậu bên ngoài xe trong thời tiết lạnh**

Khi trời lạnh và gương chiếu hậu bên ngoài bị đóng băng, có thể sẽ không gập/mở gương hoặc điều chỉnh mặt gương được. Hãy gỡ bỏ băng, tuyết… bám trên gương chiếu hậu bên ngoài xe.

⚠ CẢNH BÁO

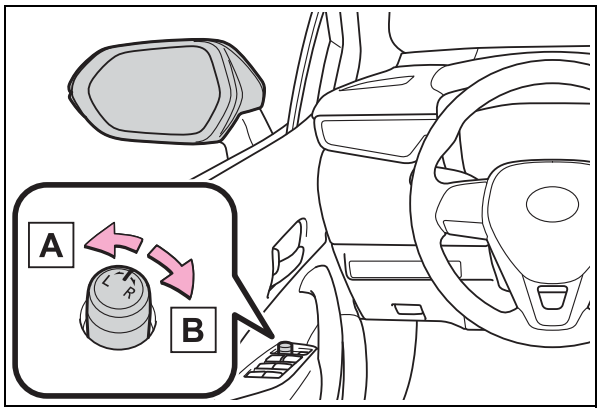
n **Các điểm cần lưu ý khi lái xe**

Hãy tuân theo các lưu ý sau trong khi lái xe.
Nếu không có thể sẽ bị mất lái và gây ra tai nạn dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Không điều chỉnh các gương trong khi lái xe.
- Không lái xe với các gương đã gập lại.
- Cả gương chiếu hậu phía người lái và phía hành khách phải được mở ra và điều chỉnh chính xác trước khi lái xe.

Quy trình điều chỉnh

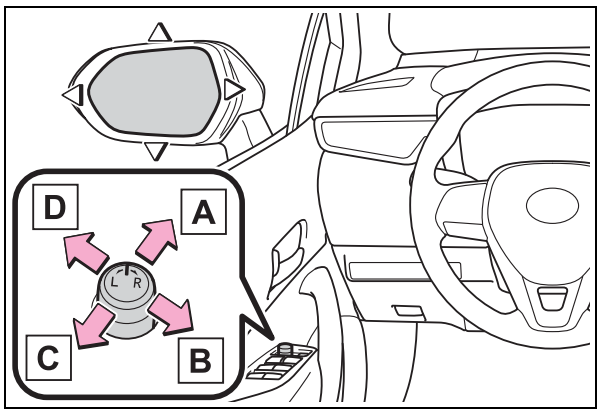
1 Để chọn gương cần điều chỉnh, hãy xoay công tắc chọn gương.



A Gương trái

B Gương phải

2 Để điều chỉnh gương, hãy vận hành công tắc.



A Nâng lên

B Sang phải

C Hạ xuống

D Sang trái

n **Có thể điều chỉnh góc nghiêng của gương khi**

Công tắc động cơ ở ACC hoặc ON.

n **Chức năng tự động chỉnh gương khi lùi xe (nếu có)**

Khi chọn một trong hai phía “L” hoặc “R” của công tắc chọn gương, các gương chiếu hậu bên ngoài tự động chúi xuống khi xe đang lùi để giúp người lái nhìn xuống mặt đất tốt hơn.

Để hủy chức năng gương, không chọn cả "L" và "R".

Để đặt góc gương dùng cho khi lùi xe, hãy điều chỉnh góc gương đến vị trí mong muốn khi cần số ở vị trí R.

Góc điều chỉnh sẽ được ghi nhớ lại và gương sẽ tự động điều chỉnh đến vị trí đã nhớ mỗi khi cần số được chuyển đến vị trí R trong những lần tiếp theo.

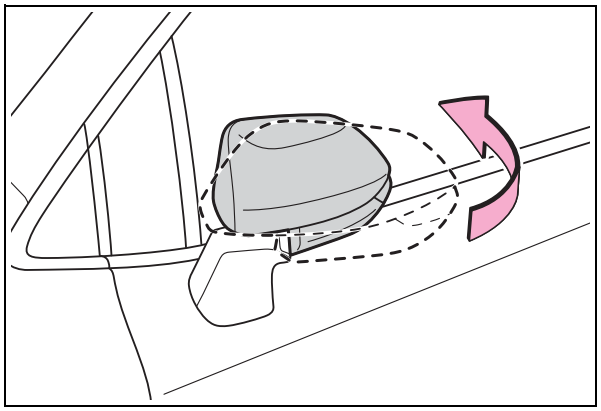
Vị trí nghiêng xuống đã ghi nhớ của gương được liên kết với vị trí bình thường (góc điều chỉnh khi cần số ở khị trí khác R). Vì vậy, nếu vị trí bình thường thay đổi sau điều chỉnh, thì vị trí nghiêng cũng sẽ bị thay đổi.

Khi vị trí bình thường của gương bị thay đổi, hãy điều chỉnh lại góc đặt của gương khi lùi xe.

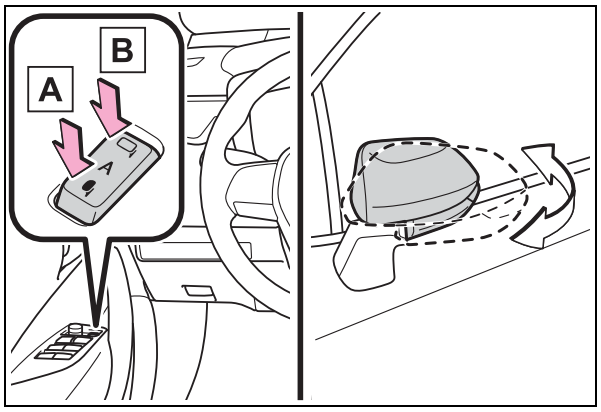
Gập và mở gương chiếu hậu

▶ Kiểu điều khiển bằng tay

Hãy đẩy gương về phía sau xe.



▶ Kiểu điều chỉnh điện



A Gập gương

B Trả gương

Xe có chế độ tự động:
Đặt công tắc gập gương chiếu hậu bên ngoài ở vị trí trung gian để đặt các gương ở chế độ tự động.
Chế độ tự động cho phép liên kết hoạt động gập gương hoặc mở gương với thao tác khóa/mở khóa cửa xe.

n **Tùy chọn**

Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.387)

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi gương đang dịch chuyển**

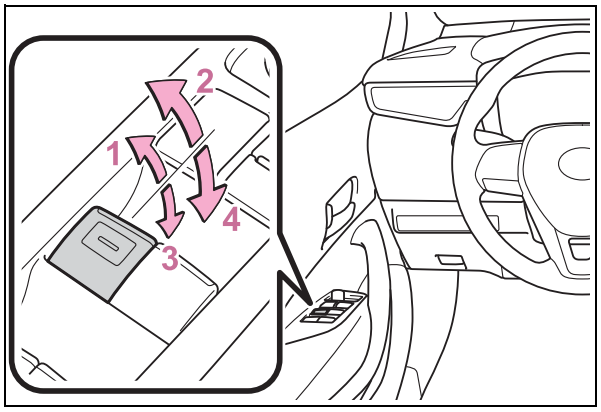
Để tránh bị thương hoặc làm hỏng gương, hãy cẩn thận để không bị kẹp tay khi gương đang dịch chuyển.

Cửa sổ điện

Mở và đóng các cửa sổ điện

Có thể mở và đóng cửa sổ điện bằng cách dùng các công tắc điều khiển.

Cửa sổ sẽ dịch chuyển khi ấn/kéo công tắc điều khiển như sau:



1 Đóng

2 Lên kính tự động*

3 Mở

4 Xuống kính tự động*

*: Để cửa sổ dừng lưng chừng, hãy ấn/kéo công tắc theo hướng ngược lại.

---

n **Các cửa sổ điện có thể hoạt động khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Điều khiển các cửa sổ điện sau khi tắt động cơ**

Có thể điều khiển được cửa sổ điện trong khoảng 45 giây sau khi công tắc động cơ được chuyển đến ACC hoặc OFF. Tuy nhiên, bạn sẽ không thể điều khiển được cửa sổ điện nếu đã mở một trong hai cửa trước.

n **Chức năng chống kẹt khi lên kính**

Nếu có vật bị kẹt giữa kính cửa sổ và khung cửa sổ trong khi cửa sổ đang đóng lại, cửa sổ sẽ ngừng di chuyển và cửa sổ sẽ hơi mở ra.

n **Chức năng chống kẹt khi xuống kính**

Nếu có vật bị kẹt giữa cửa và cửa sổ trong khi cửa sổ đang mở ra, cửa sổ sẽ ngừng di chuyển.

n **Khi không thể mở hoặc đóng cửa sổ**

Khi chức năng chống kẹt khi lên kính hoặc chống kẹt khi xuống kính hoạt động bất thường và cửa sổ không thể mở hoặc đóng, hãy tiến hành các thao tác sau bằng các công tắc cửa sổ điều khiển điện trên cửa đó.

- Dừng xe. Với công tắc động cơ đang ở ON, trong thời gian 4 giây chức năng chống kẹt khi lên kính và chống kẹt khi xuống kính đang kích hoạt, tiếp tục vận hành lên kính tự động hoặc xuống kính tự động, thì cửa sổ vẫn có thể mở hoặc đóng lại được.
- Nếu cửa không thể mở và đóng ngay cả khi đã thực hiện các thao tác trên, hãy thực hiện quy trình sau để khởi tạo cho chức năng này.

1 Bật công tắc động cơ tới vị trí ON.

2 Kéo và giữ công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí lên kính tự động và đóng hẳn cửa sổ điện lại.

3 Nhả công tắc cửa sổ điều khiển điện trong giây lát, sau đó tiếp tục kéo công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí lên kính tự động và giữ ở vị trí đó trong khoảng 6 giây trở lên.

4 Ấn và giữ công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí xuống kính tự động. Sau khi cửa sổ mở ra hoàn toàn, tiếp tục giữ công tắc này thêm khoảng 1 giây trở lên.

5 Nhả công tắc cửa sổ điều khiển điện trong giây lát, sau đó tiếp tục ấn công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí xuống kính tự động và giữ ở vị trí đó trong khoảng 4 giây trở lên.

6 Hãy kéo và giữ công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí lên kính tự động một lần nữa. Sau khi cửa sổ đã đóng hẳn lại, hãy tiếp tục giữ công tắc cửa sổ điều khiển điện trong 1 giây trở lên.

Nếu bạn nhả công tắc trong khi kính cửa đang dịch chuyển, hãy bắt đầu lại từ đầu.
Nếu cửa sổ dịch chuyển ngược lại và không thể đóng chặt hoặc mở hết cỡ được, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Điều khiển cửa sổ liên kết với khóa cửa

l Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Có thể mở và đóng cửa sổ điện bằng cách dùng chìa khóa.* (→P.110)
Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Có thể mở và đóng các cửa sổ điện bằng chìa khóa cơ.* (→P.365)

l Có thể mở và đóng cửa sổ điện bằng điều khiển từ xa.* (→P.109)

*: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

n Chuông cảnh báo mở cửa sổ điện

Xe có màn hình hỗ trợ lái xe: Chuông sẽ kêu khi tắt công tắc động cơ và cửa người lái được mở ra trong khi các cửa sổ điện mở.

Xe có màn hình đa thông tin: Chuông sẽ kêu và một thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin trên đồng hồ táp lô khi tắt công tắc động cơ và cửa người lái được mở ra trong khi cửa sổ vẫn đang để mở.

n Tùy chọn

Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.387)

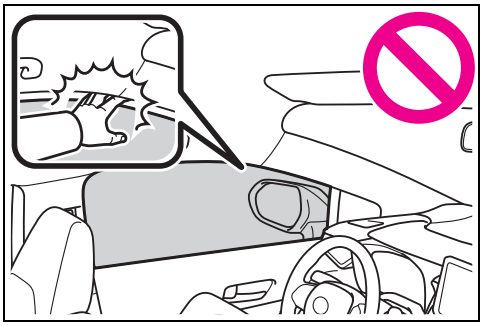
⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Đóng các cửa sổ

l Người lái chịu trách nhiệm điều khiển các cửa sổ điện, bao gồm cả ở phía cửa hành khách. Để tránh vô tình điều khiển cửa sổ điện, đặc biệt là do trẻ em, không được để trẻ em điều khiển các cửa sổ điện. Do trẻ và các hành khách khác có thể bị cửa sổ điện kẹp vào các bộ phận trên cơ thể. Ngoài ra, khi có trẻ em trên xe, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng công tắc khóa cửa sổ. (→P.136)

l Hãy kiểm tra để đảm bảo rằng tất cả hành khách trên xe không bị kẹp bất cứ phần nào của cơ thể khi điều khiển cửa sổ.



l Khi sử dụng điều khiển từ xa, chìa khóa hoặc chìa khóa cơ và vận hành các cửa sổ điện, hãy điều khiển cửa sổ điện sau khi kiểm tra để đảm bảo các hành khách không bị kẹp bởi cửa sổ điện. Hơn nữa, không để trẻ nhỏ điều khiển cửa sổ bằng điều khiển từ xa, chìa khóa hoặc chìa khóa cơ. Nếu không, trẻ em hoặc các hành khách khác có thể bị kẹp bởi cửa sổ điện.

l Khi ra khỏi xe, hãy tắt công tắc động cơ, mang theo chìa và ra khỏi xe cùng với trẻ em. Nếu để trẻ ở trong xe, trẻ có thể vô tình kích hoạt một số chức năng, có thể dẫn đến tai nạn.

n **Chức năng chống kẹt khi lên kính**

l Không bao giờ sử dụng bất kỳ phần nào của cơ thể bạn để kích hoạt chức năng chống kẹt.

l Chức năng chống kẹt khi lên kính có thể không hoạt động nếu có vật bị kẹt trước khi cửa sổ đóng lại hoàn toàn. Hãy cẩn thận để không làm bất kỳ bộ phận nào của cơ thể bạn bị kẹp bởi cửa sổ.

n **Chức năng chống kẹt khi xuống kính**

l Không bao giờ sử dụng bất kỳ phần nào của cơ thể hoặc quần áo để kích hoạt chức năng chống kẹt.

l Chức năng chống kẹt có thể sẽ không làm việc nếu có vật bị kẹt trước khi kính cửa được mở ra hoàn toàn. Hãy cẩn thận để tránh bị kẹp quần áo hoặc cơ thể vào cửa sổ.

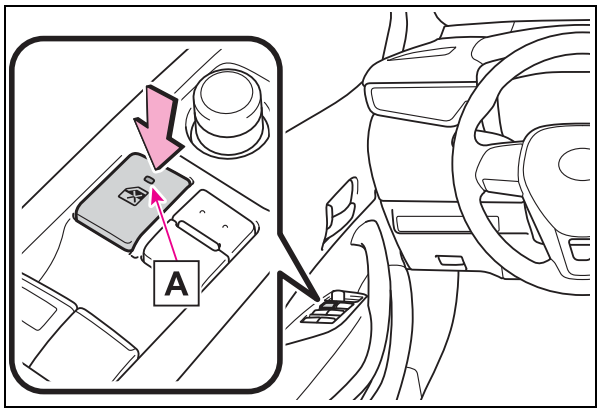
Tránh hoạt động bất ngờ (Công tắc khóa cửa sổ)

Có thể sử dụng chức năng này để ngăn trẻ em vô tình đóng hoặc mở cửa sổ phía hành khách.

Hãy ấn công tắc này.

Đèn chỉ báo A sẽ sáng lên và các cửa sổ của hành khách sẽ bị khóa lại.

Các cửa sổ phía hành khách vẫn tiếp tục mở và đóng bằng các công tắc cửa sổ điều khiển điện bên phía người lái ngay cả khi công tắc khóa đang bật.



n **Các cửa sổ điện có thể hoạt động khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Khi ngắt ắc quy**

Công tắc khóa cửa sổ sẽ bị vô hiệu hóa. Nếu cần thiết, hãy ấn công tắc khóa cửa sổ sau khi nối lại ắc quy.

4-1. Trước khi lái xe

Lái xe 138

Hành lý và hàng hóa..... 144

Kéo moóc..... 145

4-2. Hướng dẫn lái xe

Công tắc động cơ (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) .. 146

Công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)..... 147

Hộp số vô cấp..... 152

Công tắc xi nhan 156

Phanh đỗ..... 157

Phanh đỗ điều khiển điện 158

Chức năng giữ phanh..... 160

4-3. Sử dụng đèn và cần gạt nước

Công tắc đèn pha 163

Hệ thống chiếu xa tự động 166

Công tắc đèn sương mù.. 169

Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió 170

4-4. Nạp nhiên liệu

Mở nắp bình nhiên liệu ... 174

4-5. Sử dụng các hệ thống hỗ trợ lái xe

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota 176

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) 181

LTA (Hỗ trợ bám làn đường) 188

LDA (Cảnh báo lệch làn có liên kết với điều khiển lái)..... 197

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa..... 205

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa 215

Hệ thống điều khiển chạy tự động..... 225

Theo dõi điểm mù (BSM) 228

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota..... 233

Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA) 240

Công tắc chọn chế độ lái xe..... 246

Các hệ thống hỗ trợ lái xe..... 247

4-6. Lời khuyên khi lái xe

Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông 252

Lái xe

Hãy làm theo các quy trình sau để đảm bảo lái xe an toàn:

Quy trình lái xe

n Khởi động động cơ

→P.146, 147

n Lái xe

1 Trong khi đạp bàn đạp phanh, hãy chuyển cần số sang vị trí D. (→P.152)

2 Nhả phanh đỗ. (→P.157, 158)

3 Từ từ nhả bàn đạp phanh và đạp nhẹ bàn đạp ga để tăng tốc xe.

n Dừng xe

1 Với cần số đang ở vị trí D, hãy đạp bàn đạp phanh.

2 Nếu cần, hãy gài phanh đỗ.

Nếu xe được đỗ lại một thời gian, hãy chuyển cần số đến vị trí P. (→P.152)

n Đỗ xe

1 Với cần số ở số D, nhấn bàn đạp phanh và dừng xe hoàn toàn.

2 Gài phanh đỗ (→P.157, 158) và chuyển cần số tới vị trí P. (→P.152)

Kiểm tra rằng chỉ báo phanh đỗ sáng lên.

3 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Tắt công tắc động cơ (OFF) để dừng động cơ.
Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Ấn công tắc động cơ để tắt động cơ.

4 Nhả chậm bàn đạp phanh.

5 Khóa cửa, hãy đảm bảo rằng bạn mang theo chìa điện tử

Nếu đỗ xe trên dốc, hãy chặn các bánh xe khi cần.

n Khởi hành khi xe đang trên dốc

1 Hãy đảm bảo rằng phanh đỗ đã được gài và chuyển cần số tới vị trí D.

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc đã sẵn sàng. (→P.247)

2 Đạp nhẹ bàn đạp ga.

3 Nhả phanh đỗ.

---

n Lái xe khi trời mưa

- Hãy lái xe cẩn thận khi trời mưa, bởi khi đó tầm nhìn sẽ bị hạn chế, kính chắn gió có thể bị mờ và đường thì trơn trượt.
- Hãy lái xe hết sức cẩn thận khi trời bắt đầu mưa, do mặt đường lúc này trở nên đặc biệt trơn.
- Hạn chế chạy ở tốc độ cao khi lái xe trên đường cao tốc trong điều kiện trời mưa, bởi lúc này có thể có một lớp nước nằm giữa bánh xe và mặt đường, làm cản trở tới hoạt động của hệ thống phanh và lái.

n Tốc độ động cơ trong khi lái xe

Trong những trường hợp sau, tốc độ động cơ có thể sẽ tăng cao trong khi lái xe. Nguyên nhân là do hệ thống tự động lên số hoặc xuống số để đáp ứng điều kiện lái. Nó không phải là hiện tượng tăng ga đột ngột.

- Khi xe xác định rằng đang lên dốc

hoặc xuống dốc

l Khi nhả bàn đạp ga

l Nhấn bàn đạp phanh trong khi chọn chế độ lái xe thể thao

n **Hạn chế công suất động cơ (hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn)**

l Khi đạp cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh cùng lúc, công suất động cơ có thể sẽ bị hạn chế.

l Xe có màn hình hỗ trợ lái xe: Đèn cảnh báo sẽ sáng lên khi hệ thống đang hoạt động.
Xe có màn hình đa thông tin: Một cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin khi hệ thống đang hoạt động.

n **Chạy rà xe mới**

Để kéo dài tuổi thọ của xe bạn, hãy tuân theo những lưu ý sau:

l Trong 300 km đầu tiên:

Tránh phanh gấp.

l Trong 1000 km đầu tiên:
- Không lái xe ở tốc độ quá cao.
- Tránh tăng ga đột ngột.
- Không lái xe liên tục ở tay số thấp.
- Không lái xe ở một tốc độ cố định trong thời gian dài.

n **Sử dụng xe ở nước ngoài**

Hãy tuân theo các luật lệ, quy định về đăng ký xe và đảm bảo có sẵn nhiên liệu phù hợp cho xe. (→P.378)

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi khởi động xe**

Luôn luôn giữ chân trên bàn đạp phanh khi dừng xe với động cơ vẫn nổ máy. Việc này nhằm tránh cho xe khỏi bị trôi.

n **Khi lái xe**

l Không cố lái xe nếu như bạn chưa quen với vị trí của bàn đạp phanh và bàn đạp ga để tránh thao tác nhầm.

- Nếu vô tình đạp nhầm bàn đạp ga thay vì bàn đạp phanh sẽ làm xe tăng tốc đột ngột, có thể dẫn đến tai nạn.
- Khi lùi xe, bạn có thể sẽ phải vặn người để quan sát dẫn đến việc khó điều khiển các bàn đạp một cách chính xác. Hãy đảm bảo điều khiển các bàn đạp một cách chính xác.
- Hãy đảm bảo giữ tư thế lái xe chuẩn kể cả khi bạn chỉ muốn dịch chuyển xe một chút. Tư thế lái xe đúng giúp bạn điều khiển bàn đạp phanh và bàn đạp ga một cách chính xác.
- Hãy đạp phanh bằng chân phải của bạn. Nếu sử dụng chân trái để đạp phanh thì có thể sẽ không phản ứng kịp trong trường hợp khẩn cấp, kết quả là gây ra tai nạn.

l Không lái xe phi qua hoặc đỗ gần các vật liệu dễ cháy.
Hệ thống xả và khí xả có thể đang rất nóng. Do vậy, hỏa hoạn có thể xảy ra nếu xe đỗ gần những vật liệu dễ bắt lửa.

⚠ CẢNH BÁO

- Không tắt động cơ khi đang lái xe bình thường. Nếu tắt động cơ trong khi lái xe thì trợ lực cho hệ thống lái hoặc phanh sẽ bị mất mặc dù chức năng điều khiển phanh và lái vẫn hoạt động bình thường. Khi đó bạn sẽ khó đánh lái và phanh xe hơn, do vậy bạn nên dừng xe lại càng sớm càng tốt khi có thể.
  Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp, chẳng hạn như khi không thể dừng xe theo cách thông thường: →P.332

- Hãy sử dụng phanh động cơ (xuống số) để duy trì tốc độ an toàn khi xuống dốc đứng.
  Rà phanh liên tục có thể làm phanh bị quá nhiệt và mất hiệu quả phanh. (→P.152)

- Không điều chỉnh vị trí của vô lăng, ghế hay gương chiếu hậu bên trong hoặc bên ngoài xe khi đang lái xe.
  Nếu không có thể dẫn đến mất lái.

- Luôn đảm bảo rằng tay, đầu hay bất cứ phần cơ thể nào của hành khách không ở bên ngoài xe.

n Khi lái xe trên đường trơn trượt

- Phanh gấp, tăng tốc đột ngột và đánh lái gấp có thể làm cho lốp bị trượt và giảm khả năng điều khiển xe.

- Khi tăng tốc động cơ đột ngột, phanh động cơ bằng cách lên số cao hơn hoặc thay đổi tốc độ động cơ có thể làm xe bị trượt.

- Sau khi lái xe qua vũng nước, hãy nhấn nhẹ bàn đạp phanh để đảm bảo rằng phanh làm việc bình thường. Má phanh bị ướt có thể sẽ làm hạn chế hiệu quả làm việc của phanh. Nếu phanh trong điều kiện một bên má phanh bị ướt và không làm việc chính xác, việc điều khiển vô lăng có thể sẽ bị ảnh hưởng.

n Khi chuyển cần số

- Không để xe bị trôi về phía sau khi cần số đang ở vị trí số tiến, hoặc để xe trôi về phía trước khi cần số đang ở vị trí R.
  Nếu không có thể sẽ làm cho động cơ bị chết máy hoặc làm giảm hiệu quả làm việc của hệ thống phanh và lái, kết quả là gây ra tai nạn hoặc làm hỏng xe.

- Không chuyển cần số tới vị trí P khi xe đang chạy.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng hộp số và có thể dẫn tới mất lái.

- Không chuyển cần số sang vị trí R khi xe đang chạy về phía trước.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng hộp số và có thể dẫn tới mất lái.

- Không chuyển cần số sang vị trí số tiến trong khi xe đang lùi về sau.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng hộp số và có thể dẫn tới mất lái.

- Chuyển cần số tới vị trí N trong khi xe đang chạy sẽ ngắt liên kết giữa động cơ và hộp số. Bạn sẽ không sử dụng phanh động cơ được khi cần số đang ở vị trí N.

- Hãy hết sức cẩn thận, không được chuyển cần số khi đang đạp bàn đạp ga. Chuyển cần số sang vị trí khác P hoặc N, có thể làm cho xe bị tăng tốc đột ngột và có thể gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Nếu bạn nghe thấy tiếng ken két hoặc tiếng rít (bộ báo mòn má phanh)**

Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra và thay thế má phanh càng sớm càng tốt.

Đĩa phanh có thể sẽ bị hỏng nếu không thay các má phanh khi cần thiết.

Sẽ rất nguy hiểm khi lái xe với bộ má phanh và/hoặc đĩa phanh đã bị mòn quá mức.

n **Khi đang dừng xe**

l Không tăng nhanh tốc độ động cơ.
Nếu cần số đang ở vị trí khác vị trí P hoặc N, xe có thể sẽ bị tăng tốc đột ngột và gây ra tai nạn.

l Để tránh xảy ra tai nạn do bị trôi xe, luôn đạp bàn đạp phanh trong khi động cơ đang hoạt động và gài phanh đỗ nếu cần thiết.

l Nếu dừng xe trên đường dốc, để tránh bị tai nạn do xe bị trôi phía trước hoặc phía sau, phải luôn đạp phanh và gài phanh đỗ nếu cần.

l Tránh tăng tốc động cơ lên cao.
Nếu để động cơ chạy ở tốc độ cao khi xe đang dừng có thể sẽ làm cho hệ thống xả bị quá nhiệt, và gây ra hỏa hoạn nếu có vật liệu dễ cháy ở gần.

n **Khi đỗ xe**

l Không để kính mắt, bật lửa, bình xịt hoặc bình nước trong xe khi đỗ xe dưới trời nắng.
Nếu không có thể sẽ gây ra những tình trạng sau:

• Khí ga có thể thoát ra khỏi bật lửa hay bình xịt và có thể gây cháy.

• Nhiệt độ cao trong xe có thể làm mắt kính làm bằng thuỷ tinh hữu cơ và các chi tiết nhựa của kính mắt bị biến dạng hoặc nứt vỡ.

• Các long nước có ga có thể bị nứt, làm tràn nước ra xe, và có thể gây ra sự cố chập điện trong các thiết bị điện của xe.

l Không để bật lửa ở trong xe. Nếu bạn để bật lửa ở trong xe, như trong ngăn để găng tay hoặc trên sàn xe, nếu chẳng may bị hàng hóa đè phải hoặc ghế va phải bật lửa khi chỉnh ghế có thể sẽ gây cháy xe.

l Không gắn đĩa dính vào kính chắn gió hoặc kính cửa. Không để các bình đựng như lọ nước hoa trên bảng táp lô hoặc mặt táp lô. Các đĩa dính hoặc bình đựng có thể sẽ giống như một thấu kính và có thể gây cháy xe.

l Không để cửa xe hay cửa sổ mở nếu bạn đã dán lên phần kính cong của xe một lớp phim kim loại mỏng như lớp tráng bạc. Do ánh sáng mặt trời phản chiếu qua kính có thể sẽ đóng vai trò như một thấu kính và gây cháy xe.

l Luôn gài phanh đỗ, chuyển cần số tới vị trí P, tắt máy và khóa xe. Không rời khỏi xe khi không có ai trông coi xe trong khi động cơ đang hoạt động.
Nếu xe đang đỗ với cần số đã ở vị trí P nhưng phanh đỗ chưa được gài thì xe có thể sẽ bị dịch chuyển, và có thể dẫn tới tai nạn.

l Không chạm vào đường ống xả khi động cơ đang hoạt động hoặc ngay sau khi tắt máy.
Nếu không có thể sẽ bị bỏng.

n **Khi chợp mắt trong xe**

Hãy tắt động cơ. Nếu không, khi chẳng may bạn vô tình chuyển số hoặc đạp phải bàn đạp ga, tai nạn có thể xảy ra tai nạn hoặc gây cháy xe do động cơ bị quá nhiệt. Ngoài ra, nếu xe đang đỗ tại địa điểm có khả năng thông khí kém thì khí xả có thể sẽ xâm nhập vào trong xe và có thể dẫn tới tử vong hoặc gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe.

n **Khi phanh xe**

l Khi phanh đang ướt, hãy lái xe thật cẩn thận.
Quãng đường phanh sẽ tăng lên khi phanh bị ướt, và lực phanh ở hai bên sẽ không đều nhau. Đồng thời phanh đỗ cũng có thể sẽ không giữ xe một cách chắc chắn được.

l Nếu chức năng trợ lực phanh không hoạt động, bạn không được lái xe gần với các xe khác phía trước và tránh xuống dốc hoặc cua gấp, do khi đó phải dùng đến phanh.
Trong những trường hợp này, phanh vẫn làm việc nhưng nó đòi hỏi cần phải tác dụng lực vào bàn đạp phanh lớn hơn nhiều so với bình thường. Quãng đường phanh cũng có thể tăng lên. Hãy sửa chữa hệ thống phanh ngay lập tức.

l Không nhồi phanh liên tục nếu động cơ đã chết máy.
Mỗi lần đạp phanh sẽ làm tiêu tốn lượng năng lượng dự trữ của hệ thống trợ lực phanh.

l Hệ thống phanh gồm có 2 hệ thống phanh thủy lực độc lập; nếu có một trong hai hệ thống bị hỏng, thì hệ thống còn lại vẫn có thể hoạt động được. Trong trường hợp này, lực đạp phanh cần thiết sẽ phải lớn hơn so với bình thường và quãng đường phanh cũng sẽ tăng lên. Hãy sửa chữa hệ thống phanh ngay lập tức.

n **Nếu xe bị sa lầy**

Không quay bánh xe quá mức khi một trong các bánh xe ở trên cao, hoặc khi xe bị sa lầy trong cát, bùn … Việc này có thể làm hỏng tới các thiết bị truyền lực hoặc đẩy xe về phía trước hoặc phía sau, gây ra tai nạn.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi lái xe**

l Không đạp cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh cùng lúc khi đang lái xe, nếu không công suất động cơ có thể sẽ bị hạn chế.

l Không đạp bàn đạp ga hoặc đạp đồng thời cả bàn đạp phanh và bàn đạp ga để giữ xe trên dốc.

n **Khi đỗ xe**

Luôn gài phanh đỗ và để cần số ở vị trí P. Nếu không, xe có thể sẽ dịch chuyển hoặc tăng tốc đột ngột nếu chẳng may đạp nhầm phải chân ga.

n **Tránh làm hỏng các chi tiết của xe**

l Không đánh lái hết về một phía và giữ vô lăng ở vị trí đó trong thời gian dài.
Nếu không có thể sẽ làm hỏng mô tơ trợ lực lái.

⚠ CHÚ Ý

- Khi lái xe qua những chỗ gập ghềnh trên đường, hãy lái càng chậm càng tốt để tránh làm hỏng bánh xe, gầm xe...

n **Nếu xe bị xịt lốp trong khi lái xe**

Lốp xe bị xịt hơi hoặc bị hỏng có thể sẽ gây ra những tình trạng sau. Hãy giữ chắc vô lăng và đạp phanh từ từ để giảm tốc độ xe.

- Có thể sẽ khó điều khiển xe.
- Xe phát ra âm thanh hoặc rung động bất thường.
- Xe bị nghiêng bất thường.

Các bước xử lý khi xe bị xịt lốp (→P.355)

n **Khi lái xe qua đường ngập nước**

Không lái xe trên đường bị ngập nước sau trận mưa to… Nếu không có thể gây ra những hư hỏng nghiêm trọng cho xe như:

- Động cơ bị chết máy
- Các thiết bị điện trên xe bị ngắn mạch
- Động cơ bị hỏng hóc do ngập nước

Trong trường hợp bạn lái xe qua đường bị ngập nước và xe đã bị ngập nước, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra những hạng mục sau:

- Chức năng phanh
- Thay đổi số lượng và chất lượng của dầu động cơ, dầu hộp số, dầu ly hợp, dầu vi sai, vv..
- Tình trạng bôi trơn của các vòng bi và khớp nối của hệ thống treo (tại những vị trí có thể kiểm tra) và tính năng của các vòng bi và khớp nối…

Kiểm soát hạn chế khởi hành bất ngờ (Điều khiển dẫn động - khởi động [DSC])

Khi tiến hành các thao tác bất thường sau đây với bàn đạp ga đang được nhấn, công suất của động cơ có thể bị hạn chế.

- Khi cần số được chuyển đến vị trí R*.
- Khi cần số được chuyển từ vị trí P hoặc R đến vị trí để xe di chuyển về phía trước như đến số D*.

Xe có màn hình đa thông tin: Khi hệ thống hoạt động, một thông điệp sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Hãy đọc thông điệp và làm theo hướng dẫn.

Xe có màn hình hỗ trợ lái xe: Đèn cảnh báo sáng trong khi hệ thống đang hoạt động.

*: Tùy vào tình huống, vị trí cần số có thể không thay đổi.

n **Điều khiển dẫn động - khởi động**

Khi TRC được tắt (→P.248), đồng thời việc Điều khiển hạn chế khởi hành bất ngờ sẽ không hoạt động. Nếu xe bạn gặp trục trặc khi thoát khỏi vũng bùn hoặc vũng tuyết mới do vận hành chức năng Điều khiển hạn chế khởi hành bất ngờ, hãy vô hiệu hóa hệ thống TRC (→P.248) sao cho xe có thể thoát khỏi vũng bùn hoặc vũng tuyết.

Hành lý và hàng hóa

Dưới đây là các thông tin về các lưu ý khi chất hàng hóa, dung tích hàng hóa và mức tải trọng:

⚠ CẢNH BÁO

n **Các đồ vật không được đặt trong khoang hành lý**

Những đồ vật sau có thể gây ra hỏa hoạn nếu được để trong khoang hành lý:

l Can đựng xăng

l Các loại bình xịt

n **Các lưu ý khi cất đồ**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể sẽ làm cản trở tới khả năng điều khiển các bàn đạp của người lái, có thể cản trở tầm nhìn của lái xe hoặc hàng hóa va vào người lái hoặc hành khách và có thể dẫn đến tai nạn.

l Nếu có thể, hãy cất gọn tất cả hàng hóa và hành lý trong khoang hành lý.

l Xe có các ghế sau kiểu gập được: Để tránh cho các kiện hàng hay hành lý trượt về phía trước khi phanh xe, không được xếp đồ vào khoang hành lý cao hơn lưng ghế. Hãy giữ cho hành lý hay hàng hoá thấp và càng sát sàn xe càng tốt.

l Không đặt hàng hóa hoặc hành lý trong hoặc trên các vị trí sau.

- Ở chân người lái
- Trên ghế hành khách phía trước hoặc ghế sau (khi chất đồ)
- Trên khay để đồ
- Trên bảng táp lô
- Trên mặt táp lô

l Hãy cố định tất cả hàng hóa trong khoang hành khách.

l Xe có các ghế sau kiểu gập được: Khi gập hàng ghế sau xuống, bạn không nên để những đồ vật dài ngay phía sau các ghế trước.

l Xe có các ghế sau kiểu gập được: Không bao giờ được để người nào ngồi trong khoang hành lý. Vị trí đó không được thiết kế để cho người ngồi. Mọi người nên ngồi trên ghế và thắt đai an toàn đúng cách.

n **Chất tải và phân bố tải trọng**

l Không chất hàng quá mức tải trọng của xe.

l Không chất tải lệch.
Nếu chất tải hàng hoá không đúng cách có thể sẽ làm cản trở việc điều khiển lái hoặc điều khiển phanh, có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Kéo moóc

Toyota khuyến nghị bạn không nên sử dụng xe của bạn để kéo moóc. Toyota cũng khuyến nghị bạn không nên lắp móc kéo hoặc sử dụng giá treo cho xe đẩy, xe scooter, xe đạp... Xe của bạn không được thiết kế để kéo moóc hoặc để gắn giá treo.



Công tắc động cơ (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Khởi động động cơ

1 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài. (→P.157, 158)

2 Kiểm tra rằng cần số ở vị trí P.

3 Đạp chắc bàn đạp phanh.

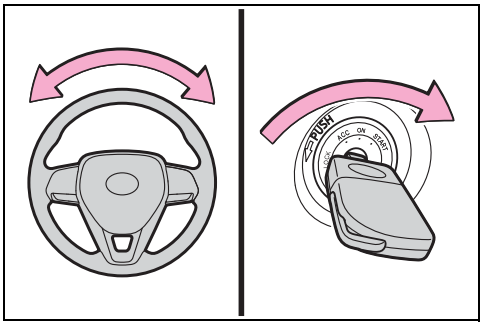
4 Bật công tắc động cơ tới vị trí START để khởi động động cơ.

n **Nếu không khởi động được động cơ (xe có hệ thống mã hóa khóa động cơ)**

Hệ thống mã hóa khóa động cơ có thể chưa được vô hiệu hóa. (→P.56) Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n **Khi không thể nhả khóa vô lăng được**

Khi khởi động động cơ, nếu công tắc động cơ dường như bị kẹt tại vị trí OFF thì bạn hãy vặn chìa khóa trong khi xoay nhẹ vô lăng theo cả hai hướng.



⚠ CẢNH BÁO

n **Khi khởi động động cơ**

Chỉ khởi động động cơ khi bạn đã ngồi vào ghế người lái. Không được nhấn bàn đạp ga khi khởi động động cơ trong bất kỳ trường hợp nào. Nếu không, có thể gây ra tai nạn dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

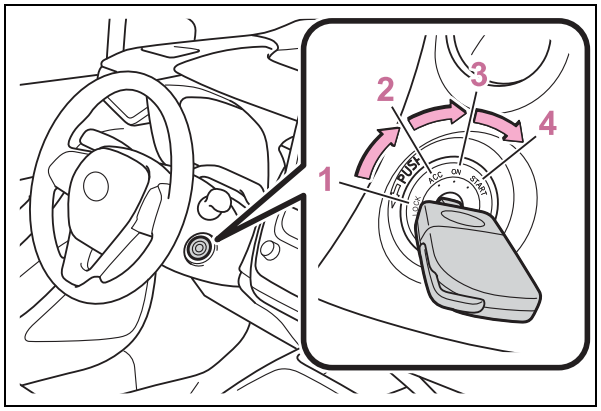
n **Khi khởi động động cơ**

l Không quay khởi động động cơ liên tục quá 30 giây. Nếu không máy khởi động và hệ thống dây điện có thể sẽ bị quá nhiệt.

l Không rồ ga khi động cơ còn nguội.

l Nếu động cơ trở nên khó khởi động hoặc thường xuyên chết máy, hãy kiểm tra xe ngay lập tức để tìm ra nguyên nhân.

Các vị trí của công tắc động cơ



1 OFF (Vị trí "LOCK")

Vô lăng sẽ khóa lại và có thể rút chìa khóa ra được. (Bạn chỉ có thể rút chìa khóa khi cần số ở vị trí P.)

2 ACC (Vị trí "ACC")

Có thể sử dụng một số thiết bị điện như hệ thống âm thanh.

3 ON (Vị trí “ON”)

Có thể sử dụng tất cả các thiết bị điện trên xe.

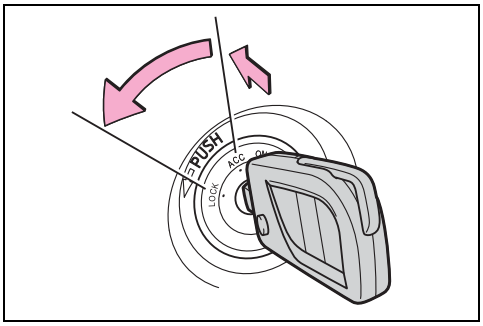
4 START (Vị trí “START”)

Để khởi động động cơ.

n **Xoay chìa khóa từ vị trí ACC sang vị trí OFF**

1 Chuyển cần số tới vị trí P.

2 Hãy ấn và xoay chìa khóa sang vị trí OFF.



n **Chức năng nhắc rút chìa khóa**

Chuông sẽ kêu nếu cửa lái được mở ra trong khi công tắc động cơ đang ở vị trí OFF hoặc ACC để nhắc người lái rút chìa khóa.

⚠ CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

Không chuyển công tắc động cơ về vị trí OFF trong khi đang lái xe. Trong trường hợp khẩn cấp, cần phải tắt động cơ trong khi xe đang chạy, hãy chuyển công tắc động cơ tới vị trí ACC để dừng động cơ. Hãy hết sức cẩn thận vì tai nạn có thể xảy ra khi tắt động cơ trong khi xe đang chạy. (→P.332)

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không để công tắc động cơ ở vị trí ACC hoặc ON trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động.

Công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Hãy thực hiện các thao tác sau khi mang chìa điện tử theo người để khởi động động cơ hoặc thay đổi chế độ của công tắc động cơ.

Khởi động động cơ

1 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài. (→P.157, 158)

2 Kiểm tra rằng cần số ở vị trí P.

3 Đạp chắc bàn đạp phanh.

Xe có màn hình hỗ trợ lái xe: Đèn chỉ báo của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh sẽ sáng lên (đèn màu xanh).
Nếu đèn chỉ báo không sáng, động cơ sẽ không khởi động được.

Xe có màn hình đa thông tin: Chỉ báo  và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Nếu biểu tượng này không xuất hiện, động cơ sẽ không thể khởi động được.

4 Ấn công tắc động cơ nhanh và dứt khoát.

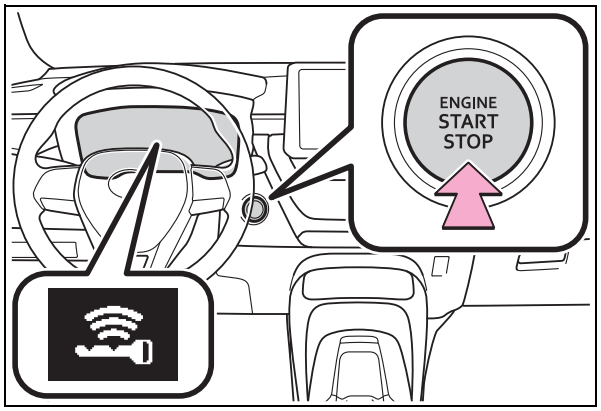
Khi thao tác với công tắc động cơ, hãy ấn nhanh và dứt khoát một lần là đủ. Không cần phải ấn và giữ công tắc này.

Động cơ sẽ quay khởi động cho tới khi nó khởi động được hoặc quay trong khoảng 30 giây tùy theo trường hợp nào tới trước.

Tiếp tục đạp phanh cho tới khi động cơ đã được khởi động xong.

Có thể khởi động được động cơ từ bất kỳ chế độ nào của công tắc động

cơ.



n **Nếu động cơ không khởi động được**

l Hệ thống mã hóa khóa động cơ có thể chưa được vô hiệu hóa. (→P.56) Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

l Xe có màn hình hỗ trợ lái xe: Hãy thử khởi động lại động cơ một lần nữa theo quy trình chuẩn. (→P.147)

l Xe có màn hình đa thông tin: Khi thông điệp liên quan đến khởi động được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy đọc các thông báo và tuân theo các hướng dẫn.

n **Nếu ắc quy bị hết điện**

Không thể khởi động được động cơ bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh. Hãy tham khảo P.367 để khởi động lại động cơ.

n **Pin chìa khoá điện tử bị hết điện**

→P.104

n **Các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống**

→P.120

n **Chú ý về chức năng vào xe**

→P.121

n **Pin chìa khóa điện tử**

→P.320

n **Thao tác với công tắc động cơ**

l Nếu không ấn công tắc động cơ nhanh và dứt khoát, chế độ của công tắc động cơ có thể không thay đổi hoặc động cơ có thể không khởi động được.

l Nếu cố khởi động lại động cơ ngay sau khi tắt công tắc động cơ, động cơ không thể khởi động trong một số trường hợp. Sau khi tắt công tắc động cơ, hãy đợi khoảng vài giây trước khi khởi động lại động cơ.

n **Tùy chọn**

Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đã bị vô hiệu hóa bởi chức năng tùy chọn, hãy tham khảo P.365.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi khởi động động cơ**

Chỉ khởi động động cơ khi bạn đã ngồi vào ghế người lái. Không đạp bàn đạp ga khi khởi động động cơ trong bất kỳ trường hợp nào.
Nếu không có thể gây ra tai nạn dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Chú ý khi lái xe**

Nếu động cơ bị trục trặc trong khi lái xe, không được khóa hay mở các cửa xe cho đến khi xe đã được dừng lại ở một vị trí an toàn.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi khởi động động cơ**

l Không rồ ga khi động cơ còn nguội.

l Nếu động cơ trở nên khó khởi động hoặc thường xuyên chết máy, hãy kiểm tra xe ngay lập tức để tìm ra nguyên nhân.

n **Những triệu chứng chỉ báo công tắc động cơ bị lỗi**

Nếu công tắc động cơ có vẻ như đang hoạt động bất thường, chẳng hạn như khi bị dính công tắc động cơ, thì có thể nó đang bị lỗi. Hãy liên hệ ngay với đại lý Toyota.

Tắt động cơ

1 Hãy dừng hẳn xe lại.

2 Gài phanh đỗ (→P.157, 158) và chuyển cần số tới vị trí P.

Kiểm tra rằng chỉ báo phanh đỗ sáng lên.

3 Ấn công tắc động cơ.

Động cơ sẽ ngừng hoạt động và màn hình đồng hồ táp lô sẽ tắt đi.

4 Xe có màn hình hỗ trợ lái xe: Nhả bàn đạp phanh và kiểm tra rằng đèn chỉ báo hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (màu xanh) đã tắt.
Xe có màn hình đa thông tin: Nhả bàn đạp phanh và kiểm tra rằng trên màn hình đa thông tin không xuất hiện chữ "ACCESSORY" hoặc "IGNITION ON".

⚠ CẢNH BÁO

n **Tắt động cơ trong trường hợp khẩn cấp**

l Nếu muốn dừng động cơ trong tình trạng khẩn cấp khi đang lái xe, hãy ấn và giữ công tắc động cơ trong hơn 2 giây, hoặc ấn nhanh liên tiếp 3 lần trở lên. (→P.332)
Tuy nhiên, không được chạm vào công tắc động cơ khi đang lái ngoại trừ trường hợp khẩn cấp. Nếu tắt động cơ trong khi lái xe sẽ không làm mất lái hoặc điều khiển phanh, tuy nhiên trợ lực lái sẽ bị mất. Điều này sẽ gây khó khăn để phanh và lái, vì vậy bạn nên ghé vào lề đường và dừng xe sớm nhất có thể để đảm bảo an toàn.

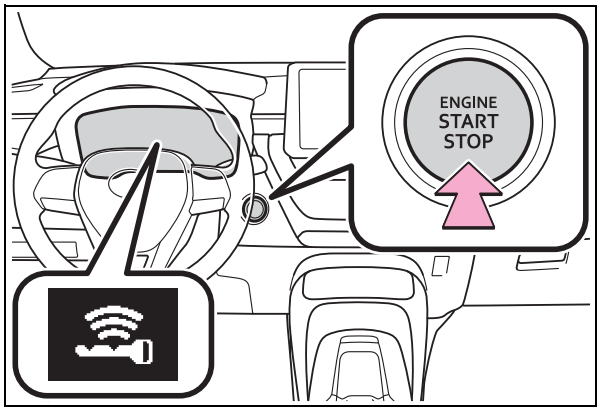
l Xe có màn hình hỗ trợ lái xe: Nếu ấn công tắc động cơ trong khi xe đang chạy, chuông báo sẽ kêu.
Xe có màn hình đa thông tin: Nếu vận hành công tắc động cơ trong khi xe đang chạy, một thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chuông báo sẽ kêu.

l Để khởi động lại động cơ sau khi tắt khẩn cấp, hãy chuyển cần số về vị trí N sau đó ấn vào công tắc động cơ.

Thay đổi các chế độ của công tắc động cơ

Có thể thay đổi các chế độ bằng cách ấn công tắc động cơ và nhả bàn đạp phanh. (Chế độ này sẽ thay đổi mỗi lần ấn công tắc.)

▶ Xe có màn hình hỗ trợ lái xe



TẮT*

Đèn nháy khẩn cấp có thể sử dụng được.

Đèn chỉ báo hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (màu xanh) sẽ tắt.

ACC

Có thể sử dụng một số thiết bị điện như hệ thống âm thanh.

Đèn chỉ báo của hệ thống mở khóa

và khởi động thông minh (màu xanh lá) nháy chậm.

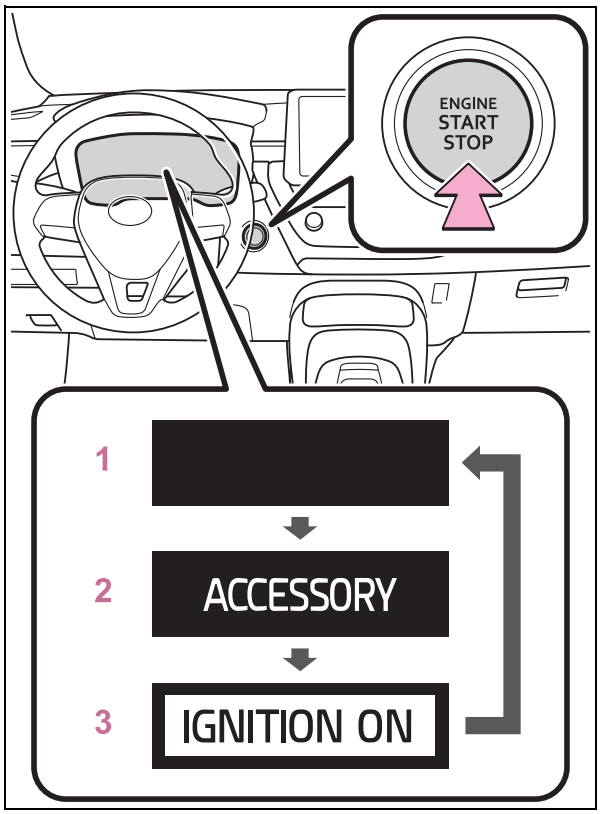
BẬT

Có thể sử dụng tất cả các thiết bị điện trên xe.

Đèn chỉ báo của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (màu xanh lá) nháy chậm.

*: Nếu cần số không ở vị trí khác P khi tắt động cơ, thì công tắc động cơ sẽ chuyển sang ACC chứ không tắt đi.

▶ Xe có màn hình đa thông tin



1 TẮT*

Đèn nháy khẩn cấp có thể sử dụng được.

2 ACC

Có thể sử dụng một số thiết bị điện như hệ thống âm thanh.

Chữ "ACCESSORY" sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

3 BẬT

Có thể sử dụng tất cả các thiết bị điện trên xe.

Chữ "IGNITION ON" sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

*: Nếu cần số không ở vị trí khác P khi tắt động cơ, thì công tắc động cơ sẽ chuyển sang ACC chứ không tắt đi.

n Chức năng tự động tắt nguồn

Nếu để xe ở chế độ ACC trong từ 20 phút trở lên hoặc ở chế độ ON (động cơ không hoạt động) trong hơn một giờ với cần số ở vị trí P, công tắc động cơ sẽ tự động tắt đi. Tuy nhiên, chức năng này không thể tránh cho ắc quy khỏi bị hết điện. Không để xe với công tắc động cơ ở ACC hoặc ON trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động.

⚠ CHÚ Ý

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

- Không để công tắc động cơ ở vị trí ACC hoặc ON trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động.
- Xe có màn hình hỗ trợ lái xe: Nếu đèn chỉ báo hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (màu xanh lá) sáng lên, thì công tắc động cơ vẫn chưa tắt. Chỉ rời khỏi xe sau khi công tắc động cơ đã tắt hẳn.
- Xe có màn hình đa thông tin: Nếu chữ “ACCESSORY” hoặc “IGNITION ON” xuất hiện trên màn hình đa thông tin, công tắc động cơ sẽ không tắt đi. Chỉ rời khỏi xe sau khi công tắc động cơ đã tắt hẳn.

Khi tắt động cơ với cần số ở ngoài vị trí P

Nếu tắt động cơ với cần số ở vị trí khác P, công tắc động cơ sẽ không chuyển sang trạng thái tắt mà chuyển sang chế độ ACC. Hãy tiến hành theo quy trình sau để tắt công tắc:

▶ Xe có màn hình hỗ trợ lái xe

1 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.

2 Chuyển cần số tới vị trí P.

3 Kiểm tra rằng đèn chỉ báo hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (màu xanh) nháy chậm và hãy công tắc động cơ nhanh và chắc chắn.

4 Kiểm tra rằng đèn chỉ báo của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (đèn màu xanh) đã tắt.

▶ Xe có màn hình đa thông tin

1 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.

2 Chuyển cần số tới vị trí P.

3 Kiểm tra rằng “ACCESSORY” xuất hiện trên màn hình đa thông tin và hãy ấn nhanh và dứt khoát công tắc động cơ.

4 Kiểm tra rằng chữ “ACCESSORY” hoặc “IGNITION ON” không xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không tắt động cơ khi cần số ở vị trí khác P. Nếu tắt động cơ khi cần số đang ở vị trí khác, thì công tắc động cơ sẽ không tắt đi mà sẽ được chuyển sang chế độ ACC. Nếu để xe ở chế độ ACC, thì vẫn có thể xảy ra sự phóng điện ắc quy.

Hộp số vô cấp

Chọn vị trí số tùy vào mục đích và tình huống lái xe.

Mục đích chuyển số và chức năng

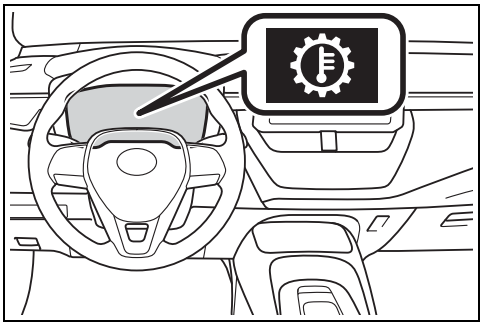
Vị trí cần số	Mục đích hoặc chức năng
P	Đỗ xe/khởi động động cơ
R	Lùi xe
N	Vị trí trung gian (Công suất sẽ không được truyền khi ở vị trí này)
D	Chế độ lái bình thường*
M	Lái xe trong chế độ lái xe thể thao 7 chuyển số tuần tự cấp tốc độ (→P.155)

*: Để cải thiện tính tiết kiệm nhiên liệu và giảm tiếng ồn, hãy đặt cần số ở vị trí D khi lái xe trong điều kiện bình thường.

n **Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc một thông điệp cảnh báo xuất hiện**

▶ Xe có màn hình hỗ trợ lái xe

Nếu đèn cảnh báo nhiệt độ dầu hộp số xuất hiện sáng trong khi đang lái xe, hãy chuyển cần số về vị trí D* và giảm tốc độ bằng cách nhả bàn đạp ga. Hãy dừng xe ở một địa điểm an toàn, chuyển cần số đến vị trí P và để động cơ chạy không tải cho đến khi cảnh báo tắt đi.



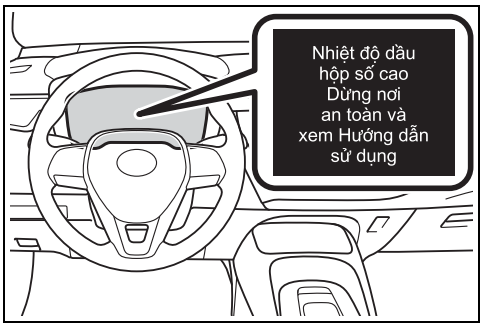
*: Nếu chọn dải số bất kỳ trong số D (→P.154), hãy đảm bảo phải trả về vị trí D bình thường. (Chỉ cho xe có công tắc chuyển số trên vô lăng)

Khi đèn cảnh báo đã tắt đi, bạn có thể tiếp tục lái xe.

Nếu chờ một lúc mà đèn cảnh báo vẫn không tắt đi, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

▶ Xe có màn hình đa thông tin

Nếu một thông điệp cảnh báo liên quan tới nhiệt độ dầu hộp số xuất hiện trong khi đang lái xe, chắc chắn trở về lái xe ở vị trí D* và giảm tốc độ bằng cách nhả bàn đạp ga. Hãy dừng xe ở một địa điểm an toàn, chuyển cần số sang vị trí P và để động cơ chạy không tải cho đến khi cảnh báo tắt đi.



*: Nếu chọn dải số bất kỳ trong số D (→P.154), hãy đảm bảo phải trả về vị trí D bình thường. (Chỉ cho xe có công tắc chuyển số trên vô lăng)

Khi cảnh báo đã tắt đi, bạn có thể tiếp tục lái xe.

Nếu chờ một lúc mà thông điệp cảnh báo vẫn không tắt đi, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n **Khi lái xe với điều khiển chạy tự động, điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa hoặc điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa với dải tốc độ tối đa được kích hoạt (nếu có)**

Ngay cả khi chuyển chế độ lái đến chế độ sport (thể thao) và kích hoạt phanh động cơ, phanh động cơ sẽ không hoạt động vì chưa hủy chức năng điều khiển chạy xe tự động, điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa hoặc điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa với dải tốc độ tối đa. (→P.246)

n **Hạn chế khởi động bất ngờ (Điều khiển khởi động - dẫn động)**

→P.143

n **G AI-SHIFT**

Chức năng G AI-SHIFT sẽ tự động chọn số phù hợp với chế độ thể thao dựa vào thao tác điều khiển của người lái và điều kiện lái xe. G AI-SHIFT hoạt động tự động khi cần số ở vị trí D và chọn chế độ Sport để lái xe. (Chọn chế độ khách chế độ Sport hoặc chuyển cần số tới vị trí M sẽ hủy chức năng này.)

n **Sau khi nạp/nối lại ắc quy**

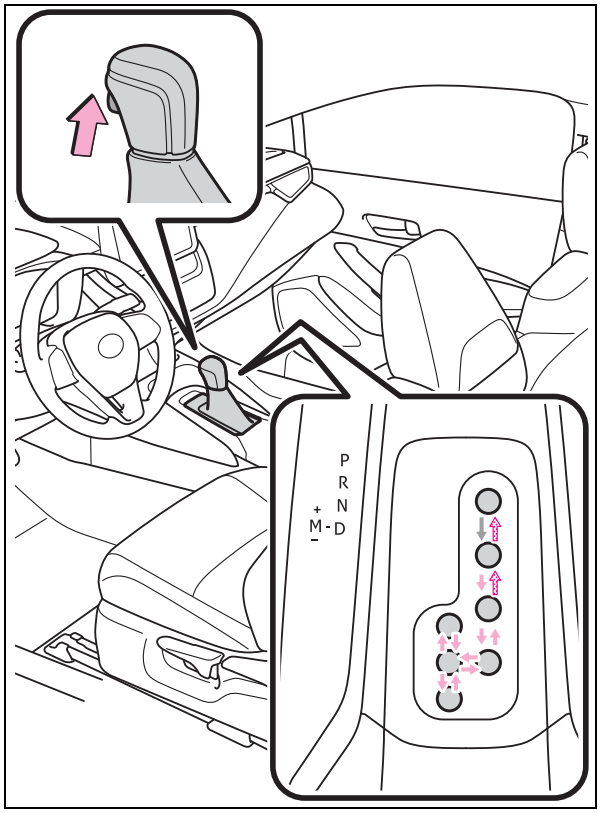
→P.307

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi lái xe trên đường trơn trượt**

Không được tăng ga hoặc chuyển số đột ngột.
Thay đổi đột ngột lực phanh động cơ có thể sẽ làm cho xe bị trượt hoặc quay tròn, dẫn đến tai nạn.

Chuyển cần số



⇐: Trong khi công tắc động cơ ở ON và nhấn bàn đạp phanh*, chuyển cần số đồng thời ấn vào nút nhả khóa cần số trên núm cần số.

⇦: Chuyển cần số đồng thời ấn nút nhả khóa cần số trên núm cần số.

⇐: Chuyển cần số bình thường.

Khi chuyển cần số giữa vị trí P và D, hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ hẳn lại và bàn đạp phanh đã được nhấn.

*: Để có thể chuyển cần số ra khỏi vị trí P, người lái phải đạp phanh trước khi ấn nút nhả khóa chuyển số. Nếu người lái ấn nút nhả khóa chuyển số trước thì sẽ không nhả khóa chuyển số được.

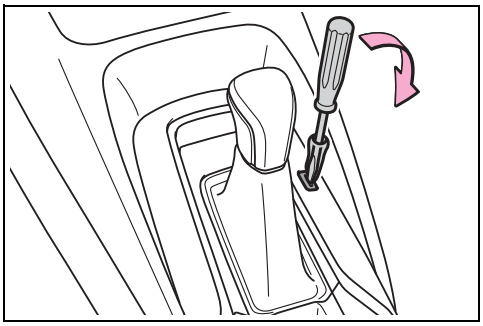
n Hệ thống khóa chuyển số

Hệ thống khóa chuyển số là một hệ thống có tác dụng giúp tránh chuyển nhầm cần số khi khởi hành.
Chỉ có thể chuyển cần số từ vị trí P khi công tắc động cơ ở ON, đang nhấn bàn đạp phanh và đã ấn nút nhả số.

n Nếu không thể chuyển số khỏi vị trí P

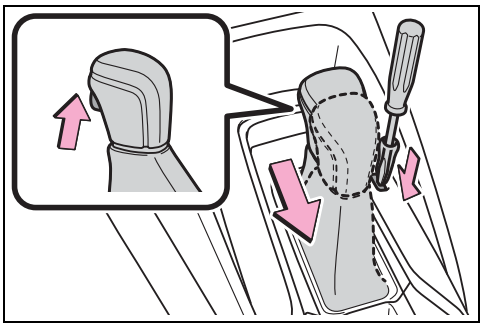
Trước hết, hãy kiểm tra xem đã nhấn bàn đạp phanh chưa.
Nếu bạn đã đạp phanh mà cần chuyển số vẫn không thể chuyển sang số khác được, thì có thể hệ thống khóa chuyển số đã bị trục trặc. Hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe ngay lập tức.
Bạn có thể làm theo các bước sau như một giải pháp tình thế để có thể chuyển được cần số.
Nhả khóa chuyển số:

1. Gài phanh đỗ.
2. Tắt công tắc động cơ.
3. Đạp bàn đạp phanh.
4. Nạy nắp bằng tô vít đầu dẹt hoặc dụng cụ tương đương.
   Để tránh làm hỏng nắp, hãy quấn băng dính vào đầu của tô vít đầu dẹt.



5. Hãy ấn và giữ nút nhả khóa cần số và sau đó ấn nút trên núm chuyển số.

Có thể chuyển vị trí của cần số trong khi ấn các nút này.



⚠ CẢNH BÁO

n Để tránh xảy ra tai nạn khi nhả khóa chuyển số

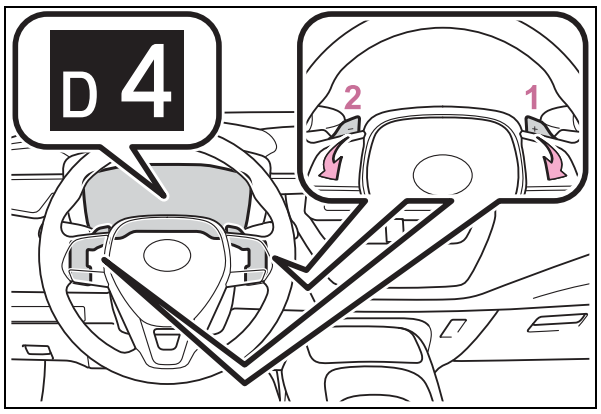
Trước khi ấn nút nhả khóa chuyển số, hãy đảm bảo đã gài phanh đỗ và nhấn bàn đạp phanh.
Nếu đạp nhầm bàn đạp phanh thành bàn đạp ga khi đang ấn nút nhả khóa cần số và cần số nằm ngoài vị trí P, xe có thể sẽ bị tăng tốc đột ngột, dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Lựa chọn chế độ lái xe (nếu có)

→P.246

Tạm thời chuyển sang chế độ chọn số ở vị trí D (xe có công tắc chuyển số trên vô lăng)

Để lái xe ở chế độ chọn số tạm, hãy sử dụng công tắc chuyển số "-" hoặc "+". Sau đó, có thể chọn được dải chuyển số bằng cách gạt công tắc chuyển số "-" và "+". Bằng cách chọn những số này, bạn có thể điều khiển lực phanh động cơ.



1 Lên số

2 Xuống số

Số được chọn từ D1 đến D7, sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Để trở về chế độ lái xe vị trí D, phải giữ công tắc chuyển số "+" trong một khoảng thời gian.

n **Chức năng chọn số**

- Bạn có thể chọn từ 7 cấp độ phanh động cơ khác nhau.
- Số thấp hơn sẽ tạo ra lực phanh động cơ lớn hơn số cao hơn và tốc độ động cơ cũng sẽ tăng.

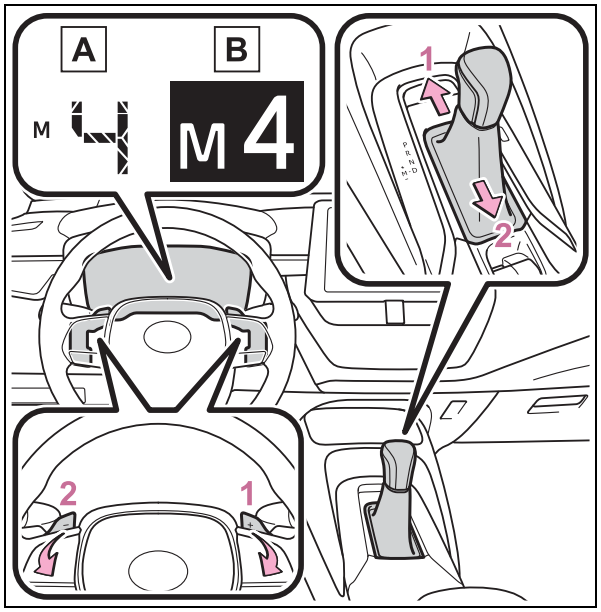
n **Vô hiệu hóa chế độ lái xe thể thao chuyển số tuần tự 7 cấp tốc độ tạm thời**

Trong các tình huống sau đây, chế độ lái xe thể thao chuyển số tuần tự 7 cấp tốc độ tạm thời sẽ bị vô hiệu hóa:

- Khi đang dừng xe
- Nếu nhấn bàn đạp ga liên tục quá một khoảng thời gian nhất định ở một số
- Khi cần chuyển số nằm ngoài vị trí "D"
- Khi ấn liên tục công tắc chuyển số “+” trên vô lăng mrong một khoảng thời gian

Thay đổi các số ở vị trí M

Để vào chế độ lái xe thể thao 7 cấp tốc độ, hãy chuyển cần số đến M. Sau đó có thể chọn được số bằng cách chuyển cần số hoặc các công tắc chuyển số trên vô lăng (nếu có), cho phép bạn lái xe ở số đang chọn.



A Màn hình hỗ trợ lái xe

B Màn hình đa thông tin

1 Lên số

2 Xuống số

Số sẽ thay đổi qua mỗi lần vận hành cần số hoặc công tắc chuyển số trên vô lăng.

Dải số được chọn, từ M1 đến M7, sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Tuy nhiên, kể cả khi đang ở vị trí M, có thể chuyển số một cách tự động nếu tốc độ động cơ quá cao hoặc quá thấp.

n **Chức năng chọn số**

- Bạn có thể chọn từ 7 cấp độ phanh động cơ khác nhau.
- Số thấp hơn sẽ tạo ra lực phanh động cơ lớn hơn số cao hơn và tốc độ động cơ cũng sẽ tăng.

n **Khi dừng xe với cần số ở vị trí M**

l Hộp số sẽ tự động xuống số đến số M1 mỗi khi xe dừng.

l Sau khi dừng, xe sẽ bắt đầu khởi hành từ số M1.

l Khi xe dừng lại, hộp số sẽ ở vị trí số M1.

n **Chuông cảnh báo hạn chế xuống số**

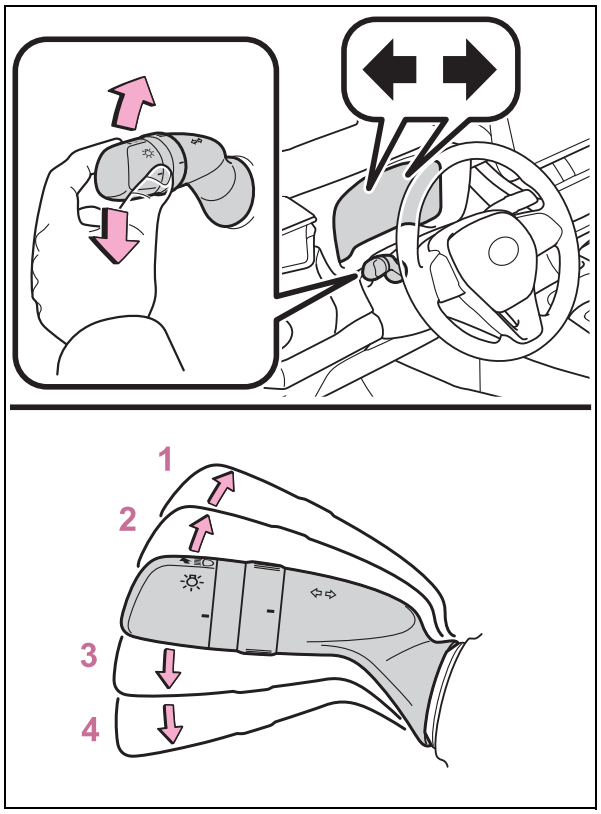
Để giúp tăng tính an toàn và hiệu quả lái xe, đôi khi hộp số sẽ hạn chế xuống số. Trong một số trường hợp, hộp số có thể sẽ không thể xuống số kể cả khi bạn đã chuyển cần số. (Chuông cảnh báo sẽ kêu hai lần)

n **Nếu đèn báo chế độ lái xe thể thao chuyển số tuần tự 7 cấp tốc độ không bật sáng kể cả sau khi chuyển cần số sang vị trí M**

Có thể có lỗi trong hệ thống hộp số vô cấp. Hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe ngay lập tức.
(Trong trường hợp này, xe sẽ hoạt động như khi cần số ở vị trí D.)

Công tắc xi nhan

Hướng dẫn thao tác



1 Rẽ phải

2 Chuyển sang làn bên phải (Chuyển cần điều khiển ở vị trí một nửa hành trình và nhả nó ra)

Đèn xi nhan bên phải sẽ nháy 3 lần.

3 Chuyển sang làn bên trái (Chuyển cần điều khiển ở vị trí một nửa hành trình và nhả nó ra)

Đèn xi nhan bên trái sẽ nháy 3 lần.

4 Rẽ trái

n **Có thể điều khiển đèn xi nhan khi**

Công tắc động cơ ở ON.

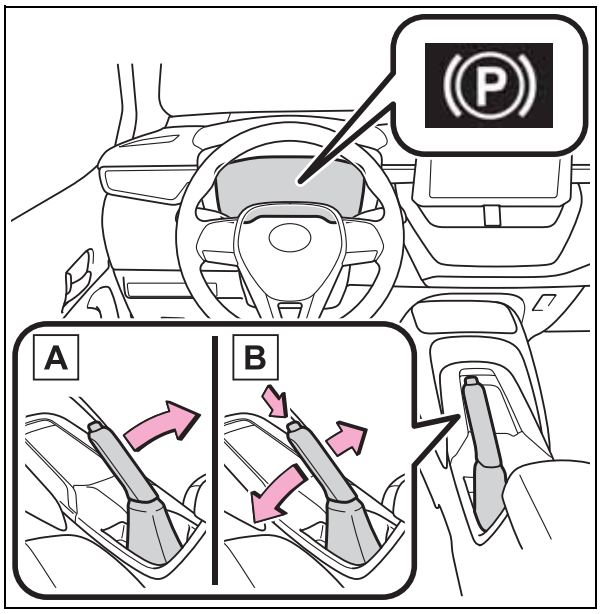
n **Nếu đèn chỉ báo nháy nhanh hơn bình thường**

Hãy kiểm tra các bóng đèn xi nhan trước hoặc sau xem có bóng đèn nào bị cháy không.

Phanh đỗ*

*: Nếu có

Hướng dẫn thao tác



A Để đặt phanh đỗ, hãy kéo hết cỡ cần phanh đỗ lên trong khi đạp bàn đạp phanh.

B Để nhả phanh đỗ, trước hết hãy nhấc nhẹ cần lên sau đó hạ cần phanh xuống hết cỡ trong khi ấn nút.

n **Đỗ xe**

→P.138

n **Chuông cảnh báo gài phanh đỗ**

Nếu xe đang được lái với tốc độ từ 5 km/h trở lên mà phanh đỗ đang được gài, chuông báo sẽ kêu.

Xe có màn hình đa thông tin: “Nhả phanh đỗ” sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

n **Sử dụng xe trong mùa đông**

→P.252

CHÚ Ý

n **Trước khi lái xe**

Hãy nhả hoàn toàn phanh đỗ. Nếu bạn lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ sẽ làm các chi tiết của hệ thống phanh bị quá nhiệt, có thể làm giảm hiệu quả phanh và tăng mức độ mài mòn phanh.

Phanh đỗ điều khiển điện*

*: Nếu có

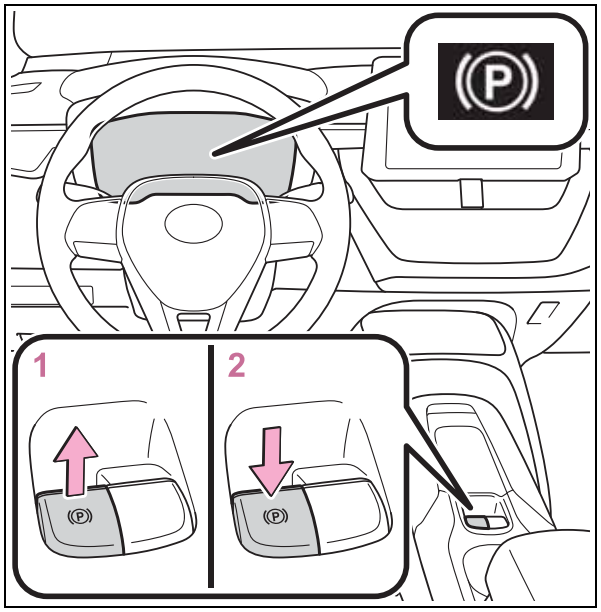
Có thể gài hoặc nhả phanh đỗ một cách tự động hoặc thủ công.

Trong chế độ tự động, phanh đỗ có thể gài và nhả ra một cách tự động. Ngoài ra, ngay cả khi đang ở chế độ tự động, phanh đỗ có thể gài và nhả ra được bằng thao tác thủ công.

Hướng dẫn thao tác

n Sử dụng chế độ thường

Có thể gài và nhả phanh đỗ bằng cách thủ công.



1 Kéo công tắc để gài phanh đỗ

Đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng.

Hãy kéo và giữ công tắc phanh đỗ nếu có trường hợp khẩn cấp và cần vận hành phanh đỗ trong khi lái xe.

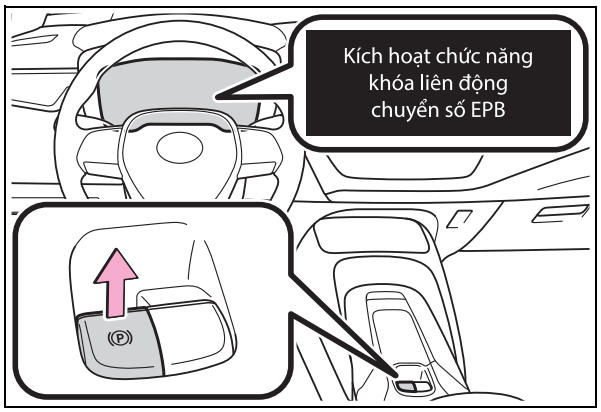
2 Ấn công tắc để nhả phanh đỗ

- Vận hành công tắc phanh đỗ khi nhấn bàn đạp phanh.
- Sử dụng chức năng nhả tự động phanh đỗ, có thể nhả phanh đỗ bằng cách nhấn bàn đạp ga. Khi sử dụng chức năng này, hãy nhấn chậm bàn đạp ga.

Chắc chắn rằng đèn chỉ báo phanh đỗ tắt.

n Bật chế độ tự động

Trong khi xe được đỗ lại, ấn và giữ công tắc phanh đỗ cho đến khi thông điệp được hiển thị trên màn hình đa thông tin.



Khi bật chế độ tự động, phanh đỗ sẽ vận hành như sau.

- Khi cần số được chuyển ra khỏi vị trí P, phanh đỗ sẽ được nhả, và đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ tắt.
- Khi cần số được chuyển ra khỏi vị trí P, phanh đỗ sẽ được gài, và đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ bật.

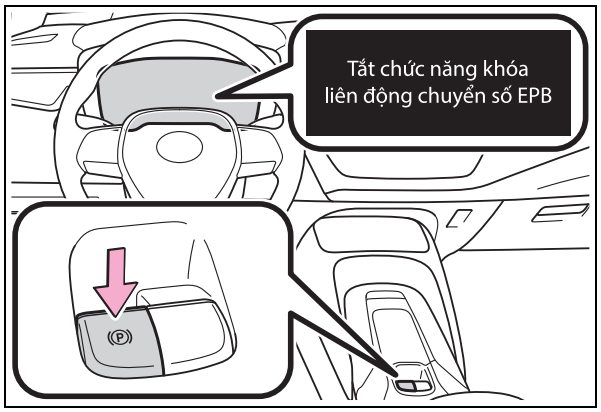
Vận hành cần số khi xe đang đỗ và nhấn bàn đạp phanh.

Phanh đỗ không thể hoạt động tự động nếu di chuyển cần số quá nhanh.

Trong trường hợp này, cần sử dụng công tắc phanh đỗ. (→P.158)

n Tắt chế độ tự động

Trong khi xe đang đỗ và nhấn bàn đạp phanh, ấn và giữ công tắc phanh đỗ cho đến khi thông điệp được hiển thị trên màn hình đa thông tin.



n Sử dụng phanh đỗ

- Khi công tắc động cơ không ở chế độ ON, không thể nhả được phanh đỗ bằng công tắc phanh đỗ.
- Khi công tắc động cơ không ở chế độ ON, chế độ tự động (việc đặt và nhả phanh tự động) sẽ không khả dụng.

n Chức năng nhả tự động phanh đỗ

Phanh đỗ sẽ tự động nhả khi nhấn chậm bàn đạp ga.
Phanh đỗ sẽ tự động nhả phanh tự động dưới các điều kiện sau:

- Cửa của người lái được đóng lại
- Người lái đã thắt đai an toàn
- Cần số ở vị trí tiến hoặc lùi.
- Đèn chỉ báo hư hỏng hoặc đèn cảnh báo hệ thống phanh không sáng.

Nếu chức năng nhả tự động không hoạt động, hãy nhả phanh đỗ bằng cách thủ công.

n Nếu thông báo "Phanh đỗ tạm thời không khả dụng" hiển thị trên màn hình đa thông tin

Nếu nhấn phanh đỗ lặp đi lặp lại trong một thời gian ngắn, thì hệ thống có thể hạn chế hoạt động để tránh quá nhiệt. Nếu điều này xảy ra, cố gắng không vận hành phanh đỗ. Nó sẽ trở về hoạt động bình thường sau khoảng một phút.

n Nếu thông báo "Phanh đỗ tạm thời không khả dụng" xuất hiện trên màn hình đa thông tin

Sử dụng công tắc phanh đỗ. Nếu thông điệp không xuất hiện sau khi vận hành công tắc vài lần, thì hệ thống có thể đang bị trục trặc. Hãy đưa xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota.

n Tiếng kêu vận hành phanh đỗ

Khi vận hành phanh đỗ, bạn có thể nghe thấy tiếng môtơ chạy (tiếng vù vù). Hiện tượng đó là hoàn toàn bình thường.

n Sử dụng phanh đỗ

- Tùy vào chế độ của công tắc động cơ, đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng hoặc sáng không tắt như được mô tả dưới đây:
  ON: Sáng lên cho đến khi đã nhả phanh đỗ.
  Không ở ON: Sáng lên trong khoảng 15 giây.
- Khi tắt công tắc động cơ với phanh đỗ đã được gài, đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng khoảng 15 giây. Đây không phải là hư hỏng.

n Khi công tắc phanh đỗ bị trục trặc

Chế độ tự động (đặt và nhả phanh tự động) sẽ bật tự động.

n Đỗ xe

→P.138

n Chuông cảnh báo gài phanh đỗ

Chuông báo sẽ phát ra tiếng kêu nếu xe đang gài phanh đỗ. Nếu thông báo "Bật phanh đỗ" sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin.

n Nếu đèn cảnh báo hệ thống phanh sáng

→P.341

n **Sử dụng xe trong mùa đông**
→P.253

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi đỗ xe**

Không được để trẻ nhỏ trong xe mà không có người trông. Phanh đỗ có thể vô tình nhả và gây nguy hiểm khi xe đang chạy có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Công tắc phanh đỗ**

Không đặt bất kỳ đồ vật nào ở gần công tắc phanh đỗ.
Vật có thể sẽ vướng vào công tắc và làm cho phanh đỗ hoạt động bất ngờ.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi đỗ xe**

Trước khi rời khỏi xe, hãy gài phanh đỗ, chuyển cần số sang vị trí P và đảm bảo rằng xe không dịch chuyển.

n **Khi có lỗi trong hệ thống**

Hãy dừng xe tại vị trí an toàn và kiểm tra thông điệp cảnh báo.

n **Nếu không thể nhả được phanh đỗ do có hư hỏng**

Nếu bạn lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ sẽ làm các chi tiết của hệ thống phanh bị quá nhiệt, có thể làm giảm hiệu quả phanh và tăng mức độ mài mòn phanh.

Hãy đưa xe tới kiểm tra tại Đại lý Toyota ngay lập tức nếu điều xảy xảy ra.

Chức năng giữ phanh*

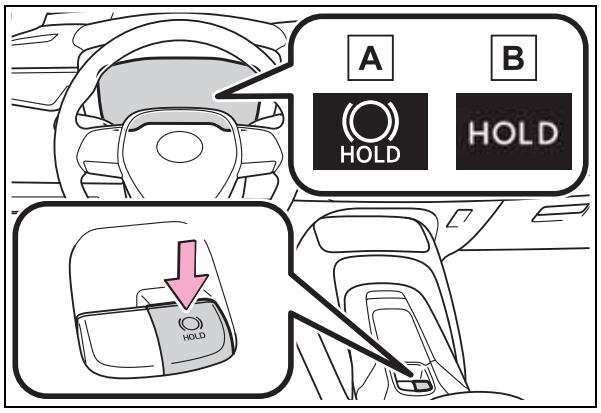
*: Nếu có

Hệ thống giữ phanh sẽ duy trì tình trạng gài phanh với cần số ở vị trí D, M hoặc N khi hệ thống đang bật và bàn đạp phanh đang được nhấn để dừng xe. Hệ thống sẽ nhả phanh khi đạp bàn đạp ga với cần số đang ở D hoặc M để cho phép xe khởi hành êm dịu.

Kích hoạt hệ thống

Bật hệ thống giữ phanh

Đèn chỉ báo chờ giữ phanh (màu xanh) A sáng lên. Trong khi hệ thống đang giữ phanh, đèn chỉ báo giữ phanh (màu vàng) B sẽ sáng lên.



n **Các điều kiện hoạt động của hệ thống giữ phanh**

Hệ thống giữ phanh sẽ không hoạt động trong các trường hợp sau:

- Cửa của người lái mở.
- Người lái không thắt đai an toàn.

Nếu phát hiện được bất kỳ điều kiện nào nói trên khi hệ thống giữ phanh

được kích hoạt, hệ thống sẽ tắt và đèn chỉ báo chờ giữ phanh sẽ tắt. Hơn nữa, nếu phát hiện được bất cứ điều kiện nào sau đây trong khi hệ thống đang giữ phanh, thì chuông cảnh báo sẽ kêu và thông điệp cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin. Sau đó phanh đỗ sẽ được gài tự động.

n **Chức năng giữ phanh**

l Nếu bàn đạp phanh không được nhấn trong khoảng 3 phút sau khi hệ thống bắt đầu giữ phanh, thì phanh đỗ sẽ được gài tự động. Trong trường hợp này, chuông cảnh báo sẽ kêu và thông điệp cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin.

l Để tắt hệ thống khi hệ thống đang thực hiện giữ phanh, hãy đạp chắc bàn đạp phanh và ấn nút một lần nữa.

l Chức năng giữ phanh có thể không giữ được xe trên đường dốc. Trong tình huống này, người lái cần phải gài phanh. Chuông cảnh báo sẽ kêu và màn hình đa thông tin sẽ thông báo cho người lái tình huống này. Khi thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy đọc các thông điệp và tuân theo các hướng dẫn.

n **Khi phanh đỗ đã được gài tự động trong khi phanh đang được giữ**

Thực hiện một trong các thao tác sau đây để nhả phanh đỗ.

l Nhấn bàn đạp ga. (Phanh đỗ sẽ không nhả ra tự động nếu không thắt đai an toàn.)

l Sử dụng công tắc phanh đỗ trong khi đạp bàn đạp phanh.

Hãy chắc chắn rằng đèn chỉ báo phanh đỗ đã tắt. (→P.158)

n **Khi cần kiểm tra xe tại Đại lý Toyota**

Khi đèn chỉ báo chờ giữ phanh (màu xanh lá) không sáng kể cả khi công tắc giữ phanh được ấn và thỏa mãn điều kiện hoạt động của hệ thống giữ phanh, thì hệ thống có thể bị hư hỏng. Hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n **Nếu thông điệp "Sự cố ở chức năng giữ phanh Đạp phanh để vô hiệu hóa Hãy đến Đại lý" hoặc "Lỗi chức năng giữ phanh Hỏi ý kiến đại lý" được hiển thị trên màn hình đa thông tin**

Hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe ngay lập tức tại đại lý Toyota.

n **Thông điệp cảnh báo hoặc chuông cảnh báo**

Thông điệp cảnh báo và chuông báo được sử dụng để chỉ báo một hệ thống bị lỗi hoặc chỉ ra rằng người lái cần phải chú ý khi lái xe. Khi thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy đọc các thông điệp và tuân theo các hướng dẫn

n **Nếu đèn chỉ báo hoạt động của chức năng giữ phanh nháy**

→P.348

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi xe đang ở trên đường dốc đứng**

Khi sử dụng hệ thống giữ phanh trên đường dốc đứng, hãy thận trọng. Chức năng giữ phanh có thể không giữ được xe trong tình huống này.

n **Khi dừng xe trên đường trơn trượt**

Hệ thống không thể dừng xe khi khả năng bám đường của lốp đã bị giảm quá mức. Không được sử dụng hệ thống khi dừng xe trên đường trơn trượt.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi đỗ xe**

Hệ thống giữ phanh không được thiết kế để đỗ xe quá lâu. Việc tắt công tắc động cơ khi hệ thống đang giữ phanh có thể làm nhả phanh, làm xe chuyển động. Khi ấn công tắc động cơ, hãy đạp bàn đạp phanh, chuyển cần số đến P và gài phanh đỗ.

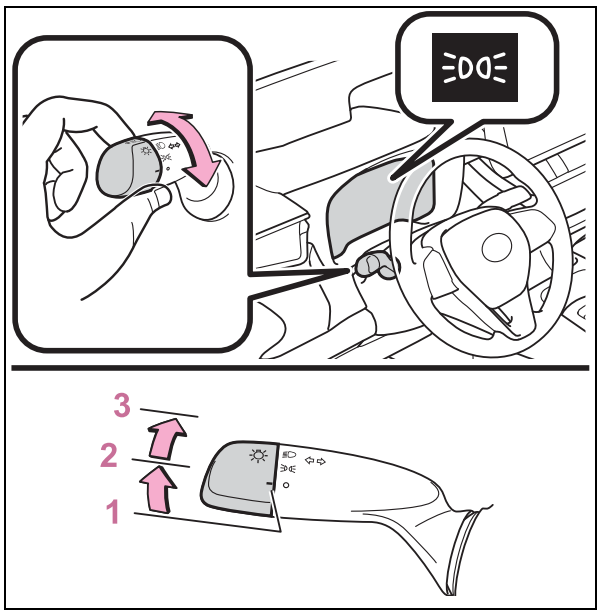
Công tắc đèn pha

Có thể điều khiển đèn pha bằng thao tác thủ công hay tự động.

Hướng dẫn thao tác

Sử dụng công tắc để bật các đèn như sau:

▶ Kiểu A



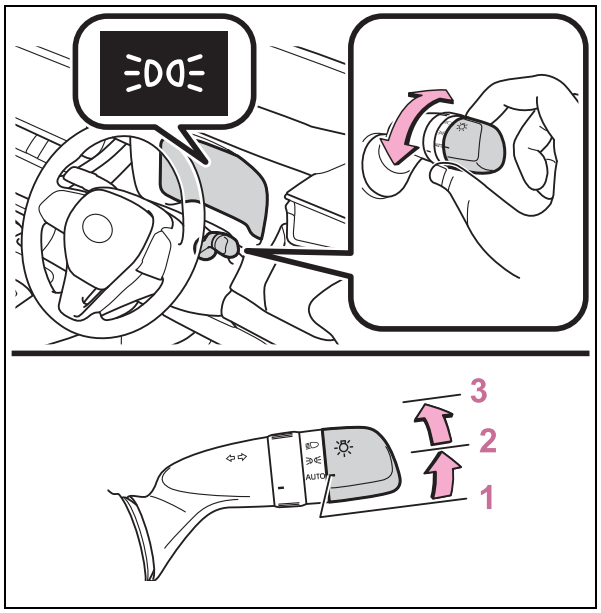
1 Tắt*

2 Đèn vị trí phía trước, đèn hậu, đèn soi biển số và đèn chiếu sáng bảng táp lô sẽ bật.

3 Đèn pha và tất cả những đèn trên được bật sáng.

*: Đèn chiếu sáng ban ngày bật (→P.164)

▶ Kiểu B

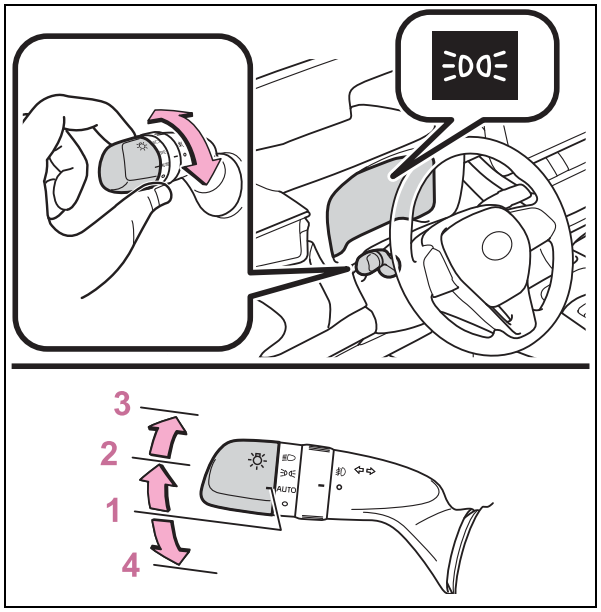


1 AUTO Đèn pha, đèn chiếu sáng ban ngày (→P.164) và tất cả những đèn kể dưới đây sẽ bật và tắt tự động.

2 Đèn vị trí phía trước, đèn hậu, đèn soi biển số và đèn chiếu sáng bảng táp lô sẽ bật.

3 Đèn pha và tất cả những đèn trên được bật sáng.

▶ Kiểu C



1 AUTO Đèn pha, đèn chiếu sáng ban ngày (→P.164) và tất cả những đèn kể dưới đây sẽ bật và tắt tự động.

2 Đèn vị trí phía trước, đèn hậu, đèn soi biển số và đèn chiếu sáng bảng táp lô sẽ bật.

3 Đèn pha và tất cả những đèn trên được bật sáng.

4 Đèn chiếu sáng ban ngày sẽ sáng lên (→P.164)

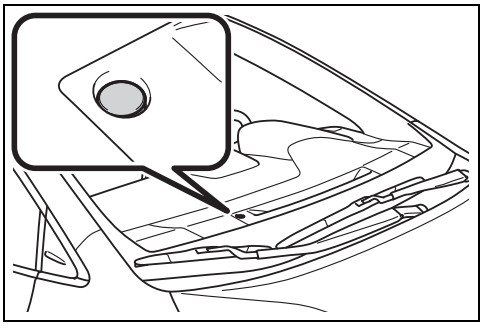
n Chế độ AUTO có thể sử dụng được khi

Công tắc động cơ ở ON.

n Hệ thống đèn chiếu sáng ban ngày

Để giúp cho các tài xế khác dễ nhận ra xe của bạn khi lái xe vào ban ngày, đèn chiếu sáng ban ngày sẽ tự động bật sáng mỗi khi khởi động động cơ và nhả phanh đỗ với công tắc đèn pha ở vị trí hoặc vị trí AUTO . (Đèn này sẽ sáng hơn các đèn vị trí phía trước.) Đèn chiếu sáng ban ngày không được thiết kế để chiếu sáng vào ban đêm.

n Cảm biến điều khiển đèn pha (nếu có)



Cảm biến có thể sẽ không làm việc chính xác nếu có dị vật bám lên trên cảm biến hoặc trên kính chắn gió có gắn đồ vật làm che khuất cảm biến.
Tình trạng này sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng phát hiện mức độ ánh sáng bên ngoài của cảm biến và có thể làm cho hệ thống đèn pha tự động bị trục trặc.

n Hệ thống tự động tắt đèn (nếu có)

- Khi công tắc đèn ở vị trí hoặc : Các đèn pha và các đèn sương mù phía trước (nếu có) sẽ tự động tắt nếu công tắc động cơ được chuyển đến ACC hoặc OFF, và cửa người lái được mở.
- Khi công tắc đèn ở vị trí AUTO: Các đèn pha và tất cả các đèn khác sẽ tự động tắt nếu công tắc động cơ được chuyển đến ACC hoặc OFF, và cửa người lái được mở.

Để bật lại các đèn, bật công tắc động cơ đến ON, hoặc bật công tắc đèn đến vị trí hoặc AUTO một lần, sau đó quay lại vị trí hoặc .

n Chuông nhắc tắt đèn

Chuông báo sẽ kêu khi công tắc động cơ được chuyển đến OFF hoặc ACC và cửa người lái được mở ra trong khi các đèn vẫn đang bật.

n Chức năng tiết kiệm điện

Để tránh ắc quy khỏi bị hết điện, nếu công tắc đèn đang ở vị trí hoặc AUTO khi tắt công tắc động cơ, chức năng tiết kiệm điện sẽ hoạt động và tự động tắt tất cả các đèn sau khoảng 20 phút. Khi bật công tắc động cơ tới ON, chức năng tiết kiệm điện sẽ bị vô hiệu hóa.
Khi thực hiện bất kỳ một trong các điều sau đây, chức năng tiết kiệm điện sẽ được vô hiệu hóa và sau đó kích hoạt lại. Tất cả các đèn sẽ tự động tắt sau 20 phút khi chức năng tiết kiệm điện được kích hoạt:

- Khi vận hành công tắc đèn pha
- Khi cửa hoặc khoang hành lý mở

hoặc đóng

n **Tùy chọn**

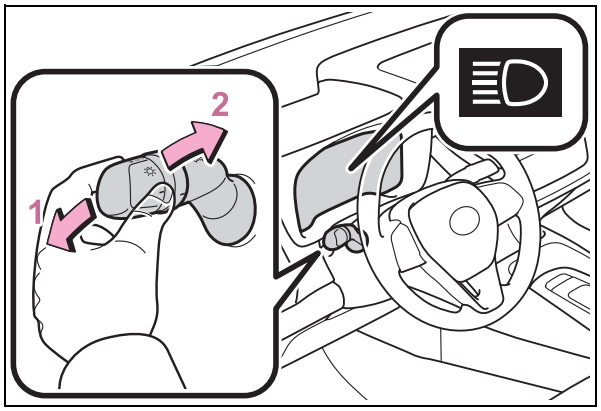
Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.387)

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Khi động cơ không hoạt động, không bật đèn trong thời gian quá lâu nếu không cần thiết.

Bật đèn pha chiếu xa



1 Với công tắc đèn pha đang được bật, hãy đẩy cần điều khiển ra xa phía bạn để bật chế độ đèn pha chiếu xa.

Kéo cần điều khiển về phía bạn tới vị trí trung gian để tắt chế độ đèn pha chiếu xa.

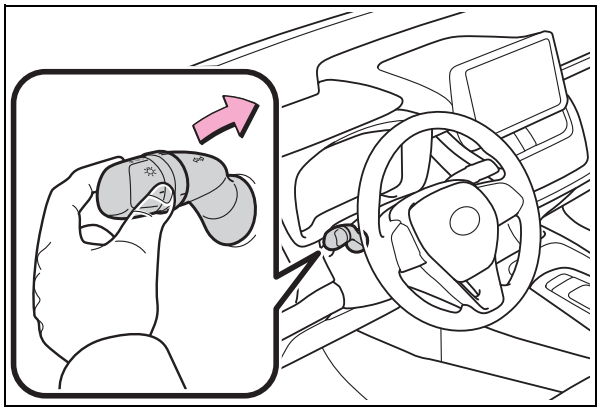
2 Kéo cần điều khiển về phía bạn và nhả cần ra để nháy đèn pha chiếu xa.

Bạn có thể nháy đèn pha chiếu xa khi đèn pha đang bật hoặc đã tắt.

Hệ thống đèn chờ dẫn đường

Hệ thống sẽ bật các đèn pha sáng lên trong khoảng 30 giây khi tắt công tắc động cơ.

Kéo cần điều khiển về phía bạn và thả cần ra với công tắc đèn ở vị trí O hoặc AUTO sau khi tắt công tắc động cơ.

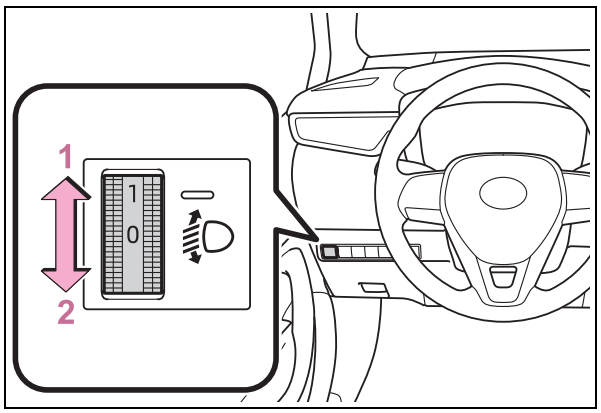


Các đèn sẽ tắt trong các trường hợp sau.

- Công tắc động cơ được bật ON.
- Vận hành công tắc đèn pha.
- Kéo cần về phía bạn, sau đó nhả cần ra.

Núm cân bằng đèn pha loại thường (nếu có)

Bạn có thể điều chỉnh góc chiếu của đèn pha theo lượng hành khách và tải trọng của hàng hóa trên xe.



1 Nâng góc chiếu của đèn pha

2 Hạ góc chiếu của đèn pha

n **Bảng chỉ dẫn chọn mức cân bằng đèn pha**

Điều kiện tải hàng và số lượng hành khách		Vị trí của núm điều chỉnh
Hành khách	Tải hàng hóa	
Người lái	Không	0
Người lái và hành khách phía trước	Không	0
Tất cả hành khách	Không	1.5
Tất cả hành khách	Đầy tải	2.5*1
		2*2
Người lái	Đầy tải	4*1
		3.5*2

*1: Cho kiểu xe ZRE210R-GEXDK*3 có đèn pha kiểu bóng.

*2: Trừ kiểu xe ZRE210R-GEXDK *3 có các đèn pha kiểu bóng.

*3: Mã kiểu xe được ghi trên nhãn của nhà sản xuất. (→P.376)

Hệ thống chiếu xa tự động*

*: Nếu có

Hệ thống chiếu xa tự động sử dụng một cảm biến camera đặt ở phía sau của phần phía trên của kính chắn gió để đánh giá độ sáng từ đèn xe phía trước, đèn đường... và tự động điều khiển bật hoặc tắt đèn pha chiếu xa khi cần thiết.

⚠ CẢNH BÁO

n **Hạn chế của chế độ chiếu xa tự động**

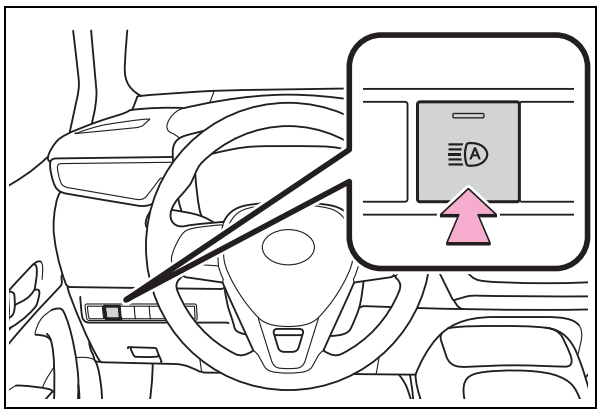
Không được quá tin tưởng vào chức năng chiếu xa tự động. Luôn lái xe an toàn, chú ý quan sát xung quanh và hãy bật/tắt đèn pha bằng tay nếu cần thiết.

n **Để tránh làm cho hệ thống chiếu xa tự động hoạt động không chính xác**

Không chất tải quá mức trên xe.

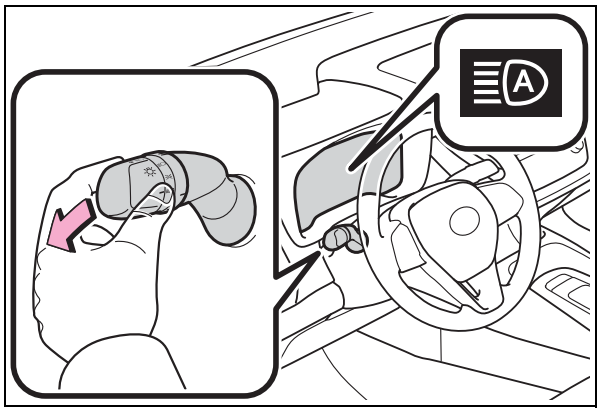
Kích hoạt chiếu xa tự động

1 Ấn vào công tắc chiếu xa tự động.



2 Hãy đẩy cần điều khiển ra xa bạn với công tắc đèn pha ở vị trí hoặc vị trí AUTO (nếu có).

Đèn chỉ báo chiếu xa tự động sẽ sáng lên khi hệ thống đang hoạt động.



n Những điều kiện để bật hoặc tắt đèn pha chiếu xa tự động

l Khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau, đèn pha chiếu xa sẽ tự động bật sáng (sau khoảng một giây):
- Tốc độ xe đạt từ 30 km/h trở lên.
- Khu vực phía trước xe bị tối.
- Xe chạy phía trước không bật đèn pha hoặc đèn hậu.
- Có ít đèn đường ở phần đường phía trước xe.

l Khi một trong những điều kiện sau được thoả mãn, đèn pha chiếu xa sẽ tự động tắt.
- Tốc độ của xe dưới khoảng 25 km/h.
- Khu vực phía trước xe là không tối.
- Những xe chạy phía trước đang bật đèn pha và đèn hậu.
- Có nhiều đèn đường ở phần đường phía trước xe.

n Thông tin phát hiện cảm biến camera

l Đèn pha chiếu xa có thể sẽ không tự động tắt đi trong các tình huống sau đây:
- Khi có xe đối diện bất ngờ xuất hiện quanh một khúc cua.
- Khi xe khác cắt ngang phía trước xe bạn.
- Khi không phát hiện được những xe phía trước do đường cong gấp khúc, dải phân cách đường hoặc các hàng cây trên đường
- Khi những xe phía trước xuất hiện ở phía làn đường cách xa trên đường rộng
- Khi xe phía trước không bật đèn

l Đèn pha chiếu xa có thể sẽ tắt nếu xe phía trước đang bật đèn sương mù mà không bật đèn pha.

l Đèn của các tòa nhà, đèn đường phố, đèn tín hiệu giao thông, đèn bảng quảng cáo hoạc đèn các bảng chỉ đường hoặc các vật thể phản xạ khác có thể làm cho đèn pha xe chuyển sang chế độ đèn chiếu gần, hoặc duy trì ở chế độ đèn chiếu gần.

l Các yếu tố sau đây có thể ảnh hưởng đến khoảng thời gian bật hoặc tắt đèn pha:
- Độ sáng của đèn pha, đèn sương mù và đèn hậu của xe phía trước
- Chuyển động và hướng chuyển động của xe phía trước
- Khi xe phía trước chỉ có một bên đèn còn hoạt động
- Khi xe phía trước là xe hai bánh
- Tình trạng đường sá (đường dốc, đường cong, điều kiện của mặt đường…)
- Số lượng hành khách và trọng lượng hàng hóa trên xe

l Đèn pha chiếu xa có thể vô tình bật hoặc tắt.

l Hệ thống không thể phát hiện được xe đạp hoặc các phương tiện tương tự.

l Trong các tình huống dưới đây, hệ thống có thể sẽ không xác định chính xác được độ sáng xung quanh. Điều đó có thể sẽ làm cho đèn pha chiếu gần sáng liên tục hoặc đèn pha chiếu xa nháy hoặc làm ảnh hưởng tới người đi bộ, các xe ở phía trước. Trong trường hợp đó, hãy chuyển giữa đèn pha chiếu xa và đèn pha chiếu gần bằng thao tác thủ công.

- Điều kiện thời tiết xấu (như mưa to, sương mù, tuyết, sương mù, bão cát …)
- Kính chắn gió bị cản bởi sương mù, tuyết và bụi bẩn…
- Kính chắn gió đã bị nứt hoặc bị hư hỏng
- Cảm biến camera bị biến dạng hoặc bị dính bẩn
- Nhiệt độ của cảm biến camera quá cao
- Độ sáng xung quanh bằng với độ sáng của đèn pha, đèn hậu hoặc đèn sương mù
- Đèn pha hoặc đèn hậu của xe phía trước đã tắt, bị bẩn, thay đổi màu hoặc độ chụm bị sai
- Khi xe phía trước bắn nước, tuyết, bùn… lên xe của bạn
- Khi lái xe qua các khu vực có thay đổi gián đoạn giữa sáng và tối
- Khi xe chạy thường xuyên và lặp đi lặp lại lái xe trên đường lên/xuống dốc, đường gồ ghề hoặc mặt đường không bằng phẳng (như đường lát đá, đường rải sỏi…)
- Khi thường lái xe trên đường có nhiều khúc cua hoặc đường quanh co
- Khi có vật phản xạ phía trước của xe như biển chỉ đường hoặc gương
- Khi phần đuôi của xe chạy phía trước có độ phản quang cao, như thùng hàng trên xe tải
- Khi các đèn pha của xe bị hư hỏng hoặc bị bẩn, hoặc độ chụm không chính xác
- Xe đang bị nghiêng do bị xịt lốp, đang kéo rơmooc…
- Khi liên tục chuyển giữa chế độ đèn pha chiếu xa và đèn pha chiếu gần một cách bất thường
- Khi người lái tin rằng đèn pha có thể gây lóa hoặc chói mắt cho người đi bộ hoặc các lái xe khác

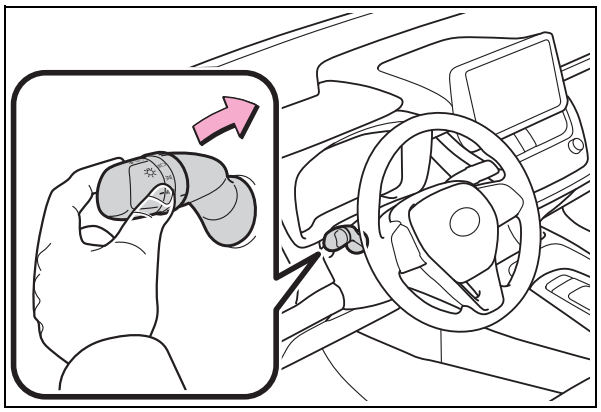
Bật hoặc tắt đèn pha (chiếu xa) bằng cách thủ công

n Bật đèn pha chiếu gần

Kéo cần điều khiển về vị trí ban đầu.

Đèn chỉ báo chiếu xa tự động sẽ tắt.

Hãy đẩy cần ra xa bạn để kích hoạt lại hệ thống chiếu xa tự động.

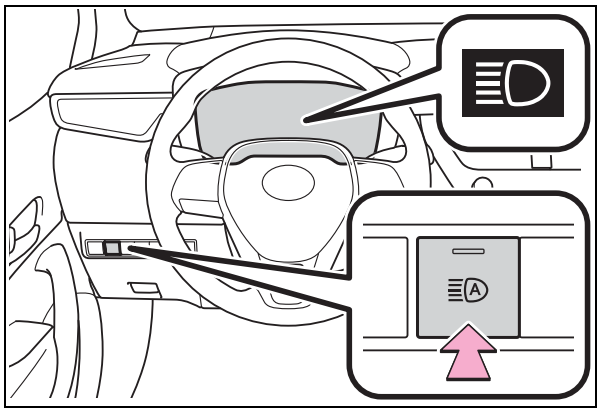


n Bật đèn pha chiếu xa

Ấn vào công tắc chiếu xa tự động.

Đèn chỉ báo chiếu xa tự động sẽ tắt và chỉ báo chiếu xa sẽ bật.

Hãy ấn công tắc để kích hoạt lại hệ thống chiếu xa tự động.



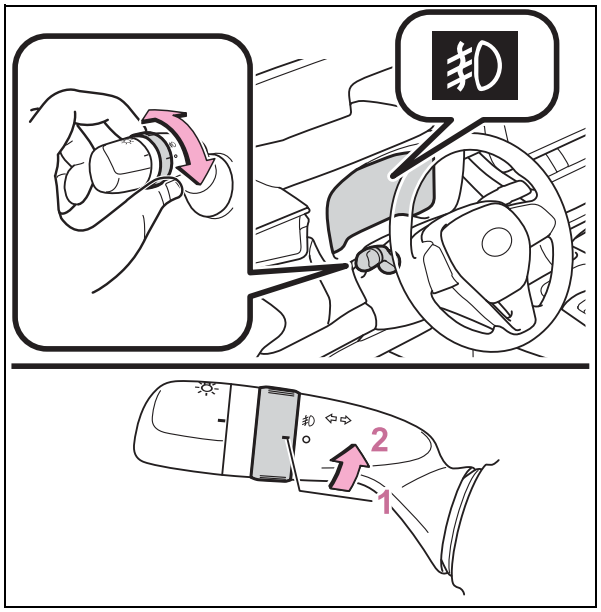
Công tắc đèn sương mù*

*: Nếu có

Đèn sương mù giúp tăng khả năng quan sát trong điều kiện lái xe cực kỳ khắc nghiệt, như khi mưa hoặc sương mù.

Hướng dẫn thao tác

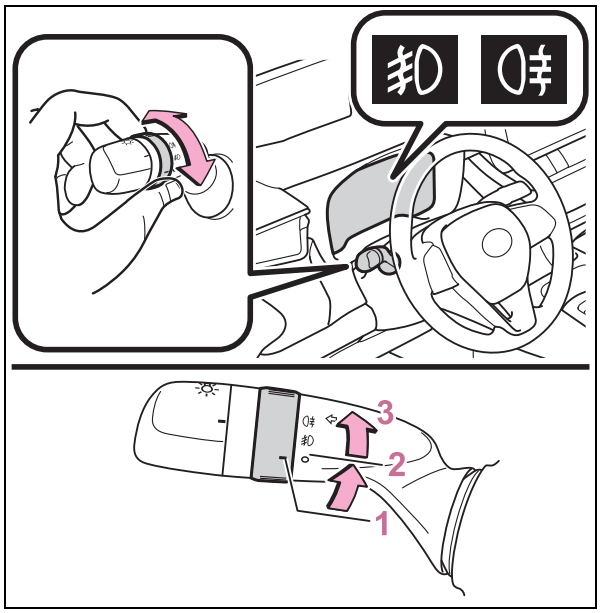
▶ Công tắc đèn sương mù phía trước



1 Tắt đèn sương mù phía trước

2 Bật đèn sương mù phía trước

▶ Công tắc đèn sương mù phía trước và phía sau



1 Tắt đèn sương mù phía trước và sau

2 Bật đèn sương mù phía trước

3 Bật các đèn sương mù phía trước và phía sau

Khi nhả công tắc sẽ trả vòng xoay về vị trí .

Xoay vòng một lần nữa để chỉ tắt đèn sương mù phía sau.

n Có thể sử dụng đèn sương mù khi

▶ Xe có công tắc đèn sương mù phía trước

Các đèn pha hoặc đèn vị trí phía trước được bật.

▶ Xe có công tắc đèn sương mù phía trước và phía sau

Đèn sương mù phía trước: Bật các đèn pha hoặc đèn vị trí phía trước.
Đèn sương mù phía sau: Các đèn pha hoặc đèn vị trí phía trước được bật.

Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió

Vận hành cần điều khiển có thể sử dụng được các cần gạt nước và rửa kính chắn gió.

⚠ CHÚ Ý

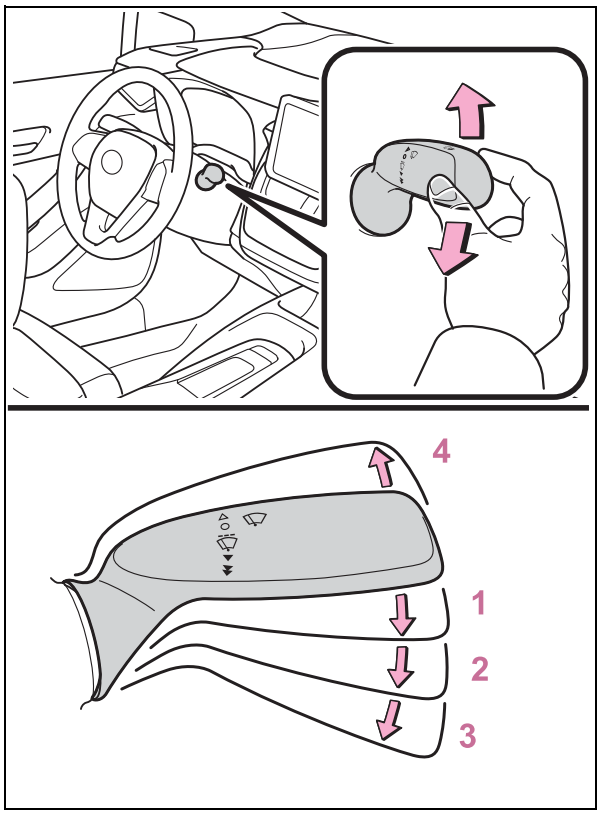
n **Khi kính chắn gió khô**

Không sử dụng cần gạt nước, nếu không có thể sẽ làm hỏng kính chắn gió.

Sử dụng cần gạt nước

Sử dụng cần để điều khiển cần gạt nước mưa hoặc phun nước rửa kính như sau.

▶ Cần gạt nước kính chắn gió kiểu gạt gián đoạn

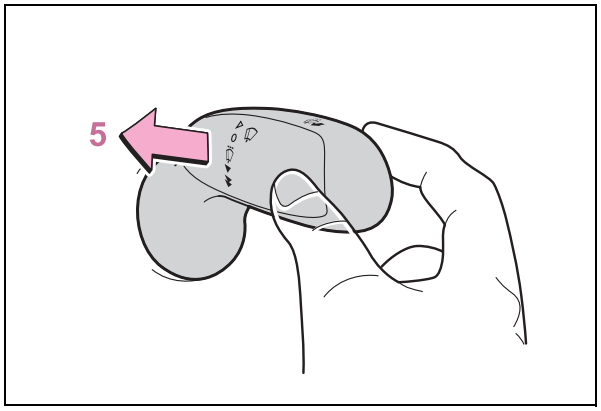


1 Gạt ngắt quãng cần gạt kính chắn gió

2 ▼ Gạt chậm

3 ▼▼ Gạt nhanh

4 △ Gạt tạm

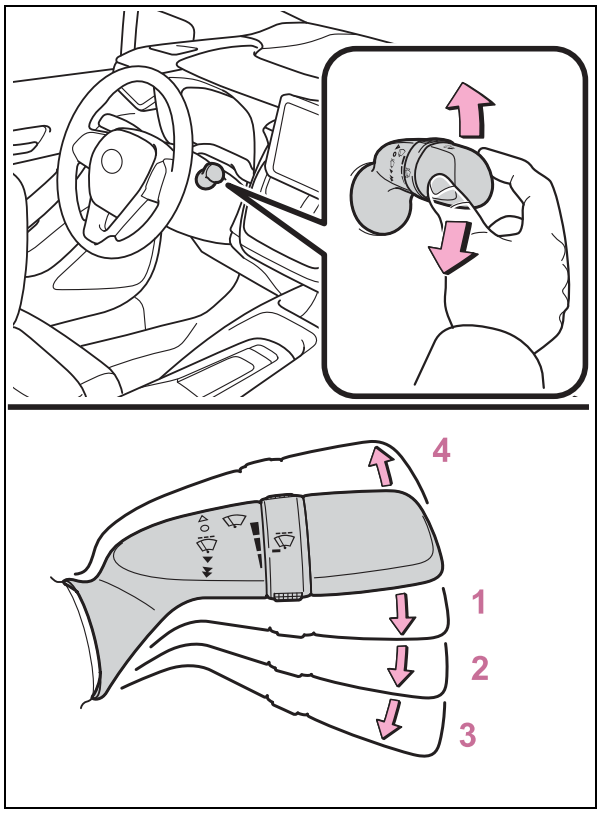


5 Phun nước/gạt nước hai lần

Kéo cần để vận hành cần gạt nước và phun nước rửa kính.

Các cần gạt sẽ tự động gạt hai lần sau khi phun nước rửa kính.

▶ Gạt nước có chế độ gạt gián đoạn có vòng điều chỉnh thời gian chờ



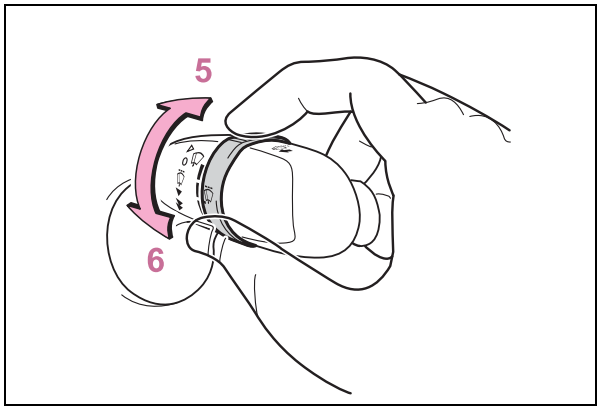
1 Gạt ngắt quãng cần gạt kính chắn gió

2 ▼ Gạt chậm

3 ▼▼ Gạt nhanh

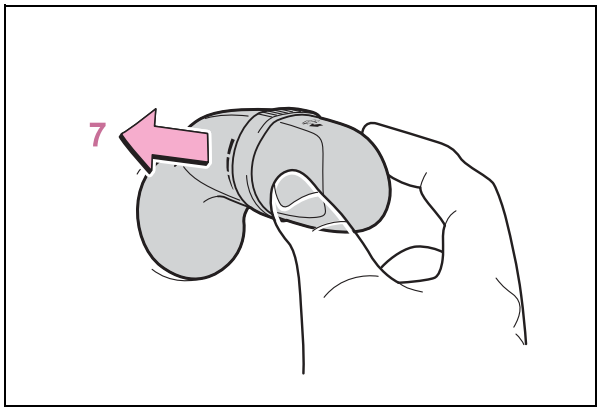
4 △ Gạt tạm

Khi lựa chọn chế độ gạt gián đoạn, thời gian chờ giữa các lần gạt có thể điều chỉnh được.



5 Giảm thời gian chờ giữa các lần gạt

6 Tăng thời gian chờ giữa các lần gạt

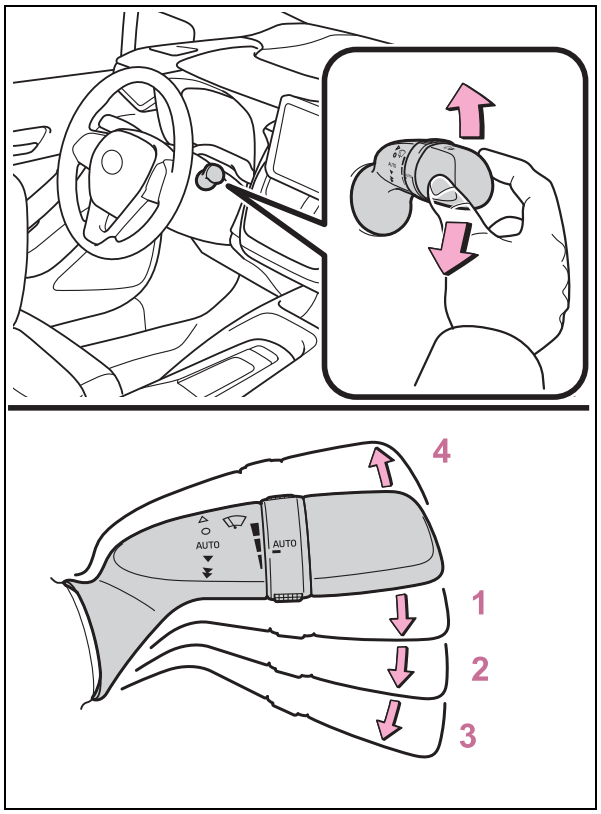


7 Phun nước/gạt nước hai lần

Kéo cần để vận hành cần gạt nước và phun nước rửa kính.

Các cần gạt sẽ tự động gạt hai lần sau khi phun nước rửa kính.

▶ Cần gạt nước kính chắn gió có cảm biến nước mưa



1 AUTO Gạt theo cảm biến nước mưa

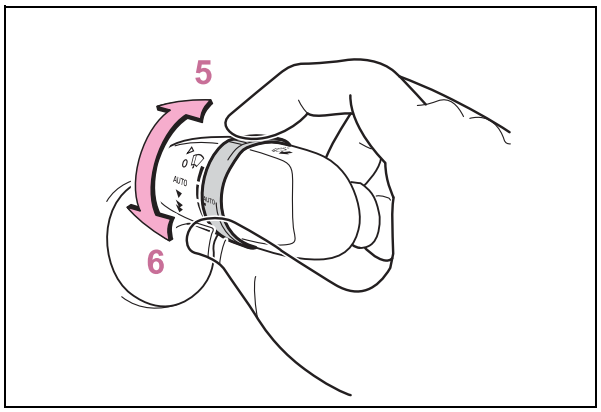
2 ▼ Gạt chậm

3 ▼▼ Gạt nhanh

4 △ Gạt tạm

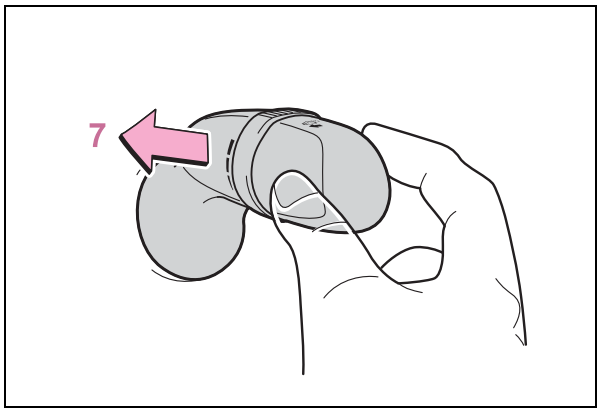
Khi chọn chế độ "AUTO", cần gạt nước sẽ tự động làm việc khi cảm biến phát hiện trời đang mưa. Hệ thống sẽ tự động điều chỉnh thời gian gạt tùy theo lượng nước mưa và tốc độ của xe.

Khi chọn chế độ "AUTO", bạn có thể điều chỉnh độ nhạy của cảm biến bằng cách xoay công tắc trên cần điều khiển.



5 Tăng độ nhạy của cảm biến nước nưa

6 Giảm độ nhạy của cảm biến nước mưa



7 Phun nước/gạt nước hai lần

Kéo cần để vận hành cần gạt nước và phun nước rửa kính.

Các cần gạt sẽ tự động gạt hai lần sau khi phun nước rửa kính.

---

n **Có thể vận hành cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió khi**

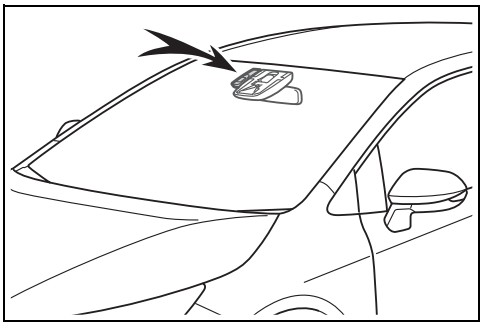
Công tắc động cơ ở ON.

n **Ảnh hưởng của tốc độ xe tới hoạt động của cần gạt nước (xe có cần gạt kính chắn gió sử dụng cảm biến nước mưa)**

Tốc độ xe sẽ gây ảnh hưởng đến chu kỳ gạt nước gián đoạn.

n **Cảm biến nước mưa (xe có gạt nước kính chắn gió sử dụng cảm biến nước mưa)**

l Cảm biến nước mưa sẽ đánh giá lượng mưa.
Hệ thống này được trang bị một cảm biến quang. Nó có thể sẽ hoạt động không chính xác khi ánh nắng lúc mặt trời mọc hoặc lúc mặt trời lặn chiếu vào kính chắn gió không liên tục hoặc khi có vật lạ bám vào kính chắn gió.



l Nếu cần gạt nước được chuyển sang chế độ AUTO trong khi công tắc động cơ được bật ON, các cần gạt nước sẽ gạt một lần để xác nhận rằng chế độ AUTO đã được kích hoạt.

l Nếu nhiệt độ của cảm biến gạt nước là từ 85°C trở lên, hoặc từ -15°C trở xuống, chế độ hoạt động tự động có thể sẽ không làm việc.

Trong trường hợp này, hãy điều khiển cần gạt ở các chế độ khác chế độ AUTO.

n **Nếu không có nước rửa kính chắn gió phun lên**

Hãy kiểm tra xem vòi phun có bị tắc hay không và có còn nước trong bình chứa nước rửa kính chắn gió không.

n **Chức năng dừng gạt nước kính chắn gió liên kết với mở cửa trước (xe có các cần gạt nước sử dụng cảm biến nước mưa)**

Khi chế độ AUTO được chọn và các cần gạt nước kính chắn gió đang hoạt động, nếu mở cửa trước trong khi xe được đỗ lại và cần số ở vị trí P, hoạt động của các cần gạt nước kính chắn gió sẽ được dừng lại để tránh cho ai đó ở gần xe khỏi bị bắn nước. Khi cửa trước được đóng, hoạt động gạt nước trước đó sẽ được khôi phục.

n **Khi tắt động cơ trong trường hợp khẩn cấp khi lái xe**

Nếu người lái điều khiển gạt nước mưa trong khi động cơ đang không hoạt động, thì cần gạt nước mưa sẽ gạt ở tốc độ cao. Sau khi xe dừng lại, cần gạt nước mưa sẽ trở lại hoạt động bình thường khi bật công tắc động cơ tới vị trí ON.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng chế độ AUTO của gạt nước kính chắn gió (Kiểu gạt nước sử dụng cảm biến mưa)**

Các cần gạt nước có thể bất ngờ hoạt động nếu cảm biến bị chạm vào hoặc kính chắn gió bị rung động với gạt nước đang ở chế độ AUTO. Hãy cẩn trọng không để ngón tay của bạn hoặc bất kỳ vật gì khác có thể bị kẹt bởi gạt nước kính chắn gió.

n **Lưu ý liên quan đến việc sử dụng nước rửa kính**

Khi trời lạnh, không phun nước rửa kính cho đến khi kính chắn gió đủ ấm. Nếu không, nước rửa kính có thể sẽ đóng băng trên kính chắn gió và gây cản trở tầm nhìn của bạn. Điều này có thể dẫn đến tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi không có nước rửa kính phun lên**

Nếu bạn kéo cần điều khiển về phía mình và giữ tại vị trí đó liên tục thì có thể sẽ làm hỏng bơm nước rửa kính.

n **Khi vòi phun bị tắc**

Trong trường hợp này, hãy liên hệ với đại lý Toyota.
Không cố thông vòi phun bằng đầu kim hoặc các vật khác. Nếu không vòi phun có thể sẽ bị hỏng.

Mở nắp bình nhiên liệu

Hãy thực hiện các bước sau để mở nắp bình nhiên liệu:

Trước khi nạp nhiên liệu cho xe

- Tắt công tắc động cơ và xác nhận rằng tất cả các cửa xe và cửa sổ đã được đóng chặt.
- Xác nhận loại nhiên liệu.

n **Loại nhiên liệu**

→P.386

n **Cửa nạp nhiên liệu để nạp xăng không pha chì**

Để tránh nạp nhầm loại nhiên liệu, xe của bạn có lỗ nạp nhiên liệu chỉ thích hợp với vòi đặc biệt của trạm xăng không pha chì.

n **Nạp nhiên liệu (cho động cơ 1ZR-FBE và 2ZR-FBE)**

Hãy tuân theo các lưu ý sau đây khi nạp nhiên liệu, để duy trì được khả năng khởi động và tính năng lái xe.

- Không để xe hoạt động khi bình nhiên liệu còn 1/4 bình trở xuống.
- Nạp ít nhất là 10 L khi nạp nhiên liệu.
- Sau khi nạp nhiên liệu, hãy hâm nóng động cơ hoặc lái xe trong ít nhất 5 phút hoặc quãng đường 10 km.
- Không được tăng nhanh tốc độ động cơ ngay sau khi nạp lại nhiên liệu.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi nạp nhiên liệu cho xe**

Hãy tuân theo những lưu ý sau khi nạp nhiên liệu. Nếu không có thể sẽ bị tử vong hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe.

- Sau khi ra khỏi xe và trước khi mở cửa nạp nhiên liệu, hãy chạm tay vào một bề mặt không phủ sơn để xả tĩnh điện. Hãy chú ý xả tĩnh điện trước khi nạp nhiên liệu vì tia lửa điện sinh ra do tĩnh điện có thể sẽ làm cho hơi nhiên liệu bị bốc cháy.
- Hãy cầm vào phần khía nhám trên nắp bình nhiên liệu và xoay chậm để tháo nắp.
  Bạn có thể nghe thấy một tiếng xịt khẽ khi nắp bình nhiên liệu được mở ra. Hãy đợi cho tới khi không nghe thấy tiếng xịt nữa trước khi mở hoàn toàn nắp bình nhiên liệu. Trong điều kiện thời tiết nóng, nhiên liệu bị nén dưới áp suất cao có thể tràn ra khỏi lỗ nạp nhiên liệu và gây ra chấn thương.
- Không để người nào chưa được xả tĩnh điện đến gần bình nhiên liệu đang mở.
- Không hít hơi nhiên liệu.
  Nhiên liệu có chứa rất nhiều chất có hại cho sức khỏe nếu hít phải.
- Không hút thuốc khi đang nạp nhiên liệu.
  Nếu không, nhiên liệu có thể sẽ bị bắt lửa và gây ra hỏa hoạn.
- Không quay trở lại xe hay chạm vào người hay vật bị nhiễm điện.
  Nếu không có thể sẽ làm tăng lượng tĩnh điện, kết quả làm tăng nguy cơ gây ra hỏa hoạn.

n **Khi nạp nhiên liệu**

Hãy tuân theo các chú ý sau đây để tránh làm nhiên liệu tràn ra khỏi bình:

- Hãy cắm hẳn vòi bơm nhiên liệu vào trong lỗ nạp nhiên liệu.
- Hãy ngừng nạp sau khi vòi bơm tự động ngắt.
- Không bơm nhiên liệu đầy tới miệng bình.

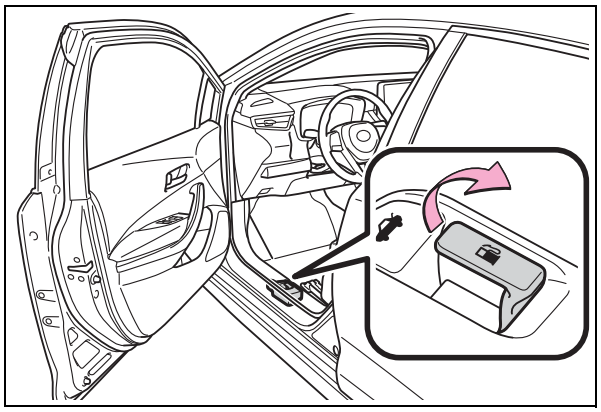
⚠ CHÚ Ý

n **Nạp nhiên liệu**

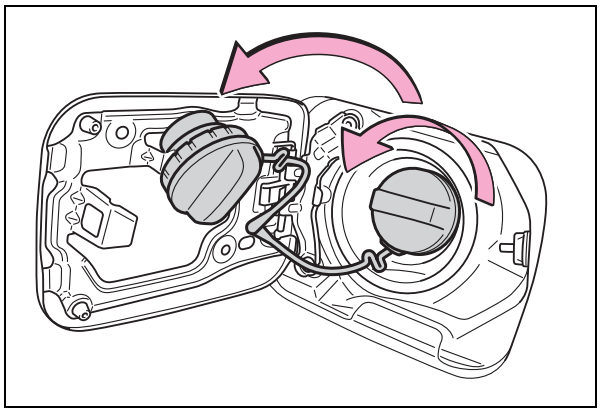
- Trong khi nạp, tránh để tràn nhiên liệu ra xe.
  Nếu không có thể sẽ gây ra hư hỏng cho xe, như làm cho hệ thống xả hoạt động bất thường hoặc làm hỏng các chi tiết của hệ thống nhiên liệu hoặc bề mặt sơn xe.
- Động cơ 1ZR-FBE và 2ZR-FBE: Hãy nạp đầy bình bình xăng (E0-E20) ít nhất sau mỗi 10,000 km. Nếu không, có thể gây giảm tính năng hoạt động của động cơ, khả năng lái hoặc tính năng kiểm soát khí xả hoặc các hư hỏng khác.

Mở nắp bình nhiên liệu

1 Kéo lẫy để mở cửa nạp nhiên liệu.

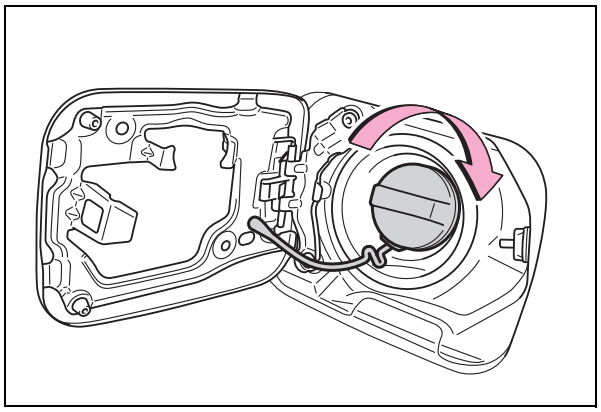


2 Vặn từ từ nắp bình nhiên liệu và mở nắp, và treo nắp bình lên mặt trong của cửa nạp nhiên liệu.



Đóng nắp bình nhiên liệu

Sau khi nạp nhiên liệu, hãy vặn nắp bình nhiên liệu cho tới khi bạn nghe thấy một tiếng tách. Khi thả tay ra, nắp bình nhiên liệu sẽ xoay theo hướng ngược lại một chút.



⚠ CẢNH BÁO

n **Khi thay nắp bình nhiên liệu**

Chỉ sử dụng nắp bình nhiên liệu chính hiệu Toyota được thiết kế cho xe của bạn. Nếu không có thể gây ra hỏa hoạn hoặc những sự cố khác có thể dẫn tới tử vong hoặc bị thương nghiêm trọng.

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota*

*: Nếu có

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota bao gồm các hệ thống hỗ trợ lái xe sau để nâng cao mức độ an toàn và những trải nghiệm lái xe tiện nghi:

Hệ thống hỗ trợ lái xe

n **PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)***

→P.181

*: Nếu có

n **LTA (Hỗ trợ bám làn đường)***

→P.188

*: Nếu có

n **LDA (Cảnh báo lệch làn có liên kết với điều khiển lái)***

→P.197

*: Nếu có

n **AHB (Chiếu xa tự động)***

→P.166

*: Nếu có

n **Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa***

→P.205

*: Nếu có

n **Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa***

→P.215

*: Nếu có

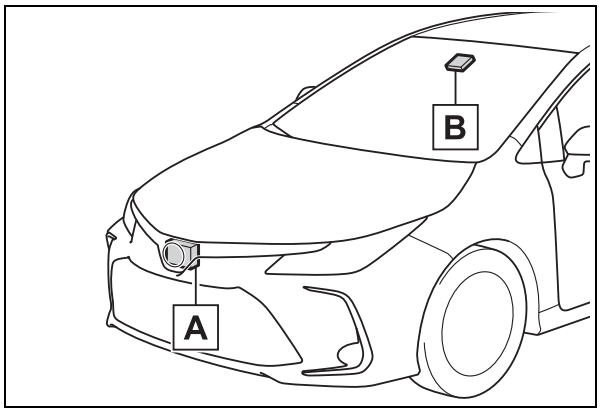
⚠ CẢNH BÁO

n **Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota**

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota được thiết kế để hoạt động với giả định rằng người lái xe có ý thức lái xe an toàn, và nó được thiết kế để giúp giảm tác động lên hành khách và lên xe trong trường hợp xe bị va chạm hoặc hỗ trợ lái xe trong các điều kiện lái xe bình thường
Do hệ thống vẫn có một số hạn chế về khả năng phát hiện chính xác và tính năng điều khiển nên bạn không được quá phụ thuộc vào hệ thống. Người lái cần phải chịu trách nhiệm lái xe an toàn và chú ý quan sát xung quanh.

Các cảm biến

Có hai loại cảm biến, được đặt phía sau lưới tản nhiệt phía trước và kính chắn gió, được dùng để thu thập các thông tin cần thiết cho hoạt động của các hệ thống hỗ trợ lái xe.



A Cảm biến ra đa

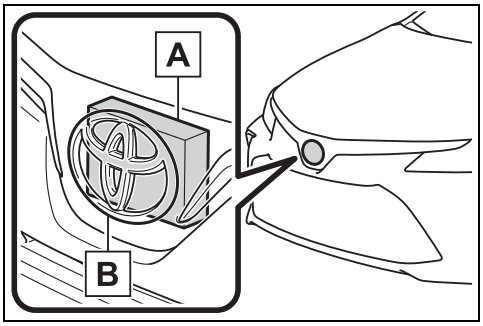
B Camera phía trước

⚠ CẢNH BÁO

n **Để tránh làm cho cảm biến ra-đa bị lỗi**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, cảm biến ra-đa có thể không hoạt động chính xác, dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Hãy giữ cảm biến ra đa và nắp che cảm biến rađa luôn sạch sẽ.



A Cảm biến ra đa

B Nắp che cảm biến rađa

Nếu phía trước của cảm biến ra đa và phía trước hoặc phía sau của nắp che cảm biến rađa bị bẩn hoặc bị nước chảy vào, bị tuyết phủ… hãy lau sạch chúng.

Hãy vệ sinh cảm biến ra đa và nắp nắp cảm biến ra đa bằng giẻ mềm để không gây ra các vết xước chúng.

l Không gắn các phụ kiện, miếng dán (kể cả miếng dán trong suốt) hoặc các vật khác lên cảm biến ra đa, nắp cảm biến rađa hoặc các vị trí xung quanh.

l Không được để cảm biến ra đa hoặc các khu vực xung quanh nó bị lực va chạm mạnh.
Nếu cảm biến ra đa, lưới tản nhiệt phía trước hoặc cản xe phía trước chịu lực va chạm mạnh, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

l Không tháo rời cảm biến ra đa.

l Không sửa đổi hoặc sơn lên cảm biến ra đa, nắp che cảm biến ra đa.

l Trong các trường hợp sau, cần phải hiệu chỉnh cảm biến ra đa. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.

- Khi cảm biến ra đa hoặc lưới tản nhiệt phía trước được tháo ra và lắp lại hoặc được thay thế
- Khi cản xe phía trước được thay thế

n **Tránh làm hỏng camera phía trước**

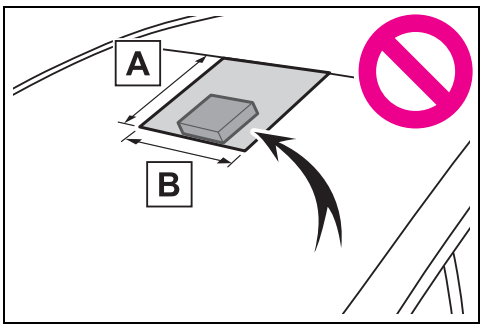
Hãy tuân thủ theo các chú ý sau.
Nếu camera trước hoạt động không chính xác, có thể dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

l Hãy giữ cho kính chắn gió luôn luôn sạch sẽ.

- Nếu kính chắn gió bị bẩn hoặc bị phủ một lớp dầu mỏng, bị đọng nước mưa, bị tuyết bao phủ... hãy vệ sinh kính chắn gió.
- Nếu phủ chất phủ kính lên kính chắn gió, cần sử dụng các cần gạt nước kính chắn gió để loại bỏ những giọt nước đọng, v.v… khỏi khu vực kính chắn gió ở phía trước của camera trước.
- Nếu mặt trong của kính chắn gió tại vị trí lắp camera trước bị bẩn, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

CẢNH BÁO

- Không gắn các vật, như đề can, băng dính trong suốt lên phía ngoài của kính chắn gió ở phía trước của camera trước (phần in đậm trong hình vẽ)



A Khoảng cách từ đỉnh của kính chắn gió đến mép dưới của cảm biến camera trước khoảng 1 cm

B Khoảng 20 cm (cách mép trái và phải 10 cm tính từ tâm của camera phía trước)

- Nếu phần kính chắn gió phía trước camera bị mờ hoặc che phủ bởi hơi nước hoặc băng giá, hãy sử dụng bộ sấy kính chắn gió để loại bỏ hơi nước hoặc băng giá. (→P.258, 263)
- Nếu gạt nước không thể gạt được nước đọng trên kính chắn gió ở vị trí phía trước camera, hãy thay thanh tăng cứng và cao su gạt nước hoặc lưỡi gạt nước.
- Không được gắn bất cứ vật gì kính chắn gió.
- Hãy thay kính chắn gió nếu nó đã bị hỏng hoặc bị nứt.
  Sau khi thay kính chắn gió, trước hết hãy hiệu chỉnh điểm không cho camera phía trước. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.
- Không được để dung dịch bắn lên camera phía trước.
- Không được để đèn chói chiếu vào camera phía trước.
- Không để camera phía trước bị bẩn hoặc bị hỏng.
  Khi lau phần bên trong của kính chắn gió, không được để chất rửa kính tiếp xúc với ống kính của camera phía trước. Hơn nữa, không được chạm vào ống kính.
  Nếu ống kính bị bẩn hoặc bị hỏng, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.
- Không để camera phía trước bị va chạm mạnh.
- Không được thay đổi vị trí lắp hoặc hướng lắp của camera phía trước hoặc tháo nó ra.
- Không được tháo rời camera phía trước.
- Không sửa đổi bất kỳ chi tiết nào của xe xung quanh camera phía trước (gương chiếu hậu bên trong xe...) hoặc trần xe.
- Không gắn các vật có thể che khuất camera phía trước lên nắp capô, lưới tản phía nhiệt trước hoặc cản trước. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.
- Nếu bạn đặt ván trượt hoặc các vật dài khác trên nóc xe, hãy đảm bảo rằng vật đó sẽ không che khuất camera phía trước.
- Không sửa đổi đèn pha hoặc các đèn khác của xe.

n Nếu thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin

Một hệ thống tạm thời không khả dụng hoặc có thể đã có lỗi trong hệ thống.

l Trong các trường hợp sau, hãy thực hiện các hoạt động chỉ ra trong bảng. Khi hệ thống trở về bình thường, thông điệp cảnh báo sẽ biến mất và hệ thống sẽ hoạt động.

Nếu cảnh báo không biến mất, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

Tình huống	Hành động
Khi khu vực xung quanh camera bị che phủ bởi bụi bẩn, hơi nước hoặc băng giá,..., hoặc các vật thể lạ khác	Sử dụng cần gạt nước và chức năng A/C, vệ sinh bui bẩn hoặc các tạp chất dính vào. (→P.258, 263).
Khi nhiệt độ xung quanh camera phía trước nằm ngoài phạm vi hoạt động, như xe ở dưới trời nắng, hoặc khi nhiệt độ môi trường cực lạnh	Nếu camera phía trước nóng, như khi đỗ xe dưới trời nắng, hãy sử dụng hệ thống điều hòa để giảm nhiệt độ xung quanh camera phía trước. Nếu sử dụng tấm chắn nắng khi xe được đỗ lại, tùy vào loại chắn nắng, ánh nắng mặt trời phản xạ từ bề mặt của tấm chắn nắng có thể làm cho nhiệt độ của camera phía trước trở nên rất cao.
	Nếu camera phía trước bị lạnh, như trường hợp xe được đỗ ở nơi cực lạnh, hãy sử dụng điều hòa không khí để tăng nhiệt độ xung quanh camera phía trước.
Khu vực phía trước của camera phía trước bị che khuất, như khi nắp capô đang để mở hoặc gắn miếng dán lên kính chắn gió ở phía trước của camera trước.	Hãy đóng nắp capô, bóc miếng dán,... để không bị che khuất.
Nếu thông điệp “Hệ thống PCS không khả dụng” được hiển thị.	Kiểm tra xem có vật thể lạ dính vào cảm biến ra đa và nắp che cảm biến không, nếu có hãy làm sạch chúng.

l Trong các trường hợp sau, nếu điều kiện hoạt động đã thay đổi (hoặc xe đã chạy được một lúc) và hệ thống đã xác định được điều kiện hoạt động bình thường, thì cảnh báo sẽ biến mất và hệ thống sẽ trở lại hoạt động bình thường.

Nếu cảnh báo không biến mất, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

- Khi nhiệt độ xung quanh cảm biến ra-đa nằm ngoài phạm vi hoạt động, như xe ở dưới trời nắng hoặc khi ở môi trường cực lạnh

- Khi camera phía trước không thể phát hiện được các vật ở phía trước xe, như khi lái xe trong trời tối, có tuyết hoặc sương mù, hoặc ánh sáng quá chói chiếu vào camera phía trước
- Tùy vào các điều kiện ở xung quanh xe, ra đa có thể đánh giá rằng không thể nhận biết được chính xác môi trường xung quanh. Trong trường hợp đó, sẽ hiển thị thông báo “Hệ thống PCS không khả dụng”.

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)*

*: Nếu có

Hệ thống cảnh báo tiền va chạm sử dụng cảm biến ra-đa và camera phía trước để phát hiện các vật thể (→P.181) ở phía trước xe bạn. Khi hệ thống xác định rằng khả năng va chạm từ phía trước với vật thể là cao, một cảnh báo sẽ hoạt động để báo cho người lái xe đưa ra thao tác kịp thời và áp suất phanh được tăng lên để giúp người lái tránh được va chạm. Nếu hệ thống xác định rằng khả năng va chạm từ phía trước với vật thể là rất cao, các phanh sẽ tự động được nhấn để giúp tránh va chạm hoặc giảm lực tác động va chạm.

Có thể bật/tắt hệ thống cảnh báo tiền va chạm và có thể thay đổi thời điểm cảnh báo. (→P.183)

Vật có thể phát hiện

▶ Vùng A

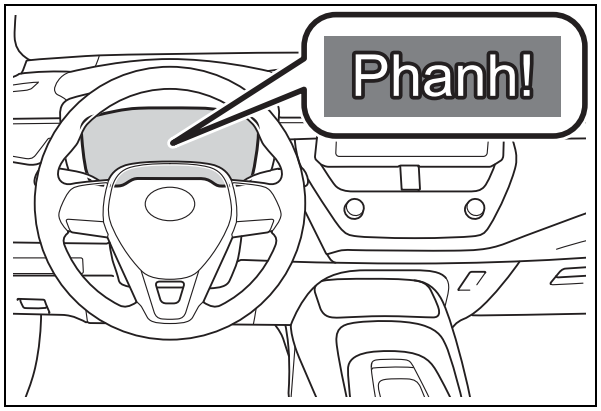
Vật có thể phát hiện	Các nước/thị trường
Các xe	Việt Nam, Campuchia, Lào, Myanmar, Indonesia, Philippine

Các quốc gia và thị trường của từng khu vực được liệt kê trong bảng dưới đây là tính đến tháng 6 năm 2023. Tuy nhiên, tùy vào thị trường, khu vực bán xe có thể trang bị khác nhau. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.

Các chức năng của hệ thống

n **Cảnh báo tiền va chạm**

Khi hệ thống xác định rằng khả năng va chạm từ phía trước là cao, thì chuông báo sẽ kêu và một cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin để cảnh báo người lái có thao tác xử lý phù hợp.



n **Hệ thống hỗ trợ phanh tiền va chạm**

Khi hệ thống xác định rằng khả năng va chạm từ phía trước là cao, thì hệ thống sẽ tạo ra lực phanh lớn hơn tỷ lệ với lực đạp phanh của người lái.

n **Phanh tiền va chạm**

Khi hệ thống xác định khả năng

va chạm từ phía trước là rất cao, phanh sẽ tự động được gài để tránh va chạm hoặc giảm tác động của va chạm.

⚠ CẢNH BÁO

n **Hạn chế của hệ thống cảnh báo tiền va chạm**

l Người lái chịu trách nhiệm lái xe an toàn. Luôn lái xe an toàn, hãy chú ý quan sát xung quanh.
Không được sử dụng hệ thống cảnh báo tiền va chạm mà sao nhãng hoạt động phanh dưới bất kỳ tình huống nào. Hệ thống này sẽ không tránh được va chạm hoặc giảm hư hỏng hoặc chấn thương trong mọi tình huống. Không được quá tin tưởng vào hệ thống này. Nếu không có thể gây ra tai nạn dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Mặc dù hệ thống này được thiết kế để tránh và giảm thiểu mức độ va chạm, hiệu quả sử dụng có thể khác nhau tùy vào các điều kiện khác nhau, do đó hệ thống có thể không đạt được mức hiệu quả giống nhau.
Hãy đọc kỹ các điều kiện sau. Không được quá phụ thuộc vào hệ thống và luôn lái xe một cách cẩn thận.

- Những tình huống có thể làm kích hoạt hệ thống mặc dù không có nguy cơ bị va chạm: →P.185
- Những điều kiện có thể làm hệ thống làm việc không chính xác:→P.186

l Không tự ý kiểm tra hoạt động của hệ thống cảnh báo tiền va chạm.
Tùy vào vật được dùng để thử (người nộm, thùng cát tông,…), hệ thống có thể sẽ không hoạt động chính xác và dẫn đến tai nạn.

n **Phanh tiền va chạm**

l Khi chức năng phanh tiền va chạm đang hoạt động, một lực phanh lớn sẽ được áp dụng.

l Nếu xe bị dừng bằng hoạt động của chức năng phanh tiền va chạm, thì hoạt động này sẽ bị hủy sau thời gian xấp xỉ 2 giây. Hãy đạp chắc bàn phanh khi cần.

l Chức năng phanh tiền va chạm có thể không hoạt động được nếu người lái thực hiện các hoạt động nhất định. Nếu đạp mạnh bàn đạp ga hoặc xoay vô lăng, hệ thống có thể xác định rằng người lái đang có thao tác kịp thời và có thể ngăn chức năng phanh tiền va chạm khỏi hoạt động.

l Trong một vài tình huống, nếu chức năng phanh tiền va chạm đang hoạt động, hoạt động của chức năng có thể bị hủy nếu đạp mạnh bàn đạp ga hoặc xoay vô lăng và hệ thống xác định người lái đang có thao tác kịp thời.

l Nếu bàn đạp phanh đang được nhấn, hệ thống có thể xác định rằng người lái đang có thao tác kịp thời và có thể làm trễ thời điểm hoạt động của chức năng phanh tiền va chạm.

n **Khi vô hiệu hóa hệ thống cảnh báo tiền va chạm**

Trong những tình huống sau, hãy vô hiệu hóa hệ thống, vì nó có thể hoạt động không chính xác, các hiện tượng sau có thể xảy ra và gây nên tai nạn dẫn đến bị thương nặng hay tử vong:

l Khi xe đang được kéo

l Khi xe đang kéo một xe khác

l Khi vận chuyển xe trên xe tải, thuyền, tàu hỏa hoặc các phương tiện vận tải khác

- Khi xe được nâng trên cầu nâng với động cơ đang nổ máy và các bánh xe có thể quay tự do
- Khi kiểm tra xe bằng bệ thử phanh như bệ thử động lực học gầm xe hoặc máy đo tốc độ, hoặc khi sử dụng thiết bị kiểm tra cân bằng bánh xe gắn trên xe
- Khi cản trước hoặc lưới tản nhiệt phía trước bị va chạm mạnh do tai nạn hoặc một lý do nào khác
- Khi xe không thể chạy một cách ổn định được, như khi xe bị tai nạn hoặc bị trục trặc
- Khi chạy xe ở chế độ thể thao hoặc trên địa hình phức tạp
- Khi áp suất lốp không phù hợp
- Khi lốp xe bị mòn
- Khi lắp các lốp xe có kích thước khác với tiêu chuẩn
- Khi lắp thêm xích quấn lốp
- Khi sử dụng lốp dự phòng loại gọn hoặc sử dụng bộ vá lốp khẩn cấp
- Nếu thiết bị (cào tuyết, v.v…) có thể gây cản trở cho cảm biến ra-đa hoặc camera phía trước được lắp tạm vào xe

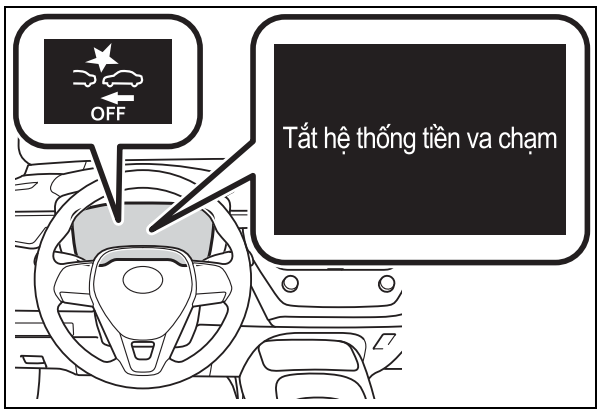
Thay đổi cài đặt của hệ thống cảnh báo tiền va chạm

n Kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống cảnh báo tiền va chạm

Có thể bật/tắt hệ thống cảnh báo tiền va chạm trên (màn hình 7-inch) hoặc (màn hình 12.3-inch) (→P.393) của màn hình đa thông tin.

Hệ thống sẽ tự động kích hoạt mỗi lần bật ON công tắc động cơ.

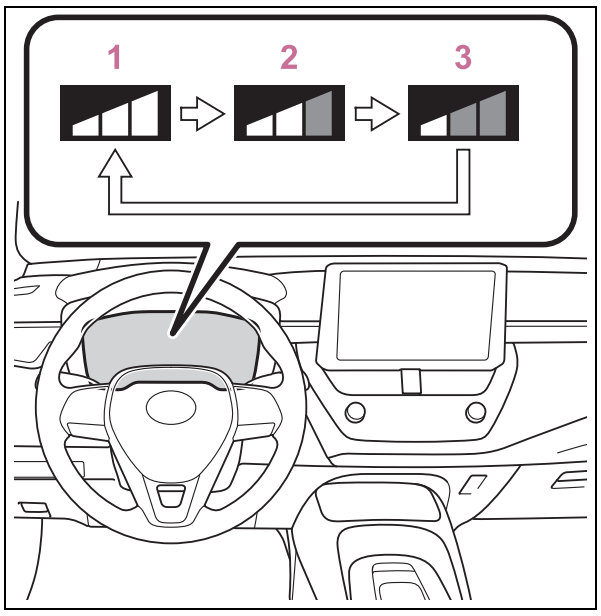
Nếu hệ thống đã được tắt, đèn cảnh báo hệ thống PCS sẽ sáng lên và thông điệp cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin.



n Thay đổi thời điểm cảnh báo va chạm

Có thể thay đổi hệ thống cảnh báo tiền va chạm trên (màn hình 7-inch) hoặc (màn hình 12.3-inch) (→P.393) của màn hình đa thông tin.

Việc cài đặt thời điểm cảnh báo được duy trì khi công tắc động cơ được tắt. Tuy nhiên, hệ thống cảnh báo tiền va chạm sẽ bị vô hiệu hóa và sau đó được kích hoạt lại, thời điểm hoạt động sẽ trở về cài đặt mặc định (trung gian).



1 Sớm
2 Trung bình
Đây là cài đặt mặc định.
3 Muộn

n Các điều kiện hoạt động

Hệ thống cảnh báo tiền va chạm đang bật và hệ thống xác định rằng nguy cơ xảy ra va chạm phía trước với vật thể được phát hiện là cao.
Mỗi chức năng hoạt động ở từng tốc độ sau

l Cảnh báo tiền va chạm

Vật có thể phát hiện	Tốc độ xe	Tốc độ tương đối giữa xe và vật thể
Các xe	Xấp xỉ 10 đến 180 km/h	Xấp xỉ 10 đến 180 km/h

l Hệ thống hỗ trợ phanh tiền va chạm

Vật có thể phát hiện	Tốc độ xe	Tốc độ tương đối giữa xe và vật thể
Các xe	Xấp xỉ 30 đến 180 km/h	Xấp xỉ 30 đến 180 km/h

l Phanh tiền va chạm

Vật có thể phát hiện	Tốc độ xe	Tốc độ tương đối giữa xe và vật thể
Các xe	Xấp xỉ 10 đến 180 km/h	Xấp xỉ 10 đến 180 km/h

Hệ thống có thể sẽ không hoạt động trong những tình huống sau:

l Khi ngắt kết nối điện cực của ắc quy sau đó nối lại và xe không được lái trong một khoảng thời gian nhất định

l Khi cần số đang ở vị trí R

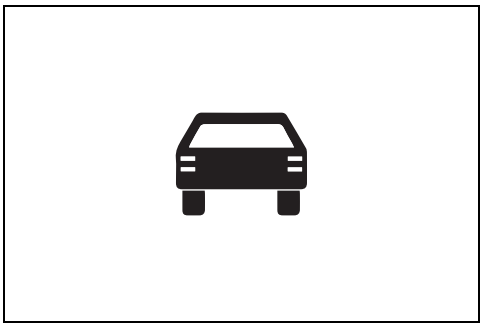
l Khi đèn chỉ báo OFF hệ thống VSC sáng lên (chỉ có chức năng cảnh báo tiền va chạm hoạt động)

n Chức năng phát hiện vật thể

Hệ thống sẽ phát hiện vật thể dựa vào kích cỡ, hình dạng và chuyển động. Tuy nhiên, hệ thống có thể sẽ

không phát hiện được vật thể do cường độ sáng của khu vực xung quanh và chuyển động, tư thế và góc nghiêng của vật thể, làm cho hệ thống hoạt động không chính xác. (→P.186)

▶ Vùng A



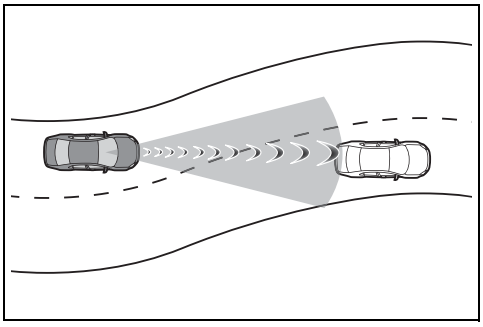
n Hủy phanh tiền va chạm

Nếu một trong những điều sau đây xảy ra khi chức năng phanh tiền va chạm đang hoạt động, nó sẽ bị hủy:

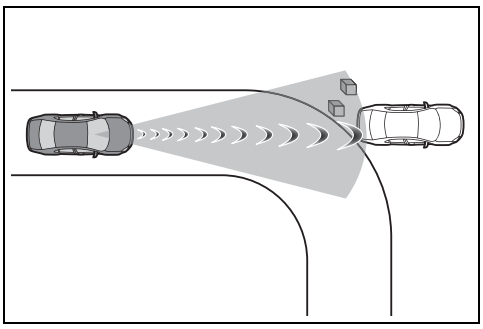
- Khi đạp mạnh bàn đạp ga.
- Khi đánh lái gấp và đột ngột.

n Những tình huống có thể làm kích hoạt hệ thống mặc dù không có nguy cơ bị va chạm

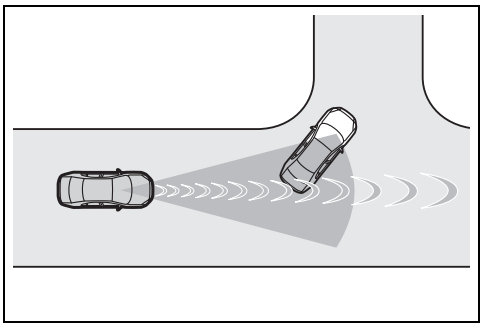
- Trong một số trường hợp sau, hệ thống có thể sẽ xác định rằng có khả năng xảy ra va chạm từ phía trước xe và kích hoạt.
- Khi vượt qua một vật thể,…
- Khi chuyển làn trong khi đang vượt qua một vật thể được phát hiện, vv…
- Khi đến gần một vật thể ở làn bên cạnh hoặc trên lề đường, như khi thay đổi hướng đi hoặc lái xe trên đường quanh co



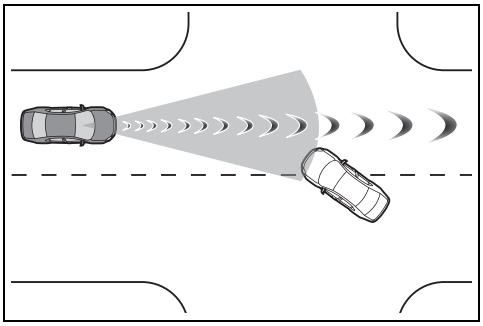
- Khi tiến gần một vật thể quá nhanh…
- Khi tiến lại gần các vật thể ở bên đường, như dải phân cách, các cột chỉ báo, cây hoặc bức tường
- Khi có vật thể nằm trên lề đường, ngay chỗ khúc cua



- Khi có hình vẽ hoặc vệt sơn ở phía trước xe bạn có thể khiến hệ thống phán đoán nhầm là vật thể có thể phát hiện.
- Khi xe phía trước bắn nước, tuyết, bùn… lên xe của bạn
- Khi vượt qua vật được phát hiện mà vật thể đó đang chuyển làn hoặc rẽ phải/rẽ trái

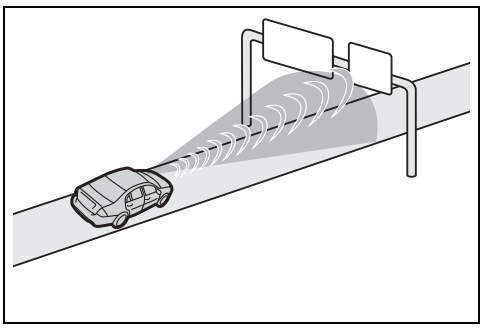


- Khi vượt qua một vật thể được phát hiện ở làn đường sắp tới đang dừng để chuẩn bị rẽ phải/trái

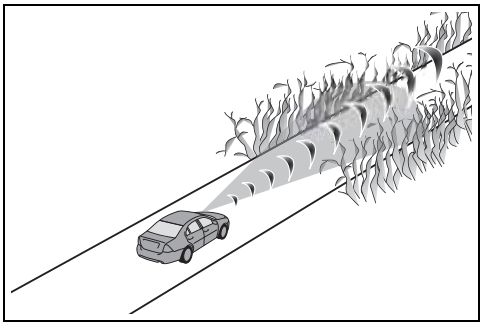


- Khi một vật thể được phát hiện đang tiến rất gần và dừng trước khi vào phần đường của xe bạn
- Khi phía trước của xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống, như khi lái xe trên đường có bề mặt nhấp nhô hoặc không bằng phẳng

- Khi lái xe trên đường bị che chắn, như khi đi qua hầm hoặc cầu sắt
- Khi có vật bằng kim loại (như nắp cống, tấm thép…), các bậc, hoặc các vật thể nhô lên ở phía trước xe bạn
- Khi lái xe phía dưới một vật thể (biển báo, biển quảng cáo…)



- Khi liên tục lại gần thanh chắn trạm thu phí điều khiển điện, thanh chắn khu vực đỗ xe, hoặc các thanh chắn khác có thể mở ra và đóng lại
- Khi rửa xe trong trạm rửa xe tự động
- Khi lái xe qua hoặc phía dưới các vật có thể chạm vào xe, như đám cỏ dày, các cành cây hoặc các băng rôn

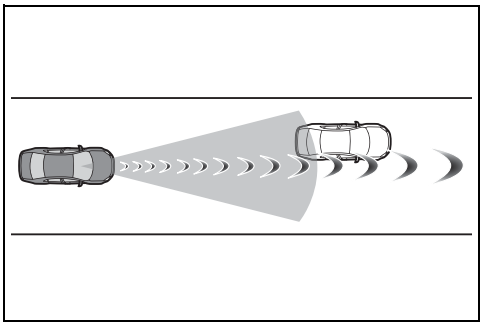


- Khi lái xe xuyên qua đám hơi nước hoặc khói
- Khi lái xe gần các vật có thể phản xạ sóng radiô, như xe tải lớn hoặc hàng rào chắn
- Khi lái xe gần trạm phát sóng vô tuyến, trạm phát sóng ra điô, trạm điện hoặc các vị trí khác có phát ra sóng radiô mạnh hoặc nhiễu điện

n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

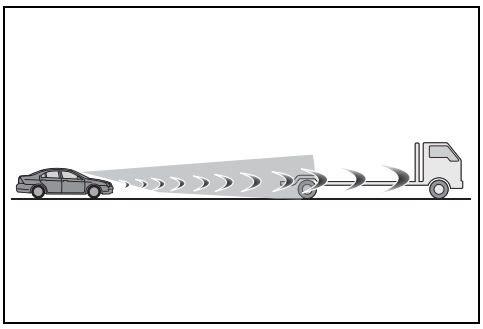
l Trong một vài trường hợp sau, cảm biến ra-đa và camera phía trước có thể không phát hiện được vật thể, làm cho hệ thống hoạt động không chính xác:

- Khi vật thể được phát hiện đang tiến gần đến xe bạn
- Khi xe bạn hoặc vật thể được phát hiện đang lắc
- Khi vật thể chuyển động đột ngột (như vào cua gấp, tăng hoặc giảm tốc)
- Khi xe bạn tiến nhanh đến vật thể có thể phát hiện
- Khi vật thể không thẳng hướng với xe bạn

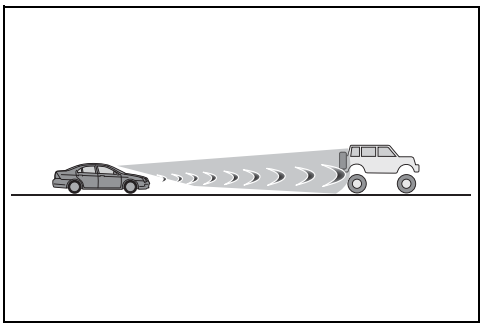


- Khi vật thể ở gần bức tường, hàng rào, dải phân cách, nắp cống, xe, tấm thép trên đường,…
- Khi vật thể ở phía dưới công trường xây dựng
- Khi một phần của vật thể bị che khuất một phần bởi vật thể như hành lý cỡ lớn, ô hoặc dải phân cách
- Khi có nhiều vật thể ở gần nhau
- Khi mặt trời hoặc các nguồn sáng khác chiếu trực tiếp lên vật thể
- Khi vật thể có hình màu trắng và nhìn trắng sáng
- Khi vật thể có màu gần giống hoặc độ sáng giống với môi trường xung quanh
- Khi vật thể đi ngang qua hoặc bất ngờ xuất hiện ở phía trước của xe bạn
- Khi xe phía trước bắn nước, tuyết, bùn… lên xe của bạn
- Khi có ánh sáng mạnh phía trước, như mặt trời hoặc ánh sáng đèn pha của xe khác chiếu trực tiếp vào camera phía trước
- Khi đến gần phía hông xe hoặc phía trước của xe phía trước
- Khi xe phía trước là xe đạp hoặc xe máy
- Nếu đầu xe là hẹp, như là xe di

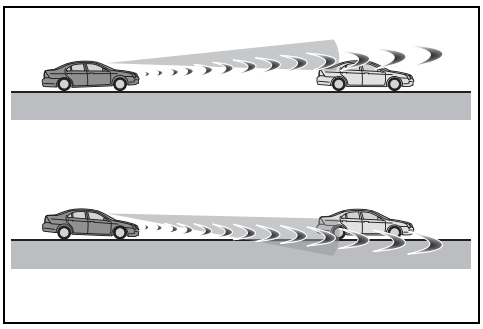
động cá nhân
- Khi xe phía trước có đuôi nhỏ, như xe tải không chất hàng
- Khi xe phía trước có đuôi thấp, như xe kéo sàn phẳng loại thấp



- Khi xe phía trước có khoảng sáng gầm xe quá lớn



- Khi xe phía trước chở theo hàng nhô ra khỏi cản sau của xe
- Khi xe phía trước có hình dạng bất thường, như xe kéo hoặc xe ba bánh
- Khi lái xe trong điều kiện khắc nghiệt như mưa lớn, sương mù, tuyết hoặc bão cát
- Khi lái xe xuyên qua đám hơi nước hoặc khói
- Khi khu vực xung quanh tối, như khi hoàng hôn hoặc bình minh, hay vào ban đêm hoặc trong đường hầm, làm cho xe, vật thể có thể phát hiện xuất hiện gần giống với màu xung quanh
- Khi lái xe ở những khu vực có độ sáng môi trường thay đổi nhanh, như khi vào hoặc ra khỏi đường hầm
- Sau khi khởi động động cơ, xe không được lái sau một khoảng thời gian nhất định
- Trong khi rẽ trái/phải và trong vài giây sau khi rẽ trái/phải
- Khi lái xe trên một khúc cua hoặc trong vài giây sau khi lái xe trên khúc cua
- Khi xe đang bị trượt
- Khi phần phía trước của xe được nâng lên hoặc hạ xuống



- Khi bánh xe bị lệch
- Khi lưỡi gạt nước che khuất camera phía trước
- Khi lái xe ở tốc độ rất cao
- Khi lái xe trên đồi dốc
- Khi cảm biến ra-đa hoặc camera phía trước bị lệch

l Trong một số tình huống sau, lực phanh có thể sẽ không đủ dẫn đến hệ thống hoạt động không chính xác:
- Khi chức năng phanh không thể hoạt động hiệu quả, như khi hệ thống phanh bị quá lạnh, quá nóng hoặc bị ướt
- Khi xe không được bảo dưỡng đúng cách (các phanh hoặc lốp xe đã bị mòn quá mức, áp suất lốp không phù hợp…)
- Khi lái xe trên đường rải đá răm hoặc trên các bề mặt trơn trượt khác

n Nếu đã tắt hệ thống VSC

l Nếu hệ thống VSC bị vô hiệu hóa (→P.248), hỗ trợ phanh tiền va chạm và chức năng phanh tiền va chạm cũng bị vô hiệu hóa.

l Đèn cảnh báo PCS sẽ sáng lên và cảnh báo "VSC tắt Hệ thống Cảnh báo va chạm kg khả dụng" sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin.

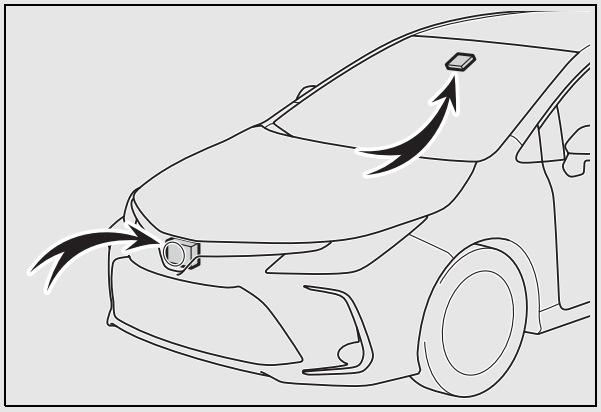
LTA (Hỗ trợ bám làn đường)*

*: Nếu có

Khi lái xe trên đường có vạch kẻ làn đường màu trắng (màu vàng), hệ thống LTA sẽ cảnh báo cho người lái khi xe có thể bị lệch ra khỏi làn đường hiện tại* và đồng thời có thể vận hành vô lăng để giúp giữ xe khỏi bị lệch khỏi làn đường*. Ngoài ra, hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa (→P.205), hệ thống này sẽ điều khiển vô lăng để duy trì vị trí làn đường của xe.

Hệ thống LTA sẽ nhận biết các vạch kẻ làn đường màu trắng (màu vàng)* bằng camera phía trước. Hơn nữa, nó sẽ phát hiện các xe phía trước bằng camera và ra đa phía trước.

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…



⚠ CẢNH BÁO

n **Trước khi sử dụng hệ thống LTA**

- Không được quá phụ thuộc vào hệ thống LTA. LTA không phải là hệ thống tự động lái xe hoặc hệ thống giúp giảm mức độ tập trung vào khu vực phía trước xe của xe. Người lái phải có trách nhiệm lái xe an toàn bằng cách luôn chú ý đến các điều kiện xung quanh và điều khiển vô lăng để điều chỉnh đúng đường đi. Ngoài ra, hãy nghỉ ngơi khi mệt mỏi, như sau khi lái xe trong một thời gian dài.
- Nếu không tập trung khi lái xe và thao tác lái xe không chính xác có thể dẫn đến tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.
- Khi không sử dụng hệ thống LTA, hãy tắt hệ thống này bằng công tắc LTA.

n **Những trường hợp không phù hợp sử dụng hệ thống LTA**

Trong các trường hợp sau, hãy tắt hệ thống này bằng công tắc LTA. Nếu không, có thể dẫn đến tai nạn, và dẫn đến bị tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Khi lái xe trên đường trơn trượt do trời mưa, tuyết rơi, đóng băng…
- Khi lái xe trên đường phủ tuyết.
- Khi khó nhận biết các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng) do trời mưa, tuyết, sương mù, cát, bụi…
- Khi lái xe trên làn đường tạm hoặc làn đường hạn chế xe do vướng công trình xây dựng.
- Khi lái xe trên khu vực công trường.
- Khi lắp lốp dự phòng, xích quấn lốp…

⚠ CẢNH BÁO

- Khi lốp bị mòn quá nhiều hoặc khi áp suất lốp thấp.
- Trong khi kéo xe khẩn cấp.

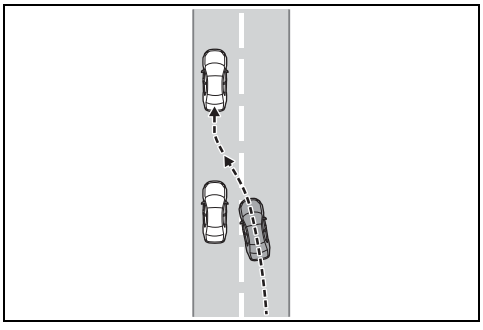
Để tránh làm cho hệ thống LTA bị lỗi hoặc kích hoạt nhầm hệ thống

- Không chỉnh sửa đèn pha hoặc gắn các miếng dán… lên bề mặt của đèn.
- Không chỉnh sửa hệ thống treo… Nếu cần thay thế hệ thống treo, hãy liên hệ với đại lý Toyota.
- Không được lắp hoặc đặt bất cứ vật gì lên nắp capô và lưới tản nhiệt . Đồng thời không được lắp thanh bảo vệ lưới tản nhiệt (thanh cản bò, thanh cản chuột túi...)
- Nếu cần sửa kính chắn gió, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

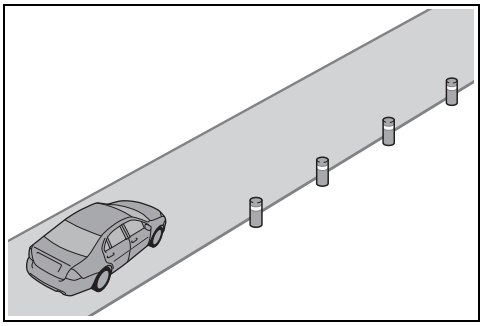
Những điều kiện có thể làm cho hệ thống hoạt động không chính xác

Trong các tình huống sau, các chức năng không thể hoạt động chính xác và xe có thể lệch khỏi làn đường. Hãy lái xe an toàn bằng cách chú ý xung quanh xe và điều khiển vô lăng để lái xe, không được quá tin tưởng vào các chức năng.

- Khi màn hình bám sau xe khác được hiển thị (→P.193) và xe phía trước chuyển làn. (Xe bạn có thể di chuyển theo xe phía trước và cũng sẽ chuyển làn.)

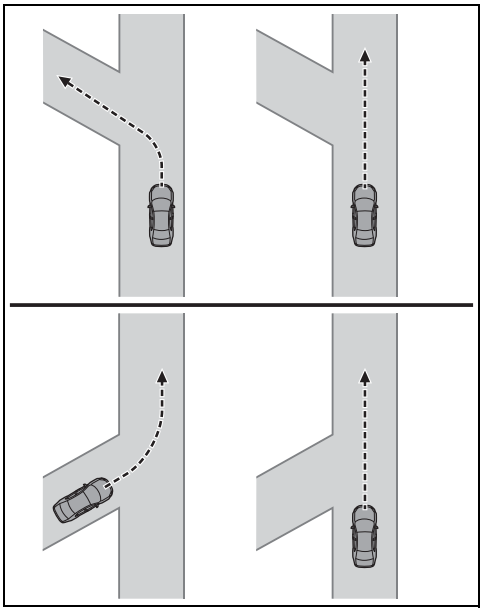


- Khi màn hình bám sau xe khác được hiển thị (→P.193) và xe phía trước đang lắc. (Xe bạn có thể lắc theo xe phía trước và rời khỏi làn.)
- Khi màn hình bám sau xe khác được hiển thị (→P.193) và xe phía trước rời khỏi làn của nó. (Xe bạn có thể di chuyển theo xe phía trước và cũng sẽ rời khỏi làn.)
- Khi màn hình bám sau xe khác được hiển thị (→P.193) và xe phía trước đang được lái quá gần với vạch làn đường bên trái/phải. (Xe bạn có thể di chuyển theo xe phía trước và cũng sẽ rời khỏi làn.)
- Xe đang được lái quanh khúc cua gấp.
- Khi trên lề đường có các vật hoặc hình ảnh có thể gây nhầm lẫn với các vạch chỉ làn đường màu trắng (màu vàng) (dải phân cách, vỉa hè, các cột phản quang…)

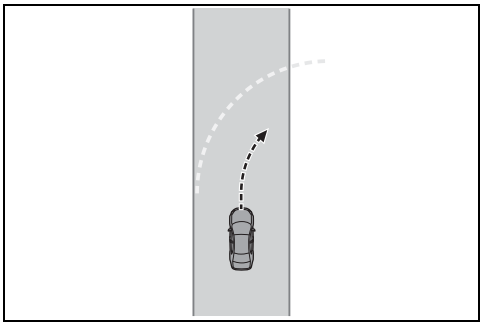


⚠ CẢNH BÁO

- Xe đang được lái ở đường ngập nước, giao lộ,…



- Khi đường đang sửa có các vệt nhựa đường, các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng)…



- Khi có bóng râm trên đường chạy song song hoặc che khuất các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng).
- Khi lái xe trên đường không có các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng), như phía trước của thanh chắn hoặc trạm soát vé, hoặc giao lộ…
- Khi các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng) là nét đứt, có đinh phản quang hoặc có đá trên đường.
- Khi không thể hoặc khó quan sát các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng) do cát, bụi…
- Khi lái xe trên đường phẳng và ướt do mưa, đọng nước ….
- Khi các vạch chỉ làn đường có màu vàng (khó nhận biết hơn vạch chỉ làn đường màu trắng).
- Khi vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng) kẻ qua các gờ, bậc…
- Khi lái xe trên bề mặt đường bị chói, ví dụ như đường bằng bê tông.
- Nếu mép đường không rõ ràng hoặc không thẳng.
- Khi lái xe trên bề mặt chói do ánh sáng phản xạ…
- Khi lái xe ở khu vực mà ánh sáng bị thay đổi đột ngột, như khi vào hoặc ra khỏi đường hầm…
- Khi có ánh sáng từ đèn pha của các xe chạy phía trước, mặt trời… chiếu vào camera.
- Khi lái xe trên đường dốc.
- Khi lái xe trên đường bị nghiêng về phía bên phải hoặc bên trái, hoặc trên đường quanh co.
- Khi lái xe trên đường không bằng phẳng hoặc đường xấu.
- Khi làn đường rất hẹp hoặc rất rộng.
- Khi xe bị nghiêng nhiều do tải nặng hoặc áp suất lốp không chính xác.
- Khi khoảng cách với xe phía trước quá ngắn.
- Khi xe bị dịch chuyển lên xuống quá nhiều do điều kiện đường sá trong khi lái xe (đường xấu hoặc mấp mô).

⚠ CẢNH BÁO

- Khi lái xe trong đường hầm hoặc trong trời tối mà không bật đèn pha hoặc khi đèn pha bị mờ do kính đèn bị bám bẩn hoặc bị lệch.
- Khi gió tạt mạnh vào xe.
- Xe bị ảnh hưởng bởi gió tạt từ xe đang chạy ở làn bên cạnh.
- Khi xe vừa mới chuyển làn hoặc băng qua giao lộ.
- Khi sử dụng lốp khác loại, khác nhà sản xuất, nhãn hiệu hoặc kiểu hoa lốp.
- Khi lắp các lốp xe có kích thước khác với tiêu chuẩn.
- Khi xe được trang bị lốp đi tuyết…
- Khi lái xe ở tốc độ rất cao.

Các chức năng trong hệ thống LTA

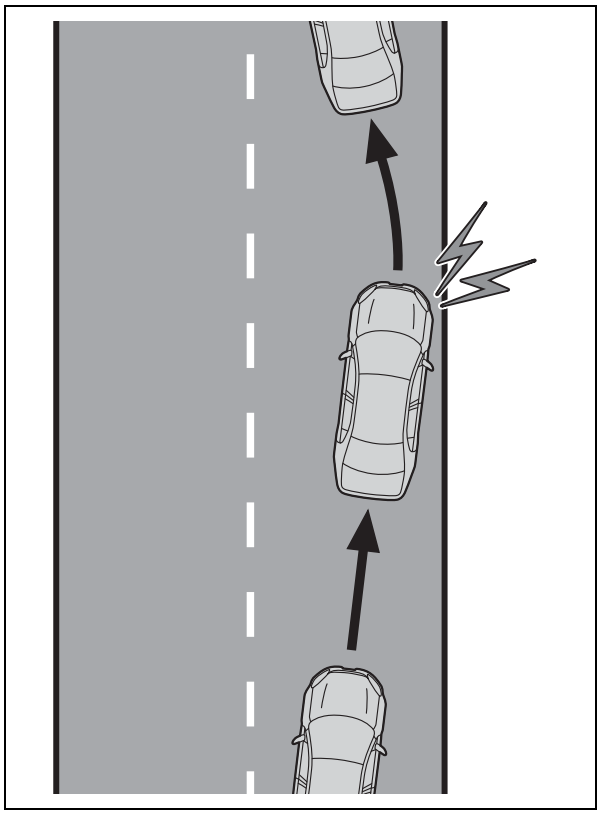
n Chức năng cảnh báo chạy lệch làn đường

Khi hệ thống xác định rằng xe có thể bị lệch ra khỏi làn đường hoặc hành trình của nó*, một thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin, và chuông báo sẽ kêu để cảnh báo cho người lái.

Khi chuông báo kêu, hãy kiểm tra tình trạng đường xung quanh xe và điều khiển vô lăng thật cẩn thận để đưa xe trở lại vị trí giữa làn.

Xe có BSM: Khi hệ thống xác định rằng xe có thể bị lệch ra khỏi làn đường và nguy cơ va chạm với xe đang vượt ở làn bên cạnh là cao, cảnh báo đi lệch làn đang hoạt động nếu đèn xi nhan đang bật.

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…



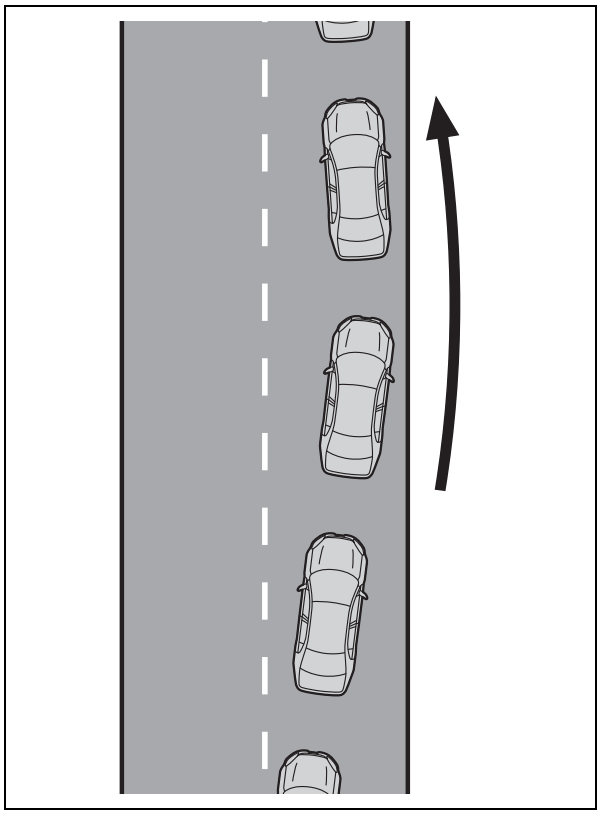
n Chức năng hỗ trợ lái

Khi hệ thống xác định rằng xe có thể bị lệch ra khỏi làn đường*, hệ thống sẽ hỗ trợ bằng cách điều khiển vô lăng trong một thời gian ngắn để giữ xe nằm trong làn đường.

Nếu hệ thống phát hiện rằng người lái không điều khiển vô lăng trong một thời gian nhất định hoặc vô lăng không được nắm chắc, một cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chức năng này sẽ tạm thời bị hủy.

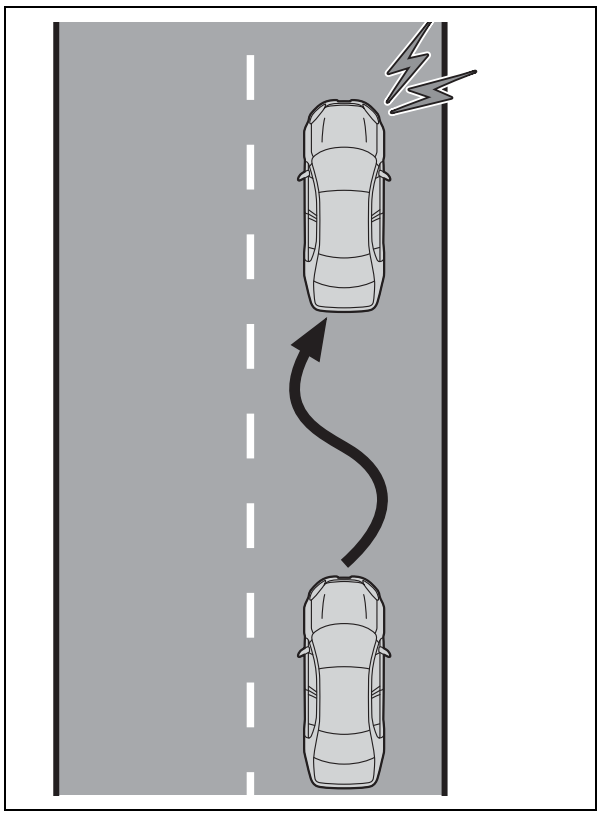
Xe có BSM: Khi hệ thống xác định rằng xe có thể bị lệch ra khỏi làn đường và nguy cơ va chạm với xe đang vượt ở làn bên cạnh là cao, chức năng hỗ trợ lái sẽ hoạt động kể cả khi đèn xi nhan đang hoạt động.

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…



n Chức năng cảnh báo lắc xe

Khi xe bị lắc khi đi trong làn, chuông cảnh báo sẽ kêu và một thông điệp báo sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin để cảnh báo cho người lái.



n Chức năng định tâm làn đường

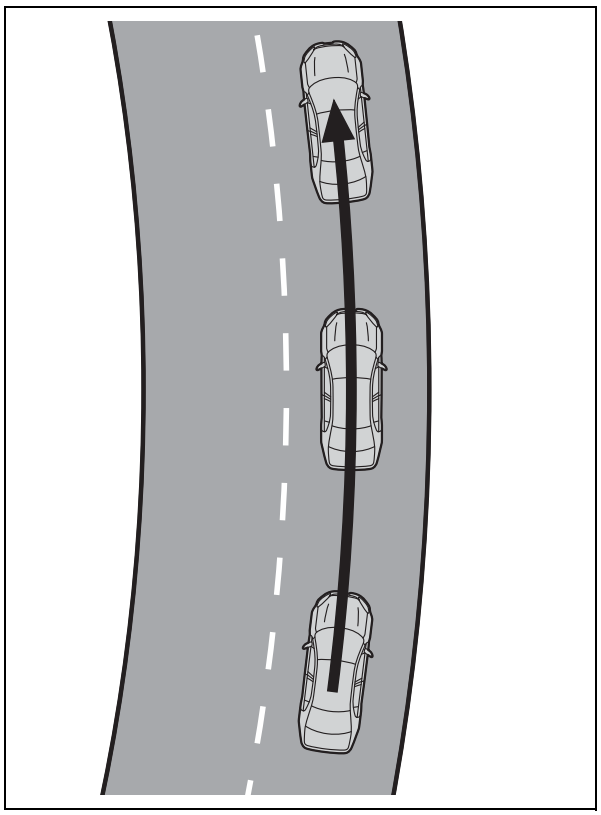
Chức năng này được liên kết với hệ thống chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa và nó sẽ hỗ trợ lái xe bằng cách điều khiển vô lăng để giữ cho xe chạy đúng làn đường hiện tại.

Khi hệ thống chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa không hoạt động, chức năng định tâm làn đường không hoạt động.

Trong trường hợp các vạch làn đường màu trắng (màu vàng) khó quan sát hoặc không nhìn thấy, như khi bị tắc đường, chức năng này sẽ hoạt động để giúp bám xe phía trước bằng cách giám sát vị trí của xe phía trước.

Nếu hệ thống phát hiện rằng người lái không điều khiển vô lăng trong một thời gian nhất định hoặc vô lăng không được nắm chắc, một cảnh báo

sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chức năng này sẽ tạm thời bị hủy.



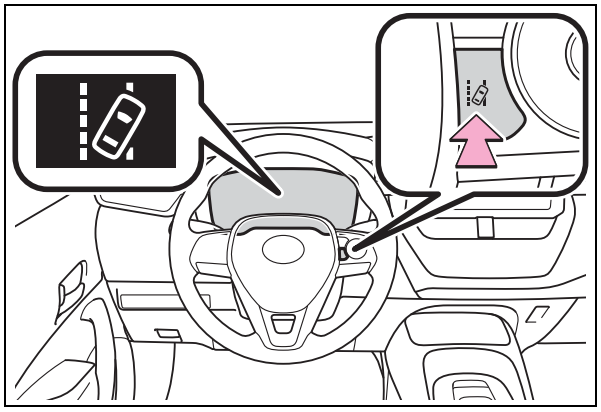
Bật hệ thống LTA

Hãy ấn công tắc LTA để bật hệ thống LTA.

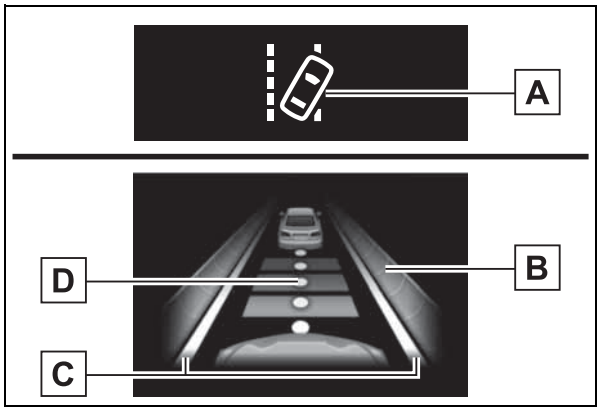
Đèn chỉ báo LTA sáng và thông điệp được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Ấn công tắc LTA lần nữa để tắt hệ thống LTA.

Khi hệ thống LTA được bật lên và tắt đi, hoạt động của hệ thống LTA sẽ tiếp tục trong tình trạng tương tự trong lần khởi động động cơ tiếp theo.



Chỉ báo trên màn hình đa thông tin



A Đèn chỉ báo LTA

Trạng thái sáng của đèn chỉ báo sẽ thông báo cho người lái về trạng thái hoạt động của hệ thống.

Đèn sáng màu trắng: Hệ thống LTA đang hoạt động.

Đèn sáng màu xanh lá cây: Sự trợ lái của chức năng hỗ trợ lái hoặc chức năng định tâm làn đường đang hoạt động.

Nháy màu cam: Chức năng cảnh báo lệch làn đang hoạt động.

B Hiển thị hoạt động hỗ trợ điều khiển vô lăng

Hiển thị khi màn hình đa thông tin chuyển sang màn hình thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe.

Chỉ ra rằng sự trợ lái của chức năng hỗ trợ lái và chức năng định tâm làn

đường đang hoạt động.

Hiển thị cả 2 bên của làn đường: Cho biết rằng hỗ trợ lái của chức năng định tâm làn đường đang hoạt động.

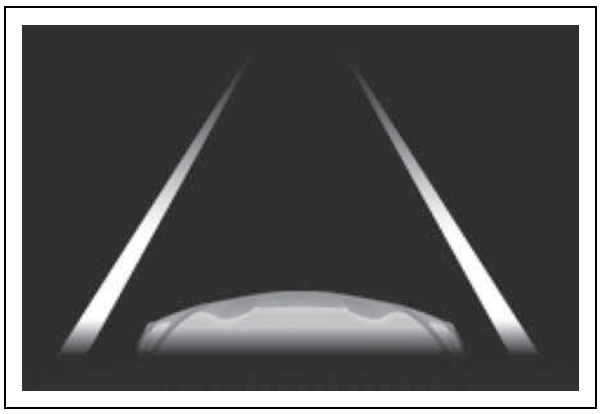
Một bên của làn đường: Cho biết rằng hỗ trợ lái của chức năng trợ lái đang hoạt động.

2 bên của làn đường đang nhấp nháy: Cảnh báo người lái cần phải đi đúng tâm làn (chức năng định tâm làn đường).

C Hiển thị chức năng cảnh báo chạy lệch làn đường

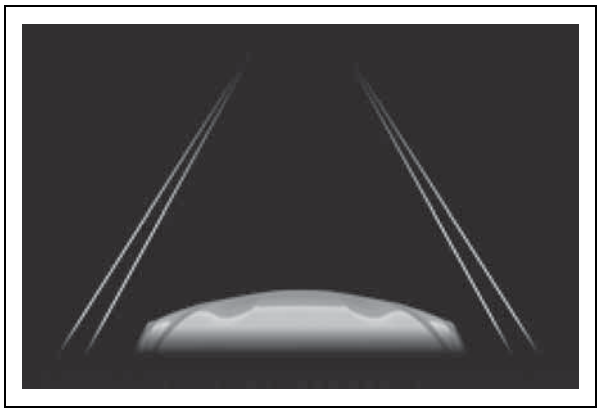
Hiển thị khi màn hình đa thông tin chuyển sang màn hình thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe.

▶ Phía trong của các vạch hiển thị là màu trắng



Cho biết rằng hệ thống đang phát hiện các vạch kẻ làn màu trắng (vàng)*. Khi xe lệch khỏi làn, vạch kẻ làn màu trắng được hiển thị bên phía xe lệch làn sẽ nháy với màu cam.

▶ Phía trong của các vạch hiển thị là màu đen



Chỉ báo rằng hệ thống không thể nhận biết các vạch kẻ làn đường màu trắng (vàng)* hoặc chức năng này đang tạm thời bị hủy.

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…

D Màn hình bám sau xe khác

Hiển thị khi màn hình đa thông tin chuyển sang màn hình thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe.

Chỉ ra rằng sự trợ lái của chức năng định tâm làn đường đang hoạt động bằng cách giám sát vị trí của xe phía trước.

Khi màn hình bám sau xe khác được hiển thị, nếu xe phía trước di chuyển, xe bạn có thể di chuyển theo. Luôn chú ý xung quanh xe bạn và vận hành vô lăng khi cần để đi đúng làn và đảm bảo an toàn.

n Điều kiện hoạt động của chức năng

l Chức năng cảnh báo chạy lệch làn đường

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây.

- LTA đang bật.
- Tốc độ xe khoảng 50 km/h trở lên.*1
- Hệ thống nhận ra các vạch làn màu

trắng (màu vàng) hoặc hướng đi*2. (Khi xác định được vạch màu trắng [màu vàng] hoặc hướng đi*2 chỉ ở một bên, hệ thống hoạt động chỉ cho một bên được nhận ra.)
- Chiều rộng của làn đường từ 3 m trở lên.
- Không vận hành công tắc xi nhan. (Xe có BSM: Trừ khi xe khác ở trong làn đường ở phía tín hiệu đèn xi nhan đang hoạt động)
- Xe không đi quanh một khúc cua gấp.
- Hệ thống không bị lỗi. (→P.197)

*1: Chức năng này hoạt động kể cả khi tốc độ xe nhỏ hơn xấp xỉ 50 km/h khi chức năng định tâm làn đường đang hoạt động.

*2: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…

l Chức năng hỗ trợ lái

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện hoạt động của chức năng cảnh báo lệch làn đường.

- Cài đặt "Hỗ trợ lái" trên  (màn hình 7-inch) hoặc  (màn hình 12.3-inch) của màn hình đa thông tin đến "ON". (→P.387)
- Không tăng tốc hoặc giảm tốc xe trong một khoảng thời gian nhất định trở lên.
- Không xoay vô lăng với lực đủ để chuyển làn đường.
- Hệ thống ABS, VSC, TRC và PCS không hoạt động.
- TRC hoặc VSC không được tắt.
- Cảnh báo người lái không cầm vô lăng không hiển thị. (→P.196)

l Chức năng cảnh báo lắc xe

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây.

- Cài đặt "C.báo lắc xe" trên  (màn hình 7-inch) hoặc  (màn hình 12.3-inch) của màn hình đa thông tin đến "ON". (→P.387)
- Tốc độ xe đạt từ 50 km/h trở lên.
- Chiều rộng của làn đường từ 3 m trở lên.
- Hệ thống không bị lỗi. (→P.197)

l Chức năng định tâm làn đường

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây.

- LTA đang bật.
- Cài đặt "Hỗ trợ lái" và "Giữa làn" trên  (màn hình 7-inch) hoặc  (màn hình 12.3-inch) của màn hình đa thông tin đến "ON". (→P.387)
- Chức năng này nhận ra vạch của làn xe màu trắng (màu vàng) hoặc vị trí của xe phía trước (trừ khi xe phía trước quá nhỏ, như xe máy).
- Khi lái xe với chức năng điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa ở chế độ điều khiển khoảng cách với xe phía trước.
- Chiều rộng của làn giao thông từ 3 đến 4 m
- Không bật công tắc xi nhan.
- Xe không đi quanh một khúc cua gấp.
- Hệ thống không bị lỗi. (→P.197)
- Không tăng tốc hoặc giảm tốc xe trong một khoảng thời gian nhất định.
- Không xoay vô lăng với lực đủ để chuyển làn đường.
- Hệ thống ABS, VSC, TRC và PCS không hoạt động.
- TRC hoặc VSC không được tắt.
- Cảnh báo người lái không cầm vô lăng không hiển thị. (→P.196)
- Lái xe ở giữa làn đường.
- Chức năng trợ lái không hoạt động.

n **Hủy bỏ tạm thời các chức năng**

l Khi các điều kiện hoạt động không còn được thỏa mãn, chức năng có thể sẽ tạm thời bị hủy. Tuy nhiên, khi các điều kiện hoạt động được khôi phục thì chức năng cũng sẽ tự động được khôi phục lại. (→P.194)

l Nếu các điều kiện hoạt động (→P.194) không thỏa mãn trong khi

chức năng định tâm làn đường đang hoạt động, chuông báo có thể kêu để chỉ ra rằng chức năng tạm thời bị hủy.

n Chức năng hỗ trợ lái/chức năng định tâm làn đường

- Tùy vào tốc độ xe, tình trạng lệch làn, điều kiện đường…, người lái có thể không cảm nhận được chức năng đang hoạt động hoặc chức năng có thể không hoạt động.
- Chức năng điều khiển lái bị lấn át bởi hoạt động điều khiển vô lăng của người lái.
- Không được thử hoạt động của chức năng hỗ trợ lái.

n Chức năng cảnh báo chạy lệch làn đường

- Chuông cảnh báo có thể rất khó để nghe do các tiếng ồn bên ngoài, âm thanh phát ra từ hệ thống âm thanh…
- Nếu mép đường* không rõ ràng hoặc không thẳng, chức năng cảnh báo lệch làn có thể không hoạt động.
- Xe có BSM: Hệ thống có thể không xác định được có nguy cơ va chạm với xe ở làn đường bên cạnh.
- Không được thử hoạt động của chức năng cảnh báo lệch làn.

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…

n Cảnh báo người lái không cầm vô lăng

Trong tình huống sau, một cảnh báo yêu cầu người lái nắm tay vào vô lăng và cùng với biểu tượng trên hình minh họa sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin để cảnh báo người lái. Cảnh báo này sẽ dừng khi hệ thống xác định người lái đã nắm tay vào vô lăng. Hãy luôn để tay trên vô lăng khi sử dụng hệ thống này, bất kể có cảnh báo hay không.



- Khi hệ thống xác định rằng người lái đang lái xe và không cầm tay vào vô lăng khi hệ thống đang hoạt động.

Nếu người lái tiếp tục thả tay ra khỏi vô lăng, chuông cảnh báo sẽ kêu cảnh báo cho người lái và chức năng này tạm thời bị hủy. Cảnh báo này cũng sẽ hoạt động khi người lái liên tục điều khiển vô lăng nhưng với một lực rất nhỏ.

- Khi hệ thống xác định rằng xe có thể lệch ra khỏi làn đường khi đang lái quanh khúc cua trong khi chức năng định tâm làn đường đang hoạt động.

Tùy thuộc vào tình trạng của xe và tình trạng đường sá mà chức năng cảnh báo có thể sẽ không hoạt động. Ngoài ra, nếu hệ thống xác định rằng xe đang lái quanh một khúc cua, cảnh báo sẽ xuất hiện sớm hơn khi lái xe trên đường thẳng.

- Khi hệ thống xác định rằng người lái đang lái xe mà không cầm tay vào vô lăng trong khi chức năng hỗ trợ lái đang hoạt động.

Khi hệ thống xác định rằng người lái đã bỏ tay ra khỏi vô lăng và chức năng hỗ trợ lái đang hoạt động, chuông báo sẽ kêu và cảnh báo cho người lái. Mỗi lần chuông báo kêu, lần kêu tiếp theo của chuông báo sẽ dài hơn.

n Chức năng cảnh báo lắc xe

Khi hệ thống xác định rằng xe đang bị rung lắc trong khi chức năng cảnh báo lắc xe đang hoạt động, thì chuông cảnh báo sẽ kêu và một cảnh báo cùng với một biểu tượng như trên hình minh họa sẽ xuất hiện trên màn hình

đa thông tin để nhắc người lái về tình trạng đó.

Tùy thuộc vào tình trạng của xe và tình trạng đường sá mà chức năng cảnh báo có thể sẽ không hoạt động.



n Thông điệp cảnh báo

Nếu thông điệp cảnh báo sau đây được hiển thị trên màn hình đa thông tin, đèn chỉ báo LTA sáng màu cam, hãy tuân theo quy trình xử lý thích hợp. Ngoài ra, Nếu một thông điệp cảnh báo khác xuất hiện, hãy tuân theo các hướng dẫn xuất hiện trên màn hình.

l "Lỗi LTA Hỏi ý kiến đại lý"

Hệ thống có thể không hoạt động chính xác. Yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

l "LTA không khả dụng"

Hệ thống tạm thời bị hủy do có trục trặc trong cảm biến khác ngoài camera phía trước. Hãy tắt hệ thống LTA, đợi một lát, và sau đó bật lại hệ thống LTA.

l "LTA không khả dụng ở tốc độ hiện tại"

Không thể sử dụng được chức năng này do tốc độ xe vượt quá phạm vi hoạt động của LTA. Hãy lái xe chậm hơn.

n Tùy chọn

Có thể thay đổi các cài đặt chức năng. (→P.387)

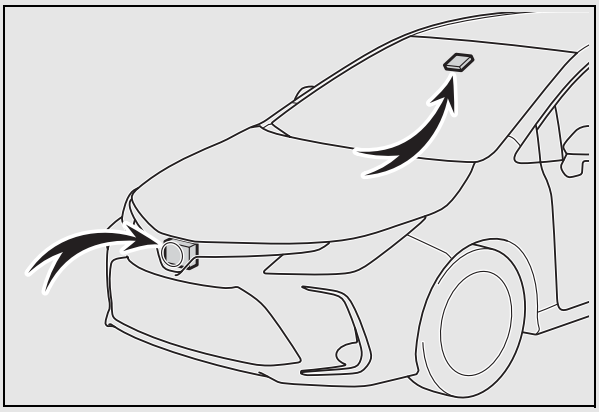
LDA (Cảnh báo lệch làn có liên kết với điều khiển lái)*

*: Nếu có

Khi lái xe trên đường có vạch kẻ làn đường màu trắng (màu vàng), hệ thống LDA sẽ cảnh báo cho người lái khi xe có thể bị lệch ra khỏi làn đường hiện tại* và đồng thời có thể vận hành vô lăng để giúp giữ xe ở trong làn đường*.

Hệ thống LDA sẽ nhận biết các vạch kẻ làn đường màu trắng (màu vàng) hoặc hành trình* bằng camera phía trước. Hơn nữa, nó phát hiện các xe phía trước bằng camera và ra đa phía trước.

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…



⚠ CẢNH BÁO

n **Trước khi sử dụng hệ thống LDA**

l Không được quá phụ thuộc vào hệ thống LDA. LDA không phải là hệ thống tự động lái xe hoặc hệ thống giúp giảm mức độ tập trung vào khu vực phía trước xe của người lái. Người lái phải có trách nhiệm lái xe an toàn bằng cách luôn chú ý đến các điều kiện xung quanh và điều khiển vô lăng để điều chỉnh đúng đường đi. Ngoài ra, hãy nghỉ ngơi khi mệt mỏi, như khi lái xe trong một thời gian dài.

l Nếu không tập trung khi lái xe và thao tác lái xe không chính xác có thể dẫn đến tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Khi không sử dụng hệ thống LDA, hãy tắt hệ thống này bằng công tắc LDA.

n **Những điều kiện không thích hợp để sử dụng hệ thống LDA**

Trong các trường hợp sau, khi không sử dụng hệ thống, hãy tắt hệ thống này bằng công tắc LDA. Nếu không, có thể dẫn đến tai nạn, và dẫn đến bị tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

l Khi lái xe trên đường trơn trượt do trời mưa, tuyết rơi, đóng băng…

l Khi lái xe trên đường phủ tuyết.

l Khi khó nhận biết các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng) do trời mưa, tuyết, sương mù, cát, bụi…

l Khi lắp lốp dự phòng, xích quấn lốp…

l Khi lốp bị mòn quá nhiều hoặc khi áp suất lốp thấp.

l Trong khi kéo xe khẩn cấp

n **Để tránh làm cho hệ thống LDA bị lỗi hoặc kích hoạt nhầm hệ thống**

l Không chỉnh sửa đèn pha hoặc gắn các miếng dán… lên bề mặt của đèn.

l Không chỉnh sửa hệ thống treo… Nếu cần thay thế hệ thống treo, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

l Không được lắp hoặc đặt bất cứ vật gì lên nắp capô và lưới tản nhiệt . Đồng thời không được lắp thanh bảo vệ lưới tản nhiệt (thanh cản bò, thanh cản chuột túi...)

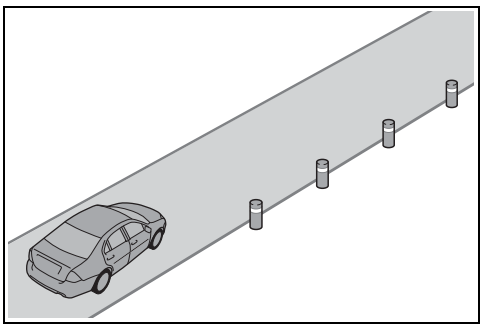
l Nếu cần sửa kính chắn gió, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n **Những điều kiện có thể làm cho hệ thống hoạt động không chính xác**

Trong các tình huống sau, các chức năng không thể hoạt động chính xác và xe có thể lệch khỏi làn đường. Hãy lái xe an toàn bằng cách chú ý xung quanh xe và điều khiển vô lăng để lái xe, không được quá tin tưởng vào các chức năng.

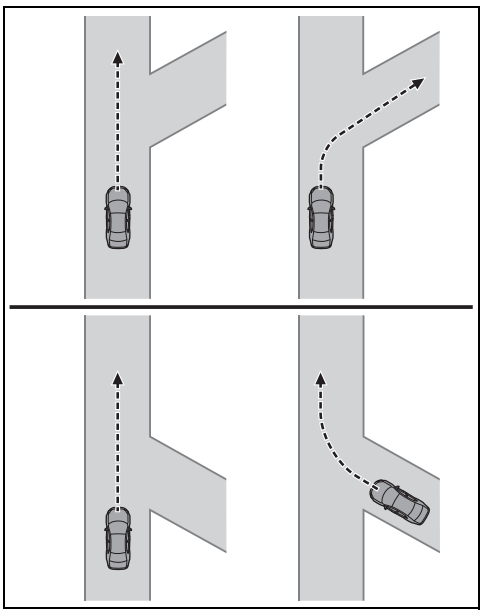
l Xe đang được lái quanh khúc cua gấp.

l Khi trên lề đường có các vật hoặc hình ảnh có thể gây nhầm lẫn với các vạch chỉ làn đường màu trắng (màu vàng) (dải phân cách, vỉa hè, các cột phản quang…)

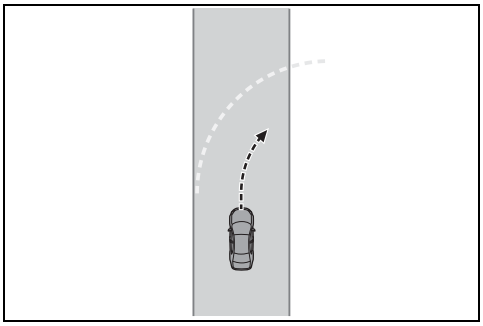


CẢNH BÁO

- Xe đang được lái ở đường ngập nước, giao lộ,…



- Khi đường đang sửa có các vệt nhựa đường, các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng)…



- Khi có bóng râm trên đường chạy song song hoặc che khuất các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng).
- Khi lái xe trên đường không có các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng), như phía trước của thanh chắn hoặc trạm soát vé, hoặc giao lộ…
- Khi các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng) là nét đứt, có đinh phản quang hoặc có đá trên đường.
- Khi không thể hoặc khó quan sát các vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng) do cát, bụi…
- Khi lái xe trên đường phẳng và ướt do mưa, đọng nước ….
- Khi các vạch chỉ làn đường có màu vàng (khó nhận biết hơn vạch chỉ làn đường màu trắng).
- Khi vạch chỉ làn đường màu trắng (vàng) kẻ qua các gờ, bậc…
- Khi lái xe trên bề mặt đường bị chói, ví dụ như đường bằng bê tông.
- Nếu mép đường không rõ ràng hoặc không thẳng.
- Khi lái xe trên bề mặt chói do ánh sáng phản xạ…
- Khi lái xe ở khu vực mà ánh sáng bị thay đổi đột ngột, như khi vào hoặc ra khỏi đường hầm…
- Khi có ánh sáng từ đèn pha của các xe chạy phía trước, mặt trời… chiếu vào camera.
- Khi lái xe trên đường dốc.
- Khi lái xe trên đường bị nghiêng về phía bên phải hoặc bên trái, hoặc trên đường quanh co.
- Khi lái xe trên đường không bằng phẳng hoặc đường xấu.
- Khi làn đường rất hẹp hoặc rất rộng.
- Khi xe bị nghiêng nhiều do tải nặng hoặc áp suất lốp không chính xác.
- Khi khoảng cách với xe phía trước quá ngắn.
- Khi xe bị dịch chuyển lên xuống quá nhiều do điều kiện đường sá trong khi lái xe (đường xấu hoặc mấp mô).

⚠ CẢNH BÁO

- Khi lái xe trong đường hầm hoặc trong trời tối mà không bật đèn pha hoặc khi đèn pha bị mờ do kính đèn bị bám bẩn hoặc bị lệch.
- Khi gió tạt mạnh vào xe.
- Khi xe vừa mới chuyển làn hoặc băng qua giao lộ.
- Khi sử dụng lốp khác loại, khác nhà sản xuất, nhãn hiệu hoặc kiểu hoa lốp.
- Khi lắp các lốp xe có kích thước khác với tiêu chuẩn.
- Khi xe được trang bị lốp đi tuyết…

Các chức năng của hệ thống LDA

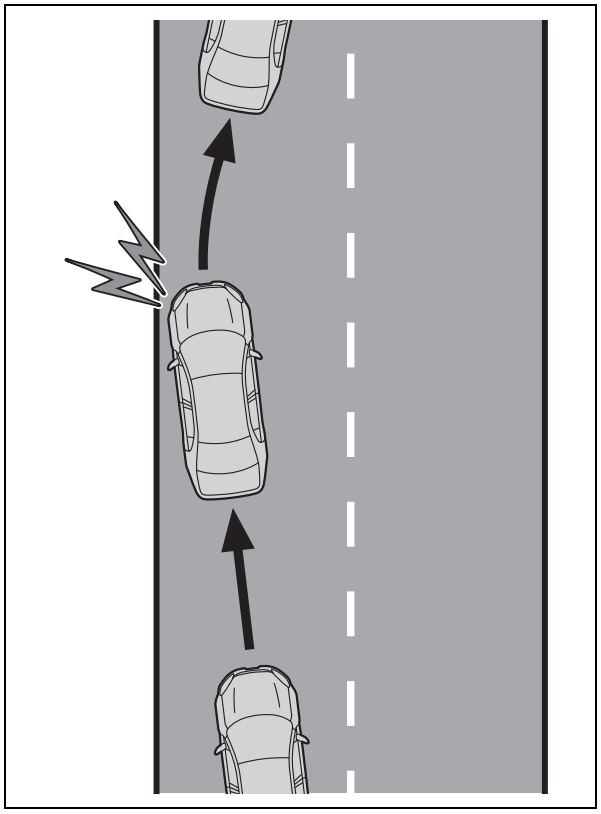
n Chức năng cảnh báo chạy lệch làn đường

Khi hệ thống xác định rằng xe có thể bị lệch ra khỏi làn đường hoặc hành trình của nó*, một thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin, và chuông báo sẽ kêu để cảnh báo cho người lái.

Khi chuông báo kêu, hãy kiểm tra tình trạng đường xung quanh xe và điều khiển vô lăng thật cẩn thận để đưa xe trở lại vị trí giữa làn.

Xe có BSM: Khi hệ thống xác định rằng xe có thể bị lệch ra khỏi làn đường và nguy cơ va chạm với xe đang vượt ở làn bên cạnh là cao, cảnh báo đi lệch làn đang hoạt động nếu đèn xi nhan đang bật.

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…



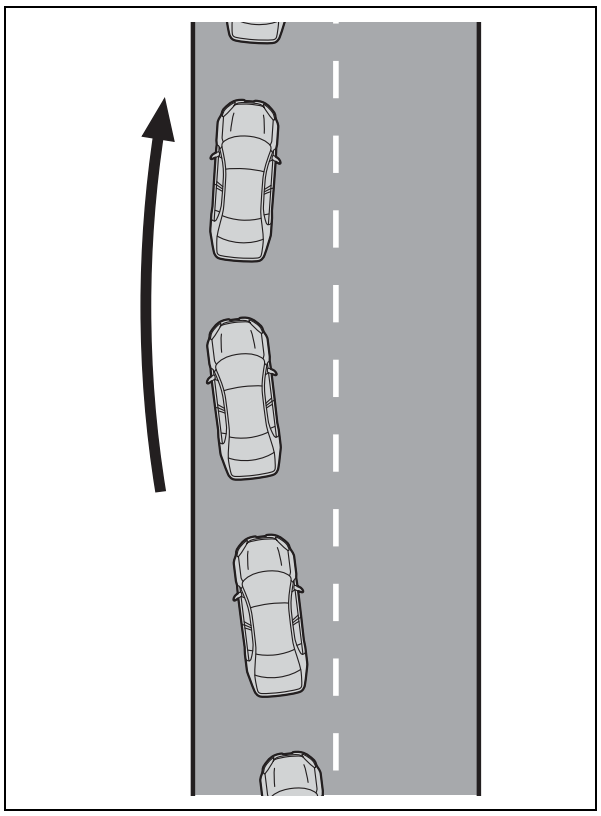
n Chức năng hỗ trợ lái

Khi hệ thống xác định rằng xe có thể bị lệch ra khỏi làn đường*, hệ thống sẽ hỗ trợ bằng cách điều khiển vô lăng trong một thời gian ngắn để giữ xe nằm trong làn đường.

Nếu hệ thống phát hiện rằng người lái không điều khiển vô lăng trong một thời gian nhất định hoặc vô lăng không được nắm chắc, một cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chức năng này sẽ tạm thời bị hủy.

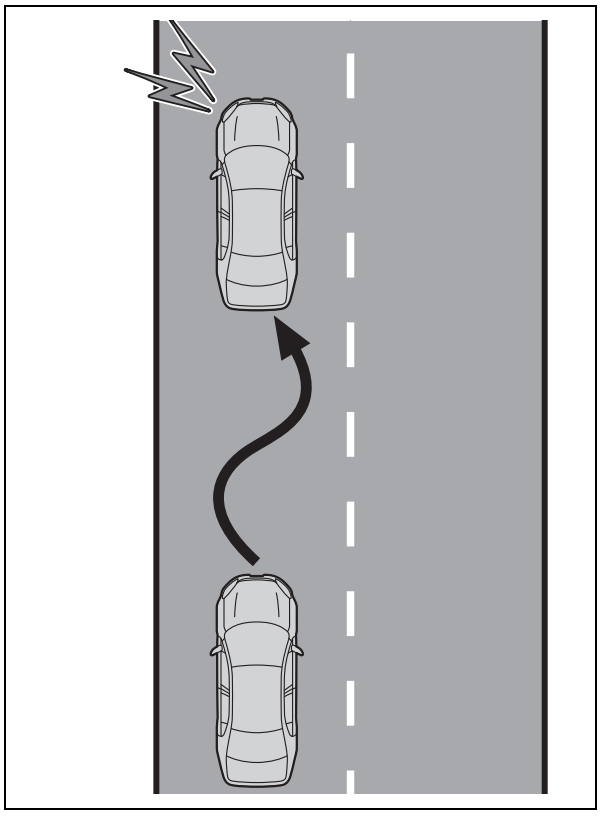
Xe có BSM: Khi hệ thống xác định rằng xe có thể bị lệch ra khỏi làn đường và nguy cơ va chạm với xe đang vượt ở làn bên cạnh là cao, chức năng hỗ trợ lái sẽ hoạt động kể cả khi đèn xi nhan đang hoạt động.

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…



n **Chức năng cảnh báo lắc xe**

Khi xe bị lắc khi đi trong làn, chuông cảnh báo sẽ kêu và một thông điệp báo sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin để cảnh báo cho người lái.



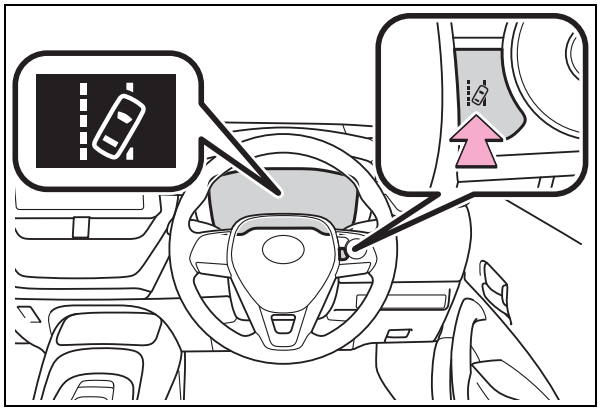
Bật hệ thống LDA

Ấn công tắc LDA để bật hệ thống LDA.

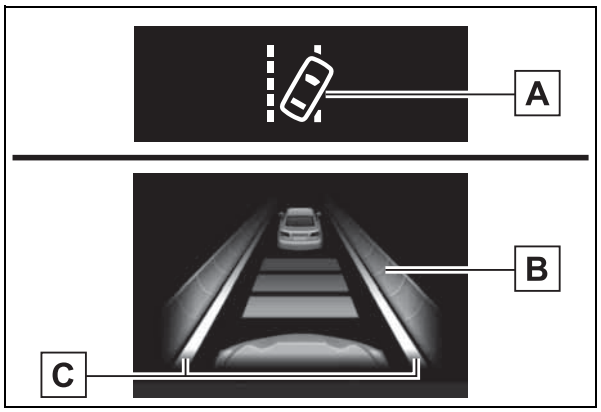
Đèn chỉ báo hệ thống LDA sẽ sáng lên và thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Ấn công tắc LDA một lần nữa để tắt hệ thống LDA.

Khi bật hoặc tắt hệ thống LDA, hoạt động của hệ thống LDA sẽ tiếp tục ở trạng thái tương tự trong lần khởi động động cơ tiếp theo.



Chỉ báo trên màn hình đa thông tin



A Đèn chỉ báo LDA

Trạng thái sáng của đèn chỉ báo sẽ thông báo cho người lái về trạng thái hoạt động của hệ thống.

Đèn sáng màu trắng: Hệ thống LDA đang hoạt động.

Đèn sáng màu xanh lá cây: Sự trợ lái của chức năng hỗ trợ điều khiển lái đang hoạt động.

Nháy màu cam: Chức năng cảnh báo lệch làn đang hoạt động.

B Hiển thị hoạt động hỗ trợ điều khiển vô lăng

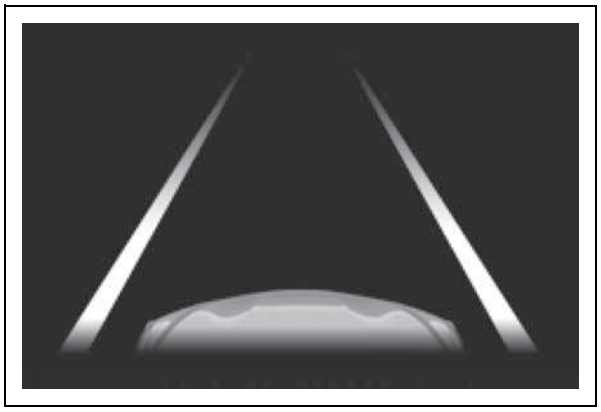
Hiển thị khi màn hình đa thông tin chuyển sang màn hình thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe.

Chỉ ra rằng sự trợ lái của chức năng hỗ trợ lái đang hoạt động.

C Hiển thị chức năng cảnh báo chạy lệch làn đường

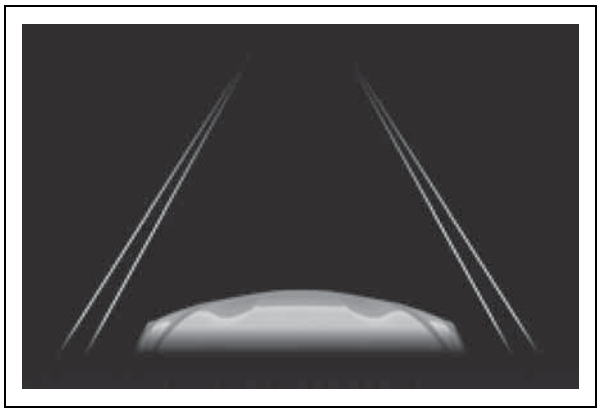
Hiển thị khi màn hình đa thông tin chuyển sang màn hình thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe.

▶ Phía trong của các vạch hiển thị là màu trắng



Cho biết rằng hệ thống đang phát hiện các vạch kẻ làn màu trắng (vàng)*. Khi xe lệch khỏi làn, vạch kẻ làn màu trắng được hiển thị bên phía xe lệch làn sẽ nháy với màu cam.

▶ Phía trong của các vạch hiển thị là màu đen



Chỉ báo rằng hệ thống không thể nhận biết các vạch kẻ làn đường màu trắng (vàng)* hoặc chức năng này đang tạm thời bị hủy.

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…

---

n **Điều kiện hoạt động của chức năng**

l Chức năng cảnh báo chạy lệch làn đường

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây.

- Hệ thống LDA đang bật.
- Tốc độ xe đạt từ 50 km/h trở lên.
- Hệ thống xác định các vạch kẻ làn màu trắng (màu vàng) hoặc hành trình*. (Khi xác định được vạch kẻ màu trắng [màu vàng]* chỉ ở một bên, hệ thống chỉ hoạt động cho một bên được nhận ra.)
- Chiều rộng của làn đường từ 3 m trở lên.
- Không bật công tắc xi nhan.

(Xe có BSM: Trừ khi xe khác ở trong làn đường ở phía tín hiệu đèn xi nhan đang hoạt động)

- Xe không đi quanh một khúc cua gấp.
- Hệ thống không bị lỗi. (→P.204)

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…

l Chức năng hỗ trợ lái

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện hoạt động của chức năng cảnh báo lệch làn đường.

- Cài đặt "Hỗ trợ lái" trên (màn hình 7-inch) hoặc (màn hình 12.3-inch) của màn hình đa thông tin đến "ON". (→P.387)
- Không tăng tốc hoặc giảm tốc xe trong một khoảng thời gian nhất định trở lên.
- Không xoay vô lăng với lực đủ để chuyển làn đường.
- Hệ thống ABS, VSC, TRC và PCS không hoạt động.
- TRC hoặc VSC không được tắt.
- Cảnh báo người lái không cầm vô lăng không hiển thị. (→P.203)

l Chức năng cảnh báo lắc xe

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây.

- Cài đặt "C.báo lắc xe" trên (màn hình 7-inch) hoặc (màn hình 12.3-inch) của màn hình đa thông tin đến "ON". (→P.387)
- Tốc độ xe đạt từ 50 km/h trở lên.
- Chiều rộng của làn đường từ 3 m trở lên.
- Hệ thống không bị lỗi. (→P.204)

n Hủy bỏ tạm thời các chức năng

Khi các điều kiện hoạt động không còn được thỏa mãn, chức năng có thể sẽ tạm thời bị hủy. Tuy nhiên, khi các điều kiện hoạt động được khôi phục thì chức năng cũng sẽ tự động được khôi phục lại. (→P.202)

n Chức năng hỗ trợ lái

l Tùy vào tốc độ xe, tình trạng lệch làn, điều kiện đường…, người lái có thể không cảm nhận được chức năng đang hoạt động hoặc chức năng có thể không hoạt động.

l Chức năng điều khiển lái bị lấn át bởi hoạt động điều khiển vô lăng của người lái.

l Không được thử hoạt động của chức năng hỗ trợ lái.

n Chức năng cảnh báo chạy lệch làn đường

l Chuông cảnh báo có thể rất khó để nghe do các tiếng ồn bên ngoài, âm thanh phát ra từ hệ thống âm thanh…

l Nếu mép đường* không rõ ràng hoặc không thẳng, chức năng cảnh báo lệch làn có thể không hoạt động.

l Xe có BSM: Hệ thống có thể không xác định được có nguy cơ va chạm với xe ở làn đường bên cạnh.

l Không được thử hoạt động của chức năng cảnh báo lệch làn.

*: Ranh giới giữa nhựa đường và lề đường, như cỏ, sỏi,…

n Cảnh báo người lái không cầm vô lăng

Trong tình huống sau, một cảnh báo yêu cầu người lái nắm tay vào vô lăng và cùng với biểu tượng trên hình minh họa sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin để cảnh báo người lái. Cảnh báo này sẽ dừng khi hệ thống xác định người lái đã nắm tay vào vô lăng. Hãy luôn để tay trên vô lăng khi sử dụng hệ thống này, bất kể có cảnh báo hay không.



l Khi hệ thống xác định rằng người lái đang lái xe và không cầm tay vào vô lăng khi hệ thống đang hoạt động.

Nếu người lái tiếp tục thả tay ra khỏi vô lăng, chuông cảnh báo sẽ kêu

cảnh báo cho người lái và chức năng này tạm thời bị hủy. Cảnh báo này cũng sẽ hoạt động khi người lái liên tục điều khiển vô lăng nhưng với một lực rất nhỏ.

Tùy thuộc vào tình trạng của xe và tình trạng đường sá mà chức năng cảnh báo có thể sẽ không hoạt động. Ngoài ra, nếu hệ thống xác định rằng xe đang lái quanh một khúc cua, cảnh báo sẽ xuất hiện sớm hơn khi lái xe trên đường thẳng.

- Khi hệ thống xác định rằng người lái đang lái xe mà không cầm tay vào vô lăng trong khi chức năng hỗ trợ lái đang hoạt động.

Khi hệ thống xác định rằng người lái đã bỏ tay ra khỏi vô lăng và chức năng hỗ trợ lái đang hoạt động, chuông báo sẽ kêu và cảnh báo cho người lái. Mỗi lần chuông báo kêu, lần kêu tiếp theo của chuông báo sẽ dài hơn.

n Chức năng cảnh báo lắc xe

Khi hệ thống xác định rằng xe đang bị rung lắc trong khi chức năng cảnh báo lắc xe đang hoạt động, thì chuông cảnh báo sẽ kêu và một cảnh báo cùng với một biểu tượng như trên hình minh họa sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin để nhắc người lái về tình trạng đó.



Tùy thuộc vào tình trạng của xe và tình trạng đường sá mà chức năng cảnh báo có thể sẽ không hoạt động.

n Thông điệp cảnh báo

Nếu các cảnh báo sau xuất hiện trên màn hình đa thông tin và đèn chỉ báo LDA bật sáng với màu cam, hãy tuân theo quy trình xử lý tương ứng. Ngoài ra, nếu một thông điệp cảnh báo khác xuất hiện, hãy tuân theo các hướng dẫn xuất hiện trên màn hình.

- "Lỗi LDA Đến Đại lý"

Hệ thống có thể không hoạt động chính xác. Yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

- "LDA không khả dụng"

Hệ thống tạm thời bị hủy do có trục trặc trong cảm biến khác ngoài camera phía trước. Hãy tắt hệ thống LDA, chờ một lát, sau đó bật lại hệ thống LDA.

- "LDA không khả dụng ở tốc độ hiện tại"

Không thể sử dụng được chức năng này do tốc độ xe vượt quá phạm vi hoạt động của LDA. Hãy lái xe chậm hơn.

- "LDA không khả dụng ở tốc độ dưới xấp xỉ 50km/h"

Không thể sử dụng được chức năng này do tốc độ xe nhỏ hơn 50 km/h. Hãy lái xe với tốc độ từ 50 km/h trở lên.

n Tùy chọn

Có thể thay đổi các cài đặt chức năng. (→P.387)

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa*

*: Nếu có

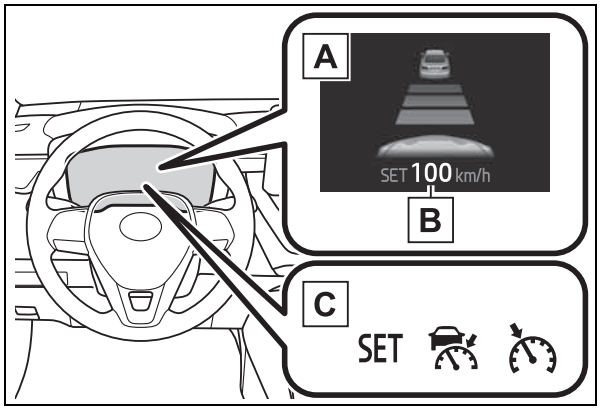
Ở chế độ điều khiển khoảng cách với xe phía trước, xe sẽ tự động tăng, giảm tốc và dừng để phù hợp với tốc độ của xe phía trước kể cả khi không đạp bàn đạp ga. Ở chế độ điều khiển tốc độ ổn định, xe chạy ở tốc độ ổn định.

Sử dụng điều khiển chạy tự động theo dõi bằng dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa trên đường cao tốc.

- Chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước (→P.208)
- Chế độ điều khiển tốc độ ổn định (→P.212)

Các thiết bị của hệ thống

n Hiển thị bảng táp lô

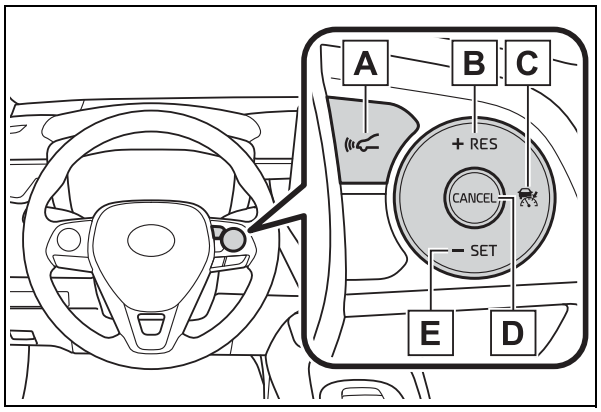


A Màn hình đa thông tin

B Tốc độ đặt trước

C Đèn chỉ báo

n Công tắc điều khiển



A Công tắc đặt khoảng cách với xe phía trước

B Công tắc "+RES"

C Công tắc chính điều khiển chạy tự động

D Công tắc Cancel (hủy)

E Công tắc "-SET"

⚠ CẢNH BÁO

n **Trước khi sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa**

l Lái xe an toàn là trách nhiệm của người lái. Không được quá phụ thuộc vào hệ thống, và hãy lái xe an toàn bằng cách luôn luôn chú ý xung quanh bạn.

l Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa sẽ hỗ trợ người lái khi lái xe. Tuy nhiên, có một số hạn chế đối với chức năng hỗ trợ của hệ thống.

Hãy đọc kỹ các điều kiện sau. Không được quá phụ thuộc vào hệ thống và luôn lái xe một cách cẩn thận.

- Những trường hợp cảm biến có thể không thể phát hiện được xe chạy phía trước: →P.214
- Những tình huống mà chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước có thể sẽ không hoạt động chính xác: →P.214

l Đặt tốc độ phù hợp tùy vào mức giới hạn tốc độ, mật độ giao thông, tình trạng đường sá, điều kiện thời tiết,… Người lái phải kiểm tra tốc độ đặt trước.

l Ngay cả khi hệ thống đang hoạt động bình thường, hệ thống xác định xe phía trước có thể khác với tình trạng quan sát bởi người lái. Do đó, người lái luôn phải chú ý, đánh giá mức độ nguy hiểm của từng tình huống và lái xe an toàn. Tin tưởng vào hệ thống này hoặc coi hệ thống luôn đảm bảo an toàn khi lái có thể dẫn đến gây tai nạn, và có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Hãy tắt hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa bằng cách sử dụng công tắc chính điều khiển chạy tự động khi không sử dụng.

n **Các lưu ý liên quan đến hệ thống hỗ trợ lái xe**

Hãy tuân theo các lưu ý sau, bởi hệ thống có một số hạn chế của hệ thống trong việc hỗ trợ khi lái xe. Nếu không có thể gây ra tai nạn dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CẢNH BÁO

l Hỗ trợ người lái đo khoảng cách thích hợp

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa giúp người lái xác định khoảng cách giữa xe bạn và xe chạy phía trước. Nó không có tác dụng giảm bớt sự thận trọng hoặc tập trung khi lái xe, và nó không hỗ trợ người lái trong điều kiện quan sát không tốt.

Người lái vẫn cần tập trung quan sát xung quanh xe.

l Hỗ trợ người lái phán đoán khoảng cách thích hợp

Chức năng điều khiển chạy tự động theo dõi bằng dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa sẽ xác định xem khoảng cách giữa xe của bạn và xe chạy phía trước có nằm trong khoảng cách đã đặt không. Ngoài ra, nó không có khả năng thực hiện bất kỳ đánh giá nào khác. Do đó, người lái vẫn phải tuyệt đối tập trung và đánh giá xem có nguy hiểm nào tồn tại trong một tình huống bất kỳ.

l Hỗ trợ người lái điều khiển xe

Chức năng điều khiển chạy tự động bằng dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa không bao gồm các chức năng phòng tránh hoặc ngăn ngừa va chạm với xe phía trước. Do đó, nếu có nguy cơ bị va chạm, người lái phải ngay lập tức trực tiếp điều khiển xe một cách phù hợp để đảm bảo an toàn trong mọi trường hợp.

n **Những trường hợp không phù hợp để sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa**

Không sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa trong các trường hợp sau. Nếu không, có thể sẽ làm cho việc kiểm soát tốc độ không phù hợp và có thể gây ra tai nạn dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Khi trên đường có nhiều người đi bộ và người đi xe đạp...
- Khi đường đông
- Khi trên đường có nhiều khúc cua gấp
- Khi lái xe trên đường quanh co
- Khi lái xe trên đường trơn trượt, như đường bị ngập nước hay bị băng tuyết bao phủ
- Khi lái xe trên đường dốc đứng hoặc khi lái xe trên đường có độ dốc thay đổi liên tục

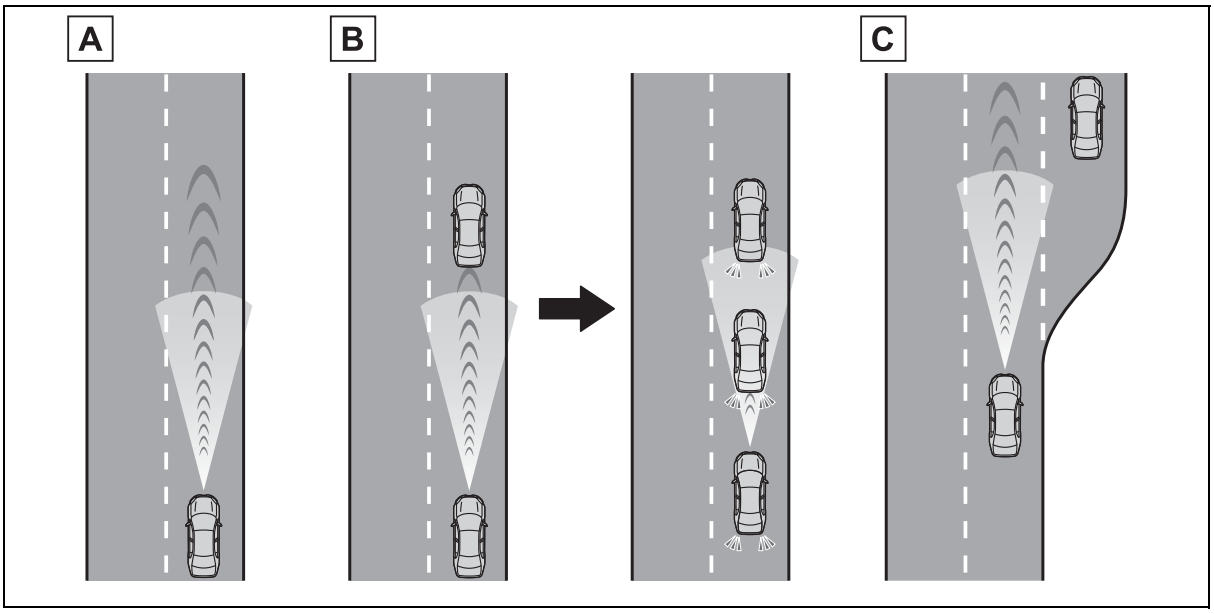
Tốc độ xe có thể vượt quá tốc độ đã được cài đặt trong khi lái xe xuống dốc đứng.

- Tại các lối vào đường cao tốc
- Khi điều kiện thời tiết xấu có thể làm ảnh hưởng đến chức năng của cảm biến (sương mù, tuyết rơi, bão cát, mưa lớn...)
- Khi trời mưa, tuyết… bám trên bề mặt phía trước của cảm biến ra đa và camera phía trước
- Khi tình trạng giao thông yêu cầu người lái thường xuyên phải tăng và giảm tốc
- Trong khi kéo xe khẩn cấp
- Khi thường xuyên nghe thấy tiếng chuông cảnh báo xe tiến tới gần xe khác

Chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước

Chế độ này sử dụng một cảm biến ra-đa để phát hiện các xe chạy phía trước cách xe bạn tối đa 100 m, xác định khoảng cách hiện tại với xe đang chạy phía trước và điều khiển duy trì khoảng cách phù hợp với xe chạy phía trước. Khoảng cách với xe chạy phía trước bạn cần có thể được cài đặt bằng cách vận hành công tắc điều khiển khoảng cách với xe chạy trước.

Khi lái xe xuống dốc, khoảng cách với xe sẽ ngắn hơn.



A Ví dụ khi lái xe ở tốc độ cố định
Khi không có xe chạy phía trước

Xe chạy ở tốc độ đặt trước của người lái.

B Ví dụ khi xe bám theo sau xe khác và xe giảm tốc
Khi xe phía trước chạy chậm hơn tốc độ đặt trước

Khi xe phát hiện thấy có xe chạy phía trước, hệ thống sẽ tự động giảm tốc độ xe. Khi cần giảm tốc độ nhiều hơn, hệ thống sẽ gài phanh (đèn phanh sáng lên ở thời điểm này). Hệ thống sẽ liên tục theo dõi tốc độ của xe chạy phía trước và điều khiển xe để duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước theo cài đặt của người lái. Cảnh báo xe tiến tới gần xe khác sẽ cảnh báo cho bạn biết rằng hệ thống không thể giảm tốc đủ để giữ khoảng cách an toàn với xe chạy phía trước.

Khi xe phía trước xe bạn đỗ lại, xe bạn cũng dừng lại (Xe được dừng bằng hệ thống điều khiển). Sau khi xe phía trước khởi hành, ấn vào công tắc "+RES" hoặc nhấn bàn đạp ga (hoạt động khởi hành) sẽ khôi phục chức năng bám theo. Nếu không thực hiện việc khởi hành, hệ thống tiếp tục điều khiển để giữ cho xe dừng lại.

Khi gạt cần điều khiển đèn xi nhan và xe đang di chuyển sang làn xe cho vượt

ở tốc độ từ 80 km/h trở lên, xe sẽ tăng ga để giúp xe vượt xe đang chạy.

Hệ thống nhận biết làn cho vượt có thể được xác định bằng cách dựa vào vị trí của vô lăng của xe (vị trí người lái phía bên trái hoặc vị trí người lái bên phải.) Nếu lái xe ở khu vực làn cho vượt khác với điều kiện lái xe bình thường, xe có thể tăng ga khi cần điều khiển xi nhan được điều khiển về phía ngược lại với làn cho vượt (nghĩa là nếu bình thường lái xe ở những vùng mà làn cho lượt ở bên phải nhưng bạn đang lái xe ở vùng mà làn cho vượt ở bên trái, xe có thể tăng ga khi tín hiệu xi nhan bên phải được kích hoạt).

C Ví dụ khi tăng tốc

Khi không có bất kỳ xe chạy phía trước nào có tốc độ thấp hơn tốc độ đặt trước

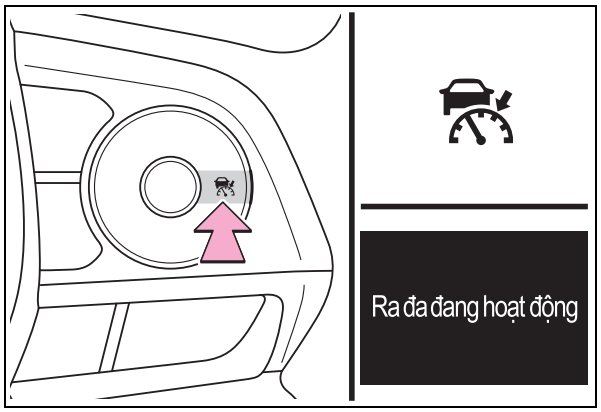
Hệ thống sẽ tăng tốc độ xe cho tới khi đạt được tốc độ đặt trước. Sau đó hệ thống sẽ trở về chạy tự động với tốc độ ổn định.

Cài đặt tốc độ xe (chế độ điều chỉnh khoảng cách với xe chạy phía trước)

1 Hãy ấn công tắc chính điều khiển chạy tự động để kích hoạt hệ thống.

Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa sẽ sáng lên và thông điệp sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin. Ấn công tắc này một lần nữa để vô hiệu hóa điều khiển chạy tự động.

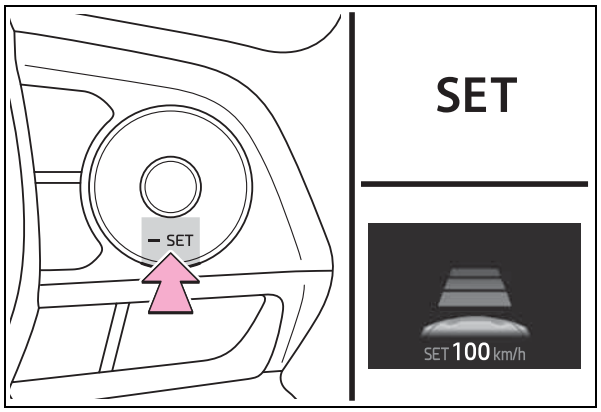
Nếu ấn và giữ công tắc chính điều khiển chạy tự động trong vòng 1.5 giây trở lên, hệ thống sẽ bật chế độ điều khiển tốc độ cố định. (→P.212)



2 Tăng tốc hoặc giảm tốc bằng cách điều khiển bàn đạp ga tới tốc độ mong muốn (bằng hoặc lớn hơn 30 km/h) và ấn công tắc "-SET" xuống để đặt tốc độ.

Đèn chỉ báo "SET" điều khiển chạy tự động sẽ sáng lên.

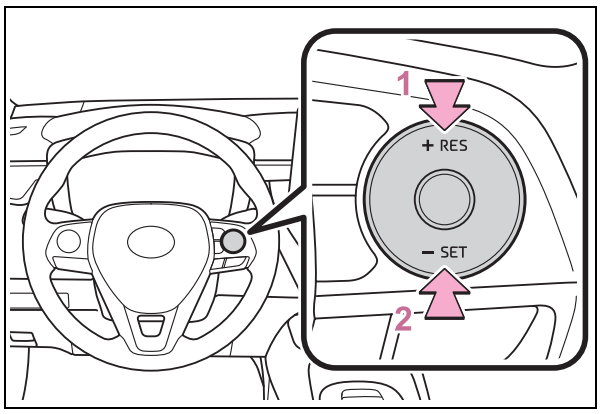
Tốc độ xe tại thời điểm nhả công tắc ra sẽ trở thành tốc độ cài đặt.



Điều chỉnh tốc độ đặt trước

● Điều chỉnh tốc độ đặt trước bằng công tắc

Để thay đổi tốc độ đặt trước, hãy điều khiển công tắc "+RES" hoặc "-SET" cho đến khi hiển thị tốc độ đặt trước mong muốn.



1 Tăng tốc độ xe (Ngoại trừ trường hợp khi dừng xe bằng điều khiển chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước)

2 Giảm tốc

Điều chỉnh nhỏ: Hãy ấn công tắc.

Điều chỉnh lớn: Hãy ấn và giữ công tắc để thay đổi tốc độ, và nhả ra khi đạt được tốc độ mong muốn.

Ở chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước, tốc độ đặt trước sẽ tăng lên hoặc giảm đi như sau:

Điều chỉnh nhỏ: Thay đổi khoảng 1 km/h với mỗi lần ấn công tắc

Điều chỉnh lớn: Tốc độ sẽ tăng hoặc giảm 5 km/h khi giữ công tắc

Trong chế độ điều khiển xe ở tốc độ ổn định (→P.212), tốc độ đặt trước sẽ tăng lên hoặc giảm đi như sau:

Điều chỉnh nhỏ: Thay đổi khoảng 1 km/h với mỗi lần ấn công tắc

Điều chỉnh lớn: Tốc độ sẽ tiếp tục thay đổi khi giữ công tắc.

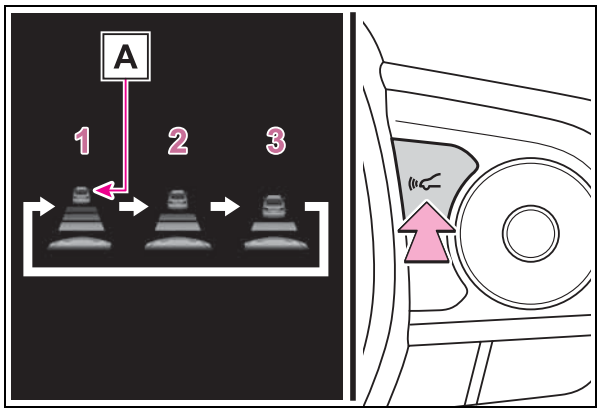
- Tăng tốc độ đặt trước bằng bàn đạp ga

1 Vận hành bàn đạp ga để tăng tới tốc độ xe mong muốn

2 Ấn công tắc "-SET"

Thay đổi khoảng cách với xe chạy phía trước (chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước)

Ấn công tắc này sẽ thay đổi khoảng cách với xe chạy phía trước như sau:



1 Dài

2 Trung bình

3 Ngắn

Nếu có xe chạy phía trước xe bạn, dấu hiệu xe chạy phía trước A cũng sẽ hiển thị.

Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước (chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước)

Hãy chọn khoảng cách thiết lập theo bảng sau. Lưu ý rằng khoảng cách này tương ứng với tốc độ chạy xe 80 km/h. Khoảng cách với xe chạy phía trước sẽ tăng lên/giảm xuống theo tốc độ của xe. Khi xe ngừng hoạt động bởi hệ thống điều khiển, khoảng cách từ xe phía trước tới xe phía sau là khoảng cách nhất định tùy

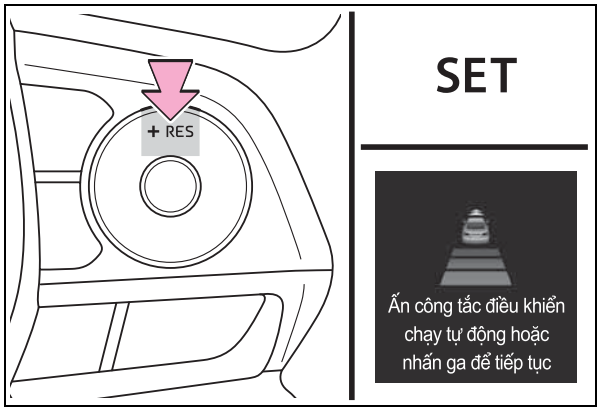
vào tình huống cụ thể.

Chọn khoảng cách	Khoảng cách với xe chạy phía trước
Dài	Xấp xỉ 50 m
Trung bình	Xấp xỉ 40 m
Ngắn	Xấp xỉ 30 m

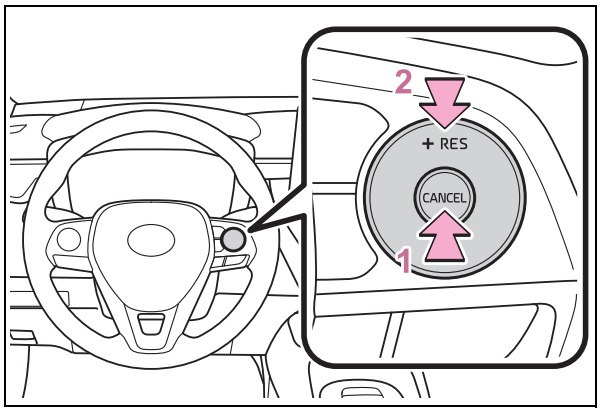
Khôi phục điều khiển chạy tự động khi xe dừng lại bởi hệ thống điều khiển (xe có chế độ điều khiển khoảng cách với xe phía trước)

Sau khi xe phía trước bạn khởi hành, hãy ấn công tắc "+RES".

Xe của bạn sẽ khôi phục điều khiển chạy tự động nếu nhấn bàn đạp ga sau khi xe phía trước khởi hành.



Hủy và khôi phục chức năng điều khiển tốc độ



1 Việc ấn công tắc cancel (hủy) sẽ hủy điều khiển tốc độ.

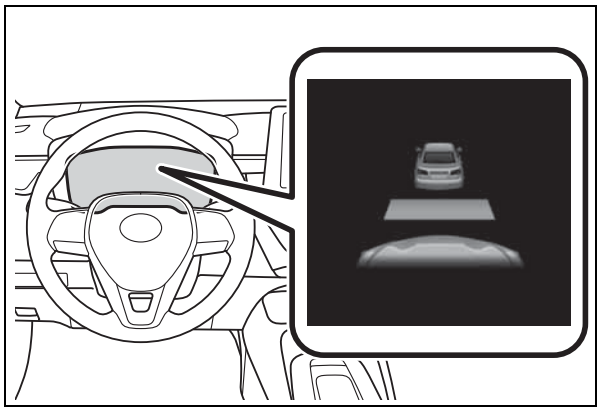
Chức năng điều khiển tốc độ sẽ bị hủy khi đạp bàn đạp phanh. (Khi xe dừng lại bởi điều khiển của hệ thống, việc nhấn bàn đạp phanh sẽ không hủy được chế độ đặt)

2 Việc ấn công tắc "+RES" sẽ khôi phục điều khiển chạy tự động và tốc độ của xe sẽ trở lại tốc độ đặt trước.

Cảnh báo xe tiến tới gần xe khác (Chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước)

Khi xe của bạn tiến tới quá gần xe phía trước, và mức độ tự động giảm tốc của xe bằng hệ thống điều khiển chạy tự động là không đủ, màn hình sẽ nhấp nháy và chuông sẽ kêu để cảnh báo cho người lái. Một ví dụ khác là khi một xe khác cắt ngang phía trước xe bạn trong khi bạn đang đi sau một xe khác. Hãy phanh xe để đảm bảo khoảng cách thích hợp

với xe trước đó.



n **Các cảnh báo có thể sẽ không xuất hiện khi**

Trong các trường hợp sau, thông điệp cảnh báo sẽ không xuất hiện ngay cả khi khoảng cách với xe chạy phía trước là nhỏ.

- Khi tốc độ của xe chạy phía trước bằng hoặc lớn hơn tốc độ của xe bạn
- Khi xe phía trước chạy quá chậm
- Ngay sau khi đặt tốc độ chạy tự động
- Khi nhấn bàn đạp ga

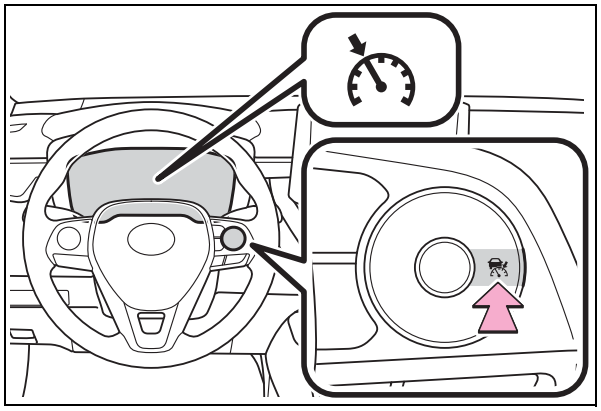
Chọn chế độ điều khiển tốc độ ổn định

Ở chế độ điều khiển tốc độ cố định, xe sẽ duy trì tốc độ đặt trước mà không điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước. Chỉ chọn chế độ này khi chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước không hoạt động chính xác do có bụi bẩn bám vào cảm biến ra đa,...

1 Với hệ thống điều khiển chạy tự động tắt, hãy ấn và giữ công tắc chính điều khiển chạy tự động trong 1.5 giây trở lên.

Ngay sau khi ấn công tắc, đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa sẽ sáng lên. Sau đó, nó chuyển đến chỉ báo điều khiển chạy tự động.

Chỉ có thể chuyển đến chế độ ổn định khi tắt công tắc điều khiển chạy tự động.



2 Tăng tốc hoặc giảm tốc bằng cách điều khiển bàn đạp ga tới tốc độ mong muốn (bằng hoặc lớn hơn 30 km/h) và ấn công tắc "-SET" xuống để đặt tốc độ.

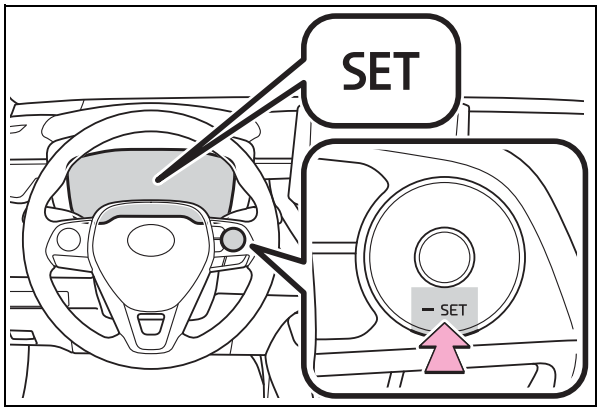
Đèn chỉ báo "SET" điều khiển chạy tự động sẽ sáng lên.

Tốc độ xe tại thời điểm nhả công tắc ra sẽ trở thành tốc độ cài đặt.

Điều chỉnh cài đặt tốc độ: →P.209

Hủy và khôi phục tốc độ đặt trước:

→P.211



n Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa có thể được thiết lập khi

- Cần chọn số đang ở vị trí D.
- Có thể cài đặt được tốc độ đặt trước mong muốn khi xe chuyển động ở tốc độ xấp xỉ 30 km/h trở lên.
  (Tuy nhiên, khi tốc độ được đặt khi xe đang chạy với tốc độ xấp xỉ 30 km/h, thì tốc độ sẽ được đặt xấp xỉ 30 km/h.)

n Tăng tốc sau khi cài đặt tốc độ xe

Xe có thể tăng tốc bằng cách nhấn bàn đạp ga. Sau khi tăng tốc, tốc độ sẽ trở về mức đặt trước. Tuy nhiên, khi ở chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước, tốc độ xe sẽ giảm dưới tốc độ đặt trước để duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước.

n Khi xe dừng lại trong khi chạy tự động

- Việc ấn công tắc "+RES" trong khi xe phía trước đang dừng sẽ khôi phục chức năng bám theo nếu xe phía trước khởi hành trong xấp xỉ 3 giây sau khi ấn công tắc.
- Nếu xe phía trước khởi hành trong 3 giây sau khi xe bạn dừng lại, chức năng điều khiển chạy tự động bám theo sẽ được khôi phục.

n Tự động hủy chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước

Chế độ điều khiển theo khoảng cách với xe chạy phía trước sẽ tự động bị hủy trong các trường hợp sau.

- Khi hệ thống điều khiển ổn định xe (VSC) được kích hoạt.
- TRC được kích hoạt trong một thời gian.
- Khi tắt hệ thống VSC hoặc TRC.
- Khi cảm biến không hoạt động chính xác do nó bị che phủ.
- Khi chức năng điều khiển phanh hoặc điều khiển hạn chế công suất của hệ thống hỗ trợ lái hoạt động.
  (Ví dụ: Hệ thống cảnh báo tiền va chạm, hệ thống Điều khiển khởi động - dẫn động)
- Phanh đỗ đang được gài.
- Xe được dừng lại bằng điều khiển của hệ thống trên đường dốc.
- Khi một trong các điều kiện sau xảy ra, hệ thống sẽ điều khiển dừng xe:

• Người lái chưa thắt đai an toàn.
• Khi cửa người lái mở ra.
• Xe đỗ lại trong khoảng 3 phút

Nếu chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước tự động bị hủy do bất kỳ một nguyên nhân nào khác ở trên, thì hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

n Tự động hủy chế độ điều khiển tốc độ ổn định

Chế độ điều khiển tốc độ ổn định sẽ tự động bị hủy trong các trường hợp sau:

- Khi tốc độ thực tế của xe lớn hơn xấp xỉ 16 km/h trở lên so với tốc độ đặt trước.
- Khi tốc độ thực tế của xe thấp hơn 30 km/h.
- Khi hệ thống điều khiển ổn định xe (VSC) được kích hoạt.
- TRC được kích hoạt trong một thời gian.
- Khi tắt hệ thống VSC hoặc TRC.
- Khi chức năng điều khiển phanh hoặc điều khiển hạn chế công suất của hệ thống hỗ trợ lái hoạt động.
  (Ví dụ: Hệ thống cảnh báo tiền va

chạm, hệ thống Điều khiển khởi động - dẫn động)

Nếu chế độ giữ tốc độ ổn định tự động bị hủy do bất kỳ một nguyên nhân nào khác ở trên, thì hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

n Hoạt động của phanh

Có thể nghe thấy tiếng hoạt động của phanh và phản hồi của bàn đạp phanh có thể thay đổi, nhưng đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

n Thông điệp cảnh báo và chuông báo cho hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa

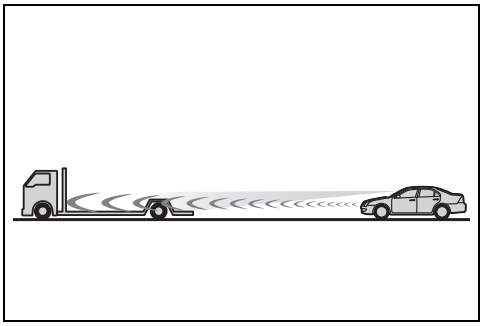
Chuông báo và thông điệp cảnh báo được sử dụng để chỉ báo một hệ thống bị lỗi hoặcchỉ ra rằngngười lái cần phải chú ý khi lái xe. Khi thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy đọc các thông báo và tuân theo các hướng dẫn. (→P.179, 353)

n Những trường hợp cảm biến có thể không thể phát hiện được xe chạy phía trước

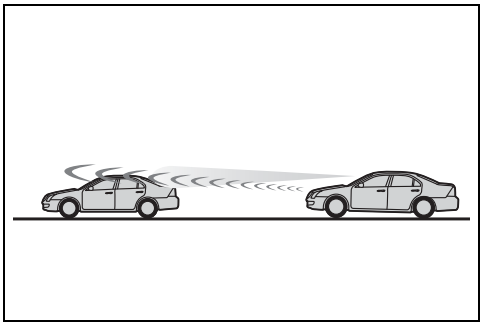
Trong trường hợp dưới đây và tùy vào tình huống, hãy đạp phanh khi việc giảm tốc của hệ thống là không đủ hoặc đạp ga khi cần tăng tốc.

Do cảm biến có thể sẽ không xác định được chính xác các loại xe đó, chức năng cảnh báo xe tiến tới gần xe khác (→P.211) có thể sẽ không được kích hoạt.

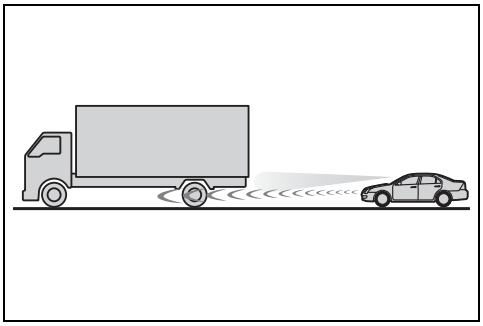
- Khi bị xe khác tạt đầu
- Khi xe phía trước chạy quá chậm
- Nhiều xe không chạy cùng làn
- Khi xe phía trước có phần đuôi quá nhỏ (như xe kéo chạy không tải…)



- Khi gặp xe mô tô chạy cùng làn
- Khi các xe xung quanh làm bắn nước và tuyết lên cảm biến, và ảnh hưởng đến việc phát hiện của cảm biến
- Khi phần đầu xe bị nhấc lên (do chất tải nặng trong khoang để hành lý…)



- Khi xe phía trước có khoảng sáng gầm xe cực lớn

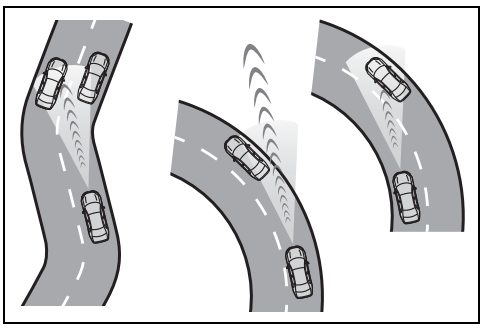


n Những tình huống mà chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước có thể sẽ không hoạt động chính xác

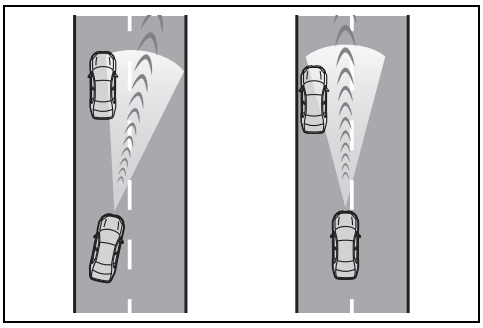
Trong các tình huống sau, hãy đạp phanh (hoặc đạp ga, tùy theo tình huống thực tế) khi cần thiết.

Do cảm biến có thể sẽ không xác định chính xác được xe phía trước, nên hệ thống có thể sẽ không hoạt động chính xác.

- Khi vào cua hoặc khi làn đường hẹp



- Khi bạn điều khiển vô lăng hoặc vị trí của xe trong làn không được giữ ổn định



- Khi xe chạy phía trước giảm tốc đột ngột
- Khi lái xe trên đường bị che chắn, như khi đi qua hầm hoặc cầu
- Khi tốc độ xe đang giảm xuống tới tốc độ đặt trước sau khi xe được tăng tốc bằng cách đạp ga

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa*

*: Nếu có

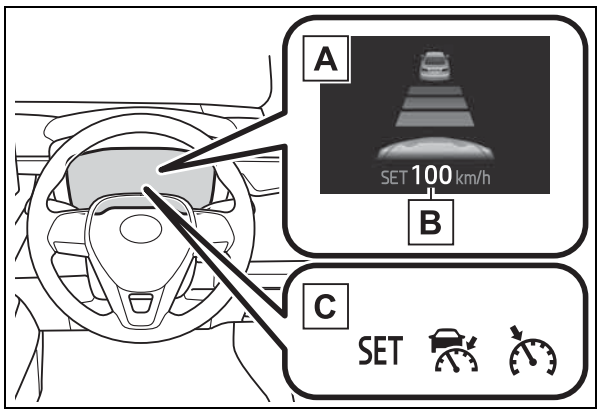
Ở chế độ điều khiển khoảng cách với xe phía trước, xe sẽ tự động tăng và giảm tốc để phù hợp với tốc độ của xe phía trước kể cả khi không đạp chân ga. Ở chế độ duy trì tốc độ cố định, xe sẽ chạy ở tốc độ cố định.

Sử dụng điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa đường cao tốc.

- Chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước (→P.218)
- Chế độ điều khiển tốc độ ổn định (→P.221)

Các thiết bị của hệ thống

n Hiển thị bảng táp lô

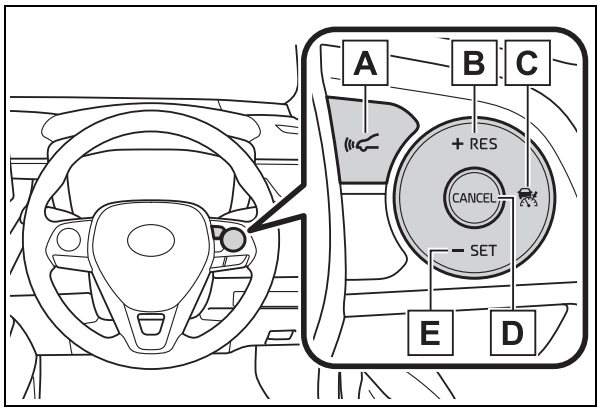


A Màn hình đa thông tin

B Tốc độ đặt trước

C Đèn chỉ báo

n Công tắc điều khiển



A Công tắc đặt khoảng cách với xe phía trước

B Công tắc "+RES"

C Công tắc chính điều khiển chạy tự động

D Công tắc Cancel (hủy)

E Công tắc "-SET"

⚠ CẢNH BÁO

n Trước khi sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa

l Lái xe an toàn là trách nhiệm của người lái. Không được quá phụ thuộc vào hệ thống, và hãy lái xe an toàn bằng cách luôn luôn chú ý xung quanh bạn.

l Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa sẽ hỗ trợ người lái khi lái xe. Tuy nhiên, có một số hạn chế đối với việc hỗ trợ của hệ thống.

Hãy đọc kỹ các điều kiện sau. Không được quá phụ thuộc vào hệ thống và luôn lái xe một cách cẩn thận.

- Những trường hợp cảm biến có thể không thể phát hiện được xe chạy phía trước: →P.223
- Những tình huống mà chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước có thể sẽ không hoạt động chính xác: →P.224

l Đặt tốc độ phù hợp tùy vào mức giới hạn tốc độ, mật độ giao thông, tình trạng đường sá, điều kiện thời tiết,… Người lái phải kiểm tra tốc độ đặt trước.

l Ngay cả khi hệ thống đang hoạt động bình thường, hệ thống xác định xe phía trước có thể khác với tình trạng quan sát bởi người lái. Do đó, người lái luôn phải chú ý, đánh giá mức độ nguy hiểm của từng tình huống và lái xe an toàn. Tin tưởng vào hệ thống này hoặc coi hệ thống luôn đảm bảo an toàn khi lái có thể dẫn đến gây tai nạn, và có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Hãy tắt cài đặt hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa bằng công tắc chính điều khiển tự động khi không sử dụng.

n Các lưu ý liên quan đến hệ thống hỗ trợ lái xe

Hãy tuân theo các lưu ý sau, bởi hệ thống có một số hạn chế của hệ thống trong việc hỗ trợ khi lái xe. Nếu không có thể gây ra tai nạn dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Hỗ trợ người lái đo khoảng cách thích hợp

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa chỉ được dùng để giúp người lái xác định khoảng cách giữa xe và xe khác chạy phía trước. Hệ thống này không có chức năng hỗ trợ người lái khi họ sao nhãng hoặc lái xe thiếu cẩn thận, và nó không hỗ trợ người lái tăng khả năng quan sát khi lái xe trong điều kiện tầm nhìn kém.

Người lái vẫn cần tập trung quan sát xung quanh xe.

⚠ CẢNH BÁO

l Hỗ trợ người lái phán đoán khoảng cách thích hợp

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa sẽ xác định xem khoảng khoảng cách giữa xe của bạn và xe chạy phía trước có nằm trong giới hạn đã đặt không. Ngoài ra nó không có khả năng thực hiện bất kỳ đánh giá nào khác. Do đó, người lái vẫn phải tuyệt đối tập trung và đánh giá xem có nguy hiểm nào tồn tại trong một tình huống bất kỳ.

l Hỗ trợ người lái điều khiển xe

Chức năng điều khiển chạy tự động bằng theo dõi bằng không bao gồm các chức năng phòng tránh hoặc ngăn ngừa va chạm với xe phía trước. Do đó, nếu có nguy cơ bị va chạm, người lái phải ngay lập tức trực tiếp điều khiển xe một cách phù hợp để đảm bảo an toàn trong mọi trường hợp.

n **Những trường hợp không phù hợp để sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa**

Không sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa trong các trường hợp sau. Nếu không, có thể sẽ làm cho việc kiểm soát tốc độ không phù hợp và có thể gây ra tai nạn dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

l Khi trên đường có nhiều người đi bộ và người đi xe đạp...

l Khi đường đông

l Khi trên đường có nhiều khúc cua gấp

l Khi lái xe trên đường quanh co

l Khi lái xe trên đường trơn trượt, như đường bị ngập nước hay bị băng tuyết bao phủ

l Khi lái xe trên đường dốc đứng hoặc khi lái xe trên đường có độ dốc thay đổi liên tục

Tốc độ xe có thể vượt quá tốc độ đã được cài đặt trong khi lái xe xuống dốc đứng.

l Tại các lối vào đường cao tốc

l Khi điều kiện thời tiết xấu có thể làm ảnh hưởng đến chức năng của cảm biến (sương mù, tuyết rơi, bão cát, mưa lớn...)

l Khi trời mưa, tuyết… bám trên bề mặt phía trước của cảm biến ra đa và camera phía trước

l Khi tình trạng giao thông yêu cầu người lái thường xuyên phải tăng và giảm tốc

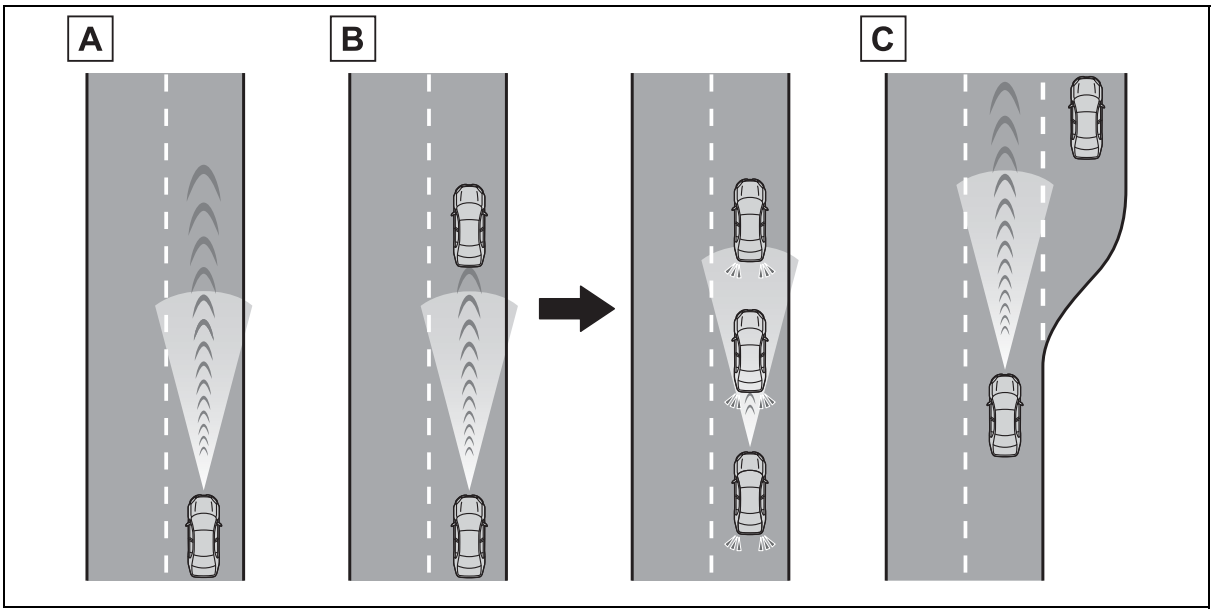
l Trong khi kéo xe khẩn cấp

l Khi thường xuyên nghe thấy tiếng chuông cảnh báo xe tiến tới gần xe khác

Chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước

Chế độ này sử dụng một cảm biến ra-đa để phát hiện các xe chạy phía trước cách xe bạn tối đa 100 m, xác định khoảng cách hiện tại với xe đang chạy phía trước và điều khiển duy trì khoảng cách phù hợp với xe chạy phía trước. Khoảng cách với xe chạy phía trước bạn cần có thể được cài đặt bằng cách vận hành công tắc điều khiển khoảng cách với xe chạy trước.

Khi lái xe xuống dốc, khoảng cách với xe sẽ ngắn hơn.



A Ví dụ khi lái xe ở tốc độ cố định
Khi không có xe chạy phía trước

Xe chạy ở tốc độ đặt trước của người lái.

B Ví dụ khi xe bám theo sau xe khác và xe giảm tốc
Khi xe phía trước chạy chậm hơn tốc độ đặt trước

Khi xe phát hiện thấy có xe chạy phía trước, hệ thống sẽ tự động giảm tốc độ xe. Khi cần giảm tốc độ nhiều hơn, hệ thống sẽ gài phanh (đèn phanh sáng lên ở thời điểm này). Hệ thống sẽ liên tục theo dõi tốc độ của xe chạy phía trước và điều khiển xe để duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước theo cài đặt của người lái. Cảnh báo xe tiến tới gần xe khác sẽ cảnh báo cho bạn biết rằng hệ thống không thể giảm tốc đủ để giữ khoảng cách an toàn với xe chạy phía trước.

Khi gạt cần điều khiển đèn xi nhan và xe đang di chuyển sang làn xe cho vượt ở tốc độ từ 80 km/h trở lên, xe sẽ tăng ga để giúp xe vượt xe đang chạy.

Hệ thống nhận biết làn cho vượt có thể được xác định bằng cách dựa vào vị trí của vô lăng của xe (vị trí người lái phía bên trái hoặc vị trí người lái bên phải.) Nếu lái xe ở khu vực làn cho vượt khác với điều kiện lái xe bình thường, xe có thể tăng ga khi cần điều khiển xi nhan được điều khiển về phía ngược lại với

làn cho vượt (nghĩa là nếu bình thường lái xe ở những vùng mà làn cho lượt ở bên phải nhưng bạn đang lái xe ở vùng mà làn cho vượt ở bên trái, xe có thể tăng ga khi tín hiệu xi nhan bên phải được kích hoạt).

C Ví dụ khi tăng tốc

Khi không có bất kỳ xe chạy phía trước nào có tốc độ thấp hơn tốc độ đặt trước

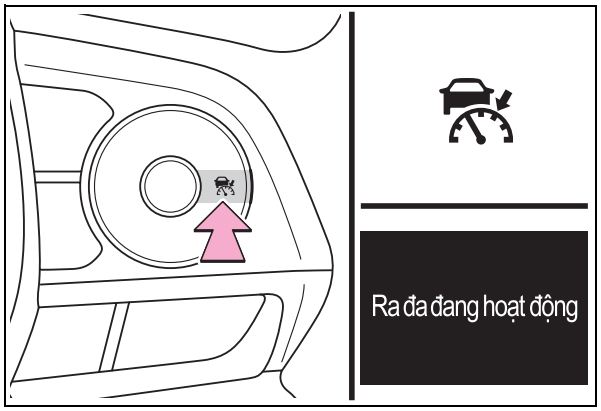
Hệ thống sẽ tăng tốc độ xe cho tới khi đạt được tốc độ đặt trước. Sau đó hệ thống sẽ trở về chạy tự động với tốc độ ổn định.

Cài đặt tốc độ xe (chế độ điều chỉnh khoảng cách với xe chạy phía trước)

1 Hãy ấn công tắc chính điều khiển chạy tự động để kích hoạt hệ thống.

Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa sẽ sáng lên và thông điệp sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin. Ấn công tắc này một lần nữa để vô hiệu hóa điều khiển chạy tự động.

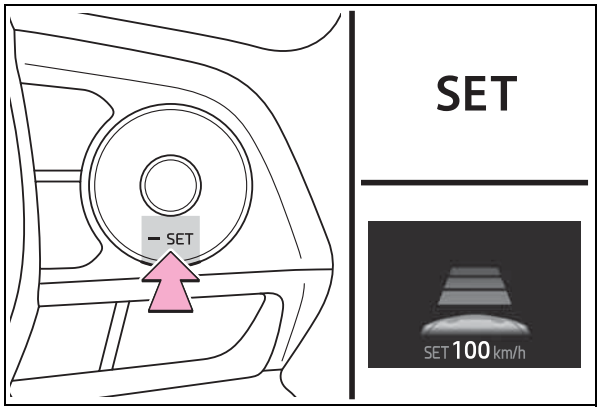
Nếu ấn và giữ công tắc chính điều khiển chạy tự động trong vòng 1.5 giây trở lên, hệ thống sẽ bật chế độ điều khiển tốc độ cố định. (→P.221)



2 Tăng tốc hoặc giảm tốc bằng cách điều khiển bàn đạp ga tới tốc độ mong muốn (bằng hoặc lớn hơn 30 km/h) và ấn công tắc "-SET" xuống để đặt tốc độ.

Đèn chỉ báo "SET" điều khiển chạy tự động sẽ sáng lên.

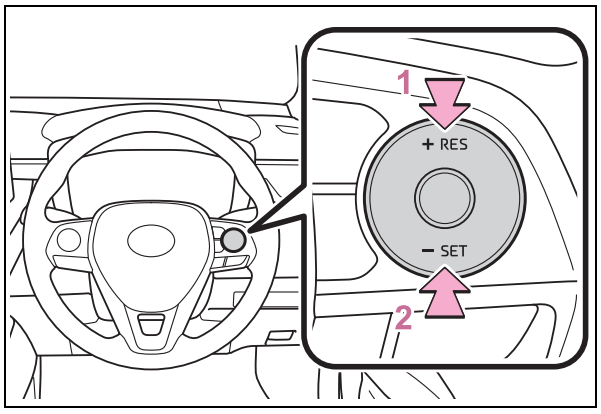
Tốc độ xe tại thời điểm nhả công tắc ra sẽ trở thành tốc độ cài đặt.



Điều chỉnh tốc độ đặt trước

● Điều chỉnh tốc độ đặt trước bằng công tắc

Để thay đổi tốc độ đặt trước, hãy điều khiển công tắc "+RES" hoặc "-SET" cho đến khi hiển thị tốc độ đặt trước mong muốn.



1 Tăng tốc độ

2 Giảm tốc

Điều chỉnh nhỏ: Hãy ấn công tắc.

Điều chỉnh lớn: Hãy ấn và giữ công tắc để thay đổi tốc độ, và nhả ra khi đạt được tốc độ mong muốn.

Ở chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước, tốc độ đặt trước sẽ tăng lên hoặc giảm đi như sau:

Điều chỉnh nhỏ: Thay đổi khoảng 1 km/h với mỗi lần ấn công tắc

Điều chỉnh lớn: Tốc độ sẽ tăng hoặc giảm 5 km/h khi giữ công tắc

Trong chế độ điều khiển xe ở tốc độ ổn định (→P.221), tốc độ đặt trước sẽ tăng lên hoặc giảm đi như sau:

Điều chỉnh nhỏ: Thay đổi khoảng 1 km/h với mỗi lần ấn công tắc

Điều chỉnh lớn: Tốc độ sẽ tiếp tục thay đổi khi giữ công tắc.

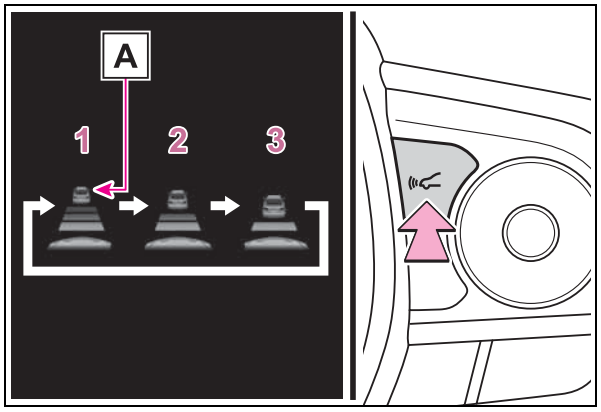
- Tăng tốc độ đặt trước bằng bàn đạp ga

1 Vận hành bàn đạp ga để tăng tới tốc độ xe mong muốn

2 Ấn công tắc "-SET"

Thay đổi khoảng cách với xe chạy phía trước (chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước)

Ấn công tắc này sẽ thay đổi khoảng cách với xe chạy phía trước như sau:



1 Dài

2 Trung bình

3 Ngắn

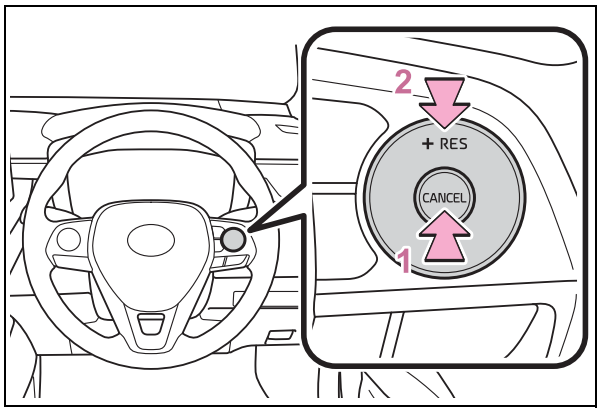
Nếu có xe chạy phía trước xe bạn, dấu hiệu xe chạy phía trước A cũng sẽ hiển thị.

Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước (chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước)

Hãy lựa chọn khoảng cách thiết lập theo bảng sau. Xin hãy lưu ý rằng khoảng cách này tương ứng với tốc độ chạy xe 80 km/h. Khoảng cách với xe chạy phía trước sẽ tăng lên/giảm xuống theo tốc độ của xe.

Chọn khoảng cách	Khoảng cách với xe chạy phía trước
Dài	Xấp xỉ 50 m
Trung bình	Xấp xỉ 40 m
Ngắn	Xấp xỉ 30 m

Hủy và khôi phục chức năng điều khiển tốc độ



1 Việc ấn công tắc cancel (hủy) sẽ hủy điều khiển tốc độ.

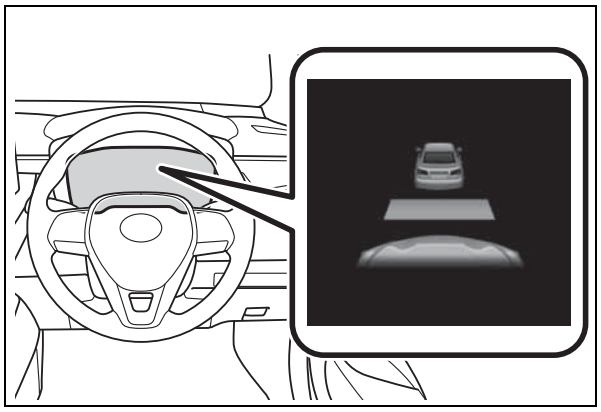
Chức năng điều khiển tốc độ sẽ bị hủy khi đạp bàn đạp phanh.

2 Việc ấn công tắc "+RES" sẽ khôi phục điều khiển chạy tự động và tốc độ của xe sẽ trở lại tốc độ đặt trước.

Tuy nhiên, chức năng điều khiển chạy tự động sẽ không khôi phục khi tốc độ xe xấp xỉ từ 25 km/h trở xuống.

Cảnh báo xe tiến tới gần xe khác (Chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước)

Khi xe của bạn tiến tới quá gần xe phía trước, và mức độ tự động giảm tốc của xe bằng hệ thống điều khiển chạy tự động là không đủ, màn hình sẽ nhấp nháy và chuông sẽ kêu để cảnh báo cho người lái. Một ví dụ khác là khi một xe khác cắt ngang phía trước xe bạn trong khi bạn đang đi sau một xe khác. Hãy phanh xe để đảm bảo khoảng cách thích hợp với xe trước đó.



n Các cảnh báo có thể sẽ không xuất hiện khi

Trong các trường hợp sau, thông điệp cảnh báo sẽ không xuất hiện ngay cả khi khoảng cách với xe chạy phía trước là nhỏ.

- Khi tốc độ của xe chạy phía trước bằng hoặc lớn hơn tốc độ của xe bạn
- Khi xe phía trước chạy quá chậm
- Ngay sau khi đặt tốc độ chạy tự động
- Khi nhấn bàn đạp ga

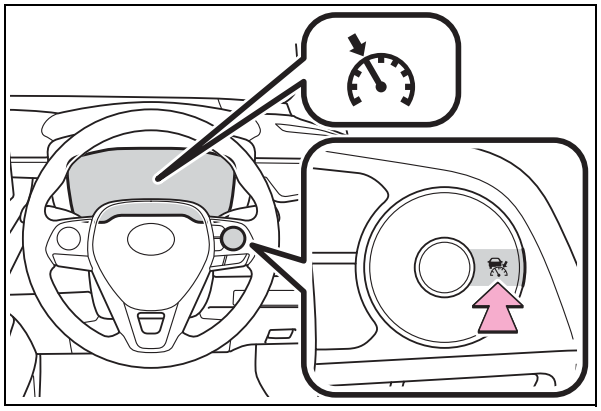
Chọn chế độ điều khiển tốc độ ổn định

Ở chế độ điều khiển tốc độ cố định, xe sẽ duy trì tốc độ đặt trước mà không điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước. Chỉ chọn chế độ này khi chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước không hoạt động chính xác do có bụi bẩn bám vào cảm biến ra đa,...

1 Với hệ thống điều khiển chạy tự động tắt, hãy ấn và giữ công tắc chính điều khiển chạy tự động trong 1.5 giây trở lên.

Ngay sau khi ấn công tắc, đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa sẽ sáng lên. Sau đó, nó chuyển đến chỉ báo điều khiển chạy tự động.

Chỉ có thể chuyển đến chế độ ổn định khi tắt công tắc điều khiển chạy tự động.



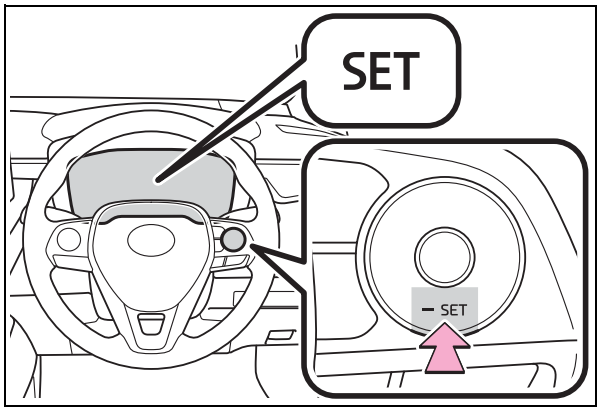
2 Tăng tốc hoặc giảm tốc bằng cách điều khiển bàn đạp ga tới tốc độ mong muốn (bằng hoặc lớn hơn 30 km/h) và ấn công tắc "-SET" xuống để đặt tốc độ.

Đèn chỉ báo "SET" điều khiển chạy tự động sẽ sáng lên.

Tốc độ xe tại thời điểm nhả công tắc ra sẽ trở thành tốc độ cài đặt.

Điều chỉnh cài đặt tốc độ: →P.219

Hủy và khôi phục tốc độ đặt trước: →P.221



n Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa có thể được cài đặt khi

- Cần chọn số đang ở vị trí D.
- Tùy thuộc vào chế độ điều khiển, hạng mục này có thể đặt được ở các tốc độ sau.
  - Chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước: Xấp xỉ 30 km/h trở lên.
  - Chế độ điều khiển tốc độ ổn định: Xấp xỉ 30 km/h trở lên.

n Tăng tốc sau khi cài đặt tốc độ xe

Xe có thể tăng tốc bằng cách nhấn bàn đạp ga. Sau khi tăng tốc, tốc độ sẽ trở về mức đặt trước. Tuy nhiên, khi ở chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước, tốc độ xe sẽ giảm dưới tốc độ đặt trước để duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước.

n Tự động hủy chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước

Chế độ điều khiển theo khoảng cách với xe chạy phía trước sẽ tự động bị hủy trong các trường hợp sau.

- Tốc độ xe thực tế giảm xuống dưới xấp xỉ 25 km/h.
- Khi hệ thống điều khiển ổn định xe (VSC) được kích hoạt.
- TRC được kích hoạt trong một thời gian.
- Khi tắt hệ thống VSC hoặc TRC.
- Khi cảm biến không hoạt động

chính xác do nó bị che phủ.

- Khi chức năng điều khiển phanh hoặc điều khiển hạn chế công suất của hệ thống hỗ trợ lái hoạt động. (Ví dụ: Hệ thống cảnh báo tiền va chạm, hệ thống Điều khiển khởi động - dẫn động)

Nếu chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước tự động bị hủy do bất kỳ một nguyên nhân nào khác ở trên, thì hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

n Tự động hủy chế độ điều khiển tốc độ ổn định

Chế độ điều khiển tốc độ ổn định sẽ tự động bị hủy trong các trường hợp sau:

- Khi tốc độ thực tế của xe lớn hơn xấp xỉ 16 km/h trở lên so với tốc độ đặt trước.
- Khi tốc độ thực tế của xe thấp hơn 30 km/h.
- Khi hệ thống điều khiển ổn định xe (VSC) được kích hoạt.
- TRC được kích hoạt trong một thời gian.
- Khi tắt hệ thống VSC hoặc TRC.
- Khi chức năng điều khiển phanh hoặc điều khiển hạn chế công suất của hệ thống hỗ trợ lái hoạt động. (Ví dụ: Hệ thống cảnh báo tiền va chạm, hệ thống Điều khiển khởi động - dẫn động)

Nếu chế độ giữ tốc độ ổn định tự động bị hủy do bất kỳ một nguyên nhân nào khác ở trên, thì hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

n Hoạt động của phanh

Có thể nghe thấy tiếng hoạt động của phanh và phản hồi của bàn đạp phanh có thể thay đổi, nhưng đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

n Chuông báo và thông điệp cảnh báo của hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa

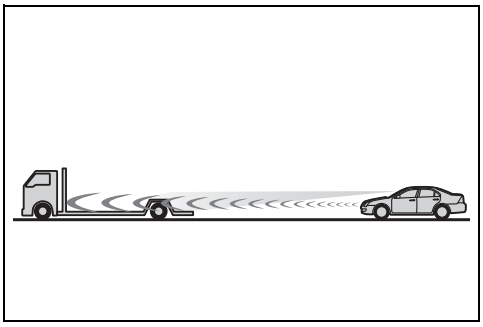
Chuông báo và thông điệp cảnh báo được sử dụng để chỉ báo một hệ thống bị lỗi hoặcchỉ ra rằngngười lái cần phải chú ý khi lái xe. Khi thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy đọc các thông báo và tuân theo các hướng dẫn. (→P.179, 353)

n Những trường hợp cảm biến có thể không thể phát hiện được xe chạy phía trước

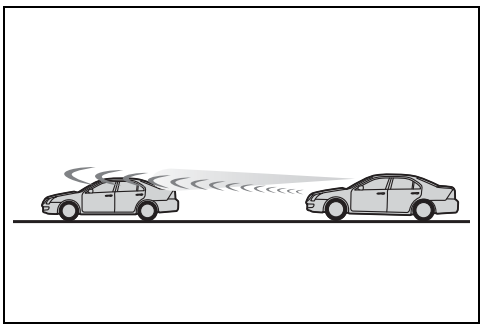
Trong trường hợp dưới đây và tùy vào tình huống, hãy đạp phanh khi việc giảm tốc của hệ thống là không đủ hoặc đạp ga khi cần tăng tốc.

Do cảm biến có thể sẽ không xác định được chính xác các loại xe đó, chức năng cảnh báo xe tiến tới gần xe khác (→P.221) có thể sẽ không được kích hoạt.

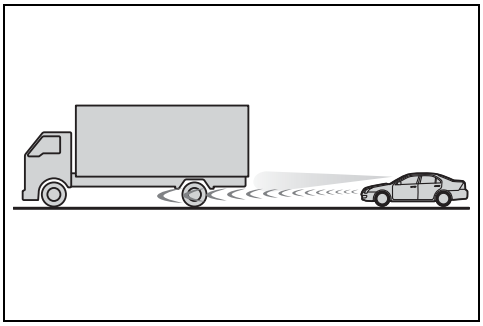
- Khi bị xe khác tạt đầu
- Khi xe phía trước chạy quá chậm
- Nhiều xe không chạy cùng làn
- Khi xe phía trước có phần đuôi quá nhỏ (như xe kéo chạy không tải…)



- Khi gặp xe mô tô chạy cùng làn
- Khi các xe xung quanh làm bắn nước và tuyết lên cảm biến, và ảnh hưởng đến việc phát hiện của cảm biến
- Khi phần đầu xe bị nhấc lên (do chất tải nặng trong khoang để hành lý…)



- Khi xe phía trước có khoảng sáng gầm xe cực lớn

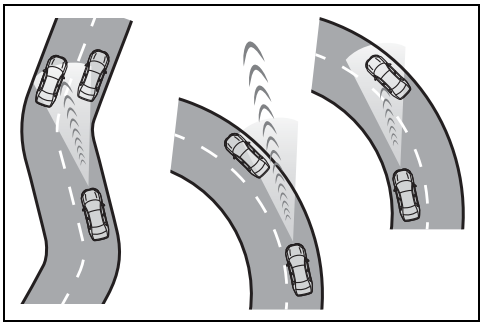


Những tình huống mà chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước có thể sẽ không hoạt động chính xác

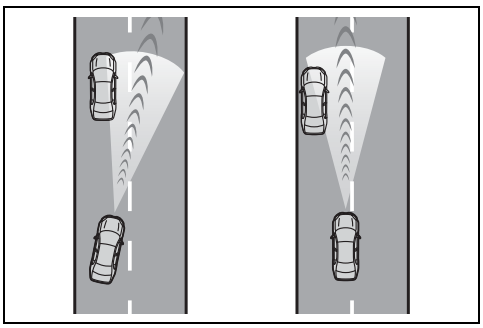
Trong các tình huống sau, hãy đạp phanh (hoặc đạp ga, tùy theo tình huống thực tế) khi cần thiết.

Do cảm biến có thể sẽ không xác định chính xác được xe phía trước, nên hệ thống có thể sẽ không hoạt động chính xác.

- Khi vào cua hoặc khi làn đường hẹp



- Khi bạn điều khiển vô lăng hoặc vị trí của xe trong làn không được giữ ổn định



- Khi xe chạy phía trước giảm tốc đột ngột
- Khi lái xe trên đường bị che chắn, như khi đi qua hầm hoặc cầu
- Khi tốc độ xe đang giảm xuống tới tốc độ đặt trước sau khi xe được tăng tốc bằng cách đạp ga

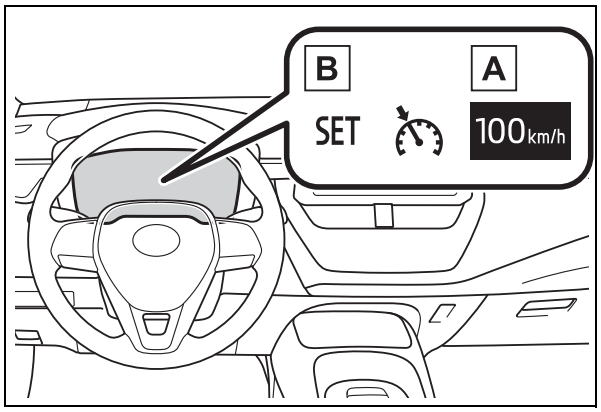
Hệ thống điều khiển chạy tự động*

*: Nếu có

Sử dụng chức năng điều khiển chạy tự động để duy trì tốc độ đặt trước của xe mà không cần phải đạp bàn đạp ga.

Các chi tiết của hệ thống

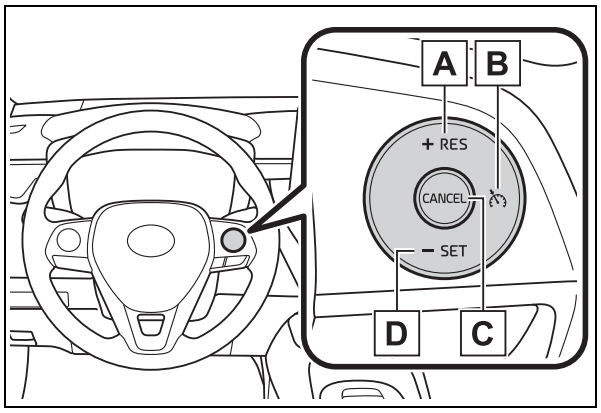
n **Hiển thị bảng táp lô**



A Tốc độ đặt trước

B Đèn chỉ báo

n **Công tắc điều khiển**



A Công tắc "+RES"

B Công tắc chính điều khiển chạy tự động

C Công tắc Cancel (hủy)

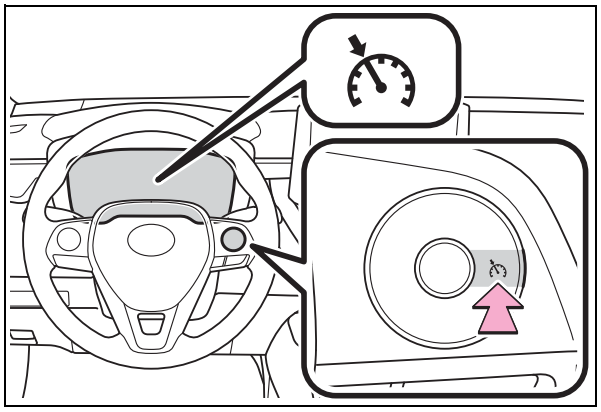
D Công tắc "-SET"

Cài đặt tốc độ xe

1 Hãy ấn công tắc chính điều khiển chạy tự động để kích hoạt hệ thống.

Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động sẽ sáng lên.

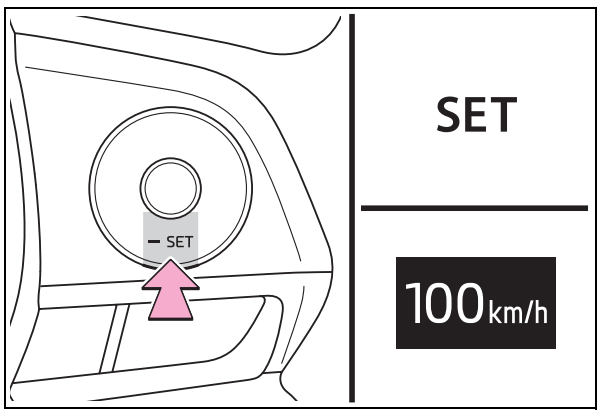
Ấn công tắc này một lần nữa để vô hiệu hóa điều khiển chạy tự động.



2 Tăng tốc hoặc giảm tốc tới tốc độ mong muốn, và ấn công tắc "-SET" để thiết lập tốc độ.

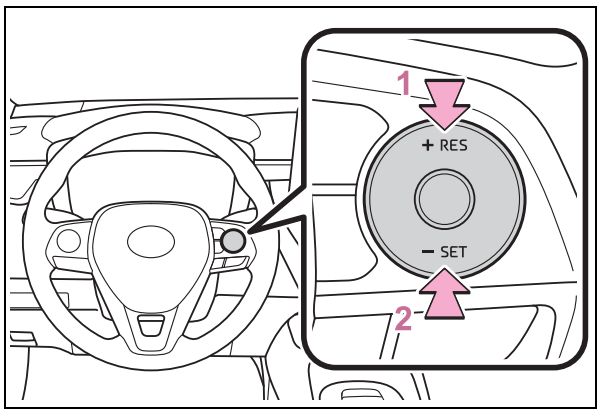
Chỉ báo "SET" của hệ thống điều khiển chạy tự động và tốc độ đã được đặt sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Tốc độ xe tại thời điểm nhả công tắc ra sẽ trở thành tốc độ cài đặt.



Điều chỉnh tốc độ đặt trước

Để thay đổi tốc độ đặt trước, hãy điều khiển công tắc "+RES" hoặc "-SET" cho đến khi đạt được tốc độ đặt trước mong muốn.



1 Tăng tốc độ

2 Giảm tốc độ

Điều chỉnh nhỏ: Hãy ấn công tắc đến hướng mong muốn.

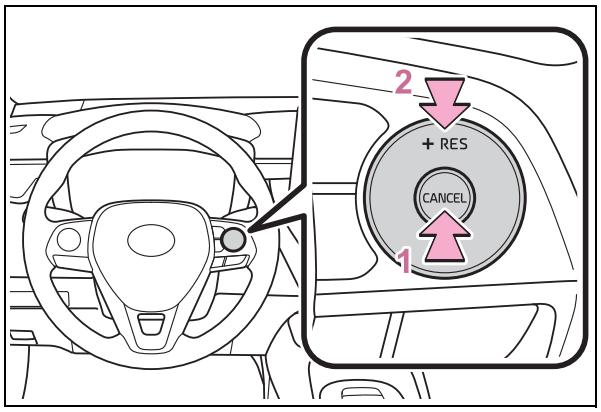
Điều chỉnh lớn: Ấn và giữ công tắc.

Tốc độ đặt trước sẽ tăng lên hoặc giảm đi như sau:

Điều chỉnh nhỏ: Thay đổi khoảng 1 km/h với mỗi lần ấn công tắc

Điều chỉnh lớn: Tốc độ đặt trước sẽ tăng hoặc giảm liên tục cho tới khi công tắc được nhả ra.

Hủy và khôi phục chức năng điều khiển tốc độ ổn định



1 Việc ấn công tắc hủy để tắt điều khiển tốc độ ổn định.

Việc cài đặt tốc độ cũng sẽ bị hủy khi gài phanh.

2 Việc ấn công tắc "+RES" để khôi phục chức năng điều khiển tốc độ ổn định.

Bạn có thể khôi phục chức năng điều khiển tốc độ ổn định khi tốc độ xe lớn hơn 30 km/h.

---

n **Có thể đặt hệ thống điều khiển chạy tự động khi**

l Cần chọn số đang ở vị trí D.

l Khi tốc độ xe lớn hơn khoảng 30 km/h.

n **Tăng tốc sau khi cài đặt tốc độ xe**

l Xe có thể tăng tốc bình thường. Sau khi tăng tốc, tốc độ đặt trước sẽ khôi phục.

l Ngay cả khi bạn chưa tắt điều khiển chạy tự động, bạn có thể tăng tốc độ thiết lập bằng cách tăng tốc độ xe đến tốc độ mong muốn, sau đó ấn công tắc "-SET" để đặt tốc độ mới.

n **Tự động ngừng chế độ chạy tự động**

Hệ thống điều khiển chạy xe tự động sẽ ngừng duy trì tốc độ của xe trong

các trường hợp sau.

- Khi tốc độ thực tế của xe thấp hơn tốc độ đặt trước của xe khoảng 16 km/h.
  Lúc này, tốc độ đặt trước đã lưu trong bộ nhớ sẽ không được giữ lại.
- Khi tốc độ xe nhỏ hơn khoảng 30 km/h.
- Khi hệ thống điều khiển ổn định xe (VSC) được kích hoạt.
- TRC được kích hoạt trong một thời gian.
- Khi tắt hệ thống VSC hoặc TRC bằng cách ấn vào công tắc VSC OFF.

n Khi một thông điệp cảnh báo liên quan tới hệ thống điều khiển chạy tự động xuất hiện trên màn hình đa thông tin

Ấn công tắc chính điều khiển chạy tự động để tắt hệ thống điều khiển chạy tự động, và sau đó ấn nút một lần nữa để kích hoạt lại hệ thống. Nếu không thể thiết lập được tốc độ điều khiển chạy xe tự động hoặc nếu việc điều khiển chạy tự động bị hủy ngay sau khi được kích hoạt, thì có thể đã có trục trặc trong hệ thống điều khiển chạy tự động. Yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

⚠ CẢNH BÁO

n Để tránh vô tình kích hoạt hệ thống điều khiển chạy tự động

Hãy tắt hệ thống điều khiển chạy tự động bằng công tắc chính khi không sử dụng tới.

n Những điều kiện không thích hợp để sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động

Không sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động khi gặp một trong các trường hợp sau.
Nếu không có thể sẽ gây mất lái và dẫn đến tai nạn, gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Khi đường đông
- Khi trên đường có nhiều khúc cua gấp
- Khi lái xe trên đường quanh co
- Khi lái xe trên đường trơn trượt, như đường bị ngập nước hay bị băng tuyết bao phủ
- Khi xe trên dốc nghiêng

Tốc độ xe có thể vượt quá tốc độ đã được cài đặt trong khi lái xe xuống dốc đứng.

- Trong khi kéo xe khẩn cấp

Theo dõi điểm mù (BSM)*

*: Nếu có

Hệ thống theo dõi điểm mù là hệ thống sử dụng cảm biến ra-đa bên phía sau được lắp bên trong của cản sau trái và phải để hỗ trợ người lái xác nhận an toàn khi chuyển làn.

⚠ CẢNH BÁO

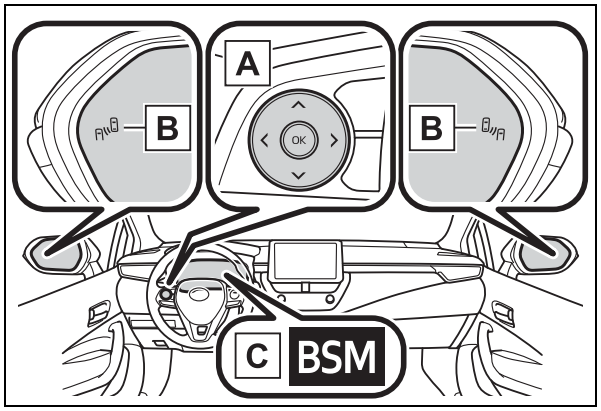
n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

Người lái chịu trách nhiệm đến an toàn khi lái xe. Do đó luôn phải đảm bảo an toàn khi lái xe, hãy quan sát xung quanh xe.

Hệ thống theo dõi điểm mù là hệ thống bổ sung giúp cảnh báo người lái rằng xe đang trong điểm mù của các gương chiếu hậu bên ngoài hoặc xe đang tiếp cận nhanh từ phía sau của điểm mù. Không quá phụ thuộc nhiều vào hệ thống này. Vì chức năng sẽ không thể phán đoán liệu có an toàn để chuyển làn, do đó việc quá phụ thuộc vào hệ thống có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Do hệ thống có thể sẽ không hoạt động chính xác trong một số trường hợp, người lái cần phải xác nhận tình trạng thực tế bằng mắt thường để đảm bảo an toàn khi cần thiết.

Các chi tiết của hệ thống



A Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô

Bật/tắt màn hình theo dõi điểm mù.

B Các đèn chỉ báo cho gương chiếu hậu bên ngoài

Khi một xe được phát hiện đang nằm trong khu vực điểm mù của các gương chiếu hậu bên ngoài xe hoặc một xe đang tiếp cận nhanh từ phía sau tới điểm mù của xe, chỉ báo gương chiếu hậu bên ngoài xe ở phía phát hiện sẽ sáng lên. Khi công tắc xi nhan đang gạt về phía được phát hiện, đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu phía ngoài sẽ nháy.

C Chỉ báo BSM

Sáng lên khi màn mình theo dõi điểm mù được bật

n **Khả năng quan sát đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài**

Khi dưới ánh nắng chói, sẽ rất khó để quan sát đèn chỉ báo gương chiếu hậu phía ngoài.

n **Khi thông báo "BSM không khả dụng" hiển thị trên màn hình đa thông tin**

Có thể đã có tuyết, bùn,… đang bám vào các cảm biến trên cản xe sau. (→P.229) Hệ thống sẽ trở về hoạt động bình thường sau khi làm sạch

đá, tuyết, bùn.. khỏi cản xe. Ngoài ra, cảm biến có thể bị hư hỏng nếu sử dụng trong thời tiết quá nóng hoặc quá lạnh.

n Khi xuất hiện cảnh báo "Lỗi hệ thống theo dõi điểm mù Hỏi ý kiến đại lý" trên màn hình đa thông tin

Có thể cảm biến đã bị lỗi do lắp lệch. Yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Tùy chọn

Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.387)

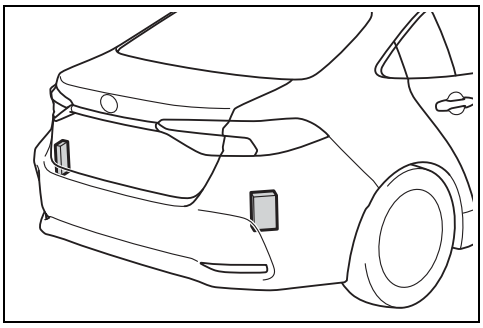
⚠ CẢNH BÁO

n Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác

Cảm biến theo dõi điểm mù được lắp phía sau bên trái và bên phải của cản sau. Hãy tuân theo các chú ý sau để đảm bảo chức năng theo dõi điểm mù có thể hoạt động chính xác.

- Luôn giữ cho các cảm biến và các khu vực xung quanh cản sau luôn sạch.

Nếu một cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau bị bẩn hoặc bị che phủ bởi băng tuyết, chức năng BSM (theo dõi điểm mù) có thể sẽ không hoạt động và một thông điệp cảnh báo (→P.228) sẽ được xuất hiện trên màn hình. Trong tình huống này, hãy lau sạch bụi hoặc làm sạch tuyết và lái xe với điều kiện hoạt động của chức năng BSM (→P.231) trong khoảng 10 phút. Nếu thông điệp cảnh báo không biến mất, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.



- Không gắn bất kỳ các phụ kiện nào hoặc các miếng dán (gồm cả băng dính trong suốt), băng dán nhôm...lên cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau.
- Không để cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau bị va chạm mạnh.
  Nếu cảm biến bị lệch vị trí dù chỉ một chút, hệ thống có thể bị lỗi và xe không được phát hiện chính xác.
  Trong những trường hợp sau, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.
  - Cảm biến hoặc các khu vực xung quanh cảm biến đã chịu va chạm mạnh.

- Nếu khu vực xung quanh cảm biến bị xước hoặc bị biến dạng, hoặc một phần của chúng bị rời ra.

l Không tháo rời cảm biến.

l Không sửa đổi cảm biến hoặc khu vực xung quanh trên cản sau của xe.

l Nếu cảm biến hoặc cản sau của xe cần được tháo/lắp hoặc thay thế, hãy yêu cầu đại lý Toyota giúp bạn.

l Chỉ sơn lên cản sau của xe bằng các màu tiêu chuẩn của Toyota.

Bật/tắt màn hình theo dõi điểm mù

Sử dụng các nút điều khiển đồng hồ táp lô để bật/tắt chức năng.

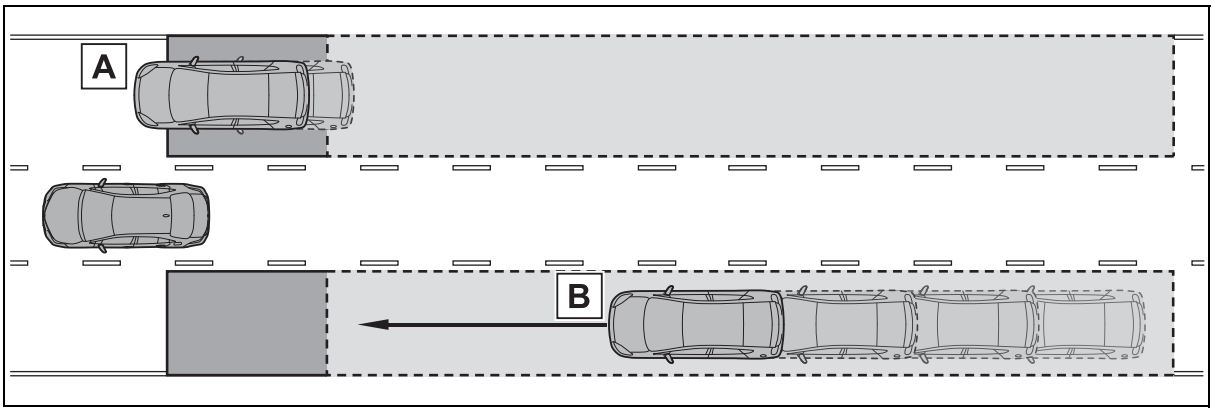
1 Ấn 〈 hoặc 〉 để chọn  (màn hình 7-inch) hoặc (màn hình 12.3-inch)

2 Ấn nút ∧ hoặc ∨ để chọn  và sau đó ấn OK .

Hoạt động theo dõi điểm mù

n **Xe có thể được phát hiện bằng chức năng theo dõi điểm mù**

Chức năng theo dõi điểm mù sử dụng cảm biến ra-đa phía sau để phát hiện những xe đang đi ở làn liền kề và nhắc cho người lái thông qua các đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu phía ngoài.

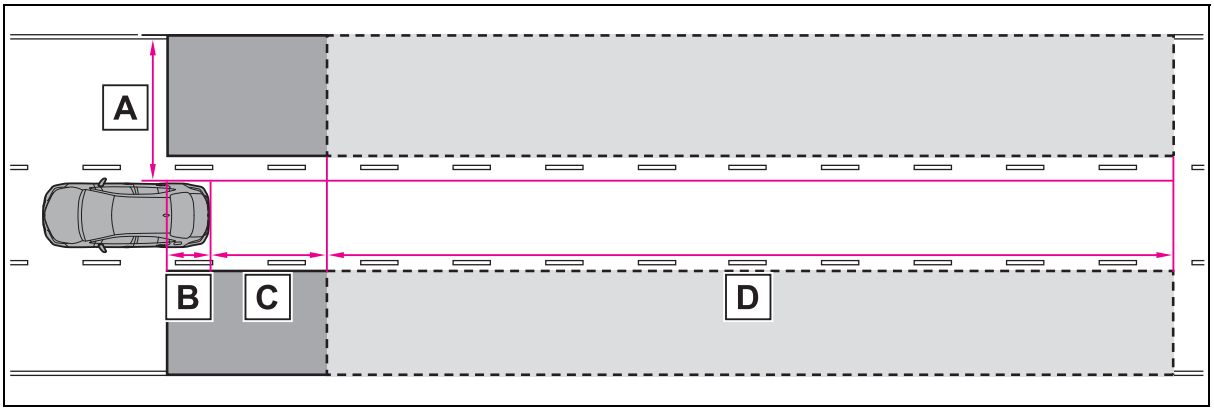


A Những xe đang đi trong khu vực mà không quan sát được trên gương chiếu hậu bên ngoài (các điểm mù)

B Các xe đến nhanh từ khu vực phía sau sẽ không nhìn thấy được trên gương chiếu hậu bên ngoài (các điểm mù)

n **Khu vực phát hiện của chức năng theo dõi điểm mù**

Các khu vực mà xe có thể phát hiện được như hình dưới đây.



Phạm vi của từng khu vực phát hiện là:

A Khoảng từ 0.5 m đến 3.5 m tính từ hông của xe*[*1]

B Khoảng 1 m về phía trước của cản sau

C Khoảng 3 m tính từ cản sau

D Khoảng 3 m đến 60 m tính từ cản sau*[*2]

*1: Khu vực giữa hông xe và 0,5 m tính từ hông xe không thể phát hiện.

*2: Nếu mức độ chênh lệch tốc độ giữa xe của bạn và xe được phát hiện càng cao thì xe được phát hiện càng xa, và làm cho đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe sáng lên hoặc nhấp nháy.

n Chức năng theo dõi điểm mù sẽ hoạt động khi

Hệ thống theo dõi điểm mù sẽ hoạt động khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Màn hình theo dõi điểm mù đã bật.
- Khi cần chuyển số không ở vị trí R.
- Tốc độ xe lớn hơn 16 km/h.

n Hệ thống theo dõi điểm mù sẽ phát hiện được xe khi

Hệ thống theo dõi điểm mù sẽ phát hiện vị trí của xe trong khu vực phát hiện trong các trường hợp sau:

- Xe ở làn liền kề vượt xe bạn.
- Xe bạn từ từ vượt qua xe khác ở làn liền kề.
- Xe khác đi vào khu vực phát hiện khi xe đó chuyển làn.

n Hệ thống sẽ không phát hiện được xe trong các điều kiện dưới đây

Hệ thống theo dõi điểm mù không được thiết kế để nhận diện các loại xe và/hoặc các vật thể sau

- Xe đạp, người đi bộ, xe môtô nhỏ…*
- Xe đi ngược chiều
- Dải phân cách, bức tường, biển báo, các xe đang đỗ và các vật đang đứng yên*
- Những xe sau đi cùng làn*
- Những xe đang chạy cách xe bạn 2 làn đường*
- Xe bạn vượt nhanh hoặc tạt đầu xe khác*

*: Tùy vào từng điều kiện, việc phát hiện xe và/hoặc vật thể có thể xảy ra.

n Những điều kiện sau đây hệ thống có thể hoạt động không chính xác

- Hệ thống theo dõi điểm mù có thể không phát hiện đúng các xe trong các điều kiện sau:
  - Khi cảm biến bị lệch do va chạm

mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
- Khi bùn đất, tuyết, băng giá, giấy dán… che phủ cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau của xe
- Khi lái xe trên bề mặt đường ướt trong khi thời tiết xấu, như khi trời mưa to, tuyết rơi hoặc sương mù
- Khi có nhiều xe đang tiếp cận với khoảng cách giữa từng xe là nhỏ
- Khi khoảng cách giữa xe bạn và xe theo sau là ngắn
- Khi có sự chênh lệch tốc độ đáng kể giữa xe của bạn và xe đi vào vùng phát hiện
- Khi sự chệnh lệch về tốc độ của xe bạn và xe khác đang thay đổi
- Khi xe đi vào vùng phát hiện và có cùng tốc độ với xe của bạn
- Do xe của bạn được khởi hành từ vị trí dừng, xe vẫn nằm trong phạm vi phát hiện
- Khi lên và xuống dốc đứng liên tục, như đồi, các chỗ lún trên đường…
- Trên đường có nhiều góc cua gấp hoặc mặt đường gồ ghề
- Khi làn đường rộng hoặc khi lái xe trên lề đường, và ở làn liền kề đang chạy xa xe bạn.
- Khi các phụ kiện (như giá đỡ xe đạp) được lắp trên phía sau xe
- Khi có sự chênh lệch độ cao đáng kể giữa xe của bạn và xe đi vào vùng phát hiện
- Ngay sau khi hệ thống theo dõi điểm mù được bật

Các ví dụ mà chức năng theo dõi điểm mù phát hiện các xe và/hoặc vật thể khi không cần thiết:
- Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
- Khi khoảng cách giữa xe với dải phân cách, bức tường là ngắn
- Khi lên và xuống dốc đứng liên tục, như đồi, các chỗ lún trên đường…
- Khi làn đường hẹp, hoặc khi lái xe trên lề đường, và một xe khác chạy trên một làn (ngoài làn liền kề) đi vào trong khu vực phát hiện
- Trên đường có nhiều góc cua gấp hoặc mặt đường gồ ghề
- Khi lốp xe bị trượt hoặc bị quay trơn
- Khi khoảng cách giữa xe bạn và xe theo sau là ngắn
- Khi các phụ kiện (như giá đỡ xe đạp) được lắp trên phía sau xe

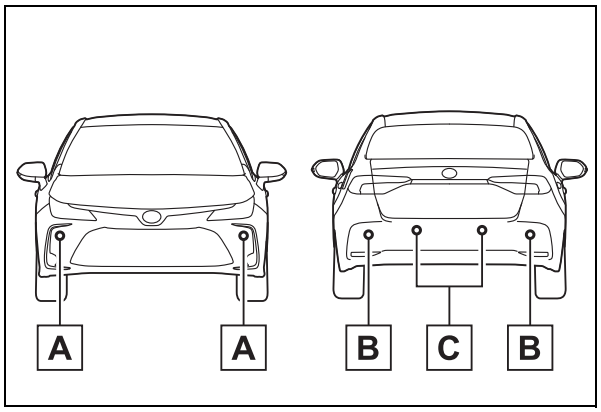
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota*

*: Nếu có

Khoảng cách từ xe bạn tới vật như bức tường khi đỗ xe song song hoặc điều khiển xe vào trong gara được đo bởi các cảm biến và giao tiếp qua màn hình đa thông tin, màn hình trên kính chắn gió (nếu có) và chuông báo. Luôn luôn kiểm tra khu vực xung quanh xe khi sử dụng hệ thống này.

Các chi tiết của hệ thống

n Các loại cảm biến



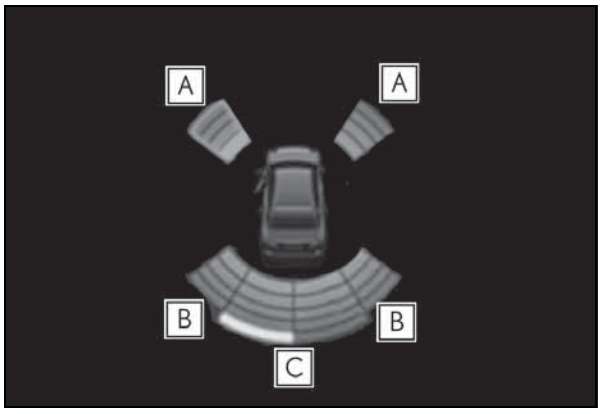
A Các cảm biến góc phía trước (nếu có)

B Các cảm biến góc phía sau (nếu có)

C Các cảm biến giữa phía sau

n Màn hình

Khi các cảm biến phát hiện được vật, như một bức tường, một hình đồ họa sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin, màn hình trên kính chắn gió (nếu có) tùy thuộc vào vị trí và khoảng cách của xe tới vật.



A Phát hiện của cảm biến góc phía trước (nếu có)

B Phát hiện của cảm biến góc phía sau (nếu có)

C Phát hiện của cảm biến giữa phía sau

Bật/tắt cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota

▶ Các công tắc điều khiển trên đồng hồ táp lô (xe có màn hình đa thông tin)

Sử dụng các nút điều khiển đồng hồ táp lô để bật/tắt cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.85, 90)

1 Ấn ❮ hoặc ❯ để chọn ⚙ (màn hình 7-inch) hoặc ⚙ (màn hình 12.3-inch)

2 Ấn nút ^ hoặc v để chọn P và sau đó ấn OK .

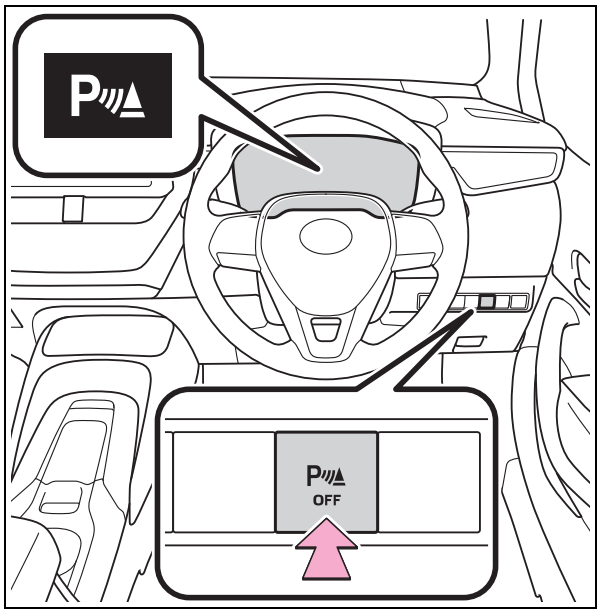
Khi chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota bị vô hiệu hóa, đèn chỉ báo OFF cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (→P.66) sẽ sáng lên.

Để kích hoạt hệ thống khi nó đã

bị vô hiệu hóa, hãy chọn (màn hình 7 inch) hoặc (màn hình 12.3 inch) trên màn hình đa thông tin, hãy chọn và sau đó bật. Nếu đã vô hiệu hóa bằng phương pháp này, hệ thống sẽ không kích hoạt lại được bằng cách tắt công tắc động cơ và sau đó bật ON.

▶ Các công tắc điều khiển trên bảng táp lô (xe có màn hình hỗ trợ lái xe)

Có thể kích hoạt/vô hiệu hóa các cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota.



⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

Do hệ thống có một số hạn chế về độ chính xác của việc phát hiện và tính năng hoạt động, vì vậy không được quá phụ thuộc vào hệ thống. Người lái luôn chịu trách nhiệm lái xe an toàn và chú ý quan sát xung quanh.

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới tình trạng lái xe mất an toàn và có thể gây tai nạn.

- Không được làm hỏng các cảm biến, luôn nhớ giữ nó sạch sẽ
- Không gắn các miếng dán hoặc thiết bị điện như đèn soi biển số (đặc biệt là kiểu đèn huỳnh quang), các đèn sương mù, cột ăng ten hoặc ăng ten gần cảm biến rađa.
- Không được để khu vực xung quanh cảm biến bị va chạm mạnh. Nếu đã bị va chạm, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn. Nếu cản xe phía trước hoặc phía sau cần được tháo/lắp hoặc thay thế, hãy liên hệ với đại lý Toyota.
- Không được chỉnh sửa hay tháo rời hoặc sơn lên các cảm biến
- Không được bọc đèn soi biển số.
- Hãy giữ lốp luôn ở áp suất chuẩn.

n **Khi vô hiệu hóa chức năng**

Những tình huống sau có thể làm kích hoạt hệ thống mặc dù không có nguy cơ bị va chạm.

- Nếu không, sẽ xuất hiện các cảnh báo nói trên.
- Khi lắp các chi tiết của hệ thống treo (treo dưới…) không phải là sản phẩm chính hiệu của Toyota lên xe.

n **Khi sử dụng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota**

Trong các trường hợp sau, hệ thống có thể không hoạt động chính xác do cảm biến trục trặc... Hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

l Khi màn hình cảm biến hỗ trợ đỗ xe nhấp nháy hoặc sáng liên tục và chuông cảnh báo kêu mặc dù không có vật thể nào ở gần.

l Khi khu vực xung quanh cảm biến bị va chạm hoặc chịu va đập mạnh.

l Khi cản xe hoặc lưới tản nhiệt đã bị va chạm.

l Nếu màn hình nháy hoặc hiển thị xuất hiện liên tục mà chuông báo không kêu, trừ chức năng tắt chuông đặt ở chế độ tắt tiếng.

l Khi màn hình thông báo lỗi, trước hết hãy kiểm tra cảm biến.
Khi xuất hiện lỗi ngay cả khi không có băng, tuyết hoặc bùn bám trên cảm biến, cảm biến có thể đã bị lỗi.

n Các lưu ý khi rửa xe

Không phun nước có áp suất cao hoặc hơi nước vào khu vực gắn cảm biến.

Nếu không có thể sẽ làm cho cảm biến bị trục trặc.

l Khi sử dụng nước áp lực cao để rửa xe, không được phun nước trực tiếp lên cảm biến, nếu không có thể gây trục trặc cảm biến.

l Nếu sử dụng hơi nước để rửa xe, không được phun trực tiếp hơi nước quá gần các cảm biến, nếu không sẽ làm trục trặc cảm biến.

n Hệ thống có thể hoạt động khi

l Công tắc động cơ ở ON.

l Chức năng của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota bật.

l Khi tốc độ xe giảm xuống nhỏ hơn xấp xỉ 10 km/h.

l Cần số ở vị trí khác P.

n Nếu "Hỗ trợ Đỗ xe Không khả dụng Hãy vệ sinh cảm biến hỗ trợ đỗ xe" được hiển thị trên màn hình đa thông tin

Cảm biến bị che phủ bởi băng, tuyết, bụi. Nếu điều này xảy ra, hãy làm sạch chúng khỏi cảm biến, thì hệ thống sẽ trở về bình thường.

Ngoài ra, do băng đã bám lên cảm biến với nhiệt độ thấp, thông điệp cảnh báo có thể được hiển thị hoặc cảm biến không thể phát hiện được vật thể. Sau khi băng tan, hệ thống sẽ trở về bình thường.

n Thông tin phát hiện của cảm biến

l Một số tình huống sau đây có thể xuất hiện khi sử dụng cảm biến đỗ xe.

- Các cảm biến chỉ có thể phát hiện được các vật ở gần các cản xe phía trước (nếu có) và cản xe sau.
- Tùy thuộc vào hình dạng của vật và các yếu tố khác mà khoảng cách phát hiện có thể sẽ bị thu ngắn lại và hệ thống có thể sẽ không phát hiện được vật thể.
- Nếu vật ở quá gần cảm biến, nó có thể sẽ không phát hiện được.
- Hình ảnh được hiển thị trên màn hình có thể sẽ đáp ứng trễ một chút so với thực tế. Ngay cả khi tốc độ thấp, có khả năng vật thể sẽ xuất hiện trong phạm vi phát hiện của cảm biến, trước khi màn hình kịp phản ứng và chuông cảnh báo kêu.
- Nếu bạn để âm lượng của hệ thống âm thanh quá cao hoặc tiếng ồn phát ra từ hệ thống điều hòa quá lớn thì có thể bạn sẽ khó nghe được tiếng kêu cảnh báo của hệ thống.
- Có thể khó nghe được tiếng chuông báo do có tiếng hoạt động của các hệ thống khác.

n Những vật thể mà hệ thống có thể không phát hiện được chính xác

Hình dạng của một số vật thể sau có thể gây trở ngại cho cảm biến khi xác định chúng. Hãy đặc biệt chú ý tới các loại vật thể sau:

l Dây điện, hàng rào, dây thừng….

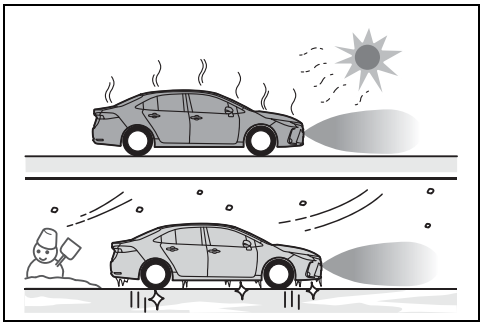
- Vải cốt tông, tuyết và các vật liệu khác có khả năng hấp thụ sóng âm thanh
- Những vật có cạnh sắc
- Các vật thể thấp
- Những vật cao có phần phía trên nhô ra bên ngoài về phía xe của bạn

Hệ thống cũng có thể sẽ không xác định được người đi bộ nếu họ mặc một số loại quần áo nhất định.

n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

Trong một số điều kiện nhất định của xe cũng như môi trường xung quanh có thể ảnh hưởng tới khả năng phát hiện chính xác vật thể của cảm biến. Đặc biệt là trong các trường hợp được liệt kê dưới đây.

- Khi có chất bẩn, băng hay tuyết bám lên cảm biến. (Cảm biến sẽ lại hoạt động bình thường sau khi được rửa sạch.)
- Khi cảm biến bị đóng băng. (Cảm biến sẽ lại hoạt động bình thường sau khi băng tan.)
  Trong điều kiện thời tiết cực lạnh, khi cảm biến bị đóng băng thì màn hình có thể sẽ hiển thị bất thường, hoặc không phát hiện được vật thể như bức tường.
- Khi cảm biến bị che phủ.
- Khi cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến đang rất nóng hoặc rất lạnh.

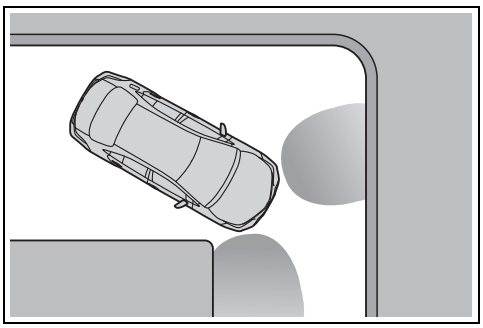


- Khi trên đường đặc biệt gồ ghề hoặc trên đường nghiêng, đường rải sỏi hoặc trên bãi cỏ.
- Khi còi xe, động cơ xe máy, phanh hơi của xe lớn khác, cảm biến của xe khác hoặc các thiết bị khác tạo ra sóng siêu âm ở gần xe.
- Khi cảm biến bị xịt nước vào hoặc bị mưa lớn hắt vào.
- Khi vật thể nằm quá gần cảm biến.
- Khi người đi bộ mặc quần áo hấp thụ sóng siêu âm (ví dụ như váy nhiều tầng).
- Khi các vật thể không vuông góc với mặt đất, vật không vuông góc với hướng di chuyển của xe, vật không bằng phẳng hoặc vật lồi lõm trong phạm vi phát hiện.
- Khi có gió tạt mạnh.
- Khi lái xe trong điều kiện khắc nghiệt như sương mù, tuyết hoặc bão cát
- Không thể phát hiện được một vật thể giữa xe và một vật thể đã được phát hiện khác.
- Những vật thể như xe khác, xe máy, xe đạp hoặc người đi bộ đi cắt ngang qua phía trước xe hoặc chạy ra từ hai bên hông xe
- Nếu hướng của cảm biến đã bị thay đổi do va chạm hoặc tác động khác
- Khi thiết bị có thể gây cản trở việc lắp cảm biến như móc kéo xe, bảo vệ cản xe (dán thêm), giá treo xe đạp hoặc xẻng xúc tuyết
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do tải trọng trên xe
- Khi xe không thể chạy một cách ổn định được, như khi xe bị tai nạn hoặc bị trục trặc
- Khi đang sử dụng xích quấn lốp, lốp dự phòng loại nhỏ gọn hoặc bộ vá lốp khẩn cấp.

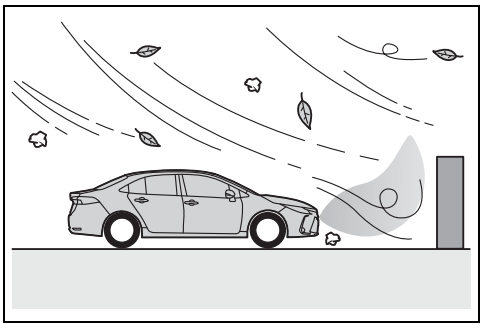
n Những tình huống mà hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm

Trong một số tình huống sau đây, hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm.

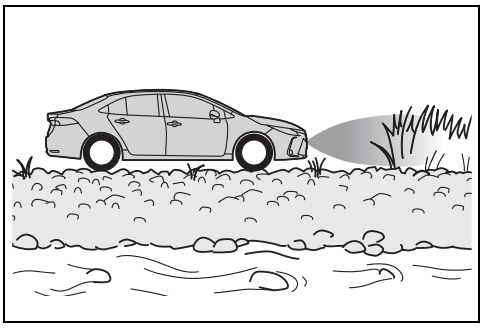
- Khi lái xe trên đường hẹp



- Xe được lái hướng đến băng rôn hoặc cờ phướn được treo thấp hoặc rào chắn (rào chắn đường sắt, trạm thu phí hoặc vào khu vực đỗ xe)
- Có ổ gà trên mặt đường
- Khi lái xe trên một bề mặt tấm kim loại như trên nắp cống thoát nước
- Khi đang lái xe lên hoặc xuống dốc
- Nếu cảm biến bị ướt do một lượng nước lớn tạt vào, như khi lái xe trên đường ngập nước
- Khi có chất bẩn, băng, nước hay tuyết bám lên cảm biến. (Khi vệ sinh các cảm biến, hệ thống sẽ hoạt động bình thường.)
- Khi cảm biến bị phun xịt nước vào hoặc bị mưa lớn hắt vào
- Khi lái xe trong điều kiện khắc nghiệt như sương mù, tuyết hoặc bão cát
- Khi có gió tạt mạnh



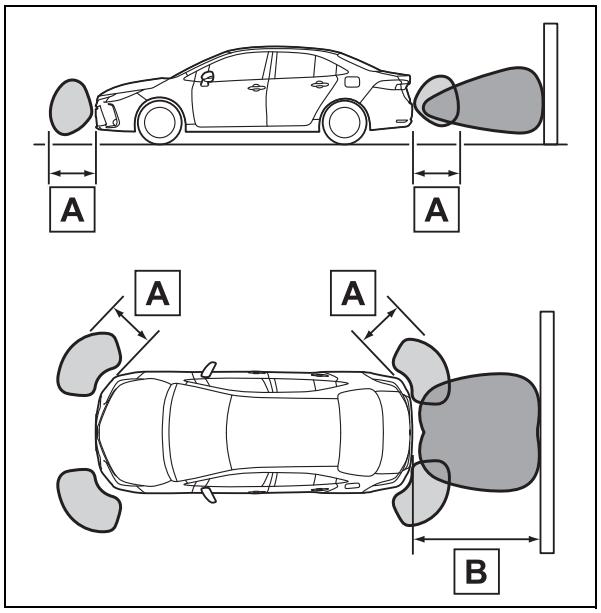
- Khi còi xe, động cơ xe máy, phanh hơi của xe lớn khác, cảm biến của xe khác hoặc các thiết bị khác tạo ra sóng siêu âm ở gần xe.
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do tải trọng trên xe
- Nếu hướng của cảm biến đã bị thay đổi do va chạm hoặc tác động khác
- Khi xe đang tiến gần lề đường cao hoặc lề đường cong
- Lái xe đến gần các trụ (dầm sắt chữ H, vv...) trong ga ra đỗ xe nhiều tầng, công trường xây dựng, vv...
- Khi xe không thể chạy một cách ổn định được, như khi xe bị tai nạn hoặc bị trục trặc
- Khi trên đường đặc biệt gồ ghề hoặc trên đường nghiêng, đường rải sỏi hoặc trên bãi cỏ



- Khi đang sử dụng xích quấn lốp, lốp dự phòng loại nhỏ gọn hoặc bộ vá lốp khẩn cấp.

Màn hình phát hiện của cảm biến, khoảng cách tới vật thể

n Khoảng cách phát hiện của các cảm biến



A Xấp xỉ 60 cm

B Xấp xỉ 150 cm

Hình minh họa sau sẽ mô tả phạm vi phát hiện của cảm biến. Hãy lưu ý rằng các cảm biến không thể phát hiện ra các vật thể quá gần xe.

Khoảng cách phát hiện của các cảm biến có thể sẽ thay đổi theo hình dạng của vật thể…

n Màn hình đa thông tin và màn hình trên kính chắn gió (nếu có)

Khi vật thể được phát hiện bởi cảm biến, khoảng cách tương đối sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin và màn hình trên kính chắn gió (nếu có). Vì khoảng cách này sẽ trở nên ngắn hơn, do đó thanh hiển thị có thể nhấp nháy.

- Khoảng cách gần đúng đến vật: Từ 150 cm đến 60 cm * (Cảm biến giữa phía sau)

Màn hình đa thông tin (Ví dụ: Màn hình 7-inch)	Màn hình trên kính chắn gió
	

*: Chức năng tự động tắt chuông đã bật. (→P.239)

- Khoảng cách gần đúng tới vật: Từ 60 cm đến 45 cm*

Màn hình đa thông tin (Ví dụ: Màn hình 7-inch)	Màn hình trên kính chắn gió
	

*: Chức năng tự động tắt chuông đã bật. (→P.239)

- Khoảng cách gần đúng đến vật: Từ 45 cm đến 35 cm*

Màn hình đa thông tin (Ví dụ: Màn hình 7-inch)	Màn hình trên kính chắn gió
	

*: Chức năng tự động tắt chuông đã bật. (→P.239)

- Khoảng cách gần đúng đến vật: Từ 35 cm đến 30 cm*

Màn hình đa thông tin (Ví dụ: Màn hình 7-inch)*	Màn hình trên kính chắn gió
	

*: Chức năng tắt tiếng chuông tự động được vô hiệu hóa. (→P.239) Thanh hiển thị khoảng cách nháy chậm.

- Khoảng cách gần đúng đến vật: Dưới 30 cm*

Màn hình đa thông tin (Ví dụ: Màn hình 7-inch)*	Màn hình trên kính chắn gió
	

*: Chức năng tắt tiếng chuông tự động được vô hiệu hóa. (→P.239) Thanh hiển thị khoảng cách nháy nhanh.

n Hoạt động của chuông báo và khoảng cách tới vật thể

Chuông báo sẽ kêu khi các cảm biến đang hoạt động.

- Chuông báo sẽ kêu nhanh hơn khi xe tiến đến gần vật hơn. Khi xe tiến tới gần tới vật với khoảng cách trong khoảng 30 cm, chuông báo sẽ kêu liên tục.
- Khi phát hiện thấy từ 2 vật thể trở lên, chuông báo sẽ ưu tiên thông báo về vật thể gần nhất. Nếu một trong hai vật thể hoặc cả hai cách xe 30 cm, chuông báo sẽ kêu lặp đi lặp lại một tiếng dài kèm theo một tiếng ngắn.
- Chức năng tự động tắt tiếng chuông: Khi chuông bắt đầu kêu, nếu khoảng cách giữa xe và vật xa hơn, thì chuông báo sẽ tắt tiếng tự động. (Tuy nhiên, nếu khoảng cách giữa xe và vật thể là 30 cm trở xuống, thì chức năng này sẽ không hoạt động.)

n Điều chỉnh âm lượng chuông báo

Có thể điều chỉnh được âm lượng của chuông báo trên màn hình đa thông tin. Có thể điều chỉnh đồng thời âm lượng của các chuông báo của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota và chức năng RCTA (nếu có).

Sử dụng các nút điều khiển đồng hồ táp lô để thay đổi các cài đặt.

(→P.85, 90)

1 Ấn ❮ hoặc ❯ để chọn ⚙ (màn hình 7-inch) hoặc ⚙ (màn hình 12.3-inch)

2 Ấn nút ^ hoặc nút v để chọn mục P và sau đó ấn và giữ nút OK .

3 Chọn nút âm lượng và sau đó ấn nút OK .

Mỗi lần ấn nút, mức âm lượng sẽ thay đổi giữa 1, 2 và 3.

n **Tắt tiếng chuông báo**

Nút tắt tiếng sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin khi phát hiện vật thể. Để tắt tiếng của chuông báo, hãy ấn OK .

Các chuông báo của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota và chức năng RCTA (nếu có) sẽ được tắt tiếng đồng thời.

Chế độ tắt tiếng sẽ được hủy tự động trong các trường hợp sau:

- Khi thay đổi vị trí số.
- Khi tốc độ xe vượt quá một tốc độ nhất định.
- Khi chức năng hoạt động bị hủy tạm thời.
- Khi chức năng hoạt động bị vô hiệu hóa bằng cách thủ công.
- Khi công tắc động cơ được tắt.

Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)*

*: Nếu có

Chức năng RCTA sử dụng các cảm biến ra đa phía sau BSM được lắp ở phía sau cản sau. Chức năng này để hỗ trợ cho người lái kiểm tra các khu vực xung quanh không dễ nhìn khi lùi xe.

⚠ CẢNH BÁO

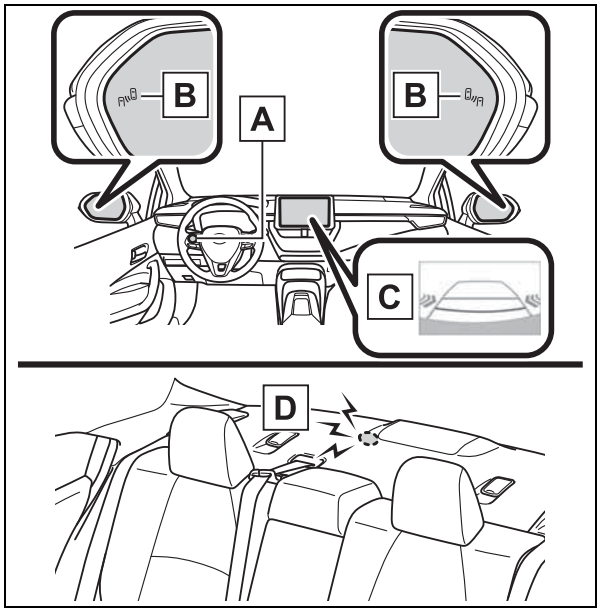
n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

Do hệ thống có một số hạn chế về độ chính xác của việc phát hiện và tính năng hoạt động, vì vậy không được quá phụ thuộc vào hệ thống. Người lái luôn chịu trách nhiệm lái xe an toàn và chú ý quan sát xung quanh. (→P.228)

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

→P.229

Các chi tiết của hệ thống



A Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô

Bật/ tắt chức năng RCTA

Khi chức năng RCTA bị vô hiệu hóa, đèn chỉ báo OFF hệ thống RCTA sẽ sáng.

B Các đèn chỉ báo cho gương chiếu hậu bên ngoài

Khi có một xe tiếp cận từ phía sau bên trái hoặc bên phải, cả hai đèn chỉ báo gương chiếu hậu bên ngoài sẽ nháy.

C Màn hình của hệ thống âm thanh

Nếu phát hiện thấy có xe khác đang tới gần từ phía sau bên phải hoặc phía sau bên trái của xe, biểu tượng RCTA (→P.242) ở phía được phát hiện sẽ xuất hiện trên trên màn hình hệ thống âm thanh. Hình vẽ này thể hiện một ví dụ khi có một xe đang đến gần từ 2 bên hông xe bạn.

D Chuông báo RCTA

Khi xe tiếp cận từ phía sau bên phải hoặc bên trái được phát hiện, thì chuông báo sẽ kêu. Chuông báo vẫn kêu trong khoảng 1 phút ngay sau khi chức năng RCTA bật.

Bật/ tắt chức năng RCTA

Sử dụng các nút điều khiển đồng hồ táp lô để kích hoạt/bỏ kích hoạt chức năng RCTA. (→P.85, 90)

1 Ấn ❮ hoặc ❯ để chọn  (màn hình 7-inch) hoặc  (màn hình 12.3-inch)

2 Ấn nút ^ hoặc v để chọn "RCTA" và sau đó ấn OK .

Khi chức năng RCTA bị vô hiệu hóa, đèn chỉ báo OFF hệ thống RCTA (→P.66) sẽ sáng. (Mỗi lần người lái tắt công tắc động cơ rồi bật lại ON, chức năng RCTA sẽ được kích hoạt tự động.)

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng chức năng**

Người lái chịu trách nhiệm đến an toàn khi lái xe. Do đó luôn phải đảm bảo an toàn khi lái xe, hãy quan sát xung quanh xe.

Chức năng RCTA là một chức năng phụ trợ để cảnh báo người lái khi có một xe tiếp cận từ phía sau trái hoặc sau phải. Do chức năng RCTA có thể sẽ không hoạt động chính xác trong một số trường hợp, người lái cần phải xác nhận tình trạng thực tế bằng mắt thường để đảm bảo an toàn. Việc quá tin tưởng vào chức năng này có thể dẫn đến tai nạn gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khả năng quan sát đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài**

Khi dưới ánh nắng chói, sẽ rất khó để quan sát đèn chỉ báo gương chiếu hậu phía ngoài.

n **Khi nghe chuông báo RCTA**

Bạn có thể sẽ khó nghe thấy tiếng chuông báo của chức năng RCTA do tiếng ồn bên ngoài, như khi bật hệ thống âm thanh với mức âm lượng quá lớn.

n **Khi thông báo "Rear Cross Traffic Alert Unavailable" hiển thị trên màn hình đa thông tin**

Nước, tuyết, bùn,… có thể bám vào xung quanh khu vực các cảm biến của cản xe. (→P.229) Làm sạch nước, tuyết, bùn,… ra khỏi khu vực

xung quang của cản xe, thì nó sẽ trở về trạng thái bình thường.

Ngoài ra, cảm biến có thể bị hư hỏng nếu sử dụng trong thời tiết quá nóng hoặc quá lạnh.

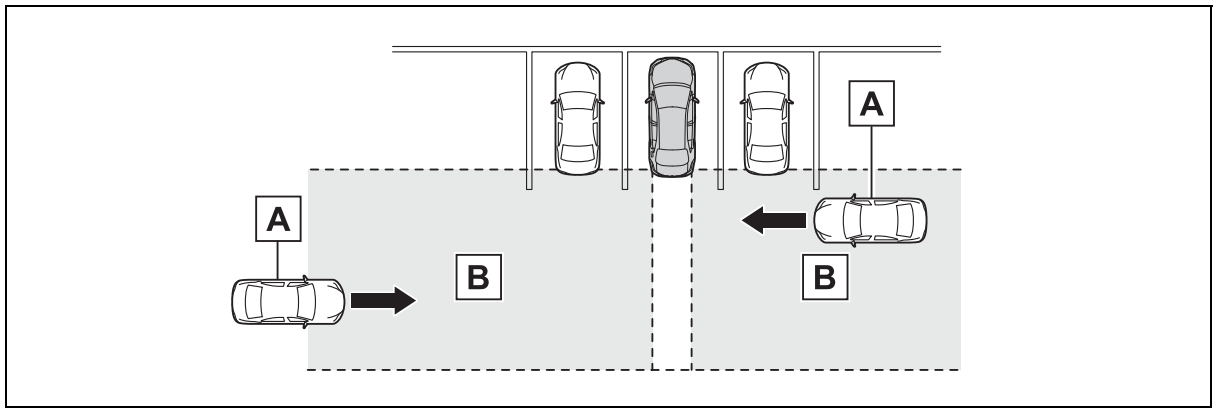
n **Các cảm biến ra-đa bên phía sau**

→P.229

Chức năng RCTA

n Hoạt động của chức năng RCTA

Chức năng RCTA sử dụng các cảm biến ra đa phía sau để nhận diện các xe đang tiếp cận từ phía sau bên phải và bên trái của xe, và cảnh báo cho người lái biết sự xuất hiện của các xe đó bằng cách nháy các đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài và làm kêu chuông báo.

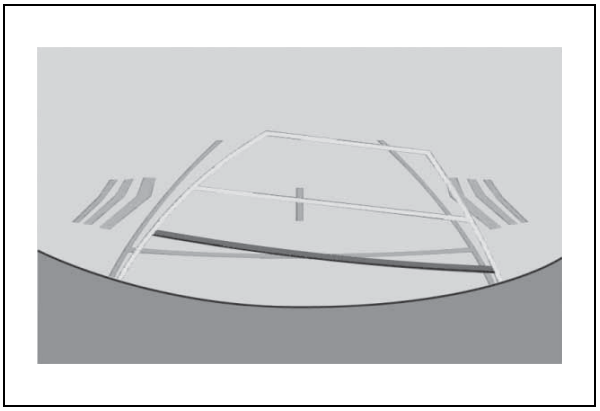


A Các xe đang tiếp cận

B Khu vực phát hiện xe khác đang tiếp cận

n Biểu tượng RCTA

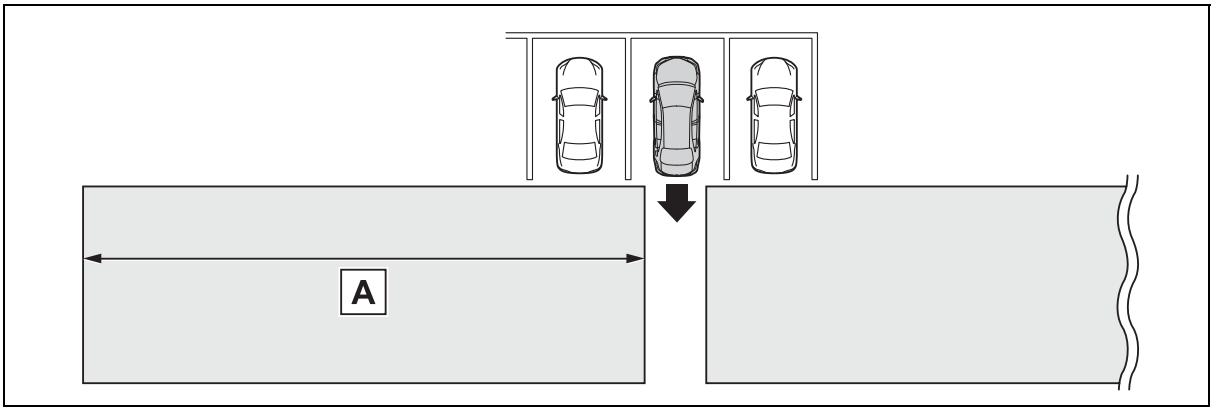
Nếu phát hiện thấy ở phía sau bên trái hoặc bên phải xe có xe khác đang tiến lại gần, các biểu tượng sau sẽ được hiển thị trên màn hình hệ thống âm thanh.



- Hệ thống theo dõi hỗ trợ đỗ xe Toyota: Có nhiều xe tiến gần từ phía hông xe

n Phạm vi phát hiện của chức năng RCTA

Các khu vực mà xe có thể phát hiện được như hình dưới đây.



Chuông có thể cảnh báo cho người lái rằng có xe khác chạy nhanh hơn đang tiếp cận từ xa.

Ví dụ:

Tốc độ xe đang tiếp cận	Khoảng cách thông báo phù hợp A
28 km/h (nhanh)	20 m
8 km/h (chậm)	5.5 m

n Chức năng RCTA sẽ hoạt động khi

Chức năng RCTA sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Công tắc động cơ ở ON.
- Chức năng RCTA đang bật.
- Khi cần số đang ở vị trí R.
- Tốc độ xe thấp hơn 8 km/h.
- Tốc độ của xe đang tiến gần xấp xỉ 8 km/h đến 28 km/h.

n Điều chỉnh âm lượng chuông báo

Có thể điều chỉnh được âm lượng của chuông báo trên màn hình đa thông tin. Có thể điều chỉnh đồng thời âm lượng của các chuông báo của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota và chức năng RCTA.

Sử dụng các nút điều khiển đồng hồ táp lô để thay đổi các cài đặt. (→P.85, 90)

1 Ấn ❮ hoặc ❯ để chọn ⚙ (màn hình 7-inch) hoặc ⚙ (màn hình 12.3-inch)

2 Ấn nút ^ hoặc nút v để chọn "RCTA", sau đó ấn và giữ nút OK.

3 Chọn nút âm lượng và sau đó ấn nút OK.

Mỗi lần ấn nút, mức âm lượng sẽ thay đổi giữa 1, 2 và 3.

n Tắt tiếng chuông báo

Nút tắt tiếng sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin khi phát hiện vật thể. Để tắt tiếng của chuông báo, hãy ấn OK.

Chuông báo của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota và chức năng RCTA sẽ tắt tiếng đồng thời.

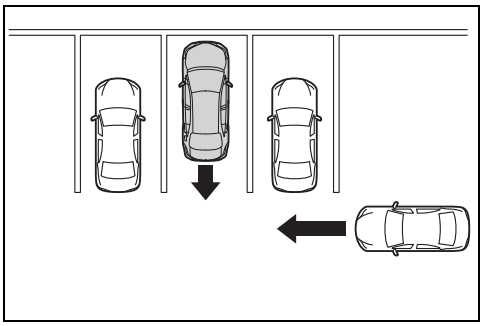
Chế độ tắt tiếng sẽ được hủy tự động trong các trường hợp sau:

- Khi thay đổi vị trí số.
- Khi tốc độ xe vượt quá một tốc độ nhất định.
- Khi chức năng hoạt động bị hủy tạm thời.
- Khi chức năng hoạt động bị vô hiệu hóa bằng cách thủ công.
- Khi công tắc động cơ được tắt.

n Hệ thống sẽ không phát hiện được xe trong các điều kiện dưới đây

Chức năng RCTA này không được thiết kế để nhận diện các loại xe và/hoặc các vật sau:

- Các xe đang tiếp cận trực tiếp từ phía sau
- Xe lùi vào vị trí đỗ xe cạnh xe bạn
- Khi các cảm biến không thể phát hiện được các xe do có các chướng ngại vật



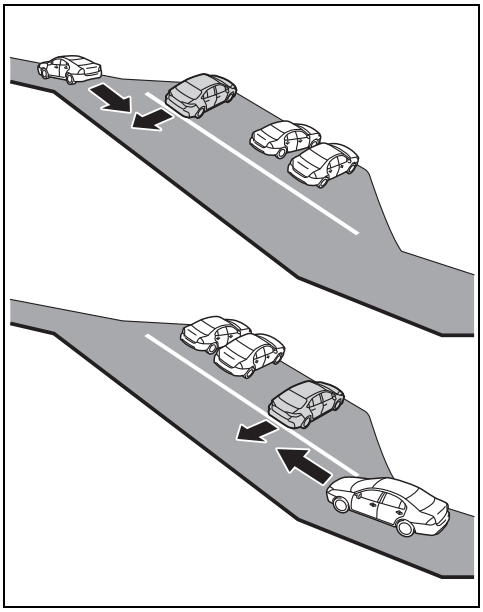
- Dải phân cách, bức tường, biển báo, các xe đang đỗ và các vật đang đứng yên*
- Xe đạp, người đi bộ, xe môtô nhỏ…*
- Xe đang chạy cách xa xe bạn
- Xe tiếp cận từ khoang đỗ xe cạnh xe bạn*
- Khoảng cách giữa cảm biến và xe đang tiếp cận là quá gần.

*: Tùy vào từng điều kiện, việc phát hiện xe và/hoặc vật thể có thể xảy ra.

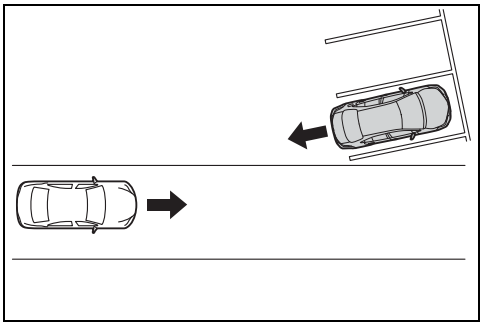
n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

Chức năng RCTA có thể không phát hiện chính xác xe trong các điều kiện sau:

- Khi cảm biến bị lệch do cảm biến hoặc khu vực xung quanh đã bị va chạm mạnh.
- Khi bùn, tuyết, băng, nhãn dính… đang che khuất cảm biến hoặc khu vực xung quanh ở vị trí phía trên cản sau
- Khi lái xe trên bề mặt đường ướt trong khi thời tiết xấu, như khi trời mưa to, tuyết rơi hoặc sương mù
- Khi có nhiều xe đang tiếp cận với khoảng cách giữa từng xe là nhỏ
- Khi có xe đang đến gần ở tốc độ cao
- Khi thiết bị có thể gây cản trở việc lắp cảm biến như móc kéo xe, bảo vệ cản xe (dán thêm), giá treo xe đạp hoặc xẻng xúc tuyết
- Khi lùi xe trên dốc với độ dốc lớn

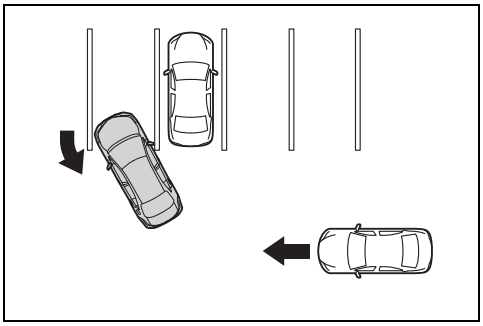


- Khi lùi xe ra khỏi khu vực đỗ có góc nhọn

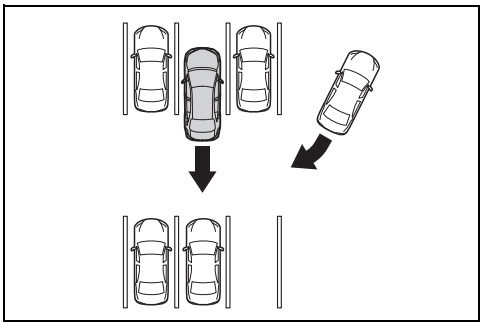


- Khi kéo moóc
- Khi có sự chênh lệch độ cao đáng kể giữa xe của bạn và xe đi vào vùng phát hiện
- Khi cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến đang rất nóng hoặc rất lạnh
- Nếu đã chỉnh sửa hệ thống treo hoặc cỡ lốp khác với cỡ tiêu chuẩn

- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do tải trọng trên xe
- Đánh lái rẽ khi đang lùi xe



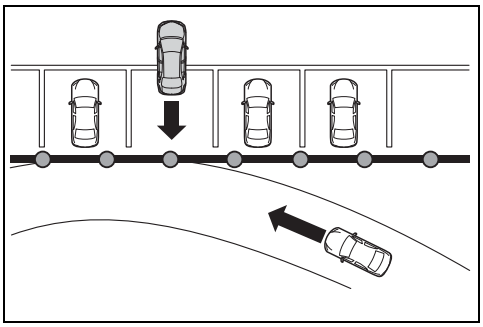
- Khi xe đang rẽ vào vùng phát hiện



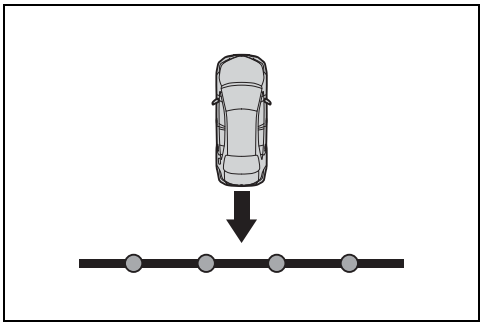
n Những tình huống mà hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm

Chức năng RCTA có thể sẽ cảnh báo về các xe hoặc/và các vật thể một cách không cần thiết trong các trường hợp sau:

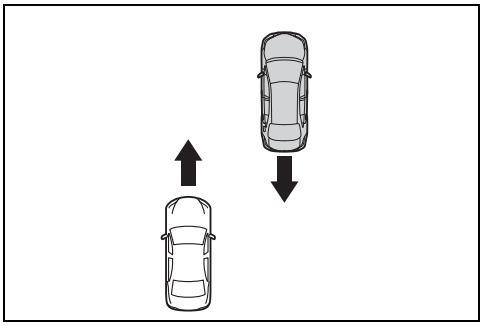
- Khi chỗ đỗ xe hướng ra đường và có các xe đang chạy trên đường



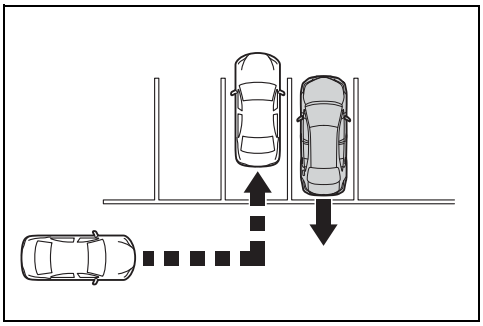
- Khi khoảng cách giữa xe bạn và các vật thể kim loại, như rào chắn, tường, hoặc xe đang đỗ có thể phản xạ các sóng điện hướng đến phía sau xe là ngắn



- Khi thiết bị có thể gây cản trở việc lắp cảm biến như móc kéo xe, bảo vệ cản xe (dán thêm), giá treo xe đạp hoặc xẻng xúc tuyết
- Khi có xe khác vượt qua hông xe bạn



- Khi xe được phát hiện rẽ trong khi đang tiếp cận xe bạn



- Khi có những vật đang quay ở gần xe như quạt của điều hòa không khí.
- Khi nước tràn hoặc bắn vào cản sau của xe như vòi phun nước chữa cháy.
- Các vật di đang chuyển (lá cờ, khói của khí xả, giọt nước mưa lớn hoặc bóng tuyết, nước mưa trên mặt đường, vv...)
- Khi khoảng cách giữa xe bạn và lan can, bức tường, vv..., khi đi vào vùng phát hiện là ngắn.
- Lưới và máng

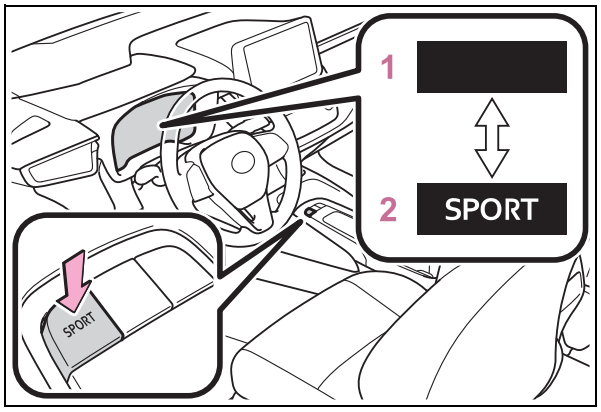
- Khi cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến đang rất nóng hoặc rất lạnh
- Nếu đã chỉnh sửa hệ thống treo hoặc cỡ lốp khác với cỡ tiêu chuẩn
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do tải trọng trên xe

Công tắc chọn chế độ lái xe*

*: Nếu có

Có thể chọn các chế độ lái xe phù hợp với điều kiện lái xe thực tế.

Chọn một chế độ lái xe



Mỗi lần ấn công tắc, chế độ lái sẽ thay đổi giữa chế độ Sport và chế độ thường.

1 Chế độ normal (bình thường)

Cung cấp mức cân bằng tối ưu của tính tiết kiệm nhiên liệu, độ êm và tính năng động lực học của xe. Phù hợp với chế độ lái bình thường.

2 Chế độ Sport (thể thao)

Điều khiển hộp số và động cơ để giúp xe tăng tốc nhanh và mạnh mẽ. Chế độ này cũng thay đổi cảm giác lái, cho phép lái xe linh hoạt hơn, như khi lái xe trên đường có nhiều khúc cua.

Khi chọn chế độ Sport, chỉ báo chế độ Sport sẽ sáng.

n Tự động hủy chế độ lái Sport

Nếu công tắc nguồn được tắt sau khi lái ở chế độ Sport (thể thao), thì chế độ lái sẽ thay đổi sang chế độ bình thường.

Các hệ thống hỗ trợ lái xe

Để duy trì mức độ an toàn và hiệu năng khi lái xe, những hệ thống sau sẽ được tự động kích hoạt tương ứng với những điều kiện lái khác nhau. Tuy nhiên, hãy chú ý rằng những hệ thống này chỉ là những hệ thống hỗ trợ và không nên quá phụ thuộc vào chúng trong khi điều khiển xe.

Các lưu ý liên quan đến hệ thống hỗ trợ lái xe

n **Hệ thống ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)**

Hệ thống này sẽ giúp tránh khóa cứng bánh xe khi đạp phanh gấp, hoặc khi nhấn phanh trên đường trơn trượt.

n **Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp**

Hệ thống này sẽ hỗ trợ tăng lực phanh sau khi đạp phanh khi nó phát hiện được tình huống cần phải dừng xe khẩn cấp

n **VSC (Hệ thống điều khiển ổn định xe)**

Giúp cho người lái điều khiển được trượt xe khi xe bất ngờ bị chệch hướng hoặc xoay xe trên các bề mặt đường trơn trượt.
Kết hợp các hệ thống ABS, TRC, VSC và EPS.

Giúp duy trì độ ổn định khi chuyển hướng trên đường mặt đường trơn trượt do điều khiển hệ thống lái.

n **TRC (Hệ thống điều khiển lực kéo)**

Hệ thống này sẽ giúp duy trì lực bám đường và tránh cho bánh dẫn động không bị trượt khi khởi hành hoặc tăng tốc xe trên đường trơn trượt

n **Hỗ trợ quay vòng chủ động (ACA)**

Giúp tránh cho xe khỏi bị văng ra phía phía ngoài bằng cách thực hiện kiểm soát phanh bánh xe bên trong khi nhấn ga trong khi xe quay vòng

n **Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc**

Giúp hạn chế chuyển động về phía sau của xe khi khởi hành lên dốc

n **EPS (Hệ thống lái trợ lực điện)**

Sử dụng mô tơ điện để giảm lực xoay vô lăng.

n **Tín hiệu phanh khẩn cấp**

Khi đạp phanh gấp, các đèn nháy khẩn cấp sẽ tự động nháy để cảnh báo cho xe chạy phía sau.

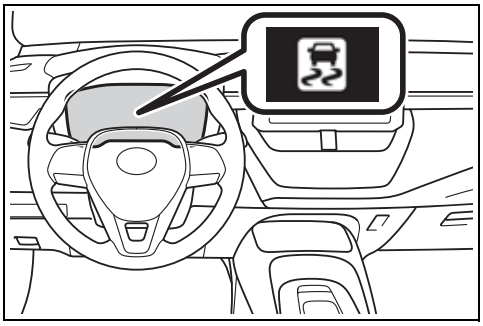
n **Phanh giảm va chạm thứ cấp (nếu có)**

Khi cảm biến túi khí phát hiện xe bị va chạm, hệ thống phanh và đèn phanh sẽ được tự động kích

hoạt để giảm tốc độ xe và giúp giảm thiệt hại do va chạm thứ cấp gây ra.

n Khi hệ thống TRC/VSC đang hoạt động

Đèn báo trượt sẽ nháy trong khi hệ thống TRC/VSC đang hoạt động.



n Vô hiệu hóa hệ thống TRC

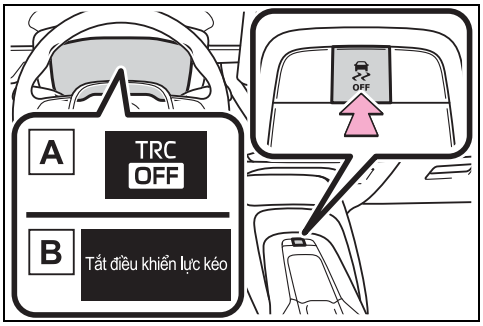
Nếu xe bị sa lầy trong bùn, bụi hoặc tuyết, hệ thống TRC có thể giảm công suất truyền từ động cơ đến các bánh xe. Hãy ấn công tắc OFF để tắt hệ thống có thể sẽ giúp bạn đưa xe thoát khỏi sa lầy một cách dễ dàng hơn.

Để tắt hệ thống TRC, hãy ấn và nhả nhanh nút OFF .

Xe có màn hình hỗ trợ lái xe: Đèn chỉ báo "TRC OFF" sẽ sáng lên.

Xe có màn hình đa thông tin: Thông báo "Tắt điều khiển lực kéo" và một sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Hãy ấn nút OFF một lần nữa để bật lại hệ thống.



A Màn hình hỗ trợ lái xe

B Màn hình đa thông tin

n Tắt cả hai hệ thống TRC và VSC

Để tắt hệ thống TRC và VSC, hãy ấn và giữ công tắc OFF trong hơn 3 giây trong khi xe đã dừng hẳn lại.

Xe có màn hình hỗ trợ lái xe: Đèn chỉ báo "TRC OFF" và đèn chỉ báo OFF hệ thống VSC sẽ sáng lên.

Xe có màn hình đa thông tin: Đèn chỉ báo OFF hệ thống VSC sẽ sáng lên và thông điệp "Tắt điều khiển lực kéo" sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.*

Ấn OFF lần nữa để bật lại hệ thống.

*: Trên xe có hệ thống PCS (hệ thống cảnh báo tiền va chạm), PCS cũng sẽ bị vô hiệu hóa (chỉ có cảnh báo PCS là khả dụng). Đèn cảnh báo PCS sẽ sáng lên và thông điệp sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. (→P.187)

n Đèn chỉ báo "TRC OFF" sẽ sáng lên kể cả khi OFF không được ấn (xe có màn hình hỗ trợ lái xe)

Hệ thống TRC đã tạm thời bị vô hiệu hóa. Nếu đèn chỉ báo vẫn tiếp tục sáng thì hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

n Khi thông báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin cho biết rằng hệ thống TRC đã bị vô hiệu hóa ngay cả khi chưa ấn công tắc OFF (xe có màn hình đa thông tin)

Hệ thống TRC đã tạm thời bị vô hiệu hóa. Nếu thông báo vẫn xuất hiện, hãy liên lạc với Đại lý Toyota.

n Điều kiện hoạt động của hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Khi bốn điều kiện sau được thỏa mãn, hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

sẽ hoạt động:

- Cần số ở ngoài vị trí P hoặc N (Khi khởi hành tiến hoặc lùi xe ở trên dốc lên).
- Khi dừng xe
- Khi không đạp bàn đạp ga
- Khi phanh đỗ không được gài

n Tự động hủy hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ tắt trong bất kỳ trường hợp sau:

- Khi chuyển cần số sang vị trí P hoặc N
- Khi nhấn bàn đạp ga
- Khi gài phanh đỗ
- Tối đa 2 giây sau khi nhả bàn đạp phanh

n Âm thanh và rung động gây ra bởi hệ thống ABS, hỗ trợ phanh khẩn cấp, VSC, TRC hoặc hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

- Bạn có thể sẽ nghe thấy tiếng động phát ra từ khoang động cơ khi đạp phanh nhiều lần lặp đi lặp lại, khi khởi động động cơ hoặc ngay sau khi xe bắt đầu khởi hành. Những tiếng động đó không phải là dấu hiệu hư hỏng của các hệ thống trên.
- Những hiện tượng sau có thể sẽ xuất hiện khi những hệ thống trên đang hoạt động. Những hiện tượng đó là hoàn toàn bình thường.
  - Thân xe và tay lái có thể bị rung.
  - Bạn có thấy nghe thấy tiếng mô tơ kêu sau khi dừng xe.
  - Bàn đạp phanh có thể sẽ rung nhẹ sau khi hệ thống ABS được kích hoạt.
  - Bàn đạp phanh có thể sẽ bị tụt nhẹ xuống sau khi hệ thống ABS được kích hoạt.

n Chức năng hỗ trợ quay vòng chủ động kêu và rung

Khi chức năng hỗ trợ quay vòng chủ động hoạt động, có thể tạo ra tiếng kêu và rung do hoạt động từ hệ thống phanh, nhưng điều này không phải là hư hỏng.

n Âm thanh hoạt động của hệ thống EPS

Khi đánh lái, bạn có thể nghe thấy tiếng mô tơ chạy (tiếng vù vù). Đó không phải là dấu hiệu của trục trặc.

n Tự động kích hoạt lại hệ thống TRC và VSC

Sau khi tắt các hệ thống TRC và VSC, hệ thống sẽ tự động kích hoạt lại trong các trường hợp sau:

- Khi tắt công tắc động cơ
- Nếu chỉ có hệ thống TRC được tắt đi, thì khi xe tăng tốc, hệ thống này sẽ bật

Nếu cả hai hệ thống TRC và VSC đều đã bị tắt, thì kể cả khi tăng tốc, chúng cũng không tự động khôi phục được.

n Các điều kiện hoạt động của chức năng hỗ trợ quay vòng chủ động

Hệ thống sẽ hoạt động trong những tình huống sau.

- Hệ thống TRC/VSC có thể hoạt động được
- Người lái cố gắng tăng tốc trong khi quay vòng
- Hệ thống phát hiện rằng xe đang bị văng ra phía bên ngoài
- Nhả bàn đạp phanh.

n Hạn chế hiệu quả của hệ thống EPS

Hiệu quả của hệ thống lái trợ lực điện EPS sẽ bị hạn chế để tránh cho hệ thống không bị quá nhiệt khi thường xuyên đánh lái trong một thời gian dài. Kết quả là tay lái có thể sẽ trở nên nặng hơn. Khi đó bạn nên hạn chế đánh lái quá nhiều hoặc hãy dừng xe lại và tắt động cơ. Hệ thống EPS sẽ trở lại bình thường trong khoảng 10 phút.

n Điều kiện hoạt động của chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp

Khi thỏa mãn được các điều kiện sau, chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp sẽ hoạt động:

- Đèn nháy khẩn cấp tắt
- Tốc độ thực tế của xe lớn hơn 55 km/h
- Hệ thống sẽ dựa vào mức độ giảm tốc độ của xe và xác định tình huống phanh khẩn cấp

n Tự động dừng kích hoạt chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp

Chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp sẽ bị hủy trong bất kỳ trường hợp sau:

- Các đèn nháy khẩn cấp bật.
- Khi hệ thống phán đoán rằng người lái không đạp phanh gấp dựa vào mức độ giảm tốc của xe.

n Điều kiện hoạt động phanh giảm va chạm thứ cấp

Hệ thống hoạt động khi cảm biến túi khí phát hiện được va chạm, khi xe đang chuyển động.

Tuy nhiên, hệ thống sẽ không hoạt động trong những tình huống sau:

- Tốc độ của xe dưới 10 km/h
- Các chi tiết bị hư hỏng

n Hủy hoạt động tự động của phanh giảm va chạm thứ cấp

Hệ thống này sẽ tự động bị hủy trong các tình huống sau.

- Tốc độ của xe giảm xuống dưới 10 km/h
- Khi đã hoạt động được một khoảng thời gian nhất định
- Nhấn mạnh bàn đạp ga

⚠ CẢNH BÁO

n Hệ thống chống bó cứng phanh ABS sẽ không hoạt động hiệu quả khi

- Khi khả năng bám đường của lốp không đạt tiêu chuẩn (ví dụ như khi sử dụng các lốp đã bị mòn quá mức trên đường phủ tuyết).
- Khi xe bị lướt trên mặt nước trong khi lái xe với tốc độ cao trên đường ướt và trơn trượt.

n Quãng đường phanh khi hệ thống ABS được kích hoạt có thể sẽ lớn hơn so với điều kiện bình thường

Hệ thống ABS không được thiết kế để giảm quãng đường phanh của xe. Hãy giữ khoảng cách an toàn với xe đi trước trong các tình huống sau:

- Khi lái xe trên đường đất, bùn hoặc bị tuyết phủ
- Khi lái xe có lắp xích quấn lốp
- Khi lái xe qua các đoạn đường gập ghềnh
- Khi lái xe trên đường có nhiều ổ gà hoặc trên đường không bằng phẳng

n Hệ thống TRC/VSC có thể không hoạt động hiệu quả khi

Khi lái xe trên đường trơn trượt có thể sẽ không điều khiển được hướng lái của xe và lực bám kể cả khi hệ thống TRC/VSC đã được kích hoạt. Hãy lái xe cẩn thận trong điều kiện xe có thể bị mất tính ổn định và khả năng bám đường.

n Hệ thống hỗ trợ quay vòng chủ động không hoạt động hiệu quả khi

- Không được quá tin tưởng vào hệ thống này hỗ trợ quay vòng chủ động. Hệ thống hỗ trợ quay vòng chủ động không hoạt động hiệu quả khi khi tăng ga trên đường dốc hoặc lái xe trên các mặt đường trơn trượt.
- Khi hệ thống hỗ trợ quay vòng chủ động hoạt động liên tục, thì nó có thể tạm dừng hoạt động để đảm bảo cho các phanh và hệ thống TRC và VSC hoạt động chính xác.

n Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc không hoạt động hiệu quả khi

- Không được quá tin tưởng vào điều khiển hỗ trợ khởi hành ngang dốc. Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc có thể sẽ không làm việc hiệu quả trên đường dốc đứng và trên đường bị băng tuyết bao phủ.
- Không giống như phanh đỗ, điều khiển khởi hành ngang dốc không chủ định để giữ xe cố định trong thời gian dài. Không được lạm dụng điều khiển hỗ trợ khởi hành ngang dốc để đỗ xe trên đường dốc, nếu không sẽ dẫn đến bị tai nạn.

n Khi hệ thống TRC/VSC được kích hoạt

Đèn chỉ báo trượt nhấp nháy. Hãy lái xe thật cẩn thận. Tai nạn có thể xảy ra nếu bạn không thận trọng khi lái xe. Hãy đặc biệt cẩn thận khi đèn chỉ báo nhấp nháy.

n Khi tắt hệ thống TRC/VSC

Hãy hết sức cẩn thận và lái xe ở tốc độ phù hợp với tình trạng mặt đường. Do các hệ thống này được sử dụng để đảm bảo sự ổn định và lực kéo phù hợp cho xe, do vậy chỉ tắt hệ thống TRC/VSC khi thật sự cần thiết.

n Thay lốp

Hãy đảm bảo rằng tất cả các lốp đều có cùng kích cỡ, nhãn hiệu, kiểu hoa lốp và tải trọng chung. Ngoài ra còn phải đảm bảo rằng các lốp đều đã được bơm tới áp suất tiêu chuẩn.

Hệ thống ABS, TRC và VSC sẽ không làm việc chính xác nếu bạn lắp các loại lốp khác nhau lên xe.

Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết khi thay lốp hoặc vành xe.

n Khi sửa chữa lốp xe và hệ thống treo

Sử dụng các lốp hỏng hoặc chỉnh sửa hệ thống treo sẽ làm ảnh hưởng tới hệ thống hỗ trợ lái xe, và có thể làm cho hệ thống trục trặc.

n Phanh giảm va chạm thứ cấp

Không phụ thuộc quá nhiều vào hệ thống phanh hạn chế va chạm thứ cấp. Hệ thống được thiết kế để giúp giảm thiệt hại do va chạm thứ cấp, tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của hệ thống sẽ phụ thuộc vào các điều kiện khác nhau. Quá phụ thuộc vào hệ thống này có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông

Hãy tiến hành chuẩn bị và kiểm tra cần thiết trước khi lái xe trong mùa đông. Luôn luôn lái xe theo cách phù hợp với điều kiện thời tiết chung.

Chuẩn bị trước khi lái xe trong mùa đông

- Sử dụng các loại dung dịch phù hợp với nhiệt độ chung bên ngoài xe.
  - Dầu động cơ
  - Nước làm mát động cơ
  - Nước rửa kính
- Hãy yêu cầu kỹ thuật viên kiểm tra tình trạng của ắc quy.
- Lắp đặt lốp đi tuyết cho cả bốn bánh của xe hoặc trang bị xích quấn lốp cho các lốp trước.

Đảm bảo rằng tất cả các lốp có cùng kích thước, cùng nhà sản xuất và kích cỡ của xích quấn lốp phù hợp với kích cỡ của lốp.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lái xe có lắp lốp đi tuyết**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để giảm thiểu nguy cơ gây ra tai nạn. Nếu không có thể sẽ gây mất lái dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

l Sử dụng các loại lốp có kích thước tiêu chuẩn.

l Hãy đảm bảo duy trì áp suất lốp theo quy định.

l Không lái xe với tốc độ vượt quá tốc độ giới hạn của đường hoặc tốc độ giới hạn tiêu chuẩn của lốp khi sử dụng lốp đi tuyết.

l Hãy lắp tất cả các bánh xe bằng lốp đi tuyết, không phải chỉ với một vài lốp.

n **Lái xe với xích quấn lốp**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để giảm thiểu nguy cơ gây ra tai nạn. Nếu không có thể dẫn tới tình trạng lái xe không an toàn có thể gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

l Không lái xe với tốc độ vượt quá tốc độ giới hạn của xích quấn lốp đã được lắp đặt hoặc không quá 50km/h, tùy theo chỉ số nào thấp hơn.

l Tránh lái xe trên đường gồ ghề hoặc qua các ổ gà.

l Tránh tăng tốc và đánh lái đột ngột, cũng như tránh phanh gấp và xuống số do có thể làm lực phanh động cơ bị thay đổi đột ngột.

l Hãy giảm tốc độ trước khi vào cua để đảm bảo khả năng điều khiển xe.

l Không được sử dụng hệ thống LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)

l Không sử dụng hệ thống LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn có liên kết điều khiển lái) (nếu có)

CHÚ Ý

n **Sửa chữa hoặc thay các lốp đi tuyết (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Hãy yêu cầu đại lý Toyota hoặc một cửa hàng bán lốp có uy tín sửa chữa hoặc thay lốp đi tuyết.
Bởi việc tháo và lắp các lốp đi tuyết có ảnh hưởng đến hoạt động của van cảm biến áp suất lốp.

Trước khi lái xe

Tùy theo tình hình thực tế, hãy thực hiện các biện pháp xử lý sau tùy vào điều kiện lái xe:

- Không cố dùng sức để mở các cửa sổ hoặc cho di chuyển cần gạt kính đã bị đóng băng. Hãy đổ nước ấm lên vùng bị đóng băng để làm tan băng. Hãy gạt nước ngay sau đó để tránh cho nước không bị đóng băng lại.
- Để đảm bảo hệ thống quạt làm việc tốt theo mùa, hãy dọn hết tuyết bị đọng trong đường ống thông hơi nằm ở phía trước của kính chắn gió.
- Kiểm tra và bóc hết lớp băng hoặc tuyết đọng trên các đèn bên ngoài xe, gương chiếu hậu bên ngoài xe, các cửa sổ, nóc xe, gầm xe, xung quanh các lốp xe hoặc phanh xe.
- Hãy gạt hết tuyết hoặc bùn dính dưới đế giày trước khi vào xe.

Khi lái xe

Từ từ tăng tốc xe, giữ khoảng cách an toàn với xe chạy phía trước và lái xe ở tốc độ thấp phù hợp với điều kiện mặt đường.

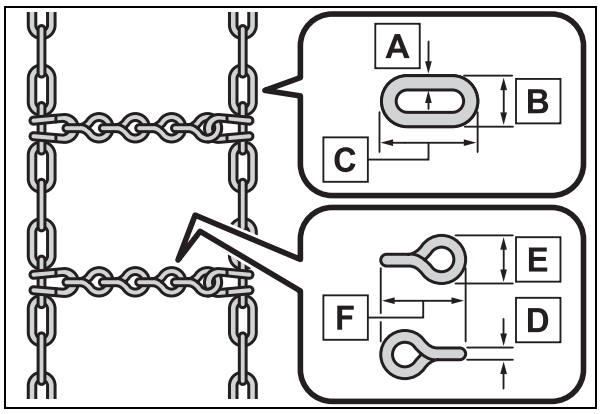
Khi đỗ xe

- Đỗ xe và chuyển cần số về vị trí P và không gài phanh đỗ. Cụm phanh đỗ có thể sẽ bị đóng băng và không nhả ra được. Khi đỗ xe mà không gài phanh đỗ, chắc chắn rằng phải chèn các bánh xe.
  Nếu không, có thể sẽ rất nguy hiểm do xe có thể bất ngờ dịch chuyển và dẫn tới tai nạn.
- Nếu đỗ xe mà không gài phanh đỗ, hãy chắc chắn rằng cần số không thể chuyển ra khỏi vị trí P*.

*: Cần số sẽ bị khóa lại nếu vẫncố gắng chuyển số từ số P đến các vị trí số khác mà không nhấn bàn đạp phanh. Nếu có thể chuyển được cần số ra khỏi vị trí P, thì có thể hệ thống khóa chuyển số đã bị trục trặc. Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Lựa chọn xích quấn lốp

Sử dụng xích quấn lốp phù hợp với kích thước của lốp cần gắn.
Mỗi cỡ xích chỉ được sử dụng cho một cỡ lốp.



A Đường kính xích bên 3 mm

B Chiều rộng xích bên (10 mm)

C Chiều dài xích bên (30 mm)

D Đường kính xích ngang 4 mm

E Chiều rộng xích ngang (14 mm)

F Chiều dài xích ngang (25 mm)

Các quy định về việc sử dụng xích quấn lốp

Các rất nhiều các quy định khác nhau khi sử dụng xích quấn lốp ở các quốc gia và trên các loại đường khác nhau. Hãy tìm hiểu và kiểm tra kỹ các quy định tại địa phương trước khi lắp xích quấn lốp.

n Lắp xích quấn lốp

Hãy tuân theo các chú ý sau khi lắp đặt và tháo xích quấn lốp:

- Hãy lắp đặt và tháo xích quấn lốp ở vị trí an toàn.
- Hãy lắp xích quấn lốp vào các lốp trước. Không lắp xích quấn lốp vào các lốp sau.
- Hãy lắp các xích trên các lốp trước càng chặt càng tốt. Xiết chặt lại các xích sau khi lái xe 0.5—1.0 km.
- Hãy lắp xích quấn lốp theo các hướng dẫn kèm theo sản phẩm.

CHÚ Ý

n Lắp xích quấn lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Van cảm biến áp suất lốp có thể không hoạt động chính xác khi lắp xích quấn lốp.

Trang bị nội thất 5

5-1. Sử dụng hệ thống điều hòa không khí và bộ sấy

Hệ thống điều hoà không khí thường 256

Hệ thống điều hòa không khí tự động 261

5-2. Sử dụng các đèn chiếu sáng bên trong xe

Danh sách các đèn trong xe 268

5-3. Sử dụng các ngăn đựng đồ

Danh sách các ngăn đựng đồ 270

Đặc điểm của khoang hành lý (xe có lốp dự phòng loại gọn).....273

5-4. Các trang bị nội thất khác

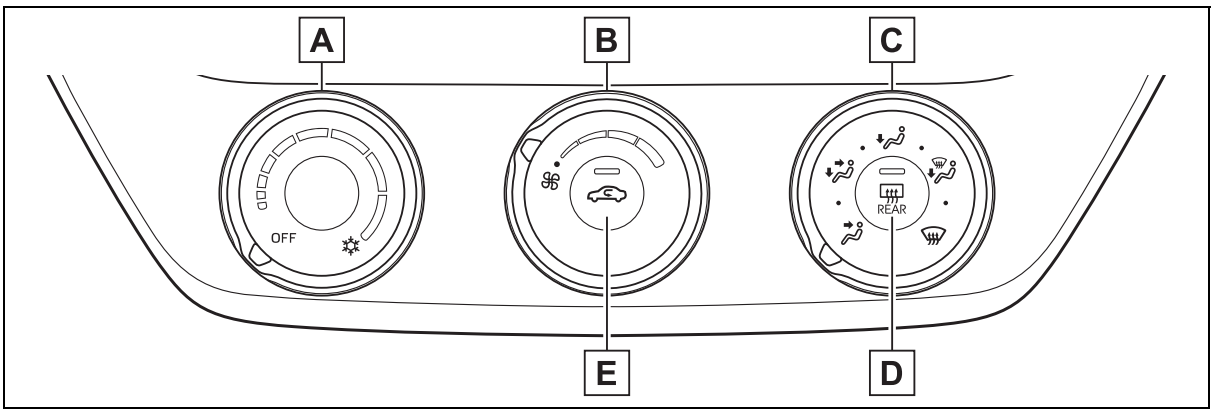
Các trang bị nội thất khác274

Hệ thống điều hoà không khí thường*

*: Nếu có

Điều khiển điều hòa

▶ Xe không có nút “A/C”



A Nút điều chỉnh nhiệt độ

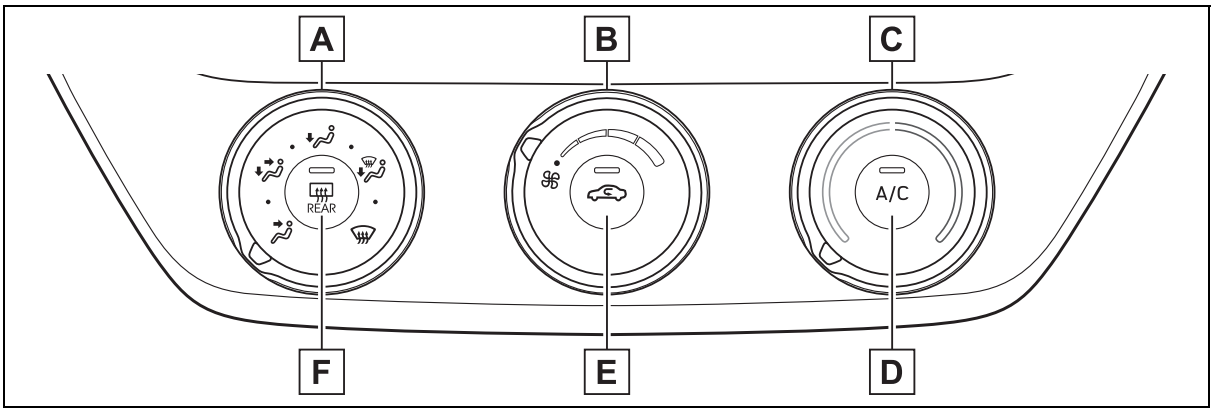
B Nút điều khiển tốc độ quạt

C Nút điều khiển chế độ luồng khí

D Nút bộ sấy kính cửa hậu

E Nút chế độ lấy nguồn khí ngoài/tuần hoàn khí bên trong

▶ Xe có nút “A/C”



A Nút điều khiển chế độ luồng khí

B Nút điều khiển tốc độ quạt

C Nút điều chỉnh nhiệt độ

D Nút "A/C"

E Nút chế độ lấy nguồn khí ngoài/tuần hoàn khí bên trong

F Nút bộ sấy kính cửa hậu

n Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ

▶ Xe không có nút “A/C”

Để điều chỉnh nhiệt độ thiết lập, hãy vặn nút điều chỉnh nhiệt độ cùng chiều kim đồng hồ để giảm nhiệt độ.

▶ Xe có nút “A/C”

Để điều chỉnh nhiệt độ thiết lập, hãy vặn nút điều chỉnh nhiệt độ cùng chiều kim đồng hồ (sưởi ấm) hoặc ngược chiều kim đồng hồ (làm mát).

Nếu nút “A/C” không được ấn, hệ thống sẽ thổi ra khí ở nhiệt độ môi trường hoặc khí nóng.

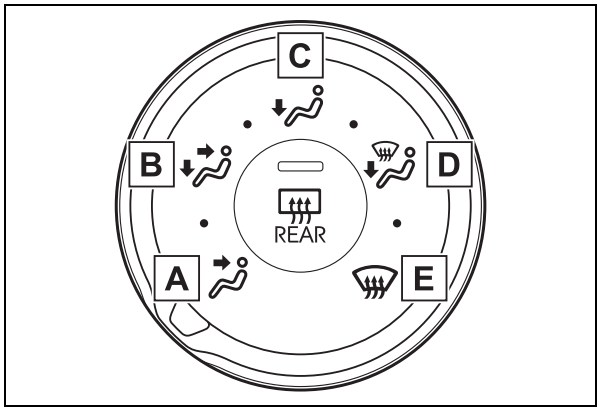
n Cài đặt tốc độ quạt

Để điều chỉnh tốc độ quạt, hãy vặn núm điều chỉnh tốc độ quạt cùng chiều kim đồng hồ (tăng) hoặc ngược chiều kim đồng hồ (giảm).

Khi quạt đang tắt, xoay công tắc điều chỉnh nhiệt độ cùng chiều kim đồng hồ sẽ bật quạt.

n Thay đổi chế độ luồng khí

Để chọn cửa thổi gió ra, đặt công tắc điều khiển chế độ cửa thổi gió ra tới vị trí mong muốn.



A Luồng khí thổi lên phần thân trên

B Luồng khí thổi lên phần thân trên và chân

C Luồng khí thổi xuống chân

D Bộ sấy kính chắn gió và sưởi chân

E Bộ sấy kính chắn gió

n Chuyển giữa chế độ lấy khí ngoài và tuần hoàn khí trong xe

Ấn nút chọn chế độ lấy khí bên ngoài/tuần hoàn khí bên trong.

Chuyển chế độ lấy khí từ bên ngoài vào và chế độ tuần hoàn khí trong xe sẽ được thực hiện bởi mỗi lần ấn nút. Khi chọn chế độ tuần hoàn khí bên trong, đèn chỉ báo trên nút chọn chế độ lấy khí ngoài/tuần hoàn khí bên trong xe sẽ sáng lên.

n Đặt chức năng làm mát và hút ẩm (xe có công tắc "A/C")

Hãy ấn nút "A/C".

Khi chức năng đang bật, đèn báo trên nút "A/C" sẽ sáng lên.

n Sấy kính chắn gió

Bộ sấy được sử dụng để làm trong kính chắn gió và kính cửa trước.

Xoay nút điều khiển chế độ luồng khí tới vị trí sấy kính chắn gió.

Sẽ thay đổi chế độ sang chế độ lấy khí ngoài nếu hiện tại đang đặt ở chế độ tuần hoàn khí bên trong. (Chế độ này có thể thay đổi tự động.)

Để sấy kính chắn gió và các kính cửa phía hai bên dễ dàng hơn, hãy bật thổi gió và tăng nhiệt độ lên.

Xe có nút "A/C": Nếu chức năng hút ẩm không hoạt động, hãy ấn nút "A/C" để sử dụng chức năng hút ẩm.

n Sấy kính cửa hậu

Bộ sấy được sử dụng để sấy kính cửa hậu.

Ấn nút sấy kính cửa hậu.

Bộ sấy sẽ tự động tắt sau một khoảng thời gian.

Khi bật nút sấy kính cửa hậu, đèn chỉ báo sẽ sáng trên nút bộ sấy kính cửa hậu.

---

n Làm trong kính cửa sổ

- Xe có công tắc "A/C": Các cửa sổ sẽ dễ bị bám sương mờ khi độ ẩm bên trong xe cao. Bật công tắc "A/C" sẽ làm khô không khí từ các cửa thổi gió và giúp làm trong kính chắn gió hơn.
- Xe có công tắc "A/C": Nếu bạn tắt công tắc "A/C", các cửa sổ có thể dễ bị bám mờ sương hơn.
- Các cửa sổ có thể sẽ bị mờ sương nếu chọn chế độ tuần hoàn khí trong xe.

n Khi lái xe trên đường bụi bẩn

Hãy đóng tất cả các cửa. Nếu bụi bay lên khi xe chạy qua bị cuốn vào bên trong xe sau khi đóng cửa sổ thì chúng tôi khuyên bạn đặt chế độ lấy khí ngoài và không tắt quạt gió.

n Chế độ lấy khí ngoài/tuần hoàn khí trong xe

Chúng tôi khuyến nghị bạn đặt tạm thời ở chế độ tuần hoàn khí bên trong để tránh bụi bẩn khỏi lọt vào bên trong xe ví dụ như khi vào hầm hoặc đường đông và giúp làm mát xe khi nhiệt độ ngoài xe là cao.

n Khi nhiệt độ bên ngoài thấp (xe có công tắc "A/C")

Hệ thống điều hòa không khí có thể sẽ không làm việc kể cả khi bạn ấn nút "A/C".

n Thông gió và mùi điều hòa

- Để lấy không khí trong lành, hãy đặt hệ thống điều hòa ở chế độ lấy khí ngoài.
- Trong khi sử dụng, có rất nhiều loại khí từ bên trong và bên ngoài xe có thể sẽ lọt vào và tích tụ trong hệ thống điều hòa. Nó có thể sẽ gây ra mùi hôi thoát ra từ các cửa gió.
- Bạn nên để hệ thống điều hòa ở chế độ lấy khí từ bên ngoài xe trước khi tắt động cơ.
- Để giảm mùi của hệ thống điều hòa: Bạn nên để hệ thống điều hòa ở chế độ lấy khí từ bên ngoài xe trước khi tắt động cơ.

n Bộ lọc điều hòa

→P.318

CẢNH BÁO

n **Để tránh cho kính chắn gió khỏi bị mờ sương**

Không được đặt nút điều khiển chế độ thổi gió ra ở vị trí sấy kính chắn gió khi hệ thống làm mát đang hoạt động trong điều kiện thời tiết cực kỳ ẩm ướt. Sự chênh lệch nhiệt độ bên ngoài xe và nhiệt độ của kính chắn gió có thể làm cho bề mặt của kính bị mờ đi, làm giảm tầm nhìn của bạn.

CHÚ Ý

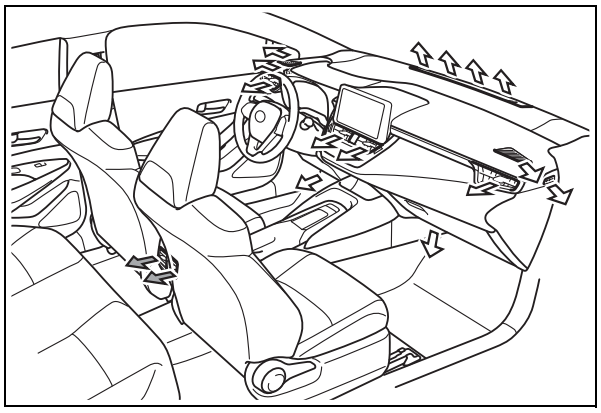
n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không được bật hệ thống điều hòa không khí quá lâu trong khi động cơ tắt máy.

Bố trí các cửa gió và hoạt động

n Vị trí của các cửa gió

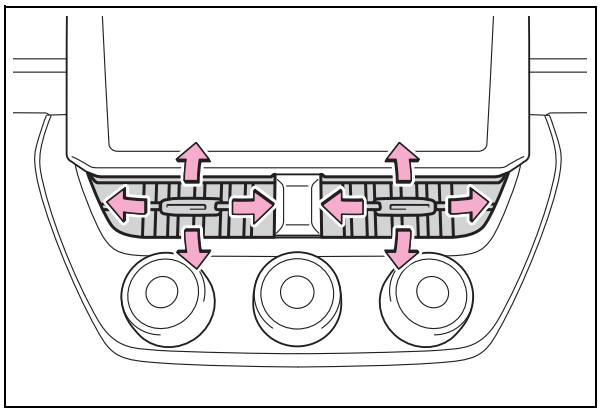
Các cửa gió và lưu lượng khí sẽ thay đổi theo chế độ luồng khí được chọn.



: nếu có

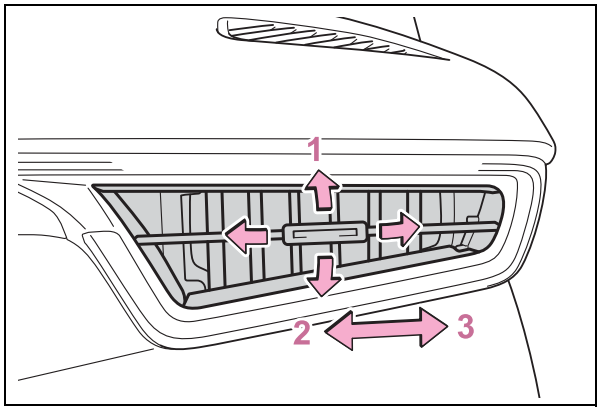
n Điều chỉnh vị trí và mở, đóng các cửa gió

▶ Ở giữa phía trước



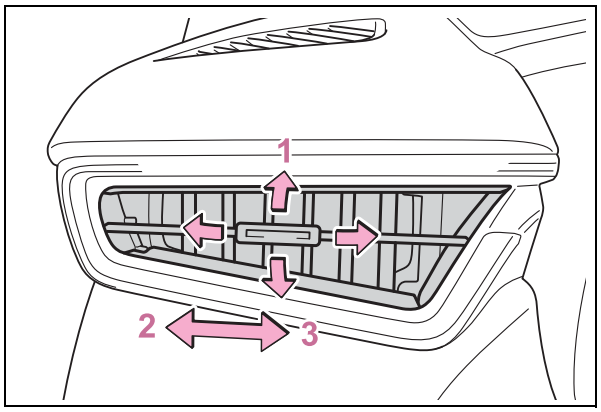
Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới

▶ Phía trước bên phải



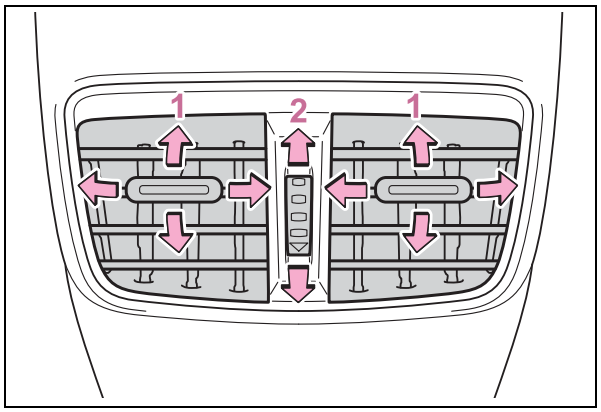
1 Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới
2 Mở chớp thông gió
3 Đóng chớp thông gió

▶ Phía trước bên trái



1 Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới
2 Đóng chớp thông gió
3 Mở chớp thông gió

▶ Phía sau ở giữa (nếu có)

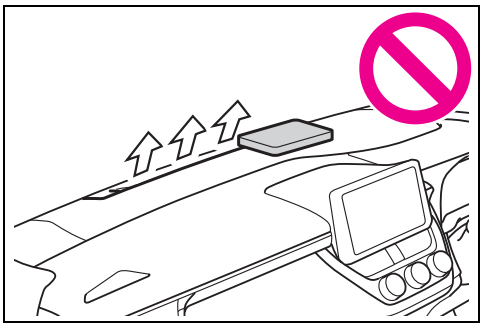


1 Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới
2 Xoay núm để mở hoặc đóng cửa thổi gió

⚠ CẢNH BÁO

n **Để tránh cho bộ sấy kính hoạt động không chính xác**

Không đặt các đồ vật lên bảng táp lô bởi chúng có thể che khuất các cửa gió. Nếu không, luồng khí thổi có thể bị chặn lại, và bộ sấy kính chắn gió sẽ không sấy kính được.



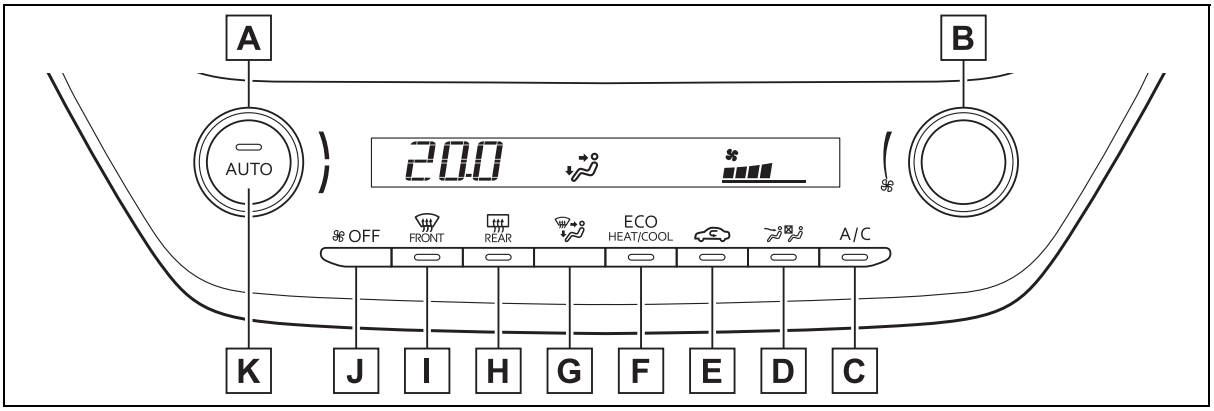
Hệ thống điều hòa không khí tự động*

*: Nếu có

Luồng khí thổi ra và tốc độ quạt sẽ được tự động điều chỉnh theo nhiệt độ đặt trước.
Màn hình và các vị trí nút sẽ khác nhau tùy vào từng kiểu hệ thống.

Điều khiển điều hòa

▶ Xe không có hệ thống điều hòa không khí chế độ kép DUAL



A Nút điều chỉnh nhiệt độ

B Nút điều khiển tốc độ quạt

C Nút "A/C"

D Nút chọn chế độ S-FLOW

E Nút chế độ lấy nguồn khí ngoài/tuần hoàn khí bên trong

F Nút chế độ Eco của điều hòa không khí

G Nút điều khiển chế độ luồng khí

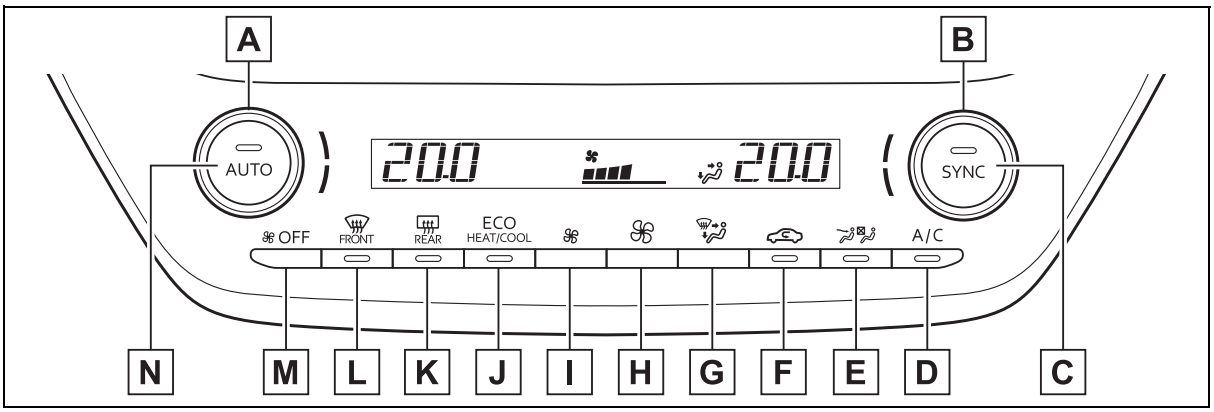
H Nút bộ sấy kính cửa hậu

I Nút bộ sấy kính chắn gió

J Nút OFF

K Nút chế độ tự động

▶ Xe có hệ thống điều hòa không khí chế độ DUAL



A Nút điều chỉnh nhiệt độ phía bên trái

B Nút điều chỉnh nhiệt độ bên phải

C Nút "SYNC" (đồng bộ)

D Nút "A/C"

E Nút chọn chế độ S-FLOW

F Nút chế độ lấy nguồn khí ngoài/tuần hoàn khí bên trong

G Nút điều khiển chế độ luồng khí

H Nút tăng tốc độ quạt

I Nút giảm tốc độ quạt

J Nút chế độ Eco của điều hòa không khí

K Nút bộ sấy kính cửa hậu

L Nút bộ sấy kính chắn gió

M Nút OFF

N Nút chế độ tự động

n **Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ**

Để điều chỉnh nhiệt độ thiết lập, hãy vặn núm điều chỉnh nhiệt độ cùng chiều kim đồng hồ (sưởi ấm) hoặc ngược chiều kim đồng hồ (làm mát).

Nếu nút “A/C” không được ấn, hệ thống sẽ thổi ra khí ở nhiệt độ môi trường hoặc khí nóng.

▶ Xe có hệ thống điều hòa không khí chế độ DUAL

Hệ thống điều hòa không khí chuyển giữa các chế độ phân tách và các chế độ đồng bộ mỗi lần ấn nút "SYNC" sáng lên.

Các chế độ đồng bộ (đèn chỉ báo sáng):

Có thể sử dụng các nút điều khiển nhiệt độ phía người lái để điều chỉnh

nhiệt độ cho cả phía người lái và phía hành khách phía trước. Tại thời điểm này, vận hành các công tắc điều khiển nhiệt độ phía hành khách phía trước để vào chế độ cá nhân.

Các chế độ phân tách (đèn chỉ báo tắt):

Có thể điều chỉnh nhiệt độ cho ghế người lái và ghế hành khách phía trước một cách độc lập.

n Đặt tốc độ quạt

▶ Xe không có hệ thống điều hòa không khí chế độ kép DUAL

Để điều chỉnh tốc độ quạt, hãy vặn núm điều chỉnh tốc độ quạt cùng chiều kim đồng hồ (tăng) hoặc ngược chiều kim đồng hồ (giảm).

Ấn nút tắt để tắt quạt.

▶ Xe có hệ thống điều hòa không khí chế độ DUAL

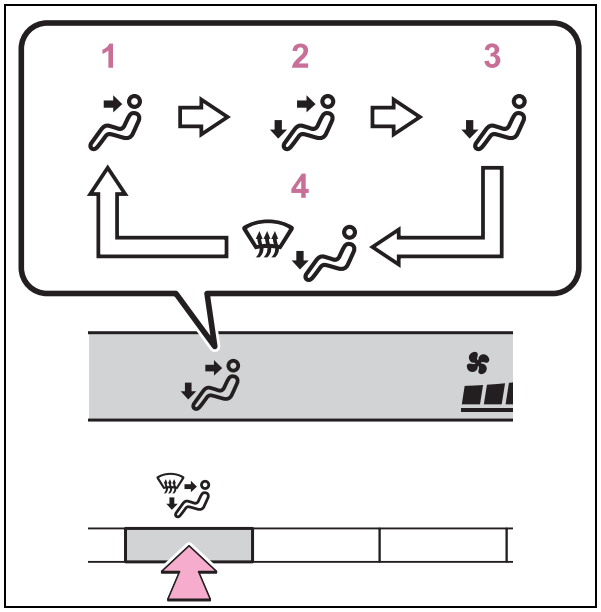
Sử dụng nút tăng tốc độ quạt để tăng tốc độ quạt và nút giảm tốc độ quạt để giảm tốc độ quạt.

Ấn nút tắt để tắt quạt.

n Thay đổi chế độ luồng khí

Ấn nút điều khiển chế độ luồng khí.

Chế độ luồng khí sẽ thay đổi mỗi khi ấn nút này.



1 Luồng khí thổi lên phần thân trên
2 Luồng khí thổi lên phần thân trên và chân
3 Luồng khí thổi xuống chân
4 Bộ sấy kính chắn gió và sưởi chân

n Chuyển giữa chế độ lấy khí ngoài và tuần hoàn khí trong xe

Ấn nút chọn chế độ lấy khí bên ngoài/tuần hoàn khí bên trong.

Chuyển chế độ lấy khí từ bên ngoài vào và chế độ tuần hoàn khí trong xe sẽ được thực hiện bởi mỗi lần ấn nút. Khi chọn chế độ tuần hoàn khí bên trong, đèn chỉ báo trên nút chọn chế độ lấy khí ngoài/tuần hoàn khí bên trong xe sẽ sáng lên.

n Đặt chức năng làm mát và hút ẩm

Hãy ấn nút "A/C".

Khi chức năng đang bật, đèn báo trên nút "A/C" sẽ sáng lên.

n Sấy kính chắn gió

Bộ sấy được sử dụng để làm

trong kính chắn gió và kính cửa trước.

Ấn nút bộ sấy kính chắn gió.

Sẽ thay đổi chế độ sang chế độ lấy khí ngoài nếu hiện tại đang đặt ở chế độ tuần hoàn khí bên trong. (Chế độ này có thể thay đổi tự động.)

Để sấy kính chắn gió và các kính cửa phía hai bên dễ dàng hơn, hãy bật thổi gió và tăng nhiệt độ lên.

Để trở về chế độ trước đó, hãy ấn nút bộ sấy kính chắn gió một lần nữa.

Khi bật nút sấy kính chắn gió, đèn báo sẽ sáng trên nút của bộ sấy kính chắn gió.

n Sấy kính cửa hậu

Bộ sấy được sử dụng để sấy kính cửa hậu.

Ấn nút sấy kính cửa hậu.

Bộ sấy sẽ tự động tắt sau một khoảng thời gian.

Khi bật nút sấy kính cửa hậu, đèn chỉ báo sẽ sáng trên nút bộ sấy kính cửa hậu.

n Chế độ Eco của điều hòa không khí

Điều hòa không khí được điều khiển để ưu tiên tiết kiệm nhiên liệu như giảm tốc độ quạt gió,vv..

Ấn nút chế độ Eco của điều hòa không khí.

Khi chế độ Eco của điều hòa không khí được bật, đèn chỉ báo trên công tắc chế độ Eco của điều hòa không khí sáng lên.

n Chế độ S-FLOW

Trong chế độ S-LOW, ưu tiên luồng khí cho ghế người lái, và giảm luồng khí cho ghế của hành khách phía trước và các ghế sau.

Khi ấn nút chế độ S-FLOW, chế độ S-FLOW sẽ được kích hoạt/vô hiệu hóa bằng tay.

Khi chế độ S-FLOW đang bật, đèn chỉ báo trên công tắc chế độ S-FLOW sáng và đèn chỉ báo nhiệt độ ở phía hành khách phía trước sẽ tắt.

---

n Làm trong kính cửa sổ

- Cửa sổ sẽ dễ bị bám sương mờ khi độ ẩm trong xe tăng lên cao. Bật nút "A/C" sẽ làm khô không khí từ các cửa gió và giúp làm trong kính chắn gió hơn.
- Nếu bạn tắt nút "A/C", các cửa sổ có thể dễ bị bám mờ sương hơn.
- Các cửa sổ có thể sẽ bị mờ sương nếu chọn chế độ tuần hoàn khí trong xe.

n Khi lái xe trên đường bụi bẩn

Hãy đóng tất cả các cửa. Nếu bụi bay lên khi xe chạy qua bị cuốn vào bên trong xe sau khi đóng cửa sổ thì chúng tôi khuyên bạn đặt chế độ lấy khí ngoài và không tắt quạt gió.

n Chế độ lấy khí ngoài/tuần hoàn khí trong xe

- Chúng tôi khuyến nghị bạn đặt tạm thời ở chế độ tuần hoàn khí bên trong để tránh bụi bẩn khỏi lọt vào bên trong xe ví dụ như khi vào hầm hoặc đường đông và giúp làm mát xe khi nhiệt độ ngoài xe là cao.
- Hệ thống có thể sẽ tự động chuyển giữa chế độ lấy khí từ bên ngoài xe/tuần hoàn khí bên trong theo nhiệt độ cài đặt hoặc nhiệt độ bên trong xe.

n Khi nhiệt độ bên ngoài hạ xuống gần 0°C

Chức năng hút ẩm có thể sẽ không hoạt động ngay cả khi ấn nút "A/C".

n Thông gió và mùi điều hòa

l Để lấy không khí trong lành, hãy đặt hệ thống điều hòa ở chế độ lấy khí ngoài.

l Trong khi sử dụng, có rất nhiều loại khí từ bên trong và bên ngoài xe có thể sẽ lọt vào và tích tụ trong hệ thống điều hòa. Nó có thể sẽ gây ra mùi hôi thoát ra từ các cửa gió.

l Để giảm mùi của hệ thống điều hòa:

- Bạn nên để hệ thống điều hòa ở chế độ lấy khí từ bên ngoài xe trước khi tắt động cơ.
- Thời gian quạt gió bắt đầu quay có thể sẽ bị trễ một chút ngay sau khi chuyển hệ thống điều hòa sang chế độ tự động.

l Khi đỗ xe, hệ thống tự động chuyển sang chế độ lấy khí ngoài nhằm tạo được tuần hoàn không khí tốt hơn trong toàn bộ xe, giúp giảm được mùi hôi có thể xuất hiện khi khởi động xe.

n nanoe™ X[*1, 2] (nếu có)

Hệ thống điều hòa không khí được trang bị bộ tạo nanoe™. Công nghệ này này giúp thổi khí sạch vào trong khoang xe bằng cách sinh ra vi chất axit nanoe™ được phủ bằng hơi nước qua cửa thổi gió phía người lái[*3].

l Khi bật quạt gió, hệ thống nanoe™ sẽ được kích hoạt.

l Có thể cần một ít thời gian trước khi hệ thống nanoe™ X bắt đầu hoạt động.

l Khi quạt gió hoạt động trong các điều kiện sau đây, hiệu suất của hệ thống sẽ được tăng tối đa. Nếu không thỏa mãn các điều kiện sau, công nghệ nanoe™ có thể sẽ không hoạt động hết hiệu suất.

- Các cửa gió hướng lên phần thân trên, cửa gió hướng lên phần thân trên và xuống chân hoặc cửa gió hướng xuống chân sẽ hoạt động.
- Cửa gió phía hành khách đang mở.

l Khi nanoe™ X được tạo ta, lượng khí ozôn nhỏ phát ra và có thể tạo ra mùi ở một trường hợp. Tuy nhiên, điều này cũng giống như khí tự nhiên, như ở trong rừng và không ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

l Tiếng ồn nhỏ có thể xuất hiện trong khi hoạt động. Tuy nhiên, đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

*1: nanoe™ và the nanoe™ là những tên thương mại của công ty Panasonic.

*2: nanoe™ X là một máy tạo nanoe™.

*3: Theo tình tình trạng nhiệt độ và độ ẩm, tốc độ quạt và hướng của luồng khí, hệ thống nanoe™ có thể không hoạt động được hết công suất.

n Bộ lọc điều hòa

→P.318

n Tùy chọn

Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.387)

⚠ CẢNH BÁO

n Để tránh cho kính chắn gió khỏi bị mờ sương

Khi không khí có độ ẩm cao, không được sử dụng bộ sấy kính. Sự chênh lệch nhiệt độ bên ngoài xe và nhiệt độ của kính chắn gió có thể làm cho bề mặt của kính bị mờ đi, làm cản trở tầm nhìn của bạn.

n nanoe™ X (nếu có)

Không được tháo rời hoặc sửa chữa bộ tạo nanoe™ vì nó có những bộ phận cao áp. Nếu bạn cần sửa chữa bộ tạo nanoe™, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không được bật hệ thống điều hòa không khí quá lâu trong khi động cơ tắt máy.

n **Để tránh làm hỏng nanoe™ X (nếu có)**

Không được cho bất cứ vật gì vào cửa thổi gió phía hành khác, hoặc xịt nước hoa… xung quanh cửa thổi gió phía hành khách. Những vật này có thể làm bộ tạo nanô làm việc không chính xác

Sử dụng chế độ tự động

1 Ấn công tắc chế độ tự động.

2 Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ.

3 Để dừng hoạt động, hãy ấn nút tắt.

Nếu bạn tiến hành điều chỉnh tốc độ quạt hoặc chế độ luồng khí thổi, chỉ báo chế độ tự động sẽ tắt đi. Tuy nhiên, chế độ tự động cho các chức năng khác vẫn được duy trì.

n **Sử dụng chế độ tự động**

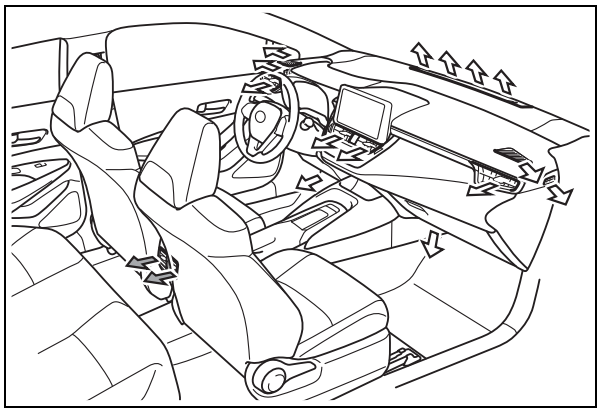
Tốc độ quạt được điều chỉnh tự động theo cài đặt nhiệt độ và điều kiện môi trường.

Do đó, quạt có thể ngừng quay một lúc cho đến khi luồng khí ấm hoặc mát thổi ra sau khi ấn công tắc chế độ tự động.

Bố trí các cửa gió và hoạt động

n **Vị trí của các cửa gió**

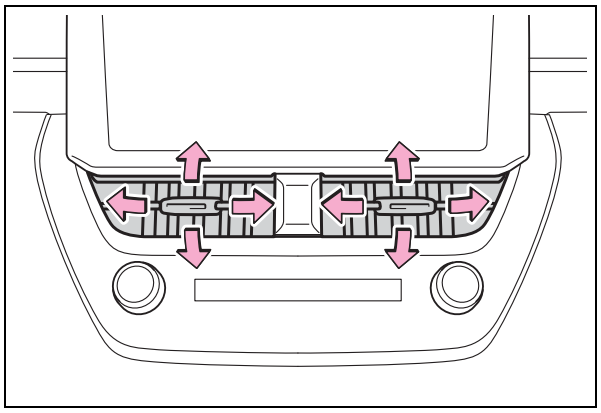
Các cửa gió và lưu lượng khí sẽ thay đổi theo chế độ luồng khí được chọn.



⇦: nếu có

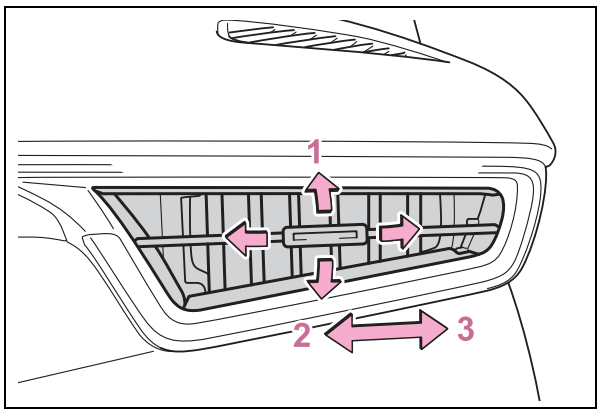
n **Điều chỉnh vị trí và mở, đóng các cửa gió**

▶ Ở giữa phía trước



Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới

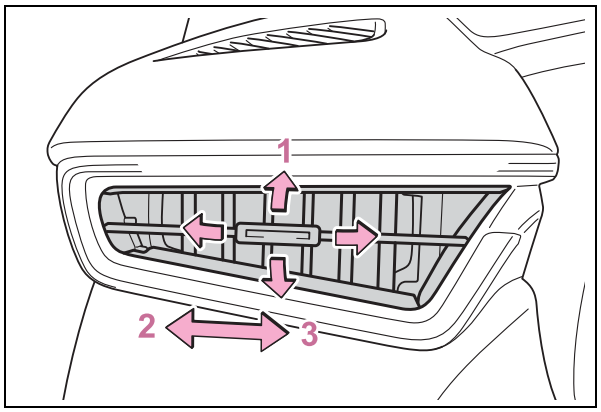
▶ Phía trước bên phải



1 Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới

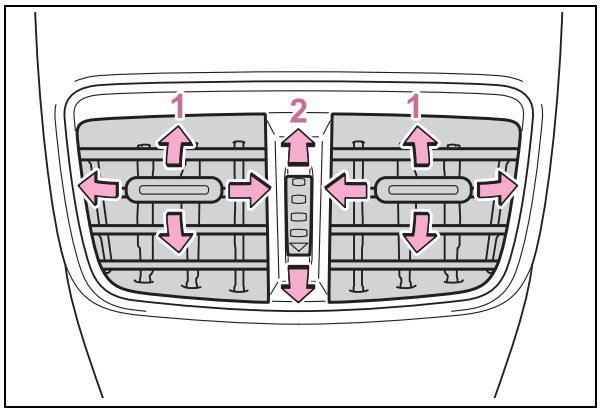
2 Mở chớp thông gió
3 Đóng chớp thông gió

▶ Phía trước bên trái



1 Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới
2 Đóng chớp thông gió
3 Mở chớp thông gió

▶ Phía sau ở giữa (nếu có)

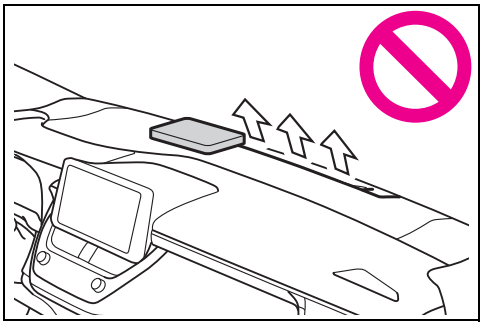


1 Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới
2 Xoay núm để mở hoặc đóng cửa thổi gió

CẢNH BÁO

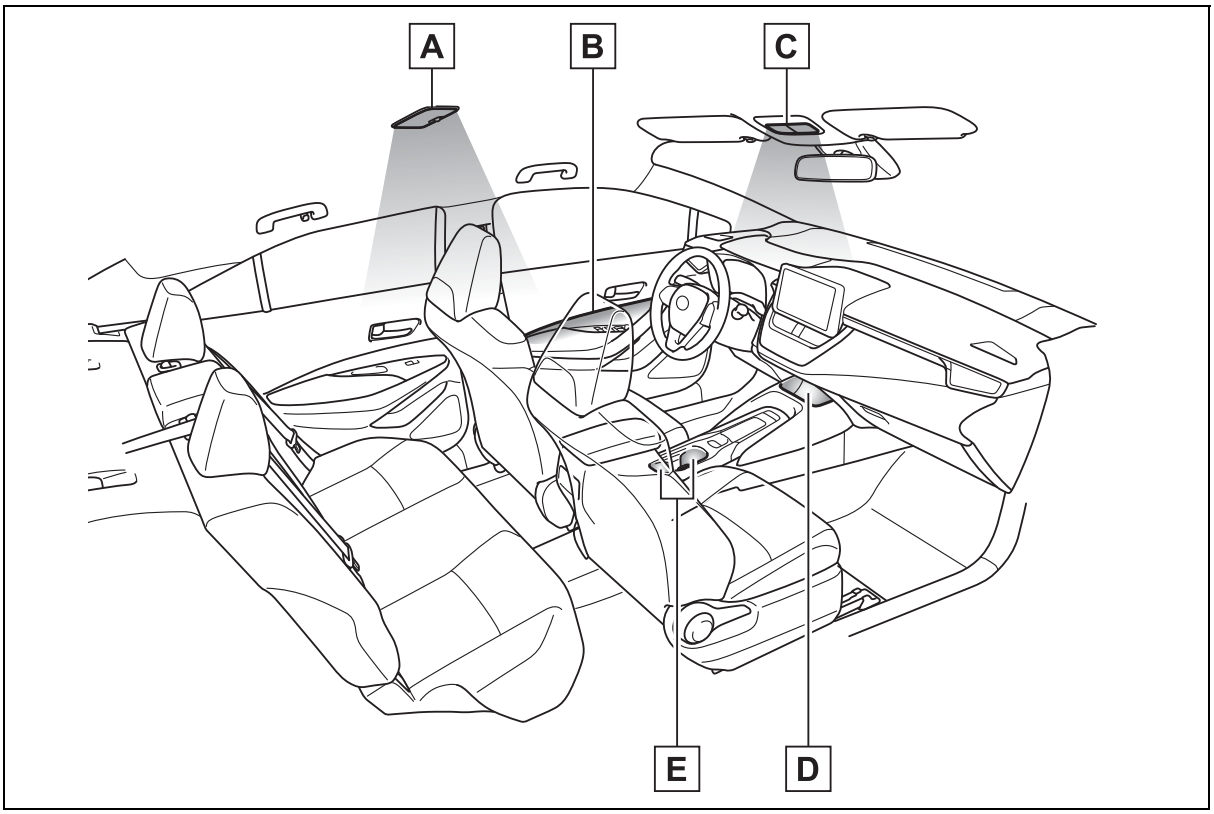
n **Để tránh cho bộ sấy kính hoạt động không chính xác**

Không đặt các đồ vật lên bảng táp lô bởi chúng có thể che khuất các cửa gió. Nếu không, luồng khí thổi có thể bị chặn lại, và bộ sấy kính chắn gió sẽ không sấy kính được.



Danh sách các đèn trong xe

Vị trí của các đèn trong xe



A Đèn nội thất phía sau

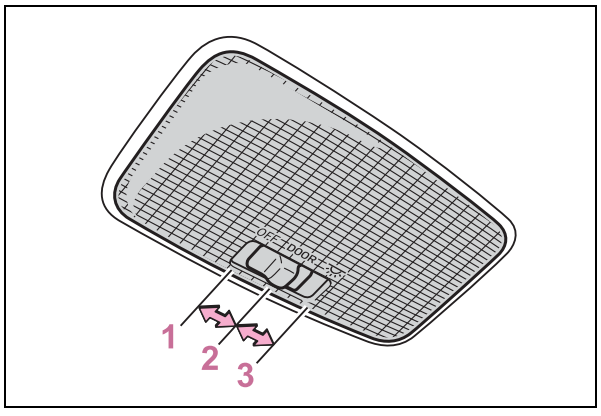
B Đèn trang trí cửa (nếu có)

C Các đèn cá nhân phía trước

D Đèn chiếu sáng khay ở giữa (nếu có)

E Các đèn chiếu sáng ngăn đựng cốc (nếu có)

Vận hành đèn nội thất phía sau



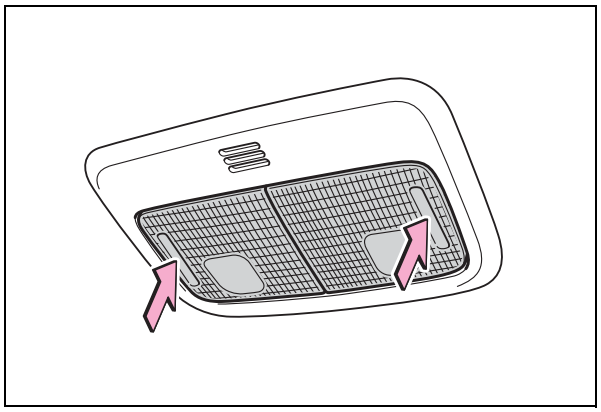
1 Tắt đèn

2 Bật công tắc vị trí cửa xe

Khi có bất kỳ một cửa nào đó được mở, các đèn này sẽ sáng lên.

3 Bật đèn

Vận hành các đèn cá nhân phía trước



Bật/tắt các đèn

n Hệ thống chiếu sáng lối vào

Các đèn tự động bật/ tắt theo chế độ hoặc vị trí của công tắc động cơ, chìa khóa điện tử (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) có gần xe, hoặc là các cửa xe khóa/ mở khóa, hoặc là các cửa xe mở/ đóng.

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Nếu các đèn trần vẫn tiếp tục sáng khi tắt công tắc động cơ, thì các đèn sẽ tự động tắt sau 20 phút.

n Các đèn trong xe sẽ tự động bật khi

Nếu có bất kỳ túi khí nào bị nổ hoặc trong trường hợp va chạm mạnh từ phía sau, các đèn các đèn trần sẽ bật tự động.
Các đèn trần sẽ tự động tắt sau khoảng 20 phút.
Có thể tắt được các đèn trần bằng cách thủ công. Tuy nhiên, để tránh gây ra va chạm khác, chúng tôi khuyên rằng nên để chúng sáng cho đến khi đã đảm bảo an toàn.
(Các đèn trần có thể không bật tự động tùy vào lực tác động và tình trạng va chạm.)

n Tùy chọn

Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.387)

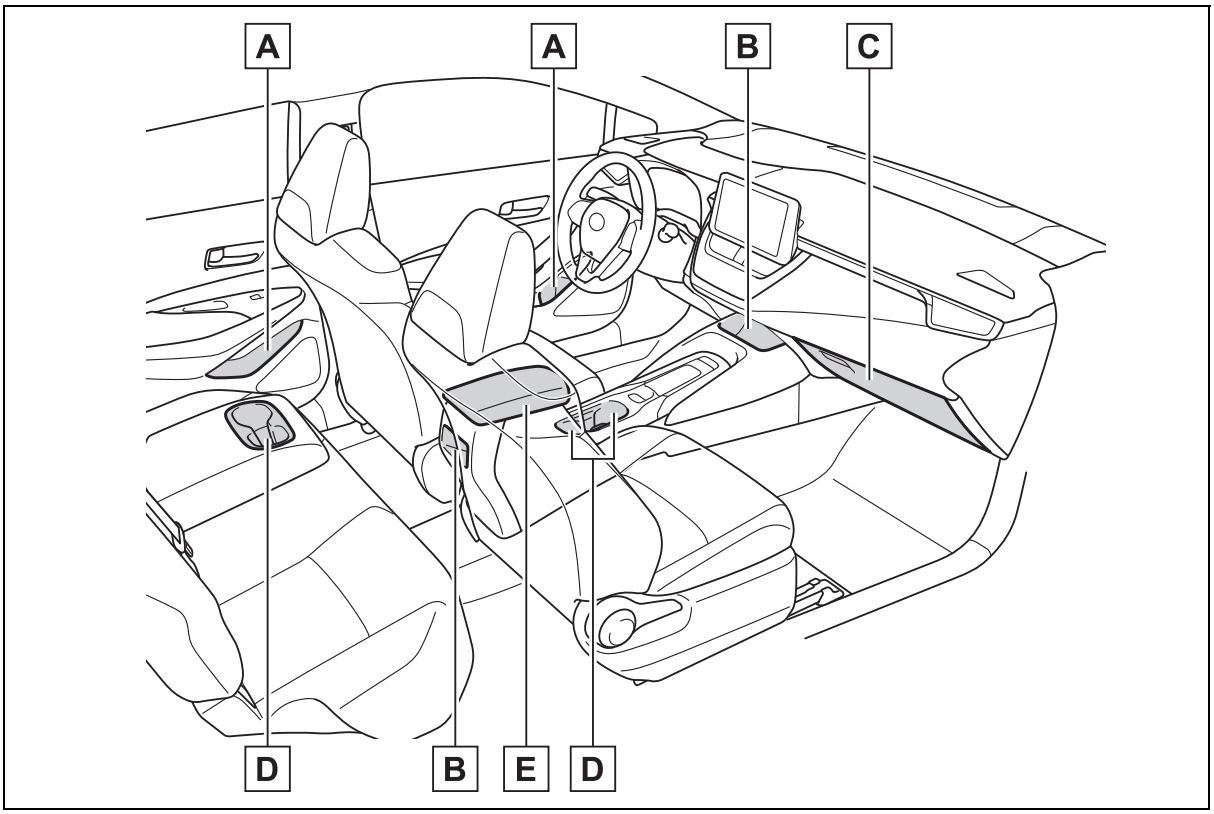
⚠ CHÚ Ý

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Khi động cơ không hoạt động, không bật đèn trong thời gian quá lâu nếu không cần thiết.

Danh sách các ngăn đựng đồ

Vị trí của các ngăn đựng đồ



A Ngăn để chai/hốc để đồ trên cửa xe (→P.271)

B Khay mở (nếu có) (→P.272)

C Ngăn đựng găng tay (→P.271)

D Ngăn để cốc (→P.271)

E Hộp dầm (→P.272)

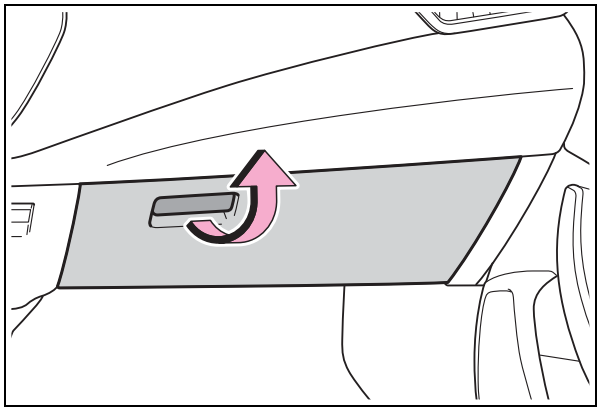
⚠ CẢNH BÁO

n **Những đồ vật không nên để trong các ngăn đựng đồ**

Không để kính mắt, bật lửa, bình xịt ở trong ngăn đựng đồ, khi nhiệt độ trong cabin tăng cao, có thể gây ra những vấn đề sau:

- Kính mắt có thể bị biến dạng do nhiệt độ cao hoặc bị nứt nếu bị các đồ vật khác đè phải.
- Bật lửa hoặc các bình xịt có thể bị nổ. Nếu bị các đồ vật khác đè phải, bật lửa có thể sẽ bắt lửa hoặc bình xịt có thể xì khí và gây ra hỏa hoạn.

Ngăn đựng găng tay



Kéo lẫy để mở ngăn đựng găng tay.

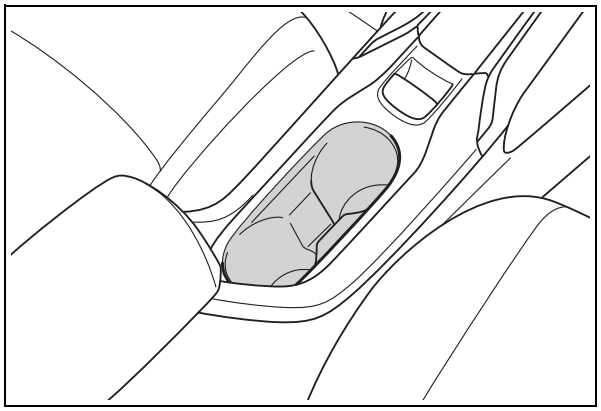
CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

Hãy đóng ngăn đựng găng tay lại. Nếu không khi phanh gấp hoặc đánh lái gấp, hành khách có thể sẽ bị va phải ngăn đựng găng tay hoặc các đồ vật để trong hộp có thể sẽ bắn văng ra ngoài và gây ra tai nạn.

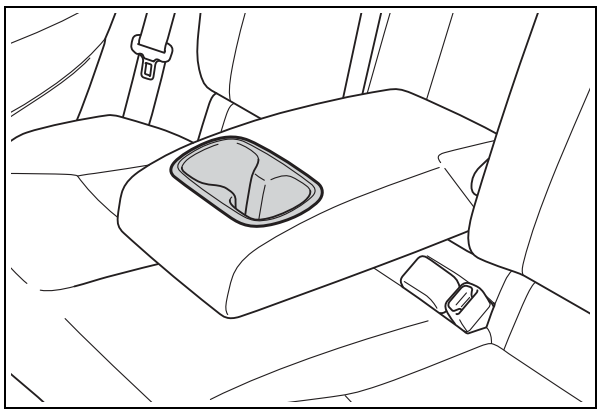
Ngăn để cốc

▶ Phía trước



▶ Phía sau (nếu có)

Ngả tựa tay xuống.



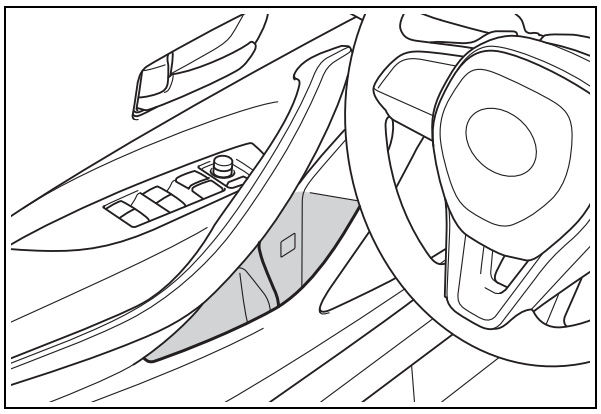
CẢNH BÁO

n **Những đồ vật không nên đặt trong ngăn để cốc**

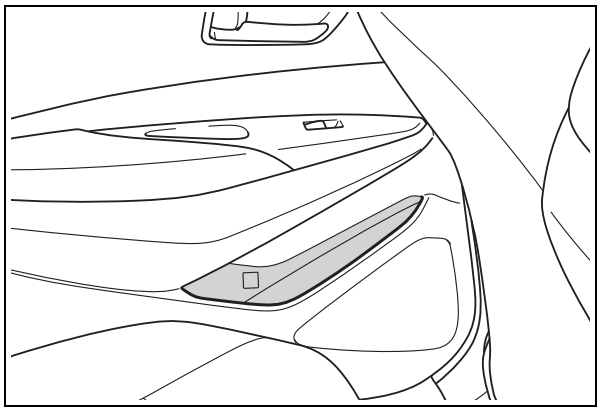
Không được để bất kỳ thứ gì khác ngoài cốc đựng hoặc các lon đồ uống vào trong ngăn đựng cốc.
Những đồ vật đó có thể sẽ bị văng ra khỏi giá khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp và dẫn tới chấn thương.
Nếu có thể, hãy đậy nắp cho đồ uống nóng để tránh bị bỏng.

Ngăn để chai/hốc để đồ trên cửa xe

▶ Phía trước



▶ Phía sau



n **Ngăn để chai**

l Khi để chai trong ngăn, hãy đóng nắp chai lại.

l Ngăn để chai có thể sẽ không giữ được một số loại chai do kích thước và hình dạng của chai.

⚠ CẢNH BÁO

n **Những đồ vật không nên đặt trong ngăn để chai**

Không được để bất kỳ thứ gì khác ngoài các chai đựng trong ngăn để chai.
Những đồ vật đó có thể sẽ bị văng ra khỏi giá khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp và dẫn tới chấn thương.

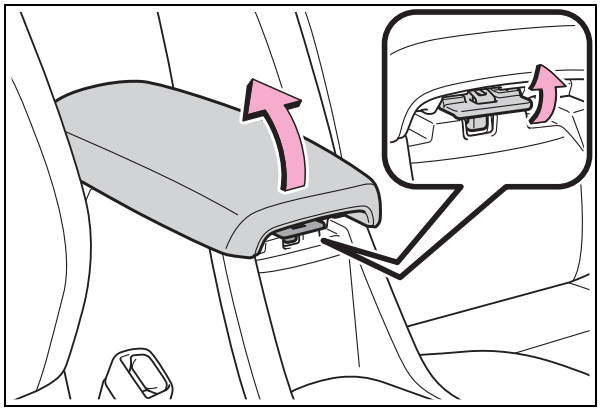
⚠ CHÚ Ý

n **Những đồ vật không nên để trong ngăn đựng chai**

Không để các chai mở nắp hoặc cốc giấy và cốc thủy tinh có chứa chất lỏng trong ngăn đựng chai. Nước đựng trong cốc/chai có thể sẽ văng ra ngoài hoặc cốc/chai thủy tinh có thể sẽ bị vỡ.

Hộp dầm

Nhấc nắp khi kéo vào núm.



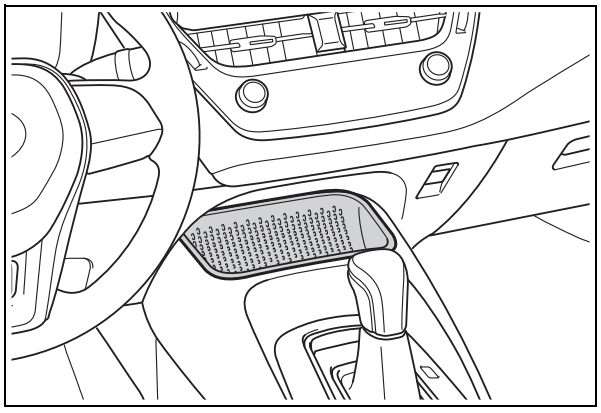
⚠ CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

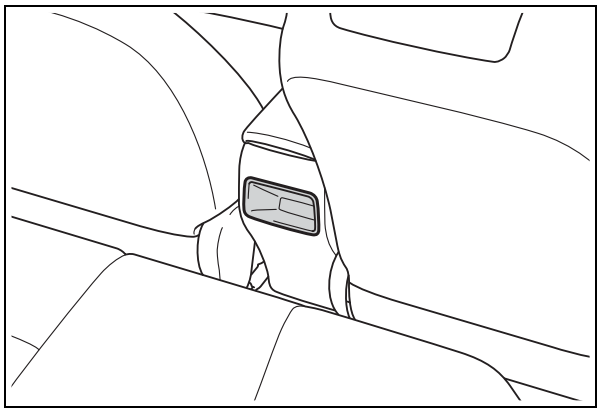
Luôn đóng nắp hộp dầm.
Có thể sẽ gây ra chấn thương trong trường hợp gặp tai nạn hay phanh gấp.

Khay mở (nếu có)

▶ Phía trước



▶ Phía sau



⚠ CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

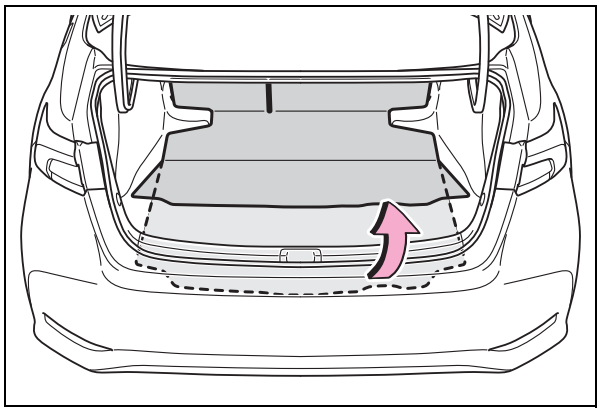
Hãy tuân theo các lưu ý sau khi để các đồ vật trong khay đựng đồ mở. Nếu không, những đồ vật có thể sẽ bị văng ra ngoài khay khi xe phanh gấp hoặc cua gấp. Trong những trường hợp đó, những đồ vật này có thể sẽ cản trở tới việc điều khiển bàn đạp.. hoặc làm cho người lái bị sao nhãng, dẫn đến tai nạn.

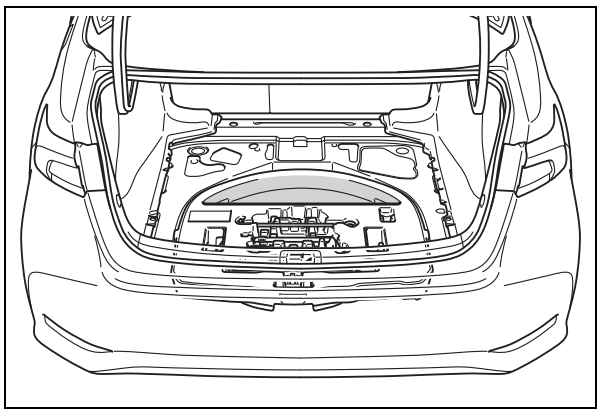
- Không được để những đồ vật dễ bị dịch chuyển hoặc bị lật ra khỏi khay.
- Không được để đồ vật trong khay cao hơn thành của khay.
- Không để các đồ vật trong khay mà một phần của đồ vật nhô ra khỏi mép khay.

Đặc điểm của khoang hành lý (xe có lốp dự phòng loại gọn)

Hộp đựng đồ vặt

Lật thảm lên.





Các trang bị nội thất khác

Các cổng sạc USB (nếu có)

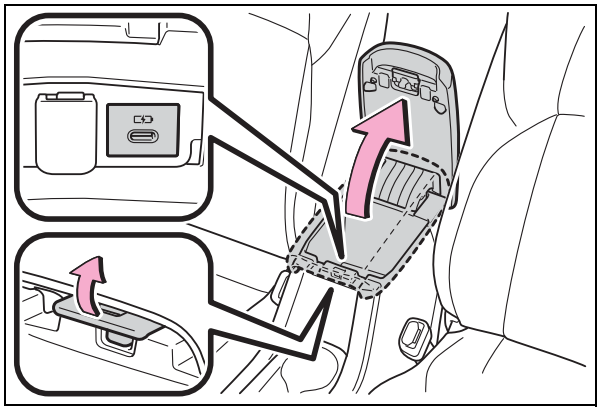
Cổng sạc USB được sử dụng cấp điện 3 A ở 5V cho các thiết bị ngoại vi.
Chỉ sử dụng cổng sạc USB để sạc điện. Chúng không được thiết kế cho truyền dữ liệu và mục đích khác.

Tùy vào loại thiết bị ngoại vi, nó có thể không hoạt động bình thường được. Hãy tham khảo tài liệu đi kèm với thiết bị trước khi sử dụng cổng USB.

n Sử dụng cổng sạc USB

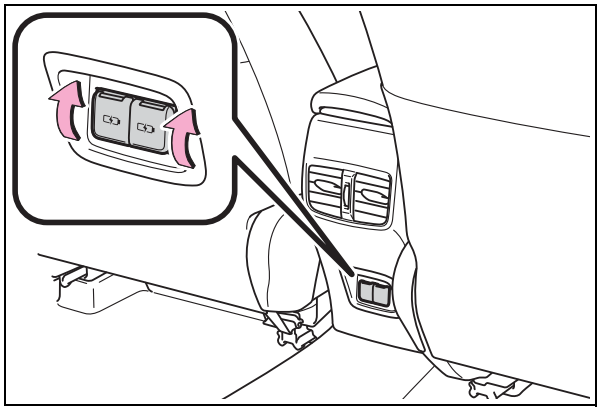
▶ Phía trước

Mở nắp hộp dầm.



▶ Phía sau

Mở nắp che.



n Chỉ sử dụng cổng USB khi

Công tắc động cơ ở ACC hoặc ON.

n Những trường hợp sau có thể cổng USB không hoạt động chính xác

- Nếu kết nối một thiết bị tiêu thụ lớn hơn 3.0 A ở 5V
- Nếu kết nối thiết bị được thiết kế để nối với máy tính cá nhân, như USB.
- Nếu thiết bị ngoại vi được kết nối đang tắt (tùy vào thiết bị)
- Nếu nhiệt độ trong xe là cao, như khi đỗ xe dưới trời nắng

n Khi kết nối các thiết bị ngoại vi

Tùy vào thiết bị ngoại vi, thi thoảng quá trình sạc điện có thể bị treo và sau đó khởi động lại. Điều này không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

⚠ CHÚ Ý

n Để tránh làm hỏng các cổng USB

- Không được nhét các vật lạ vào cổng kết nối.
- Không được để bắn nước hay chất lỏng vào cổng.
- Không tác dụng lực quá mạnh hoặc va đập vào cổng USB.
- Không được tháo hoặc sửa chữa cổng USB.

n Để tránh làm hỏng các thiết bị ngoại vi

- Không được để các thiết bị ngoại vi ở trong xe. Nhiệt độ trong xe có thể sẽ rất cao, và làm hỏng các thiết bị ngoại vi.
- Không ấn hoặc tác dụng lực quá mạnh lên các thiết bị hoặc dây cáp của các thiết bị ngoại vi trong khi chúng đang kết nối.

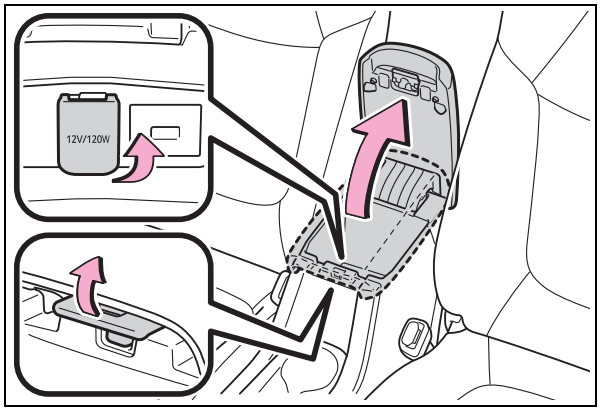
n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không sử dụng cổng USB trong thời gian dài khi động cơ tắt máy.

Ổ điện

Có thể sử dụng ổ cắm điện để cấp nguồn cho các phụ kiện dùng điện 12 V và cường độ dòng nhỏ hơn 10 A.

Mở nắp hộp dầm và mở nắp ra.



n **Có thể sử dụng ổ điện khi**

Công tắc động cơ ở ACC hoặc ON.

n **Khi tắt công tắc động cơ**

Ngắt kết nối các thiết bị điện có chức năng sạc như pin của điện thoại. Nếu các thiết bị nói trên vẫn được kết nối, thì công tắc động cơ không thể tắt bình thường được.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm cháy cầu chì**

Không sử dụng các phụ kiện có điện áp trên 12 V và cường độ dòng trên 10 A.

n **Để tránh làm hỏng ổ điện**

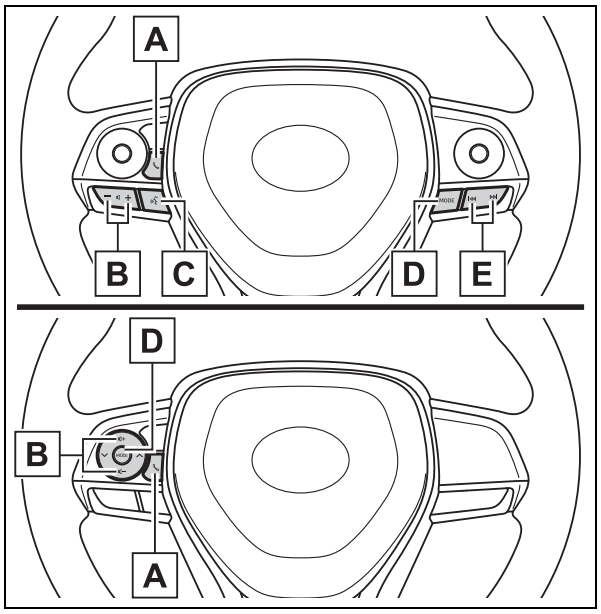
Hãy đóng nắp ổ điện khi không sử dụng tới.
Nếu chất lỏng hoặc dị vật lọt vào ổ điện có thể sẽ gây ra tình trạng ngắn mạch.

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không sử dụng ổ điện quá lâu khi động cơ không hoạt động.

Các nút điều khiển hệ thống âm thanh từ xa trên vô lăng (nếu có)

Bạn có thể điều khiển một số chức năng của hệ thống âm thanh bằng các nút điều khiển trên vô lăng. Tuỳ thuộc vào loại hệ thống âm thanh đang lắp trên xe, mà một số nút điều khiển có thể sẽ không khả dụng.



A Công tắc điện thoại

- Nếu ấn công tắc trong khi có cuộc gọi, cuộc gọi sẽ kết thúc.
- Nếu ấn công tắc trong khi đang nhận cuộc gọi đến, cuộc gọi sẽ được trả lời.
- Nếu ấn công tắc trong khi đã nhận cuộc gọi chờ, cuộc gọi chờ sẽ được trả lời.

B Nút điều chỉnh âm lượng

- Ấn phía "+" để tăng âm lượng.

• Ấn phía "-" để giảm âm lượng.

C Nút thoại*

Một thông điệp sẽ được hiển thị.

D Nút "MODE"

• Ấn nút: Bật nút nguồn, lựa chọn nguồn phát
• Ấn và giữ: Tắt tiếng và dừng hoạt động hiện tại. Để hủy việc tắt tiếng hoặc tạm ngừng, hãy ấn và giữ một lần nữa.

E Nút Seek*

Vận hành chức năng âm thanh như đài radiô và đầu đĩa CD

*: Nếu có

Sạc không dây (nếu có)

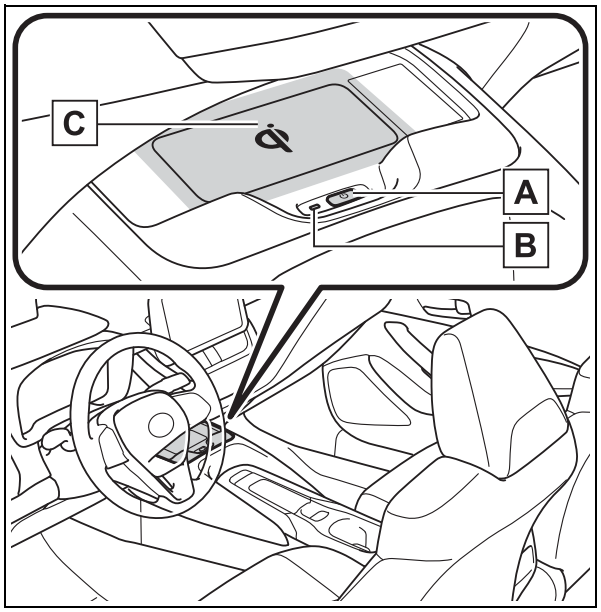
Có thể sạc cho các thiết bị di động, như điện thoại thông minh hoặc pin di động, bằng cách đặt nó vào khu vực sạc, nếu như chúng tương thích với chuẩn sạc không dây Qi do “Hiệp hội công nghệ không dây” tạo ra.

Chức năng này không thể sử dụng được cho thiết bị di động lớn hơn khu vực sạc. Hơn nữa, tùy thuộc vào thiết bị cầm tay, bộ sạc không dây có thể không hoạt động chính xác. Hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn của thiết bị cầm tay.

n Biểu tượng “Qi”

Biểu tượng “Qi” là dấu hiệu thương mại của Hiệp hội công nghệ không dây.

n Tên của tất cả chi tiết



A Công tắc nguồn

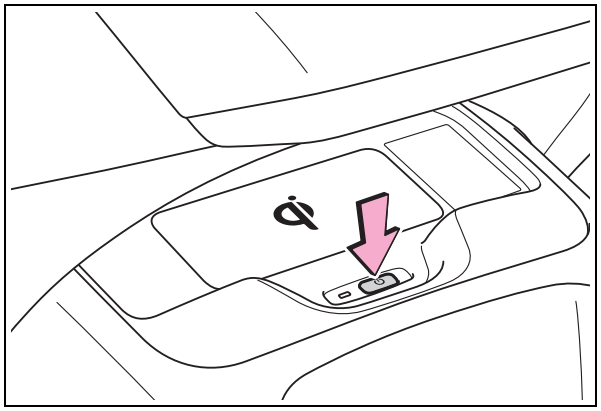
B Đèn chỉ báo hoạt động

C Khu vực sạc

n Dùng sạc không dây

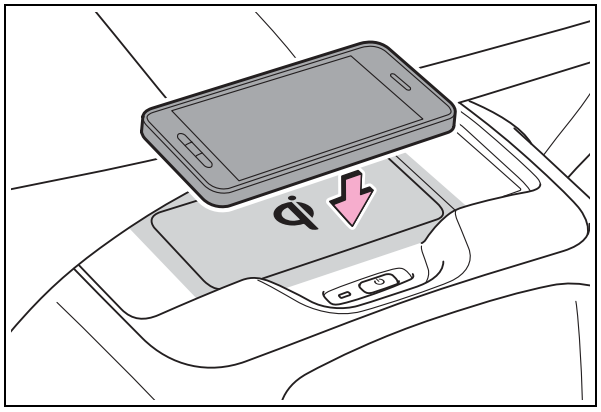
1 Ấn công tắc nguồn của sạc không dây

Ấn công tắc lần nữa để tắt sạc không dây
Khi bật, đèn chỉ báo (xanh lá) sẽ sáng lên
Khi công tắc động cơ đã được tắt, trạng thái bật/tắt của bộ sạc không dây vẫn được ghi nhớ lại.



2 Đặt thiết bị di động lên khu vực sạc, bề mặt sạc hướng xuống khi đang sạc, đèn chỉ báo hoạt động (màu cam) sẽ sáng lên.

Khi đang sạc điện, đèn chỉ báo hoạt động (màu cam) sẽ sáng lên.
Nếu quá trình sạc vẫn chưa bắt đầu, hãy điều chỉnh thiết bị di động vào chính giữa bề mặt sạc.
Khi quá trình sạc đã hoàn thành, đèn chỉ báo (màu xanh lá) sẽ sáng lên.



n Chức năng sạc lại

- Nếu sau khi sạc xong mà bạn không bỏ thiết bị sang chỗ khác thì sau một thời gian nhất định hệ thống sạc không dây sẽ sạc lại.
- Nếu di chuyển thiết bị di động trong phạm vi khu vực sạc, quá trình sạc sẽ tạm thời bị dừng lại, sau đó sẽ khởi động lại.

n Tình trạng của đèn chỉ báo hoạt động

Đèn chỉ báo hoạt động	Trạng thái
Tắt	Tắt bộ sạc không dây
Màu xanh lá (sáng lên)	Trạng thái chờ (có thể sạc)
	Việc sạc đã hoàn thành*
Màu cam (sáng lên)	Có thiết bị di động đặt trong khu vực sạc (đang xác định thiết bị cầm tay)
	Đang sạc

*: Tùy thuộc vào thiết bị di động mà đèn chỉ báo có thể sẽ sáng liên tục (màu cam) sau khi sạc xong.

- Nếu đèn chỉ báo hoạt động nhấp nháy

Khi có lỗi xuất hiện, đèn chỉ báo (màu cam) sẽ nháy. Hãy tham khảo bảng sau và thực hiện các bước xử lý tương ứng.

Đèn chỉ báo hoạt động	Nguyên nhân	Giải pháp
Liên tục nháy (màu cam) với tần số 1 giây	Liên lạc giữa xe và bộ sạc bị lỗi.	Hãy liên hệ với đại lý Toyota.
Nháy 3 lần (màu cam) lặp đi lặp lại	Có vật thể lạ nằm giữa thiết bị di động và khu vực sạc.	Bỏ dị vật ra.
	Thiết bị di động không được đặt đúng cách trong khu vực sạc.	Di chuyển thiết bị di động hướng về trung tâm của khu vực sạc.
Nháy 4 lần (màu cam) lặp đi lặp lại	Nhiệt độ của bộ sạc không dây quá cao.	Dừng sạc ngay lập tức và tiếp tục sạc sau đó.

n Bộ sạc không dây có thể hoạt động khi

Công tắc động cơ ở ACC hoặc ON.

n Những thiết bị di động có thể sạc được

- Những thiết bị di động tương thích với chuẩn sạc không dây Qi có thể sạc bằng bộ sạc không dây trên xe được. Tuy nhiên chúng tôi không đảm bảo khả năng tương thích với tất cả các thiết bị đạt chuẩn sạc không dây Qi.
- Bộ sạc không dây được thiết kế để cấp nguồn với công suất thấp (từ 5W trở xuống) cho điện thoại di động, điện thoại thông minh hoặc các thiết bị di động khác.
- Tuy nhiên, các thiết bị di động, chẳng hạn như các thiết bị sau, có thể được sạc với mức công suất lớn hơn 5 W.
  - Có thể sạc điện thoại iPhone tương thích với công suất 7,5 W ở mức công suất 7,5 W trở xuống.
  - Các thiết bị di động phù hợp với tiêu chuẩn WPC Ver 1.2.4 có thể được sạc ở mức công suất 10 W trở xuống.

n Sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Trong quá trình sạc, khi hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đang dò tìm chìa khóa điện tử, thì quá trình sạc có thể sẽ bị treo.

n Nếu sử dụng nắp hoặc các phụ kiện khác trên thiết bị cầm tay

Không được sạc thiết bị di động nếu nắp hoặc phụ kiện đi kèm không tương thích với tiêu chuẩn Qi. Tùy thuộc vào kiểu nắp và/hoặc phụ kiện, có thể không sạc được thiết bị cầm tay. Nếu thiết bị di động được đặt ở khu vực sạc và không thể sạc được, hãy tháo nắp và/hoặc phụ kiện.

n Nếu bạn nghe thấy tiếng nhiễu sóng trên đài AM trong khi sạc

- Hãy tắt bộ sạc không dây và xác nhận xem nhiễu sóng giảm xuống không. Nếu nhiễu được giảm xuống, hãy ấn và giữ công tắc nguồn của bộ sạc không dây trong 2 giây. Tần số của bộ sạc không dây được thay đổi và nhiễu giảm xuống. Khi tần số bị thay đổi, đèn chỉ báo hoạt động sẽ nháy (màu cam) 2 lần.
- Thực hiện sạc nhanh cho điện thoại iPhone bằng cách sử dụng tần số sóng radiô tiêu chuẩn.

Tùy thuộc vào phiên bản phần mềm iOS, trong khi đang thay đổi tần số, có thể không thực hiện được việc sạc nhanh.

n Các lưu ý khi sạc điện

- Nếu không thể phát hiện được chìa khóa điện tử bên trong xe, thì việc

sạc điện chưa thực hiện được. Khi mở hoặc đóng cửa, việc sạc điện có thể tạm thời bị treo.

- Trong khi sạc, bộ sạc không dây và thiết bị di động sẽ trở nên nóng.
  Đây không phải là hư hỏng. Nếu thiết bị di động bị nóng lên trong khi sạc và quá trình sạc bị dừng lại do chức năng bảo vệ của thiết bị di động thì hãy đợi cho tới khi thiết bị đủ nguội và thử sạc lại.

Ngoài ra, để giảm nhiệt độ bên trong bộ sạc không dây, quạt tản nhiệt có thể sẽ hoạt động. Đó là hiện tượng bình thường.

n Âm thanh phát ra trong khi hoạt động

Khi công tắc nguồn được bật hoặc khi nhận diện được thiết bị cầm tay, có thể nghe thấy tiêng kêu hoạt động. Tuy nhiên, đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

n Vệ sinh bộ sạc không dây

→P.289

⚠ CẢNH BÁO

n Chú ý khi lái xe

Khi sạc điện cho thiết bị cầm tay, vì lý do an toàn, người lái không nên sử dụng thiết bị khi đang lái xe.

n Những lưu ý khi lái xe

Không sạc điện cho các thiết bị di động nhỏ, nhẹ, chẳng hạn như tai nghe không dây trong khi lái xe. Các thiết bị có trọng lượng nhẹ có thể sẽ bị văng ra khỏi khay sạc, dẫn đến tai nạn.

n Lưu ý liên quan đến hoạt động của các thiết bị điện tử

Những hành khách phải sử dụng máy điều hòa nhịp tim hoặc máy khử rung tim hoặc máy tái đồng bộ nhịp tim phải giữ khoảng cách thích hợp với thiết bị y tế điện tử khác cần phải xin tư vấn với bác sỹ cách sử dụng bộ sạc không dây.
Hoạt động của bộ sạc điện không dây có thể ảnh hưởng đến các thiết bị y tế.

n Để tránh hư hỏng hoặc hỏa hoạn

Hãy tuân theo các lưu ý sau đây.
Nếu không, có thể sẽ gây ra hư hỏng cho thiết bị, gây cháy, hoặc gây bỏng do quá nhiệt.

- Không được đặt vật bằng kim loại vào giữa khu vực sạc và thiết bị di động trong khi đang sạc.
- Không gắn các vật bằng kim loại lên khu vực sạc
- Không sạc điện cho các thiết bị di động có dán các sticker bằng nhôm hoặc các vật kim loại khác được gắn vào mép của thiết bị và có tiếp xúc với khu vực sạc.
- Không để các đồ vật trên bộ sạc không dây, hãy để chúng trong hộp phụ.
- Không được tác dụng lực quá mạnh lên bộ sạc không dây.
- Không được tháo rời hay sửa đổi bộ bộ sạc không dây.
- Không cố sạc cho các thiết bị sạc không dây không tương thích với chuẩn sạc không dây Qi.
- Không để các đồ vật có từ tính đến gần bộ sạc không dây.
- Không sạc điện nếu khu vực sạc bị bẩn.

⚠ CẢNH BÁO

- Không bọc bộ sạc không dây bằng vải hoặc các vật khác trong khi sạc.

⚠ CHÚ Ý

Các trường hợp mà bộ sạc không dây có thể sẽ hoạt động không chính xác

Trong các trường hợp sau, bộ sạc không dây sẽ không hoạt động đúng chức năng:

- Khi thiết bị di động đã được sạc đầy
- Khi một thiết bị di động đang được sạc bằng kết nối có dây
- Khi có vật lạ nằm giữa khu vực sạc và thiết bị di động
- Khi nhiệt độ của thiết bị di động tăng lên cao trong khi sạc
- Khi nhiệt độ gần khay sạc đạt từ 35°C trở lên do bị ánh nắng trực tiếp chiếu vào...
- Khi đặt thiết bị di động với bề mặt sạc hướng lên trên
- Khi thiết bị di động không nằm ở trung tâm khu vực sạc
- Khi thiết bị di động có kích thước lớn hơn khay sạc
- Khi thiết bị di động có thể gập lại được đặt bên ngoài khu vực sạc
- Khi xe đang ở gần một tháp truyền hình, nhà máy điện, trạm nhiên liệu, đài phát thanh, màn hình lớn, sân bay hoặc các cơ sở khác sinh ra sóng radiô mạnh hoặc nhiễu điện
- Khi bất kỳ đồ vật nào sau đây, có độ dày từ 2 mm trở lên, nằm giữa bề mặt sạc của thiết bị di động và khu vực sạc
  - Các vỏ bảo vệ hoặc ốp dày
  - Các đồ vật trang trí dày
  - Các phụ kiện, chẳng hạn như nhẫn, dây chun...
- Khi thiết bị di động chạm vào hoặc bị che bởi những đồ vật bằng kim loại sau:
  - Các thẻ được phủ bằng kim loại, chẳng hạn như lá nhôm
  - Gói thuốc lá có nhôm bên trong
  - Ví hoặc túi bằng kim loại
  - Tiền xu
  - Các túi chườm nóng
  - Các đĩa đã được ghi dữ liệu như đĩa CD và DVD
  - Các đồ vật trang trí bằng kim loại
  - Các vỏ bảo vệ hoặc bao đựng bằng kim loại
- Khi các chìa điều khiển từ xa khác (có phát sóng radiô) được sử dụng gần đó.
- Khi đặt đồng thời từ 2 thiết bị di động trở lên trên khay sạc

Trong các tình huống khác ở trên, nếu bộ sạc không dây hoạt động không chính xác hoặc đèn chỉ báo hoạt động nhấp nháy liên tục, thì bộ sạc không dây có thể đã bị trục trặc.

Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

CHÚ Ý

n **Để tránh lỗi hoặc hỏng dữ liệu**

l Không mang các thẻ từ, như thẻ tín dụng hoặc các thiết bị ghi từ khác lại gần bộ sạc không dây khi đang sạc. Nếu không, chúng có thể sẽ bị lỗi do sóng từ trường. Ngoài ra, không được mang các dụng cụ có độ chính xác cao như đồng hồ đeo tay đến gần bộ sạc, vì nó có thể bị hỏng.

l Không sạc điện với thẻ thông minh không tiếp xúc, chẳng hạn như thẻ của hệ thống giao thông, giữa bề mặt sạc của thiết bị sạc và khu vực sạc. Chip IC trong thẻ có thể sẽ trở nên cực kỳ nóng, làm hỏng thiết bị di động hoặc thẻ thông minh.
Hãy hết sức cẩn thận để không sạc thiết bị di động có lắp vỏ bọc mà có thể gắn thẻ thông minh kiểu không tiếp xúc.

l Không để máy nghe nhạc cầm tay ở trong xe. Nhiệt độ bên trong có thể tăng đến mức cao, khi xe đỗ giữa trời nắng, có thể gây hỏng thiết bị.

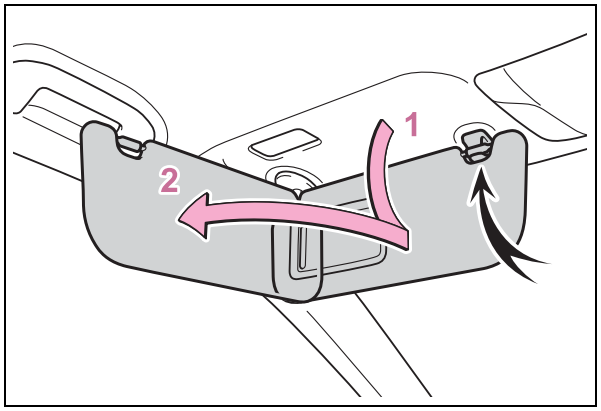
n **Khi hệ điều hành của điện thoại thông minh đã được cập nhật**

Khi phiên bản hệ điều hành của điện thoại thông minh đã bị thay đổi, các thông số kỹ thuật sạc có thể cũng bị thay đổi. Nếu phiên bản tương thích WPC bị thay đổi, chức năng sạc nhanh có thể sẽ không khả dụng. Để biết thông tin chi tiết, hãy kiểm tra thông tin trên trang web của nhà sản xuất điện thoại thông minh.

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Khi tắt động cơ, không được sử dụng bộ sạc không dây trong thời gian dài.

Tấm chắn nắng



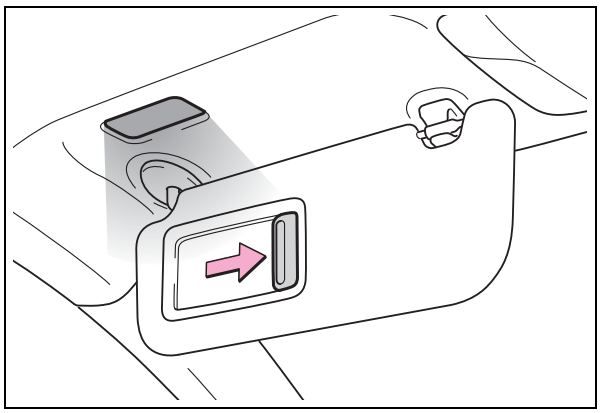
1 Để chắn nắng ở phía trước, hãy lật tấm chắn nắng xuống.

2 Để chắn nắng ở phía bên, hãy lật tấm chắn nắng xuống, tháo móc và xoay tấm chắn nắng sang phía bên.

Gương trang điểm

Hãy trượt nắp che gương để mở gương.

Đèn trang điểm sẽ sáng. (nếu có)



n **Để tránh phóng điện của ắc quy (xe có các đèn trang điểm)**

Nếu các đèn trang điểm vẫn tiếp tục sáng khi tắt công tắc động cơ OFF, thì đèn sẽ tự động tắt sau 20 phút.

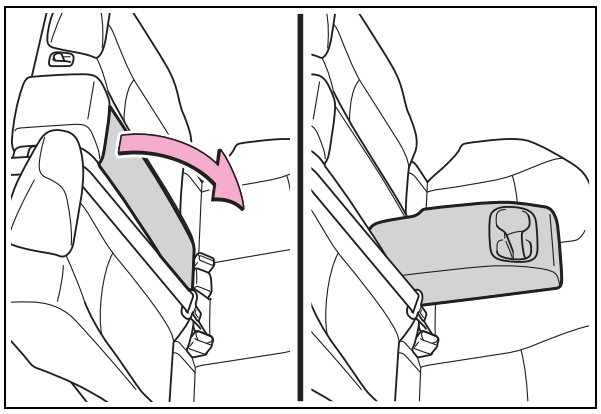
CHÚ Ý

n **Để tránh phóng điện của ắc quy (xe có các đèn trang điểm)**

Không để đèn trang điểm sáng quá lâu khi động cơ không hoạt động.

Tựa tay (nếu có)

Hãy hạ tựa tay xuống khi sử dụng.



CHÚ Ý

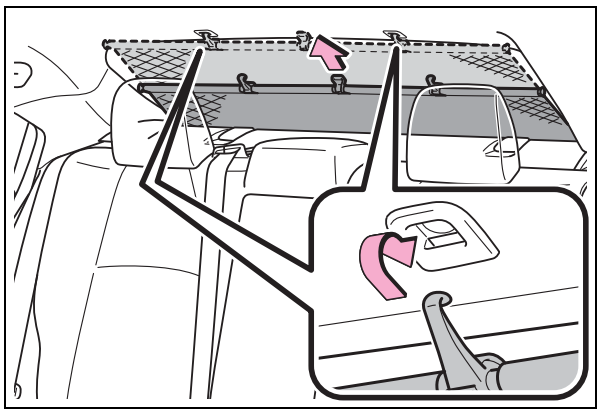
n **Để tránh làm hỏng tựa tay**

Không đè quá mạnh lên tựa tay.

Chắn nắng phía sau (nếu có)

Kéo tai của tấm chắn nắng ra và móc nó lên các móc treo.

Để hạ thấp chắn nắng, hãy kéo nhẹ tai của tấm chắn nắng xuống để mở móc và hạ thấp nó xuống từ từ.



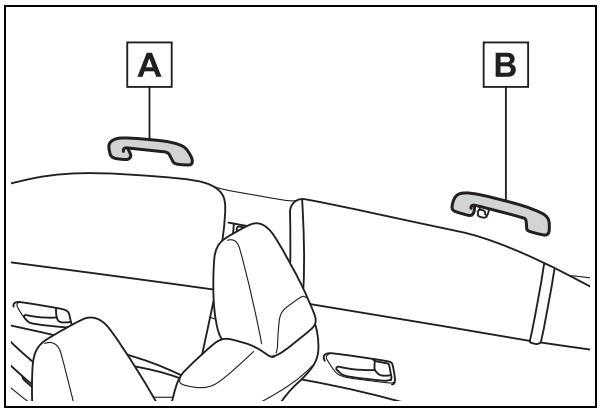
CHÚ Ý

n **Để đảm bảo chắn nắng hoạt động bình thường**

- Không được đặt bất kỳ vật gì làm cản trở tới việc sử dụng chắn nắng.
- Không được đặt bất cứ vật nào lên chắn nắng.

Tay nắm

Có thể sử dụng các tay nắm trên trần xe để hỗ trợ hành khách khi ngồi trên ghế



A Phía trước

B Phía sau

CẢNH BÁO

n **Tay nắm**

Không sử dụng tay nắm khi vào hoặc ra khỏi xe hoặc khi đứng dậy.

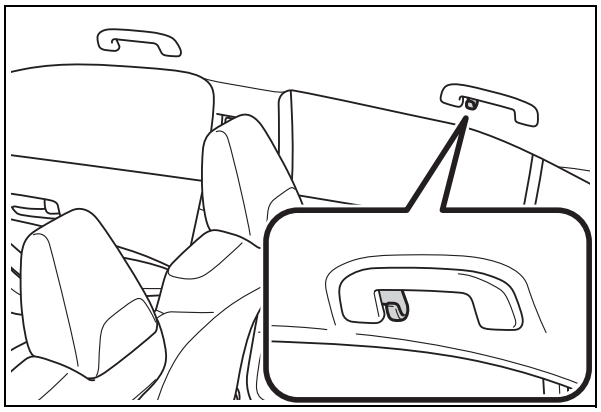
CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng tay nắm**

Không treo hoặc móc vật nặng lên tay nắm.

Móc treo áo

Móc treo áo được cấp với tay nắm phía sau.



CẢNH BÁO

n **Những hạng mục sau đây không thể treo trên móc**

Không treo móc treo áo khoác hoặc những vật cứng hoặc sắc nhọn khác lên móc. Những đồ vật đó có thể sẽ bị văng ra và có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong, nếu túi khí rèm bung ra.

Bảo dưỡng và chăm sóc xe

6

6-1. Bảo dưỡng và chăm sóc xe

Vệ sinh và bảo vệ bên ngoài xe 286

Vệ sinh và bảo vệ bên trong xe 289

6-2. Bảo dưỡng

Các yêu cầu bảo dưỡng..292

Lịch bảo dưỡng 294

6-3. Tự bảo dưỡng

Các lưu ý khi tự bảo dưỡng.....299

Nắp capô.....301

Vị trí kích 302

Khoang động cơ.....303

Lốp xe 310

Áp suất lốp.....315

Vành xe.....317

Bộ lọc điều hòa.....318

Pin điều khiển từ xa/ chìa khóa điện tử.....320

Kiểm tra và thay cầu chì .323

Bóng đèn 326

Vệ sinh và bảo vệ bên ngoài xe

Hãy thực hiện vệ sinh theo cách phù hợp với từng thiết bị và chất liệu của nó.

Hướng dẫn vệ sinh

- Hãy tiến hành rửa xe từ trên xuống dưới, phun nước vào thân xe, vành và gầm xe để rửa trôi toàn bộ bụi và bẩn.
- Hãy rửa sạch thân xe bằng một miếng mút hoặc vải mềm.
- Để rửa những vết bẩn khó lau chùi, hãy sử dụng xà phòng và rửa lại thật kỹ bằng nước.
- Lau sạch nước còn đọng trên xe.
- Hãy đánh bóng xe khi khả năng chống đọng nước của lớp sơn bề mặt bị kém đi.

Nếu nước không đọng lại thành hạt trên một bề mặt phẳng, hãy đánh bóng bằng xi khi thân xe đã nguội.

n **Khi rửa xe ở trạm rửa xe tự động**

l Hãy gập gương chiếu hậu lại trước khi rửa xe. Hãy bắt đầu rửa từ phía trước của xe. Hãy chú ý mở gương ra trước khi lái xe.

l Các chổi rửa được sử dụng trong các trạm rửa xe tự động có thể sẽ làm xước thân xe, các bộ phận (vành xe,...) và làm hỏng lớp sơn của xe.

l Xe có cánh gió phía sau: Cánh gió phía sau có thể sẽ không thể làm sạch trong khoang rửa xe tự động. Nó có thể làm tăng nguy cơ bị hỏng xe.

n **Rửa xe bằng vòi rửa cao áp**

Vì nước có thể lọt vào trong khoang hành khách, không được đưa vòi rửa đến gần các khe hở quanh các cửa hoặc xung quanh cửa sổ, hoặc không phun nước liên tục vào những khu vực này.

n **Khi rửa xe tại trạm rửa xe (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)**

Nếu tay nắm cửa bị ướt khi rửa xe và chìa khóa điện tử đang trong phạm vi hiệu quả, cửa xe có thể khóa hoặc mở khóa nhiều lần. Trong trường hợp đó, hãy xử lý như sau để có thể rửa xe được:

l Hãy để chìa khóa điện tử cách xa xe 2 m trở lên khi rửa xe. (Hãy chú ý để tránh bị mất trộm chìa.)

l Đặt chìa khóa điện tử vào chế độ tiết kiệm pin để vô hiệu hóa hệ thống mở khóa và khởi động thông minh. (→P.120)

n **Vành và các ốp bánh xe**

l Hãy loại bỏ ngay các chất bẩn bằng chất tẩy rửa trung tính.

l Hãy rửa sạch chất tẩy rửa bằng nước ngay sau khi sử dụng.

l Để lớp sơn khỏi bị hư hỏng, hãy tuân theo các chú ý sau.

- Không sử dụng chất tẩy có chứa a-xít và kiềm có tính ăn mòn mạnh
- Không được dùng bàn chải cứng
- Không được dùng chất tẩy rửa để rửa các bánh xe khi chúng đang nóng, ví dụ sau khi lái xe trên một đoạn đường dài dưới thời tiết nóng.

n **Các má phanh và càng phanh**

Gỉ sẽ được tạo ra nếu xe được đỗ trong thời gian dài không sử dụng với má phanh và các rôto phanh bị ướt, sẽ gây dính phanh. Trước khi đỗ xe sau khi rửa, hãy lái xe chậm và nhấn phanh vài lần để làm khô phanh.

n Cản xe

Không cọ rửa bằng chất tẩy rửa có tính ăn mòn.

n Các vị trí được mạ

Nếu không tẩy sạch được chất bẩn, hãy làm sạch các bộ phận sau:

- Sử dụng giẻ mềm được nhúng dung dịch 5% chất tẩy trung tính và nước để làm sạch bụi bẩn.
- Lau bề mặt bằng giẻ khô, mềm để làm sạch hơi nước đọng lại.
- Để làm sạch vết bám dầu, hãy dùng khăn thấm cồn hoặc sản phẩm tương đương.

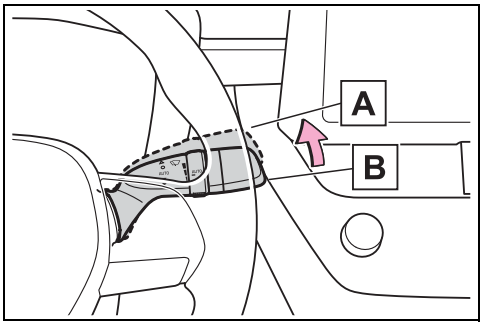
⚠ CẢNH BÁO

n Khi rửa xe

Không xịt nước vào trong khoang động cơ. Nếu không, có thể sẽ làm cho các thiết bị điện bị chập cháy.

n Khi vệ sinh kính chắn gió (xe có gạt nước tự động sử dụng cảm biến mưa)

Tắt công tắc cần gạt nước. Nếu công tắc điều khiển cần gạt nước ở chế độ "AUTO", các cần gạt nước có thể bất ngờ hoạt động trong các trường hợp sau, và có thể dẫn tới làm hỏng lưỡi gạt, kẹp tay hoặc các chấn thương nghiêm trọng.



A Tắt

B AUTO

- Khi bạn chạm tay vào phần trên của kính chắn gió có gắn cảm biến nước mưa.
- Khi để giẻ ướt hoặc vật tương tự quá gần cảm biến nước mưa
- Khi có vật va vào kính chắn gió
- Khi bạn chạm trực tiếp vào cảm biến nước mưa hoặc khi có vật va vào cảm biến nước mưa

n Lưu ý liên quan tới đường ống xả

Khí phát thải sẽ làm cho ống xả trở nên khá nóng.
Khi rửa xe, cẩn thận không được chạm vào ống xả cho tới khi nó đã đủ nguội, nếu chạm vào ống xả nóng có thể làm cho bạn bị bỏng.

n Lưu ý liên quan đến cản sau với hệ thống theo dõi điểm mù (nếu có)

Nếu lớp sơn xe hoặc cản sau bị xước hay bong tróc, thì hệ thống có thể bị lỗi. Nếu điều này xảy ra, hãy tham khảo ý kiến của đại lý Toyota.

⚠ CHÚ Ý

n Để tránh cho lớp sơn xe khỏi bị biến màu và gây ăn mòn trên thân xe và các chi tiết của xe (như vành nhôm...)

- Hãy rửa xe ngay lập tức trong các trường hợp sau:
  - Sau khi lái xe gần khu vực bờ biển
  - Sau khi lái xe trên đường có nhiều muối
  - Khi nhựa đường hoặc nhựa cây bám trên lớp sơn xe
  - Khi bề mặt sơn xe bị dính xác côn trùng, phân côn trùng hoặc phân chim
  - Sau khi lái xe ở vùng có nhiều khói, hơi dầu, bụi quặng, bụi kim loại hoặc hóa chất
  - Khi xe bạn quá bẩn do bụi và bùn

CHÚ Ý

- Khi các dung dịch lỏng như benzen hoặc xăng bị đổ lên lớp sơn của xe

l Khi lớp sơn xe bị xước hay bong tróc, hãy sửa chữa ngay lập tức.

l Để tránh cho vành xe khỏi bị ăn mòn, hãy loại bỏ bụi bẩn và để ở nơi khô ráo khi lưu kho các vành xe.

n **Vệ sinh đèn chiếu sáng bên ngoài xe**

l Hãy lau rửa cẩn thận. Không sử dụng chất tẩy rửa hữu cơ hoặc cọ rửa đèn bằng bàn chải cứng.
Nếu không có thể sẽ làm hỏng bề mặt đèn.

l Không bôi xi đánh bóng lên bề mặt của đèn.
Xi đánh bóng có thể sẽ làm hỏng mặt kính của đèn.

n **Để tránh làm hư hỏng cần gạt nước**

Khi nhấc cần gạt nước ra khỏi kính chắn gió, trước tiên hãy kéo tay gạt nước phía người lái lên, sau đó là đến hành khách phía trước. Khi trả cần gạt về vị trí ban đầu, hãy thực hiện với bên phía hành khách phía trước.

n **Khi rửa xe tại trạm rửa xe tự động (kiểu xe có trang bị gạt nước tự động dùng cảm biến nước mưa)**

Đặt công tắc cần gạt nước đến vị trí OFF. Nếu công tắc gạt nước để ở chế độ “AUTO”, các cần gạt nước có thể sẽ hoạt động và làm hỏng lưỡi gạt.

n **Khi rửa xe bằng vòi rửa áp suất cao**

l Xe có hệ thống hỗ trợ quan sát phía sau: Khi rửa xe, không phun nước rửa áp suất cao trực tiếp lên camera hoặc khu vực xung quanh. Phun nước áp lực cao có thể làm cho thiết bị không hoạt động bình thường.

l Xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota: Không được phun nước trực tiếp lên vùng có ra đa được lắp ở phía sau biểu tượng. Nếu không, có thể gây hỏng thiết bị.

l Không để đầu vòi phun quá gần các chi tiết bằng cao su (cao su hoặc nắp nhựa), các giắc nối hoặc các chi tiết sau. Các chi tiết đó có thể sẽ bị hư hỏng khi tiếp xúc với nước có áp suất cao.

- Các chi tiết liên quan đến truyền lực
- Các chi tiết của hệ thống lái
- Các chi tiết của hệ thống treo
- Các chi tiết của hệ thống phanh

l Hãy giữ vòi phun cách thân xe ít nhất 30 cm. Nếu không, phần chi tiết bằng nhựa như nẹp và cản xe có thể bị biến dạng và bị hư hỏng. Ngoài ra, không được chĩa vòi vào một vị trí lâu.

l Không được phun nước liên tục vào phần phía dưới của kính chắn gió. Nếu nước lọt vào đường khí vào của hệ thống điều hòa nằm ở phần phía dưới của kính chắn gió, hệ thống điều hòa có thể hoạt động không chính xác.

Vệ sinh và bảo vệ bên trong xe

Hãy thực hiện vệ sinh theo cách phù hợp với từng thiết bị và chất liệu của nó.

Bảo vệ nội thất xe

- Sử dụng máy hút bụi để hút hết bụi bẩn. Lau sạch bề mặt bị bám bẩn bằng giẻ mềm có thấm nước ấm.
- Nếu không thể vệ sinh sạch bụi bẩn, hãy lau bằng chất tẩy rửa trung tính được pha loãng với tỷ lệ khoảng 1%.
  Vắt khô giẻ lau và lau sạch hoàn toàn các vết chất tẩy và nước đọng.

n **Lau chùi tấm lót sàn xe**

Có rất nhiều loại chất tẩy rửa tạo bọt được bán trên thị trường. Hãy sử dụng một miếng mút hoặc bàn chải để dấp bọt. Hãy chải thảm theo các đường tròn. Không sử dụng nước. Lau sạch các bề mặt bẩn và để nó khô. Hãy giữ cho tấm lót sàn xe càng khô ráo càng tốt.

n **Sử dụng đai an toàn**

Hãy vệ sinh đai an toàn bằng giẻ mềm hoặc miếng mút có thấm xà phòng loãng và nước ấm. Đồng thời hãy tiến hành kiểm tra định kỳ để xem đai có bị sờn, tước sợi hay bị đứt không.

⚠ CẢNH BÁO

n **Tránh để nước xâm nhập vào xe**

l Không phun hoặc làm tràn nước vào xe.
Nếu không, có thể sẽ làm các thiết bị điện... bị hư hỏng hoặc cháy chập.

l Không để các chi tiết của hệ thống túi khí hoặc dây điện ở bên trong xe bị ướt.
(→P.29)
Nếu hệ thống điện bị trục trặc có thể sẽ làm nổ túi khí hoặc túi khí hoạt động không chính xác, dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

l Xe có bộ sạc không dây:
Không được để bộ sạc không dây bị ướt (→P.276). Nếu không, sẽ làm cho bộ sạc bị nóng và có thể gây ra bỏng hoặc bị giật điện dẫn đến bị thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Vệ sinh nội thất xe (đặc biệt với bảng táp lô)**

Không sử dụng xi đánh bóng hoặc chất tẩy đánh bóng. Nếu không bảng táp lô có thể sẽ phản xạ ánh sáng lên kính chắn gió, làm ảnh hưởng tới khả năng quan sát của người lái và dẫn tới tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n **Dung môi tẩy rửa**

l Không sử dụng các loại chất tẩy sau, do chúng có thể sẽ làm mất màu của các chi tiết nội thất xe hoặc làm hỏng bề mặt sơn xe:

- Những khu vực khác ngoài các ghế và vô lăng: Các dung môi hữu cơ như benzen hoặc xăng, kiềm hoặc các dung dịch axít, thuốc nhuộm và chất tẩy trắng

- Ghế xe: Các dung dịch kiềm hoặc dung dịch axít như xăng pha, benzen hoặc cồn
- Vô lăng: Các dung môi hữu cơ, như xăng, và chất tẩy chứa cồn

l Không sử dụng xi đánh bóng hoặc chất tẩy đánh bóng. Nếu không lớp sơn của các chi tiết nội thất xe hay bảng táp lô có thể sẽ bị hỏng.

n **Để tránh làm hỏng bề mặt của chi tiết bọc da**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để tránh làm biến chất và làm hỏng các bề mặt của chi tiết bọc da:

l Hãy lau sạch bụi bẩn bám trên bề mặt da ngay.

l Không để xe trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời trong một thời gian dài. Hãy đỗ xe ở những vị trí râm mát, đặc biệt là trong mùa hè.

l Không để những đồ vật được làm bằng chất dẻo, nhựa hoặc các đồ vật có chứa sáp trên bề mặt da, do chúng có thể sẽ dính vào bề mặt da nếu như nhiệt độ trong xe tăng lên cao.

n **Nước trên sàn xe**

Không được rửa sàn xe bằng nước. Các thiết bị trên xe, như hệ thống âm thanh, có thể sẽ bị hỏng nếu như nước ngấm vào các chi tiết điện phía trên hoặc phía dưới sàn xe. Nước có thể làm cho thân xe bị gỉ sét.

n **Khi vệ sinh mặt bên trong của kính chắn gió (xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)**

Không để dung dịch rửa kính tiếp xúc với kính. Đồng thời không chạm vào kính. (→P.176)

n **Vệ sinh mặt trong của kính cửa hậu**

l Không được sử dụng chất rửa kính để vệ sinh cửa hậu, nếu không có thể gây hư hỏng dây ăng ten hoặc dây sấy trên kính cửa hậu. Sử dụng khăn nhúng nước ấm để lau nhẹ kính cửa hậu theo hướng song song với dây sấy hoặc dây ăng ten

l Hãy cẩn thận không làm trầy xước hoặc làm hỏng các dây sấy hoặc dây ăng ten.

Vệ sinh những khu vực bọc kim loại

- Vệ sinh bụi bằng giẻ mềm có thấm nước.
- Lau bề mặt bằng giẻ khô, mềm để làm sạch hơi nước đọng lại.

n **Vệ sinh những khu vực bọc kim loại**

Khu vực kim loại sử dụng một lớp kim loại thật trên bề mặt. Cần phải vệ sinh nó thường xuyên. Nếu khu vực bị bẩn không được vệ sinh trong thời gian dài, chúng sẽ rất khó lau sạch.

Vệ sinh các chi tiết bọc da

- Hãy sử dụng máy hút bụi để hút hết bụi bẩn.
- Lau sạch các vết bẩn khó chùi bằng giẻ mềm có thấm dung dịch tẩy rửa pha loãng.

Hãy sử dụng dung dịch tẩy rửa được pha loãng với nồng độ vào khoảng 5% nồng độ chất tẩy rửa trung tính dành cho len.

- Vắt sạch nước khỏi giẻ và cẩn thận lau sạch hết chất tẩy rửa

còn đọng lại.

- Lau bề mặt bằng giẻ khô, mềm để lau sạch hết lớp nước còn đọng lại. Để các chi tiết bọc da khô tự nhiên trong bóng râm và ở vị trí thông thoáng.

n **Chăm sóc các chi tiết bọc da**

Chúng tôi khuyên bạn nên cho vệ sinh nội thất xe tối thiểu một năm hai lần để duy trì chất lượng của nội thất xe.

Vệ sinh các chi tiết giả da

- Hãy sử dụng máy hút bụi để hút hết bụi bẩn.
- Hãy lau bằng giẻ có chất tẩy rửa trung tính được pha loãng với tỷ lệ khoảng 1%.
- Vắt khô giẻ lau và lau sạch hoàn toàn các vết chất tẩy và nước đọng.

Các yêu cầu bảo dưỡng

Để đảm bảo lái xe tiết kiệm và an toàn, việc tiến hành kiểm tra hàng ngày và bảo dưỡng định kỳ là việc làm hết sức cần thiết. Toyota khuyên bạn hãy thực hiện các công việc bảo dưỡng sau.

⚠ CẢNH BÁO

n **Nếu bảo dưỡng xe không đúng cách**

Bảo dưỡng xe không đúng cách có thể sẽ làm cho xe bị hỏng nghiêm trọng dẫn đến tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Các lưu ý khi làm việc với ắc quy**

Các cực, điện cực của ắc quy và các phụ kiện liên quan có chứa chì và hợp chất của chì, những chất này có thể gây tổn thương cho não người. Hãy rửa tay sau khi thao tác (→P.307)

Lịch bảo dưỡng

- Nên thực hiện việc bảo dưỡng xe sau một quá trình sử dụng xe theo lịch bảo dưỡng.

Chu kỳ bảo dưỡng được xác định dựa trên thời gian sử dụng xe hoặc quãng đường đi được của xe trên đồng hồ công tơ mét, tùy theo điều kiện nào đến trước, được thể hiện trong lịch bảo dưỡng của xe.

Các công việc bảo dưỡng ở kì bảo dưỡng gần nhất nên được thực hiện ở các chu kỳ bảo dưỡng tương tự tiếp theo.

- Nên bảo dưỡng xe ở đâu?

Tốt nhất là bạn nên mang xe tới đại lý Toyota để bảo dưỡng cũng như thực hiện những công việc kiểm tra và sửa chữa khác.

Các kỹ thuật viên của Toyota là những chuyên gia được đào tạo kỹ càng. Họ thường xuyên được cập nhật những thông tin bảo dưỡng mới nhất thông qua các bản tin kỹ thuật, những bí quyết bảo dưỡng bổ ích và những chương trình đào tạo ngay trong nội bộ đại lý. Họ đã được đào tạo kỹ càng trên xe Toyota trước khi phục vụ xe của bạn.

Các đại lý Toyota đã đầu tư rất nhiều tiền của để mua sắm các dụng cụ và các thiết bị bảo dưỡng đặc biệt của Toyota. Việc này sẽ giúp cho việc bảo dưỡng xe của bạn sẽ hiệu quả hơn với chi phí thấp hơn.

Bộ phận dịch vụ của đại lý Toyota sẽ thực hiện tất cả các công việc bảo dưỡng định kỳ cho xe bạn một cách tin cậy và kinh tế nhất.

Bạn nên yêu cầu các kỹ thuật viên có chuyên môn kiểm tra kỹ các ống dẫn bằng cao su (sử dụng trong hệ thống sưởi và làm mát, hệ thống phanh và nhiên liệu) theo lịch bảo dưỡng của Toyota.

Hãy hết sức chú ý kiểm tra các ống dẫn cao su khi bảo dưỡng xe. Hãy thay thế hoặc sửa chữa ngay bất kỳ ống dẫn cao su đã bị hỏng. Hãy chú ý rằng các ống dẫn cao su sẽ bị lão hoá theo thời gian dẫn đến bị cứng, phồng lên hoặc nứt vỡ.

Tự bảo dưỡng

Tự bảo dưỡng là gì?

Có rất nhiều hạng mục bảo dưỡng

mà bạn có thể dễ dàng tự thực hiện được nếu như bạn có một chút kỹ năng về sửa chữa cơ khí và có những dụng cụ sửa chữa ôtô cơ bản. Trong phần này sẽ trình bày một số hướng dẫn về cách thức thực hiện các công việc bảo dưỡng đơn giản.

Tuy nhiên, có một số hạng mục bảo dưỡng đòi hỏi phải có những kỹ năng và dụng cụ đặc biệt để có thể thực hiện được. Những kỹ thuật viên có trình độ là những người có thể thực hiện tốt nhất các công việc đó. Kể cả khi bạn là một thợ cơ khí có nhiều kinh nghiệm, chúng tôi cũng khuyên bạn nên sửa chữa và bảo dưỡng xe tại đại lý Toyota, đồng thời họ cũng sẽ ghi lại lịch sử bảo dưỡng của xe bạn. Những ghi chép này có thể sẽ có ích khi bạn cần sử dụng tới dịch vụ bảo hành cho xe.

n Xe của bạn có cần phải sửa chữa không?

Hãy chú ý tới sự thay đổi tính năng làm việc của xe và âm thanh phát ra và quan sát các hiện tượng để sớm phát hiện các bất thường trên xe. Một số dấu hiệu quan trọng như:

- Động cơ bị bỏ máy, có hiện tượng rung và giật
- Công suất động cơ giảm rõ rệt
- Tiếng ồn lạ phát ra từ động cơ
- Có dung dịch bị rò rỉ dưới gầm xe (Tuy nhiên, nước nhỏ ra từ điều hòa nhiệt độ sau khi sử dụng là hiện tượng bình thường)
- Có tiếng động bất thường phát ra từ hệ thống xả (đó có thể là dấu hiệu của tình trạng rò rỉ khí cácbon môônôxít rất độc hại. Hãy mở tất cả các cửa sổ khi lái xe và kiểm tra hệ thống khí xả ngay lập tức.)
- Lốp có vẻ bị non, rít mạnh khi vào cua, lốp mòn không đều
- Xe bị lệch về một phía khi lái thẳng trên đường bằng phẳng
- Có tiếng ồn lạ liên quan tới chuyển động của hệ thống treo
- Phanh mất hiệu quả, cảm giác bàn đạp phanh quá nhẹ, bàn đạp gần như chạm vào sàn xe, xe bị lạng về một phía khi phanh
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ liên tục cao hơn bình thường (→P.69, 71, 76)

Nếu bạn phát hiện ra một trong các dấu hiệu trên, hãy đem xe tới đại lý Toyota càng sớm càng tốt vì có thể xe của bạn sẽ cần phải điều chỉnh hoặc sửa chữa.

Lịch bảo dưỡng

Hãy tiến hành bảo dưỡng theo lịch sau:

Các yêu cầu bảo dưỡng

Bạn nên bảo dưỡng xe theo lịch bảo dưỡng định kỳ. (Hãy xem mục "Lịch bảo dưỡng".)

Nếu bạn thường xuyên phải lái xe dưới một trong các điều kiện đặc biệt dưới đây, thì một số hạng mục bảo dưỡng sẽ cần phải được thực hiện thường xuyên hơn. (Hãy xem mục "Lịch bảo dưỡng bổ sung".)

A. Điều kiện đường sá 1. Hoạt động trên đường gồ ghề, lầy lội hoặc đường có nhiều tuyết tan hoặc đường bị ngập nước. 2. Hoạt động trên đường nhiều bụi bẩn. (Đường ở những khu vực trải nhựa đường ít hoặc nhiều bụi và không khí rất khô)	B. Điều kiện sử dụng 1. Xe được chất tải nặng. (Ví dụ, sử dụng giá chở hàng trên nóc xe...) 2. Liên tục di chuyển trên những quãng đường ngắn dưới 8 km và nhiệt độ bên ngoài xe dưới nhiệt độ đóng băng. (Nhiệt độ động cơ sẽ không đạt tới nhiệt độ làm việc bình thường.) 3. Đi lặp đi lặp lại các hành trình ngắn hơn 15 km. (Nhiệt độ động cơ sẽ không đạt tới nhiệt độ làm việc bình thường.) 4. Xe chạy không tải quá lâu và/hoặc chạy với tốc độ thấp trên quãng đường dài như trường hợp xe cảnh sát, xe taxi, hay xe giao hàng. 5. Thường xuyên lái xe với tốc độ cao (80% hoặc hơn so với tốc độ tối đa của xe) trong hơn 2 giờ.

Lịch bảo dưỡng

Hoạt động bảo dưỡng:

I = Kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế khi cần

R = Thay thế, thay đổi hoặc bôi trơn

C = Vệ sinh

KỲ BẢO DƯỠNG:		SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT								SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)		x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
CÁC CHI TIẾT CƠ BẢN CỦA ĐỘNG CƠ											
1	Đai dẫn động			I		I		I		I	24
2	Dầu động cơ		R	R	R	R	R	R	R	R	12
3	Lọc dầu động cơ		R	R	R	R	R	R	R	R	12
4	Hệ thống làm mát và sưởi ấm <<Xem chú ý 1.>>					I				I	24
5	Nước làm mát động cơ <<Xem chú ý 2.>>					I				I	-
6	Đường ống xả và tai treo ống xả			I		I		I		I	12
HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA											
7	Bugi		Thay sau mỗi 100,000 km								-
8	Ắc quy		I	I	I	I	I	I	I	I	12
HỆ THỐNG NHIÊN LIỆU VÀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT KHÍ XẢ											
9	Bộ lọc nhiên liệu <<Xem chú ý 3.>>									R	96
10	Cơ cấu xu páp (động cơ 2ZR-FAE) <<Xem chú ý 4.>>		Bổ sung dung dịch làm sạch vòi phun vào bình nhiên liệu sau mỗi 100,000 km.								-
11	Bộ lọc gió			I		R		I		R	I: 24 R:48
12	Nắp bình nhiên liệu, ống nhiên liệu, cút nối và van điều khiển bay hơi nhiên liệu (động cơ xăng) <<Xem chú ý 1.>>					I				I	24
13	Bộ lọc than hoạt tính					I				I	24
GẦM VÀ THÂN XE											
14	Bàn đạp phanh và phanh đỗ <<Xem chú ý 5.>>		I	I	I	I	I	I	I	I	6
15	Các má phanh và đĩa phanh		I	I	I	I	I	I	I	I	6

KỲ BẢO DƯỠNG:		SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT									SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)		x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
16	Dầu phanh		I	I	I	R	I	I	I	R	I: 6 R:24
17	Các đường ống dẫn của hệ thống phanh			I		I		I		I	12
18	Bơm chân không của bộ trợ lực phanh (động cơ 1ZR-FAE)		Kiểm tra sau mỗi 200,000 km								-
19	Vô lăng, thước lái và hộp cơ cấu lái			I		I		I		I	12
20	Cao su chắn bụi bán trục			I		I		I		I	24
21	Các khớp cầu của hệ thống treo và các nắp chắn bụi			I		I		I		I	12
22	Dầu hộp số vô cấp (bao gồm cả bộ vi sai trước)					I				I	24
23	Hệ thống treo trước và sau			I		I		I		I	12
24	Lốp và áp suất lốp		I	I	I	I	I	I	I	I	6
25	Các đèn, còi, gạt nước và nước rửa kính		I	I	I	I	I	I	I	I	6
26	Bộ lọc điều hòa	Kiểu bán tiêu chuẩn			R			R			-

CHÚ Ý:

1. Kiểm tra lần đầu tại 80,000 km hoặc 48 tháng, sau đó kiểm tra sau mỗi 20,000 km hoặc 12 tháng.

2. Thay lần đầu tại 160,000 km, sau đó thay sau mỗi 80,000 km.

3. Bao gồm cả bộ lọc trong bình nhiên liệu.

4. Dung dịch làm sạch vòi phun chính hiệu của Toyota hay tương đương.

5. Đối với những xe trang bị phanh đỗ điện tử, việc kiểm tra phanh đỗ là không cần thiết.

Lịch bảo dưỡng bổ sung

Hãy tham khảo bảng dưới đây về các hạng mục đòi hỏi phải bảo dưỡng thường xuyên hơn đối với các loại xe hoạt động dưới điều kiện đặc biệt. (Để biết thông tin khái quát, hãy xem mục "Các yêu cầu về lịch bảo dưỡng".)

A-1: Hoạt động trên đường gồ ghề, lầy lội hoặc đường có nhiều tuyết tan hoặc đường bị ngập nước.	
• Kiểm tra*1 má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
• Kiểm tra*1 đường ống dẫn của hệ thống phanh	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
• Kiểm tra*1 các khớp cầu hệ thống treo và các nắp chắn bụi	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
• Kiểm tra*1 các cao su chắn bụi bán trục	Sau mỗi 10,000 km hoặc 12 tháng
• Kiểm tra*1 vô lăng, thước lái và hộp cơ cấu lái	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
• Kiểm tra*1 hệ thống treo trước và sau	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
• Xiết chặt các bu lông và đai ốc ở gầm và thân xe <<Xem chú ý 1.>>	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng

A-2: Hoạt động trên đường nhiều bụi bẩn (Đường ở những khu vực trải nhựa đường ít hoặc nhiều bụi và không khí rất khô).	
• Thay dầu động cơ	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
• Thay lọc dầu động cơ	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
• Kiểm tra*1 hoặc thay bộ lọc gió	I: Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng R: Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
• Kiểm tra*1 má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
• Thay bộ lọc điều hòa (kiểu bán tiêu chuẩn)	Sau mỗi 30,000 km

B-1: Xe được chất tải nặng. (Ví dụ, sử dụng giá chở hàng trên mui xe...)	
• Thay dầu động cơ	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
• Thay lọc dầu động cơ	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng

B-1: Xe được chất tải nặng. (Ví dụ, sử dụng giá chở hàng trên mui xe...)	
• Kiểm tra*1 má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
• Kiểm tra*1 hoặc thay dầu hộp số vô cấp (gồm cả bộ vi sai trước)	I: Sau mỗi 40,000 km hoặc 24 tháng R: Sau mỗi 80,000 km hoặc 48 tháng
• Kiểm tra*1 hệ thống treo trước và sau	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
• Xiết chặt các bu lông và đai ốc ở gầm và thân xe <<Xem chú ý 1.>>	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng

B-2. Liên tục di chuyển trên những quãng đường ngắn dưới 8 km và nhiệt độ bên ngoài xe dưới nhiệt độ đóng băng. (Nhiệt độ động cơ sẽ không đạt tới nhiệt độ làm việc bình thường.)	
• Thay dầu động cơ (Động cơ 1ZR-FE, 1ZR-FAE và 2ZR-FE)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
• Thay lọc dầu động cơ (Động cơ 1ZR-FE, 1ZR-FAE và 2ZR-FE)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng

B-3: Di chuyển lặp đi lặp lại các hành trình ngắn hơn 15 km. (Nhiệt độ động cơ sẽ không đạt tới nhiệt độ làm việc bình thường.)	
• Thay dầu động cơ (1ZR-FBE và 2ZR-FBE)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
• Thay lọc dầu động cơ (1ZR-FBE và 2ZR-FBE)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng

B-4: Xe chạy không tải quá lâu và/hoặc chạy với tốc độ thấp trên quãng đường dài như trường hợp xe cảnh sát, xe taxi, hay xe giao hàng.	
• Thay dầu động cơ	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
• Thay lọc dầu động cơ	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
• Kiểm tra*1 má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
• Kiểm tra*1 hoặc thay dầu hộp số vô cấp (gồm cả bộ vi sai trước)	I: Sau mỗi 40,000 km hoặc 24 tháng R: Sau mỗi 80,000 km hoặc 48 tháng

B-5: Thường xuyên lái xe với tốc độ cao (80% hoặc hơn so với tốc độ tối đa của xe) trong hơn 2 giờ.	
• Kiểm tra*1 hoặc thay dầu hộp số vô cấp (gồm cả bộ vi sai trước)	I: Sau mỗi 40,000 km hoặc 24 tháng R: Sau mỗi 80,000 km hoặc 48 tháng

CHÚ Ý:

1. Xiết các bu lông bắt ghế, bulông hãm của hệ thống treo trước và sau.

Các lưu ý khi tự bảo dưỡng

Nếu bạn tự bảo dưỡng, hãy tuân theo các quy trình chuẩn được mô tả trong các phần sau.

Bảo dưỡng

Các hạng mục	Các dụng cụ và phụ tùng
Tình trạng ắc quy (→P.307)	• Nước ấm • Baking soda • Mỡ bôi trơn • Cờ lê thường (để tháo lắp bu lông kẹp cực ắc quy)
Mức nước làm mát động cơ (→P.306)	• "Nước làm mát siêu bền của Toyota" hoặc loại tương đương gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axit hữu cơ tích hợp tuổi thọ cao Nước làm mát siêu bền của Toyota là hỗn hợp gồm 50% nước làm mát và 50% nước không ion hóa. • Phễu rót (chỉ sử dụng khi cần bổ sung thêm nước làm mát)
Mức dầu động cơ (→P.303)	• "Dầu động cơ chính hiệu Toyota" hoặc loại tương đương • Giẻ lau hoặc giấy lau • Phễu rót (chỉ sử dụng khi cần bổ sung thêm dầu động cơ)
Cầu chì (→P.323)	• Các cầu chì có cùng cường độ dòng với các cầu chì nguyên bản
Bóng đèn (→P.326)	• Bóng đèn có cùng ký hiệu và công suất với bóng đèn nguyên bản • Tô vít đầu dẹt • Cờ lê
Két nước và giàn nóng điều hoà (→P.307)	—
Áp suất lốp (→P.315)	• Đồng hồ đo áp suất lốp • Nguồn cấp khí nén
Nước rửa kính (→P.309)	• Nước hoặc nước rửa kính có chứa chất chống đóng băng (để sử dụng trong mùa đông) • Phễu rót (chỉ sử dụng khi cần bổ sung thêm nước hoặc nước rửa kính)

⚠ CẢNH BÁO

Trong khoang động cơ có rất nhiều chi tiết cơ khí và dung dịch, chúng có thể đang rất nóng hoặc có thể chuyển động bất ngờ hay có khả năng dẫn điện. Hãy tuân theo những lưu ý sau để đề phòng nguy cơ bị tai nạn dẫn tới tử vong hoặc bị thương nghiêm trọng.

n **Khi làm việc trong khoang động cơ**

- Hãy giữ tay, quần áo và các dụng cụ cách xa quạt làm mát và các đai dẫn động của động cơ.
- Hãy cẩn trọng không chạm vào động cơ, két nước, đường ống xả… ngay sau khi lái xe do chúng có thể sẽ rất nóng. Dầu bôi trơn và các dung dịch khác cũng có thể rất nóng.
- Không để các vật liệu dễ cháy, như vải hoặc giấy trong khoang động cơ.
- Không hút thuốc hoặc gây ra tia lửa điện hoặc để nguồn lửa gần nhiên liệu hoặc ắc quy. Hơi ắc quy hoặc nhiên liệu rất dễ cháy.
- Hãy hết sức thận trọng khi làm việc cùng với ắc quy. Bởi axit trong ắc quy rất độc và có khả năng ăn mòn mạnh.
- Dầu phanh có thể ăn mòn da tay hoặc làm tổn hại tới mắt bạn cũng như làm hỏng lớp sơn xe. Nếu dầu phanh bắn vào da hoặc mắt bạn, hãy rửa sạch vùng bị dính dầu bằng nước sạch ngay lập tức.
  Nếu bạn vẫn cảm thấy khó chịu, hãy tới bác sỹ để khám.

n **Khi làm việc gần quạt làm mát hoặc lưới che két nước**

Chắc chắn rằng công tắc động cơ đã tắt.
Với công tắc động cơ ở ON, các quạt có thể tự động quay nếu bật hệ thống điều hòa và/hoặc nhiệt độ nước làm mát cao. (→P.307)

n **Kính bảo hộ lao động**

Sử dụng kính bảo hộ để bảo vệ mắt bạn khỏi bị các mạt kim loại, các dung dịch... văng hoặc rớt vào.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi tháo bộ lọc gió**

Nếu lái xe khi đã tháo bộ lọc gió có thể sẽ làm cho động cơ bị mài mòn nghiêm trọng do những chất bẩn có trong không khí.

n **Nếu mức dung dịch quá thấp hoặc quá cao**

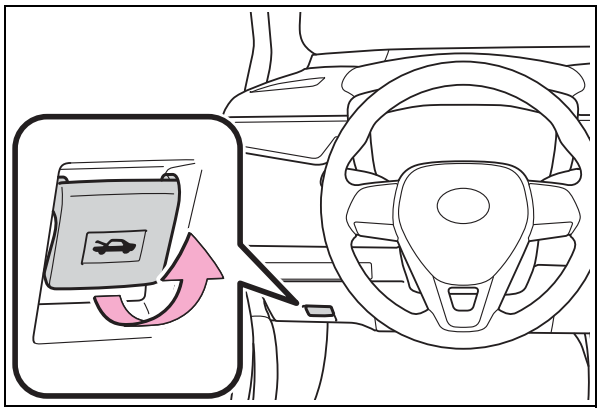
Nếu mức dầu phanh giảm nhẹ do má phanh bị mòn hoặc nếu mức dầu phanh trong bộ tích năng cao là bình thường.
Nếu thường xuyên phải bổ sung thêm dung dịch thì có thể là hệ thống đó đang bị lỗi nghiêm trọng.

Nắp capô

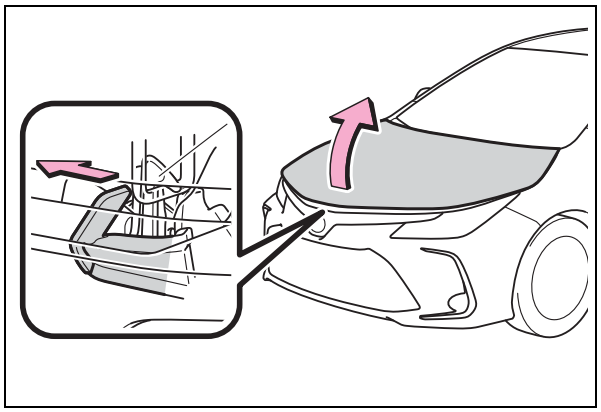
Mở nắp capô

1 Kéo lẫy nhả khóa nắp capô.

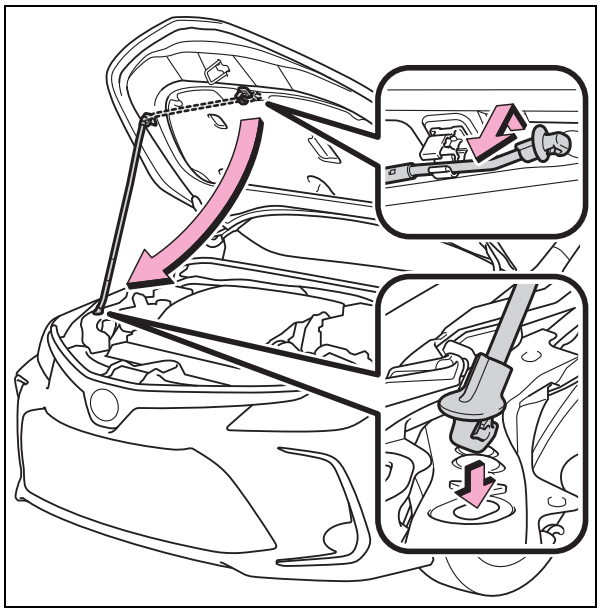
Nắp capô sẽ bật lên một chút.



2 Đẩy lẫy khóa phụ của nắp capô và nâng nắp capô lên.



3 Hãy giữ cho nắp capô ở vị trí mở bằng cách gài thanh chống vào rãnh.



⚠ CẢNH BÁO

n **Kiểm tra trước khi khởi hành**

Hãy kiểm tra để đảm bảo rằng nắp capô đã được đóng chặt và khóa chắc chắn.
Nếu nắp capô chưa được khóa chắc chắn, nó có thể sẽ bị mở ra trong khi xe chạy và gây ra tai nạn, dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Sau khi gài thanh chống vào rãnh**

Đảm bảo rằng thanh chống đã giữ nắp capô chắc chắn, không để nó rơi vào đầu hoặc người bạn.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi đóng nắp capô**

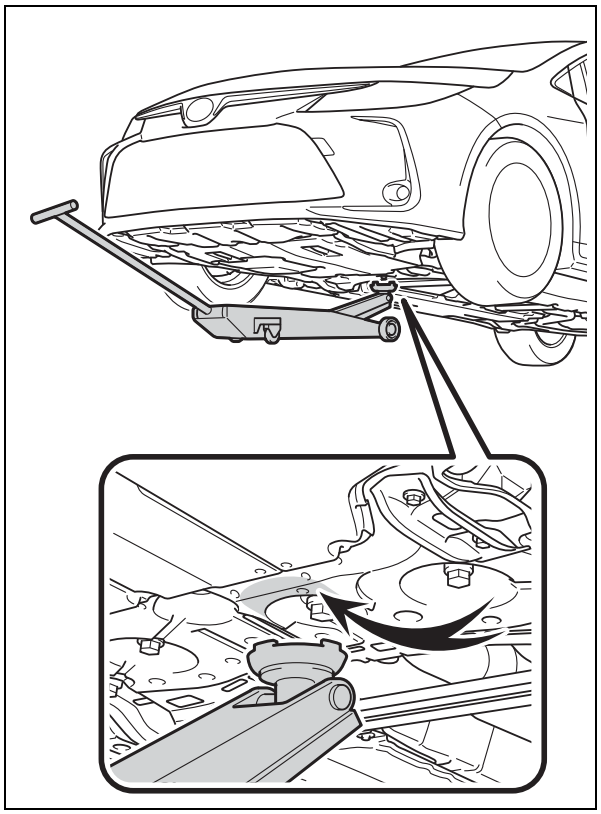
Hãy đảm bảo rằng bạn đã cố định thanh chống vào kẹp trước khi đóng nắp capô. Nếu bạn đóng nắp capô trong khi vẫn dựng thanh chống có thể sẽ làm cong nắp capô.

Vị trí kích

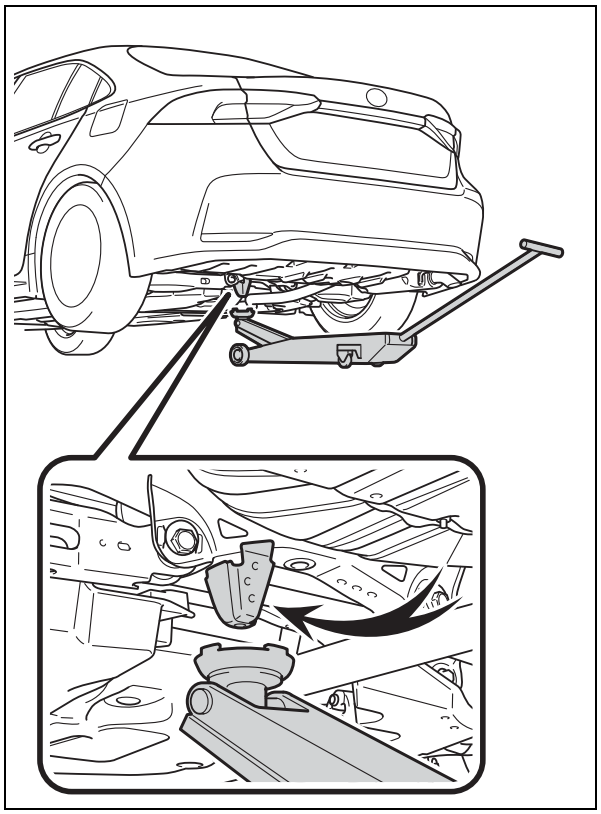
Khi sử dụng kích, hãy tuân theo các hướng dẫn trong sách hướng dẫn sử dụng kích và tiến hành thao tác một cách an toàn.
Khi nâng xe bằng kích, hãy đặt kích đúng vị trí. Việc đặt kích không đúng vị trí có thể làm hỏng xe của bạn hoặc gây ra chấn thương.

Vị trí của các điểm kích xe

n Phía trước

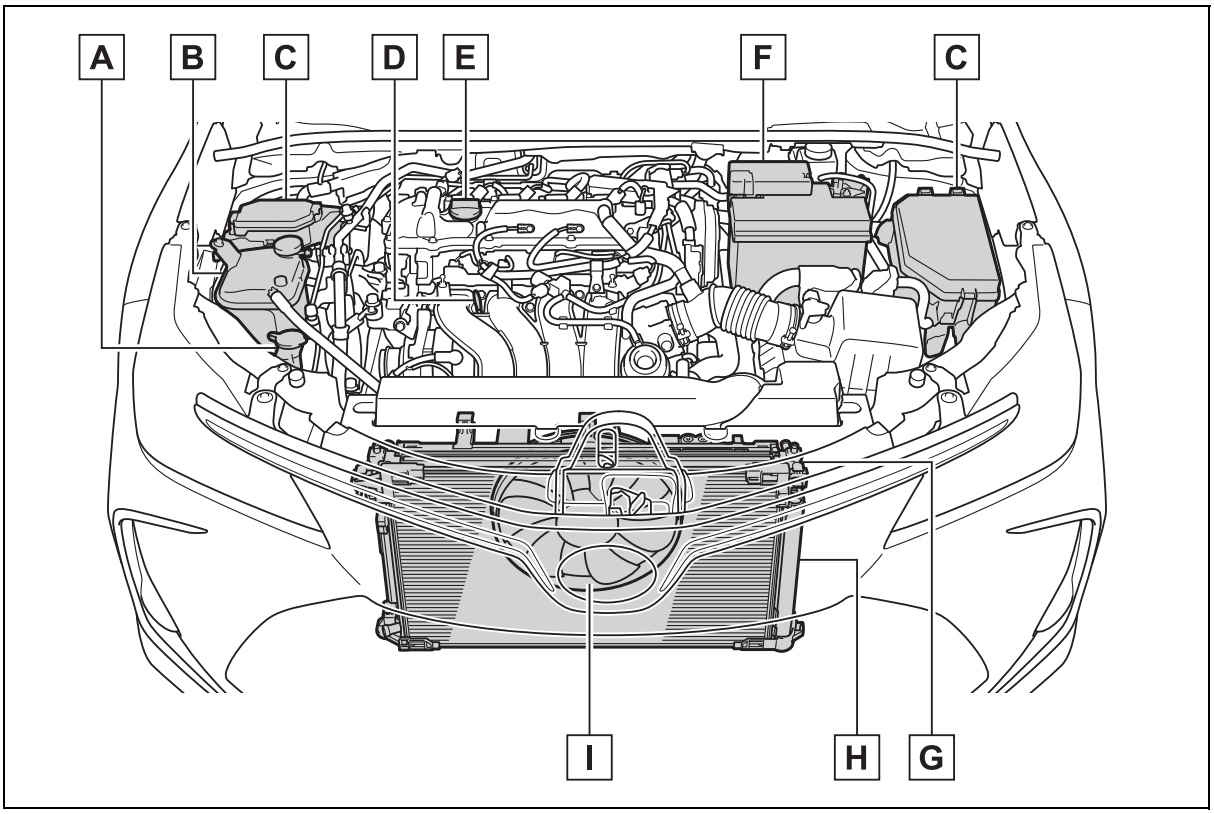


n Phía sau



Khoang động cơ

Các chi tiết



A Bình chứa nước rửa kính (→P.309)

B Bình chứa nước làm mát động cơ (→P.306)

C Hộp cầu chì (→P.323)

D Que thăm dầu động cơ (→P.303)

E Nắp lỗ nạp dầu động cơ (→P.305)

F Ắc quy (→P.307)

G Két nước (→P.307)

H Giàn nóng điều hòa (→P.307)

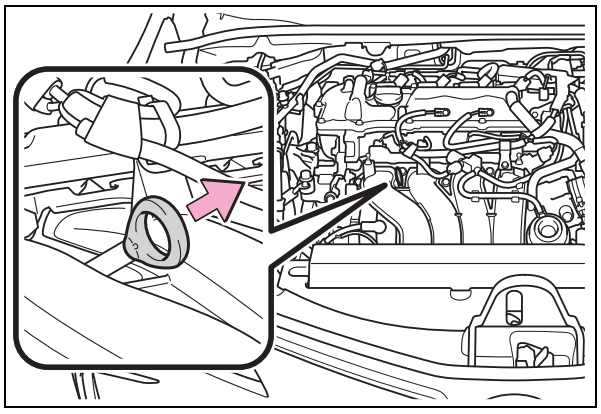
I Quạt điện làm mát

Kiểm tra dầu động cơ

Hâm nóng động cơ tới nhiệt độ làm việc rồi tắt máy, sau đó hãy sử dụng que thăm dầu để xác định mức dầu trong động cơ.

1 Đỗ xe trên một mặt nền phẳng. Sau khi hâm nóng động cơ và tắt máy, đợi khoảng hơn 5 phút để dầu chảy về đáy của động cơ.

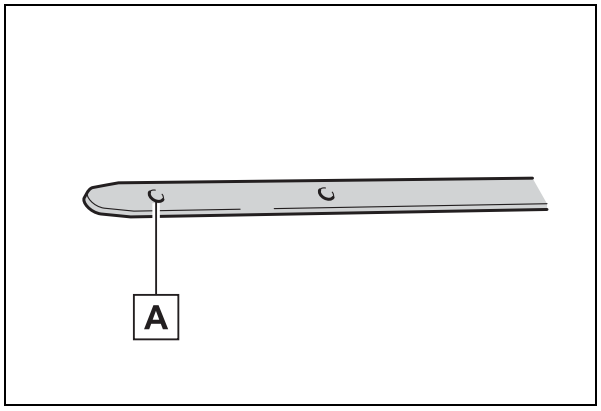
2 Đỡ giẻ ở phía dưới que thăm dầu và rút que thăm dầu ra.



3 Lau sạch que thăm dầu.

4 Cắm que thăm dầu xuống hết cỡ.

5 Hãy kê một miếng giẻ ở bên dưới, kéo que thăm dầu ra và kiểm tra xem mức dầu có nằm cao hơn dấu mức dầu thấp hay không.



A Dấu mức dầu thấp

Hình dạng que thăm dầu động cơ có thể khác nhau tùy vào loại xe hoặc loại động cơ.

6 Lau sạch rồi cắm hết cỡ que thăm dầu trở lại.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng nghiêm trọng động cơ**

Thường xuyên kiểm tra mức dầu động cơ theo đúng quy cách.

n Mức tiêu hao dầu động cơ

Dầu động cơ sẽ tiêu hao một lượng nhất định trong khi lái. Trong các trường hợp sau, mức tiêu hao dầu có thể tăng và cần phải bổ sung dầu động cơ giữa các kỳ bảo dưỡng dầu.

- Khi động cơ còn mới, chẳng hạn như sau khi mua xe hoặc sau khi thay động cơ
- Khi sử dụng dầu chất lượng thấp hoặc dầu có độ nhớt không phù hợp
- Khi lái xe với tốc độ cao hoặc tải nặng, hoặc khi lái xe trong khi tăng tốc hoặc giảm tốc thường xuyên
- Khi để động cơ chạy không tải trong một thời gian dài hoặc khi lái xe liên tục trong điều kiện đường đông

n Mức dầu động cơ tăng lên

Nếu thường xuyên lái xe trong điều kiện động cơ chưa được hâm nóng, hơi ẩm được gây ra do đọng sương bên trong động cơ hoặc nhiên liệu chưa cháy sẽ hòa trộn vào dầu động cơ, dẫn đến mức dầu động cơ tăng lên. Tuy nhiên, đây không phải là trục trặc. Ví dụ, động cơ sẽ khó được hâm nóng trong các tình huống sau

- Khi lái xe trên những quãng đường ngắn
- Khi lái xe ở tốc độ thấp
- Khi nhiệt độ bên ngoài thấp

Khi kiểm tra dầu động cơ, chắc chắn rằng động cơ đã được hâm nóng. Nếu mức dầu động cơ cao hơn dấu mức dầu cao, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn.

Bổ sung dầu động cơ

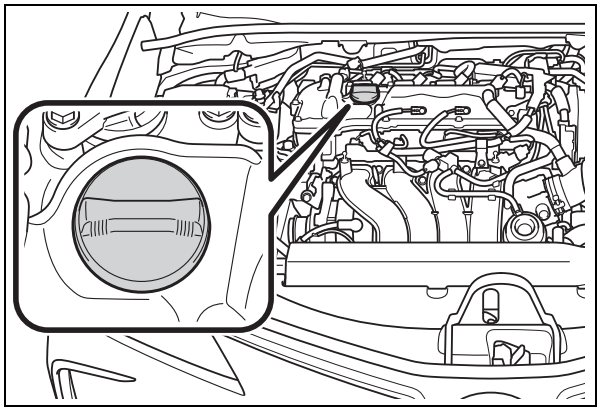
n Hãy kiểm tra lại loại dầu và chuẩn bị những hạng mục cần thiết

Hãy kiểm tra lại loại dầu và chuẩn bị những hạng mục cần thiết trước khi bổ sung dầu động cơ.

- Chọn dầu động cơ
  →P.378, 380
- Lượng dầu (Thấp → Cao)
  1.5 L
- Hạng mục
  Phễu rót dầu sạch

n Bổ sung dầu động cơ

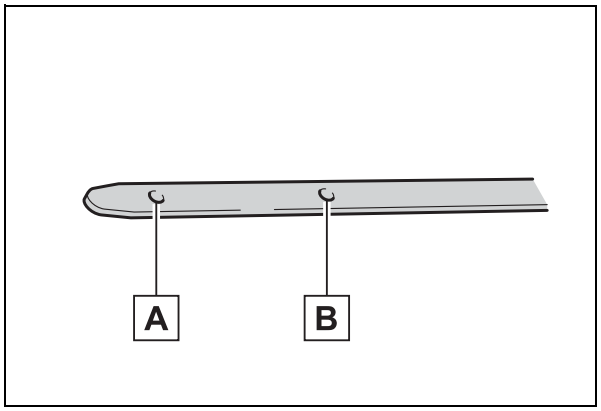
Nếu mức dầu động cơ thấp hơn hoặc gần chạm tới dấu mức dầu thấp, hãy bổ sung thêm dầu động cơ cùng loại với dầu đang được sử dụng.



1 Tháo nắp lỗ đổ dầu động cơ bằng cách xoay nắp ngược chiều kim đồng hồ.

2 Bổ sung dầu động cơ thật từ từ, kiểm tra que thăm dầu.

Đảm bảo rằng mức dầu không vượt quá dấu mức dầu cao và nằm giữa dấu mức dầu thấp và dấu mức dầu cao.



A Dấu mức dầu thấp

B Dấu mức dầu cao

Hình dạng que thăm dầu động cơ có thể khác nhau tùy vào loại xe hoặc loại động cơ.

3 Lắp nắp lỗ nạp dầu bằng cách vặn nắp theo chiều kim đồng hồ.

⚠ CẢNH BÁO

n Dầu động cơ đã qua sử dụng

- Dầu động cơ đã qua sử dụng có chứa rất nhiều chất ô nhiễm rất độc hại, có thể gây bệnh viêm da hoặc ung thư da. Vì vậy cần phải chú ý tránh tiếp xúc lâu và liên tục với dầu động cơ. Hãy chú ý bảo vệ da bạn bằng cách rửa tay thật kỹ với xà phòng và nước.
- Chỉ tiêu hủy dầu động cơ và lọc dầu cũ tại nơi an toàn và theo cách thức phù hợp. Không được đổ dầu động cơ đã qua sử dụng và lọc dầu xuống rãnh thoát nước, xuống cống hoặc đổ ra đất. Hãy liên hệ với đại lý Toyota, trạm dịch vụ hoặc kho phụ tùng để có thêm thông tin liên quan tới việc tái chế hoặc tiêu hủy dầu động cơ.
- Không để dầu động cơ đã qua sử dụng trong tầm với của trẻ nhỏ.

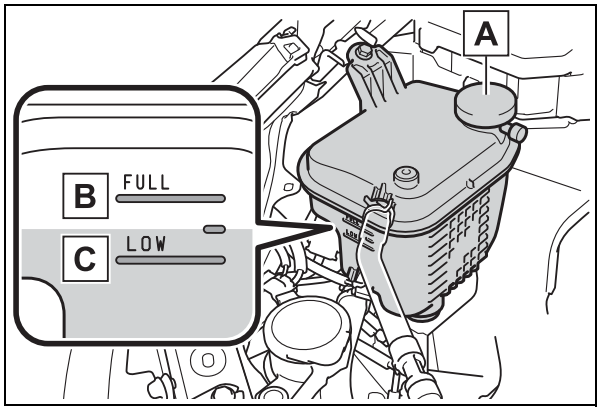
CHÚ Ý

n Khi thay dầu động cơ

- Hãy thận trọng không để dầu động cơ tràn ra các thiết bị của xe.
- Tránh đổ dầu quá đầy nếu không động cơ có thể sẽ bị hỏng.
- Kiểm tra mức dầu động cơ bằng que thăm dầu mỗi khi bổ sung dầu cho xe.
- Đảm bảo rằng nắp lỗ đổ dầu đã được vặn chặt đúng cách.

Kiểm tra nước làm mát động cơ

Mức nước làm mát động cơ phải nằm giữa vạch "FULL" và "LOW" trên bình chứa khi động cơ nguội.



A Nắp bình chứa nước làm mát

B Vạch "FULL"

C Vạch "LOW"

Nếu mức nước làm mát bằng hoặc thấp hơn vạch "LOW", hãy bổ sung thêm nước làm mát tới vạch "FULL". (→P.370)

n Lựa chọn nước làm mát

Chỉ sử dụng "Nước làm mát siêu bền của Toyota" hoặc loại tương đương gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axít hữu cơ tuổi thọ cao.

"Nước làm mát siêu bền của Toyota" là hỗn hợp gồm 50% nước làm mát và 50% nước không ion hóa. (Nhiệt độ tối thiểu: -35°C)

Để biết thêm thông tin chi tiết về nước làm mát động cơ, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

n Nếu mức nước làm mát bị hao hụt trong một thời gian ngắn sau khi đã được nạp đầy

Hãy kiểm tra bằng cách quan sát két nước, ống dẫn, nắp bình chứa nước làm mát động cơ, nút xả và bơm nước.
Nếu bạn không tìm thấy điểm rò rỉ nào, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra nắp két nước và kiểm tra tình trạng rò rỉ trong hệ thống làm mát.

CẢNH BÁO

n Khi động cơ đang nóng

Không tháo nắp bình chứa nước làm mát động cơ.

Hệ thống làm mát có thể đang ở áp suất cao, nếu mở nắp két nước, nước nóng có thể sẽ phun ra gây bỏng hoặc những tổn thương khác.

CHÚ Ý

n Khi bổ sung nước làm mát

Nước làm mát không chỉ đơn giản là nước hoặc chất chống đóng băng. Việc sử dụng hỗn hợp phù hợp giữa nước và chất chống đóng băng sẽ cung cấp khả năng bôi trơn, chống ăn mòn và làm mát hiệu quả. Hãy đọc kỹ nhãn hiệu của nước làm mát hoặc chất chống đóng băng.

n Nếu bạn làm tràn nước làm mát

Hãy rửa sạch bằng nước để tránh làm hỏng các thiết bị hoặc lớp sơn xe.

Kiểm tra két nước và giàn nóng

Hãy kiểm tra két nước, giàn nóng điều hoà và vệ sinh hết các tạp chất bám trên chúng. Nếu các chi tiết trên quá bẩn hoặc bạn không rõ lắm về tình trạng của chúng, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi động cơ đang nóng**

Không chạm vào két nước hoặc giàn nóng do chúng có thể đang nóng và có thể sẽ làm bạn bị bỏng hoặc bị thương nghiêm trọng.

Ắc quy

Hãy kiểm tra ắc quy như sau.

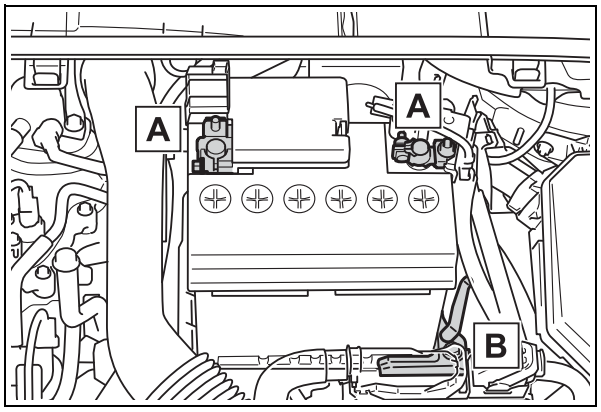
n **Các ký hiệu cảnh báo**

Ý nghĩa của các ký hiệu cảnh báo trên nắp ắc quy như sau:

	Không hút thuốc, không gây tia lửa điện, không bật lửa
	Axít ắc quy
	Đeo kính bảo hộ
	Hướng dẫn khi thao tác
	Không để trẻ nhỏ tới gần
	Khí gây nổ

n **Bên ngoài của ắc quy**

Hãy chắc chắn rằng các cực của ắc quy không bị ăn mòn và các chỗ nối không bị lỏng, nứt hoặc lỏng kẹp.



A Các điện cực

B Kẹp giữ

n **Trước khi nạp lại ắc quy**

Khi nạp, ắc quy sẽ sinh ra khí hyđrô rất dễ bắt cháy và nổ. Do vậy, hãy tuân theo các lưu lý sau trước khi nạp lại ắc quy:

- Nếu tiến hành nạp khi ắc quy vẫn lắp ở trên xe, hãy đảm bảo rằng bạn đã ngắt cáp âm ắc quy.
- Đảm bảo rằng công tắc nguồn của máy nạp ắc quy đã được tắt OFF khi tháo và nối cáp nạp vào ắc quy.

n **Sau khi nạp/nối lại ắc quy (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)**

- Chức năng mở khóa các cửa bằng hệ thống mở khóa và khởi động

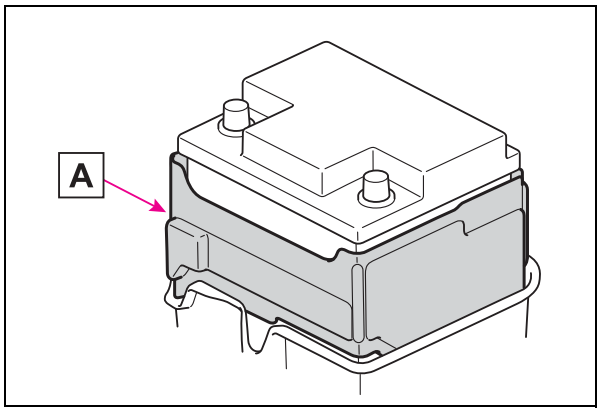
thông minh có thể sẽ không hoạt động được ngay sau khi nối lại ắc quy. Nếu điều này xảy ra, hãy sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ để khóa/mở khóa các cửa.

- Khởi động động cơ với công tắc động cơ ở chế độ ACC. Động cơ có thể sẽ không khởi động được với công tắc động cơ đang ở trạng thái tắt. Tuy nhiên, động cơ sẽ hoạt động bình thường từ lần khởi động thứ hai.
- Chế độ của công tắc động cơ sẽ được lưu lại. Nếu nối lại ắc quy, xe sẽ chuyển sang chế độ của công tắc động cơ trước khi ắc quy được tháo ra. Hãy tắt động cơ trước khi ngắt kết nối ắc quy. Hãy chú ý khi lắp lại ắc quy nếu như không biết chế độ của công tắc động cơ trước khi ắc quy bị hết điện.

Nếu sau nhiều lần thử mà bạn vẫn không thể khởi động được động cơ, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n Khi thay ắc quy (xe có bộ cách điện ắc quy)

Thay thế ắc quy bằng ắc quy giống kích thước như loại lắp trên xe sao cho bộ cách điện ắc quy có thể lắp vừa trên ắc quy mới.



A Cách điện ắc quy

⚠ CẢNH BÁO

n Các hóa chất có trong ắc quy

Ắc quy có chứa axit rất độc hại và có khả năng ăn mòn rất mạnh và ắc quy có thể sinh ra khí hyđrô rất dễ cháy và gây nổ. Để giảm nguy cơ bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong, hãy tuân thủ theo các chú ý sau khi đứng gần hoặc làm việc với ắc quy:

- Không để các dụng cụ chạm vào các điện cực ắc quy làm sinh ra tia lửa điện.
- Không được hút thuốc hoặc bật diêm gần ắc quy.
- Tránh để dung dịch axit bắn vào mắt, da hoặc quần áo.
- Không hít hay nuốt dung dịch điện phân.
- Luôn đeo kính bảo hộ lao động khi làm việc gần ắc quy.
- Không để trẻ em tới gần ắc quy.

n Địa điểm an toàn để nạp ắc quy

Hãy nạp ắc quy tại một địa điểm thông thoáng. Không nạp ắc quy trong nhà để xe hoặc phòng kín không đủ thông thoáng.

n Các biện pháp khẩn cấp liên quan tới dung dịch điện phân của ắc quy

- Nếu dung dịch điện phân bắn vào mắt bạn
  Hãy rửa mắt bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút và đi kiểm tra y tế ngay lập tức. Nếu có thể, bạn hãy liên tục dấp nước vào mắt bằng một miếng gạc hoặc tấm vải khi đang trên đường đến cơ sở y tế gần nhất.
- Nếu dung dịch điện phân bắn vào da bạn
  Hãy rửa kỹ phần da bị dính axit. Nếu cảm thấy đau hoặc bỏng rát, hãy đi khám ngay.

l Nếu dung dịch điện phân bắn vào quần áo bạn
Dung dịch điện phân có thể sẽ ngấm qua quần áo vào tới da bạn. Hãy cởi ngay quần áo ra và hãy làm theo các bước trên nếu cần thiết.

l Nếu bạn vô tình nuốt phải dung dịch điện phân
Hãy uống thật nhiều nước hoặc sữa. Hãy đi bác sĩ khám ngay lập tức.

n **Khi tháo ắc quy**

Không tháo cực âm (-) ở phía thân xe. Nếu tháo cực âm (-) ra thì nó có thể chạm vào cực dương (+), có thể dẫn đến ngắn mạch và gây ra tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe hoặc tử vong.

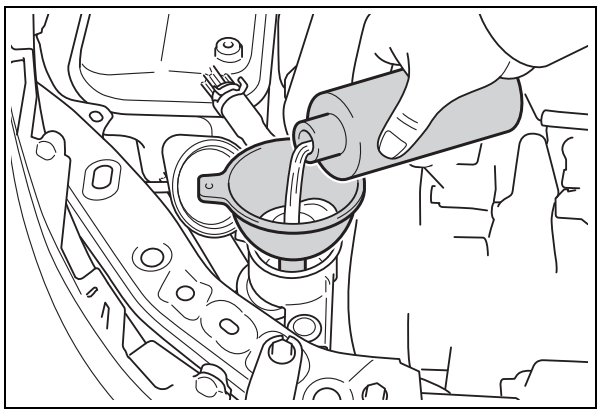
CHÚ Ý

n **Khi nạp lại ắc quy**

Không được nạp ắc quy khi động cơ đang làm việc. Đồng thời, phải đảm bảo tắt hết tất cả các trang bị phụ trên xe.

Bổ sung nước rửa kính

Nếu bộ phun nước rửa kính không làm việc, có thể bình chứa nước rửa kính đã bị cạn. Hãy bổ sung nước rửa kính.



CẢNH BÁO

n **Khi bổ sung thêm nước rửa kính**

Không bổ sung nước rửa kính khi động cơ đang nóng hoặc đang nổ máy, do nước rửa kính có chứa cồn và có thể bắt lửa nếu như nó bị tràn ra động cơ…

CHÚ Ý

n **Không sử dụng dung dịch nào khác ngoài nước rửa kính**

Không sử dụng nước xà phòng hoặc dung dịch chống đóng băng của nước làm mát động cơ để làm nước rửa kính.
Nếu không, có thể tạo vết trên bề mặt sơn xe, cũng như làm hỏng bơm dẫn đến việc phun nước rửa kính trục trặc.

n **Dung dịch nước rửa kính**

Hãy pha loãng nước rửa kính với một lượng nước cần thiết.
Hãy tham khảo nhiệt độ đóng băng được in trên chai đựng nước rửa kính.

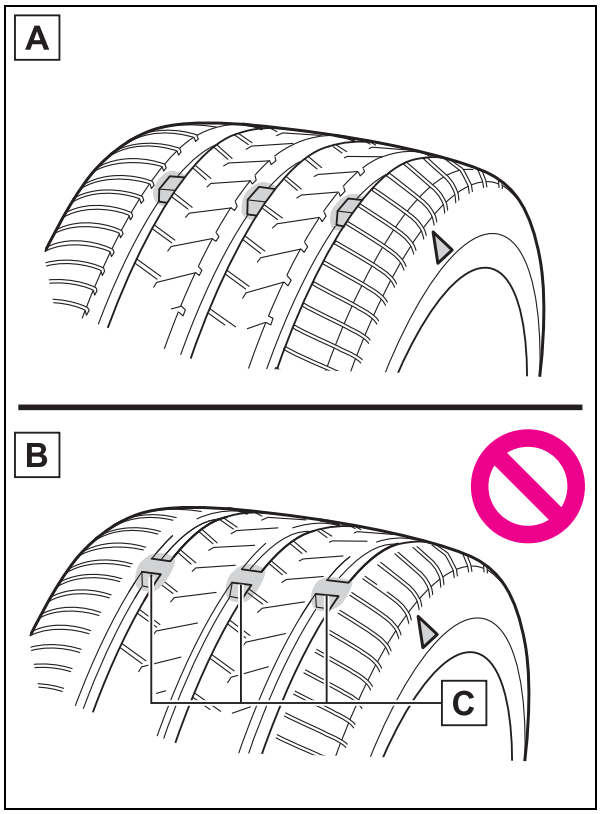
Lốp xe

Hãy thay thế hoặc đảo lốp theo lịch bảo dưỡng và theo độ mòn của lốp xe.

Kiểm tra lốp xe

Hãy kiểm tra bề mặt của lốp xem có các vạch báo mòn lốp xe hay không. Hãy kiểm tra các lốp có mòn đều không, ví dụ lốp bị mòn nghiêm trọng ở một bên lốp.

Hãy kiểm tra tình trạng của lốp dự phòng và áp suất lốp nếu chưa đảo lốp.



A Hoa lốp mới

B Hoa lốp mòn

C Vạch báo mòn lốp xe

Vị trí của vạch báo mòn lốp xe được chỉ ra bởi ký hiệu "TWI" hoặc dấu " △ "... được đúc trên thành bên của lốp.

Hãy thay lốp nếu các chỉ báo mòn lốp xuất hiện trên lốp.

n Thời điểm thay lốp

Nên thay lốp khi:

- Vạch báo mòn lốp xe xuất hiện trên lốp.
- Lốp xe đã bị hư hỏng như bị rách, rạn, nứt sâu tới mức làm lộ lớp gân vải hoặc lốp bị phồng lên cho thấy đã có hư hỏng bên trong lốp
- Lốp thường xuyên bị hết hơi hoặc không thể sửa chữa triệt để được do kích thước hay vị trí của vết cắt hoặc các hư hỏng khác

Nếu bạn không chắc chắn lắm, hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota.

n Tuổi thọ của lốp

Bạn nên yêu cầu kỹ thuật viên có tay nghề kiểm tra các lốp xe đã sản xuất trên 6 năm, kể cả khi chúng ít khi hoặc chưa được dùng tới, cũng như chưa thấy có hư hỏng gì cả.

n Loại lốp có biên dạng thấp (lốp 17-inch hoặc 18-inch)

Nhìn chung, lốp có biên dạng thấp thường mòn nhanh hơn và độ bám đường sẽ giảm trên đường tuyết và/hoặc đường có băng tuyết so với các lốp tiêu chuẩn. Hãy đảm bảo việc sử dụng lốp đi tuyết hoặc xích quấn lốp trên đường có tuyết và/hoặc băng đá, và lái xe cẩn thận với tốc độ phù hợp với điều kiện đường xá và thời tiết.

n Nếu chiều cao hoa lốp của lốp đi tuyết chỉ còn 4mm trở xuống

Hiệu quả đi tuyết của lốp sẽ bị mất.

n Kiểm tra các van lốp

Khi kiểm tra các lốp, hãy kiểm tra xem các van có bị biến dạng, nứt hoặc bị hư hỏng khác không.

CẢNH BÁO

n **Khi kiểm tra hoặc thay lốp**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để tránh xảy ra tai nạn.
Nếu không có thể gây hư hỏng cho các chi tiết của hệ thống truyền lực, cũng như các đặc tính sử dụng, dẫn đến nguy hiểm, có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Không sử dụng lẫn các lốp có nhãn hiệu, chủng loại, kiểu và dạng hoa lốp khác nhau.
  Ngoài ra, không dùng lẫn các lốp có độ mòn khác nhau quá nhiều.
- Không được sử dụng các lốp có kích cỡ khác với yêu cầu của Toyota.
- Không sử dụng lẫn các lốp có kết cấu khác nhau (bố ngang, bố chéo hay bố dọc).
- Không được sử dụng lẫn giữa các lốp đi trong mùa hè, lốp đi tuyết hoặc lốp sử dụng cho tất cả các mùa.
- Không sử dụng lại các lốp đã được dùng trên xe khác.
  Không sử dụng lại các lốp mà bạn không biết nó đã từng được sử dụng như thế nào.

CHÚ Ý

n **Loại lốp có biên dạng thấp (lốp 17-inch hoặc 18-inch)**

Những lốp có biên dạng thấp có thể làm cho hư hỏng lớn hơn lốp thông thường khi duy trì tác động từ mặt đường. Hãy đặc biệt chú ý tới các loại vật thể sau:

- Hãy đảm bảo duy trì áp suất phù hợp của lốp. Nếu các lốp bị xịt, lốp có thể hư hỏng nghiêm trọng.
- Tránh đâm phải ổ gà, các chỗ mấp mô, vỉa hè hoặc các vật thể khác. Nếu không có thể sẽ làm hỏng lốp và vành xe.

n **Nếu áp suất lốp thấp trong khi lái xe**

Không tiếp tục lái xe, nếu không lốp và/hoặc bánh xe có thể sẽ bị hỏng nặng.

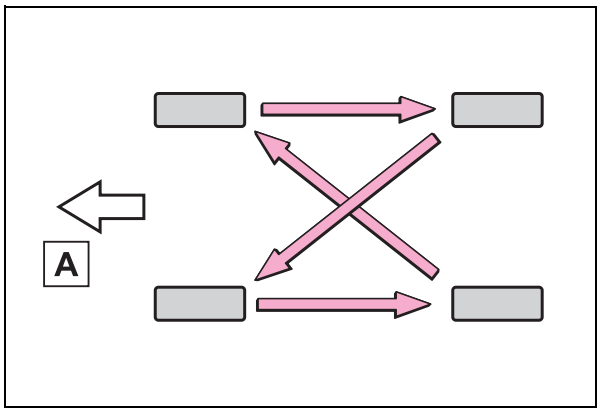
n **Khi lái xe trên đường gồ ghề**

Hãy cẩn thận khi lái xe trên đường trơn trượt hoặc có nhiều ổ gà.
Khi lái xe trên những điều kiện như vậy sẽ làm mất áp suất của lốp, làm giảm khả năng tải của lốp. Ngoài ra lái xe trên các đường gồ ghề cũng có thể làm bản thân lốp bị hư hỏng, cũng như làm hỏng vành và thân xe.

Đảo lốp

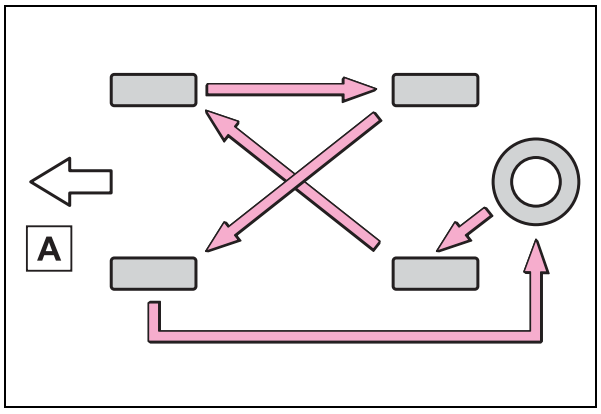
Hãy đảo lốp theo thứ tự như trên hình vẽ.

▶ Xe không có lốp dự phòng cùng kích thước với lốp trên xe.



A Phía trước

▶ Xe có lốp dự phòng cùng kích thước với lốp trên xe



A Phía trước

Để các lốp được mòn đều và giúp kéo dài tuổi thọ của lốp, chúng tôi khuyên bạn nên đảo lốp sau mỗi 10,000 km.

Xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp: Khi đảo các lốp trước cho các lốp sau mà có áp suất khác nhau, hãy nhớ khởi tạo cho hệ thống cảm biến áp suất lốp sau khi đảo lốp.

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp (nếu có)

Xe của bạn được trang bị hệ thống cảnh báo áp suất lốp, hệ thống này sử dụng các van cảm biến để phát hiện tình trạng áp suất lốp thấp trước khi có vấn đề phát sinh.

Nếu áp suất lốp thấp hơn mức định trước, đèn cảnh báo sẽ cảnh báo người lái. (→P.346)

n Kiểm tra áp suất lốp hàng ngày

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ không thay thế cho việc kiểm tra áp suất lốp hàng ngày. Hãy xem việc kiểm tra áp suất lốp như là một phần của công việc kiểm tra xe hàng ngày.

n Hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể không hoạt động chính xác trong các trường hợp sau

l Trong các trường hợp sau, hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể không hoạt động chính xác.
- Khi sử dụng vành xe không chính hiệu của Toyota.
- Khi lốp được thay không phải lốp OE (lốp được trang bị ban đầu của xe).
- Khi lốp được thay thế không có kích cỡ như tiêu chuẩn.
- Trang bị xích quấn lốp…
- Khi xe được trang bị bánh xe dự phòng tạm thời.
- Khi lắp lớp cách nhiệt lên kính có thể làm ảnh hưởng đến tín hiệu sóng radiô.
- Khi có nhiều tuyết hoặc băng đọng trên xe, đặc biệt là phần xung quanh bánh xe hoặc hốc bánh xe.
- Khi áp suất lốp quá cao so với tiêu chuẩn.
- Khi các lốp không được trang bị van cảm biến áp suất lốp.
- Khi mã ID trên van cảm biến áp suất lốp chưa được đăng ký trên ECU cảnh báo áp suất lốp.

l Một số tính năng có thể bị ảnh hưởng trong các trường hợp sau.
- Khi gần đài phát sóng vô tuyến, trạm điện, trạm xăng, trạm phát sóng radio, màn hình lớn, sân bay hay nhưng thiết bị có thể phát sóng radio mạnh hoặc nhiễn điện.
- Khi mang theo máy thu thanh di động, điện thoại di động, bộ đàm hoặc một thiết bị liên lạc không dây khác

l Khi đỗ xe, thời gian để bật hoặc tắt cảnh báo có thể sẽ bị kéo dài.

l Khi áp suất lốp giảm đi nhanh chóng, chẳng hạn như khi bị nổ lốp, thì chức năng cảnh báo sẽ không hoạt động chính xác.

n Tính năng cảnh báo của hệ thống cảnh báo áp suất lốp

Cảnh báo của hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ thay đổi theo các điều

kiện lái xe. Vì lí do này, hệ thống có thể đưa ra một cảnh báo ngay cả khi áp suất lốp không đạt đủ mức thấp, hoặc nếu áp suất lốp cao hơn mức áp suất được điều chỉnh khi khởi tạo hệ thống.

Lắp cảm biến áp suất lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Khi thay mới vành xe hoặc lốp xe, cần phải lắp van cảm biến.

Khi lắp van cảm biến áp suất lốp mới, sẽ phải tiến hành đăng ký mã ID mới với ECU cảnh báo áp suất lốp và hệ thống cảnh báo áp suất lốp cần được khởi tạo. Hãy yêu cầu đại lý Toyota đăng ký mã ID của van cảm biến áp suất lốp giúp bạn. (→P.314)

n **Thay vành và lốp xe**

Nếu mã ID của van cảm biến áp suất lốp chưa được đăng ký, hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ không hoạt động chính xác. Sau khi lái xe khoảng 10 phút, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nháy khoảng 1 phút, sau đó sẽ sáng lên để thông báo lỗi trong hệ thống.

CHÚ Ý

n **Sửa chữa hoặc thay các lốp, vành xe, van cảm biến áp suất lốp, nắp van lốp**

l Khi tháo hoặc lắp các bánh xe, lốp xe, các van cảm biến áp suất lốp, hãy liên hệ với đại lý Toyota bởi van cảm biến áp suất lốp có thể bị hỏng nếu không thao tác đúng cách.

CHÚ Ý

l Hãy đảm bảo việc lắp nắp van. Nếu không lắp nắp van, nước có thể xâm nhập vào van cảm biến áp suất lốp và van cảm biến áp suất lốp có thể bị kẹt.

l Khi thay nắp van mới, không sử dụng nắp van nào khác ngoài nắp van tiêu chuẩn. Nếu không, nắp van có thể bị kẹt.

n **Để tránh làm hỏng van cảm biến**

Khi sửa lốp xe bằng keo làm kín, van cảm biến áp suất lốp có thể sẽ không hoạt động chính xác. Nếu sử dụng keo, hãy liên hệ với đại lý Toyota hoặc trạm dịch vụ ủy quyền sớm nhất có thể. Hãy thay mới van cảm biến áp suất lốp khi thay thế lốp. (→P.313)

Khởi tạo cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp (nếu có)

n **Hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ cần được khởi tạo trong các trường hợp sau:**

- Khi đảo các lốp trước và các lốp sau mà chúng có áp suất lốp khác nhau.
- Khi thay đổi cỡ lốp.

Khi khởi tạo cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp, áp suất lốp hiện tại sẽ được đặt làm mức áp suất tiêu chuẩn.

n **Cách khởi tạo cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp**

1 Hãy dừng xe tại một vị trí an toàn và tắt công tắc động cơ.

Sẽ không thể thực hiện được quy

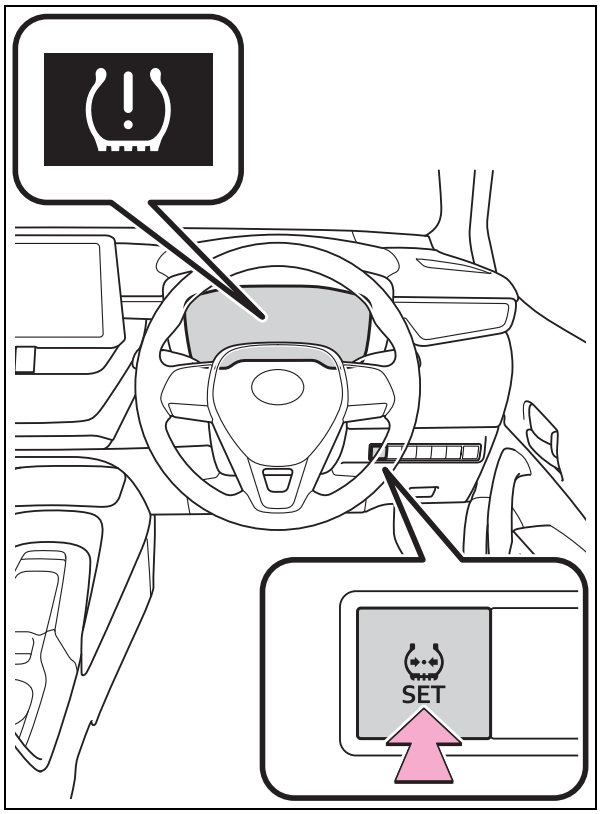
trình khởi tạo khi xe đang chạy.

2 Điều chỉnh áp suất lốp về mức áp suất lốp tiêu chuẩn khi nguội. (→P.384)

Hãy đảm bảo việc điều chỉnh áp suất lốp đến mức áp suất lốp tiêu chuẩn khi lốp nguội. Hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ hoạt động dựa trên mức áp suất này.

3 Bật công tắc động cơ tới vị trí ON.

4 Hãy ấn và giữ vào công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp cho đến khi đèn cảnh báo áp suất lốp nháy chậm 3 lần.



5 Hãy đợi khoảng vài phút với công tắc động cơ ở ON, sau đó tắt công tắc động cơ.

n **Quy trình khởi tạo**

l Hãy tiến hành khởi tạo sau khi điều chỉnh áp suất lốp.
Hãy đảm bảo lốp xe đã nguội trước khi tiến hành khởi tạo hoặc điều chỉnh áp suất lốp.

l Nếu bạn vô tình tắt công tắc động cơ trong khi đang khởi tạo, không cần phải ấn công tắc đặt lại nữa vì việc khởi tạo sẽ tự động khởi động lại khi công tắc động cơ được bật đến ON trong lần tiếp theo.

l Nếu bạn vô tình ấn vào công tắc đặt lại khi khởi tạo là không cần thiết, hãy điều chỉnh áp suất lốp đến mức tiêu chuẩn khi lốp đã nguội và tiến hành khởi tạo một lần nữa.

n **Khi việc khởi tạo hệ thống cảnh báo áp suất lốp không thành công**

Quá trình khởi tạo có thể hoàn thành trong ít phút. Tuy nhiên, trong các trường hợp sau, các cài đặt có thể không được ghi lại và hệ thống sẽ không hoạt động chính xác. Nếu bạn đã cố lưu lại các cài đặt hệ thống áp suất lốp nhiều lần nhưng chưa thành công, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

l Khi điều chỉnh công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ không nháy 3 lần.

l Sau khi lái xe một lúc từ khi hoàn thành việc khởi tạo, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ sáng sau khi nháy khoảng 1 phút.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi khởi tạo hệ thống cảnh báo áp suất lốp**

Không ấn công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp mà không điều chỉnh áp suất lốp đến ngưỡng tiêu chuẩn. Nếu không, đèn cảnh báo áp suất lốp có thể không sáng ngay cả khi áp suất lốp thấp, hoặc đèn sáng lên khi áp suất lốp đang bình thường.

Đăng ký mã ID

Van cảm biến áp suất lốp được

cung cấp một mã ID riêng. Khi thay van cảm biến áp suất lốp, bạn cần đăng ký mã ID. Hãy yêu cầu đại lý Toyota đăng ký mã ID giúp bạn.

n **Đăng ký mã ID**

Có thể đăng ký được các mã ID của van cảm biến áp suất lốp cho 2 bộ bánh.

Bạn không cần đăng ký mã ID khi thay lốp thường bằng lốp đi tuyết, nếu mã ID cho lốp thường và lốp đi tuyết đã được đăng ký trước đó.

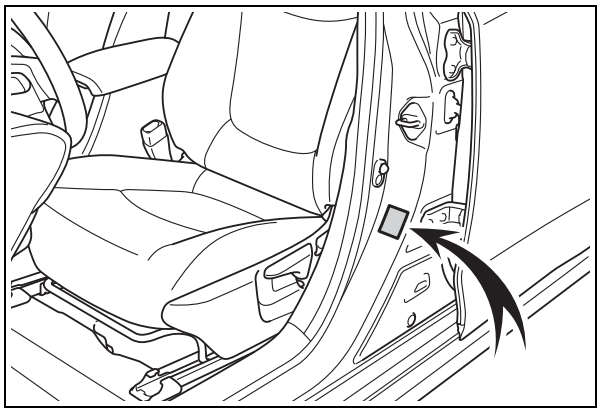
Hãy hỏi đại lý Toyota để có thêm thông tin về việc thay mã ID.

Áp suất lốp

Hãy đảm bảo duy trì áp suất phù hợp của lốp. Nên kiểm tra áp suất lốp ít nhất một tháng một lần. Tuy nhiên, Toyota khuyến nghị cứ hai tuần bạn nên cho kiểm tra áp suất lốp một lần. (→P.384)

Nhãn thông tin tải của lốp

Áp suất lốp tiêu chuẩn được dán ở nhãn trên trụ xe phía người lái như hình vẽ.



n **Những hậu quả khi chạy xe với áp suất lốp không phù hợp**

Lái xe với áp suất lốp không phù hợp có thể sẽ gây ra những hậu quả sau:

- Tăng mức tiêu hao nhiên liệu
- Giảm tính tiện nghi trên xe và tính năng điều khiển kém
- Giảm tuổi thọ của lốp do mòn lốp
- Làm giảm độ an toàn
- Làm hỏng hệ thống truyền lực

Nếu một lốp nào đó thường xuyên phải bơm lại, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n **Hướng dẫn kiểm tra áp suất lốp**

Khi kiểm tra áp suất lốp, hãy tuân theo các hướng dẫn sau:

- Chỉ kiểm tra áp suất khi lốp đã nguội.
  Nếu xe bạn đã được đỗ lại ít nhất 3 tiếng và quãng đường xe chạy là không quá 1.5 km, thì bạn có thể đo được chính xác áp suất của lốp xe.
- Luôn sử dụng đồng hồ để đo áp suất.
  Sẽ rất khó để phán đoán xem áp suất lốp phù hợp chưa bằng cách quan sát.
- Sẽ là bình thường nếu áp suất lốp cao hơn sau khi lái xe do nhiệt được sinh ra trong lốp. Không giảm áp suất lốp ngay sau khi lái xe.
- Trọng lượng của người ngồi và hàng hóa phải được phân bổ sao cho xe được cân bằng.

⚠ CẢNH BÁO

n **Duy trì áp suất lốp chuẩn là yêu cầu quan trọng để đảm bảo hoạt động an toàn của lốp**

Hãy giữ lốp luôn ở áp suất chuẩn. Nếu không, các tình trạng sau sẽ có thể xuất hiện và gây ra tai nạn dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong:

- Lốp bị mòn nhiều
- Lốp mòn không đều
- Khó điều khiển xe
- Có thể dẫn tới nổ lốp do lốp xe bị quá nhiệt
- Rò khí giữa lốp và vành
- Vành bị biến dạng và/hoặc hỏng lốp
- Lốp xe rất dễ bị hư hỏng khi lái xe (do đường xấu, do các chỗ nối bị giãn, do các cạnh sắc trên đường...)

⚠ CHÚ Ý

n **Khi kiểm tra và điều chỉnh áp suất lốp**

Hãy chú ý lắp lại nắp van khí của lốp.
Nếu nắp van chưa được lắp, bụi bẩn và hơi ẩm có thể lọt vào bên trong van, gây ra rò khí, dẫn đến giảm áp suất lốp.

Vành xe

Nếu một vành xe đã bị cong, nứt hoặc bị ăn mòn nặng, thì vành xe đó nên được thay thế. Nếu không lốp xe có thể sẽ bị long ra khỏi vành và dẫn đến mất lái.

Chọn loại vành xe

Khi thay thế vành xe, hãy đặc biệt chú ý chọn loại vành xe có cùng tải trọng, đường kính, chiều rộng và khoảng cách bù với vành xe cũ.*.

Hãy yêu cầu đại lý Toyota thay vành xe giúp bạn.

*: Thuật ngữ hay dùng là "offset".

Chúng tôi khuyên bạn không nên sử dụng:

- Các vành xe không cùng kích cỡ hoặc chủng loại
- Các vành xe đã qua sử dụng
- Các vành xe bị cong đã được nắn lại

n Khi thay vành xe (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Vành xe được trang bị các van cảm biến áp suất lốp, chúng cho phép hệ thống cảnh báo áp suất lốp đưa ra những cảnh báo kịp thời khi áp suất lốp thấp. Khi thay bánh xe, van cảm biến áp suất lốp cần được lắp lại. (→P.313)

⚠ CẢNH BÁO

n Khi thay vành xe

l Không sử dụng các vành xe có kích cỡ khác với các tiêu chuẩn được ghi trong cuốn hướng dẫn sử dụng này, nếu không có thể sẽ dẫn tới bị mất lái.

l Không được sử dụng lốp có săm vì xe này được thiết kế dùng lốp không săm.
Nếu không, có thể sẽ gây ra tai nạn, dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Khi lắp đai ốc lốp

l Hãy đảm bảo rằng phía đầu côn của đai ốc lốp hướng vào phía trong khi lắp ốc lốp (→P.360). Việc lắp các đai ốc lốp với phía mặt côn hướng ra ngoài có thể sẽ làm vỡ bánh xe và có thể làm cho bánh xe bị tuột ra khi lái xe, dẫn đến tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Không bao giờ được bôi dầu hoặc mỡ lên trên bulông hoặc đai ốc lốp.
Dầu và mỡ có thể làm cho đai ốc lốp bị siết quá chặt, dẫn đến làm hỏng bu lông hoặc vành xe. Hơn nữa, dầu mỡ có thể làm đai ốc lốp bị lỏng và làm bánh xe rơi ra, dẫn đến tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong. Hãy lau sạch dầu, mỡ ra khỏi các bu lông hoặc đai ốc lốp khi lắp.

n Không sử dụng các vành hỏng

Không sử dụng các lốp bị nứt hoặc biến dạng. Nếu không, các lốp có thể bị rò rỉ khí trong khi lái xe và dẫn đến tai nạn.

CHÚ Ý

n **Thay van cảm biến áp suất lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

l Do việc sửa hoặc thay lốp có thể ảnh hưởng đến van cảm biến áp suất lốp, hãy yêu cầu đại lý Toyota hoặc trạm dịch vụ có uy tín sửa chữa lốp giúp bạn. Ngoài ra, hãy mua van cảm biến áp suất lốp tại đại lý Toyota để đảm bảo nguồn gốc sản phẩm.

l Hãy đảm bảo rằng xe của bạn sử dụng vành xe chính hiệu Toyota. Van cảm biến áp suất lốp có thể không làm việc chính xác với các vành không chính hiệu.

Các chú ý với vành nhôm

- Chỉ sử dụng các đai ốc lốp của Toyota và cờ lê được thiết kế riêng cho vành nhôm.
- Khi đảo lốp, sửa chữa hoặc thay lốp, hãy kiểm tra các đai ốc lốp để đảm bảo chúng vẫn được bắt chặt sau khi đi được 1600km.
- Hãy cẩn thận không làm hỏng các vành nhôm khi sử dụng xích quấn lốp.
- Chỉ sử dụng đối trọng cân bằng chính hiệu của Toyota hoặc loại tương đương và búa nhựa hoặc búa cao su khi cân bằng bánh xe.

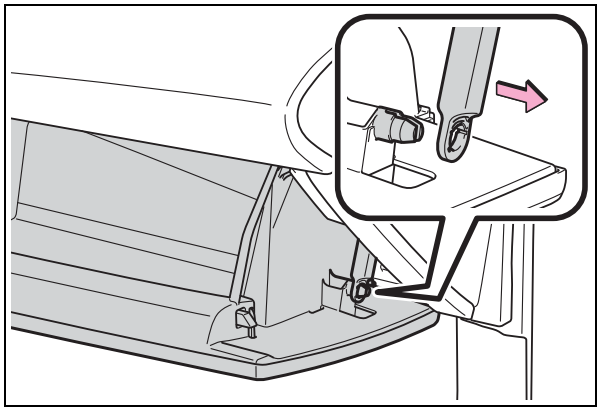
Bộ lọc điều hòa

Bộ lọc điều hòa phải được kiểm tra và vệ sinh theo định kỳ để duy trì hiệu quả của điều hòa.

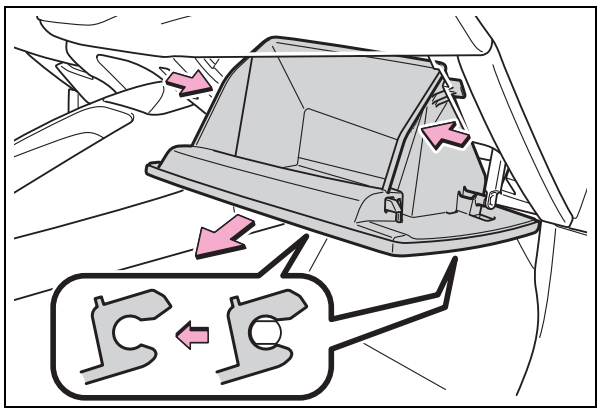
Tháo bộ lọc điều hoà không khí

1 Tắt công tắc động cơ.

2 Mở ngăn đựng găng tay. Tháo thanh hãm ra.

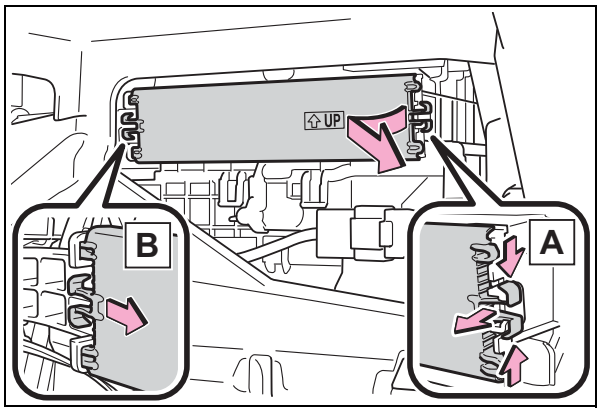


3 Ấn vào hai bên của ngăn đựng găng tay để tháo các vấu hãm. Kéo ngăn đựng găng tay và tháo các vấu hãm phía dưới.



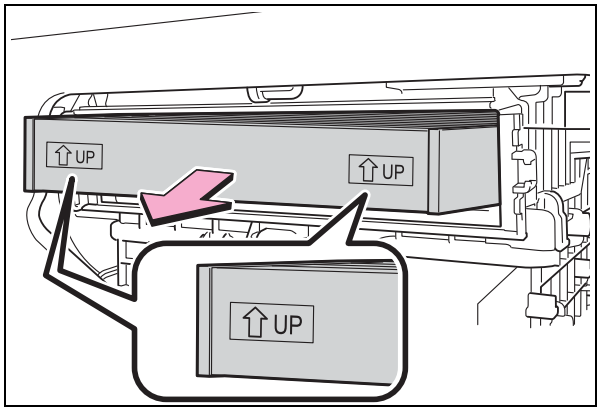
4 Mở khóa nắp lọc điều hòa (A), kéo nắp của bộ lọc ra

khỏi các vấu (B) và tháo nắp bộ lọc.



5 Tháo bộ lọc điều hòa ra và thay bộ lọc mới.

Dấu "⇧ UP" của bộ lọc phải được lắp hướng lên trên.



n Kiểm tra định kỳ

Hãy thay bộ lọc điều hòa theo lịch bảo dưỡng. (→P.294) trên đường nhiều bụi bẩn hoặc trên đường đông, thì bộ lọc điều hòa có thể sẽ cần phải thay sớm hơn.

n Nếu khí thổi ra từ cửa gió bị suy giảm đáng kể

Bộ lọc có thể đã bị tắc. Hãy kiểm tra bộ lọc và thay thế chúng nếu cần thiết.

n Bộ lọc điều hòa có chức năng khử mùi (nếu có)

Khi đặt nước hoa trong xe, chức năng khử mùi sẽ bị giảm đi một cách rõ rệt trong một thời gian ngắn.
Khi mùi điều hòa xuất hiện liên tục, hãy thay bộ lọc điều hòa.

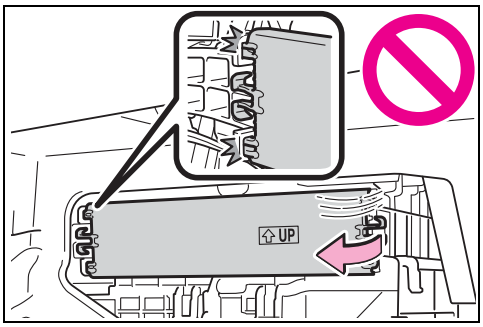
⚠ CHÚ Ý

n Khi sử dụng hệ thống điều hòa

Hãy đảm bảo rằng bộ lọc đã được lắp lại.
Sử dụng hệ thống điều hòa với bộ lọc đã tháo ra sẽ có thể làm hỏng hệ thống điều hòa.

n Để tránh làm hỏng nắp của bộ lọc

Khi tháo nắp bộ lọc theo hướng theo mũi tên, hãy chú ý không được tác dụng lực quá mạnh lên các vấu hãm. Nếu không, các vấu có thể sẽ bị hỏng.



Pin điều khiển từ xa/chìa khóa điện tử

Hãy thay pin mới nếu nó đã bị hết điện.
Vì chìa khóa có thể bị hư hỏng nếu tiến hành quy trình sau đây không chuẩn xác, chúng tôi khuyến nghị rằng việc thay thế pin chìa khóa nên được thực hiện bởi Đại lý Toyota.

n Khi chìa khóa điện tử bị hết điện

Những hiện tượng sau sẽ có thể xuất hiện:

- Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (nếu có) và hệ thống điều khiển từ xa sẽ không hoạt động chính xác.
- Phạm vi điều khiển sẽ bị thu hẹp lại.

Những hạng mục cần chuẩn bị

- Tô vít đầu dẹt
- Tô vít đầu dẹt loại nhỏ
- Pin Lithium CR2032

n Sử dụng pin Lithium CR2032

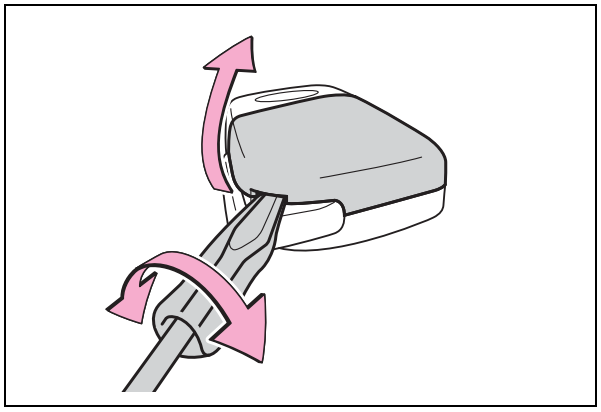
- Bạn có thể mua pin tại đại lý Toyota, các cửa hàng đồng hồ hoặc cửa hàng bán máy ảnh.
- Hãy sử dụng loại pin theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Quy trình tiêu hủy pin cũng phải được tiến hành theo quy định của địa phương.

Thay pin

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

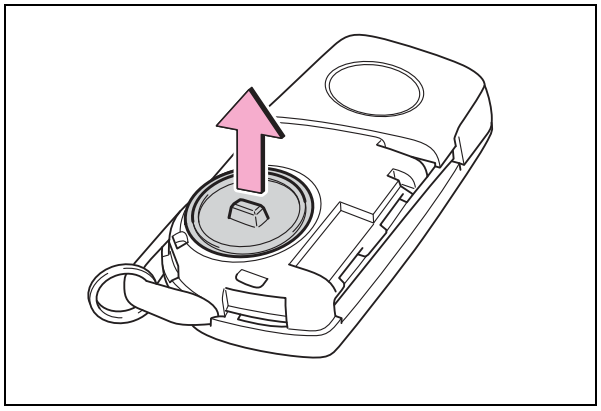
1 Tháo nắp che chìa khóa.

Để tránh làm hỏng chìa khóa, hãy dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.



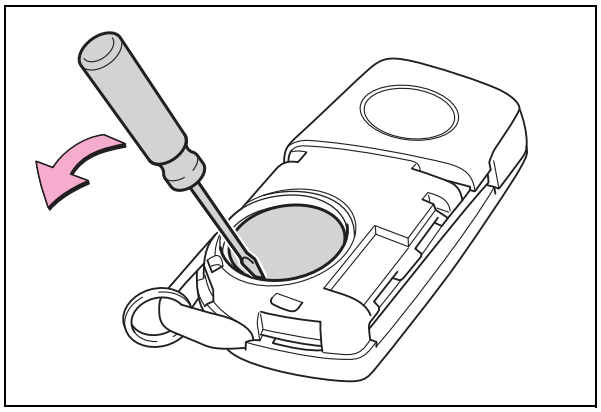
2 Tháo nắp che pin.

Nếu khó tháo nắp che pin chìa khóa, hãy cạy vào mép để tháo nó.



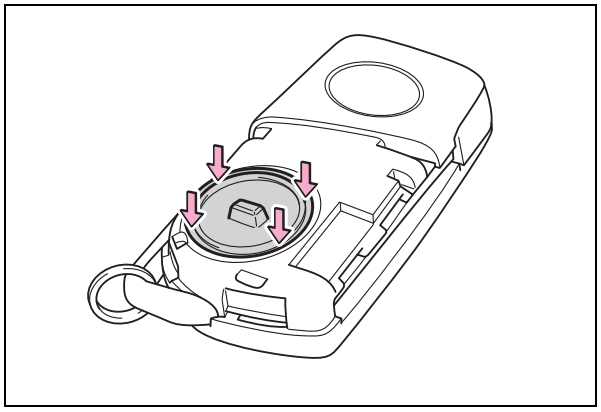
3 Sử dụng tô vít đầu dẹt để tháo pin đã hết điện ra.

Lắp pin mới vào với cực "+" hướng lên trên.



4 Lắp nắp che pin chìa khóa với tai hướng lên trên.

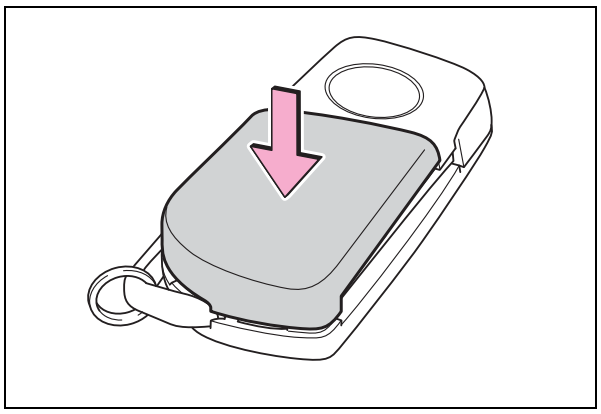
Ấn lên toàn bộ mép của nắp che pin vào chìa khóa.



5 Lắp nắp che chìa khóa.

Gióng nắp che chìa khóa với chìa và sau đó ấn thẳng vào.

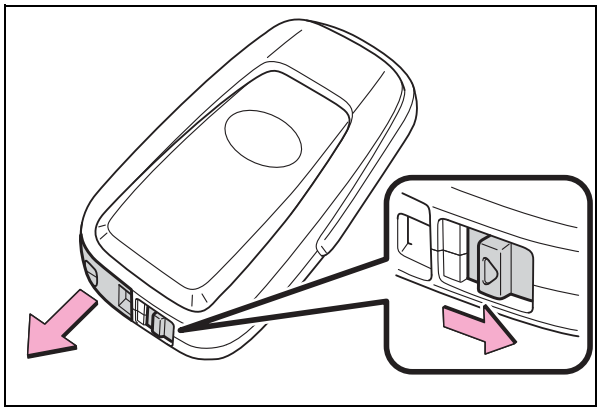
Đảm bảo nắp che chìa khóa đã được lắp chắc chắn vào và không có khe hở nào giữa nó và chìa khóa.



6 Vận hành nút hoặc và kiểm tra rằng các cửa có thể khóa hoặc mở khóa được.

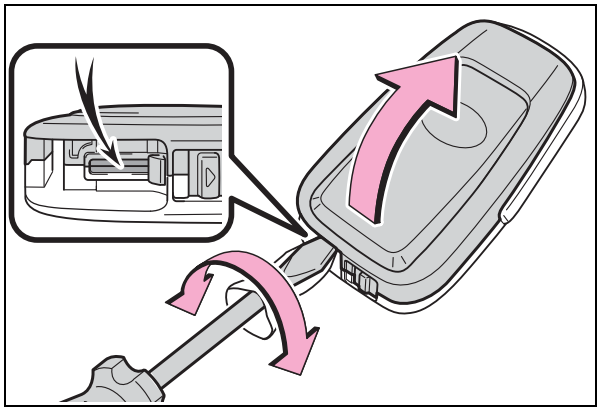
▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

1 Nhả khóa và tháo chìa khóa cơ ra.



2 Tháo nắp che chìa khóa.

Để tránh làm hỏng chìa khóa, hãy dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.

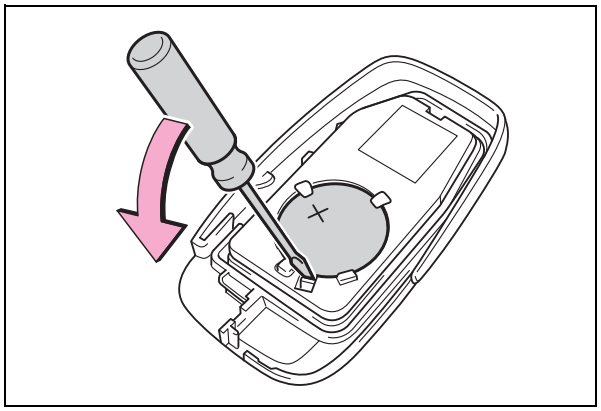


3 Sử dụng tô vít đầu dẹt để tháo pin đã hết điện ra.

Khi tháo nắp che, mô đun chìa khóa điện tử có thể bị kẹt vào nắp che và bạn không thể nhìn thấy pin chìa khóa. Trong trường hợp đó, hãy tháo mô đun chìa khóa điện tử ra để tháo pin.

Lắp pin mới vào với cực "+" hướng

lên trên.



4 Khi lắp nắp che chìa khóa và chìa khóa cơ, hãy tiến hành bước 2 và 1 theo hướng ngược lại.

5 Vận hành nút hoặc và kiểm tra rằng các cửa có thể khóa hoặc mở khóa được.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý đối với ắc quy**

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không được nuốt pin. Nếu không, có thể sẽ gây bỏng.
- Pin kiểu đồng xu hoặc kiểu khuy áo được sử dụng trong điều khiển từ xa/chìa khóa điện tử. Nếu nuốt phải pin, có thể xảy ra bỏng do phản ứng hóa học trong ít nhất 2 giờ, có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.
- Hãy để pin mới hoặc pin đã tháo ra khỏi tầm tay của trẻ em.
- Nếu không thể đóng chắc được nắp, thì không sử dụng điều khiển từ xa/chìa khóa điện tử nữa và cất chìa khóa ở nơi mà trẻ em không thể với tới được, sau đó liên hệ với đại lý của Toyota.

⚠ CẢNH BÁO

- Nếu vô tình nuốt phải pin hoặc để pin lọt vào trong cơ thể người, hãy đi khám bác sỹ ngay lập tức.

n **Để tránh gây nổ ắc quy hoặc rò rỉ dung dịch hoặc khí có thể gây cháy**

- Hãy thay pin mới cùng loại. Nếu sử dụng sai loại pin, có thể gây nổ.
- Không được để pin ở những nơi có áp suất rất thấp do độ cao hoặc nhiệt độ rất cao.
- Không được đốt, đập vỡ hoặc cắt pin.

n **Các lưu ý đối với pin lithium**

CHÚ Ý
THAY PIN KHÔNG ĐÚNG LOẠI CĨ THỂ GÂY RA CHÁY NỔ
HÃY TIÊU HỦY PIN ĐÃ QUA SỬ DỤNG THEO CÁC HƯỚNG DẪN

⚠ CHÚ Ý

n **Khi thay ắc quy**

Sử dụng tô vít đầu dẹt có cỡ phù hợp. Tác dụng lực quá lớn sẽ làm biến dạng hoặc làm hỏng nắp.

n **Để hệ thống làm việc bình thường sau khi thay pin**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để tránh xảy ra tai nạn:

- Luôn luôn giữ tay khô ráo khi làm việc.
  Hơi ẩm có thể làm cho pin bị han rỉ.
- Không chạm vào hoặc thay đổi vị trí của các chi tiết bên trong điều khiển từ xa.
- Không được bẻ cong các điện cực pin.

n **Khi tháo nắp che pin (xe có hệ thống mở khoá và khởi động thông minh)**

Không được tháo mạnh nắp che pin, nếu không mức có thể bị hư hỏng.
Nếu khó tháo nắp che pin chìa khóa, hãy cạy vào mép để tháo nó.

Kiểm tra và thay cầu chì

Nếu một trong các thiết bị điện không làm việc thì có thể đã có một cầu chì nào đó bị cháy. Trong trường hợp này, hãy kiểm tra và thay thế cầu chì nếu cần thiết.

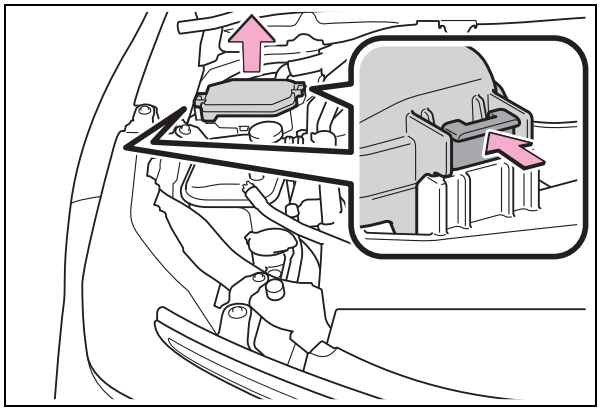
Kiểm tra và thay cầu chì

1 Tắt công tắc động cơ.

2 Mở nắp hộp cầu chì.

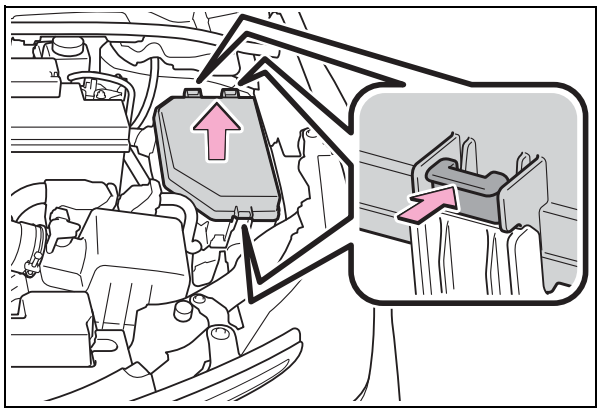
▶ Khoang động cơ: Hộp cầu chì kiểu A

Ấn vào lẫy và nâng nắp hộp cầu chì lên.



▶ Khoang động cơ: Hộp cầu chì kiểu B

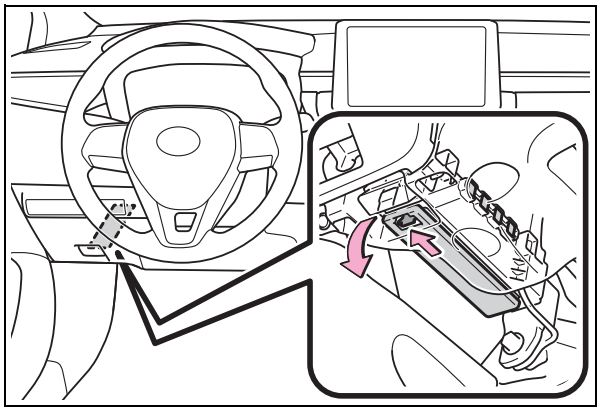
Ấn vào lẫy và nâng nắp hộp cầu chì lên.



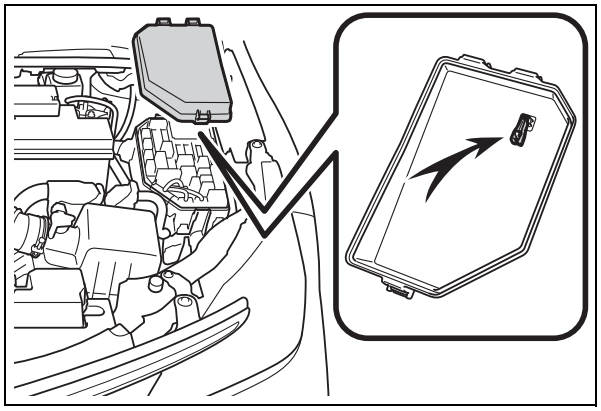
▶ Dưới bảng táp lô phía người lái

Tháo nắp che.

Chắc chắn phải ấn vấu vào khi tháo/lắp nắp đậy.



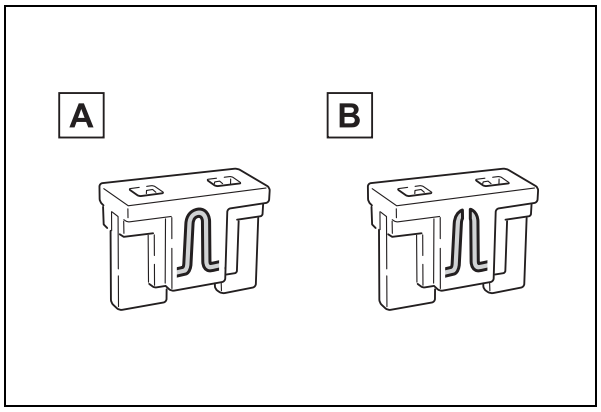
3 Tháo cầu chì bằng dụng cụ tháo cầu chì.
Chỉ có thể tháo cầu chì kiểu A bằng dụng cụ tháo cầu chì.



4 Hãy kiểm tra xem cầu chì có bị cháy không.

Hãy thay cầu chì bị cháy bằng cầu chì mới có cường độ dòng phù hợp. Bạn có thể tìm thấy chỉ số dòng của cầu chì trên nắp hộp cầu chì.

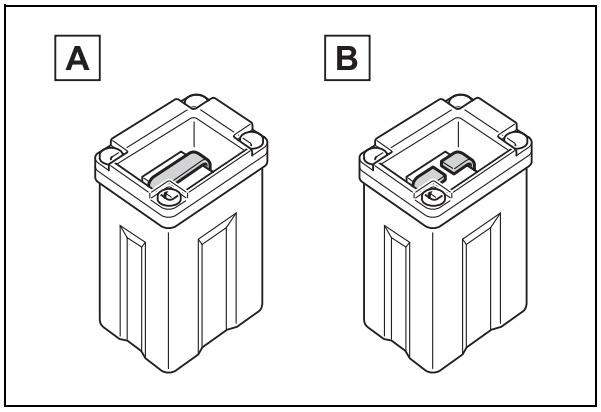
▶ Kiểu A



A Cầu chì bình thường

B Cầu chì bị cháy

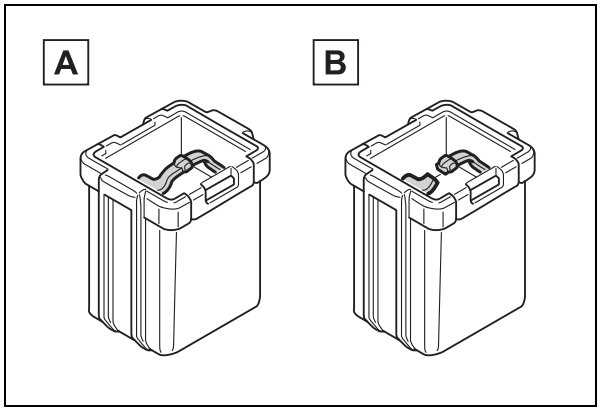
▶ Kiểu B



A Cầu chì bình thường

B Cầu chì bị cháy

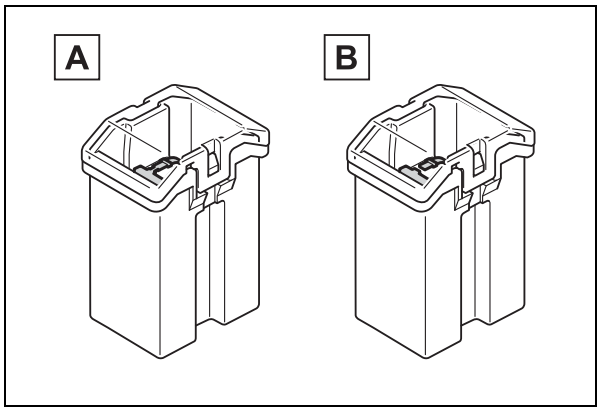
▶ Kiểu C



A Cầu chì bình thường

B Cầu chì bị cháy

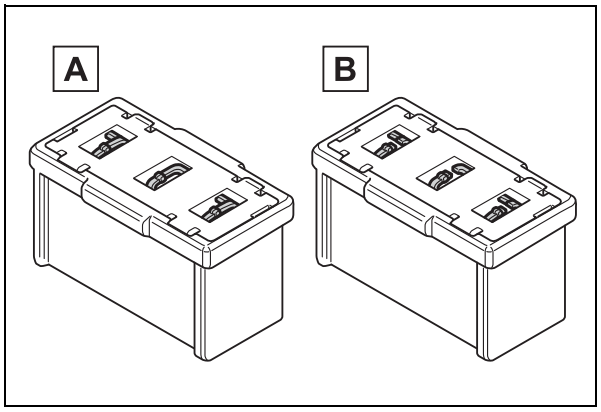
▶ Kiểu D



A Cầu chì bình thường

B Cầu chì bị cháy

▶ Kiểu E



A Cầu chì bình thường

B Cầu chì bị cháy

n **Sau khi thay cầu chì**

l Khi lắp nắp, chắc chắn rằng tai hãm đã được lắp chính xác.

l Nếu các đèn không sáng sau khi thay cầu chì, thì có thể một bóng đèn nào đó cần phải thay thế. (→P.326)

l Nếu cầu chì lại bị cháy, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n **Nếu mạch điện bị quá tải**

Các cầu chì được thiết kế để bị cháy để bảo vệ các dây điện bên trong khỏi bị hỏng.

n **Khi thay bóng đèn**

Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng các sản phẩm chính hiệu của Toyota trên xe này.
Vì bóng đèn nhất định được nối với mạch đã được thiết kế để chống quá tải, sản phẩm không chính hiệu không được thiết kế cho xe này có thể không sử dụng được.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để tránh làm hư hỏng hệ thống và gây ra cháy xe**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không có thể hư hỏng cho xe, dẫn đến hỏa hoạn hoặc bị thương.

l Không bao giờ sử dụng cầu chì có cường độ dòng lớn hơn quy định, hoặc sử dụng các vật khác thay cho cầu chì.

l Luôn luôn sử dụng cầu chì chính hiệu của Toyota hoặc tương đương.
Không bao giờ được thay thế cầu chì bằng dây điện, kể cả trong trường hợp thay tạm.

l Không sửa đổi các cầu chì hoặc hộp cầu chì.

⚠ CHÚ Ý

n **Trước khi thay cầu chì**

Hãy xác định nguyên nhân hư hỏng và tiến hành sửa chữa tại đại lý Toyota càng sớm càng tốt.

Bóng đèn

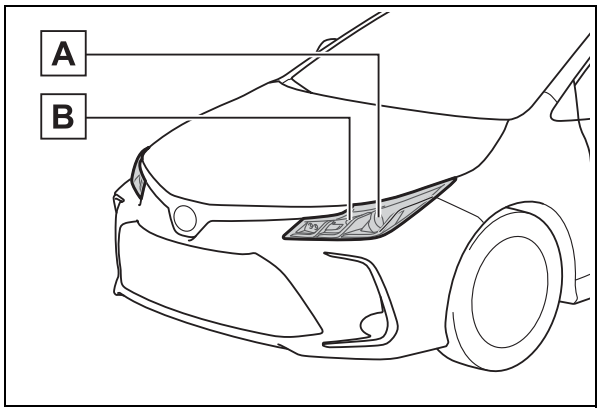
Bạn có thể tự thay thế một số loại bóng đèn sau. Tùy thuộc vào loại bóng đèn mà thao tác có thể sẽ khó khăn hoặc đơn giản. Để tránh làm hỏng các thiết bị, chúng tôi khuyên bạn nên cho thay bóng đèn ở đại lý Toyota.

Chuẩn bị để thay thế bóng đèn

Kiểm tra công suất của bóng đèn cần thay. (→P.385)

Vị trí bóng đèn

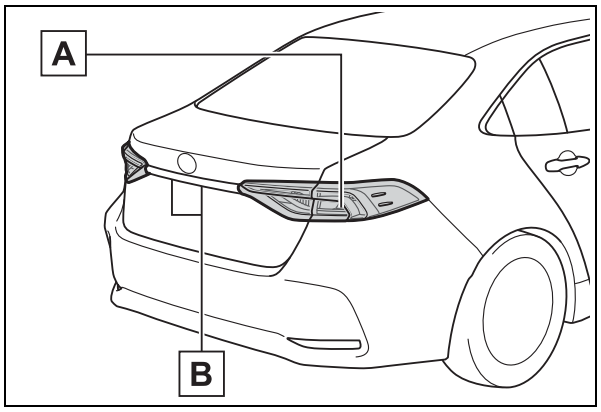
n **Phía trước**



A Đèn pha (kiểu bóng)

B Đèn xi nhan phía trước (kiểu bóng)

n **Phía sau**



A Đèn xi nhan sau (kiểu bóng)

B Đèn soi biển số

n **Những bóng đèn cần phải được thay thế tại Đại lý Toyota**

- Đèn pha (kiểu đèn LED)
- Đèn chiếu sáng ban ngày/đèn vị trí phía trước
- Đèn xi nhan trước (kiểu đèn LED)
- Đèn sương mù phía trước (nếu có)
- Đèn xi nhan bên
- Đèn phanh
- Đèn hậu
- Đèn lùi
- Đèn sương mù phía sau (nếu có)
- Đèn phanh trên cao
- Đèn xi nhan phía sau (kiểu đèn LED)

n **Bóng đèn LED**

Các đèn khác với các đèn pha (kiểu bóng), đèn xi nhan trước (kiểu bóng), đèn xi nhan sau (kiểu bóng) và đèn soi biển số bao gồm nhiều đèn LED.

Nếu có bất kỳ một bóng đèn LED nào đó bị cháy, hãy mang xe đến Đại lý Toyota để thay thế.

n **Khi có nước đọng bên trong kính đèn**

Nếu hơi nước chỉ đọng tạm thời bên trong kính đèn pha thì đó cũng là hiện tượng bình thường. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để có thêm thông tin khi gặp các tình trạng sau:

l Khi có giọt nước lớn đọng lại bên trong kính đèn.

l Nước đọng lại bên trong đèn pha.

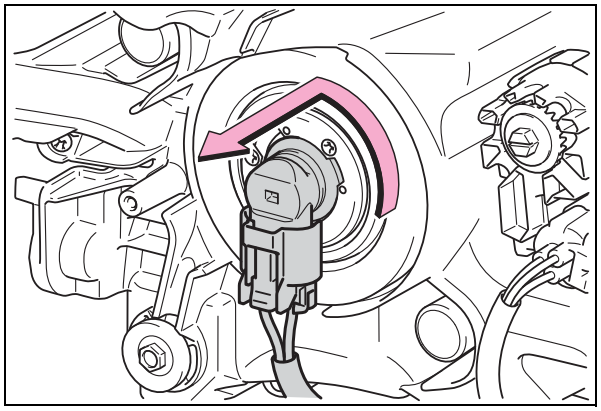
n **Khi thay bóng đèn**

→P.325

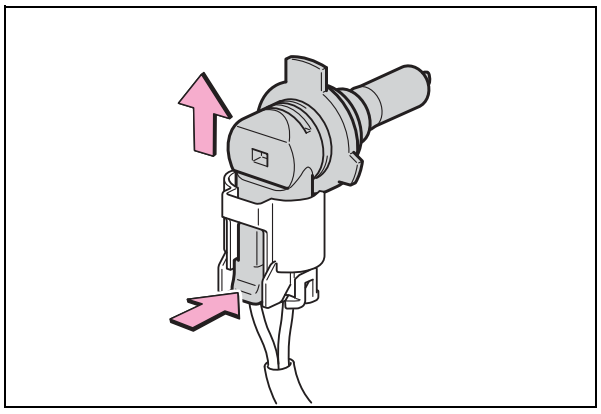
Thay bóng đèn

n **Đèn pha (kiểu bóng)**

1 Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.

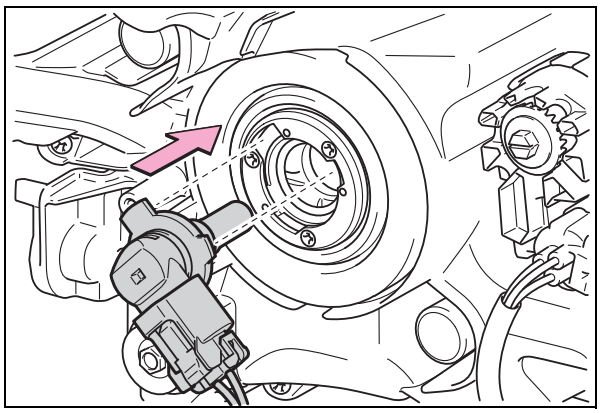


2 Tháo bóng đèn ra trong khi ấn vào lẫy nhả khóa của giắc cắm.



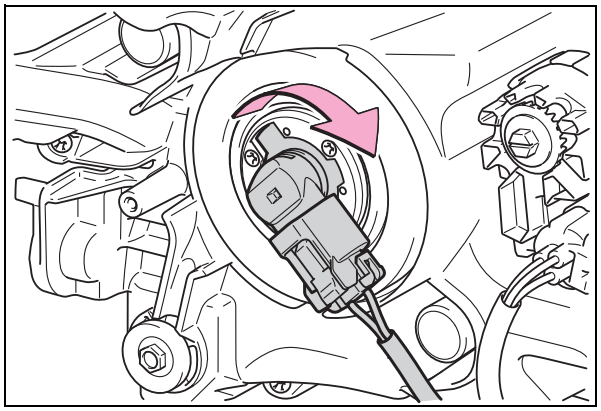
3 Thay bóng đèn và lắp đui đèn.

Gióng thẳng 3 tai bắt của đui đèn vào rãnh khuyết của đui đèn, sau đó cắm đui đèn vào.



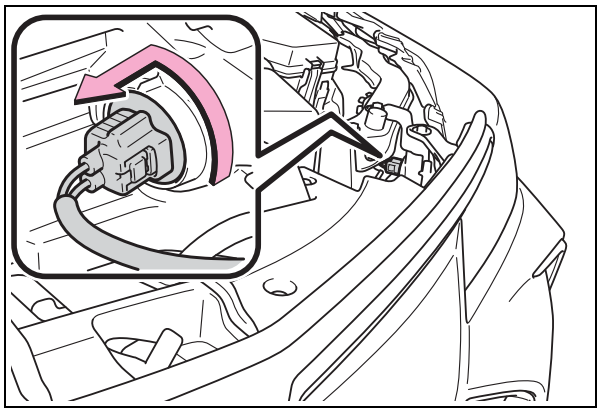
4 Vặn và cố định đui đèn.

Lắc nhẹ đui đèn để kiểm tra xem đui đèn có bị lỏng không, bật đèn pha một lần và quan sát chắc chắn rằng không có ánh sáng nào lọt qua rãnh khuyết.

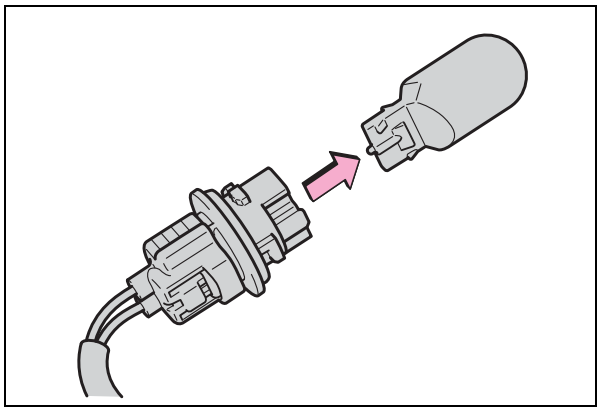


n **Đèn xi nhan phía trước (kiểu bóng)**

1 Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.



2 Tháo bóng đèn.



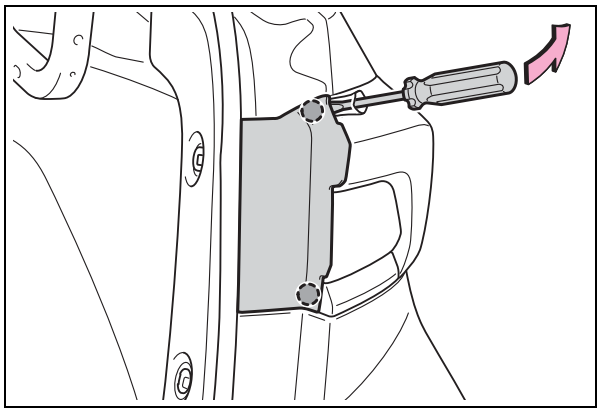
3 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

n Đèn xi nhan sau (kiểu bóng)

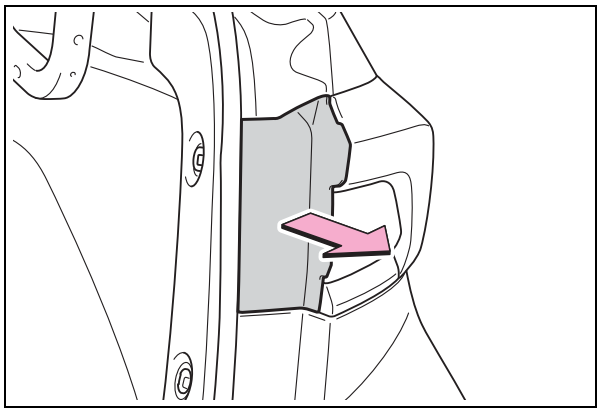
1 Mở nắp khoang hành lý.

2 Cắm tô vít đầu dẹt vào giữa nắp và cụm đèn và nạy nắp ở vài vị trí như trên hình vẽ để nhả khớp các vấu (chỉ ra bằng đường nét đứt).

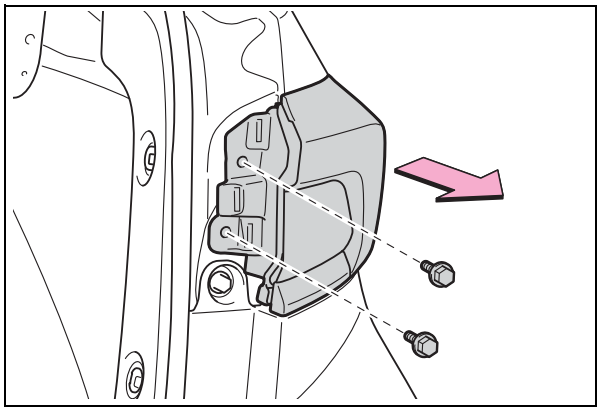
Để tránh làm xước xe, hãy dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.



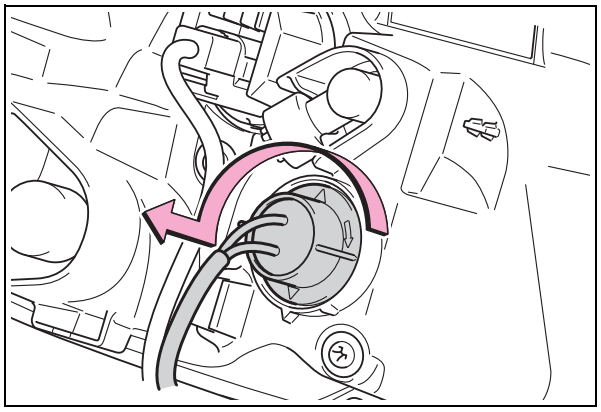
3 Hãy kéo nắp hướng về phía sau xe để tháo nó ra.



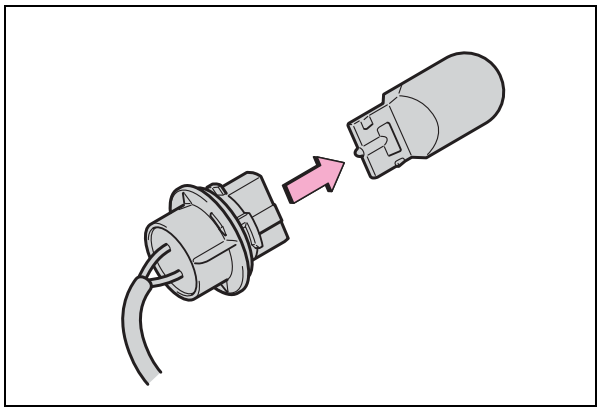
4 Tháo 2 vít và sau đó tháo cụm đèn bằng cách kéo thẳng ra.



5 Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.



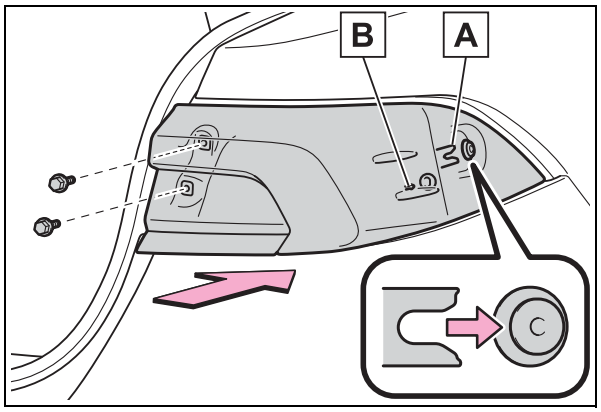
6 Tháo bóng đèn.



7 Khi lắp bóng đèn, hãy lắp nó bằng thực hiện bước 6 và bước 5 theo chiều ngược lại.

8 Lắp cụm đèn và sau đó lắp 2 vít.

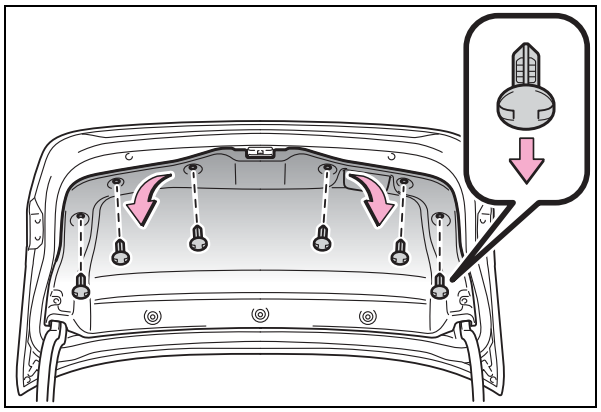
Gióng thẳng các dẫn hướng A và chốt B trên đèn với mấu lắp khi lắp nó.



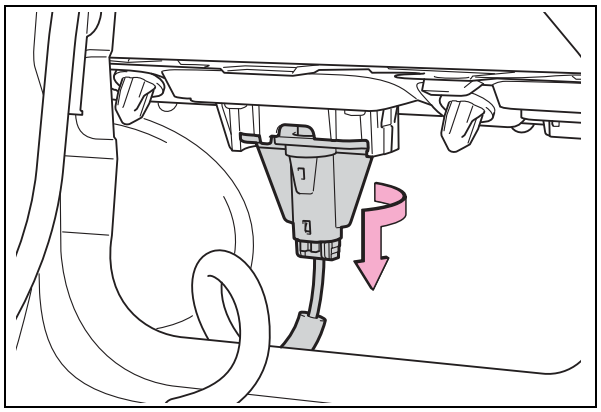
9 Lắp nắp che.

n **Đèn soi biển số**

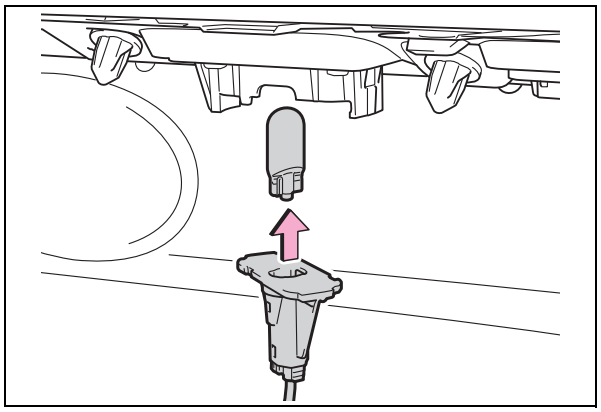
1 Mở nắp khoang hành lý, tháo các kẹp và tháo nắp che.



2 Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.



3 Tháo bóng đèn.



4 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

⚠ CẢNH BÁO

n **Thay bóng đèn**

l Hãy tắt đèn. Không thay bóng đèn ngay sau khi tắt đèn. Bóng đèn có thể rất nóng và có thể làm bạn bị bỏng.

l Không chạm vào phần kính của bóng đèn bằng tay trần. Khi bắt buộc phải giữ vào phần kính của bóng đèn, hãy sử dụng và giữ bằng một khăn khô sạch để tránh hơi ẩm và dầu dính lên bóng đèn. Hơn nữa, nếu bóng đèn bị trầy xước hoặc bị đánh rơi, nó có thể sẽ bị cháy hoặc vỡ.

l Hãy lắp chắc chắn các bóng đèn và các chi tiết đi kèm để đảm bảo rằng bóng đèn đã được lắp một cách chắc chắn. Nếu không, có thể sẽ gây ra hư hỏng do nhiệt độ cao, hỏa hoạn hoặc do nước lọt vào các chi tiết của đèn. Nó có thể sẽ làm hỏng đèn hoặc gây ra tình trạng ngưng tụ hơi nước bên trong bóng đèn.

n **Để tránh hư hỏng hoặc hỏa hoạn**

Hãy đảm bảo rằng các bóng đèn đã được gài hết cỡ và được khóa chắc lại.

7-1. Những thông tin thiết yếu

Đèn nháy khẩn cấp.....332

Nếu cần dừng xe trong trường hợp khẩn cấp.....332

Nếu xe bị ngập nước hoặc nước trên đường đang dâng lên 334

7-2. Các bước xử lý khi gặp trường hợp khẩn cấp

Nếu xe cần được kéo.....335

Nếu có điều gì đó bất thường.....339

Hệ thống cắt bơm nhiên liệu 340

Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc chuông báo kêu 341

Nếu một thông điệp cảnh báo được hiển thị 353

Nếu xe bị xịt lốp 355

Nếu động cơ không khởi động được 363

Nếu bạn đánh mất chìa khóa 364

Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác 365

Nếu ắc quy bị hết điện....367

Nếu xe quá nhiệt.....370

Nếu xe bị sa lầy 372

Đèn nháy khẩn cấp

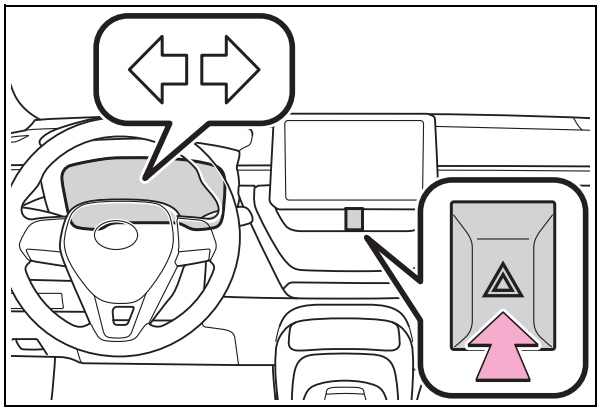
Đèn nháy khẩn cấp được sử dụng để cảnh báo cho các lái xe khác khi xe bạn cần dừng trên đường do bị hỏng…

Hướng dẫn thao tác

Hãy ấn công tắc này.

Tất cả các đèn xi nhan sẽ nháy.

Để tắt đèn nháy khẩn cấp, hãy ấn công tắc này một lần nữa.



n **Đèn nháy khẩn cấp**

- Ắc quy có thể sẽ bị hết điện nếu bạn bật đèn nháy khẩn cấp trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động, ắc quy có thể phóng điện.
- Nếu có bất kỳ túi khí nào bị nổ hoặc trong trường hợp va chạm mạnh từ phía sau, các đèn nháy khẩn cấp sẽ bật tự động.
  Các đèn nháy khẩn cấp sẽ tự động tắt sau khoảng 20 phút. Để tắt đèn nháy khẩn cấp bằng tay, hãy ấn công tắc 2 lần.
  (Các đèn nháy khẩn cấp có thể không bật tự động tùy vào lực tác động và tình trạng va chạm.)

Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp

Chỉ trong trường hợp khẩn cấp, khi không thể dừng xe theo cách thông thường, hãy dừng xe theo quy trình sau:

Dừng xe

1 Bình tĩnh đặt cả hai chân lên bàn đạp phanh và đạp mạnh bàn đạp phanh xuống.

Không nhấp phanh nhiều lần vì nó sẽ làm tăng lực đạp phanh cần thiết để giảm tốc độ xe.

2 Chuyển cần số sang vị trí N.

▶ Nếu chuyển được cần số đến vị trí N

3 Sau khi giảm tốc, hãy dừng xe ở vị trí an toàn trên đường.

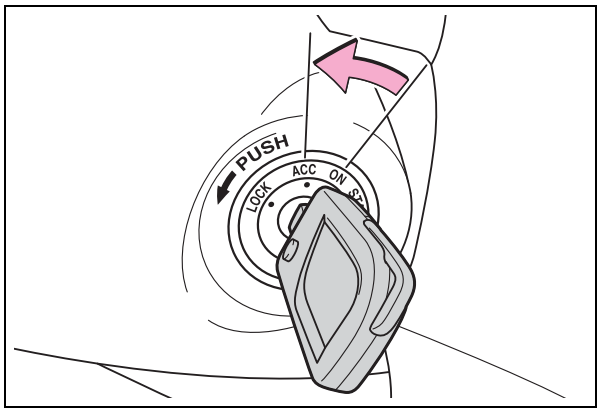
4 Tắt động cơ.

▶ Nếu không chuyển được cần số đến vị trí N

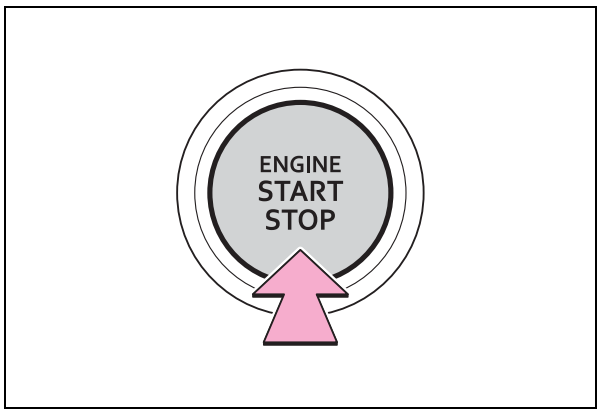
3 Hãy đạp bàn đạp phanh bằng cả hai chân để giảm tốc độ xe càng nhiều càng tốt.

4 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Dừng động cơ bằng

cách chuyển công tắc động cơ đến ACC.



4 Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Để tắt động cơ, hãy ấn và giữ công tắc động cơ trong 2 giây trở lên hoặc ấn công tắc động cơ liên tiếp 3 lần trở lên.



5 Hãy dừng xe ở vị trí an toàn trên đường.

⚠ CẢNH BÁO

n **Nếu cần phải tắt động cơ trong khi lái xe**

l Hệ thống trợ lực lái và trợ lực phanh sẽ bị mất, dẫn đến lực đạp phanh và lực quay vô lăng sẽ nặng hơn. Hãy giảm tốc độ xe càng nhiều càng tốt trước khi tắt động cơ.

l Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Không được rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa, nếu không vô lăng sẽ bị khóa lại.

Nếu xe bị ngập nước hoặc nước trên đường đang dâng lên

Xe này không được thiết kế để lái trên đường bị ngập nước sâu. Không được lái xe trên đường đang bị ngập nước hoặc nước đang dâng lên. Sẽ rất nguy hiểm khi vẫn ngồi trên xe, nếu biết trước rằng xe sẽ bị ngập nước hoặc sẽ bị trôi xe. Hãy bình tĩnh và tuân theo hướng dẫn sau.

- Nếu trường hợp có thể mở được cửa, hãy mở cửa và rời khỏi xe.
- Nếu trường hợp không có thể mở được cửa, hãy mở cửa sổ bằng cách sử dụng công tắc cửa sổ điện và ra khỏi xe qua đường cửa sổ.
- Nếu có thể mở được cửa sổ, hãy rời khỏi xe qua cửa sổ.
- Nếu không mở được cửa và cửa sổ do nước đang dâng cao, hãy bình tĩnh, đợi cho đến khi mực nước bên trong xe dâng lên đến mức áp lực nước bên trong xe bằng áp lực nước bên ngoài xe rồi mới mở cửa xe, sau khi đợi nước tràn vào xe rồi mới thoát ra ngoài.

Khi mực nước bên ngoài cao hơn một nửa chiều cao của cửa xe, thì sẽ không thể mở cửa từ bên trong xe do áp lực của nước.

n Nếu mức nước vượt quá chiều cao sàn xe

Nếu mức nước vượt quá sàn xe, sau một khoảng thời gian, các thiết bị điện sẽ bị hỏng, và không thể điều khiển được các cửa sổ điện, động cơ và mô tơ sẽ ngừng hoạt động, và không thể điều khiển được xe.

n Sử dụng búa thoát hiểm khẩn cấp*

Kính nhiều lớp được sử dụng cho kính chắn gió trên xe.
Kính nhiều lớp này không thể đập vỡ được bằng búa thoát hiểm*.
Kính an toàn được sử dụng cho các cửa sổ trên xe.

*: Hãy liên hệ với Đại lý Toyota hoặc nhà sản xuất phụ kiện để tìm hiểu thêm thông tin về búa thoát hiểm.

⚠ CẢNH BÁO

n Chú ý khi lái xe

Không được lái xe trên đường đang bị ngập nước hoặc nước đang dâng lên. Nếu không, xe có thể bị hư hỏng và không thể lái đi được, cũng như có thể bị ngập nước và bị trôi xe, dẫn đến tử vong.

Nếu xe cần được kéo

Nếu xe bạn cần được kéo, chúng tôi khuyến nghị nên yêu cầu đại lý Toyota hoặc dịch vụ cứu hộ, sử dụng xe tải có giá nâng bánh hoặc xe tải sàn phẳng để kéo.

Hãy sử dụng hệ thống cáp kéo đảm bảo an toàn, phù hợp với các quy định của quốc gia và địa phương.

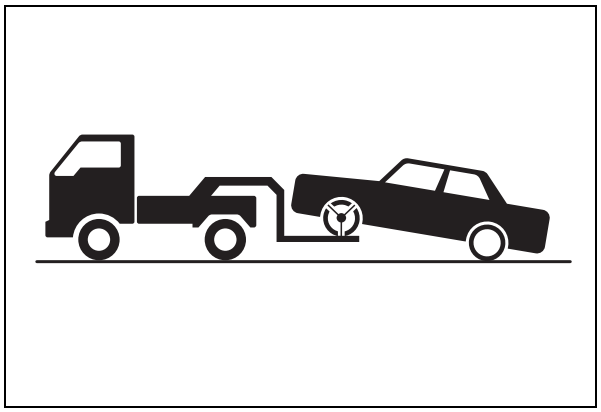
Những trường hợp cần liên hệ với đại lý trước khi kéo xe

Những triệu chứng sau báo hiệu đã có sự cố trong hộp số của xe bạn. Hãy liên hệ với đại lý Toyota trước khi tiến hành kéo xe.

- Khi động cơ đang hoạt động, nhưng xe không di chuyển được.
- Khi có tiếng ồn bất thường phát ra từ xe.

Kéo bằng xe kéo kiểu có giá nâng bánh xe

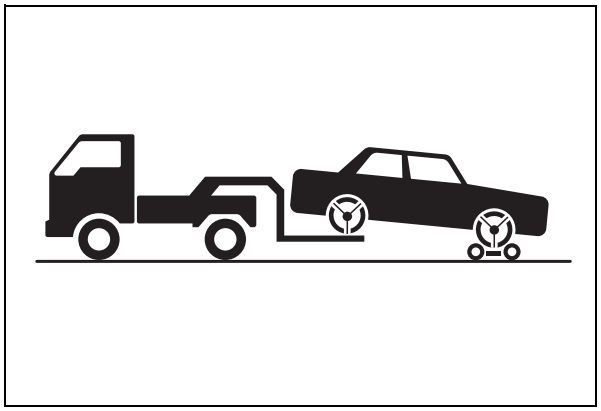
▶ Kéo từ phía trước



Nhả phanh đỗ.

Xe có phanh đỗ điều khiển điện: Tắt chế độ tự động. (→P.158)

▶ Kéo từ phía sau



Sử dụng con lăn để đỡ phía dưới các bánh trước.

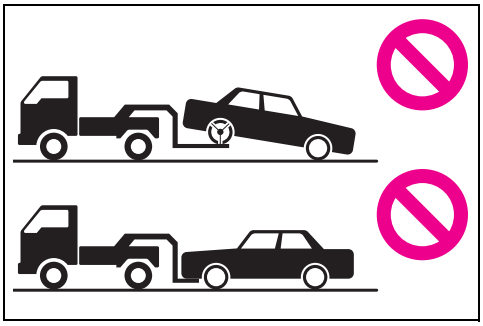
⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CẢNH BÁO

n **Khi kéo xe**

Hãy vận chuyển xe với các bánh trước hoặc bốn bánh được nhấc lên khỏi mặt đất. Nếu xe được kéo với các bánh trước tiếp đất, thì hệ thống truyền lực và các chi tiết liên quan có thể bị hỏng.



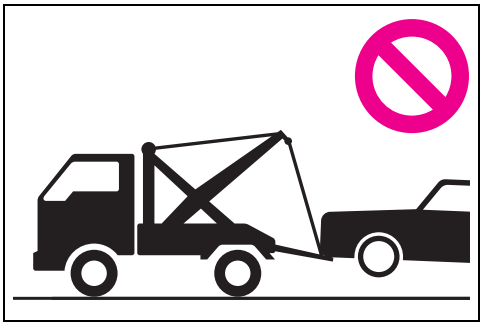
CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng xe khi kéo xe bằng xe kéo kiểu có giá nâng bánh xe**

- Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Không được kéo xe từ phía sau khi công tắc động cơ ở vị trí “LOCK”. hoặc đã rút chìa khóa ra Cơ cấu khóa vô lăng không đủ chắc chắn để giữ cho các bánh trước hướng thẳng.
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Không kéo xe từ phía sau khi công tắc động cơ được tắt.
- Khi nâng xe lên, hãy đảm bảo khoảng sáng gầm xe ở đầu đối diện với đầu được nâng lên. Nếu khoảng sáng gầm xe không đủ, xe có thể sẽ bị hư hỏng trong khi kéo.

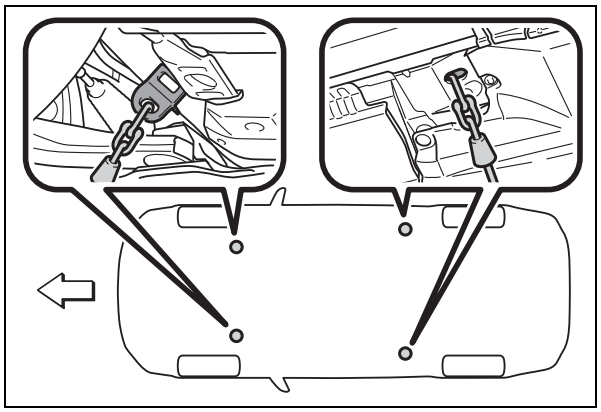
n **Kéo xe bằng xe kéo có móc treo**

Không kéo xe bằng xe kéo có móc treo để tránh làm hỏng thân xe.

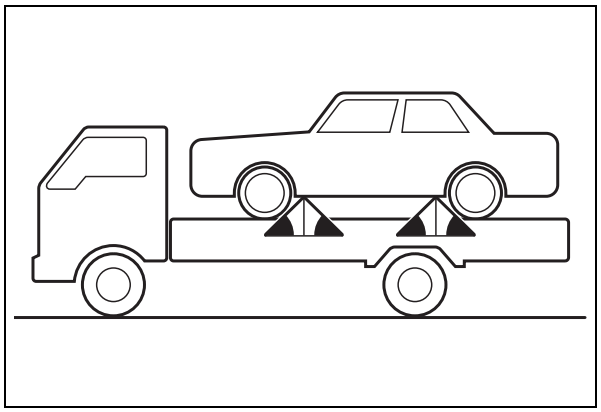


Sử dụng xe tải sàn phẳng để kéo

Nếu vận chuyển xe bằng xe tải sàn phẳng, thì nó phải được cố định chắc chắn tại những vị trí như trên hình vẽ.



Nếu bạn sử dụng xích hoặc cáp để cố định xe, thì góc nghiêng của cáp hoặc xích so với sàn phải là 45°.



Nếu bạn không thể buộc xe bằng phương pháp trên, hãy dùng đai buộc lốp xe.

> ⚠ CHÚ Ý
>
> n **Sử dụng xe tải sàn phẳng để kéo**
>
> Không buộc xe chặt quá mức hoặc xe sẽ có thể bị hư hỏng.

Kéo xe khẩn cấp

Nếu trường hợp khẩn cấp mà không có dịch vụ xe tải cứu hộ, bạn có thể tạm thời cho kéo xe bằng dây cáp hoặc xích bằng cách gắn vào móc kéo xe khẩn cấp. Chỉ được thực hiện biện pháp kéo này trên mặt đường cứng, với một quãng đường ngắn ở tốc độ dưới 30 km/h.

Người lái phải ở bên trong xe để điều khiển vô lăng và điều khiển phanh. Các bánh xe, hệ thống truyền lực, cầu xe, hệ thống lái và hệ thống phanh phải ở tình trạng tốt.

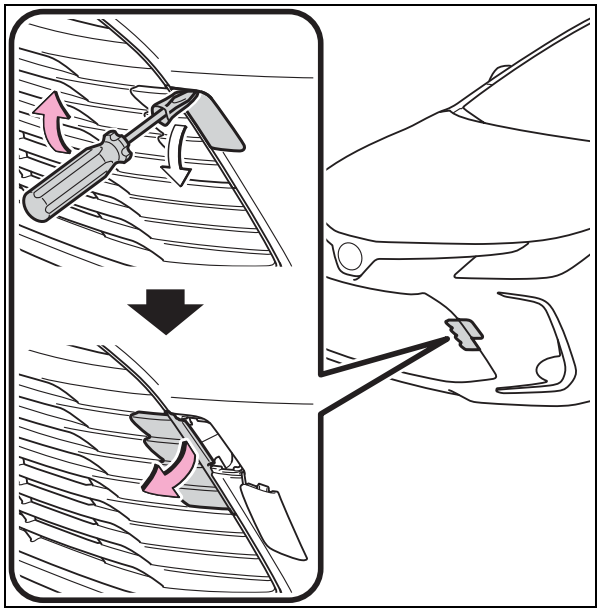
Quy trình kéo xe khẩn cấp

Khi được kéo bởi xe khác, móc kéo phải được lắp bên phía xe bạn. Hãy lắp móc kéo bằng quy trình sau.

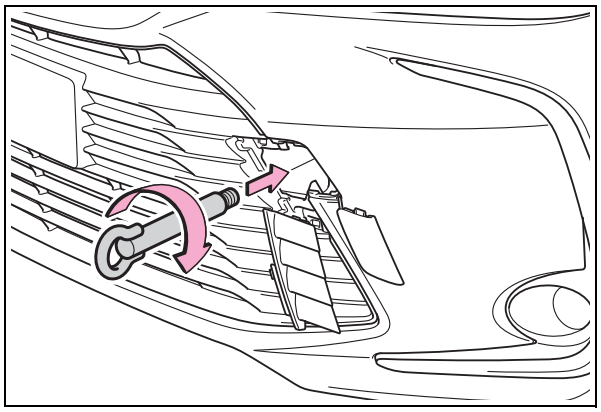
1 Lấy cờ lê vặn đai ốc lốp, tô vít đầu dẹt và móc kéo xe. (→P.355)

2 Sử dụng tô vít đầu dẹt để tháo nắp che móc kéo xe.

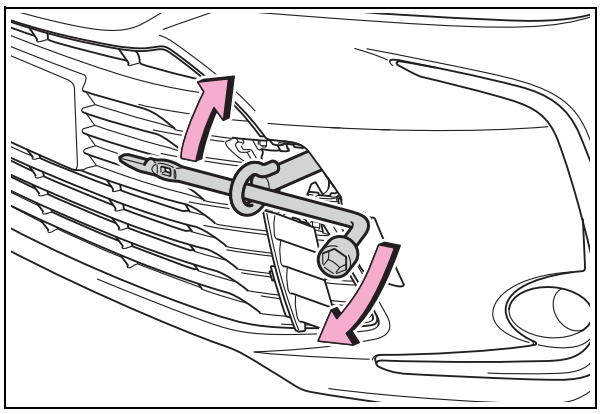
Để bảo vệ thân xe, hãy kê giẻ vào giữa tô vít và thân xe như trong hình vẽ.



3 Lắp móc kéo xe vào trong lỗ và xiết chặt từng phần bằng tay.



4 Xiết chặt móc kéo xe bằng cờ lê đai ốc lốp hoặc thanh kim loại.



5 Lắp chắc chắn dây cáp hoặc xích với móc kéo.

Hãy cẩn thận để tránh làm hỏng thân xe.

6 Vào xe đang được kéo và khởi động động cơ.

Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Nếu động cơ chưa được khởi động, hãy bật công tắc động cơ đến vị trí "ON".

Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Nếu động cơ chưa được khởi động, hãy bật công tắc động cơ đến ON.

7 Hãy chuyển cần số đến vị trí N và nhả phanh đỗ.

Xe có phanh đỗ điều khiển điện: Tắt chế độ tự động. (→P.159)

Khi không chuyển được cần số: →P.154

n **Khi kéo xe**

Khi động cơ không hoạt động, hệ thống trợ lực phanh và trợ lực lái cũng sẽ không hoạt động, vì vậy các thao tác phanh và lái sẽ thực hiện khó khăn hơn bình thường.

n **Cờ lê đai ốc lốp**

Cờ lê đai ốc lốp được để trong khoang hành lý. (→P.355)

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi kéo xe**

l Khi kéo xe bằng cáp hoặc xích, tránh khởi hành đột ngột… để tránh tác dụng lực quá mạnh lên móc kéo, cáp hoặc xích. Các móc kéo, cáp hoặc xích có thể bị hỏng, đứt và va vào người, dẫn đến hư hỏng nghiêm trọng.

l Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Không được chuyển công tắc động cơ về vị trí “LOCK”.
Nếu không, vô lăng có thể bị khóa lại và không thể điều khiển được xe.

l Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Không được tắt công tắc động cơ.

n **Lắp móc kéo xe lên xe**

Chắc chắn rằng móc kéo đã được lắp chắc chắn.
Nếu lắp không chính xác, các móc kéo có thể bị lỏng trong khi kéo.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng xe trong khi kéo xe khẩn cấp**

Không cố định cáp hoặc xích vào các chi tiết của hệ thống treo.

Nếu có điều gì đó bất thường

Nếu bạn phát hiện ra một trong các triệu chứng sau, thì rất có thể xe của bạn sẽ cần phải điều chỉnh hoặc sửa chữa. Hãy liên lạc với đại lý Toyota của bạn càng sớm càng tốt.

Những triệu chứng có thể quan sát được

- Có dung dịch rò rỉ dưới gầm xe.
  (Nhưng nước rỉ ra từ hệ thống điều hòa sau khi sử dụng là hiện tượng bình thường.)
- Lốp xe bị xịt hoặc mòn không đều
- Xe có màn hình hỗ trợ lái xe: Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát động cơ cao sáng.
- Xe có màn hình đa thông tin: Kim của đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ liên lục chỉ báo cao hơn mức bình thường.

Những triệu chứng có thể nghe thấy được

- Tiếng khí xả khác thường
- Lốp xe rít lên khi vào cua
- Có tiếng ồn lạ liên quan tới hệ thống treo
- Tiếng gõ hoặc tiếng ồn khác có liên quan tới động cơ

Các triệu chứng khi lái xe

- Bỏ máy, động cơ rung hoặc giật
- Công suất động cơ giảm rõ rệt
- Xe bị lệch hẳn về một phía khi phanh
- Xe bị lệch hẳn về một phía khi lái xe trên đường phẳng
- Hiệu quả phanh giảm, có cảm giác hẫng, bàn đạp gần như chạm vào sàn xe

Hệ thống cắt bơm nhiên liệu

Để giảm thiểu nguy cơ bị rò rỉ nhiên liệu khi động cơ chết máy hoặc khi túi khí nổ do va chạm, hệ thống cắt bơm nhiên liệu sẽ hoạt động để ngừng cấp nhiên liệu tới động cơ.

Khởi động lại động cơ

Hãy thực hiện theo quy trình sau để khởi động lại động cơ sau khi hệ thống cắt bơm nhiên liệu đã được kích hoạt.

1 Chuyển công tắc động cơ tới vị trí ACC hoặc OFF.

2 Khởi động lại động cơ.

⚠ CHÚ Ý

n **Trước khi khởi động động cơ**

Hãy kiểm tra phía dưới gầm xe. Nếu bạn phát hiện ra có nhiên liệu rò rỉ, hệ thống nhiên liệu đã bị hư hỏng và cần phải sửa chữa. Không được khởi động lại động cơ.

Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc chuông báo kêu

Hãy bình tĩnh thực hiện các thao tác sau nếu một trong các đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy. Nếu một đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy, nhưng sau đó tắt đi, thì đó có thể không phải là dấu hiệu hư hỏng của hệ thống. Tuy nhiên, nếu tình trạng này vẫn xảy ra, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Đặt đèn cảnh báo hoặc chuông cảnh báo

n **Đèn cảnh báo hệ thống phanh (chuông cảnh báo)**

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu đỏ)	Chỉ ra rằng: ● Mức dầu phanh thấp; hoặc ● Hệ thống phanh đang bị hư hỏng → **Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ. Sẽ rất nguy hiểm nếu tiếp tục lái xe trong điều kiện này.**

n **Đèn cảnh báo hệ thống phanh**

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu vàng) (Nếu có)	Chỉ ra rằng có lỗi trong hệ thống phanh đỗ → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n **Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát cao* (chuông cảnh báo)**

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Chỉ ra rằng nhiệt độ nước làm mát động cơ đang quá cao → **Hãy dừng xe tại một địa điểm an toàn.** **Phương pháp xử lý (→P.370)**

*: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin.

n Đèn cảnh báo hệ thống nạp*

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Chỉ báo rằng đã có hư hỏng trong hệ thống nạp của xe → **Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ.**

*: Xe có màn hình 12.3-inch: Đèn này sẽ sáng trên màn hình đa thông tin.

n Đèn cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp* (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Chỉ ra ằng áp suất dầu động cơ đang rất thấp → **Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ.**

*: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin.

n Đèn cảnh báo mức dầu động cơ thấp

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nếu có)	Chỉ ra rằng mức dầu động cơ thấp (Đèn cảnh báo này có thể sẽ xuất hiện nếu bạn dừng xe trên đường dốc. Hãy di chuyển xe tới vị trí bằng phẳng và kiểm tra xem đèn có tắt đi không. → **Kiểm tra mức dầu động cơ, và bổ sung nếu cần.(→P.305)**

n Đèn cảnh báo nhiệt độ dầu hộp số vô cấp

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nếu có)	Chỉ ra rằng nhiệt độ dầu hộp số vô cấp là quá cao → **Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ.**

n Đèn chỉ báo lỗi (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Thông báo có lỗi trong: ● Hệ thống điều khiển động cơ điện tử; ● Hệ thống điều khiển bướm ga điện tử; hoặc ● Hệ thống làm mát cho hộp số vô cấp điều khiển điện tử → **Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ.**

n Đèn cảnh báo túi khí (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Thông báo có lỗi trong: ● Hệ thống túi khí; hoặc ● Hệ thống căng đai khẩn cấp → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn cảnh báo ABS

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Thông báo có lỗi trong: ● Hệ thống ABS hoặc ● Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn cảnh báo hoạt động bàn đạp không phù hợp* (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	▶ Xe có màn hình hỗ trợ lái xe Khi đèn cảnh báo nháy: ● Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn đang bị trục trặc ● Điều khiển dẫn động-khởi động đang bị hư hỏng → **Hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe ngay lập tức.** Khi đèn cảnh báo sáng: ● Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn đang hoạt động. ● Điều khiển dẫn động khởi động đang hoạt động → **Nhả bàn đạp ga và đạp bàn đạp phanh.** ▶ Xe có màn hình đa thông tin Khi chuông báo cũng kêu: ● Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn đang bị trục trặc ● Điều khiển dẫn động-khởi động đang bị hư hỏng ● Điều khiển dẫn động khởi động đang hoạt động → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.** Khi chuông không kêu: Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn đang hoạt động. → **Nhả bàn đạp ga và đạp bàn đạp phanh.**

*: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin.

n Đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu đỏ) hoặc  (Màu vàng)	Chỉ ra rằng có lỗi trong hệ thống EPS (hệ thống lái trợ lực điện) → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn chỉ báo hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy màu vàng trong 15 giây) (Nếu có)	Chỉ báo rằng đã có hư hỏng trong hệ thống mở khóa và khởi động thông minh → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn cảnh báo cửa mở (chuông cảnh báo)*

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nếu có)	Chỉ báo rằng cửa xe hoặc nắp khoang hành lý chưa được đóng chặt. → **Hãy kiểm tra xem các cửa xe và nắp khoang hành lý đã đóng chặt chưa.**

*: Chuông cảnh báo cửa mở:

Chuông cảnh báo cửa mở sẽ kêu đểchỉ ra rằngmột hoặc nhiều cửa xe chưa được đóng chặt (với tốc độ xe đạt mức 5 km/h)

n Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Cho biết lượng nhiên liệu còn lại trong bình là khoảng từ 7,5 L trở xuống → **Hãy nạp nhiên liệu cho xe.**

n Đèn nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn (chuông cảnh báo)*

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Cảnh báo cho người lái và/hoặc hành khách phía trước thắt đai an toàn → **Thắt đai an toàn.** **Nếu có người ngồi trên ghế hành khách phía trước, cần thắt đai an toàn trên ghế hành khách phía trước để đèn cảnh báo (chuông cảnh báo) tắt.**

*: Chuông nhắc nhở người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn

Chuông nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn sẽ kêu để cảnh báo người lái và hành khách phía trước rằng đai an toàn chưa được thắt. Nếu chưa thắt đai an toàn, chuông báo sẽ kêu gián đoạn trong một thời gian

nhất định sau khi xe đạt đến tốc độ nhất định.

n Đèn nhắc thắt đai an toàn trên ghế hành khách phía sau (chuông cảnh báo)*

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nếu có)	Cảnh báo cho hành khách phía sau thắt đai an toàn của mình → **Thắt đai an toàn.**

*: Chuông báo thắt đai ghế hành khách phía sau:

Chuông nhắc nhở hành khách phía sau thắt đai an toàn sẽ kêu để báo cho hành khách phía sau biết rằng đai chưa được thắt. Nếu chưa thắt đai an toàn, chuông báo sẽ kêu gián đoạn trong một thời gian, sau khi đai an toàn được thắt và chưa được thắt và xe đạt đến tốc độ nhất định.

n Đèn cảnh báo áp suất lốp

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nếu có)	Khi đèn sáng lên sau khi nhấp nháy khoảng một phút: Có lỗi trong hệ thống cảnh báo áp suất lốp → **Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.** Khi đèn cảnh báo sáng lên: Áp suất lốp đang thấp do ● Các nguyên nhân tự nhiên ● Lốp bị xịt hơi → **Hãy dừng xe tại một địa điểm an toàn.** **Phương pháp xử lý (→P.349)**

n Chỉ báo LTA/chỉ báo LDA (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu cam) (Nếu có)	Chỉ ra có trục trặc trong LTA (Hỗ trợ bám làn đường) hoặc LDA (Cảnh báo lệch làn có hỗ trợ điều khiển lái) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin. (→P.197, 204)**

n Đèn chỉ báo OFF cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy) (Nếu có)	Chỉ ra rằng có lỗi trong hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.** Chỉ ra rằng hệ thống tạm thời không khả dụng, có thể do cảm biến đang bị bẩn hoặc bị che phủ bởi băng,… → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin. (→P.235)**

n Đèn chỉ báo OFF hệ thống RCTA (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy) (Nếu có)	Chỉ ra rằng có lỗi trong chức năng cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau (RCTA) → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.** Chỉ ra rằng cản sau xung quanh cảm biến ra-đa bị che phủ bởi bụi bẩn… (→P.229) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin. (→P.241)**

n Đèn cảnh báo PCS

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nhấp nháy hoặc sáng) (Nếu có)	Khi chuông báo kêu đồng thời. Chỉ ra có trục trặc xảy ra trong PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm). → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.** Khi chuông không kêu: PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) tạm thời không khả dụng, có thể cần đến hoạt động hiệu chỉnh. → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin. (→P.179)** Nếu PCS (hệ thống cảnh báo tiền va chạm) hoặc VSC (hệ thống điều khiển ổn định xe) bị vô hiệu hóa, đèn cảnh báo PCS sẽ sáng. → **P.187**

n Đèn chỉ báo trượt

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Thông báo có lỗi trong: ● Hệ thống VSC; ● Hệ thống TRC; hoặc ● Hệ thống điều khiển hỗ trợ khởi hành ngang dốc → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn chỉ báo phanh đỗ

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy)	Có thể là do phanh đỗ chưa được gài hoặc nhả hoàn toàn. → **Thao tác phanh đỗ một lần nữa.** Đèn cảnh báo này cũng sẽ sáng lên khi không nhả phanh đỗ. Nếu đèn cảnh báo tắt đi sau khi phanh đỗ được nhả ra hoàn toàn thì điều đó có nghĩa là hệ thống vẫn làm việc bình thường.

n Đèn chỉ báo hoạt động của chức năng giữ phanh

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy) (Nếu có)	Chỉ ra rằng có lỗi trong hệ thống giữ phanh → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Chuông cảnh báo

Trong một số trường hợp, bạn có thể sẽ không nghe thấy tiếng chuông báo do khu vực sử dụng xe quá ồn hoặc hệ thống âm thanh phát ra quá to.

n Cảm biến phát hiện hành khách phía trước, chuông cảnh báo và nhắc nhở thắt đai an toàn

- Nếu hành lý được đặt trên ghế hành khách phía trước, cảm biến phát hiện trên ghế hành khách phía trước có thể làm cho đèn cảnh báo nhấp nháy và chuông cảnh báo kêu, kể cả khi hành khách không ngồi trên ghế.
- Nếu đặt tấm đệm lót ghế lên ghế, cảm biến sẽ không xác định được là có người ngồi trên ghế hay không và đèn cảnh báo có thể không làm việc chính xác được.

n Nếu đèn chỉ báo lỗi sáng lên trong khi lái xe

Với một vài kiểu xe, đèn chỉ báo hư hỏng sẽ sáng lên nếu bình nhiên liệu bị cạn hoàn toàn. Nếu bình nhiên liệu đã cạn hoàn toàn, thì hãy nạp nhiên liệu ngay lập tức. Đèn chỉ báo hư hỏng sẽ tắt sau khi xe chạy được một vài hành trình.

Nếu đèn chỉ báo không tắt, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

n Đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện (chuông cảnh báo)

Khi nạp ắc quy không đủ, điệp áp tạm thời bị sụt xuống, đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện có thể sáng lên và chuông cảnh báo có thể kêu.

n Khi đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Kiểm tra lốp xe xem có bị thủng lốp không.

Nếu lốp xe bị thủng: →P.355

Nếu lốp xe không bị thủng:
Tắt công tắc động cơ, sau đó bật ON. Kiểm tra rằng đèn cảnh báo áp suất lốp sáng hoặc nháy.

▶ Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên sau khi nhấp nháy khoảng 1 phút

Có thể đã có lỗi trong hệ thống cảnh báo áp suất lốp. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn ngay lập tức.

▶ Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên

1 Sau khi lốp xe đã đủ nguội, hãy kiểm tra áp suất của từng lốp và điều chỉnh tới giá trị tiêu chuẩn.

2 Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp không tắt đi sau vài phút, hãy kiểm tra xem áp suất của từng lốp đã ở ngưỡng tiêu chuẩn chưa và tiến hành khởi tạo. (→P.313)

n Đèn cảnh báo áp suất lốp có thể sáng lên do một số nguyên nhân tự nhiên (xe có hệ thống cảnh báp áp suất lốp)

Đèn cảnh báo áp suất lốp có thể sáng do các nguyên nhân như lốp bị non hơi tự nhiên hoặc thay đổi áp suất lốp do nhiệt độ. Trong trường hợp này, đèn cảnh báo sẽ tắt sau khi điều chỉnh lại áp suất lốp (sau một vài phút).

n Khi thay lốp xe bằng lốp dự phòng (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Xe có lốp dự phòng loại gọn nhẹ: Lốp dự phòng loại gọn nhẹ không trang bị cảm biến áp suất lốp. Nếu lốp bị xịt, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ không tắt đi ngay cả khi thay lốp bị xịt bằng lốp dự phòng. Thay thế lốp dự phòng bằng lốp đã được sửa chữa và điều chỉnh áp suất lốp. Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ tắt sau vài phút.

Xe có lốp dự phòng có kích thước như lốp được gắn trên xe: Lốp này cũng được trang bị cảm biến áp suất lốp. Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ sáng lên nếu như áp suất của lốp dự phòng thấp. Nếu lốp bị xịt, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ không tắt đi ngay cả khi thay lốp bị xịt bằng lốp dự phòng. Thay thế lốp dự phòng bằng lốp đã được sửa chữa và điều chỉnh áp suất lốp. Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ tắt sau vài phút.

n Các tình huống hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể hoạt động không chính xác (xe có hệ thống cảnh báp áp suất lốp)

→P.312

⚠ CẢNH BÁO

n Nếu đèn cảnh báo của hệ thống ABS và hệ thống phanh đều sáng lên

Hãy dừng xe tại vị trí an toàn và liên hệ ngay với đại lý Toyota.
Xe của bạn bị mất ổn định khi phanh là rất cao, và hệ thống ABS có thể đã bị lỗi, có thể dẫn tới bị tai nạn gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n Khi đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện sáng lên

Khi đèn sáng màu vàng, thì hoạt động trợ lực lái sẽ bị hạn chế. Khi đèn sáng màu đỏ, thì việc trợ lực lái bị mất và hoạt động điều khiển vô lăng sẽ trở nên rất nặng.
Nếu vô lăng trở nên nặng hơn trong khi lái xe, hãy giữ chắc vô lăng và dùng lực mạnh hơn bình thường.

⚠ CẢNH BÁO

n **Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Hãy tuân thủ theo các lưu ý sau. Nếu không, có thể sẽ gây mất lái và dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

l Hãy dừng xe tại vị trí an toàn càng sớm càng tốt. Hãy điều chỉnh áp suất lốp ngay lập tức.

l Xe có lốp dự phòng loại nhỏ gọn: Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên ngay sau khi điều chỉnh áp suất lốp, có thể lốp xe đã bị xịt. Kiểm tra các lốp. Nếu lốp bị xịt, hãy thay nó bằng lốp dự phòng và sửa chữa lốp bị xịt hơi ở đại lý Toyota gần nhất.

l Tránh đánh lái đột ngột và phanh. Nếu lốp xe bị xịt, bạn có thể mất kiểm soát vô lăng hoặc phanh.

n **Nếu lốp xe bị nổ hoặc giảm áp suất đột ngột (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể không được kích hoạt ngay lập tức.

⚠ CHÚ Ý

n **Để đảm bảo hệ thống cảnh báo áp suất lốp hoạt động chính xác (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Không lắp các lốp khác loại hoặc khác nhà sản xuất, nếu không hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể không hoạt động chính xác.

Hãy thực hiện theo các quy trình hiệu chỉnh. (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh và có màn hình hỗ trợ lái xe)

Sau khi thực hiện các bước theo tiêu chuẩn để sửa chữa các lỗi đã nghi ngờ, hãy kiểm tra xem đèn cảnh báo đã tắt chưa.

Chuông báo trong xe	Chuông báo ngoài xe	Đèn cảnh báo	Đèn cảnh báo/Chi tiết/Cách xử lý
Kêu liên tục	Kêu liên tục	 (Nháy màu vàng)	Chìa khóa điện tử bị mang ra khỏi xe và cửa người lái được mở ra và đóng lại trong khi cần số ở ngoài vị trí P và công tắc động cơ chưa được tắt. → **Hãy chuyển cần số tới vị trí P.** → **Hãy mang theo chìa khóa điện tử quay trở lại xe.**
Kêu 1 lần	3 lần	 (Nháy màu vàng)	Chìa khóa điện tử bị mang ra khỏi xe và cửa người lái được mở ra và đóng lại trong khi cần số ở vị trí P và công tắc động cơ chưa được tắt. → **Hãy tắt công tắc động cơ hoặc mang chìa khóa điện tử quay trở lại xe.**
			Chỉ báo rằng một cửa hành khách đã được mở ra và đóng lại với công tắc động cơ chưa được tắt và chìa khóa điện tử nằm ngoài vùng phát hiện. → **Kiểm tra lại vị trí của chìa khóa điện tử.**
Kêu 1 lần	Kêu liên tục (5 giây)	 (Nháy màu vàng)	Có người ra khỏi xe, mang theo người chìa khóa điện tử và khóa các cửa xe mà không tắt công tắc động cơ. → **Hãy tắt công tắc động cơ và khóa các cửa lại.**
Kêu 1 lần	—	 (Nháy màu vàng trong 15 giây)	Chỉ ra rằng chìa khóa điện tử không nằm trong phạm vi hoạt động khi khởi động động cơ. → **Kiểm tra lại vị trí của chìa khóa điện tử.**
Kêu 9 lần	—	 (Nháy màu vàng)	Thực hiện thao tác lái xe trong khi chìa khóa không ở trong xe. → **Hãy kiểm tra xem chìa khóa có ở trong xe không.**

Chuông báo trong xe	Chuông báo ngoài xe	Đèn cảnh báo	Đèn cảnh báo/Chi tiết/Cách xử lý
Kêu 1 lần	—	 (Nháy màu vàng trong 15 giây)	Chỉ ra rằng pin chìa khóa điện tử bị yếu điện. → **Thay pin. (→P.320)**
Kêu 1 lần	—	 (Đèn nháy màu vàng trong vòng 60 giây)	● Khi các cửa được mở khóa bằng chìa khóa cơ sau đó ấn công tắc động cơ, hệ thống không phát hiện được chìa khóa điện tử ở trong xe. ● Không phát hiện được chìa khóa điện tử ở trong xe sau khi ấn công tắc động cơ 2 lần liên tục. → **Hãy chạm chìa khóa điện tử vào công tắc động cơ trong khi đạp bàn đạp phanh.**

Nếu xuất hiện một thông điệp cảnh báo (xe có màn hình đa thông tin)

Màn hình đa thông tin sẽ hiển thị các cảnh báo lỗi của hệ thống, thông báo về các thao tác vận hành sai, và các thông báo chỉ ra xe cần phải bảo dưỡng. Khi cảnh báo lỗi xuất hiện, hãy làm theo các hướng dẫn của thông báo đó.

Nếu thông điệp cảnh báo lại xuất hiện lại sau khi đã thực hiện các biện pháp xử lý theo chỉ dẫn, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

Hơn nữa, nếu đèn cảnh báo sáng hoặc nhấp nháy cùng thời điểm thông điệp cảnh báo xuất hiện, hãy thực hiện các hành động phù hợp theo đèn cảnh báo. (→P.341)

n Các thông điệp cảnh báo

Những thông điệp cảnh báo được giải thích dưới đây có thể khác với thông điệp thực tế tùy theo các điều kiện hoạt động và các thông số kỹ thuật của xe.

n Chuông cảnh báo

Chuông báo có thể kêu khi thông điệp xuất hiện.
Chuông báo có thể không nghe thấy được nếu xe đang ở khu vực ồn cao hoặc do âm lượng của đài ở mức cao.

n Nếu thông điệp "Mức dầu động cơ thấp Bổ sung hoặc thay thế" hiển thị

Chỉ ra rằng mức dầu động cơ thấp. Hãy kiểm tra mức dầu động cơ, và bổ sung nếu cần.(→P.305)

Thông báo này có thể sẽ xuất hiện nếu bạn dừng xe trên đường dốc. Hãy di chuyển xe tới vị trí đường phẳng và kiểm tra xem thông báo trên có biến mất không.

n Nếu thông điệp "Tắt máy Trợ lực lái thấp" được hiển thị

Thông điệp này xuất hiện khi tắt động cơ trong khi lái xe.

Nếu vô lăng trở nên nặng hơn trong khi lái xe, hãy giữ chắc vô lăng và dùng lực mạnh hơn bình thường.

n Nếu xuất hiện thông báo "Tự động tắt nguồn để tiết kiệm ắc quy"

Nguồn đã bị tắt bởi chức năng tắt nguồn tự động. Khi khởi động động cơ trong lần tiếp theo, hãy tăng nhẹ tốc độ động cơ và duy trì tốc độ đó khoảng 5 phút để nạp điện cho ắc quy.

n Nếu thông điệp "Lỗi hệ thống đèn pha Hỏi ý kiến đại lý" hiển thị

Các hệ thống sau đây có thể đang bị lỗi. Hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe ngay lập tức.

- Hệ thống đèn pha kiểu đèn LED (nếu có)
- Hệ thống chiếu xa tự động (Nếu có)

n Nếu thông điệp chỉ ra có trục trặc camera phía trước được hiển thị

Những hệ thống sau có thể sẽ bị treo cho tới khi lỗi hiển thị trên thông báo được khắc phục xong. (→P.179, 341)

- PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) (nếu có)
- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)
- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn có liên kết điều khiển lái) (nếu có)
- Hệ thống chiếu xa tự động (Nếu có)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa (nếu có)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi

bằng rađa (nếu có)

n Nếu xuất hiện thông điệp chỉ ra có trục trặc với cảm biến ra đa

Những hệ thống sau có thể sẽ bị treo cho tới khi lỗi hiển thị trên thông báo được khắc phục xong. (→P.179, 341)

- l PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) (nếu có)
- l LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)
- l LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn có liên kết điều khiển lái) (nếu có)
- l Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa (nếu có)
- l Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)

n Nếu thông điệp "Điều khiển hành trình nhờ rađa kg khả dụng Xem Hướng dẫn sử dụng" xuất hiện (nếu có)

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa hoặc hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa bị treo tạm thời hoặc cho đến khi vấn đề chỉ ra bởi thông điệp đã được giải quyết. (nguyên nhân và phương pháp giải quyết: →P.179)

n Nếu thông điệp "Điều khiển hành trình nhờ rađa kg khả dụng" xuất hiện (nếu có)

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa tạm thời không thể hoạt động được. Hãy sử dụng hệ thống này khi nó có thể hoạt động trở lại.

n Nếu thông điệp chỉ ra cần đến Đại lý Toyota xuất hiện

Hệ thống hoặc chi tiết xuất hiện trên màn hình đa thông tin đã bị lỗi. Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra ngay xe giúp bạn.

n Nếu thông điệp chỉ ra cần tham khảo Hướng dẫn sử dụng xuất hiện

- l Nếu xuất hiện thông báo "Nhiệt độ nước làm mát động cơ cao", hãy tuân theo hướng dẫn tương ứng. (→P.370)
- l Nếu thông điệp sau xuất hiện trên màn hình đa thông tin, có thể đã có trục trặc. Hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe ngay lập tức.
  - "Lỗi hệ thống mở khóa và khởi động thông minh"
- l Nếu có bất kỳ thông điệp nào trong các thông điệp sau xuất hiện trên màn hình đa thông tin, có thể đã có trục trặc. Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota của bạn để yêu cầu giúp đỡ.
  - "Công suất phanh thấp"
  - "Lỗi hệ thống nạp"
  - "Áp suất dầu thấp"

CHÚ Ý

n Nếu thông điệp "Tiêu thụ điện năng cao giới hạn một phần hoạt động của điều hòa/bộ sưởi hoặc Tiêu thụ điện năng cao đẩy nhanh giới hạn tạm thời của điều hòa" xuất hiện liên tục

Có thể đã có hư hỏng liên quan đến hệ thống nạp hoặc ắc quy đã bị hết điện. Hãy đưa xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota.

Nếu xe bị xịt lốp

Xe được trang bị lốp dự phòng. Hãy thay lốp bị xịt bằng lốp dự phòng.

Để biết thêm thông tin chi tiết về lốp: →P.310

⚠ CẢNH BÁO

n **Nếu xe bị xịt lốp**

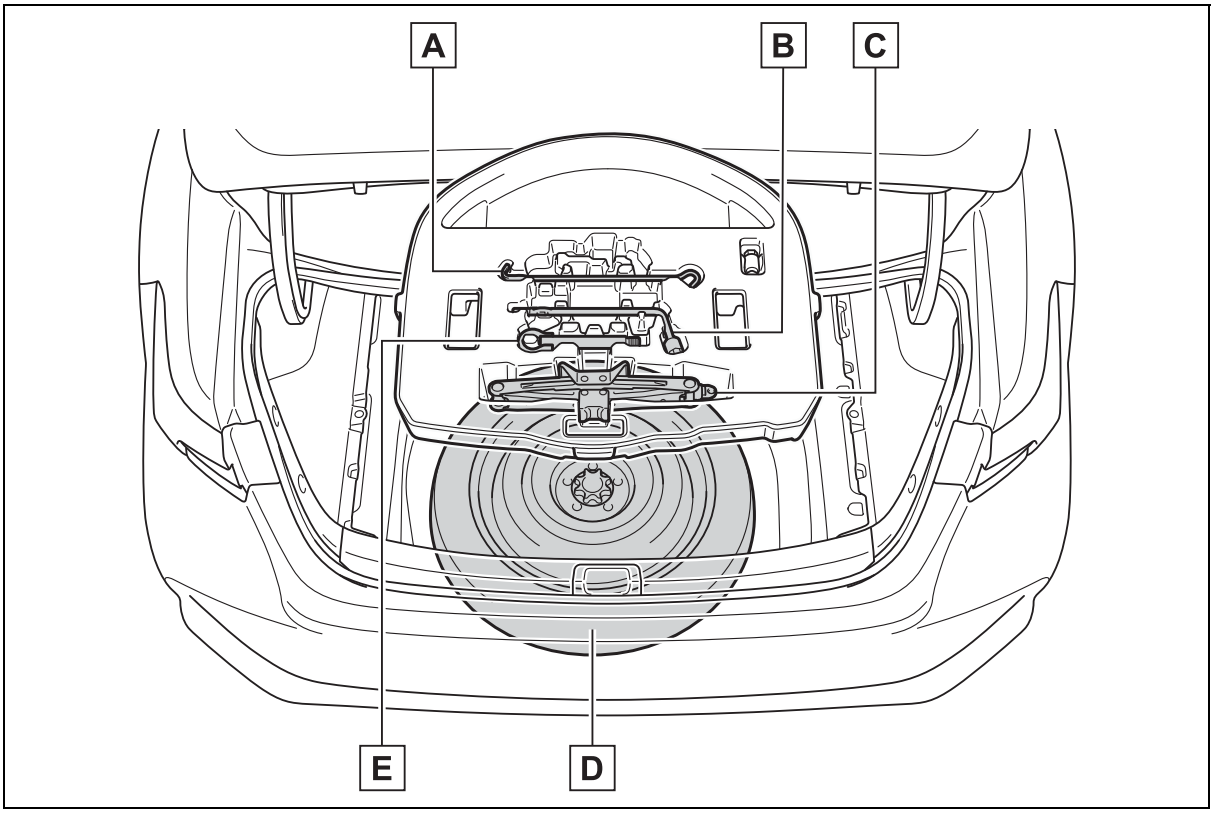
Không được tiếp tục lái xe với lốp bị xịt. Lái xe với lốp xịt kể cả chỉ trên một đoạn đường ngắn cũng có thể sẽ làm cho lốp xe và vành xe bị hỏng nặng tới mức không sửa chữa được.

Trước khi kích xe lên

- Hãy dừng xe tại vị trí an toàn, trên bề mặt cứng và phẳng.
- Gài phanh đỗ.
- Chuyển cần số tới vị trí P.
- Tắt động cơ.
- Bật các đèn nháy khẩn cấp.

Vị trí của lốp dự phòng, kích và các dụng cụ

▶ Xe có lốp dự phòng loại gọn



A Tay quay kích

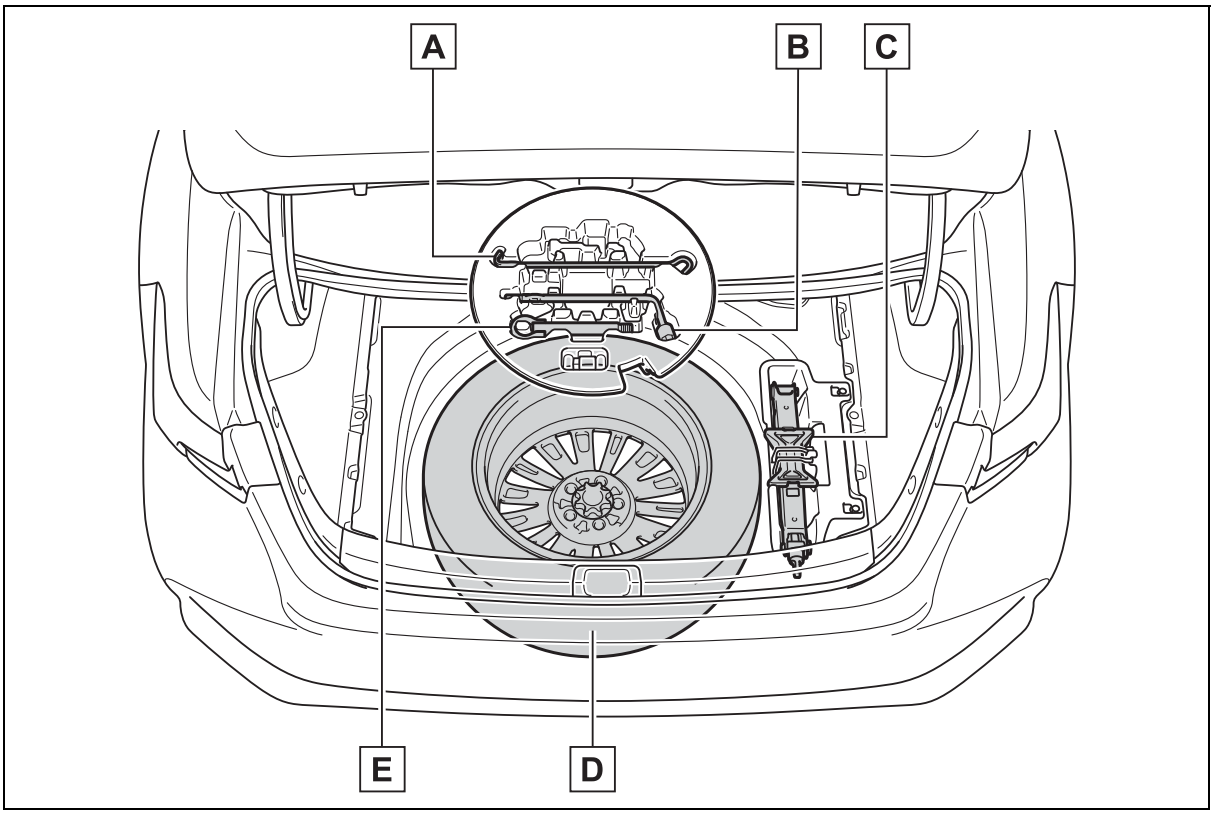
B Cờ lê đai ốc lốp

C Kích

D Lốp dự phòng

E Móc kéo xe

▶ Xe có lốp dự phòng cùng kích thước với lốp trên xe



A Tay quay kích

B Cờ lê đai ốc lốp

C Kích

D Lốp dự phòng

E Móc kéo xe

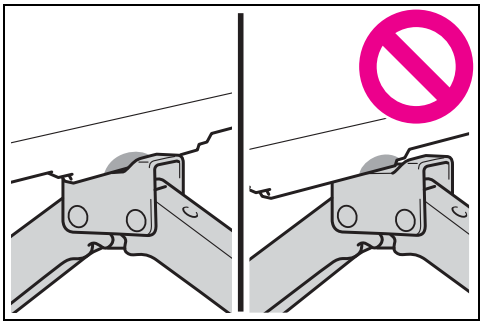
⚠ CẢNH BÁO

n **Sử dụng kích lốp**

Hãy tuân theo các lưu ý sau đây. Sử dụng kích không đúng cách có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng do xe bất ngờ rơi khỏi kích.

- Không được sử dụng kích vào mục đích nào khác ngoài việc dùng để thay lốp hoặc để lắp và tháo xích quấn lốp.
- Chỉ dùng kích của chính xe bị xịt lốp để thay lốp bị xịt. Không dùng kích này trên bất kỳ xe nào khác và cũng không được sử dụng kích của xe khác trên xe này.

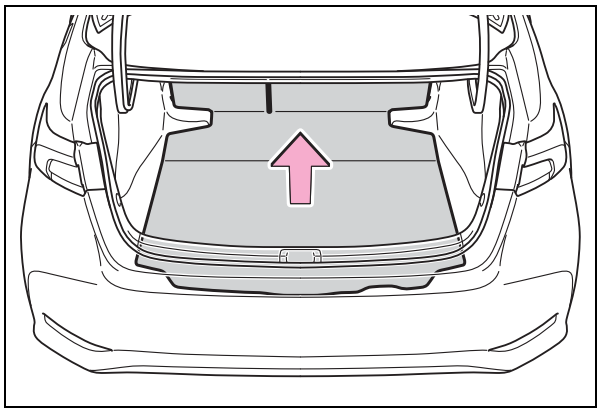
- Hãy đặt kích vào đúng vị trí kích.



- Không để bất kỳ phần cơ thể nào dưới xe đang được đỡ bởi kích.
- Không khởi động động cơ hoặc lái xe trong khi xe đang được đỡ bởi kích.
- Không nâng xe lên khi đang có người bên trong xe.
- Khi đang nâng xe lên, không được để vật gì bên trên hoặc bên dưới kích.
- Không được nâng xe lên cao quá mức cần thiết để thay thế lốp.
- Nếu cần thiết, hãy sử dụng giá đỡ để kê dưới gầm xe.
- Khi hạ xe xuống, hãy đảm bảo rằng không có ai ở gần xe. Nếu có người ở gần đó, hãy hô to để cảnh báo trước khi hạ xe xuống.

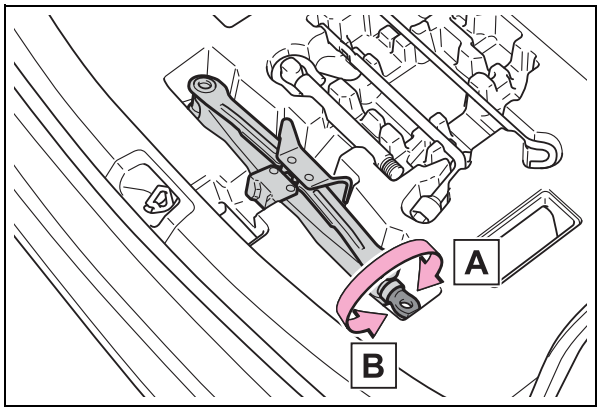
Lấy kích ra

1 Lật thảm lót lên.



2 Lấy kích ra.

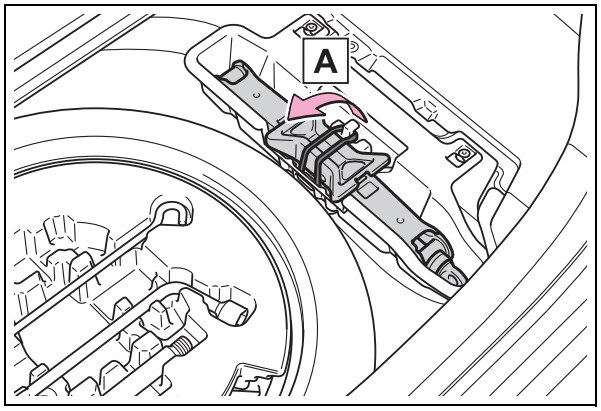
Xe có lốp dự phòng loại nhỏ gọn:



A Để cố định kích

B Để nới lỏng kích

Xe có lốp dự phòng cùng kích thước với lốp trên xe.



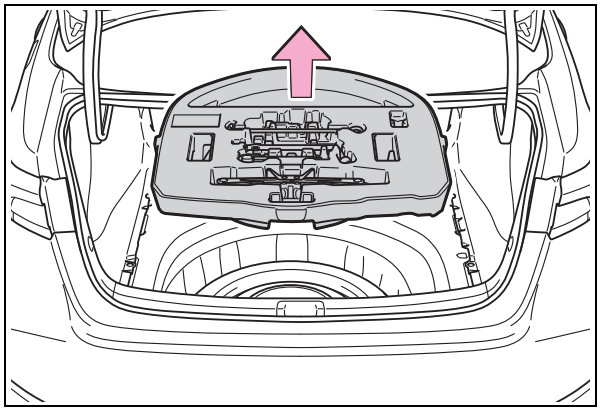
A Tháo dây buộc.

Lấy lốp dự phòng ra

1 Lật thảm lót lên. (→P.357)

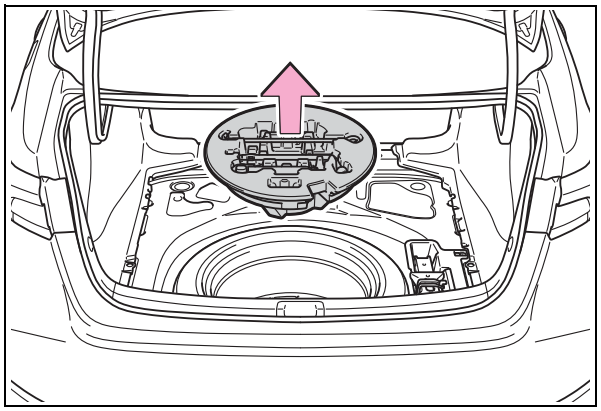
2 Tháo khay đựng đồ ra.

Xe có lốp dự phòng loại nhỏ gọn:



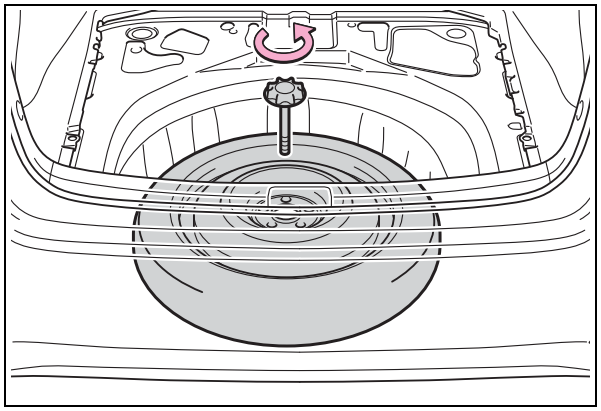
Xe có lốp dự phòng cùng kích thước

với lốp trên xe.

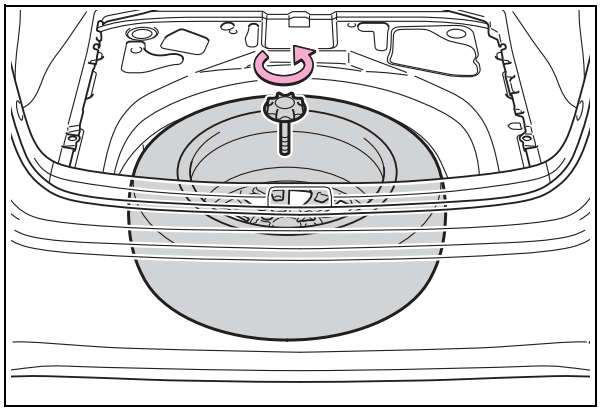


3 Nới lỏng đai ốc giữa của lốp dự phòng.

Xe có lốp dự phòng loại nhỏ gọn:



Xe có lốp dự phòng cùng kích thước với lốp trên xe.



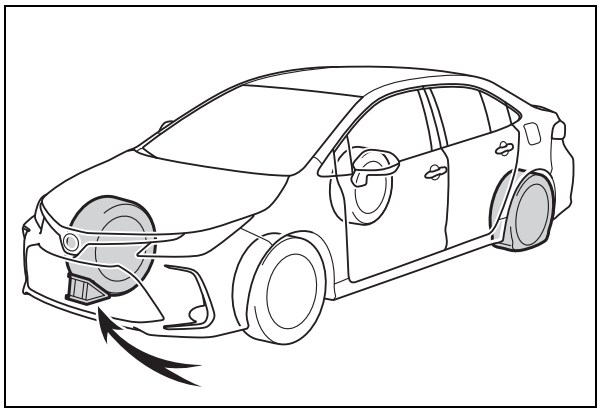
⚠ CẢNH BÁO

n **Khi cất giữ lốp dự phòng**

Hãy thận trọng không để kẹp các ngón tay hoặc bất kỳ phần nào của cơ thể giữa lốp dự phòng và thân xe.

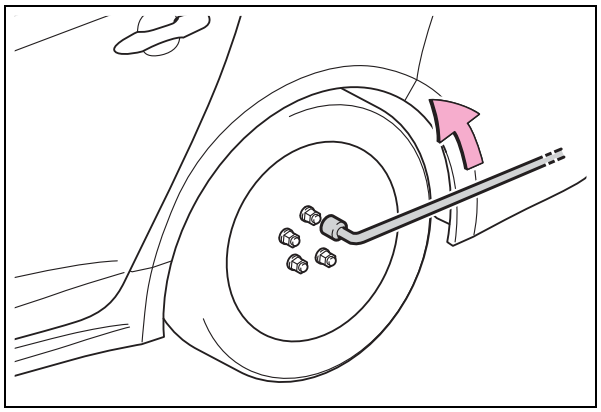
Thay lốp bị xịt hơi

1 Chèn các lốp xe

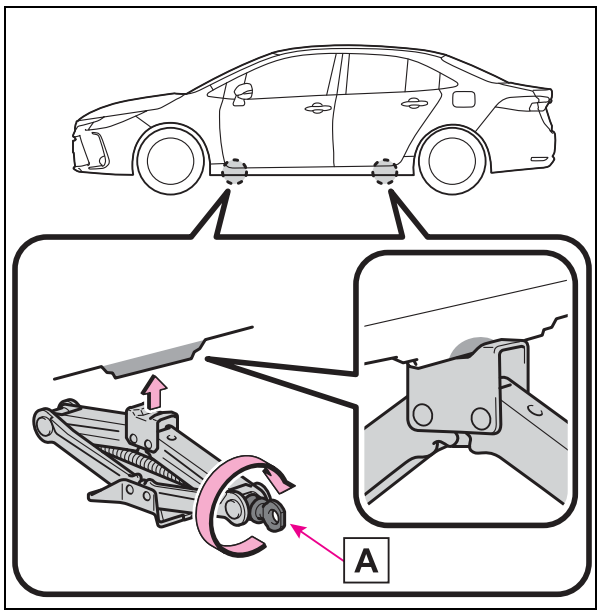


Lốp bị xịt hơi	Vị trí chèn bánh xe
Phía trước bên trái	Phía sau lốp sau bên phải
Phía trước bên phải	Phía sau lốp sau bên trái
Phía sau bên trái	Phía trước lốp trước bên phải
Phía sau bên phải	Phía trước lốp trước bên trái

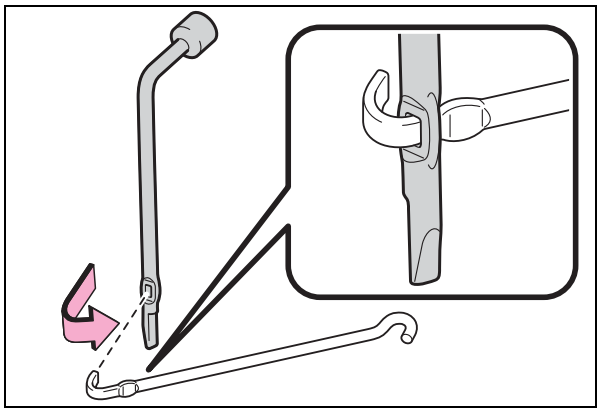
2 Nới lỏng nhẹ các đai ốc lốp (một vòng).



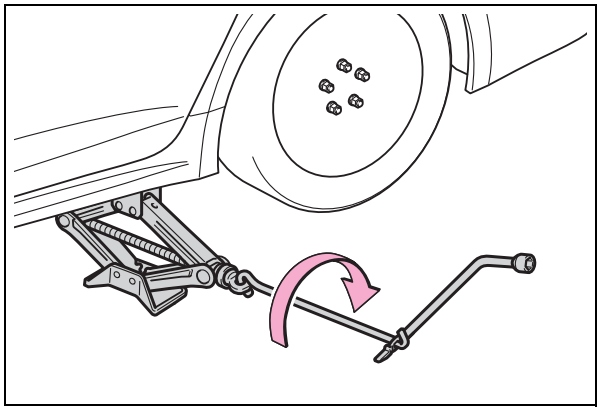
3 Vặn phần kích lốp A bằng tay cho đến khi vấu của kích tiếp xúc với tâm của điểm kích.



4 Lắp tay quay kích nối dài.

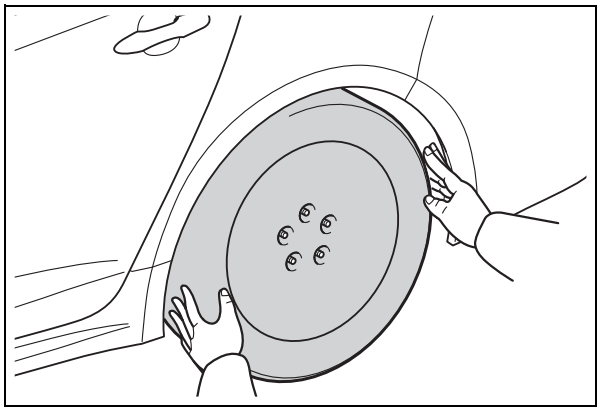


5 Hãy nâng xe lên cho tới khi bánh xe hơi nhấc lên khỏi mặt đất.



6 Tháo tất cả các đai ốc lốp và tháo lốp.

Khi đặt bánh xe xuống đất, hãy đặt sao cho mặt ngoài của bánh xe được hướng lên trên nhằm tránh làm xước bề mặt vành xe.



CẢNH BÁO

n **Thay lốp bị xịt hơi**

l Không chạm vào các vành xe hoặc những khu vực xung quanh phanh sau khi lái xe. Sau khi lái xe, các vành xe và khu vực xung quanh các phanh sẽ rất nóng. Chạm vào những vùng này, chân hoặc các phần cơ thể khác vào các vị trí đó khi thay lốp,…có thể bị bỏng.

l Nếu không tuân theo các lưu ý trên có thể làm cho các đai ốc lốp bị lỏng và bánh xe có thể sẽ bị rơi ra, dẫn tới tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

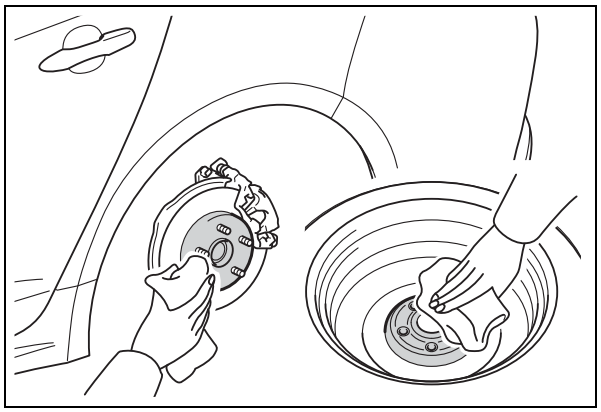
Không bao giờ được bôi dầu hoặc mỡ lên trên bulông hoặc đai ốc lốp.
Dầu và mỡ có thể làm cho đai ốc lốp bị siết quá chặt, dẫn đến làm hỏng bu lông hoặc vành xe. Hơn nữa, dầu mỡ có thể làm đai ốc lốp bị lỏng và làm bánh xe rơi ra, dẫn đến tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong. Hãy lau sạch dầu, mỡ ra khỏi các bu lông hoặc đai ốc lốp khi lắp.

- Hãy xiết các đai ốc lốp bằng cờ lê cân lực đến lực xiết 103 Nm càng sớm càng tốt sau khi thay các vành xe.
- Không gắn tấm ốp vành xe đã bị hỏng nặng do nó có thể sẽ bị văng ra ngoài khi đang lái xe.
- Khi lắp lốp, chỉ sử dụng đai ốc lốp được thiết kế đặc biệt cho loại lốp đó.
- Nếu bu lông moay ơ, đai ốc hoặc các lỗ bu lông của vành xe bị nứt hoặc biến dạng, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.
- Khi lắp đai ốc lốp, hãy đảm bảo rằng đầu vát của đai ốc lốp hướng về phía trong khi lắp đai ốc lốp.

Lắp lốp dự phòng

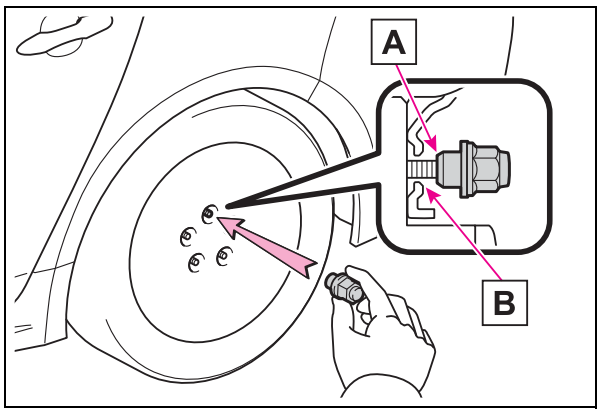
1 Lau sạch toàn bộ bụi bẩn bám trên bề mặt tiếp xúc của vành và moay ơ.

Nếu có bụi bẩn bám trên bề mặt tiếp xúc của vành xe, thì các đai ốc lốp có thể sẽ bị lỏng ra khi xe chuyển động, và lốp có thể bị rơi ra khỏi xe.

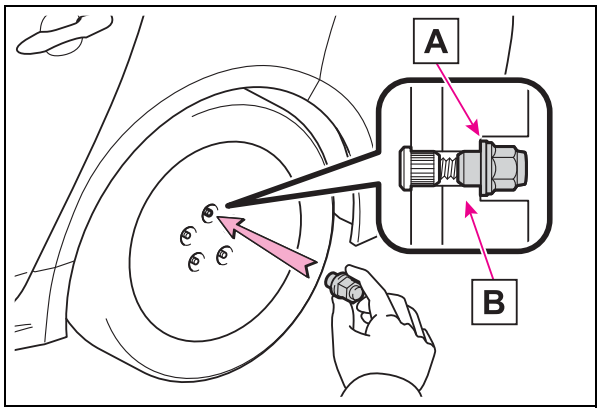


2 Lắp bánh xe lên và dùng tay lắp lại tất cả các ốc lốp với lực xiết đều nhau.

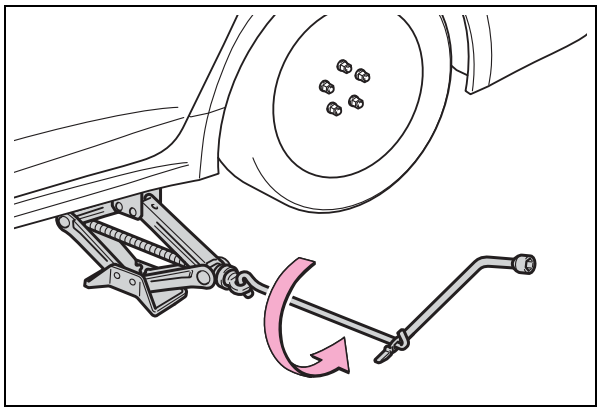
Khi thay vành nhôm bằng lốp dự phòng có vành thép (bao gồm cả lốp dự phòng kiểu gọn), hãy siết các đai ốc lốp cho tới khi phần mặt côn **A** của đai ốc tiếp xúc lỏng với bề mặt vành xe **B**.



Khi thay vành nhôm bằng lốp có vành nhôm, hãy siết các đai ốc lốp cho tới khi các vòng đệm **A** tiếp xúc với vành xe **B**.



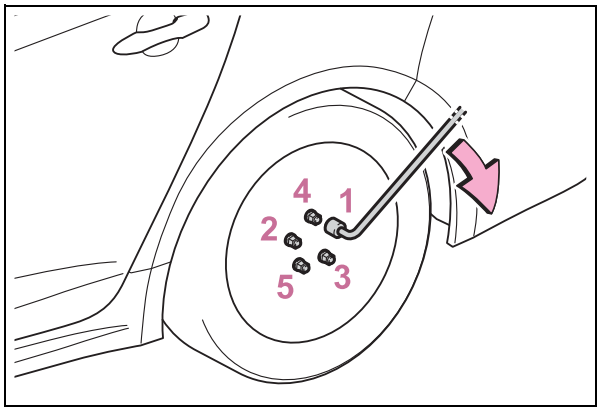
3 Hạ xe xuống.



4 Xiết chặt hoàn toàn các đai ốc lốp từ hai tới ba lần theo thứ tự như trên hình vẽ.

Mômen xiết:

103 N m



5 Cất lốp bị xịt, kích lốp và tất cả các dụng cụ.

n **Lốp dự phòng loại giống với lốp đang lắp trên xe**

Chắc chắn phải kiểm tra áp suất lốp của lốp dự phòng. (→P.384)

n **Lốp dự phòng kiểu nhỏ gọn**

l Lốp dự phòng kiểu nhỏ gọn được phân biệt bằng nhãn "TEMPORARY USE ONLY" trên thành bên của lốp. Chỉ dùng tạm lốp dự phòng kiểu nhỏ gọn trong trường hợp khẩn cấp.

l Chắc chắn phải kiểm tra áp suất lốp của lốp dự phòng loại gọn. (→P.384)

n **Khi sử dụng lốp dự phòng loại gọn**

Xe sẽ hạ thấp hơn khi lái xe với lốp dự phòng loại nhỏ gọn so với khi gắn lốp xe tiêu chuẩn.

n **Sau khi thay lốp xong (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp phải được cài đặt lại. (→P.313)

n **Khi sử dụng lốp dự phòng loại gọn (xe có hệ thống cảm biến áp suất lốp)**

Vì lốp dự phòng loại nhỏ gọn không được trang bị cảm biến áp suất lốp, áp suất lốp dự phòng thấp sẽ không được cảnh báo bởi hệ thống cảnh báo áp suất lốp. Do đó, nếu bạn thay lốp dự phòng sau khi đèn cảnh báo áp suất lốp sáng, đèn vẫn tiếp tục sáng.

n **Nếu xe bị xịt lốp trước trên đường bị phủ bởi tuyết hoặc băng**

Lắp lốp dự phòng loại gọn vào một trong các bánh sau. Thực hiện các bước sau và lắp xích quấn lốp lên các lốp trước:

1 Hãy thay lốp sau bằng lốp dự phòng loại gọn.

2 Thay thế lốp trước đã bị xịt bằng lốp sau đã được tháo ra.

3 Lắp xích quấn lốp vào các lốp trước.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi sử dụng lốp dự phòng kiểu nhỏ gọn**

l Xin lưu ý rằng bánh xe dự phòng loại gọn chỉ được thiết kế cho xe của bạn. Không lắp bánh xe dự phòng trên xe khác vào xe của bạn.

l Không sử dụng đồng thời quá một lốp dự phòng loại gọn trên xe.

l Thay thế lốp dự phòng loại gọn bằng loại lốp tiêu chuẩn càng sớm càng tốt

l Tránh tăng tốc và đánh lái đột ngột, cũng như tránh phanh gấp và xuống số do có thể làm lực phanh động cơ bị thay đổi đột ngột.

n **Khi gắn lốp dự phòng kiểu nhỏ gọn lên xe**

Tốc độ của xe có thể sẽ không thể xác định chính xác được, và những hệ thống sau có thể sẽ không hoạt động chính xác:

- Hệ thống ABS và hệ thống hỗ trợ phanh phẩn cấp
- Hệ thống điều khiển ổn định xe (VSC)

- TRC (Hệ thống điều khiển lực kéo)
- Hệ thống chiếu xa tự động (Nếu có)
- Điều khiển chạy tự động (nếu có)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa (nếu có)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)
- EPS (Hệ thống lái trợ lực điện)
- PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) (nếu có)
- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn có liên kết điều khiển lái) (nếu có)
- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)
- Hệ thống cảnh báo áp suất lốp (nếu có)
- Cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota (nếu có)
- BSM (Theo dõi điểm mù) (nếu có)
- Hệ thống hỗ trợ quan sát phía sau (nếu có)

n **Tốc độ tối đa khi sử dụng lốp dự phòng kiểu nhỏ gọn**

Không được lái xe quá 80 km/h khi lắp lốp xe dự phòng trên xe.

Lốp xe dự phòng loại gọn không được thiết kế để lái xe ở tốc độ cao. Nếu không có thể sẽ dẫn đến bị tai nạn gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Sau khi sử dụng các dụng cụ và kích**

Trước khi lái xe, hãy đảm bảo rằng tất cả các dụng cụ và kích đã được cố định chắc chắn để tránh bị chấn thương khi xe bị va chạm hay phanh gấp.

⚠ CHÚ Ý

n **Hãy thận trọng khi lái xe qua chỗ mấp mô khi đang gắn lốp dự phòng kiểu nhỏ gọn trên xe.**

Xe sẽ hạ thấp hơn khi lái xe với lốp dự phòng loại nhỏ so với khi gắn lốp xe tiêu chuẩn. Hãy thận trọng khi lái xe trên mặt đường không bằng phẳng.

n **Lái xe có gắn xích quấn lốp và lốp dự phòng kiểu nhỏ gọn**

Không được gắn xích quấn lốp cho lốp dự phòng kiểu nhỏ gọn. Xích quấn lốp có thể sẽ làm hỏng thân xe và ảnh hưởng bất lợi tới tính năng lái của xe.

n **Khi thay lốp xe (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Khi tháo hoặc lắp các vành xe, lốp hoặc van cảm biến áp suất lốp, hãy liên hệ với đại lý Toyota bởi van cảm biến có thể bị hỏng nếu thao tác không chính xác.

n **Để tránh làm hỏng van cảm biến áp suất lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Khi sửa lốp xe bằng keo làm kín, van cảm biến áp suất lốp có thể sẽ không hoạt động chính xác. Nếu sử dụng keo, hãy liên hệ với đại lý Toyota hoặc trạm dịch vụ ủy quyền sớm nhất có thể. Hãy thay mới van cảm biến áp suất lốp khi thay thế lốp. (→P.313)

Nếu động cơ không khởi động được

Nếu động cơ không khởi động được ngay cả khi đã thực hiện đúng các quy trình khởi động chuẩn (→P.146, 147), hãy xem xét từng trường hợp sau:

Nếu động cơ không khởi động được kể cả khi mô tơ khởi động vẫn làm việc bình thường.

Một trong những nguyên nhân sau có thể dẫn đến trục trặc:

- Có thể bị thiếu nhiên liệu. Hãy nạp nhiên liệu cho xe.
- Động cơ có thể bị sặc xăng. Hãy thử khởi động lại động cơ một lần nữa theo quy trình chuẩn. (→P.146, 147)
- Xe có hệ thống mã hóa khóa động cơ: Có thể có lỗi trong hệ thống mã hóa khóa động cơ. (→P.56)

Môtơ máy khởi động quay chậm, đèn chiếu sáng trong xe và đèn pha bị tối hoặc còi xe không kêu hay kêu bé.

Một trong những nguyên nhân sau có thể dẫn đến trục trặc:

- Ắc quy bị hết điện. (→P.367)
- Cáp nối ắc quy bị lỏng hoặc bị ăn mòn. (→P.307)

Môtơ máy khởi động không quay được (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Hệ thống khởi động động cơ có thể đã bị hư hỏng do một vấn đề về điện như hở mạch hoặc cháy cầu chì. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể sử dụng các biện pháp tình thế để khởi động động cơ. (→P.364)

Mô tơ máy khởi động không quay, đèn chiếu sáng trong xe và đèn pha không sáng hoặc còi xe không kêu.

Một trong những nguyên nhân sau có thể dẫn đến trục trặc:

- Ắc quy bị hết điện. (→P.367)
- Một hoặc cả hai cực của ắc quy có thể đã bị ngắt kết nối. (→P.307)
- Có thể có lỗi trong hệ thống khóa vô lăng.

Hãy liên hệ với đại lý Toyota nếu bạn không thể xử lý được sự cố hoặc nếu bạn không nắm rõ quy trình sửa chữa đó.

Chức năng khởi động khẩn cấp (xe được hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Khi động cơ không khởi động được, có thể sử dụng các bước sau như là giải pháp tạm thời để khởi động động cơ nếu như công tắc động cơ vẫn hoạt động bình thường.

Không được sử dụng quy trình khởi động này trừ trường hợp khẩn cấp.

1 Gài phanh đỗ. (→P.157, 158)

2 Kiểm tra rằng cần số ở vị trí P.

3 Chuyển công tắc động cơ tới vị trí ACC.

4 Ấn và giữ công tắc động cơ trong hơn 15 giây trong khi đạp chắc bàn đạp phanh.

Ngay cả khi khởi động động cơ bằng cách bước nêu trên, hệ thống vẫn có thể có trục trặc. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Nếu bạn đánh mất chìa khóa

Đại lý Toyota có thể cung cấp cho bạn các chìa khóa mới chính hiệu mới bằng cách sử dụng chìa khóa khác (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc chìa khóa cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) và số hiệu chìa khóa được dập trên tấm ghi số hiệu chìa.

Hãy giữ tấm ghi số hiệu chìa khóa tại nơi an toàn ví dụ như trong ví của bạn, không nên để trong xe.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi bị mất chìa khóa điện tử (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)**

Nếu bạn đánh mất chìa khóa điện tử, nguy cơ bị trộm xe sẽ tăng lên. Hãy ngay lập tức mang xe tới đại lý Toyota cùng với tất cả các chìa khóa điện tử còn lại đã được cung cấp theo xe.

Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Nếu liên lạc giữa chìa khóa điện tử và xe bị gián đoạn (→P.120) hoặc không thể dùng được chìa khóa điện tử do pin của chìa khóa bị hết điện, hệ thống mở khóa và khởi động thông minh và điều khiển từ xa sẽ không thể sử dụng được. Trong các trường hợp như vậy, bạn vẫn có thể mở các cửa hoặc khởi động động cơ bằng cách làm theo quy trình sau.

n Khi chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác

- Hãy đảm bảo rằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh chưa bị vô hiệu hóa bằng chức năng tùy chọn cá nhân. Nếu nó đã bị vô hiệu hóa, hãy kích hoạt lại. (Tính năng tùy chọn: →P.387)
- Hãy kiểm tra xem chế độ tiết kiệm pin có được đặt không. Nếu đã đặt, hãy hủy chức năng này. (→P.120)

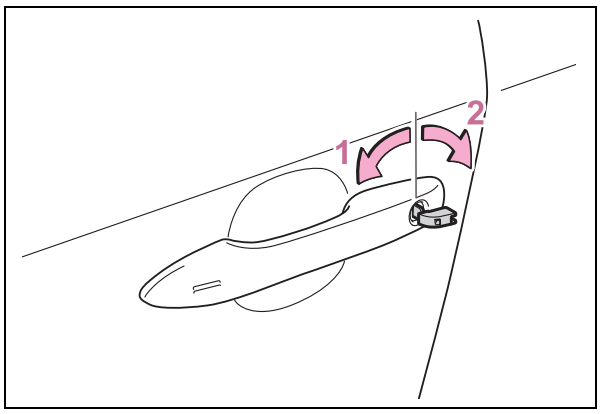
CHÚ Ý

n Trong trường hợp hệ thống mở khóa và khởi động thông minh có lỗi hoặc có vấn đề liên quan đến chìa

Hãy mang tất cả các chìa khóa điện tử và xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

Khóa và mở khóa các cửa

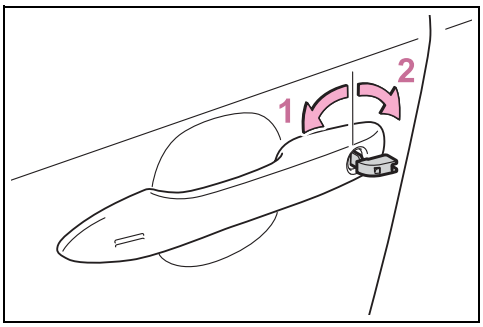
Sử dụng chìa khóa cơ (→P.107) để thực hiện các thao tác sau:



1 Khóa tất cả các cửa

2 Mở khóa tất cả các cửa

n Chức năng liên kết với chìa khoá



1 Đóng kính cửa sổ (xoay và giữ)*

2 Mở các kính cửa sổ (xoay và giữ)*

*: Chỉ có thể tùy chọn cá nhân được những cài đặt này tại đại lý Toyota.

CẢNH BÁO

n Khi sử dụng chìa khóa cơ và điều khiển các cửa sổ điện

Điều khiển cửa sổ điện sau khi đã xác nhận rằng tất cả các hành khách đã an toàn khi cửa sổ hoạt động.
Ngoài ra, không để trẻ sử dụng chìa khóa cơ. Nếu không, trẻ em hoặc các hành khách khác có thể bị kẹp bởi cửa sổ điện.

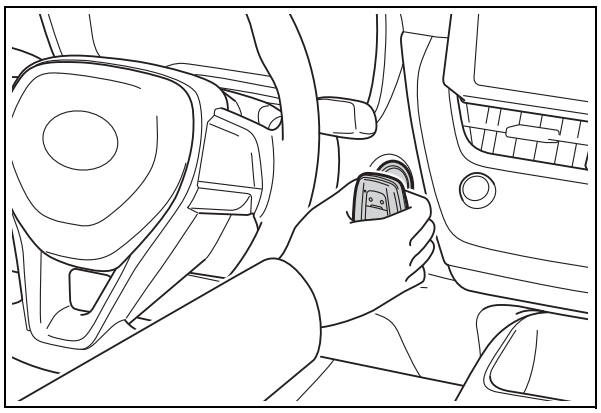
Khởi động động cơ

1 Hãy đảm bảo rằng cần số đã ở vị trí P và đạp bàn đạp phanh.

2 Hãy chạm biểu tượng Toyota trên chìa khóa điện tử vào công tắc động cơ.

Khi phát hiện được chìa khóa điện tử, chuông báo sẽ kêu và công tắc động cơ sẽ chuyển sang ON.

Khi hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đã bị vô hiệu hóa bằng cài đặt tùy chọn cá nhân, công tắc động cơ sẽ chuyển sang ACC.



3 Xe có màn hình giám sát người lái: Đạp chắc bàn đạp phanh và kiểm tra rằng đèn chỉ báo hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (màu xanh) bật.

Xe có màn hình đa thông tin: Đạp chắc chân phanh và kiểm tra rằng chỉ báo  xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

4 Ấn công tắc động cơ nhanh và dứt khoát.

Trong trường hợp động cơ vẫn không khởi động được, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n Tắt động cơ

Chuyển cần số tới vị trí P và ấn công tắc động cơ như bình thường khi dừng động cơ.

n Pin chìa khóa điện tử

Vì quy trình xử lý trên chỉ là giải pháp tạm thời, hãy thay pin của chìa khóa điện tử ngay khi nó bị hết điện. (→P.320)

n Thay đổi các chế độ của công tắc động cơ

Nhả bàn đạp phanh và ấn công tắc đọng cơ trong bước **3** nói trên.
Động cơ sẽ không khởi động và các chế độ của công tắc động cơ sẽ thay đổi sau mỗi lần ấn công tắc động cơ. (→P.149)

Nếu ắc quy bị hết điện

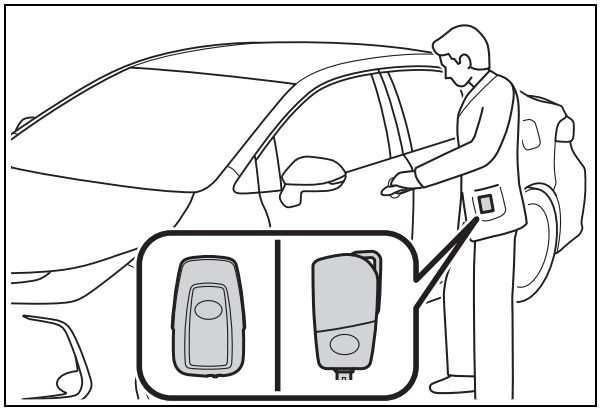
Có thể sử dụng quy trình sau để khởi động động cơ nếu ắc quy đã bị hết điện.
Bạn có thể gọi cho đại lý Toyota hoặc xưởng sửa chữa có uy tín để yêu cầu giúp đỡ.

Khởi động lại động cơ

Nếu bạn có một bộ cáp nối điện ngoài (hoặc ắc quy tăng cường) và có sẵn một xe thứ 2 với ắc quy 12 V, bạn có thể khởi động bằng cách nối điện ngoài theo các bước sau.

1 Xe có hệ thống báo động (→P.57): Chắc chắn rằng đang mang theo chìa khóa điện tử (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh), hoặc chìa khóa (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).

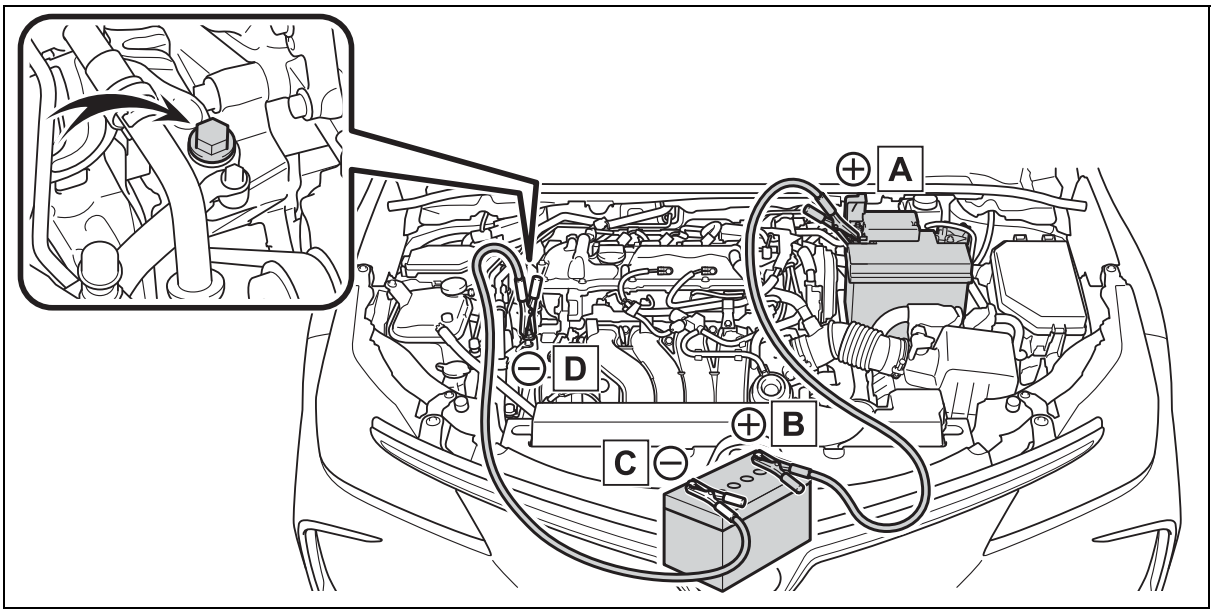
Khi nối điện ngoài, tùy vào từng trường hợp, hệ thống báo động có thể sẽ kích hoạt và các cửa sẽ bị khóa lại. (→P.58)



2 Mở nắp capô. (→P.301)

3 Nối kẹp dương của cáp nối điện ngoài với A trên xe của bạn và nối kẹp với đầu còn lại của cáp dương với B trên xe thứ 2. Sau đó nối kẹp của cáp âm với C trên xe thứ 2 và nối kẹp ở đầu còn lại của cáp âm với D.

Sử dụng cáp nối điện ngoài có thể tiếp cận được các cực và các điểm nối.



A Cực dương (+) của ắc quy trên xe của bạn.

B Cực dương (+) của ắc quy (xe thứ 2)

C Cực âm (-) của ắc quy (xe thứ 2)

D Điểm bằng kim loại như trong hình vẽ

4 Khởi động động cơ của xe thứ hai. Tăng nhẹ tốc độ động cơ và duy trì tốc độ đó trong khoảng 5 phút để nạp điện cho ắc quy trên xe của bạn.

5 Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Hãy mở và đóng một cửa bất kỳ trên xe với công tắc động cơ được OFF.

6 Duy trì tốc độ động cơ trên xe thứ 2 và khởi động động cơ trên xe bạn bằng cách bật công tắc động cơ sang ON.

7 Khi động cơ của xe bạn đã khởi động được, hãy tháo các cáp nối điện ngoài theo trình tự ngược lại với các bước nối cáp ở trên.

Khi động cơ đã khởi động được, hãy đem xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota càng sớm càng tốt.

n Khởi động động cơ khi ắc quy bị hết điện

Không thể đẩy khởi động được loại động cơ này.

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

- Hãy tắt các đèn pha và hệ thống âm thanh trong khi động cơ đã tắt.
- Hãy tắt toàn bộ các trang thiết bị điện không cần thiết khi động cơ chạy ở tốc độ thấp trong một thời gian dài, ví dụ như khi bị tắc đường.

n Khi ắc quy bị ngắt kết nối hoặc bị hết điện

- Những thông tin được lưu trong ECU sẽ bị xóa. Khi ắc quy bị hết điện,

hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

- Một số hệ thống có thể sẽ phải được khởi tạo. (→P.397)

n Khi tháo các cực của ắc quy

Khi các cực ắc quy được tháo ra, thông tin trong ECU sẽ bị xóa. Trước khi tháo cực ắc quy, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

n Nạp ắc quy

Năng lượng điện được tích trong ắc quy sẽ hết dần ngay cả khi bạn không sử dụng xe, do hiện tượng phóng điện tự nhiên và do tình trạng tiêu thụ điện của một số thiết bị điện trên xe. Nếu xe của bạn không sử dụng trong một thời gian dài, ắc quy có thể hết điện và động cơ không khởi động được. (Ắc quy sẽ tự động được nạp lại trong quá trình lái xe.)

n Khi nạp hoặc thay ắc quy (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

- Trong một số trường hợp, bạn sẽ không thể mở khóa cửa xe bằng chức năng mở khóa và khởi động thông minh khi ắc quy bị hết điện. Hãy sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ để khóa hoặc mở khóa cửa.
- Động cơ có thể sẽ không khởi động ngay lần đầu tiên sau khi nạp lại ắc quy được, sau đó bạn có thể khởi động bình thường được. Đó là hiện tượng bình thường.
- Chế độ của công tắc động cơ sẽ được lưu lại trên xe. Khi nối lại ắc quy, hệ thống sẽ chuyển về chế độ trước khi ắc quy hết điện. Trước khi ngắt ắc quy, hãy tắt công tắc động cơ.
  Nếu bạn không chắc về chế độ của công tắc động cơ trước khi ắc quy hết điện, hãy đặc biệt thận trọng khi nối lại ắc quy.

n Khi thay ắc quy

- Hãy sử dụng ắc quy tuân theo tiêu chuẩn Châu Âu.
- Hãy sử dụng ắc quy có cùng kích cỡ với ắc quy trước đó và dung lượng ắc quy tương đương 20 HR trở lên.
  - Nếu sử dụng ắc quy khác cỡ, ắc quy sẽ không thể cố định chính xác được.
  - Nếu sử dụng ắc quy có dung lượng 20 HR thấp, ngay cả khi không sử dụng xe trong một thời gian ngắn thì bình cũng có thể sẽ bị hết điện và không khởi động được động cơ.
- Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo ý kiến đại lý Toyota.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi tháo các cực của ắc quy

Luôn tháo cực âm (-) trước. Nếu cực dương (+) chạm vào các chi tiết kim loại ở khu vực xung quanh khi tháo cực dương (+), có thể sẽ làm xuất hiện tia lửa điện, dẫn đến hỏa hoạn, điện giật và dẫn đến bị thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Để tránh làm cháy hoặc nổ ắc quy

Hãy tuân theo các chú ý sau để tránh xảy ra tai nạn do khí thoát ra từ ắc quy có thể bị bắt lửa:

- Hãy đảm bảo rằng các cáp nối điện ngoài đã được nối vào đúng điện cực và chúng không được chạm vào các điện cực khác.
- Không để đầu còn lại của cáp nối điện ngoài nối vào cực dương (+) chạm vào các chi tiết khác hoặc bề mặt kim loại các như giá bắt hoặc bề mặt kim loại không phủ sơn.
- Không để kẹp dương (+) và kẹp âm (-) của cáp nối điện ngoài chạm vào nhau.

⚠ CẢNH BÁO

- Không hút thuốc, bật diêm, bật lửa hoặc để nguồn lửa gần nhiên liệu hoặc ắc quy.

n **Lưu ý đối với ắc quy**

Trong ắc quy có chứa các dung dịch axit độc hại và có khả năng ăn mòn mạnh, đồng thời trong ắc quy còn có các chi tiết làm bằng chì và dung dịch của chì. Do vậy hãy tuân theo các chú ý sau khi làm việc với ắc quy:

- Khi làm việc với ắc quy, luôn luôn phải đeo kính bảo hộ và phải thận trọng không để dung dịch điện phân (axit) dính vào da, quần áo hoặc thân xe.
- Không để nghiêng ắc quy.
- Nếu chẳng may để dung dịch ắc quy bắn vào da hay mắt, hãy rửa sạch vùng bị dính axít bằng nước và đi khám ngay lập tức. Hãy dùng một miếng mút hay vải ướt đắp lên vùng bị tổn thương cho tới khi có các biện pháp xử lý y tế khác.
- Luôn luôn nhớ rửa tay sau khi làm việc với các giá đựng ắc quy, các điện cực và các chi tiết khác có liên quan tới ắc quy.
- Không để trẻ nhỏ tới gần ắc quy.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi làm việc với dây cáp nối điện ngoài**

Khi nối cáp nối ngoài, hãy đảm bảo rằng chúng sẽ không bị vướng vào quạt làm mát hoặc dây đai dẫn động của động cơ.

n **Khi kết nối các cáp nối điện ngoài**

Chắc chắn phải kết nối các cáp nối điện ngoài với các cực và các điểm nối chỉ định. Nếu không, có thể ảnh hưởng xấu đến các thiết bị điện tử hoặc làm hỏng chúng.

Nếu xe quá nhiệt

Các dấu hiệu sau có thể cho thấy rằng xe của bạn đang bị quá nhiệt.

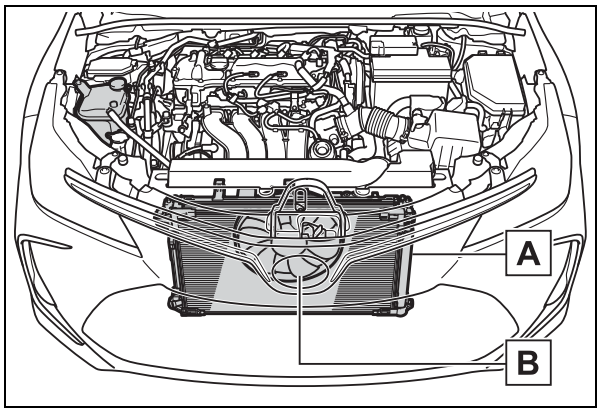
- Xe có màn hình hỗ trợ lái xe: Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát cao (→P.69) sáng hoặc công suất động cơ bị giảm. (Ví dụ, khi tốc độ xe không tăng lên.)
  Xe có màn hình đa thông tin: Đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát cao (→P.71, 76) trong vùng đỏ hoặc công suất động cơ bị giảm. (Ví dụ, khi tốc độ xe không tăng lên.)
- Xe có màn hình đa thông tin: Thông điệp “Nhiệt độ nước làm mát động cơ cao Dừng lại ở vị trí an toàn Xem hướng dẫn sử dụng” được hiển thị trên màn hình đa thông tin.
- Hơi nước thoát ra ở dưới nắp capô.

Các quy trình hiệu chỉnh

1 Hãy dừng xe tại một vị trí an toàn và tắt hệ thống điều hòa không khí, sau đó tắt động cơ.

2 Nếu bạn nhìn thấy hơi nước: Hãy cẩn thận nâng nắp capô lên sau khi hơi nước giảm đi.
Nếu bạn không nhìn thấy hơi nước: Cẩn thận nâng nắp capô lên.

3 Sau khi động cơ đã đủ nguội, hãy kiểm tra các ống dẫn và két nước xem có bị rò rỉ ở đâu không.

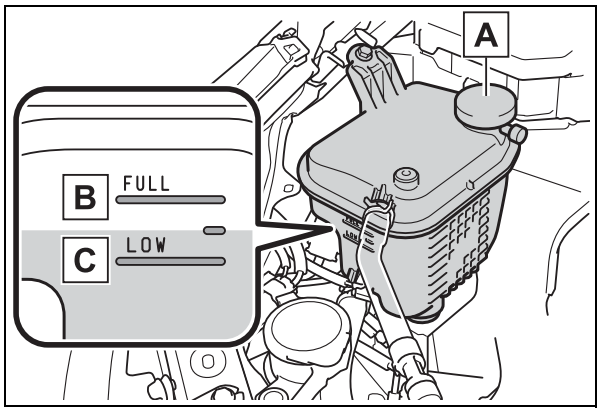


A Két nước

B Quạt làm mát

Nếu có lượng lớn nước làm mát bị rò rỉ, hãy liên hệ ngay với đại lý Toyota.

4 Mức nước làm mát động cơ phải nằm giữa vạch "FULL" và "LOW" trên bình chứa.



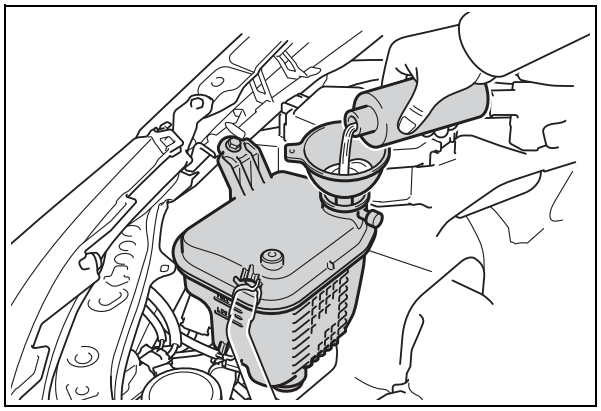
A Bình chứa nước làm mát

B Vạch "FULL"

C Vạch "LOW"

5 Hãy bổ sung thêm nước làm mát động cơ khi cần.

Trong trường hợp khẩn cấp khi không thể có được nước làm mát, thì có thể dùng nước thường như một giải pháp tình thế.



6 Khởi động động cơ và bật hệ thống điều hòa để kiểm tra xem quạt làm mát có quay không và kiểm tra xem nước làm mát có bị rò rỉ ở két nước hoặc đường ống hay không.

Các quạt sẽ quay khi bật hệ thống điều hòa ngay sau khi khởi động nguội. Hãy xác nhận rằng các quạt đang quay bằng cách kiểm tra tiếng kêu của quạt và luồng gió. Nếu gặp khó khăn khi kiểm tra, hãy thử bật và tắt hệ thống điều hòa nhiều lần. (Quạt có thể không quay ở nhiệt độ đóng băng.)

7 Nếu quạt không hoạt động: Hãy tắt động cơ ngay lập tức và liên hệ với đại lý Toyota.
Nếu quạt quay: Hãy yêu cầu đại lý Toyota gần nhất kiểm tra xe giúp bạn

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi kiểm tra các chi tiết dưới nắp capô**

Hãy tuân theo các lưu ý sau đây. Nếu không, có thể dẫn đến các tổn thương nghiêm trọng do bỏng.

l Nếu hơi nước vẫn còn bay ra từ dưới nắp capô, thì không được mở nắp ca pô cho đến khi hơi nước giảm hẳn. Khoang động cơ có thể đang rất nóng.

CẢNH BÁO

- Hãy giữ tay và quần áo (đặc biệt là cà vạt và khăn choàng) tránh xa các cánh quạt và các đai dẫn động. Nếu không, tay hoặc quần áo có thể bị kẹt, gây chấn thương nghiêm trọng.
- Không được nới lỏng nắp của két nước khi động cơ và két nước đang nóng.
  Hơi nước có nhiệt độ cao hoặc nước làm mát bị phun ra.

CHÚ Ý

n **Khi bổ sung nước làm mát động cơ**

Hãy bổ sung từ từ nước làm mát sau khi động cơ đã đủ nguội. Nếu đổ nước làm mát quá nhanh vào động cơ đang nóng thì có thể sẽ làm hỏng động cơ.

n **Để tránh làm hỏng hệ thống làm mát**

Hãy tuân theo các chú ý sau:

- Tránh để các tạp chất (cát hoặc bụi..) lẫn vào nước làm mát.
- Không sử dụng nước làm mát có pha lẫn tạp chất.

Nếu xe bị sa lầy

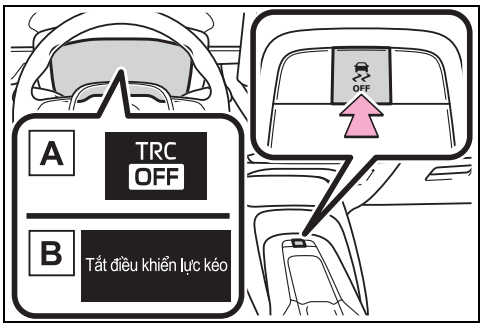
Hãy thực hiện các quy trình sau nếu bánh xe của bạn bị quay trơn do không bám đường hoặc xe bị sa lầy trong bùn, lầy hoặc tuyết:

Quy trình đưa xe thoát khỏi sa lầy

1. Hãy tắt động cơ. Gài phanh đỗ và chuyển cần số về vị trí P.
2. Dọn sạch bùn, tuyết, hoặc cát bám xung quanh bánh trước.
3. Chèn gỗ, đá hoặc các loại vật liệu khác vào dưới bánh trước để tăng lực bám.
4. Khởi động lại động cơ.
5. Chuyển cần số đến số D hoặc số R và nhả phanh đỗ. Sau đó, trong khi thực hiện các lưu ý, hãy đạp bàn đạp ga.

n **Khi khó đưa xe thoát khỏi sa lầy**

Ấn nút OFF để tắt TRC.



A Màn hình hỗ trợ lái xe

B Màn hình đa thông tin

CẢNH BÁO

n **Khi cố gắng đưa xe thoát khỏi sa lầy**

Nếu bạn dùng cách giật xe về đằng trước và đằng sau để đưa xe thoát khỏi sa lầy thì hãy đảm bảo rằng các khu vực xung quanh không bị vướng các vật thể, để tránh bị va chạm với người, vật hoặc các xe khác. Xe có thể sẽ bất ngờ bị nhào tới hoặc lùi khi nó thoát ra khỏi sa lầy. Do vậy hãy đặc biệt cẩn thận.

n **Khi chuyển cần số**

Hãy hết sức cẩn thận, không được chuyển cần số khi đang đạp bàn đạp ga.
Nếu không có thể sẽ làm cho xe bị tăng tốc đột ngột và có thể gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng hộp số và các thiết bị khác**

l Tránh để các bánh trước quay trơn và tránh đạp bàn đạp ga quá mức cần thiết.

l Nếu xe vẫn bị sa lầy sau khi đã thực hiện các quy trình trên, xe của bạn có thể sẽ cần sử dụng tới dịch vụ cứu hộ để thoát ra.

Thông số kỹ thuật

8

8-1. Thông số kỹ thuật

Dữ liệu bảo dưỡng (mức nhiên liệu, mức dầu…) ...376

Thông tin về nhiên liệu ...386

8-2. Tùy chọn

Tính năng tùy chọn cá nhân 387

8-3. Khởi tạo

Các hạng mục cần khởi tạo 397

Dữ liệu bảo dưỡng (mức nhiên liệu, mức dầu...)

Kích thước

Chiều dài tổng thể		4,630 mm 4,435 mm *2
Chiều rộng tổng thể		1,780 mm
Chiều cao tổng thể*1		1,435 mm 1,455 mm *3
Chiều dài cơ sở		2,700 mm
Khoảng cách vệt bánh xe*1	Phía trước	1,530 mm 1,527 mm *3
	Phía sau	1,534 mm 1,525 mm *3

*1: Xe không tải

*2: Xe có cánh gió trên cản xe phía sau

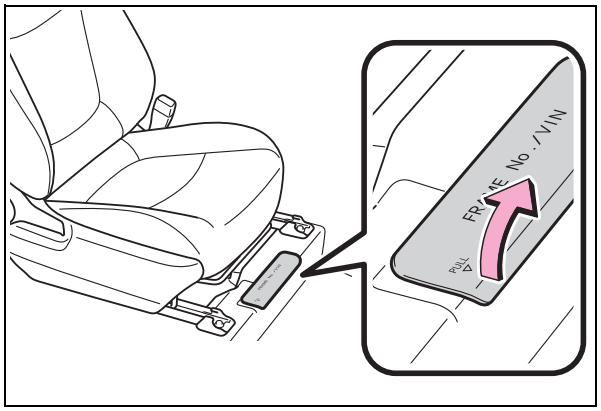
*3: Xe có chiều cao được nâng lên được

Nhận dạng xe

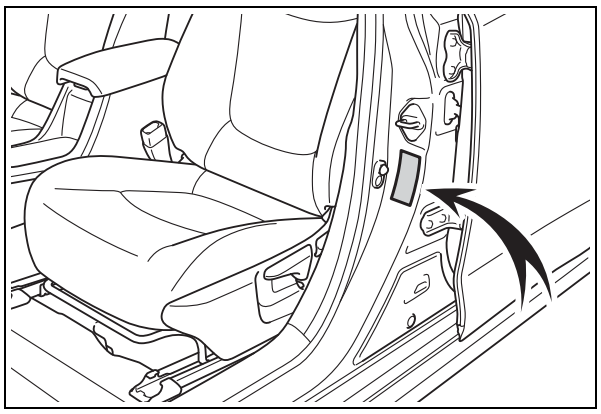
n Số nhận dạng xe (VIN)

Số nhận dạng xe (số VIN) là dấu hiệu nhận biết hợp pháp cho xe của bạn. Đây là số hiệu nhận biết chính cho xe Toyota. Nó được dùng để đăng ký xe.

Số này được dập phía dưới ghế trước bên phải.

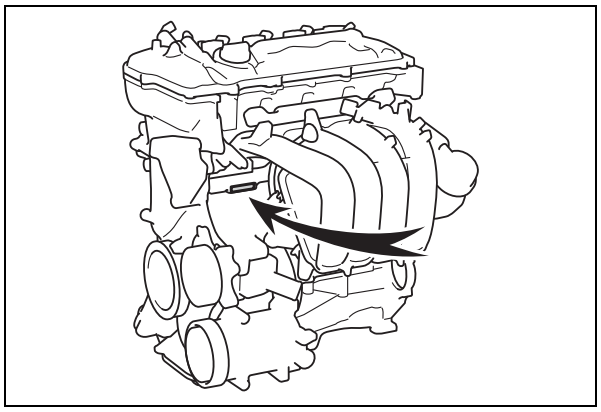


Số này cũng được in trên nhãn của nhà sản xuất.



n Số máy

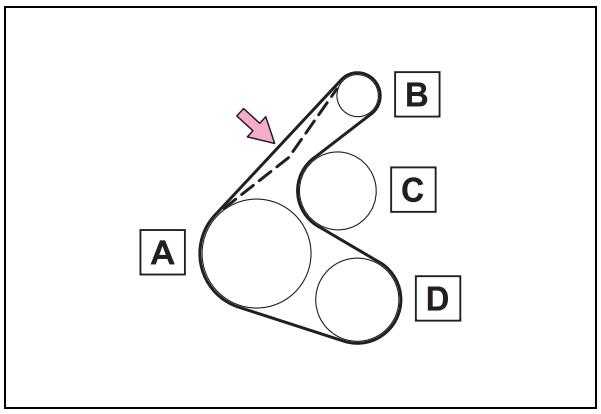
Số máy được dập trên thân động cơ như trên hình vẽ.



Động cơ

Kiểu động cơ	Động cơ 1ZR-FE, 1ZR-FAE, 1ZR-FBE, 2ZR-FE, 2ZR-FBE
Loại động cơ	▶ Động cơ 1ZR-FE, 1ZR-FAE và 2ZR-FE Động cơ xăng, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng ▶ Động cơ 1ZR-FBE và 2ZR-FBE Nhiên liệu linh hoạt, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng
Đường kính và hành trình pittông	▶ 1ZR-FE, 1ZR-FAE và 1ZR-FBE 80.5 × 78.5 mm ▶ Động cơ 2ZR-FE và 2ZR-FBE 80.5 ×88.3 mm
Dung tích xylanh	▶ 1ZR-FE, 1ZR-FAE và 1ZR-FBE 1,598 cm^3 ▶ Động cơ 2ZR-FE và 2ZR-FBE 1,798 cm^3
Khe hở xu páp	Tự động điều chỉnh
Bộ căng đai dẫn động	▶ Trừ động cơ 1ZR-FAE Tự động điều chỉnh ▶ Cho động cơ 1ZR-FAE 7.6 — 10.0 mm*

*: Độ chùng của đai dẫn động khi ấn đai với lực 98 N bằng ngón tay cái (đai cũ)



B Máy phát

C Bơm nước

D Máy nén điều hoà không khí

A Trục khuỷu

Nhiên liệu

▶ Động cơ xăng (Động cơ 1ZR-FE, 1ZR-FAE và 2ZR-FE)

Loại nhiên liệu	Chỉ sử dụng xăng không pha chì
Chỉ số Ốc tan	▶ Động cơ 1ZR-FE và 2ZR-FE 91 trở lên
Dung tích bình nhiên liệu (Tham khảo)	50.0 L

▶ Động cơ sử dụng nhiều loại nhiên liệu (1ZR-FBE và 2ZR-FBE)

Loại nhiên liệu	Xăng không pha chì và/hoặc ethanon tối đa 85% trên xe này.
Chỉ số Ốc tan	91 trở lên
Dung tích bình nhiên liệu (Tham khảo)	50.0 L

Hệ thống bôi trơn (động cơ 1ZR-FE và 2ZR-FE)

n Dung tích dầu (Xả và nạp lại [Tham khảo*])

Có thay lọc dầu	4.2 L
Không thay lọc dầu	3.9 L

*: Dung tích dầu động cơ là chỉ số tham khảo được sử dụng khi thay dầu động cơ. Khi bổ sung dầu động cơ, hãy đảm bảo rằng mức dầu nằm giữa mức dầu thấp và mức dầu cao (→P.305). Hâm nóng rồi tắt động cơ, đợi khoảng 5 phút rồi kiểm tra mức dầu trên que thăm dầu.

n Chọn dầu động cơ

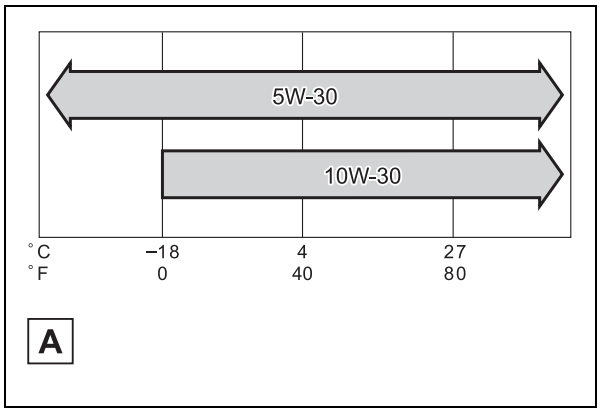
Dầu động cơ chính hiệu Toyota đã được sử dụng trên xe Toyota của bạn. Hãy dùng "Dầu động cơ chính hiệu của Toyota" hay loại

tương đương đáp ứng được các yêu cầu sau về cấp độ và độ nhớt của dầu.

Cấp độ dầu:

5W-30 và 10W-30:
Dầu động cơ API cấp độ SL “Energy-Conserving”, SM “Energy-Conserving” hoặc SN “Resource-Conserving” hoặc SN PLUS “Resource-Conserving” hoặc SP “Resource-Conserving”; hoặc dầu động cơ đa cấp ILSAC GF-6A

Độ nhớt của dầu nên dùng (theo tiêu chuẩn SAE):



A Dải nhiệt độ tham khảo trước khi thay dầu lần tiếp theo

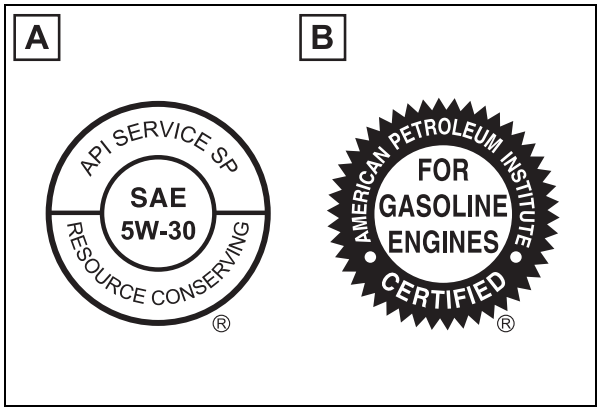
Nếu bạn sử dụng dầu động cơ SAE 10W-30 hoặc loại có độ nhớt cao hơn trong điều kiện nhiệt độ môi trường cực thấp thì động cơ sẽ khó khởi động, do đó nên sử dụng dầu động cơ SAE 5W-30.

Độ nhớt của dầu (Mã 10W-30 được giải thích ở đây là một ví dụ):

- Chỉ số 10W ghi trên nhãn độ nhớt 10W-30 của dầu cho biết rằng đặc tính của dầu cho phép động cơ có thể khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp. Các loại dầu có giá trị của chỉ số đứng trước ký tự W càng thấp thì động cơ càng dễ khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp.
- Chỉ số 30 trên nhãn độ nhớt 10W-30 thể hiện độ nhớt của dầu khi ở điều kiện nhiệt độ làm việc cao. Dầu có trị số độ nhớt lớn (với giá trị cao hơn) sẽ phù hợp cho xe chạy ở tốc độ cao hoặc dưới điều kiện tải nặng.

Cách đọc nhãn trên thùng dầu

Một trong hai hoặc cả hai nhãn hiệu API sẽ được gắn vào thùng dầu để giúp bạn lựa chọn loại dầu nên dùng.



A Biểu tượng dịch vụ API

Phần trên của nhãn: “API SERVICE SP” cho biết chất lượng của dầu theo các quy định của API (Viện dầu mỏ Hoa Kỳ).

Phần giữa của nhãn: "SAE 5W-30" cho biết cấp độ nhớt của dầu theo tiêu chuẩn SAE.

Phần bên dưới nhãn:

"Resource-Conserving" có nghĩa rằng dầu này có khả năng giúp tiết kiệm nhiên liệu và bảo vệ môi trường.

B Dấu chứng nhận của ILSAC

Dấu chứng nhận của ILSAC (Ủy ban phê chuẩn và chuẩn hóa dầu nhớt quốc tế) được dán trên mặt trước của thùng dầu.

Hệ thống bôi trơn (động cơ 1ZR-FBE, 2ZR-FBE và 1ZR-FAE)

n Dung tích dầu (Xả và nạp lại [Tham khảo*])

Có thay lọc dầu	4.2 L
Không thay lọc dầu	3.9 L

*: Dung tích dầu động cơ là chỉ số tham khảo được sử dụng khi thay dầu động cơ. Khi bổ sung dầu động cơ, hãy đảm bảo rằng mức dầu nằm giữa mức dầu thấp và mức dầu cao (→P.305). Hâm nóng rồi tắt động cơ, đợi khoảng 5 phút rồi kiểm tra mức dầu trên que thăm dầu.

n Chọn dầu động cơ

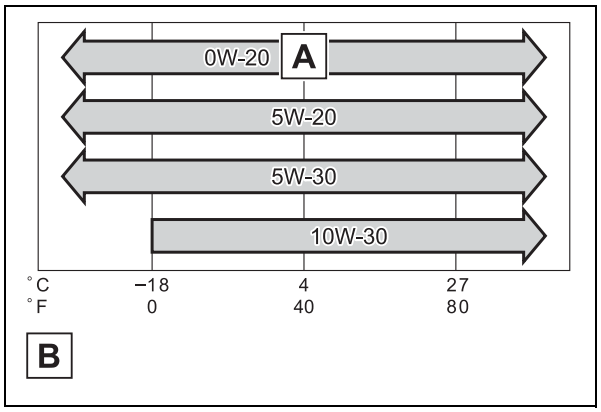
Dầu động cơ chính hiệu Toyota đã được sử dụng trên xe Toyota của bạn. Hãy dùng "Dầu động cơ chính hiệu của Toyota" hay loại tương đương đáp ứng được các yêu cầu sau về cấp độ và độ nhớt của dầu.

Cấp độ dầu:

0W-20, 5W-20, 5W-30 và 10W-30:

Dầu động cơ API cấp độ SL “Energy-Conserving”, SM “Energy-Conserving” hoặc SN “Resource-Conserving” hoặc SN PLUS “Resource-Conserving” hoặc SP “Resource-Conserving”; hoặc dầu động cơ đa cấp ILSAC GF-6A

Độ nhớt của dầu nên dùng (theo tiêu chuẩn SAE):



A Tham khảo

B Dải nhiệt độ tham khảo trước khi thay dầu lần tiếp theo

Dầu động cơ SAE 0W-20 đã được đổ vào xe bạn tại nhà máy, và là loại dầu tốt nhất đảm bảo tính kinh tế nhiên liệu và khởi động tốt trong điều kiện thời tiết lạnh. Nếu bạn sử dụng dầu động cơ SAE 10W-30 hoặc loại có độ nhớt cao hơn trong điều kiện nhiệt độ môi trường cực thấp thì động cơ sẽ khó khởi động, do đó nên sử dụng dầu động cơ SAE 0W-20, 5W-20 hoặc 5W-30.

Độ nhớt (Mã 0W-20 được giải thích ở đây là một ví dụ):

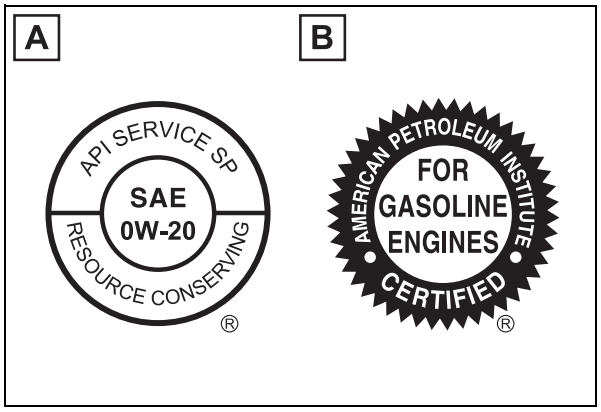
- Chỉ số 0W ghi trên nhãn độ nhớt 0W-20 của dầu cho biết

rằng đặc tính của dầu cho phép động cơ có thể khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp. Các loại dầu có giá trị của chỉ số đứng trước ký tự W càng thấp thì động cơ càng dễ khởi động trong thời tiết lạnh.

- Chỉ số 20 ghi trên mã 0W-20 thể hiện độ nhớt của dầu khi ở điều kiện nhiệt độ làm việc cao. Dầu có trị số độ nhớt lớn (với giá trị cao hơn) sẽ phù hợp cho xe chạy ở tốc độ cao hoặc dưới điều kiện tải nặng.

Cách đọc nhãn trên thùng dầu

Một trong hai hoặc cả hai nhãn hiệu API sẽ được gắn vào thùng dầu để giúp bạn lựa chọn loại dầu nên dùng.



A Biểu tượng dịch vụ API:

Phần trên của nhãn: “API SERVICE SP” cho biết chất lượng của dầu theo các quy định của API (Viện dầu mỏ Hoa Kỳ).

Phần giữa của nhãn: "SAE 0W-20" cho biết cấp độ nhớt của dầu theo tiêu chuẩn SAE.

Phần bên dưới nhãn: "Resource-Conserving" có nghĩa rằng dầu này có khả năng giúp tiết kiệm nhiên liệu và bảo vệ môi trường.

B Dấu chứng nhận của ILSAC

Dấu chứng nhận của ILSAC (Ủy ban phê chuẩn và chuẩn hóa dầu nhớt quốc tế) được dán trên mặt trước của thùng dầu.

Hệ thống làm mát

Dung tích (Tham khảo)	• Động cơ 1ZR-FE Xe không có nút “A/C”: 5.6 L Xe có nút “A/C”: 5.8 L • Động cơ 1ZR-FAE, 1ZR-FBE, 2ZR-FE và 2ZR-FBE Xe không có nút “A/C”: 5.6 L Xe có nút “A/C”: 5.8 L
Loại nước làm mát	Hãy sử dụng một trong các loại nước làm mát sau: • "Nước làm mát siêu bền của Toyota" • Nước làm mát chất lượng cao gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axit hữu cơ tích hợp tuổi thọ cao Không sử dụng nước thường để làm nước làm mát động cơ.

Hệ thống đánh lửa (bugi)

Nhà sản xuất	▶ Động cơ 1ZR-FE, 1ZR-FAE và 2ZR-FE DENSO SC16HR11 ▶ Động cơ 1ZR-FBE và 2ZR-FBE DENSO SC20HR-G11
Khe hở bugi	▶ Động cơ 1ZR-FE, 1ZR-FAE, 1ZR-FBE, 2ZR-FE và 2ZR-FBE 1.1 mm

CHÚ Ý

n **Bugi có đầu hợp kim Iriđium**

Chỉ sử dụng bugi có đầu hợp kim Iriđium. Không điều chỉnh khe hở của bugi.

Hệ thống điện (ắc quy)

Điện áp ở 20°C:	12.3 V trở lên (Tắt công tắc động cơ và bật đèn pha chiếu xa trong khoảng 30 giây.)
Tốc độ nạp	
Nạp nhanh	Tối đa 15 A
Nạp chậm	Tối đa 5 A

Hộp số vô cấp

Dung tích dầu*	7.5 L
Loại dầu	Dầu hộp số CVT chính hiệu của Toyota loại FE

*: Chỉ số dung tích dầu chỉ mang tính chất tham khảo.
Nếu cần phải thay dầu hộp số vô cấp, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

CHÚ Ý

n **Loại dầu hộp số vô cấp**

Sử dụng dầu hộp số vô cấp khác với loại dầu "Toyota Genuine CVT Fluid FE" có thể gây giảm chất lượng hộp số, khóa hộp số kèm theo rung hộp số, và sẽ làm hỏng hộp số.

Hệ thống phanh

Chiều cao bàn đạp phanh*1	Tối thiểu 107 mm
Hành trình tự do của bàn đạp ly hợp	1 — 6 mm
Hành trình của cần phanh đỗ*2, 3	5 — 8 tiếng tách
Chỉ báo phanh đỗ*4, 5	Khi kéo công tắc phanh đỗ trong 1 giây đến 2 giây: sáng lên Khi đẩy công tắc phanh đỗ trong 1 đến 2 giây:Tắt
Loại dầu	SAE J1703 hoặc FMVSS No.116 DOT 3 SAE J1704 hoặc FMVSS No.116 DOT 4

*1: Độ cao tối thiểu của bàn đạp phanh khi đạp phanh với lực 300 N và trong khi động cơ đang hoạt động.

*2: Nếu có

*3: Hành trình của cần phanh đỗ khi kéo với lực 200N

*4: Xe có phanh đỗ điều khiển điện

*5: Kiểm tra và xác nhận rằng đèn cảnh báo phanh (màu vàng) không sáng lên. (Nếu đèn cảnh báo phanh sáng lên, hãy tham khảo P.341.)

Hệ thống lái

Độ rơ của vô lăng	Nhỏ hơn 30 mm

Lốp và vành xe

▶ Lốp 16 inch

Cỡ lốp	205/55R16 91V	
Áp suất lốp (Áp suất tiêu chuẩn của lốp xe khi nguội)	Lốp trước kPa	Bánh sau kPa
	220	220
Cỡ vành	16 × 7 J	
Lực xiết đai ốc lốp	103 N.m	

▶ Loại lốp 17 inch

Cỡ lốp	225/45R17 91W	
Áp suất lốp (Áp suất tiêu chuẩn của lốp xe khi nguội)	Lốp trước kPa	Bánh sau kPa
	230	210
Cỡ vành	17 × 7 1/2J	
Lực xiết đai ốc lốp	103 N.m	

▶ Lốp 18-inch

Cỡ lốp	225/40R18 88W	
Áp suất lốp (Áp suất tiêu chuẩn của lốp xe khi nguội)	Lốp trước kPa	Bánh sau kPa
	230	210
Cỡ vành	18 × 8J	
Lực xiết đai ốc lốp	103 N.m	

▶ Khi sử dụng lốp dự phòng loại gọn (nếu có)

Cỡ lốp	T125/70D17 98M
Áp suất lốp (Áp suất tiêu chuẩn của lốp xe khi nguội)	420 kPa
Cỡ vành	17 × 4T
Lực xiết đai ốc lốp	103 N.m

Bóng đèn

	Bóng đèn	W	Loại động cơ
Bên ngoài xe	Đèn pha (kiểu bóng)	55	A
	Đèn xi nhan phía trước (kiểu bóng)	21	B
	Đèn xi nhan sau (kiểu bóng)	21	B
	Đèn soi biển số	5	C
Bên trong xe	Các đèn cá nhân phía trước	8	C
	Đèn trang điểm (nếu có)	8	C
	Đèn nội thất phía sau	8	D
	Đèn khoang hành lý	5	C

A: Bóng đèn halogen HIR2 (trong suốt)

B: Bóng đèn đui hình nêm (màu hổ phách)

C:Bóng đèn đui hình nêm (trong suốt)

D: Bóng đèn đui kép

Thông tin về nhiên liệu

▶ Động cơ xăng

• Động cơ 1ZR-FE, 2ZR-FE

Chỉ được sử dụng xăng không pha chì.
Để tối ưu hóa công suất động cơ, hãy sử dụng xăng không pha chì có trị số ốctan đạt tối thiểu từ 91 trở lên.

▶ Động cơ chạy nhiên liệu linh hoạt

• Động cơ 1ZR-FBE và 2ZR-FBE

Bạn chỉ được sử dụng xăng không pha chì và/hoặc ethanol tối đa 85% trên xe này.
Để tối ưu hóa công suất động cơ, hãy sử dụng xăng không pha chì có trị số ốctan đạt tối thiểu từ 91 trở lên.
Có thể sử dụng xăng không pha chì, sử dụng nhiên liệu có nồng độ ethanol tối đa 85%, hoặc sử dụng trộn hai loại này.

n Dùng xăng pha ethanol cho động cơ xăng (động cơ 1ZR-FE, 2ZR-FE và 1ZR-FAE)

Loại động cơ này có thể sử dụng xăng pha ethanon với hàm lượng ethanon tối đa 10%. Hãy đảm bảo rằng xăng pha ethanon được sử dụng có chỉ số ốc tan phù hợp với các thông số ở trên.

n Dùng xăng pha ethanol cho động cơ sử dụng nhiều nhiên liệu (động cơ 1ZR-FBE và 2ZR-FBE)

Toyota cho phép sử dụng xăng pha ethanon với hàm lượng ethanon tối đa 85% trên xe này. Hãy đảm bảo rằng xăng pha ethanon được sử dụng có chỉ số ốc-tan phù hợp với các thông số trên.

n Nếu động cơ phát ra tiếng gõ

l Hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota.

l Xe của bạn có thể sẽ phát ra tiếng gõ máy nhẹ trong thời gian ngắn khi tăng tốc hoặc leo lên đồi dốc. Triệu chứng này là hoàn toàn bình thường và bạn không cần phải bận tâm về điều đó.

⚠ CHÚ Ý

n Chú ý về chất lượng nhiên liệu

l Không được dùng sai loại nhiên liệu. Nếu sử dụng sai loại nhiên liệu sẽ làm hỏng động cơ.

l Không được sử dụng động cơ có phụ gia kim loại, ví dụ như mangan, sắt hoặc chì, nếu không, có thể làm hỏng động cơ hoặc hệ thống kiểm soát khí xả.

l Không được sử dụng các chất phụ gia bằng kim loại được bán trên thị trường.

l Động cơ sử dụng nhiều loại nhiên liệu (1ZR-FBE và 2ZR-FBE): Chúng tôi khuyên đổ đầy bình xăng (E0-E20) sau cứ 10,000 km để giúp làm sạch hệ thống nhiên liệu và duy trì tính năng tối ưu của động cơ.

l Không sử dụng xăng pha methanol như xăng M15, M85, M100. Sử dụng xăng pha methanol có thể sẽ làm hỏng động cơ.

Tính năng tùy chọn cá nhân

Xe của bạn có rất nhiều chức năng điện tử có thể tùy chọn cá nhân theo ý muốn của bạn. Có thể thay đổi cài đặt các tính năng này bằng cách sử dụng màn hình đa thông tin, hệ thống đa phương tiện hoặc tại đại lý Toyota.

Tùy chọn các đặc tính trên xe

n **Thay đổi bằng màn hình hệ thống đa giải trí phương tiện (xe có hệ thống đa phương tiện)**

1 Ấn nút "MENU".

2 Chọn "Cài đặt" trên màn hình "Menu".

3 Chọn mục "Xe" trên màn hình "Cài đặt".

Có thể thay đổi các cài đặt khác nhau. Hãy tham khảo danh mục các cài đặt có thể thay đổi để biết thêm thông tin chi tiết.

n **Thay đổi bằng cách sử dụng các nút điều khiển trên đồng hồ táp lô (xe có màn hình đa thông tin)**

1 Chọn  ((màn hình 7-inch)) hoặc  (màn hình 12.3-inch) của màn hình đa thông tin.

2 Chọn hạng mục.

Ấn ^ hoặc v để chọn mục mong muốn tùy chọn.

3 Hãy ấn hoặc ấn và giữ OK .

Lựa chọn cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào việc ấn hoặc ấn và giữ OK . Hãy tuân theo các hướng dẫn trên màn hình hiển thị.

CẢNH BÁO

n **Trong khi tiến hành cài đặt tùy chọn**

Vì động cơ cần phải được nổ máy trong khi tiến hành tùy chỉnh, do vậy hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ ở vị trí thông gió tốt. Trong khu vực kín, như ở gara, khí xả có chứa khí CO (cácbon môôxít) độc hại có thể ngưng tụ và xâm nhập vào trong xe. Tình trạng này có thể gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Trong khi tiến hành cài đặt tùy chọn**

Để tránh làm hết điện của ắc quy, hãy đảm bảo rằng động cơ đang chạy trong khi tiến hành tùy chọn cá nhân cho các tính năng.

Tính năng tùy chọn cá nhân

Việc thay đổi cài đặt cho một số chức năng sẽ làm cho chức năng khác thay đổi theo. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin.

A Có thể thay đổi các cài đặt bằng cách sử dụng màn hình hệ thống đa phương tiện (xe có hệ thống đa phương tiện)

B Có thể thay đổi các cài đặt bằng cách sử dụng các nút điều khiển trên đồng hồ táp lô (xe có màn hình đa thông tin)

C Những cài đặt có thể thay đổi bởi đại lý Toyota

Định nghĩa các ký hiệu: O = Khả dụng, - = Không khả dụng

n Đồng hồ báo, đồng hồ đo và màn hình đa thông tin*1 (→P.64, 71, 76, 84, 90)

Chức năng*2	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Ngôn ngữ*3	Tiếng Anh	*4, 5	—	O	—
Đơn vị đo	(L/100 km)	km/L	—	O	—
Kiểu hiển thị đồng hồ*6	Dạng analog	Dạng kỹ thuật số	—	O	—
Kiểu hiển thị đồng hồ*7	2 mặt đồng hồ	1mặt đồng hồ I*8	—	O	—
		Không hiển thị đồng hồ*8			
Kiểu đồng hồ *7	Thông minh	Casual	—	O	—
		Tough			
		Sporty			
Kiểu mặt đồng hồ*9	Đồng hồ tốc độ động cơ	Đồng hồ tốc độ xe	—	O	—
Đèn chỉ báo lái xe Eco	Bật	Tắt	—	O	—

Chức năng[*2]	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hiển thị kinh tế nhiên liệu	Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình (sau khi cài đặt lại)	Trung bình của hành trình (mức tiêu hao nhiên liệu trung bình (sau khi khởi động) Trung bình của bình nhiên liệu (mức tiêu hao nhiên liệu trung bình (sau khi nạp lại nhiên liệu)	—	O	—
Màn hình liên kết của hệ thống âm thanh[*1]	Bật	Tắt	—	O	—
Kiểu thông tin lái xe	Sau khi khởi động	Sau khi đặt lại	—	O	—
Các hạng mục thông tin lái xe (hạng mục thứ nhất)	Khoảng cách	Tốc độ trung bình của xe Thời gian trôi qua	—	O	—
Các hạng mục thông tin lái xe (hạng mục thứ 2)	Thời gian trôi qua	Tốc độ trung bình của xe Khoảng cách	—	O	—
Các hạng mục HÀNH TRÌNH A (hạng mục thứ nhất)[*7]	Khoảng cách	Tốc độ trung bình của xe Thời gian trôi qua	—	O	—
Các hạng mục HÀNH TRÌNH A (hạng mục thứ hai)[*7]	Tốc độ trung bình của xe	Khoảng cách Thời gian trôi qua	—	O	—
Các hạng mục HÀNH TRÌNH B (hạng mục thứ nhất)[*7]	Khoảng cách	Tốc độ trung bình của xe Thời gian trôi qua	—	O	—
Các hạng mục HÀNH TRÌNH B (hạng mục thứ hai)[*7]	Tốc độ trung bình của xe	Khoảng cách Thời gian trôi qua	—	O	—
Màn hình pop-up	Bật	Tắt	—	O	—

[*1]: Nếu có

*2: Để biết chi tiết cho từng chức năng: →P.84, 90

*3: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi theo từng quốc gia.

*4: Tiếng Việt, Tiếng Trung, Tiếng Thái, Tiếng Ả rập, Tiếng In-đô, Tiếng Tây ban nha, Tiếng Pháp, Tiếng Bồ Brazil, Tiếng Hebrơ, Tiếng Ma-lay

*5: Cài đặt tùy chọn sẽ tùy thuộc vào từng quốc gia.

*6: Màn hình 7-inch

*7: Màn hình 12.3-inch

*8: Có thể thay đổi hoạt động bật/tắt của widget.

*9: Màn hình 12.3-inch khi chọn hiển thị 1mặt đồng hồ

n Màn hình trên kính chắn gió* (→P.96)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Màn hình trên kính chắn gió	Bật	Tắt	—	O	—
Thông tin đồng hồ đo	Đồng hồ tốc độ động cơ	Đèn chỉ báo lái xe Eco	—	O	—
		Không có nội dung			
Màn hình hệ thống hỗ trợ lái xe*	Bật	Tắt	—	O	—
Trạng thái hoạt động của hệ thống âm thanh*	Bật	Tắt	—	O	—

*: Nếu có

n Khóa cửa (→P.109, 115, 365)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Mở khóa bằng chìa khóa	Tất cả các cửa được mở khóa bằng một thao tác	Cửa người lái được mở khóa bằng một thao tác, tất cả các cửa được mở khóa bằng hai thao tác	—	—	O
Chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ*	Bật	Tắt	O	—	O
Chức năng khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số*	Tắt	Bật	O	—	O

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chức năng mở khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số*	Tắt	Bật	O	—	O
Chức năng mở khóa cửa liên kết với cửa người lái*	Tắt	Bật	O	—	O
Khóa/mở khóa khoang hành lý khi tất cả các cửa đã được khóa/mở khóa	Bật	Tắt	—	—	O

*: Nếu có

n Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh*1 và điều khiển từ xa (→P.109, 118)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Tín hiệu hoạt động (Chuông báo)*2	5	Tắt	O	—	O
		Từ 1 đến 7			
Tín hiệu hoạt động (Đèn nháy khẩn cấp)	Bật	Tắt	O	—	O
Thời gian trôi qua trước khi chức năng khóa cửa tự động được kích hoạt nếu cửa không mở sau khi được mở khóa	30 giây	60 giây	—	—	O
		120 giây			
Đèn cảnh báo cửa mở*1	Bật	Tắt	—	—	O

*1: Nếu có

*2: Trên một số kiểu xe

n Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh* (→P.109, 118)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh	Bật	Tắt	O	—	O
Mở khóa cửa thông minh	Tất cả các cửa	Cửa người lái	O	—	O

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Thời gian trôi qua trước khi mở khóa tất cả các cửa khi nắm vào tay nắm cửa người lái	Tắt	1.5 giây	—	—	O
		2.0 giây			
		2.5 giây			
Số lần hoạt động khóa cửa liên tục	2 lần	Nhiều như mong muốn	—	—	O

*: Nếu có

n Điều khiển từ xa (→P.106, 109, 115)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Điều khiển từ xa	Bật	Tắt	—	—	O
Thao tác mở khóa	Tất cả các cửa được mở khóa bằng một thao tác	Cửa người lái được mở khóa bằng một thao tác, tất cả các cửa được mở khóa bằng hai thao tác	O	—	O
Hoạt động mở khóa khoang hành lý	Hãy ấn và giữ nút (ngắn)	Ấn nhanh một lần	—	—	O
		Ấn hai lần			
		Ấn và giữ nút (dài)			
		Tắt			
Chế độ báo động của hệ thống chống trộm*	Bật	Tắt	—	—	O

*: Nếu có

n Gương chiếu hậu bên ngoài xe (→P.131)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Tự động gập và mở gương*	Liên kết với chức năng khóa /mở khóa của cửa xe	Tắt	—	—	O
		Liên kết với hoạt động của công tắc động cơ			

*: Nếu có

n Cửa sổ điện (→P.134)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hoạt động liên kết với hoạt động của chìa khóa cơ	Tắt	Bật	—	—	O
Hoạt động liên kết với điều khiển từ xa	Tắt	Bật	—	—	O
Tín hiệu hoạt động liên kết với điều khiển từ xa (chuông báo)	Bật	Tắt	—	—	O

n Hệ thống điều khiển đèn tự động*1 (→P.163)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Độ nhạy của cảm biến đèn	Tiêu chuẩn	Từ -2 đến 2	O	—	O
Khoảng thời gian trước khi đèn pha tự động sáng*2	Tiêu chuẩn	Dài	—	—	O
Hệ thống đèn chờ dẫn đường (Thời gian chờ cho đến khi đèn pha tự động tắt)	30 giây	60 giây	—	—	O
		90 giây			
		120 giây			

*1: Nếu có

*2: Trên một số kiểu xe

n PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)*1 (→P.181)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)*2	Bật, Tắt	—	O	—
Điều chỉnh thời điểm cảnh báo	Sớm, Trung bình, Muộn	—	O	—

*1: Nếu có

*2: Hệ thống sẽ tự động kích hoạt mỗi lần bật ON công tắc động cơ.

n LTA (Hỗ trợ bám làn đường)*/LDA (Cảnh báo lệch làn có liên kết điều khiển lái)* (→P.188, 197)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chức năng định tâm làn đường*	Bật, Tắt	—	O	—
Chức năng hỗ trợ lái	Bật, Tắt	—	O	—
Độ nhạy của cảnh báo	Cao, Tiêu chuẩn	—	O	—
Chức năng cảnh báo lắc xe	Bật, Tắt	—	O	—
Độ nhạy cảnh báo lắc xe	Cao, Tiêu chuẩn, Thấp	—	O	—

*: Nếu có

n Theo dõi điểm mù (BSM)* (→P.228)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù)	Bật	Tắt	—	O	—
Độ sáng đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài	Sáng	Mờ	—	O	—
Thời điểm cảnh báo sự xuất hiện của xe đang đến gần (độ nhạy)	Trung bình	Sớm	—	O	—
		Muộn			
		Chỉ khi xe được phát hiện trong điểm mù			

*: Nếu có

n Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota* (→P.233)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota	Bật	Tắt	—	O	—
Âm lượng chuông báo	Mức 2	Mức 1	—	O	—
		Mức 3			

*: Nếu có

n Chức năng RCTA (Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau)* (→P.240)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)	Bật	Tắt	—	O	—
Âm lượng chuông báo	Mức 2	Mức 1	—	O	—
		Mức 3			

*: Nếu có

n Hệ thống điều hòa không khí tự động* (→P.261)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chuyển giữa chế độ lấy khí từ bên ngoài và tuần hoàn khí trong xe liên kết với hoạt động chuyển chế độ tự động	Bật	Tắt	O	—	O
Sử dụng công tắc điều hòa tự động A/C	Bật	Tắt	O	—	O

*: Nếu có

n Hệ thống đèn chiếu sáng (→P.268)

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Thời gian trôi qua trước khi các đèn nội thất tắt	15 giây	Tắt	O	—	O
		7.5 giây			
		30 giây			
Hoạt động sau khi tắt công tắc động cơ	Bật	Tắt	—	—	O
Hoạt động khi các cửa được mở khóa	Bật	Tắt	—	—	O
Hoạt động khi bạn đến gần xe và mang theo chìa khóa điện tử*	Bật	Tắt	—	—	O

Chức năng	Cài đặt mặc định	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Đèn chiếu sáng ngăn để cốc* và đèn khay giữa*	Bật	Tắt	—	—	O
Đèn trang trí tấm ốp cửa*	Bật	Tắt	—	—	O

*: Nếu có

n **Tùy chọn cá nhân trên xe**

l Khi tắt hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, thì không thể tùy chọn được mở khóa cửa thông minh.

l Khi cửa đang được đóng lại sau khi mở khóa các cửa và chức năng khóa cửa tự động đang được kích hoạt, sẽ tạo ra các tín hiệu tương ứng với tín hiệu hoạt động (chuông báo) và tín hiệu hoạt động (đèn nháy khẩn cấp).

n **Trong các trường hợp dưới đây, chế độ tùy chọn sẽ tự động tắt khi thay đổi các cài đặt trên màn hình đa thông tin**

l Một thông điệp cảnh báo hiển thị, sau khi màn hình của chế độ tùy chọn được hiển thị

l Khi tắt công tắc động cơ.

l Xe bắt đầu chạy, khi màn hình của chế độ tùy chọn được hiển thị.

Các hạng mục cần khởi tạo

Những hạng mục sau cần phải khởi tạo để có thể hoạt động bình thường sau khi nối lại ắc quy, hoặc sau khi bảo dưỡng xe:

Danh sách những hạng mục cần khởi tạo

Hạng mục	Tiến hành khởi tạo	Tham khảo
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp (nếu có)	• Khi đảo các lốp trước và các lốp sau mà chúng có áp suất khác nhau • Khi thay cỡ lốp	P.313

Mục lục

Phải làm gì nếu…
(Cách xử lý) 400

Bảng danh mục theo thứ
tự bảng chữ cái 403

Phải làm gì nếu... (Cách xử lý)

Nếu xe của bạn có vấn đề, hãy kiểm tra như sau trước khi liên hệ với đại lý Toyota.

Không thể khóa, mở khóa, mở hoặc đóng các cửa xe



Mất chìa khóa

- Nếu bạn đánh mất chìa khóa cơ hoặc chìa khóa khác, đại lý Toyota sẽ cung cấp chìa khóa cơ mới chính hiệu cho bạn. (→P.364)
- Nếu bạn đánh mất chìa khóa hoặc chìa khóa điện tử, nguy cơ mất trộm xe sẽ tăng. Hãy liên hệ ngay với đại lý Toyota. (→P.364)



Không thể khóa hoặc mở khóa các cửa xe

- Pin chìa khóa có yếu hay hết điện không? (→P.320)
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Công tắc động cơ ON?

Khi khóa các cửa, hãy tắt công tắc động cơ. (→P.148)

- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Chìa khóa điện tử đang ở trong xe không?

Khi khóa các cửa, hãy đảm bảo rằng bạn mang chìa khóa điện tử theo người.

- Chức năng này có thể không hoạt động chính xác do điều kiện thu/phát sóng rađiô. (→P.107, 120)



Không thể mở cửa sau

- Cơ cấu khóa bảo vệ trẻ em có được gài không?

Bạn sẽ không thể mở cửa sau từ bên trong của xe khi đã cài khóa bảo vệ trẻ em. Hãy mở cửa sau từ bên ngoài rồi mở cơ cấu khóa bảo vệ trẻ em. (→P.113)



Đóng nắp khoang hành lý khi chìa khóa điện tử ở bên trong (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

- Chức năng này để tránh cho chìa khóa điện tử không bị khóa bên trong khoang hành lý sẽ hoạt động và bạn có thể mở khoang hành lý như bình thường. Hãy lấy chìa khóa ra khỏi khoang hành lý. (→P.116)

Nếu có điều gì đó bất thường



Động cơ không khởi động được (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

- Cần số có đang ở vị trí P

không? (→P.146)

- Ắc quy có bị hết điện không? (→P.367)



Động cơ không khởi động được (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

- Bạn có ấn công tắc động cơ trong khi đã đạp chắc phanh chưa? (→P.147)
- Cần số có đang ở vị trí P không? (→P.147)
- Chìa khóa điện tử có được phát hiện ở bất cứ vị trí nào trong xe không? (→P.118)
- Pin chìa khóa điện tử yếu hay hết điện?

Trong trường hợp này, có thể khởi động động cơ bằng biện pháp tình thế. (→P.366)

- Ắc quy có bị hết điện không? (→P.367)



Cần số sẽ không thể chuyển khỏi vị trí P ngay cả khi bạn đạp bàn đạp phanh

- Công tắc động cơ bật ON?

Nếu bạn không thể nhả cần số khi đã đạp phanh với công tắc động cơ bật ON. (→P.154)



Không thể mở hoặc đóng các cửa sổ bằng các công tắc cửa sổ điều khiển điện

- Bạn có ấn công tắc khóa cửa sổ không?

Cửa sổ điện, trừ cửa sổ phía người lái không thể kích hoạt nếu như ấn công tắc khóa cửa sổ. (→P.136)



Công tắc động cơ tự động tắt đi (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

- Chức năng tự động tắt nguồn sẽ hoạt động nếu để xe ở ACC hoặc ON (động cơ không hoạt động) trong một thời gian nhất định. (→P.150)



Chuông cảnh báo kêu trong khi lái xe

- Đèn nhắc nhở thắt đai an toàn đang nhấp nháy

Người lái và hành khách phía trước có thắt đai an toàn không? (→P.345)

- Đèn chỉ báo phanh đỗ bật

Phanh đỗ đã được nhả chưa? (→P.157, 158)

Tùy vào từng trường hợp, những chuông cảnh báo khác có thể cũng kêu. (→P.341, 353)



Báo động được kích hoạt và còi kêu (xe có hệ thống báo động)

- Có người ở trong xe mở cửa khi đã đặt hệ thống báo động không?

Cảm biến phát hiện ra nó và chuông báo động báo kêu. (→P.57)

Hãy làm theo một trong những cách sau để hủy kích hoạt hoặc

dừng hệ thống báo động:

- Mở khóa cửa xe.
- Bật công tắc động cơ tới vị trí ACC hoặc ON, hoặc khởi động động cơ. (Hệ thống báo động sẽ bị hủy kích hoạt hoặc ngừng báo động sau vài giây.)



Chuông cảnh báo kêu khi rời khỏi xe (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

- Chìa khóa điện tử có đang ở trong xe không?

Kiểm tra các thông báo trên màn hình đa thông tin. (→P.353)



Đèn cảnh báo sáng lên hoặc một thông điệp cảnh báo xuất hiện

- Khi đèn cảnh báo sáng lên hoặc thông báo xuất hiện trên màn hình, hãy tham khảo trang P.341, 353.

Khi xe gặp vấn đề



Nếu xe bị xịt lốp

- Hãy dừng xe ở một vị trí an toàn trên đường và thay lốp bị xịt hơi bằng lốp dự phòng. (→P.355)



Nếu xe bị sa lầy

- Hãy thực hiện theo quy trình khi xe bị sa lầy trong bùn, lầy hoặc tuyết. (→P.372)

Bảng danh mục theo thứ tự bảng chữ cái

A

Ắc quy
Kiểm tra ắc quy 307
Nếu ắc quy bị hết điện 367
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông 252
Đèn cảnh báo 342
Ăng ten (hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) 118
An toàn cho trẻ nhỏ
Các lưu ý với túi khí.....33
Lưu ý đối với ắc quy 308, 370
Hệ thống ghế cho trẻ em 40
Cách thắt đai an toàn cho trẻ nhỏ 26
Lắp hệ thống ghế cho trẻ em....40
Công tắc khóa cửa sổ điện 136
Các lưu ý với cửa sổ điện 135
Khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau 113
Các lưu ý khi tháo pin chìa khoá 322
Các lưu ý với đai an toàn 39
Các lưu ý đối với khoang hành lý 115
Áp suất lốp 315
Dữ liệu bảo dưỡng 384
Đèn cảnh báo 346

B

Bảo dưỡng
Tự bảo dưỡng.....299
Dữ liệu bảo dưỡng 376
Các yêu cầu bảo dưỡng.....292
Lịch bảo dưỡng 294
Bộ lọc điều hòa 318
Bộ mở
Cửa nạp nhiên liệu.....174
Nắp capô.....301
Khoang hành lý 116
Bộ sấy
Kính cửa hậu 258, 264
Kính chắn gió 258, 263
Bộ sấy kính cửa hậu 258, 264
Bộ sưởi
Hệ thống điều hòa không khí tự động.....261
Hệ thống sưởi ấm.....256
Hệ thống điều hoà không khí thường.....256
Bóng đèn
Thay thế 326
Bugi.....382

C

Cần chuyển số
Hộp số vô cấp.....152
Nếu không thể chuyển số khỏi vị trí P.....154
Cần gạt nước rửa kính chắn gió170
Cầu chì.....323
Các biểu tượng của Menu 85
Các cảm biến hỗ trợ đỗ xe (Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota).....233
Các cổng sạc USB 274
Các công tắc
Hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay 38
Hệ thống chiếu xa tự động.....166
Công tắc giữ phanh.....160
Công tắc điều khiển chạy tự động 225
Nút "DISP" 82
Nút thay đổi nội dung hiển thị của màn hình 73, 82
Các công tắc khóa cửa 112
Công tắc chọn chế độ lái xe ...246
Công tắc điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa.....216
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa 205
Công tắc đèn nháy khẩn cấp..332
Công tắc động cơ.....146, 147
Khóa điện.....146, 147
Công tắc LDA (cảnh báo lệch làn có liên kết điều khiển lái).....201

Công tắc đèn 163
Công tắc LTA (Hỗ trợ bám làn đường).....193
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô 85, 90
Nút "ODO TRIP".....79
Công tắc điều khiển gương chiếu hậu bên ngoài.....131
Các công tắc chuyển số trên vô lăng 154
Công tắc phanh đỗ.....158
Công tắc khóa cửa điện.....112
Công tắc cửa sổ điều khiển điện 134
Nút RCTA.....241
Công tắc bộ sấy kính cửa hậu 261
Công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp 313
Công tắc cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 233
Công tắc đặt khoảng cách với xe phía trước 205, 216
Công tắc VSC OFF 248
Công tắc khóa cửa sổ.....136
Công tắc gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió 170
Các công tắc chuyển số trên vô lăng.....154
Các móc
Móc treo áo 283
Móc hãm (thảm trải sàn xe).....22
Các móc bắt phía trên.....48
Các đèn cảnh báo.....341
Hệ thống ABS 343
Đèn chỉ báo hoạt động của chức năng giữ phanh 348
Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn 344
Hệ thống phanh 341
Hệ thống nạp 342
Nhiệt độ dầu hộp số vô cấp....342
Điều khiển dẫn động - khởi động.....344
Trợ lực lái bằng điện 344
Nhiệt độ nước làm mát cao.....341
Đèn chỉ báo LDA.....346
Mức dầu động cơ thấp 342
Áp suất dầu động cơ thấp.....342
Mức nhiên liệu thấp 345
Đèn chỉ báo LTA 346
Đèn chỉ báo hư hỏng.....343
Cửa mở 345
Đèn chỉ báo phanh đỗ.....348
Hệ thống cảnh báo tiền va chạm 347
Đèn chỉ báo OFF hệ thống RCTA 347
Đèn nhắc thắt đai an toàn 345, 346
Đèn chỉ báo trượt 348
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 345
Hệ thống túi khí.....343
Áp suất lốp.....346
Đèn chỉ báo OFF cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 347
Các nút điều khiển hệ thống âm thanh từ xa trên vô lăng.....275
Các thông điệp cảnh báo.....353
Cảm biến
Hệ thống chiếu xa tự động.....164
Hệ thống chiếu xa tự động.....166
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù).....228
Gương chiếu hậu bên trong xe131
LDA (Cảnh báo lệch làn có liên kết với điều khiển lái).....197
LTA (Hỗ trợ bám làn đường) ...188
Cảm biến ra đa 176, 229
Cần gạt nước kính chắn gió có cảm biến nước mưa 172
RCTA 242
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 233
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota
Chức năng.....233
Thông điệp cảnh báo 235
Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau (RCTA).....240
Cảnh báo xe tiến tới gần xe khác 211, 221

Chăm sóc xe
Bên ngoài xe 286
Bên trong xe.....289
Đai an toàn.....289
Vành và các ốp bánh xe 286
Chắn nắng
Chắn nắng phía sau.....282
Chắn nắng phía sau 282
Chế độ báo động 106
Chìa khóa
Chức năng tiết kiệm điện 120
Chìa khóa điện tử 104
Công tắc động cơ.....146, 147
Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác.....365
Nếu bạn đánh mất chìa khóa..364
Tấm ghi số hiệu chìa.....104
Hệ thống mở khóa thông minh 109, 118
Chìa khóa cơ 104
Thay pin 320
Chuông cảnh báo.....118
Điều khiển từ xa 106
Chìa khóa điện tử.....104
Chức năng tiết kiệm điện 120
Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác.....365
Thay pin 320
Chức năng chống kẹt khi lên kính
Cửa sổ điện.....134
Chức năng ghi dữ liệu (EDR) 7
Chức năng ghi dữ liệu sự kiện (EDR) 7
Chức năng ghi dữ liệu xe 6
Chức năng RCTA 242
Chuông cảnh báo
Hệ thống ABS 343
Túi khí 343
Cảnh báo xe tiến tới gần xe khác 211, 221
Chức năng giữ phanh.....348
Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn 344
Hệ thống phanh 341
Hệ thống nạp 342
Xuống số.....156
Điều khiển dẫn động - khởi động 344
Trợ lực lái bằng điện 344
Động cơ.....343
Nhiệt độ nước làm mát cao.....341
Nhắc rút chìa khóa.....147
LDA (Cảnh báo lệch làn có liên kết với điều khiển lái)....197, 346
Áp suất dầu động cơ thấp.....342
LTA (Hỗ trợ bám làn đường).....188, 346
Cửa mở 111, 113, 345
Mở cửa sổ 135
Công tắc RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau) 347
Đai an toàn.....345, 346
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 239, 347
Công tắc khóa cửa sổ.....136
Công tắc LDA (cảnh báo lệch làn có liên kết điều khiển lái).....201
Công tắc LTA (Hỗ trợ bám làn đường) 193
Công tắc động cơ 146, 147
Chức năng tự động tắt nguồn .150
Thay đổi chế độ của công tắc động cơ 149
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 332
Còi.....129
Cửa mở
Đèn cảnh báo 345
Cửa nạp nhiên liệu
Nạp nhiên liệu.....174
Cửa sổ
Cửa sổ điện.....134
Bộ sấy kính cửa hậu 258, 264
Vòng đệm.....170
Cửa sổ bên 134
Cửa sổ điện
Điều khiển cửa sổ liên kết với khóa cửa 135

Chức năng chống kẹt khi lên kính 134
Hoạt động 134
Công tắc khóa cửa sổ 136
Cửa xe
Hệ thống khóa và mở khóa cửa tự động 113
Kính cửa 134
Khóa cửa 109
Chuông cảnh báo cửa mở 111, 113
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 131
Khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau 113
Cửa bên 109

D

Dầu
Dầu động cơ.....378, 380
Dầu động cơ
Dung tích 378, 380
Kiểm tra.....303
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông 252
Đèn cảnh báo 342
DSC (Điều khiển dẫn động - khởi động)
Điều khiển hạn chế khởi hành bất ngờ 143
Dụng cụ 355
Dung dịch
Phanh.....383
Hộp số vô cấp.....383
Nước rửa kính.....309

Đ

Đai an toàn 25
Lắp hệ thống ghế cho trẻ em....40
Vệ sinh và bảo dưỡng đai an toàn 289
Bộ cuốn khóa đai khẩn cấp 27
Cách thắt đai an toàn.....26
Cách thắt đai an toàn cho trẻ nhỏ 26
Cách sử dụng đai an toàn cho phụ nữ có thai 25
Chuông và đèn nhắc thắt đai an toàn 345, 346
Bộ căng đai khẩn cấp 28
Đèn cảnh báo túi khí.....343
Đèn
Hệ thống chiếu xa tự động.....166
Hệ thống đèn chờ dẫn đường .165
Công tắc đèn pha.....163
Đèn nội thất 268
Danh sách các đèn trong xe ...268
Đèn cá nhân 269
Đèn nội thất phía sau 268
Thay bóng đèn 326
Đèn khoang hành lý 117
Công tắc xi nhan 156
Đèn trang điểm 281
Công suất.....385
Đèn cá nhân 268
Công suất.....385
Đèn chỉ báo 66
Đèn chỉ báo chế độ chạy tự động bằng ra đa 215
Đèn chỉ báo hư hỏng 343
Đèn chỉ báo lái xe Eco83, 86, 94, 99
Đèn chỉ báo lái xe Eco.....83, 86, 94
Đèn chiếu sáng ban ngày/đèn vị trí phía trước
Thay bóng đèn 326
Đèn hậu
Công tắc điều khiển 163
Thay bóng đèn 326
Công suất.....385
Đèn khoang hành lý 117
Công suất.....385
Đèn lùi
Thay bóng đèn 326
Đèn nhắc thắt đai an toàn .345, 346
Đèn nháy khẩn cấp
Tín hiệu phanh khẩn cấp.....247
Đèn đỗ xe
Công tắc điều khiển 163

Đèn nội thất.....268
Đèn nội thất phía trước.....268
Đèn nội thất phía sau.....268
Công suất.....385
Đèn pha
Hệ thống chiếu xa tự động.....166
Hệ thống đèn chờ dẫn đường.165
Công tắc điều khiển.....163
Thay bóng đèn.....326, 327
Công suất.....385
Đèn phanh
Thay bóng đèn.....326
Đèn phanh trên cao
Thay bóng đèn.....326
Đèn soi biển số
Công tắc điều khiển.....163
Thay bóng đèn.....329
Công suất.....385
Đèn sương mù.....169
Thay bóng đèn.....326
Công tắc.....169
Đèn sương mù phía sau
Thay bóng đèn.....326
Đèn sương mù phía trước
Thay bóng đèn.....326
Công tắc.....169
Đèn trang điểm 281
Công suất.....385
Đèn vị trí phía trước
Thay bóng đèn.....326
Công suất.....385
Đèn xi nhan
Thay bóng đèn.....326
Công tắc xi nhan.....156
Công suất.....385
Đèn xi nhan bên
Thay bóng đèn.....326
Công tắc xi nhan.....156
Đèn xi nhan sau
Thay bóng đèn.....326, 328
Công tắc xi nhan.....156
Công suất.....385
Đèn xi nhan trước
Thay bóng đèn.....326, 327
Công tắc xi nhan.....156
Công suất.....385
Điều chỉnh độ sáng
Điều khiển đèn chiếu sáng đồng hồ công tơ mét.....73, 80, 82
Điều khiển chạy tự động (hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa) 205
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa 215
Thông điệp cảnh báo.....223
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa 205
Thông điệp cảnh báo.....214
Điều khiển dẫn động - khởi động
Điều khiển hạn chế khởi hành bất ngờ.....143
Điều khiển ổn định xe (VSC).....247
Điều khiển từ xa
Chức năng an toàn cho pin.....120
Khóa/mở khóa.....106
Thay pin 320
Động cơ
Chế độ ACCESSORY.....149
Khoang động cơ.....303
Công tắc động cơ.....146, 147
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu...340
Nắp capô.....301
Cách khởi động động cơ.146, 147
Số nhận dạng xe.....377
Nếu động cơ không khởi động được.....363
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp.....332
Khóa điện (công tắc động cơ)146, 147
Động cơ bị quá nhiệt 370
Đồng hồ tốc độ động cơ69, 71, 76
Động cơ bị quá nhiệt 370
Đồng hồ báo giờ 69, 70, 71, 74, 76, 80
Đồng hồ công tơ mét.....73, 79, 82
Đồng hồ đo.....69, 71, 76
Đồng hồ đo hành trình 73, 79, 82

Đồng hồ đo nhiên liệu.....69, 71, 76
Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ 69, 71, 76
Đồng hồ táp lô
Đồng hồ 69, 71, 76
Nút "DISP" 82
Nút thay đổi hiển thị.....82
Màn hình hỗ trợ lái xe 81
Đèn chỉ báo.....66
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô 85, 90
Điều khiển đèn chiếu sáng đồng hồ công tơ mét.....73, 80, 82
Đồng hồ táp lô 69, 71, 76
Màn hình đa thông tin 84, 90
Cài đặt.....83, 88, 92
Các đèn cảnh báo.....341
Thông điệp cảnh báo 353
Đồng hồ tốc độ động cơ .69, 71, 76
Đồng hồ tốc độ xe 69, 71, 76

E

EPS (Hệ thống lái trợ lực điện).247
Đèn cảnh báo 344

G

Ghế ngồi
Điều chỉnh 124
Các lưu ý khi điều chỉnh ghế...124
Lắp hệ thống ghế cho trẻ em....40
Vệ sinh 289
Tựa đầu.....127
Tư thế ngồi đúng.....23
Ghế sau 125
Tựa đầu.....127
Ghế trước
Điều chỉnh 124
Vệ sinh 289
Tư thế lái xe đúng 23
Tựa đầu.....127
Giàn nóng điều hòa 307
Gương
Gương chiếu hậu bên trong xe130
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 131
Gương trang điểm 281
Gương chiếu hậu
Gương chiếu hậu bên trong xe130
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 131
Gương chiếu hậu bên ngoài xe
Điều chỉnh 132
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù).....228
Chức năng tự động chỉnh gương khi lùi xe.....132
Chức năng RCTA.....240
Gương chiếu hậu bên ngoài xe
Điều chỉnh 132
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù).....228
Gập gương 132
Chức năng tự động chỉnh gương khi lùi xe.....132
Chức năng RCTA.....240
Gương chiếu hậu bên trong xe .130
Gương trang điểm.....281

H

Hệ thống ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh).....247
Đèn cảnh báo 343
Hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay38
Hệ thống báo động
Hệ thống báo động 57
Chuông cảnh báo.....341
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù) 228
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu 340
Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota
Hệ thống chiếu xa tự động.....166
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa.....215
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa 205

LDA (Cảnh báo lệch làn có liên kết với điều khiển lái).....197
LTA (Hỗ trợ bám làn đường)...188
PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm).....181
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp
Chức năng.....312
Đang khởi tạo.....313
Lắp van cảm biến áp suất lốp.313
Đăng ký mã ID 314
Đèn cảnh báo 346
Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS)
Chức năng.....181
Đèn cảnh báo 347
Hệ thống chiếu sáng lối vào.....269
Hệ thống chiếu xa tự động 166
Hệ thống chống trộm
Hệ thống báo động 57
Hệ thống mã hoá khóa động cơ56
Hệ thống ghế cho trẻ em
Các điểm cần ghi nhớ 40
Lái xe khi có trẻ em ở trên xe ...39
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc 247
Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp 247
Hệ thống khóa chuyển số 154
Hệ thống làm mát 306
Động cơ bị quá nhiệt 370
Hệ thống lái (Hệ thống lái trợ lực điện).....247
Đèn cảnh báo 344
Hệ thống LDA (Cảnh báo lệch làn có liên kết với điều khiển lái)
Hoạt động 197
Các thông điệp cảnh báo.....204
Hệ thống mã hoá khóa động cơ .56
Hệ thống mở khóa thông minh
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 118
Điều khiển từ xa 106
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh
Vị trí đặt ăng ten.....118
Chức năng vào xe 109
Khởi động động cơ.....147
Hệ thống đèn chiếu sáng ban ngày 164
Hệ thống đèn chờ dẫn đường...165
Hệ thống điều hoà không khí thường 256
Hệ thống điều hòa
Bộ lọc điều hòa 318
Hệ thống điều hòa không khí tự động 261
Hệ thống điều hoà không khí thường 256
Hệ thống điều hòa không khí
Bộ lọc điều hòa 318
Hệ thống điều hòa không khí tự động 261
Hệ thống điều hoà không khí thường 256
Hệ thống điều hòa không khí tự động.....261
Hệ thống điều khiển chạy tự động
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa.....215
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa 205
Thông điệp cảnh báo 227
Hệ thống điều khiển lực kéo (TRC) 247
Hệ thống điều khiển đèn tự động 164
Hệ thống phanh chống bó cứng (ABS).....247
Đèn cảnh báo 343
Hệ thống theo dõi điểm mù (BSM) 228
Hiển thị áp suất lốp 312
Hiển thị của đồng hồ công tơ mét và đồng hồ đo hành trình
Nút thay đổi nội dung hiển thị của màn hình 73
Các nội dung hiển thị 73, 80
Nút "ODO TRIP".....79

Hiển thị liên kết với hệ thống âm thanh.....87, 94
Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe 87, 91
Hiển thị thông tin lái.....86
Hiển thị thông tin xe.....88
Hỗ trợ bám làn đường (LTA)
Hoạt động 188
Các thông điệp cảnh báo.....197
Hỗ trợ quay vòng chủ động (ACA) 247
Hỗ trợ quay vòng chủ động ACA 247
Hộp dầm 272
Hộp số
Hộp số vô cấp.....152
Công tắc chọn chế độ lái xe ...246
Nếu không thể chuyển số khỏi vị trí P.....154
Chế độ M 155
Các công tắc chuyển số trên vô lăng 154
Hộp số vô cấp 152
Nếu không thể chuyển số khỏi vị trí P.....154
Chế độ M 155
Các công tắc chuyển số trên vô lăng 154
Hướng dẫn chạy rà 139

K

Kéo moóc 145
Kéo xe
Kéo xe khẩn cấp 335
Móc kéo xe.....337
Kéo moóc.....145
Két nước 307
Khay mở 272
Khoang hành lý.....115
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 116
Những tính năng của khoang hành lý 273
Đèn khoang hành lý 117
Điều khiển từ xa 116
Khóa bảo vệ trẻ em 113
Khóa cửa
Cửa bên 109
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 118
Điều khiển từ xa 106
Khóa điện (công tắc động cơ) 146, 147
Chức năng tự động tắt nguồn .150
Thay đổi chế độ của công tắc động cơ 149
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 332
Khóa tay lái 146
Khóa vô lăng
Nhả khóa tay lái 146
Khởi tạo
Các hạng mục cần khởi tạo....397
Cửa sổ điện.....134
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp 313
Kích
Vị trí kích 302
Kích trên xe 355
Kích thước 376

L

Lẫy/cần
Lẫy khóa phụ 301
Lẫy nhả khóa nắp capô 301
Cần chuyển số.....152
Công tắc xi nhan 156
Cần gạt nước 170
Lái xe
Hướng dẫn chạy rà 139
Tư thế lái xe đúng 23
Công tắc chọn chế độ lái xe ...246
Quy trình lái xe 138
Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông.....252
LDA (Cảnh báo lệch làn có liên kết với điều khiển lái)
Hoạt động 197

Các thông điệp cảnh báo.....204
Lốp bị xịt hơi
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp 312
Xe có lốp dự phòng.....355
Lốp dự phòng.....355
Áp suất lốp.....384
Vị trí cất lốp 355
Lốp đi tuyết 252
Lốp xe
Xích quấn lốp 253
Kiểm tra.....310
Nếu xe bị xịt lốp 355
Áp suất lốp.....315
Thay thế 355
Đảo lốp.....311
Cỡ lốp 384
Lốp đi tuyết 252
Lốp dự phòng.....355
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp 312
Đèn cảnh báo 346
Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông.....252
LTA (Hỗ trợ bám làn đường)
Hoạt động 188
Các thông điệp cảnh báo.....197

M

Màn hình
Hệ thống điều khiển chạy tự động.....225
Màn hình hỗ trợ lái xe 81
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa.....215
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa 205
Màn hình trên kính chắn gió.....96
LDA (Cảnh báo lệch làn có liên kết với điều khiển lái).....201
LTA (Hỗ trợ bám làn đường)...193
Màn hình đa thông tin 84, 90
RCTA 240
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 233
Thông điệp cảnh báo 353
Màn hình hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu 100
Màn hình hỗ trợ lái xe 81
Nút "DISP" 82
Nút thay đổi nội dung hiển thị của màn hình 82
Thông tin lái 82
Đèn chỉ báo lái xe Eco 83
Cài đặt.....83
Thông tin về hành trình 82
Màn hình đa thông tin
Hiển thị liên kết với hệ thống âm thanh 87, 94
Gập gương 132
Đồng hồ báo giờ 70, 74, 80
Hệ thống điều khiển chạy tự động 225
Hiển thị thông tin lái 86
Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe 87, 91
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa.....215
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa với dải tốc độ tối đa 205
Đèn chỉ báo lái xe Eco 86, 94
Tiết kiệm nhiên liệu.....86, 93
LDA (Cảnh báo lệch làn có liên kết với điều khiển lái).....201
LTA (Hỗ trợ bám làn đường) ...193
Các biểu tượng của Menu.....85
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô 85, 90
Cài đặt.....88, 92
Áp suất lốp.....312
Hiển thị thông tin xe 88
Thông điệp cảnh báo 353
Màn hình trên kính chắn gió.....96
Khu vực hiển thị thông tin lái.....96
Vùng hiển thị hệ thống hỗ trợ lái xe 98
Đèn chỉ báo lái xe Eco 99
Màn hình pop-up 98

Cài đặt.....97
Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình 82, 86, 93
Mức tiêu hao nhiên liệu
Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình 82, 86, 93
Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại82, 86, 93
Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại 82, 86, 93
Móc treo áo.....283

N

Nắp capô
Mở 301
Nạp nhiên liệu
Dung tích.....378
Loại nhiên liệu.....378
Mở nắp bình nhiên liệu 174
Ngăn để chai 271
Ngăn để cốc 271
Ngăn đựng găng tay 271
Ngôn ngữ (Màn hình đa thông tin) 88, 92
Nhiên liệu
Dung tích.....378
Đồng hồ đo nhiên liệu...69, 71, 76
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu...340
Thông tin về nhiên liệu 386
Nạp nhiên liệu.....174
Loại động cơ 378
Đèn cảnh báo 345
Nhiệt độ bên ngoài xe 69, 71, 76
Nước làm mát động cơ
Dung tích.....382
Kiểm tra.....306
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông.....252
Núm điều chỉnh cân bằng đèn pha loại thường 165
Nút "DISP".....82
Nút "ODO TRIP" 79
Nút thay đổi nội dung hiển thị của màn hình 73, 82

O

Ổ điện 275

P

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)
Chức năng.....181
Đèn cảnh báo 347
Phanh
Chức năng giữ phanh.....160
Dung dịch.....383
Phanh đỗ.....157, 158
Đèn cảnh báo 341
Phanh giảm va chạm thứ cấp ...247
Phanh đỗ
Hoạt động 157, 158
Chuông cảnh báo gài phanh đỗ 157, 159
Đèn cảnh báo 348
Thông điệp cảnh báo 157, 159

Q

Quãng đường xe chạy 88, 94
Quãng đường xe có thể chạy được 76, 82, 86, 86, 93

R

RCTA
Chức năng.....240
Thông điệp cảnh báo 241
Rửa và đánh bóng xe 286

S

Sa lầy
Nếu xe bị sa lầy 372
Sạc không dây 276
Số nhận dạng
Số máy.....377
Số xe.....376
Số nhận dạng xe (VIN) 376

T

Tấm chắn nắng 281
Tay nắm 282
Tay quay kích 355
Thảm trải sàn xe 22
Thay thế
Pin chìa khóa điện tử 320
Cầu chì 323
Bóng đèn 326
Lốp xe 355
Pin của điều khiển từ xa 320
Thông số kỹ thuật 376
Thông tin lái 82, 88, 94
Thông tin về hành trình 82
Thời gian trôi qua 88, 94
Tiết kiệm nhiên liệu 86, 93
Tín hiệu phanh khẩn cấp 247
Tính năng cất giữ 270
Tính năng tùy chọn cá nhân 387
Tốc độ trung bình của xe 82, 88, 94
Tự bảo dưỡng 292
Tựa đầu 127
Tựa tay 282
TRC (Hệ thống điều khiển lực kéo) 247
Trợ lực lái bằng điện (EPS) 247
Đèn cảnh báo 344
Trong trường hợp khẩn cấp
Nếu chuông cảnh báo kêu 341
Nếu đèn cảnh báo sáng lên 341
Nếu một thông điệp cảnh báo được hiển thị 353
Nếu ắc quy bị hết điện 367
Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác 365
Nếu động cơ không khởi động được 363
Nếu xe bị ngập nước hoặc nước trên đường đang dâng lên 334
Nếu xe bị xịt lốp 355
Nếu bạn đánh mất chìa khóa 364
Nếu có điều gì đó bất thường .339
Nếu xe bị sa lầy 372
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 332
Nếu xe cần được kéo 335
Nếu xe quá nhiệt 370
Túi khí
Hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay 38
Các điều kiện kích hoạt túi khí .31
Các lưu ý về túi khí đối với trẻ em 33
Tư thế lái xe đúng 23
Các điều kiện kích hoạt túi khí rèm 31
Các lưu ý với túi khí rèm 33
Các lưu ý chung với túi khí 33
Vị trí lắp túi khí 29
Sửa đổi và tiêu hủy túi khí 36
Các điều kiện kích hoạt túi khí bên 31
Các lưu ý với túi khí bên 33
Các điều kiện kích hoạt túi khí bên và túi khí rèm 31
Các lưu ý với túi khí bên và túi khí rèm 33
Túi khí 29
Đèn cảnh báo túi khí 343
Túi khí bảo vệ đầu gối 29
Túi khí bên 29
Túi khí rèm 29

V

Vành xe 317
Thay thế 317
Cỡ lốp 384
Vệ sinh
Bên ngoài xe 286
Bên trong xe 289
Cảm biến ra đa 177
Đai an toàn 289
Vành và các ốp bánh xe 286
Vô lăng
Điều chỉnh 129
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô 85, 90

Vòng đệm
Kiểm tra.....309
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông.....252
Công tắc.....170
VSC (Hệ thống điều khiển ổn định xe).....247

X

Xích quấn lốp.....253

Để biết thông tin liên quan đến thiết bị được liệt kê bên dưới, hãy tham khảo tài liệu "Hướng dẫn sử dụng hệ thống nghe-nhìn".

· Hệ thống nghe/nhìn

· Hệ thống hỗ trợ quan sát phía sau

Chứng nhận

▶ Hệ thống mã hoá khóa động cơ

TW

取得審驗證明之低功率射頻器材，非經核准，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。
低功率射頻器材之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。
前述合法通信，指依電信管理法規定作業之無線電通信。
低功率射頻器材須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。

811

經型式認證合格之低功率射頻電機，非經許可，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。

低功率射頻電機之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。
前項合法通信，指依電信法規定作業之無線電通信。
低功率射頻電機須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。

取得審驗證明之低功率射頻器材，非經核准，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。低功率射頻器材之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。前述合法通信，指依電信管理法規定作業之無線電通信。
低功率射頻器材須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。

TRA
REGISTERED No: ER95578/21
DEALER No: 0034092/10

取得審驗證明之低功率射頻器材，非經核准，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。低功率射頻器材之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。前述合法通信，指依電信管理法規定作業之無線電通信。
低功率射頻器材須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。

經型式認證合格之低功率射頻電機，非經許可，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。

低功率射頻電機之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。
前項合法通信，指依電信法規定作業之無線電通信。
低功率射頻電機須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。

TRA
REGISTERED No: ER68170/18
DEALER No: 0034092/10

TRA
REGISTERED No: ER95578/21
DEALER No: 0034092/10

▶ Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

TW

取得審驗證明之低功率射頻器材，非經核准，公司、
商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。
低功率射頻器材之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；
經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。
前述合法通信，指依電信管理法規定作業之無線電通信。
低功率射頻器材須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機
設備之干擾。

00

TW

取得審驗證明之低功率射頻器材，非經核准，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。
低功率射頻器材之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。
前述合法通信，指依電信管理法規定作業之無線電通信。
低功率射頻器材須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。

811

Complies with
IMDA Standards
DA101418



TRA
REGISTERED No: ER68207/18
DEALER No: 0034092/10

▶ Hệ thống cảnh báo áp suất lốp

經型式認證合格之低功率射頻電機，非經許可，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。
低功率射頻電機之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。
前項合法通信，指依電信法規定作業之無線電通信。
低功率射頻電機須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。

TRA
REGISTERED No:
ER58534/17
DEALER No:
DA0063612/11

CÔNG TY Ô TÔ TOYOTA VIỆT NAM
A00272015

ICT



70821/SDPPI/2020
10202



68849/SDPPI/2020
10202

▶ Cảm biến ra đa sóng ngắn

Complies with
IMDA Standards
DA101418

DENSO DNMWR009

D09 SG 01

Brand Name: DENSO
Model: DNMWR009

D09 TH 01

เครื่องโทรคมนาคมและอุปกรณ์นี้มีความสอดคล้องตามมาตรฐานหรือข้อกำหนดทางเทคนิคของ กสทช.
เพื่อหลีกเลี่ยงอันตรายที่อาจเกิดจากคลื่นแม่เหล็กไฟฟ้า กรุณารักษาระยะห่างจากเซ็นเซอร์เรดาร์ให้มากกว่า 20 ซม. ขณะเซ็นเซอร์ทำงาน
เครื่องวิทยุคมนาคมนี้มีระดับการแผ่คลื่นแม่เหล็กไฟฟ้าสอดคล้องตามมาตรฐานความปลอดภัยต่อสุขภาพของมนุษย์จากการใช้เครื่องวิทยุคมนาคมที่คณะกรรมการกิจการกระจายเสียง กิจการโทรทัศน์ และกิจการโทรคมนาคมแห่งชาติประกาศกำหนด

TH 01

取得審驗證明之低功率射頻器材，非經核准，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。

低功率射頻器材之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。
前述合法通信，指依電信管理法規定作業之無線電通信。
低功率射頻器材須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。

TW 01

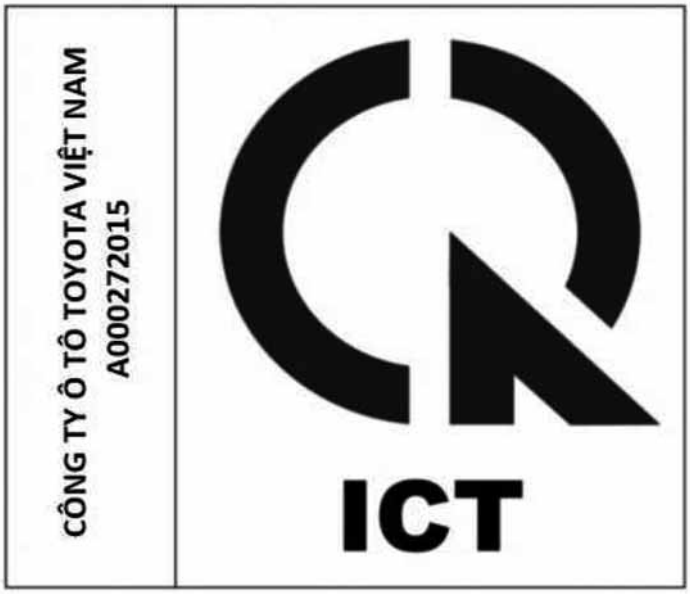


VN 03

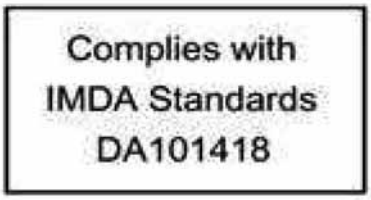
▶ Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù)

警語

取得審驗證明之低功率射頻器材，非經核准，公司、商號或使用者均不得擅自變更頻率、加大功率或變更原設計之特性及功能。低功率射頻器材之使用不得影響飛航安全及干擾合法通信；經發現有干擾現象時，應立即停用，並改善至無干擾時方得繼續使用。前述合法通信，指依電信管理法規定作業之無線電通信。低功率射頻器材須忍受合法通信或工業、科學及醫療用電波輻射性電機設備之干擾。



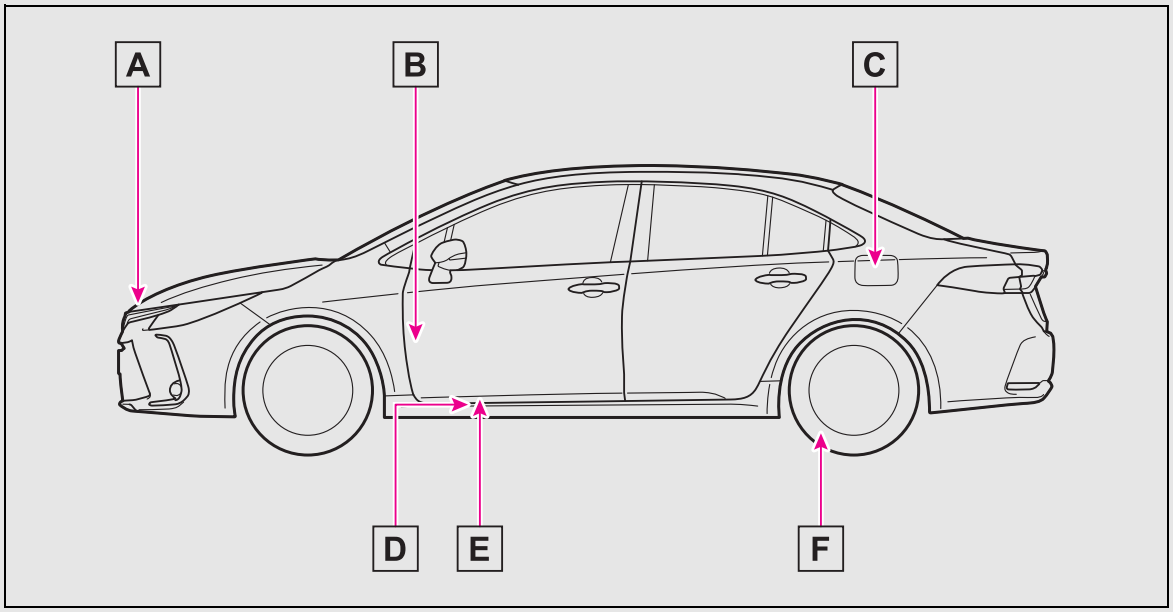




1) เครื่องโทรคมนาคมและอุปกรณ์นี้มีความสอดคล้องตามมาตรฐานหรือข้อกำหนดทางเทคนิคของ กสทช.

2) เครื่องวิทยุคมนาคมนี้มีระดับการแผ่คลื่นแม่เหล็กไฟฟ้าสอดคล้องตามมาตรฐานความปลอดภัยต่อสุขภาพของมนุษย์จากการใช้เครื่องวิทยุคมนาคมที่คณะกรรมการกิจการโทรคมนาคมแห่งชาติประกาศกำหนด

THÔNG TIN TRẠM NHIÊN LIỆU



A Lẫy khóa phụ (→P.301)

B Lẫy nhả khóa nắp capô (→P.301)

C Cửa nạp nhiên liệu (→P.175)

D Bộ mở khoang hành lý (→P.116)

E Bộ mở cửa nạp nhiên liệu (→P.175)

F Áp suất lốp (→P.384)

Dung tích bình nhiên liệu (Tham khảo)	50.0 L	
Loại nhiên liệu		P.378 P.386
Áp suất lốp khi nguội		P.384
Dung tích dầu động cơ (xả ra và nạp lại — Tham khảo)		P.378 P.380
Loại dầu động cơ	"Dầu động cơ chính hiệu Toyota" hoặc loại tương đương	P.378 P.380